

SIMONE DE BEAUVOIR



Giới nữ

GIỚI NỮ

Tập II

Người dịch:

NGUYỄN TRỌNG ĐỊNH

và

ĐOÀN NGỌC THANH

Dịch theo bản Tiếng Pháp

LE DE UXIEME SEXE

Nhà xuất bản Gallimard Paris, 1976

PHẦN NĂM

VỊ THẾ NGƯỜI PHỤ NỮ

CHƯƠNG I: NGƯỜI VỢ

Số phận được xã hội dành cho phụ nữ theo truyền thống là hôn nhân. Cho đến cả ngày nay nữa, phần lớn phụ nữ đều có chồng, đã từng có chồng, chuẩn bị lấy chồng hay đau khổ vì không có chồng. Người ta xác định một cô gái là độc thân hay không là trong sự so sánh với hôn nhân, dù nàng thất vọng, có thái độ phản đối hay thậm chí thờ ơ với thể chế ấy. Vì vậy, chúng tôi phải tiếp tục công trình nghiên cứu này qua việc phân tích hôn nhân. Quá trình chuyển biến thân phận phụ nữ về kinh tế đang làm đảo lộn cơ chế hôn nhân: hôn nhân trở thành một sự liên kết được hai cá thể độc lập công nhận một cách tự nguyện; và những sự y ước của hai vợ chồng mang tính chất cá nhân và tương hỗ. Ngoại tình là nguyên có hủy bỏ hợp đồng đối với cả hai phía. Cả hai phía có thể yêu cầu ly hôn với những điều kiện giống nhau. Phụ nữ không còn bị bó hẹp trong chức năng sinh đẻ; chức năng này đã mất đi phần lớn tính chất nô dịch tự nhiên của nó và được xem như một trách nhiệm được đảm nhận một cách tự nguyện, được đồng hoá với lao động sản xuất vì trong nhiều trường hợp. Nhà nước hay người chủ phải trả lương hay tiền công cho người mẹ trong thời gian mang thai, nghỉ việc. Ở Liên Xô (cũ), trong một số năm, hôn nhân được coi như một hợp đồng giữa các cá nhân và chỉ hoàn toàn dựa trên quyền tự do của hai vợ chồng. Ngày nay, hình như nó là một thứ dịch vụ Nhà nước áp đặt cho cả hai phía. Trong xã hội ngày mai, khuynh hướng nay hay khuynh hướng kia chiến thắng là tùy thuộc vào cơ chế xã hội nói chung; nhưng dấu sao vai trò bảo trợ của đàn ông cũng đang trên đường tiêu vong. Tuy nhiên, theo quan điểm nữ quyền, thời kỳ chúng ta đang sống vẫn là một thời kỳ quá độ. Chỉ có một bộ phận phụ nữ tham gia sản xuất

và ngay bản thân những người này vẫn thuộc một xã hội trong đó vẫn tồn tại những cơ chế cũ, những giá trị cũ. Chỉ có thể hiểu hôn nhân hiện đại dưới ánh sáng của quá khứ do nó lưu truyền. Hôn nhân bao giờ cũng xuất hiện một cách triệt để khác nhau đối với đàn ông và đối với đàn bà. Cả hai giới đều cần thiết đối với nhau, nhưng sự cần thiết này chưa bao giờ làm nảy sinh tính tương hỗ giữa hai phía. Chưa bao giờ phụ nữ thiết lập nên một “đẳng cấp” có trao đổi và hợp đồng với “đẳng cấp” nam giới một cách bình đẳng, về mặt xã hội, đàn ông là một cá thể độc lập và hoàn chỉnh; trước hết, được hình dung với tư cách người sản xuất, và cuộc sống được biện giải bằng thứ lao động họ cung cấp cho cộng đồng. Như phần trên đã nói, chúng ta biết vì lý do gì vai trò sinh đẻ và nội trợ của người phụ nữ bị nhốt chặt trong đó, không bảo đảm cho họ một phẩm giá tương đương. Dĩ nhiên, đàn ông cần tới họ. Ở một vài dân tộc nguyên thủy, có khi không thể một mình đảm đương cuộc sống, người đàn ông độc thân là một thứ người cùng khổ. Trong các cộng đồng nông nghiệp, nông dân cần có phụ nữ cùng cộng tác và đối với số đông đàn ông, trút bỏ cho người bạn đời một số công việc nặng nhọc là việc làm có lợi. Con người mong muốn một cuộc sống tình dục vững chãi, mong chờ có hậu duệ, và xã hội đòi hỏi người đó phải góp phần lưu truyền giống nòi. Nhưng đàn ông không kêu gọi bản thân người phụ nữ: chính xã hội đàn ông cho phép mỗi thành viên hoàn thiện mình với tư cách người chồng và tư cách người cha. Được hoà nhập với tư cách nô lệ hay phiên hầu vào các nhóm gia đình do những người cha, người anh thống trị, phụ nữ bao giờ cũng bị một số đàn ông gả bán cho những người đàn ông khác. Thời nguyên thủy, thị tộc, nội tộc sử dụng phụ nữ hầu như sử dụng một đồ vật; phụ nữ nằm trong số đồ vật mà hai nhóm người liên quan thỏa thuận trao đổi với nhau. Thân phận họ cũng không được thay đổi sâu xa khi hôn nhân mang hình thức hợp đồng trong quá trình chuyển biến. Có của hồi môn hay được hưởng phần thừa kế, phụ nữ xuất hiện như một pháp nhân; nhưng hồi môn và thừa kế vẫn

buộc họ vào cảnh nô dịch đối với gia đình. Trong một thời gian dài, hợp đồng được ký kết giữa bố vợ và chàng rể, chứ không phải giữa vợ và chồng. Chỉ riêng người vợ góa là được hưởng quyền độc lập kinh tế. Quyền tự do lựa chọn của cô thiếu nữ bao giờ cũng bị hạn chế; và cảnh sống độc thân - trừ những trường hợp đặc biệt trong đó nó mang tính chất thiêng liêng - dồn nàng vào hàng ký sinh hay cùng khổ. Hôn nhân là nguồn kiếm sống duy nhất và minh chứng duy nhất của cuộc sống xã hội của nàng. Hôn nhân bị áp đặt cho nàng với hai danh nghĩa: một mặt, nàng phải cung cấp những đứa con cho cộng đồng. Nhưng hiếm có trường hợp Nhà nước trực tiếp bảo hộ nàng và chỉ yêu cầu nàng làm một người mẹ - như ở Sparte hay ít nhiều dưới chế độ Đức quốc xã. Ngay những nền văn minh không biết tới vai trò sinh sản của người bố cũng đòi hỏi nàng phải chịu sự bảo hộ của một người chồng. Mặt khác nàng có chức năng thỏa mãn nhu cầu tình dục của một người đàn ông và chăm sóc gia đình. Trách nhiệm xã hội áp đặt cho phụ nữ, được xem như một dịch vụ đối với chồng. Vì vậy, chồng phải tặng quà cho vợ hay cam kết về quyền thừa kế cho người vợ góa sau này và cam kết đảm bảo cuộc sống cho vợ. Qua vai trò trung gian của người chồng, cộng đồng làm tròn nhiệm vụ đối với người đàn bà dành cho anh ta. Quyền lợi của người vợ trong lúc làm tròn bổn phận, được thể hiện bằng những nghĩa vụ người chồng phải tuân thủ. Chồng không thể tự tiện cắt đứt sợi dây quan hệ hôn nhân; chỉ có thể bỏ vợ hay ly dị vợ qua quyết định của cơ quan Nhà nước, và đôi khi, người chồng phải bồi thường bằng tiền. Thậm chí người ta lạm dụng biện pháp này ở Ai Cập thời Bocchoris¹ hay ngày nay ở Mỹ dưới dạng "alimony"². Từ xưa đến nay, chế độ đa thê luôn luôn được dung thứ một cách ít nhiều công khai: Đàn ông có thể chung chăn chung gối với nữ nô lệ, người ở gái, vợ lẽ, người tình, gái điếm; nhưng buộc phải tôn trọng một số đặc quyền

¹ Vua Ai Cập (thế kỷ VII trước công nguyên).

² Tiếng Anh: Tiền cấp dưỡng cho vợ (sau khi vợ chồng cách ly).

của người vợ chính thất. Nếu bị đày đoạ hay bị tước đoạt quyền lợi, người này có quyền được bảo đảm tương đối cụ thể, trở về nhà bố mẹ, ly thân hay ly hôn. Như vậy, đối với cả hai vợ chồng, hôn nhân vừa là một trách nhiệm vừa là một quyền lợi; nhưng không có thể đối xứng trong vị trí của họ: đối với các cô thiếu nữ, hôn nhân là phương tiện duy nhất để hoà nhập vào cộng đồng, và nếu “bị bỏ rơi”, thì họ là những thứ phế thải về mặt xã hội. Vì vậy, những người làm mẹ bao giờ cũng quyết liệt tìm cách cho họ có nơi nương thân. Trong thế kỷ trước, trong giai cấp tư sản, người ta hầu như không cần hỏi ý kiến họ. Người ta dâng họ cho những người cầu hôn nào đó trong những cuộc “hội kiến” được bố trí sẵn. Zola³ từng miêu tả tập tục ấy trong Pot Bouille.

“Hồng rồi”, hồng cả rồi - bà Josserand vừa thốt lên vừa buông mình xuống ghế.

- A! - ông Josserand đáp gọn lỏn.

- Thế ông không hiểu hay sao - bà Josserand nói tiếp, giọng the thé.

- Tôi bảo ông là lại một cuộc hôn nhân thứ tư tuột khỏi tay chúng ta rồi. - Rồi bước về phía con gái, nói tiếp - Mà nghe chưa? làm sao mà lại đánh tuột mất cuộc hôn nhân này?”

Berthe hiểu là đã đến lượt mình.

Con không biết, mẹ ạ - nàng lẩm bẩm -.

- Một tay phó phòng - bà mẹ nói tiếp - tuổi chưa đến ba mươi, một tương lai rực rỡ. Tháng nào rồi cũng mang tiền về cho mà; chắc chắn thế; chỉ có thế...May lại làm một điều gì ngu ngốc, như với những đứa khác chứ gì?

- Con đảm bảo với mẹ là không, mẹ ạ.

- Trong lúc nháy, anh ta đưa con vào phòng khách nhỏ phải không?

³ Nhà văn hiện đại Pháp.

Berthe bồi hồi: “Có, thưa mẹ...và thậm chí vì chỉ có hai người với nhau, ông ta vừa hôn con vừa ôm chặt, con như thế này này. Con sợ quá nên ấy ông ta ngã vào một đồ vật bằng gỗ”.

Bà mẹ điên tiết cắt ngang lời cô gái:

- Ấy ngã vào một đồ vật bằng gỗ! Ôi ! Con khốn nạn, ấy người ta ngã vào một cái đồ gỗ!

- Nhưng thưa mẹ, ông ta ôm chặt con mà.

- Thì sao nào? Người ta ôm chặt mày, việc quan trọng nhĩ! Phải tống cái con ngốc này vào ký túc xá thôi! Đây, người ta bày dạy cho mày những gì nào?...Vì một cái hôn phía sau một cánh cửa! Thật ra mày có nên nói chuyện đó với chúng tao, với bố mẹ mày không? Và mày ấy người ta ngã vào đồ gỗ, và mày làm hỏng những cuộc hôn nhân!”

Lấy vẻ trịnh trọng, bà mẹ nói tiếp:

“Thế là hết, mày làm mẹ mày thất vọng, con ngốc ạ...Mày không có của cải thì mày phải hiểu là phải “chộp” lấy đàn ông bằng cái khác chứ. Phải dễ thương, có ánh mắt âu yếm, phải quên bàn tay của mình đi, phải cho phép những cái trò trẻ con trong lúc làm ra vẻ không cho phép; tóm lại, phải cầu cho được một anh chồng...Và điều làm tôi bực mình là nó không đến nỗi gì khi nó muốn - bà Josserand nói tiếp-. Xem nào, con lau nước mắt đi, và nhìn mẹ như thế mẹ là một anh chàng đang tán tỉnh con. Con thấy không, con để rơi chiếc quạt để anh chàng đụng phải ngón tay con trong lúc nhặt quạt lên...Và con chớ cứng đờ, con phải có thân mình mềm mại. Đàn ông không thích thế đâu. Và nhất là nếu họ có khi đi quá xa tí chút thì con chớ làm như một con ngốc. Một người đàn ông đi quá xa là người đầy nhiệt tình đấy, con gái yêu ạ”.

Chuông đồng hồ điểm hai giờ sáng. Trong bầu không khí sôi động của buổi thức khuya kéo dài ấy, với mong muốn cuồng nhiệt một cuộc hôn

nhân tức thời, bà mẹ không úp mở gì hết, làm tội làm tình cô con gái tựa một con búp bê giấy. Cô gái mềm nhũn, không ý chí, phó mặc, nhưng trong lòng rất đau khổ, một nỗi sợ hãi và một sự xấu hổ chẹn ngang cổ họng... Các cô thiếu nữ tỏ ra hoàn toàn thụ động như thế đấy; họ do bố mẹ cưới xin, gả bán. Các chàng trai thì kết hôn, thì lấy vợ. Họ tìm kiếm trong hôn nhân một sự mở rộng, một sự khẳng định cuộc sống của mình, chứ không phải bản thân quyền sống; đó là một nhiệm vụ họ đảm nhận một cách tự do. Vì vậy, họ có thể cân nhắc lợi và hại. Đó là một lối sống, chứ không phải một số phận đối với họ. Chọn cảnh sống cô đơn của người độc thân là quyền của họ. Một số đàn ông lấy vợ muộn hay không lấy vợ. Qua hôn nhân, người phụ nữ được pháp luật bảo vệ chống lại những ý đồ bất thường của đàn ông, nhưng trở thành chư hầu của họ. Về kinh tế, người chồng là chủ cộng đồng, và do vậy là người đại diện cho họ đối với xã hội. Phụ nữ mang họ chồng; bị liên kết vào việc thờ phụng của chồng, bị sáp nhập vào giai cấp chồng, vào giới của chồng; thuộc về gia đình nhà chồng, trở thành “một nửa” của chồng. Công việc yêu cầu chồng tới ở đâu thì phụ nữ theo chồng đến ở đấy: chỗ ở của đôi vợ chồng, chủ yếu được quy định theo nơi chồng làm việc. Đột ngột nhiều hay ít, phụ nữ đoạn tuyệt với quá khứ của mình và bị sáp nhập vào vũ trụ của chồng; hiến thân cho chồng, phải giữ trinh tiết và tuyệt đối chung thủy với chồng. Họ mất đi một phần những quyền pháp luật thừa nhận đối với cô gái độc thân. Luật pháp La Mã đặt phụ nữ hoàn toàn dưới quyền lực của chồng. Vào đầu thế kỷ XIX, Bonald tuyên bố con đối với mẹ như thế nào thì vợ đối với chồng như thế ấy. Cho tới khi có đạo luật 1942, Luật pháp nước Pháp vẫn đòi hỏi vợ phải nghe lời chồng. Luật pháp và tập tục còn dành cho chồng một quyền lực lớn: quyền lực này do chính vị trí của chồng trong gia đình quy định. Vì là người sản xuất nên chồng vượt qua quyền lợi gia đình để hướng tới quyền lợi của xã hội và mở ra cho gia đình một tương lai bằng cách cộng tác vào công việc xây dựng tương lai tập thể: anh ta là hiện thân của sự siêu

nghiệm. Còn vợ thì có trách nhiệm duy trì giống nòi và chăm sóc gia đình, nghĩa là dám nhận sự nội tại. Thực ra, mọi đời sống của con người đều vừa là siêu nghiệm vừa là nội tại: muốn tự vượt qua mình, nó buộc phải tự duy trì; muốn vươn tới tương lai, nó phải sáp nhập quá khứ và, vừa giao tiếp với người khác, nó vừa phải tự khẳng định trong chính bản thân mình. Hai thời điểm này nằm trong mọi hoạt động của cuộc sống: đối với đàn ông, chính hôn nhân cho phép tổng hợp một cách tốt đẹp hai thời điểm ấy. Trong nghề nghiệp, trong hoạt động chính trị, anh ta được hưởng sự đổi thay, sự tiến bộ, cảm thấy tình trạng phân tán của mình qua thời gian và qua vũ trụ; và khi chán cảnh lang thang ấy, thì lập một gia đình và bám rễ vào trong xã hội. Buổi tối, anh ta yên vị trong ngôi nhà, nơi người vợ chăm sóc đồ đạc và con cái, giữ gìn quá khứ do mình tích lũy. Nhưng người vợ không có nhiệm vụ nào khác là duy trì và nuôi dưỡng cuộc sống trong tính khái quát đơn thuần và đồng nhất của nó; phụ nữ lưu truyền nòi giống bất di bất dịch, đảm bảo nhịp điệu đều đặn của ngày tháng và sự trường tồn của gia đình sau những cánh, cửa đóng kín. Người ta không để cho họ có một ảnh hưởng trực tiếp nào đối với tương lai và vũ trụ. Họ chỉ có thể tự vượt qua bản thân mình để vươn tới cộng đồng qua vai trò trung gian của chồng. Ngày nay, trên đại thể, hôn nhân vẫn giữ gương mặt truyền thống ấy. Và trước hết, nó bị áp đặt cho cô gái một cách khẩn thiết hơn nhiều so với chàng trai, vẫn còn nhiều tầng lớp xã hội trong đó không một viễn cảnh nào được mở ra trước mắt phụ nữ. Trong giới nông dân, cô gái độc thân là một người cùng khổ và vẫn là người đầy tớ của bố, của các anh trai, của anh rể. Không bao giờ nàng có thể di cư vào thành phố. Hôn nhân biến nàng vừa thành nô lệ của một người đàn ông vừa thành nữ chủ nhân một gia đình. Trong một số giới tư sản, người ta vẫn để cô thiếu nữ trong tình trạng không có khả năng tự kiếm sống lấy và chỉ có thể sống vất vưởng theo lối ký sinh trong nhà bố mẹ, hoặc chấp nhận một vị trí phụ thuộc nào đó trong một gia đình xa lạ. Ngay trong trường hợp được tự do hơn, ưu

thế về kinh tế của đàn ông vẫn khiến cô gái thích chọn hôn nhân hơn nghề nghiệp: nàng sẽ tìm một người chồng mà địa vị cao hơn địa vị mình và lụy vọng chồng sẽ “tiên” nhanh hơn, xa hơn nữa. Trước kia, người ta cho hành vi ái ân, về phía phụ nữ, là một dịch vụ cung cấp cho đàn ông; đàn ông hưởng khoái cảm và có một sự bù đắp trở lại. Thân thể phụ nữ là một đối tượng được người ta mua. Đối với phụ nữ, nó là một thứ văn minh được phép khai thác. Thỉnh thoảng, họ mang về nhà chồng một món hồi môn. Thông thường, họ nhận làm một công việc gia đình nhất định: chăm sóc nhà cửa, nuôi dạy con cái. Dẫu sao, họ có quyền được nuôi dưỡng và thậm chí đạo lý truyền thống khuyến khích như vậy. Dĩ nhiên, thuận lợi này cảm dỗ họ, nhất là vì nghề nghiệp của phụ nữ thường bạc bẽo và bị trả công thấp. Hôn nhân là một “con đường” có lợi hơn nhiều con đường khác. Tập tục vẫn còn gây khó khăn cho sự giải thoát của cô gái độc thân về mặt tình dục. Ở Pháp, hành vi ngoại tình của người vợ là một tội phạm, trong lúc không một đạo luật nào cấm tình yêu tự do đối với phụ nữ. Tuy nhiên, muốn có một người tình thì trước hết phải có chồng. Hiện nay, nhiều thiếu nữ tư sản bị kiểm soát chặt chẽ vẫn lấy chồng “để được tự do”. Một số khá lớn phụ nữ Mỹ đã giành được tự do tình dục; nhưng kinh nghiệm của họ giống như kinh nghiệm của những thanh niên nguyên thủy miêu tả trong công trình của Malinowsky⁴ *Trong Ngôi nhà của những người độc thân* (La Maison des célibataires) họ nếm hưởng những niềm khoái lạc trong lúc không ai chú ý tới cả. Người ta chờ đợi họ kết hôn và chỉ đến lúc đó mới cho là họ hoàn toàn trưởng thành. Ở Mỹ còn hơn cả ở Pháp, một người phụ nữ độc thân là một con người không trọn vẹn về mặt xã hội, dù tự kiếm sống lấy. Phải có một chiếc nhẫn cưới ở ngón tay, cô gái mới có được phẩm giá trọn vẹn của một con người và đầy đủ quyền lợi.

⁴ Nhà nhân chủng học và dân tộc hiện đại người Anh.

Đặc biệt, sự sinh đẻ chỉ được kính trọng ở người phụ nữ có chồng. Người phụ nữ không có chồng mà có con là một sự ô nhục và đứa con là một nỗi ám ảnh nặng nề. Xưa cũng như nay, khi được hỏi về dự định tương lai, nhiều cô gái ở Cựu cũng như Tân thế giới, đều trả lời: “Em muốn lấy chồng”. Nhưng không một chàng trai nào cho hôn nhân là dự kiến cơ bản của mình. Chỉ có thành tựu kinh tế là mang lại cho chàng phẩm giá của người thanh niên: phẩm giá này có thể bao hàm hôn nhân - đặc biệt đối với người nông dân - nhưng cũng có thể loại trừ hôn nhân. Điều kiện của cuộc sống hiện đại - ít vững chãi, ổn định hơn xưa - làm cho gánh nặng hôn nhân trở nên đặc biệt khó khăn đối với chàng trai. Trái lại, lợi ích của hôn nhân giảm bớt vì chàng có thể dễ dàng tự đảm nhận cuộc sống của mình và vì nói chung có thể thỏa mãn nhu cầu tình dục. Dĩ nhiên, hôn nhân bao hàm những điều thuận lợi về vật chất - (“người ta ăn ở nhà tốt hơn là ăn ở hàng ăn”) - và những điều thuận lợi về tình dục - (“Thế này là có cả thanh lâu tại nhà”). Hôn nhân giải thoát cá nhân khỏi cô đơn, cấm chặt anh ta trong không gian và thời gian bằng cách mang lại cho anh ta một gia đình, những đứa con. Hôn nhân là sự hoàn mãn vĩnh viễn cuộc sống. Tuy vậy, nhìn chung, cầu của ham giới thấp hơn cung của nữ giới. Những cuộc hôn nhân được sắp đặt vẫn tồn tại, và được cả một tầng lớp tư sản có thiện chí duy trì. Xung quanh lăng mộ Napoléon, ở nhà hát Opéra, trên sàn nhảy, trên bãi biển, trong tiệc trà, cô gái cầu hôn với mái tóc mới đánh láng bóng, trang phục áo dài mới, rụt rè trưng bày những nét duyên dáng và những lời lẽ khiêm nhường. Nàng bị bố mẹ thúc bách: “Con đã làm bố mẹ tốn kém khá nhiều trong các cuộc hội kiến; con hãy quyết định đi thôi. Lần sau sẽ đến lượt em gái con”. Cô gái cầu hôn tội nghiệp biết mình càng quá lứa lỡ thì, thì cơ may của mình càng giảm bớt; các chàng trai cầu hôn không nhiều: nàng không có quyền tự do lựa chọn nhiều hơn cô gái Bédouin⁵ bị người ta đòi lấy một đàn cừ. Colette có nói⁶:

⁵ Tên gọi những người dân Ả rập du mục ở Bắc Phi.

Một cô gái không của cải, không nghề nghiệp, song nhờ vào các anh trai, thì chỉ có việc im lặng, chấp nhận cơ may và cảm tạ Thượng đế!". Một cách ít sỗ sàng hơn, cuộc sống phù hoa cho phép trai, gái gặp gỡ nhau dưới ánh mắt chăm chú của các bà mẹ. Được giải phóng nhiều hơn chút ít, các cô gái ra phố nhiều hơn, đến các trường đại học, làm một nghề nghiệp để có cơ hội quen biết đàn ông. Một cuộc điều tra được tổ chức giữa năm 1945 và 1947 trong giới tư sản Bỉ về vấn đề lựa chọn hôn nhân, theo lối phỏng vấn. Xin trích dưới đây một số câu hỏi và câu trả lời.

Hỏi: Những cuộc hôn nhân được sắp đặt có nhiều không?

Đáp: - Không còn hôn nhân được sắp đặt (51%).

Hôn nhân được sắp đặt rất hiếm, nhiều lắm là 1% (16%).

- 1 đến 3% các cuộc hôn nhân được sắp đặt (28%).

- 5 đến 10% các cuộc hôn nhân được sắp đặt (5%).

Những người được hỏi cho biết hôn nhân được sắp đặt, có nhiều trước 1945, nay hầu như không còn nữa. Tuy nhiên, quyền lợi, sự thiếu vắng quan hệ, tính rụt rè hay lứa tuổi, nguyện vọng thực hiện một cuộc hôn nhân tốt đẹp là nguyên do của một vài cuộc hôn nhân được sắp đặt". Những cuộc hôn nhân này thường do các linh mục tiến hành; cũng có khi cô gái kết hôn qua thư từ...

Hỏi: Mười năm trở lại đây, nam nữ thanh niên tìm cách kết hôn trong những hoàn cảnh nào? Đáp: - Các cuộc hội họp phù hoa (48%).

- Các công trình nghiên cứu, các tác phẩm cùng thực hiện với nhau (22%)

- Những cuộc họp mặt thân mật, những lần tạm trú (30%).

⁶ Trong tiểu thuyết Claudine đến trường

Mọi người đều cho rằng “hôn nhân giữa những đôi bạn thời thơ ấu rất hiếm. Tình yêu nảy sinh từ bất ngờ”.

Hỏi: - Tiền bạc có giữ vai trò cốt tử trong việc lựa chọn người mình định cùng họ kết hôn không?

Đáp: - 30% các cuộc hôn nhân chỉ là chuyện tiền bạc (48%).

- 50% các cuộc hôn nhân chỉ là chuyện tiền bạc (35%).

- 70% các cuộc hôn nhân chỉ là chuyện tiền bạc (17%).

Hỏi: Các bậc cha mẹ có khao khát gả con gái không?

Đáp: - Các bậc cha mẹ khao khát gả con gái (58%)

- Các bậc cha mẹ muốn gả con gái (24%).

- Các bậc cha mẹ muốn giữ con gái lại (18%).

Hỏi: Các cô thiếu nữ có khao khát lấy chồng không?

Đáp: - Thiếu nữ khao khát lấy chồng (36%)

- Thiếu nữ muốn lấy chồng (38%).

- Thiếu nữ thà không lấy chồng hơn là lấy chồng không ra sao (26%).

Không có tài liệu tương tự liên quan tới nước Pháp. Nhưng tình hình giai cấp tư sản ở Pháp và ở Bỉ tương tự như nhau nên dĩ nhiên có thể đi tới những kết luận gần giống nhau. Ở Pháp cũng như ở Mỹ, các bà mẹ, bà chị, các tờ tuần báo về phụ nữ chỉ vẽ một cách thô bạo cho các cô gái nghệ thuật “bắt” một anh chồng giống như loại giấy bẫy ruồi bắt muỗi. Đó là một buổi “đi câu”, một cuộc “đi săn” đòi hỏi nhiều tài khéo léo; chớ nhằm quá cao cũng như quá thấp; chớ có lãng mạn, mà phải thực tế; phải kết hợp đơm dánh với khiêm nhường; chớ đòi hỏi nhiều quá cũng như ít quá...Thanh niên thường ngờ vực những phụ nữ “muốn kiếm chồng”. Một thanh niên

Bỉ tuyên bố: “Đôi với một người đàn ông, không có gì khó chịu hơn là cảm thấy mình bị theo đuổi, cảm thấy một người đàn bà muốn chinh phục mình. “Các chàng trai tìm cách làm thất bại mưu mô của những người đàn bà ấy. Thông thường việc lựa chọn của cô thiếu nữ rất bị hạn chế: sự lựa chọn này chỉ thực sự tự do khi nàng tự cảm thấy mình cũng được tự do không kết hôn. Và nói chung, trong khi quyết định, nàng tính toán, chán ngán, nhần nhục nhiều hơn là nhiệt tình. “Nếu chàng trai cầu hôn gần như thích hợp (môi trường, sức khoẻ, sự nghiệp), thì nàng chấp nhận tuy không yêu. Nàng chấp nhận dù có những cái nhưng và đầu óc vẫn tỉnh táo.

Tuy nhiên, cô thiếu nữ vừa mong ước vừa khiếp hãi hôn nhân. Đối với nàng, nó mang lại nhiều lợi ích lon so với đàn ông, và vì vậy nàng mong ước thiết tha hơn: nhưng nó cũng đòi hỏi những sự hy sinh nặng nề hơn. Đặc biệt, nó đòi hỏi một sự đoạn tuyệt đột ngột hơn nhiều với quá khứ. Nhiều cô thiếu nữ kinh hoàng khi nghĩ tới chuyện phải rời bỏ ngôi nhà bố mẹ; và sự việc càng tới gần thì nỗi kinh hoàng càng dữ dội. Chính vào lúc này nảy sinh nhiều cơn loạn thần kinh. Những trường hợp này cũng xảy ra đối với các chàng trai khi sự hãi trước những trách nhiệm mới mình phải gánh vác; nhưng thường xảy ra nhiều hơn ở các cô gái và trở nên hết sức nghiêm trọng. Tôi chỉ xin kể một trường hợp theo lời một bác sĩ điều trị; trường hợp một cô gái thuộc một gia đình tử tế và có nhiều triệu chứng loạn thần kinh.

Cô gái bị nôn, tối nào cũng dùng morphin, có những cơn giận dữ, không chịu tắm rửa, ăn ngay tại giường và ở tịt trong phòng. Nàng đã hứa hôn và khẳng định yêu say đắm người chồng chưa cưới. Nàng thú nhận với thầy thuốc là đã trao mình cho chàng... Về sau, nàng bảo lúc đó không hề có chút khoái cảm nào, thậm chí giữ một kỷ niệm ghê tởm về những nụ hôn của chàng, và đó là nguồn gốc những cơn nôn.

Người ta phát hiện ra là thực tế nàng đã trao mình để trừng phạt bà mẹ vì cảm thấy mẹ không may yêu thương mình. Lúc bé, nàng theo dõi bố mẹ ban đêm vì sợ bố mẹ sinh thêm một đứa em. Nàng yêu quý mẹ và giờ đây nàng phải đi lấy chồng, rời bỏ ngôi nhà bố mẹ, rời bỏ buồng ngủ của bố mẹ hay sao? Không thể thế được”.

Thầy thuốc chữa cho cô gái khỏi bệnh, nhưng nàng nài nỉ mẹ tử bỏ cái ý nghĩ cầu hôn: “nàng muốn ở nhà, mãi mãi ở nhà, để làm đứa trẻ”. Bà mẹ nài nỉ nàng lấy chồng. Một tuần lễ trước ngày cưới, cô gái nằm chết trong giường: nàng đã tự sát bằng một viên đạn súng ngắn.

Trong những trường hợp khác, bệnh tật cô gái kéo dài. Nàng tuyệt vọng vì sức khoẻ không cho phép kết hôn với người đàn ông “mình yêu quý”. Thực ra, nàng cố lâm bệnh để khỏi lấy anh ta và chỉ lấy lại bằng bằng cách từ hôn. Đôi khi cô ấy sợ hãi hôn nhân vì đã từng có những kinh nghiệm tình dục để lại dấu ấn; đặc biệt sợ hãi hiện tượng mất trinh bị phát hiện. Nhưng thông thường vì thiết tha yêu mến bố mẹ, một cô em gái hay vì gắn bó với ngôi nhà bố mẹ nói chung, cô gái không chịu đựng nổi cái ý nghĩ phải phục tùng một người đàn ông xa lạ. Và nhiều cô gái, tuy phải phục tùng vì cần phải lấy chồng, vì bị sức ép, vì biết đó là lối thoát hợp lý duy nhất, vì muốn có một cuộc sống bình thường của người vợ, người mẹ, nhưng không phải vì vậy mà không giữ sâu kín trong tim những sự phản kháng bí ẩn và dai dẳng, khiến những buổi đầu của đời sống vợ chồng khó khăn, và thậm chí có thể làm cho hai vợ chồng không bao giờ tìm thấy trong đó một sự cân bằng có hạnh phúc. Vì vậy, nói chung, người ta khẳng định hôn nhân không đồng nhất với tình yêu. Freud cho rằng: “Có thể nói chồng bao giờ cũng chỉ là người thay thế người đàn ông được yêu, chứ không phải chính bản thân người ấy”. Hiện tượng phân ly này không hề là một sự ngẫu nhiên. Nó do chính bản chất của thể chế quy định. Vấn đề đặt ra là làm cho sự liên kết về kinh tế và tình dục giữa người đàn ông và

người đàn bà hướng tới lợi ích tập thể, chứ không phải đảm bảo hạnh phúc cá nhân của họ. Trong các chế độ gia trưởng, tình hình đã xảy ra và ngày nay vẫn còn xảy ra ở một số dân tộc Hồi giáo - là cô dâu, chú rể do quyền lực của cha mẹ lựa chọn, chưa bao giờ trông thấy mặt nhau trước ngày cưới. Không thể đặt vấn đề thiết lập một cuộc đời, xem xét dưới góc độ xã hội, trên cơ sở một ý muốn nhất thời về tình cảm hay tình dục. Vì chính bản thân mình “lấy” vợ - và nhất là khi có nhiều phụ nữ cần lấy chồng - nên đàn ông có nhiều khả năng lựa chọn hơn chút ít. Nhưng vì hành vi tình dục được xem như một thứ dịch vụ bị áp đặt cho phụ nữ, nên bỏ qua chuyện tình cảm riêng tư của họ sẽ là hợp logic. Hôn nhân nhằm bảo vệ phụ nữ chống lại quyền tự do của đàn ông. Nhưng vì không có tình yêu cũng như cá tính ngoài tự do, nên để bảo đảm suốt đời sự bảo hộ của một người đàn ông, phụ nữ phải khước từ tình yêu của một cá thể riêng biệt. Tôi từng nghe một bà mẹ kính tìn giảng dạy cho các con gái rằng “tình yêu là một tình cảm thô bạo dành cho đàn ông, còn những người đàn bà tử tế thì không biết đến”. Vấn đề đặt ra đối với phụ nữ, tuyệt nhiên không phải là thiết lập những mối quan hệ với một người chồng lý tưởng trong tính riêng biệt, mà là chứng minh việc thực hiện chức năng phụ nữ trong tính khái quát của chúng. Phụ nữ chỉ được biết khoái cảm dưới một hình thức đặc thù, chứ không phải dưới hình thức cá biệt hoá. Từ đó có thể rút ra hai hệ quả liên quan đến số phận của họ về mặt tình dục: trước hết, họ không có một quyền hoạt động tình dục nào ngoài hôn nhân. Đối với cả hai vợ chồng, vì quan hệ xác thịt trở thành một thể chế, nên dục vọng và khoái lạc được vượt qua để hướng tới lợi ích xã hội. Nhưng vươn tới cái phổ quát với tư cách người lao động và người công dân, đàn ông có thể hưởng những khoái cảm ngẫu nhiên trước khi kết hôn và bên ngoài cuộc sống vợ chồng; và dù thế nào cũng tìm thấy “hạnh phúc” bằng những con đường khác. Còn trong một thế giới trong đó phụ nữ được xác định chủ yếu với tư cách “con cái”, họ phải được xác định hoàn toàn với tư cách ấy. Và lại

như những phần trên đã nói - mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng không giống nhau giữa hai giới nam, nữ về mặt tình dục: trong lúc làm nhiệm vụ đặc trưng của người chồng và người sinh sản, đàn ông tìm thấy khoái cảm một cách chắc chắn. Trái lại, ở phụ nữ, thông thường, có sự phân ly giữa chức năng sinh dục và khoái lạc. Bởi vậy, thực ra, hôn nhân tiêu diệt chứ không phải mang lại giá trị đạo đức học cho đời sống tình dục của phụ nữ. Sự tước đoạt về mặt tình dục ấy đối với phụ nữ được đàn ông kiên quyết chấp nhận. Họ dựa trên một chủ nghĩa tự nhiên lạc quan chủ nghĩa để thừa nhận một cách dễ dàng những nỗi đau đớn của phụ nữ, cho đó là phần dành riêng cho nữ giới. Thậm chí những nỗi đau đớn của thời kỳ mang thai - cái giá nặng nề người phụ nữ phải trả để đổi lấy một chút khoái lạc ngắn ngủi và không chắc chắn - đã từng là đề tài của không ít những lời đùa cợt. “Năm phút khoái lạc, chín tháng nhọc nhằn...cái đó vào dễ hơn ra”. Sự tương phản này thường làm người ta thích thú. Tuy nhiên, trong thế kỷ XIX, quan niệm của giai cấp tư sản có ít nhiều thay đổi. Họ hăng hái tìm cách bênh vực và duy trì hôn nhân. Mặt khác, những tiến bộ của chủ nghĩa cá nhân không cho phép bóp nghẹt một cách dễ dàng những đòi hỏi của nữ giới. Saint - Simon, Fourier, George Sand và tất cả các nhà văn lãng mạn sôi nổi tuyên bố quyền được hưởng tình yêu. Vấn đề đặt ra là hoà nhập vào hôn nhân những tình cảm riêng tư cho tới lúc bây giờ bị lặt lẽ loại trừ ra khỏi hôn nhân. Và lúc đó người ta sáng tạo ra cái khái niệm nhập nhằng “tình yêu vợ chồng”, kết quả “kỳ diệu” của hôn nhân môn đăng hộ đối truyền thống. Balzac nêu lên những quan niệm của giai cấp tư sản thù cừu với tất cả những sự phi lý của nó. Ông thừa nhận về nguyên tắc, hôn nhân và tình yêu không hề có gì dính dáng tới nhau nhưng kịch liệt phản đối việc đồng hoá một thể chế đáng tôn trọng với một sự mua bán đơn thuần coi phụ nữ là một thứ đồ vật: về mặt chính trị, dân sự và đạo lý, có thể xem hôn nhân như một đạo luật, như một kế ước, như một thể chế...Vì vậy hôn nhân phải được mọi người tôn trọng...Số đông

đàn ông chỉ cho hôn nhân của họ nhằm mục đích sinh đẻ và sở hữu đối với con cái; nhưng sự sinh đẻ cũng như quyền sở hữu đều không mang lại hạnh phúc. Nhưng Balzac đổi giọng một cách đột ngột: Tình yêu là sự hoà hợp giữa nhu cầu và tình cảm; hạnh phúc trong hôn nhân là kết quả một sự đồng tình đồng điệu hoàn toàn về tâm hồn giữa hai vợ chồng. Vì vậy; muốn có hạnh phúc, người đàn ông phải tuân thủ một số quy tắc về danh dự và sự tế nhị. Sau khi hưởng lợi thế của quy tắc xã hội thừa nhận nhu cầu, họ phải tuân theo những quy tắc huyền bí của thiên nhiên vốn làm nảy nở tình cảm. Nếu muốn có hạnh phúc được yêu, thì họ phải yêu chân thành: không có gì cưỡng lại một niềm say đắm đích thực. Nhưng say đắm, tức là luôn luôn ham muốn. Người ta có thể luôn luôn ham muốn vợ mình không? - Có. Và trên cơ sở này, Balzac trình bày khoa học về hôn nhân. Nhưng người ta sớm nhận ra rằng vấn đề đối với người chồng, không phải là được yêu thương, mà là không bị phản bội: anh ta sẽ không ngần ngại áp đặt cho vợ một chế độ làm họ bạc nhược đi, từ chối mọi trình độ văn hoá đối với họ, làm họ mù mẫm đi với mục đích duy nhất là bảo tồn danh dự của mình. Đây có còn là vấn đề tình yêu nữa không? Nếu muốn cho rằng những quan niệm mơ hồ và lỗi thời nay có chút ý nghĩa, thì hình như đàn ông có quyền lựa chọn một người vợ để thỏa mãn nhu cầu của mình trong tính khái quát của chúng, một sự khái quát bảo đảm lòng chung thủy; và về sau, khơi dậy tình yêu của vợ bằng một số thủ thuật. Nhưng anh ta có quả thật say mê nếu lấy vợ để được quyền sở hữu, để có người nối dõi? Còn nếu không say mê, thì làm sao có thể tạo nên một niềm say mê ngược lại? Và có quả thật Balzac không biết rằng nếu một tình yêu không được chia sẻ, thì chẳng những không thể mảy may cảm dỗ, mà trái lại, chỉ làm người ta khó chịu và kinh tởm? Người ta thấy rõ ác ý của tác giả trong cuốn Hồi ký của đôi vợ chồng trẻ (*Mémoires de deux jeunes mariés*), tiểu thuyết bằng thư và có luận đề. Louise de Chaulieu muốn xây dựng hôn nhân trên cơ sở tình yêu. Do quá say đắm, nàng giết chết người chồng thứ

nhất; và nàng chết do sự khích động ghen tuông đối với người chồng thứ hai, còn Renée de L'Estorade thì hy sinh tình cảm cho lý trí; nhưng niềm vui của sinh đẻ đủ bù đắp để nàng xây dựng một niềm hạnh phúc vững chãi.

Trước hết, người ta tự hỏi vận rủi nào nếu không phải là ý muốn của chính tác giả đã ngăn cản Louise, người thiếu phụ yêu thương không được sinh nở như nàng mong ước? Tình yêu chưa bao giờ ngăn cấm việc hoài thai. Mặt khác, người ta nghĩ rằng muốn vui vẻ đón nhận vòng tay của chồng, Renée chắc hẳn phải có “sự dối trá” mà Stendhal vốn khinh miệt ở những người “phụ nữ hiền thực”. Balzac miêu tả đêm tân hôn như sau:

Cái con thú mà chúng ta mệnh danh là một người chồng - theo lối nói của cậu đã biến mất - đó là lời trong thư Renée - viết cho mọi người bạn gái. - Tớ đã gặp, trong một buổi tối cực kỳ êm ả, một người tình mà lời lẽ làm tâm hồn tớ rung động và tớ tựa trên cánh tay chàng với một niềm vui khôn tả, sự tò mò trời dậy trong lòng tớ... Nhưng cậu nên biết rằng không có gì không thể đến với mỗi tình tình tế nhất, cũng như đối với điều bất ngờ lúc đó tưởng chừng là một niềm vinh hạnh: tất cả những cái đẹp lẽ người ta hình dung, những khoái cảm làm tâm hồn xao xuyến trước khi quay trở về hiện thực cả những sự cảm dỗ đều nằm trong đó với những hình thái mê ly của chúng. Điều diệu kỳ ấy không thể thường xảy ra được, vì trong mấy lá thư tiếp theo, chúng ta bắt gặp Renée trong nước mắt: “Trước đây, tớ là một con người, nhưng lúc này, tớ là một thứ đồ vật”; nàng tự an ủi về những đêm “vợ chồng ân ái” bằng cách đọc Bonal⁷. Nhưng người ta muốn biết bằng thủ thuật gì người chồng đã biến thành một tay có sức quyến rũ vào lúc người vợ khó làm quen nhất với hoạt động tình dục. Những thủ thuật Balzac nêu lên trong cuốn *Triết học của hôn nhân* (Philosophie du mariage) chỉ là sơ lược: “Chớ bao giờ mở đầu hôn nhân bằng cưỡng hiếp”,

⁷ Nhà văn chính trị Pháp (thế kỷ XIX)

hoặc mơ hồ: “Khéo léo nắm bắt các sắc thái của khoái cảm, phát huy chúng, mang tới cho chúng một phong cách mới, một cách thể hiện độc đáo, tất cả những cái đó là tài năng của người chồng”. Nhưng ông lại nói thêm ngay: “giữa hai con người không yêu nhau, tài năng ấy là sự phóng đãng”. Và quả thật Renée không yêu Louis; và theo như lối miêu tả của tác giả, “tài năng” ấy, chàng do đâu mà có? Thực ra, Balzac đã lảng tránh vấn đề. Ông không nghĩ tới chuyện không có những tình cảm trung lập và không nghĩ rằng sự thiếu vắng tình yêu, sự miễn cưỡng và sâu muộn làm nảy sinh tình bạn khó khăn hơn hận thù. Ông thành thực hơn trong *Bông Huệ trong thung* (Le lys dans la vallée), và thân phận bà de Mortsauf tỏ ra có ít sức thuyết phục hơn. Dung hoà hôn nhân với tình yêu là chuyện khó khăn tới mức phải có một sự can thiệp thần kỳ mới có thể thành công. Kierkegaard đứng về phía quan niệm này qua những lời biện luận khá rắc rối. Tác giả thích thu phát hiện cái nghịch lý của hôn nhân: Hôn nhân là một phát minh kỳ lạ biết chừng nào! Và cái làm cho nó càng kỳ lạ hơn, là ở chỗ người ta cho nó là một hoạt động bột phát. Thế nhưng không một hoạt động nào lại mang tính chất quyết định đến thế... Một hành vi có tính chất quyết định như vậy, lại phải thực hiện một cách bột phát! Khó khăn là ở chỗ này: tình yêu và thiên hướng yêu đương thì hoàn toàn tự phát, còn hôn nhân thì một sự quyết định. Tuy nhiên thiên hướng tình yêu phải do hôn nhân hay sự quyết định khơi dậy: đó là quyết định muốn kết hôn. Như thế có nghĩa là cái hết sức tự phát, đồng thời phải là cái hết sức tự do; và cái điều người ta phải quy nguyên nhân cho thần thánh vì không sao giải thích nổi do tính bột phát của nó, lại đồng thời phải xảy ra do một sự suy nghĩ và là một sự suy nghĩ nhọc nhằn tới mức cuối cùng phải đi tới quyết định. Hơn nữa, sự việc này không được tới sau sự việc kia một cách lẹ làng, mà tất cả phải xảy ra đồng thời, cả hai sự việc phải liên kết với nhau vào lúc chung cuộc. Nói như vậy để nói rằng yêu không phải là kết hôn và thật khó hiểu vì sao tình yêu có thể trở thành nghĩa vụ. Nhưng nghịch lý này không làm cho

Kierkegaard khiếp hãi: toàn bộ bản chuyên luận của ông về hôn nhân nhằm soi sáng điều bí ẩn này.

Theo ông: “Suy nghĩ là vị thiên thần tiêu diệt sự bột phát...Quả nếu là sự suy nghĩ phải rút lui trước thiên hướng tình yêu, thì sẽ không có hôn nhân”. Nhưng “quyết định là một sự bột phát mới, đạt được qua suy nghĩ và được cảm nhận một cách hoàn toàn về mặt tinh thần, một sự bột phát rõ ràng tương ứng với sự bột phát của thiên hướng tình yêu. Quyết định là một quan niệm tôn giáo về cuộc sống xây dựng trên cơ sở những dữ kiện đạo đức học và có thể nói là mở đường cho thiên hướng tình yêu, và bảo đảm cho nó chống lại mọi hiểm họa bên ngoài hay bên trong”. Và vì vậy “một người chồng, một người chồng đích thực là một điều diệu kỳ!...Có thể giữ lại niềm vui của tình yêu trong lúc cuộc sống tập trung toàn bộ sức mạnh của sự nghiêm túc vào người chồng và vào người vợ yêu quý!”.

Còn về phụ nữ, thì lý lẽ không thuộc phần họ, họ không có “suy nghĩ”; bởi vậy, “họ chuyển từ tính tức thời của tình yêu sang tính tức thời theo kiểu người tăng lữ”. Nếu diễn đạt ra bằng ngôn ngữ sáng tỏ, học thuyết này muốn nói rằng người đàn ông đang yêu quyết định chuyện hôn nhân bằng một sự thừa nhận lòng tin ở Thượng đế để đảm bảo cho mình sự đồng tình về tình cảm và về chuyện nguyện ước; còn người đàn bà hề yêu là mong muốn kết hôn. Tôi có biết một phu nhân theo đạo Thiên chúa tin tưởng một cách ngây thơ hơn vào “tình yêu sét đánh trong thánh lễ”: bà ta khẳng định vào lúc hai vợ chồng đứng dưới chân bàn thờ nói lên tiếng “có” dứt khoát, là họ cảm thấy tim mình bốc lửa. Kierkegaard thừa nhận ngày trước chắc hẳn có “thiên hướng”, nhưng cho thiên hướng này tồn tại tại suốt đời, là điều không phải không ảo tưởng.

Tuy nhiên, vào cuối thế kỷ, các nhà viết tiểu thuyết và soạn kịch, ít tin tưởng hơn vào hiệu lực của thánh lễ, tìm cách bảo đảm hạnh phúc gia đình bằng những thủ pháp mang tính nhân văn hơn: táo bạo hơn Balzac, họ

hình dung khả năng đưa tình dục vào tình yêu hợp pháp. Trong vở *Người tình* (*Asnoureuse*), Porto - Riche⁸ khẳng định tình yêu nhục dục và đời sống gia đình không thể dung hoà với nhau: không chịu nổi những ham muốn cháy bỏng của vợ, người chồng đi tìm kiếm sự yên tĩnh bên cạnh một người tình ôn hoà hơn. Nhưng pháp luật ghi nhận “tình yêu” là một nghĩa vụ giữa hai vợ chồng. Marcel Proust⁹ khuyên rằng người chồng trẻ phải xem vợ như một người tình và bằng những từ ngữ tế nhị, gợi lên những niềm khoái lạc của hai vợ chồng. Bernstein sáng tác kịch về tình yêu vợ chồng: bên cạnh người vợ vô đạo, dối trá, dâm dăng, trộm cắp, độc ác, người chồng xuất hiện như một con người khôn ngoan, độ lượng; và người ta cũng nghĩ anh ta là một người tình hùng mạnh và có kinh nghiệm.

Phản ứng lại loại tiểu thuyết ngoại tình, nhiều tác phẩm lãng mạn ca ngợi hôn nhân. Ngay cả Colette cũng thuận theo xu hướng thuần phong mỹ tục này: trong cuốn *Cô gái ngây thơ phóng túng* (*L'Ingénue libertine*), sau khi miêu tả những kinh nghiệm đồi bại của một cô gái có chồng bị mất trinh một cách đại dột, tác giả để cho cô ta ném trái khoái lạc trong vòng tay chồng. Vì những lý do khác, và bằng một cách khác, người Mỹ ngày nay - những người vừa tôn trọng thể chế hôn nhân vừa cá nhân chủ nghĩa - ngày càng nỗ lực hoà nhập tình dục vào hôn nhân. Hàng năm xuất bản rất nhiều công trình hướng dẫn đời sống gia đình nhằm răn bảo hai vợ chồng thích ứng với nhau và nhất là răn bảo đàn ông làm thế nào để cùng vợ tạo lập một sự hài hoà trong hạnh phúc. Các nhà phân tâm học, các thầy thuốc đóng vai trò “cố vấn cho đời sống gia đình”; người ta công nhận bản thân phụ nữ cũng có quyền hưởng khoái cảm, và đàn ông phải biết những kỹ thuật có khả năng mang lại cho họ khoái cảm ấy. Nhưng thành công về tình dục không phải chỉ là một chuyện kỹ thuật. Dù có học thuộc lòng hai chục cuốn sách giáo khoa như Những điều mọi người chồng đều phải biết,

⁸ Nhà soạn kịch hiện đại Pháp

⁹ Nhà tiểu thuyết hiện đại Pháp

Bí mật của hạnh phúc gia đình, Tình yêu không sợ hãi, chàng trai cũng không thể vì thế mà biết cách làm cho người vợ trẻ yêu thương mình. Điều bị nàng phản ứng là toàn bộ tình hình tâm lý lúc bấy giờ. Và lại hôn nhân truyền thống không hề tạo ra những điều kiện thuận lợi nhất cho sự thức tỉnh và nảy nở hiện tượng hững hờ của nữ giới. Ngày trước, trong các cộng đồng theo chế độ mẫu hệ, người ta không đòi hỏi sự trinh nguyên ở người vợ trẻ; và thậm chí, vì những lý do huyền bí, thông thường nàng phải đã mất trinh trước đêm tân hôn. Ở một số vùng nông thôn Pháp, người ta còn quan sát thấy những tàn dư của những lối phóng túng ngày xưa này. Người ta không đòi hỏi sự trong trắng trước ngày kết hôn; và chính những cô gái đã “phạm lỗi”, thậm chí những cô gái có con ngoài giá thú, đôi khi lại dễ lấy chồng hơn những người khác. Hơn nữa, trong những giới chấp nhận sự giải phóng của phụ nữ, người ta thừa nhận quyền tự do về tình dục ngang nhau giữa con trai và con gái. Tuy nhiên đạo đức học gia trường đòi hỏi nghiêm ngặt người vợ trẻ phải trao mình trinh nguyên cho chồng; chồng muốn được bảo đảm là nàng không mang trong mình một mầm mống xa lạ nào; muốn làm người sở hữu độc tôn và trọn vẹn cái thân thể mà anh ta biến thành của riêng mình. Trinh tiết mang một giá trị tinh thần, tôn giáo và thần bí, và ngày nay, giá trị này vẫn còn được thừa nhận một cách rất phổ biến. Ở Pháp, có những vùng các bạn trai của chàng rể ngồi chờ ở phía sau cánh cửa buồng cô dâu; cười, hát cho tới khi chàng rể ra và với vẻ mặt thắng lợi, đưa cho xem tấm drap có dấu máu. Hoặc nữa, sáng sớm, bố mẹ đưa cho hàng xóm xem. Dưới một hình thức ít thô bạo hơn, tục lệ “đêm tân hôn” hiện còn rất phổ biến. Không phải ngẫu nhiên mà tục lệ này đã làm nảy sinh cả một bộ phận văn học sỗ sàng: sự phân ly giữa tính xã hội và thú tính, tất yếu đẻ ra cái tục tĩu. Đạo lý nhân văn chủ nghĩa đòi hỏi mọi kinh nghiệm sống phải có ý nghĩa về con người, dù trong đó có tự do đi nữa; trong một đời sống tình dục có đạo lý một cách đích thực, phải có sự “thăng hoa” tự do của ham muốn và khoái cảm, hay

ít nhất cũng phải có đấu tranh thống thiết để giành lấy tự do trong lòng bản năng tình dục. Nhưng tình hình này chỉ có thể xảy ra khi người ta thừa nhận một cách đặc biệt người khác kia trong tình yêu hay trong ham muốn. Khi bản năng tình dục không còn cần được cá nhân bảo vệ nữa, mà do Thượng đế hay xã hội biện minh, thì quan hệ giữa hai bên nam, nữ chỉ còn là quan hệ thú vật. Chúng ta hiểu vì sao những người đàn bà có chồng và đứng đắn nói về những chuyện xác thịt với vẻ kinh tởm: họ xếp chúng vào hàng những chức năng bài tiết dơ bẩn. Cũng chính vì vậy, chúng ta nghe trong những bữa tiệc cưới biết bao tràng cười sỗ sàng. Có cả một nghịch lý tục tĩu khi ghép một buổi lễ trang trọng với một chức năng thú vật hết sức thô bạo. Hôn nhân trưng bày ý nghĩa phổ quát và trừu tượng của nó: một người đàn ông và một người đàn bà gắn bó với nhau theo những nghi thức tượng trưng trước mắt thiên hạ; nhưng trong chuyện kín trên giường ngủ, hai cá thể cụ thể và riêng biệt đối đầu với nhau, và mọi ánh mắt lẫn tránh những vòng tay ôm ấp của họ. Tham dự một buổi hôn lễ của nông dân, vào lúc mười ba tuổi, Colette kinh hoàng và thất vọng khi một cô bạn dẫn tới xem phòng ngủ cô dâu: Phòng ngủ đôi vợ chồng mới cưới...sau tấm riđô vải điệu, là chiếc giường cao và hẹp, với những chiếc gối bằng lông ngỗng, chiếc giường, nơi kết thúc một ngày thắm đẫm mùi mồ hôi, mùi trầm...Lát nữa, đôi vợ chồng trẻ sẽ tới đây. Tôi đã không nghĩ tới cái đó. Họ sẽ đắm chìm trong đồng chăn nệm này...Giữa họ với nhau sẽ xảy ra cuộc vật lộn bí ẩn. Sự chân thật táo bạo của mẹ tôi và đời sống loài vật đã dạy tôi quá nhiều và quá ít về điều đó. Và lại, rồi sẽ ra sao? Tôi sợ hãi căn buồng này và chiếc giường này mà trước kia mình không nghĩ tới. Trong nỗi hoang mang trẻ thơ, cô bé cảm thấy sự trái ngược giữa vẻ huy hoàng của buổi lễ gia đình và điều bí ẩn thô bạo trên chiếc giường trong phòng đóng kín. Người ta không hề phát hiện cái khía cạnh hài hước và sỗ sàng của hôn nhân trong các nền văn minh không cá thể hoá người phụ nữ, như ở phương Đông, ở Hy Lạp, ở La Mã. Ở những nơi này, cái chức năng thô

bạo xuất hiện qũng phổ biến như các nghi thức xã hội. Nhưng ngày nay, ở phương Tây, đàn ông và đàn bà được hình dung như những cá thể, và khách mời trong hôn lễ cười khẩy vì người đàn ông này và người đàn bà này sẽ thực hiện, trong một kinh nghiệm hết sức đặc biệt, cái hành vi mà người ta ngụ ý trang dưới những nghi thức, những lời lẽ và những bó hoa. Dĩ nhiên cũng có một sự tương phản khủng khiếp giữa vẻ long trọng của những đám tang lớn và cái thối ruỗng của năm mô. Nhưng người chết không thức dậy khi người ta đặt họ vào trong lòng đất. Còn cô dâu thì cảm thấy một sự kinh ngạc khủng khiếp khi phát hiện ra tính chất đặc biệt và ngẫu nhiên của kinh nghiệm thực tế trước chiếc băng vải tam tài của ông đốc lý và tiếng đàn organ của nhà thờ. Không phải chỉ có trong các vở hài kịch người ta mới thấy những người vợ trẻ, mắt đăm lẹ, trở về nhà bố mẹ vào đêm tân hôn: những cuốn sách tâm thần học kể nhiều câu chuyện về loại này. Tôi được trực tiếp nghe nhiều trường hợp: nhiều thiếu nữ được nuôi dưỡng quá tốt không hề được giáo dục về tình dục và hoang mang khi bỗng nhiên phát hiện ra hiện tượng hứng dục. Thế kỷ trước, bà Adam hình dung bốn phận của mình lá kết hôn với người đàn ông đã hôn môi mình, vì cho rằng đó là hình thức hoàn chỉnh của quan hệ tình dục. Vừa qua, một nhà văn kể chuyện về một cô dâu: “Mất trinh cho chồng trong cuộc du lịch - trăng mật, nàng cho anh ta là một thằng điên và không dám hé môi nói nửa lời vì sợ đây là trường hợp một người bệnh tâm thần”. Thậm chí có cả trường hợp một cô gái quá ngây thơ nên kết hôn với một cô gái mắc bệnh tình dục đồng giới, và sống một thời gian dài với người “chồng rơm” mà không biết đó là một người đàn ông.

Ngày nay, nhiều thiếu nữ có kinh nghiệm hơn; nhưng thái độ thuận tình của họ vẫn trừu tượng; và việc mất trinh vẫn mang tính chất một sự cưỡng hiếp. Một nhà báo khẳng định: “Chắc chắn có nhiều vụ cưỡng hiếp trong hôn nhân hơn ngoài hôn nhân”, và kể lại một cuộc phỏng vấn sáu bà vợ trung lưu, thông minh, ở Anh về phản ứng của họ trong đêm tân hôn: tất

cả đều cho hành vi ân ái xảy ra như một cú sốc; hai người không biết gì hết; những người khác cho là cố biết nhưng không phải vì vậy mà không bị tổn thương về mặt tâm thần. Adler cũng nhấn mạnh tầm quan trọng về mặt tâm thần của hành vi phá trinh. Khoảnh khắc đầu tiên ấy, khi giành được mọi thứ quyền, người đàn ông thường quyết định toàn bộ cuộc đời. Lúc đó, người chồng không có kinh nghiệm và bị quá kích động có thể gieo mầm lãnh đạo cho vợ và, nếu tiếp tục vụng về và thô bạo, có thể biến tình trạng lãnh đạo này thành hiện tượng vô cảm vĩnh viễn. Chúng ta đã biết những sự phản kháng cô trinh nữ phải vượt qua để làm tròn bốn phận tình dục của mình: quá trình tập làm quen của nàng đòi hỏi cả một công việc “lao động” vừa về tâm thần vừa về sinh lý. Sẽ là ngu ngốc và man rợ nếu muốn thâm tóm quá trình ấy vào trong một đêm và sẽ là phi lý nếu muốn biến hành vi giao hợp đầu tiên cực kỳ khó khăn thành một bốn phận. Cái thao tác kỳ lạ nàng phải chịu đựng càng có vẻ thiêng liêng; xã hội, tôn giáo, gia đình, bè bạn, càng trao nàng một cách long trọng cho người chồng như cho một ông chủ, thì người phụ nữ càng khiếp hãi. Và nàng cũng khiếp hãi khi nghĩ hành vi ấy quyết định toàn bộ tương lai của mình, vì hôn nhân mang tính chất dứt khoát. Chính lúc ấy, nàng tự cảm thấy mình thực sự bộc lộ trong cái tuyệt đối: đối với nàng, người đàn ông kia mà mình gắn bó suốt đời là hiện thân của toàn bộ người đàn ông; và anh ta cũng tự bộc lộ trước mắt nàng dưới một gương mặt xa lạ với một tầm quan trọng khủng khiếp vì sẽ là người bạn đời vĩnh viễn của mình. Tuy nhiên bản thân người đàn ông cũng lo sợ trước nghĩa vụ đè nặng lên vai; cũng cố những khó khăn riêng, những mặc cảm riêng khiến anh ta trở nên rụt rè và vụng về hoặc ngược lại, trở nên thô bạo. Không ít đàn ông tỏ ra bất lực đêm tân hôn vì chính tính chất long trọng của hôn lễ. Janet viết trong cuốn *Những sự ám ảnh và bệnh suy nhược tinh thần (Les Obsessions et la psychasthénie)*:

Ai mà chẳng biết những chuyện vì xấu hổ không sao làm tròn bốn phận làm chồng của mình tuy bị một nỗi ám ảnh thẹn thùng và thất vọng đeo đuổi? Năm

qua, chúng tôi chứng kiến một tấn bi hài kịch, khá kỳ cục khi một ông bố vợ giận dữ lôi tới bệnh viện anh chàng rể tội nghiệp: ông ta yêu cầu một bản chứng chỉ sức khoẻ cho phép anh chàng xin ly hôn. Chàng trai khốn khổ trình bày trước kia mình vốn cường tráng, nhưng từ sau hôn nhân, một cảm giác xấu hổ và bối rối khiến anh ta không làm được gì hết.

Hăng hái thái quá sẽ làm cô trinh nữ khiếp hãi; trân trọng thái quá sẽ làm nàng rụt rè. Phụ nữ mãi mãi thù hận người đàn ông hưởng khoái cảm một cách ích kỷ trên nỗi đau đớn của họ; nhưng cũng căm hờn suốt đời người tỏ vẻ khinh khỉnh đối với họ, và nhất là người không tìm cách phá trinh của họ hoặc tỏ ra bất lực trong đêm đầu tiên. Một trong những sự quan sát của Freud chỉ ra rằng sự bất lực của chồng có thể gây chấn thương cho vợ:

Một nữ bệnh nhân có thói quen chạy từ một phòng này sang một phòng khác, giữa phòng có kê một chiếc bàn. Bà ta trải chiếc khăn bàn theo một cách nào đó, bấm chuông gọi bà người ở đến cạnh bàn rồi cho ra...Khi tìm cách giải thích sự ám ảnh này, bà nhớ lại là tấm khăn bàn có một vết bẩn và bà trải khăn sao cho vết ấy hiện rõ trước mắt bà người hầu...Tất cả như thế diễn lại đêm tân hôn trong đó người chồng tỏ ra bất lực. Ông ta từ phòng mình chạy sang phòng vợ không biết bao nhiêu lần để tìm cách cố gắng. Xấu hổ đối với bà người hầu hôm sau phải dọn giường, ông ta đổ mực đỏ lên drap trải giường nhằm làm bà ta tưởng có máu.

Đêm tân hôn biến kinh nghiệm tình dục thành một sự thử thách mà mỗi người đều sợ không biết vượt qua thế nào, vì quá bối rối với những vấn đề của chính bản thân mình nên không thể nghĩ tới người kia một cách thoải mái. Đêm tân hôn, với vẻ long trọng của nó, làm người ta lúng túng; và không có gì đáng ngạc nhiên nếu nó gây nên hiện tượng lãnh dục ở người phụ nữ. Trừ phi một niềm hạnh phúc đặc biệt, người chồng yếu sẽ tỏ ra phóng túng hay vụng về. Vì vậy không có gì lạ nếu “bốn phần vợ chồng” đối với người vợ, thông thường chỉ là một khổ dịch đáng ghét. Theo Diderot, thì:

Đôi với phụ nữ, sự phục tùng một ông chồng mình không ưa là một cực hình. Tôi đã thấy một người đàn bà đoan trang rùng mình vì kinh tởm khi tới cạnh chồng, thấy bà ta không rời khỏi bồn tắm vì nghĩ không rửa sạch hết vết dơ của bồn phận...Nhiều phụ nữ cho tới khi qua đời vẫn không được nếm hưởng niềm cực khoái...

Thật vậy, nhiều phụ nữ trở thành mẹ, thành bà nhưng chưa bao giờ biết khoái cảm, thậm chí rung động; họ tìm cách thoát khỏi “sự dơ bẩn của bồn phận” bằng cách xin cấp giấy chứng chỉ sức khoẻ hay với những duyên có khác. Báo cáo Kinsey cho thấy ở Mỹ, nhiều bà vợ “không muốn có quan hệ tình dục thường xuyên. Rất ít bà vợ mong muốn ngược lại”. Trong lúc đó - như đã nói ở những phần trên - khả năng hứng dục của phụ nữ hầu như vô tận. Mâu thuẫn này thể hiện rõ ràng hôn nhân giết chết khả năng ấy, chứ không phải đưa nó vào quy tắc như người ta muốn nêu lên.

Trong cuốn *Thérèse Desqueyroux*, Mauriac¹⁰ miêu tả những sự phản ứng của một thiếu phụ “kết hôn một cách hợp lẽ” đối với hôn nhân nói chung và bồn phận lứa đôi nói riêng:

Phải chăng nàng tìm kiếm trong hôn nhân một nơi ẩn náu hơn là một sự đô hộ, một sự chiếm đoạt? Điều xô đẩy nàng vào trong đó, phải chăng là một nỗi kinh hoàng? Là một thiếu nữ thực tiễn, một cô gái nội trợ, nàng vội vã tìm vị trí dút khoát của mình; muốn được bảo đảm chống lại tai họa nào mình cũng không biết nữa. Chưa bao giờ nàng tỏ ra biết lẽ phải hơn là ở thời kỳ đính hôn: nàng bám chặt vào một cái khối gia đình, nàng “tự xếp mình”, nàng thâm nhập vào một trật tự. Nàng tự cứu vớt mình. Cái ngày ngọt ngào tổ chức hôn lễ, trong ngôi nhà thờ Saint-Clair chật chội, khi những câu chuyện nhảm nhí của các bà che lấp tiếng dương cầm đã vang lên hết cỡ và hơi người lấn át cả hương trầm, chính vào cái ngày ấy, Thérèse cảm thấy mình không là mình nữa. Nàng bước vào trong “lông” như một kẻ mộng du, và bỗng nhiên, khi nghe tiếng cửa nặng nề đóng lại, cô bé tội

¹⁰ Nhà văn Pháp hiện đại

nghiệp bưng bình. Không có gì thay đổi hết, nhưng nàng có cảm giác sẽ không còn tự đánh mất mình một lần nữa. Giữa một gia đình đông đúc, nàng sẽ sống âm ỉ, tựa ngọn lửa nham hiểm đang len lỏi dưới khúc gỗ...

Vào buổi tối ngày tổ chức đám cưới nửa nông dân, nửa tư sản ấy, từng nhóm người sặc sỡ những tấm áo dài con gái buộc ô tô nàng dâu, chú rể đi chậm lại và người ta hoan hô họ...Nghĩ tới buổi đêm đang đến, Thérèse lẩm bẩm: “Chắc hẳn sẽ khủng khiếp”, rồi lại nghĩ: “Nhưng không,...không đến nỗi khủng khiếp đến thế đâu”.

Trong cuộc du lịch ở khu hồ Italia, nàng có đau khổ nhiều không? Không, không, nàng chịu chơi cái trò chơi này: không tự phản bội mình...Thérèse biết uốn mình theo những trò giả đò ấy và nếm trải trong đó một niềm vui chua chát. Cái thế giới cảm xúc xa lạ mà một người đàn ông buộc nàng phải thâm nhập, trí tưởng tượng của nàng giúp nàng quan niệm có lẽ trong đó, đôi với cả mình nữa, cũng có thể có một niềm hạnh phúc, nhưng niềm hạnh phúc nào? Thérèse tìm thấy niềm khoái lạc giống như trước một quang cảnh đắm chìm trong màn mưa, người ta hình dung quang cảnh ấy sẽ ra sao dưới ánh nắng mặt trời. Bernard, anh chàng với ánh mắt xa vắng kia ..., kẻ bị lừa phỉnh dễ dàng biết chừng nào! Anh ta bị nhốt chặt trong niềm khoái lạc của mình tựa những chú lợn dễ thương mà người ta buồn cười nhìn qua tấm lưới sắt khi chúng sung sướng hít hà trước chiếc máng ăn: “Chính mình là cái máng” - Thérèse nghĩ bụng - ...Không biết anh chàng học ở đâu cái cách phân loại tất cả những gì đụng đến xác thịt, cách phân biệt những sự mon trón của người đàn ông nhân hậu với những sự vuột ve của một kẻ hoang dâm? Không bao giờ một chút ngập ngừng...

...Bernard tội nghiệp, không tồi tệ hơn một kẻ khác ! Nhưng ham muốn làm biến đổi con người đang bước lại gần mình thành một con quái vật không hề giống anh ta. Mình làm một người chết như thể thằng điên kia, thằng mắc bệnh động kinh kia có thể bóp cổ mình như chơi”.

Đúng ra, lễ đính hôn có mục đích tạo nên những nấc thang trong quá trình người con gái làm quen dần với bản năng giới tính. Nhưng thông thường lập tục đòi hỏi ở cô dâu, chú rể một sự trong trắng tuyệt đối. Trong trường hợp cô trinh nữ đã “biết” người chồng tương lai của mình, thì trong thời kỳ này, vị trí của nàng không khác nhiều vị trí của người vợ trẻ; nàng chỉ nhượng bộ vì cho sự “cam kết” của mình cũng đã mang tính chất quyết định như một cuộc hôn nhân và lần giao hợp đầu tiên giữ tính cách một thử thách. Một khi đã hiến mình - dù không mang thai chẳng nữa (còn nếu mang thai thì nàng bị trói buộc hoàn toàn), thì rất ít khi nàng dám bội ước.

Những khó khăn của những kinh nghiệm đầu tiên có thể dễ dàng khắc phục nếu vì tình yêu hay dục vọng, cả hai phía hoàn toàn đồng tình với nhau. Sức mạnh chân chính của tình yêu nhục dục bắt nguồn từ niềm vui mà cặp người yêu mang lại cho nhau trong khi cùng có ý thức về quyền tự do của mình: lúc đó, không một hành vi nào của họ mang tính chất xấu xa vì không phải bị áp đặt mà là hoàn toàn tự nguyện.

Nhưng nguyên tắc hôn nhân thì ngược lại vì biến một sự trao đổi, nhẽ ra phải được thiết lập trên cơ sở một mối nhiệt tình tự nhiên, thành quyền hạn và nghĩa vụ. Người chồng thường mất hứng hái vì ý nghĩ mình làm một bổn phận; còn người vợ thì e thẹn cảm thấy bị trao mình cho một con người có quyền đối với mình. Dĩ nhiên, vào buổi đầu đời sống gia đình, các mối quan hệ được cá thể hoá; việc làm quen với hoạt động tình dục đôi khi diễn ra theo từng bước chậm rãi; và từ buổi đêm đầu tiên, một sức cuốn hút lẫn nhau tốt đẹp có thể xảy tới giữa đôi vợ chồng. Hôn nhân tạo thuận lợi cho người phụ nữ hiến mình vì loại trừ cái khái niệm tội lỗi vẫn hiện còn gắn liền với xác thịt. Hoàn cảnh chung sống tạo nên một sự thân mật về phương diện này và tạo thuận lợi cho sự trưởng thành về bản năng giới tính. Có những người vợ hoàn toàn mãn nguyện những năm đầu sau hôn

nhân. Điều đáng chú ý là họ biết ơn chồng và sau này có thể tha thứ cho chồng tất cả những lỗi lầm anh ta có thể phạm phải.

Cho rằng một cuộc hôn nhân xây dựng trên cơ sở những quy ước của xã hội có nhiều cơ may tạo nên tình yêu, là một sự giả dối. Đòi hỏi hai vợ chồng gắn bó với nhau bởi những lợi ích thực tiễn, về xã hội và tinh thần, mang lại khoái lạc cho nhau suốt đời, là hoàn toàn phi lý. Nhưng những người bênh vực hôn nhân môn đăng hộ đối đã chứng minh được rằng hôn nhân vì tình yêu không có nhiều cơ may bảo đảm hạnh phúc lứa đôi. Trước hết, tình yêu lý tưởng, vốn là tình yêu các cô thiếu nữ thường nếm trải, không phải bao giờ cũng chuẩn bị cho họ sẵn sàng đối diện với tình yêu nhục dục: niềm say mê tình yêu cao thượng, những giấc mơ không thể giúp họ sẵn sàng chịu đựng thử thách của cuộc sống thường nhật. Và dù giữa họ và người chồng chưa cưới có một sức cuốn hút chân thành mãnh liệt về tình dục, thì đó cũng không phải là cơ sở vững chãi để xây dựng một cuộc đời.

Colette viết trong *Cô gái lang thang (La Vagabonde)*:

Trong sa mạc vô tận của tình yêu, khoái lạc giữ một vị trí rất nhỏ nhưng chói bóng, sáng rực tới mức lúc đầu người ta chỉ trông thấy nó. Xung quanh ngọn lửa chập chờn ấy, là cái xa lạ, và hiểm họa. Khi bình tĩnh sau một vòng tay ôm ấp ngắn ngủi hay thậm chí một đêm trường, người ta phải bắt đầu sống cạnh nhau, sống cho nhau.

Và lại, ngay cả trong trường hợp tình yêu nhục dục xuất hiện trước hôn nhân hay được thức tỉnh vào thời kỳ hôn lễ, cũng rất hiếm khi nó tồn tại trong nhiều năm. Dĩ nhiên sự chung thủy là cần thiết cho tình yêu nhục dục vì ham muốn của cặp người yêu say mê nhau, đòi hỏi họ không thể thay thế đối với nhau; nhưng lòng chung thủy này chỉ cố ý nghĩa khi nó mang tính chất bột phát. Sự thực là không thể cho tình yêu nhục dục là một

mục đích tuyệt đối, cũng như không thể cho nó chỉ là một phương tiện đơn thuần. Nó không thể biện minh cho một cuộc đời, nhưng cũng không thể chờ đợi một sự biện minh ngoại lai nào. Nói như vậy để nói rằng đối với mọi cuộc sống con người, nó phải có một vai trò thứ yếu và độc lập. Và trước hết, nó phải được tự do. Vì vậy chủ nghĩa lạc quan tư sản không hứa hẹn tình yêu với người vợ trẻ; lý tưởng người ta để cho lấp lánh trước mắt nàng là lý tưởng hạnh phúc, tức là lý tưởng về một sự cân bằng tĩnh lặng trong lòng sự nội tại và sự lặp lại. Vào một vài thời kỳ thịnh vượng và an ninh, lý tưởng này đã từng là lý tưởng của toàn thể giai cấp tư sản và đặc biệt là của các điền chủ. Họ không nhằm chinh phục tương lai và thế giới, mà nhằm duy trì quá khứ một cách hoà bình, duy trì nguyên trạng. Một cuộc sống tầm thường son son thép vàng không có tham vọng và cũng không có say mê, những ngày tháng không dẫn tới đâu hết và trở đi trở lại một cách vô tận, một cuộc sống từ từ trượt tới cái chết mà không tự tìm hiểu lý do, tư tưởng ấy từng được đề cao trong một bản Sonet lãng mạn. Ngày nay, cái gọi là triết học này không còn ai tin nữa: duy trì và lặp lại thế giới như nó đang tồn tại, không phải là điều người ta mong muốn và cũng không thể có được. Mong muốn của đàn ông là hành động. Họ phải sản xuất, chiến đấu, sáng tạo, tiến lên, vươn tới toàn bộ vũ trụ và cái vô tận của tương lai. Nhưng hôn nhân truyền thống không khuyến khích phụ nữ cùng vượt lên với họ: nó nhốt chặt phụ nữ vào trong sự nội tại. Vì vậy, phụ nữ không thể làm gì khác ngoài việc xây dựng một cuộc sống cân bằng trong đó hiện tại kéo dài quá khứ, và tránh những sự uy hiếp của ngày mai, cũng chính là xây dựng hạnh phúc. Thay vì tình yêu, đối với chồng, họ sẽ có tình cảm dịu dàng và kính trọng mà người ta gọi là tình cảm vợ chồng. Họ nhốt chặt vũ trụ vào giữa bốn bức tường ngôi nhà mà mình có trách nhiệm quản lý. Họ lưu truyền loài người qua tương lai. Tuy nhiên, không một con người nào vĩnh viễn khước từ sự siêu nghiệm của mình, dù có khẳng khái phủ nhận nó đi nữa. Nhà tư sản thuở trước nghĩ mình phục

vụ Thượng đế, đất nước, một chế độ, một nền văn minh bằng cách duy trì trật tự đã được an bài và thể hiện những mặt tốt đẹp của trật tự ấy bằng sự phồn vinh cá nhân: có hạnh phúc, tức là làm tròn nghĩa vụ con người của mình. Đối với phụ nữ cũng vậy, cuộc sống hoà thuận trong gia đình phải vươn tới những mục đích: người đàn ông sẽ là cái vạch nối giữa tính cá thể của phụ nữ và vũ trụ, sẽ mang lại cho tính nhân tạo ngẫu nhiên của phụ nữ một giá trị nhân văn. Khai thác bên cạnh người vợ sức mạnh hành động và chiến đấu, chính đàn ông biện minh cho cuộc sống của phụ nữ: người vợ chỉ có việc trao cuộc sống của mình vào tay chồng và chồng sẽ mang lại ý nghĩa cho cuộc sống ấy. Điều đó giả định về phía phụ nữ một sự tự phủ định mình một cách khiêm nhường; nhưng bù lại, sẽ thoát khỏi cảnh cô đơn khỏi nguyên vì được sức mạnh nam giới hướng dẫn, che chở; và sẽ trở nên cần thiết. Là con ong chúa trong tổ ong, nghỉ ngơi một cách yên ổn trong chính lòng mình giữa lãnh địa của mình, nhưng bị vai trò trung gian của đàn ông lôi cuốn qua vũ trụ và thời gian vô biên; là vợ, là mẹ, là nữ chủ nhân gia đình, phụ nữ tìm thấy trong hôn nhân vừa có sức sống vừa ý nghĩa của cuộc đời mình. Chúng ta cần xét xem lý tưởng ấy được thể hiện ra sao trong hiện thực. Lý tưởng về hạnh phúc bao giờ cũng được vật chất hoá trong căn nhà, dù là một nếp nhà tranh hay một lâu đài; nó là hiện thân của trường tồn và cách lý. Chính giữa bốn bức tường của nó, gia đình được tạo thành một tế bào riêng biệt và khẳng định hình tích của mình trải qua sự nối tiếp các thế hệ. Quá khứ được tàng trữ dưới dạng đồ đạc và chân dung tổ tiên, tiên báo một tương lai êm đềm. Ngoài vườn, mùa vụ thể hiện chu kỳ ổn định của chúng trong những thứ rau quả nuôi sống con người. Hàng năm, cũng một mùa xuân ấy được tô điểm bằng cùng những cánh hoa ấy, hứa hẹn vòng quay của mùa hè bất di bất dịch, của mùa thu với những cây trái giống như cây trái của mọi mùa thu: thời gian cũng như không gian vươn tới cái vô tận; chúng quay vòng tròn một cách khôn ngoan. Trong mọi nền văn minh xây dựng trên cơ sở sở hữu ruộng đất,

đều có một nền văn học phong phú ca ngợi cái thi vị và những mặt tốt đẹp của ngôi nhà. Trong cuốn tiểu thuyết của Henry Bordeaux¹¹ mang đúng nhan đề *Ngôi nhà* (*La Maison*), nhà thầu tóm mọi giá trị tư sản: lòng trung thành với quá khứ, sự nhẫn nại, tiết kiệm, phòng xa, tình yêu gia đình, quê hương, v.v...Nhiệm vụ của phụ nữ là đảm bảo hạnh phúc gia đình; vai trò của họ là vai trò “bà chủ nhà”. Ngày nay, ngôi nhà không còn cái rục rờ của chế độ gia trưởng. Đối với phần lớn đàn ông, nó chỉ là một nơi ở không còn bị đè nặng dưới kỷ niệm về những thế hệ quá khứ và cũng không còn cầm tù những thế kỷ tương lai. Nhưng người phụ nữ vẫn cố gắng tạo cho “nội thất” của mình ý nghĩa và giá trị của ngôi nhà đích thực. Trong cuốn *Cannery Road*, Steinbeck¹² miêu tả một người đàn bà lang thang khẳng khẳng trang trí chiếc xe lăn đường bỏ không và là chỗ trú ngụ của hai vợ chồng bằng những tấm thảm và riđô. Người chồng giảng giải là vì không có cửa sổ nên riđô chẳng thể làm gì, nhưng cô ta không nghe. Mỗi quan tâm này mang tính chất nữ đặc trưng. Một người đàn ông bình thường cho những đồ vật xung quanh mình là những công cụ; sắp xếp chúng theo mục đích sử dụng. “Trật tự” của anh ta mà phụ nữ thường cho chỉ là một thứ mất trật tự, là có trong tay điều thuốc lá, giấy tờ, dụng cụ của mình. Các nghệ sĩ, với trách nhiệm tái tạo thế giới qua một chất liệu nhà điêu khắc và người họa sĩ hoàn toàn không chú ý tới khung cảnh mình đang sống. Rilke¹³ viết về Rodin¹⁴ như sau:

Lần đầu tiên tới nhà Rodin, tôi hiểu đối với anh, ngôi nhà chẳng là cái gì hết, nếu không phải là một sự cần thiết tội nghiệp: một nơi trú ẩn chống lại cái lạnh, một mái nhà để ngủ. Anh thờ ơ với nó và nó không mấy may ảnh hưởng tới cảnh cô đơn hay trạng thái trầm tư mặc tưởng của anh. Anh tìm kiếm một gia đình trong chính bản thân mình: hình bóng, nơi ẩn náu và

¹¹ Nhà tiểu thuyết hiện đại Pháp

¹² Nhà văn hiện đại Mỹ

¹³ Nhà văn hiện đại Áo

¹⁴ Nhà điêu khắc hiện đại Pháp

hoà bình. Anh trở thành bầu trời của chính mình, khu rừng của mình và dòng sông mênh mông của mình mà không có gì ngăn cản nổi nữa. Nhưng muốn tìm thấy trong chính bản thân mình một tổ ấm, thì trước hết phải tự thể hiện mình trong công trình hay hành động. Đàn ông ít quan tâm tới nội thất của mình vì vươn tới toàn bộ vũ trụ và vì có thể tự khẳng định mình trong các dự định. Thay vì bị nhốt chặt trong cuộc sống gia đình, vấn đề đặt ra đối với phụ nữ là biến cái nhà tù ấy thành một vương quốc. Chỉ đạo thái độ của họ đối với gia đình là cùng một phép biện chứng vốn xác định thông thường thân phận của họ: họ nắm bắt trong lúc tự biến mình thành con môi; giải phóng mình trong lúc “thoái vị”; muốn chinh phục một thế giới trong lúc khước từ thế giới. Không phải không luyện tiếc khi người phụ nữ khép lại phía sau mình cánh cửa gia đình. Lúc còn là thiếu nữ, nàng có toàn bộ trái đất làm tổ quốc; núi rừng thuộc về nàng. Nay thì bị nhốt chặt vào một không gian chật hẹp. Thiên nhiên chỉ còn thu hẹp vào khuôn khổ một cái chậu phong lữ thảo. Đường chân trời bị những bức tường ngáng trở. Một nữ nhân vật trong Sóng biển của V.Woolf thăm thì:

Tôi không còn phân biệt mùa đông với mùa hạ qua thảm cỏ hay những cây thạch thảo trong trướng nữa, mà qua hơi nước hay lớp băng đọng trên cửa kính. Tôi, trước kia vốn vừa cất bước trong những cánh rừng giẻ vừa ngắm nghĩa màu xanh của chiếc lông chim cà cưỡng khi nó rơi xuống, tôi, người từng gặp kẻ du đãng và người chặn cừu trên đường, ...giờ đây, tôi đi từ căn buồng này sang căn buồng khác, tay cầm một cây chổi lông. Nhưng nàng sẽ tìm cách phủ nhận sự giới hạn ấy. Nàng nhốt chặt muông thú và cỏ cây trần thế, những xứ sở xa lạ, những thời quá khứ giữa bốn bức tường nhà, dưới những gương mặt tương đối tốn kém; nhốt chặt trong đó ông chồng, người thù tằm đối với nàng cộng đồng nhân loại, và đưa con mang tới cho nàng toàn bộ tương lai dưới hình thức mang xách được. Gia đình trở thành trung tâm vũ trụ và thậm chí là chân lý duy nhất của thế giới; đó là “một thứ phản - vũ trụ hay một vũ trụ của sự phản kháng”- như

Bachelard nhận xét rất đúng. Dù là nơi trốn tránh, nơi ẩn dật, là hang động hay cái bụng, nó vẫn che chở chống lại những sự uy hiếp từ bên ngoài: chính tính bên ngoài (extériorité) này trở nên phi-hiện thực. Nhất là buổi tối, khi cánh cửa khép lại, người phụ nữ cảm thấy mình là bà chúa. Ánh sáng chói chang buổi trưa làm nàng khó chịu. Ban đêm, nàng không còn bị tước đoạt nữa vì nàng thủ tiêu những gì mình không sở hữu. Nàng thấy lấp lánh dưới tàn đèn một thứ ánh sáng của riêng mình và chỉ độc tôn soi sáng ngôi nhà mình. Ngoài ra không tồn tại cái gì khác. Một văn bản của V.Woolf chỉ rõ hiện thực tập trung trong ngôi nhà, trong lúc không gian bên ngoài tiêu tan.

Giờ đây, cửa kính gạt đêm tối ra một bên, và thay vì tạo nên một cái nhìn chính xác đối với thế giới bên ngoài, lại “gồng” lên một cách kỳ lạ tới mức trật tự, sự ổn định, đất liền hình như được thiết lập trong ngôi nhà; trái lại, ở ngoài, chỉ còn một chút tia sáng trong đó sự vật trở nên chất lỏng, run rẩy và biến mất.

Nhờ nhùng lựa, gồm sứ bao quanh mình, người phụ nữ có thể phần nào thỏa mãn thứ nhục cảm mà thông thường cuộc sống tình dục không khoa lấp nổi. Nàng cũng tìm thấy trong khung cảnh ấy một biểu hiện của nhân cách mình: chính nàng đã chọn lựa, tìm tòi, “moi” ra những thứ đồ đạc và đồ vật trang trí này, sắp đặt chúng theo một óc thẩm mỹ trong đó thể cân xứng thường giữ một vị trí quan trọng.

Chúng chiếu rọi lại hình ảnh riêng biệt của nàng trong lúc chỉ rõ chuẩn mực sống của nàng về mặt xã hội. Vì vậy, đối với nàng, ngôi nhà là cái phần mình được dành trên trái đất, là biểu hiện giá trị xã hội của mình và là chân lý sâu xa nhất về chính mình. Vì không làm gì hết, nàng háo hức tự tìm kiếm mình trong những gì mình có. Phụ nữ thực hiện quyền chiếm hữu “tổ ấm” của mình bằng công việc nội trợ. Vì vậy, dù có người giúp việc, họ vẫn muốn tự tay làm lấy; ít nhất cũng bằng cách trông nom, kiểm

soát, phê phán, tìm cách biến thành của mình những kết quả đấm người nhà thu được. Từ công việc quản lý ngôi nhà, họ rút ra vị trí xã hội của mình về mặt xã hội. Nhiệm vụ của họ cũng là trông coi việc ăn uống, quần áo, nói chung, là sinh hoạt của cộng đồng gia đình. Như vậy họ cũng tự thể hiện mình trong hoạt động. Nhưng-như chúng ta sẽ thấy ở phần sau đó là thứ hoạt động không giải thoát họ khỏi tính nội tại và không cho phép họ tự khẳng định bản thân mình. Người ta đề cao cái thi vị của công việc nội trợ. Quả là qua công việc này, phụ nữ tiếp xúc với vật chất, và thể hiện với đồ vật một tình thân mật bộc lộ tính cách con người và do vậy làm tâm hồn họ thêm phong phú. Một nhà văn nữ miêu tả niềm vui của một nữ nhân vật khi lau chùi dụng cụ nhà bếp: nàng cảm thấy đầu các ngón tay mình sự tự do và sức mạnh mà lớp găng cọ sạch như phản chiếu lại cho nàng một hình ảnh lấp lánh. Bước từ dưới hầm nhà lên, Marie thích thú với sức nặng của hai chiếc xô đầy, cứ iồn thêm một bậc thang, là một thêm nặng. Bao giờ nàng cũng yêu mến những vật chất bình thường: chúng có mùi vị, cái thô ráp hay hình dáng riêng của chúng. Và từ đó, nàng biết cách sử dụng chúng. Không một chút ngập ngừng, không một động tác lùi bước, đôi bàn tay Marie thọc vào trong lò lửa đã tắt hay trong nước xà phòng, cọ rỉ và bôi dầu lên sắt, bằng một khoát tay vòng tròn, nhặt sạch những thứ rơi vãi trên mặt bàn. Một sự đồng tình hoàn toàn, một tình bạn giữa lòng bàn tay của nàng và những đồ vật nàng đụng tới.

Nhiều nhà văn nữ nói một cách trìu mến tới quần áo vừa là xong, về màu xanh óng ánh của nước xà phòng, về những tấm drap trắng muốt, về những thứ đồ đồng lấp lánh. Bachelard viết: Khi người nội trợ chùi, cọ đồ đạc, “những niềm hy vọng sâu kín tiếp thêm sức kiên nhẫn dịu dàng của đôi bàn tay làm cho mặt gỗ thêm đẹp vì láng bóng”. Làm xong công việc, người nội trợ nếm hưởng niềm vui ngắm nghía. Nhưng muốn làm nổi lên những tính chất quý giá: cái bóng láng của một mặt bàn, cái óng ánh của một cây đèn sáp, màu trắng muốt của quần áo, trước hết, cần có một hành

động phủ nhận, cần loại trừ mọi nguyên nhân xấu. Theo Bachelard, đó là ước mơ chủ yếu của người nội trợ: ước mơ một sự sạch sẽ tích cực, tức là sự sạch sẽ chống lại sự bẩn thỉu.

Vì vậy, công việc nội trợ có khi có sức cuốn hút của một trò chơi: cô bé gái thích làm cho bát đĩa bằng bạc óng ánh, thích đánh bóng cái tay nắm ở cửa. Nhưng muốn có những niềm vui lành mạnh, phụ nữ phải bỏ công sức chăm sóc một nội thất mà mình lấy làm tự hào; nếu không, không bao giờ họ biết niềm vui ngắm nghía, phần thưởng duy nhất đối với sự nỗ lực của mình.

Một phóng viên Mỹ từng sống nhiều tháng cùng với những “người Da trắng tội nghiệp” ở miền nam Hoa Kỳ, miêu tả sò phận thống thiết của một phụ nữ suốt ngày lam lũ, cố hết sức mình làm cho túp nhà ổ chuột có thể ở được, nhưng uổng công vô ích. Bà sống với chồng và bảy đứa con trong một túp lều bằng ván, tường đầy bồ hóng, lúc nhúc những rệp. Bà tìm cách “làm cho nhà trở nên đẹp đẽ”. Trong phòng chính, lò sưởi quét một lớp hồ vôi xanh nhạt, một chiếc bàn và mấy bức tranh treo trên tường gọi lên một thứ bàn thờ. Nhưng túp lều ổ chuột vẫn là túp lều ổ chuột, và bà G., nước mắt lưng tròng, than thở: “Ôi! Tôi thù ghét căn nhà này biết chừng nào! Tôi thấy không thể làm gì trên đời này để làm cho nó trở nên đẹp được!” Như thế đó, vô số phụ nữ chỉ biết có một nỗi nhọc nhằn trở đi trở lại một cách vô tận và không hề được bù đắp, trong một cuộc chiến đấu không bao giờ có thắng lợi. Và cả trong những trường hợp thuận lợi nhất, thắng lợi ấy cũng không bao giờ vĩnh viễn. Ít có công việc có thể so sánh với cực hình của Sisyphé¹⁵ như công việc của người nội trợ: ngày lại ngày, phải rửa bát đĩa, lau chùi đồ gỗ, vá mạng quần áo, những thứ ngày mai lại bị bẩn, bị bụi bặm, bị rách. Người nội trợ mòn mỏi đi trong lúc giẫm chân tại chỗ; họ không làm gì hết; họ chỉ kéo dài hiện tại; họ không có cảm giác giành được

một cái Thiện cụ thể, mà chỉ đấu tranh một cách vô tận chống lại cái Ác, một cuộc đấu tranh lặp đi lặp lại hàng ngày. Chúng ta biết chuyện người hầu phòng buồn bã không muốn đánh giày của chủ. “Để làm gì? - hẳn bảo - mai lại phải đánh lại thôi mà”. Nhiều thiếu nữ không đủ nhẫn nhục cũng chán nản như vậy. Tôi nhớ lại bài luận của một nữ sinh mười sáu tuổi mở đầu như sau: “Hôm nay là ngày tổng vệ sinh. Tôi nghe tiếng máy hút bụi mẹ đưa đi đưa lại trong phòng khách. Tôi muốn bỏ trốn. Tôi tự thề nguyên với mình là sau này, trong nhà mình, không bao giờ có ngày tổng vệ sinh,” Trẻ em hình dung tương lai như một sự leo lên vô tận tới không biết một tuyệt đỉnh nào. Bỗng nhiên, trong gian bếp, nơi bà mẹ đang rửa bát đĩa, cô thiếu nữ hiểu đã từng nhiều năm, mỗi buổi chiều, vào cùng một giờ ấy, đôi bàn tay đã trượt vào chậu nước có mỡ, chùi rửa đồ sứ với chiếc giẻ lau xù xì. Và cho tới khi chết, đôi bàn tay ấy vẫn phải, làm những công việc chán ngán ấy. Ăn, ngủ, chùi rửa..., năm tháng không còn thẳng thiên nữa, chúng trải ra, ý nguyên và xám xịt trên chiếc khăn bàn nằm ngang. Mỗi một ngày lại lặp lại y nguyên ngày hôm trước. Một hiện tại vĩnh viễn vô ích và vô vọng!

Trong một truyện ngắn nhan đề Bụi (La poussière), một nhà văn nữ miêu tả một cách tinh tế cái vô bổ buồn bã của một hoạt động khẳng khẳng muốn chống lại thời gian:

Ngày hôm sau, khi đưa chiếc chổi lông xuống dưới Divan, nàng lòi ra một thứ lúc đầu nàng ngỡ là một cục bông bỏ lâu ngày hay một chiếc lông chim to tướng. Nhưng chỉ là một nùm bụi thường đọng lại trên những chiếc tủ cao quên không quét hay phía sau đồ đạc, giữa tường và lớp gỗ. Nàng băng khuâng trước cái chất kỳ cục này. Họ đã sống trong căn phòng từ tám. đến mười tuần lễ, và mặc dù sự xằng xái của Juliette, một lớp bụi vẫn có cơ hội đọng lại, phình ra và ẩn náu trong bóng tối giống như những con vật xám xịt từng làm nàng khiếp hãi lúc còn bé. Một chút tro bụi mong manh cũng đủ noi lên sự lười nhác, một sự bắt đầu bỏ mặc;

nó là một chút lắng đọng không sờ thấy trong không khí người ta hít thở, trên quần áo bay phấp phới, trong làn gió lùa qua cửa sổ để mở. Nhưng lớp bụi này đã là một trạng thái thứ hai của bụi, một thứ bụi chiến thắng, một thứ lắng đọng thành hình thành dạng và từ lắng đọng, trở thành phế thải.

...Bụi đã thắng về tốc độ toàn bộ sức mạnh hút bụi của thiên hạ. Nó xâm chiếm thế giới, và máy hút bụi chỉ còn là một vật làm chứng dùng để chứng minh sự uổng công vô ích của loài người trong cuộc chiến đấu chống lại quá trình nhiễm bẩn không sao cưỡng nổi.

...Chính cuộc sống chung của họ là nguyên nhân tất cả những cái đó, những bữa ăn để lại những thứ vương vãi, hai thứ bụi của họ trộn lẫn vào nhau ở khắp mọi nơi...Mỗi gia đình đều tiết ra những thứ rác rưởi nhỏ nhoi người ta phải tiêu diệt để dành chỗ cho những thứ rác rưởi mới...Cả một cuộc sống phải trải qua khi muốn ra phố với một chiếc áo cánh mới thu hút ánh mắt khách qua đường, muốn một anh chàng kỹ sư - chồng bạn - có mặt tử tế trong cuộc sống. Nhiều công thức qua lại trong đầu Marguerite: chăm sóc các bao đóng gói...muốn bảo vệ đồ đông, hãy đứng...nàng phải chăm sóc hai con người cho hết đời họ.

Giặt giũ, là ủi, quét dọn, rũ bụi đọng lại trong bóng tối dưới tủ, cũng là khước từ cuộc sống trong lúc ngăn chặn cái chết, vì cùng theo một động tác, thời gian vừa tạo lập vừa huỷ diệt. Người nội trợ chỉ nắm được mặt phủ định của nó. Thái độ của họ là thái độ của người thiện ác nhị nguyên luận. Đặc điểm của thiện ác nhị nguyên luận (manichéisme) không chỉ là thừa nhận hai nguyên lý, một tốt, một xấu; mà là đặt vấn đề chỉ đạt tới cái thiện bằng cách tiêu diệt cái ác, chứ không phải bằng một động tác tích cực. Theo tinh thần ấy, đạo Cơ đốc không hề mang tính chất thiện ác nhị nguyên luận, mặc dù có sự tồn tại của quỷ sứ, vì người ta chiến đấu chống quỷ sứ tốt nhất là trung thành với Chúa, chứ không phải tập trung vào quỷ sứ để chiến thắng nó. Mọi học thuyết về siêu nghiệm và tự do đều đặt sự thất bại của cái ác trong sự phụ thuộc vào thắng lợi của cái thiện.

Nhưng phụ nữ không được giao nhiệm vụ xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn. Ngôi nhà, căn phòng, quần áo bản là những thứ cố định: họ chỉ có thể loại trừ một cách vô tận những yếu tố xấu len lỏi vào trong đó; tấn công bụi bặm, vết nhơ, bùn đất, cái ghét; chiến đấu chống tội lỗi, chống Satan. Song quả là một thân phận đáng buồn khi phải đẩy lùi không biết mệt mỏi một kẻ thù, chứ không phải hướng về những mục tiêu tích cực. Người nội trợ thường chịu đựng thân phận ấy trong sự cuồng nộ. Bachelard dùng đến từ “độc ác” khi nói về họ. Từ này cũng xuất hiện dưới ngòi bút các nhà phân tâm học. Người ta cũng thường nói tới các bà trưởng giả tỉnh lẻ đi những đôi găng trắng vào để xem có còn trên đồ đạc một chút bụi bặm mắt thường không trông thấy nữa không. Ít có phụ nữ, từ tuổi thanh xuân, chọn một thói tật buồn bã đến thế. Những người thiết tha yêu cuộc sống càng tránh xa. Nhà văn Colette nói về nhân vật Sido¹⁶.

Bà lạnh lợi và hiếu động, chứ không phải là một bà nội trợ chăm chút. Bà thích sạch sẽ, gọn gàng, có khó tính, nhưng không hề là một kẻ kỳ cục và cô độc tính đếm từng chiếc khăn mặt, từng miếng đường, từng cái chai lọ. Cầm miếng nỉ ở tay và theo dõi cô hầu gái vừa lau chùi cửa kính một cách chậm rãi vừa cười với người bên cạnh, bà thốt lên những tiếng kêu giận dữ, sốt ruột mong chờ tự do. “Khi lau chùi cẩn thận, lâu la những chiếc chén Trung Quốc-bà nói-tôi cảm thấy mình già đi.” Bà làm xong công việc một cách trung thực. Thế rồi, nháy qua mấy bậc tam cấp trước thêm và bước vào khu vườn. Ngay lập tức, thái độ cáu gắt và buồn phiền tan biến.

Roi vào tình trạng cáu gắt, buồn phiền ấy là những phụ nữ lãnh đạo hay không được thỏa mãn, những cô gái lỡ thì, những bà vợ thất vọng, những người bị ông chồng độc đoán dồn vào một cuộc sống cô độc và trống rỗng. Tôi có biết một bà già, sáng sớm dậy lúc năm giờ để xem xét các ngăn tủ và sắp xếp lại đồ đạc trong đó. Hình như lúc tuổi hai mươi, bà là một cô gái

¹⁶ Trong cuốn tiểu thuyết cùng tên.

vui tươi và đóm dáng. Bị nhốt chặt trong một trang trại hẻo lánh, với một người chồng ít chăm sóc tới mình, và một đứa con duy nhất, bà bắt đầu thu dọn, sắp xếp-như những người khác bắt đầu uống rượu. Trong tập Ký sự về người chồng (Chroniques mantaies) của Jouhandeau¹⁷, hứng thú đối với công việc nội trợ của Elise bắt nguồn từ ham muốn cực độ thống trị thế giới, từ một sức sống tràn trề và từ một ý chí thống trị, nhưng tất cả đều vô bổ vì không có đối tượng; đó cũng là một thách thức đối với thời gian, với vũ trụ, với cuộc sống, với con người, với tất cả những gì tồn tại.

Từ chín giờ, sau bữa ăn tối, nàng rửa ráy. Đã nửa đêm. Tôi đã chợp mắt nhưng thái độ dửng dưng của nàng làm tôi tự ái vì như thể thoá mạ giấc ngủ của tôi, cho đó là một thứ lười nhác.

ELISE: Muốn được sạch sẽ, lúc đầu chớ sợ bẩn tay.

Và chẳng bao lâu ngôi nhà trở nên sạch sẽ tới mức không dám ở nữa. Có giường nghỉ ngơi, nhưng để người ta nằm nghỉ bên cạnh, trên sàn nhà. Những chiếc gối mới tinh. Người ta sợ là chúng xỉn màu đi hay nhàu nát khi tựa đầu hay gác chân, và mỗi khi tôi giẫm lên một tấm thảm là có một bàn tay theo sau, với một chiếc máy hay một lấm giẻ lau sạch dấu vết của tôi.

BUỒI TỐI:

- Thế là xong. Từ khi thức dậy cho tới lúc đi ngủ, công việc của nàng là gì? Là xê dịch mỗi đồ vật và đồ gỗ và sờ mó đủ mọi góc cạnh sàn nhà, trần nhà và các bức tường. Lúc này, người nội trợ trong con người nàng chiến thắng. Hết quét bụi trong các ngăn tủ, lại đến quét bụi trên những cây phong lữ thảo ở cửa sổ.

MẸ NÀNG: Nó luôn luôn bận rộn tới mức nó không biết nó đang tồn tại nữa.

¹⁷ Nhà văn hiện đại pháp.

Quả là công việc nội trợ cho phép phụ nữ trốn thoát chính bản thân mình một cách vô tận. Chardonne¹⁸ nói chí lý:

Đó là một công việc tỉ mỉ và lộn xộn, không phanh hãm và cũng không giới hạn. Trong nhà, một người phụ nữ tin chắc mình làm người khác vui lòng, chẳng mấy lúc mà mòn mỏi, mà rơi vào trạng thái lơ đãng và trống rỗng về tinh thần để cuối cùng tự tiêu diệt mình...

Chuẩn bị bữa ăn là một công việc tích cực và thường vui vẻ hơn công việc dọn dẹp, lau chùi. Trước hết, nó đòi hỏi công việc chợ búa mà nhiều bà nội trợ cho là khoảnh khắc thú vị nhất trong ngày. Những công việc theo lối mòn càng không thu hút tâm trí của phụ nữ thì cảnh cô đơn trong gia đình càng đè nặng lên đời sống của họ. Họ sung sướng khi, trong các thành phố phía Nam, họ có thể khâu vá, giặt giũ, nhặt rau, cùng nhau trò chuyện trước hiên nhà. Đi lấy nước sông là một cuộc phiêu lưu lớn đối với người phụ nữ Hồi giáo bị một phần nhốt kín: tôi đã chứng kiến ở một làng nhỏ ở Kabylie¹⁹ những người phụ nữ đập phá một giếng nước mà một nhà cai trị cho xây trên quảng trường. Mỗi buổi sáng, tất cả cùng nhau xuống dòng sông chảy dưới chân đồi, nguồn khuây khoả duy nhất của họ. Trong lúc mua bán, trong lúc xếp hàng, trước các cửa hiệu, ở các góc phố, họ cùng nhau chuyện trò, khẳng định “giá trị những công việc nội trợ” trong đó có vị trí quan trọng của mình: họ cảm thấy mình là thành viên một cộng đồng; cộng đồng này, trong chốc lát, đối lập với xã hội đàn ông, tựa cái chủ yếu đối lập với cái không chủ yếu.

Khí đốt và điện đã giết chết sức ma thuật của lửa. Nhưng ở nông thôn, nhiều phụ nữ vẫn còn thưởng thức niềm vui rút ra từ khúc gỗ vô tri vô giác những ngọn lửa sống động. Ngọn lửa được đốt lên là người phụ nữ biến thành bà phù thủy. Chỉ với một động tác đơn giản của ban tay-khi

¹⁸

¹⁹ Một vùng núi ở Angieri

đánh trứng, khi nhào bột-hay bằng ma thuật của ngọn lửa, họ làm biến đổi các chất liệu: vật chất trở thành thức ăn. Colette, miêu tả sự kỳ diệu của những “thuật giả kim” ấy:

Tất cả là huyền bí, là ma thuật, phù phép, tất cả những gì diễn ra từ thời điểm đặt lên ngọn lửa chiếc xoong, chiếc ấm, chiếc nồi và những gì trong đó, đến thời điểm đây một thứ lo âu êm đềm, một thoáng hy vọng khoan khoái khi đặt lên mặt bàn đĩa thức ăn nghi ngút khói...

Các nhà văn nữ đặc biệt ca ngợi cái thi vị của các món mứt: cả một công trình vĩ đại khi kết hợp trong chậu đồng chất đường rắn và tinh khiết với nạc trái cây. Sủi bọt, nhơn nhớt, nóng bỏng, cái chất đang hình thành thật nguy hiểm: một thứ dung nham đang sôi sục bị bà nội trợ chinh phục và một cách kiêu hãnh cho chảy vào lọ. Khi cho lọ vào bao bì và ghi ngày tháng thắng lợi của mình, chính là họ đã chiến thắng thời gian, nhốt chặt cuộc sống vào chai lọ. Công việc bếp núc không chỉ thâm nhập và phát hiện tính chất sâu kín các chất liệu, mà đổi mới chúng, tái tạo chúng. Trong tác phẩm *Trái đất và những ước mơ của ý chí (La Terre et les rêveries de la volonté)*, Bachelard cho rằng: “Cũng như ánh mắt, bàn tay có ước mơ và chất thơ của nó”. Và ông nói tới cái “mềm mại của sự tràn đầy, cái mềm mại làm đầy bàn tay, được phản chiếu một cách vô tận từ vật chất sang bàn tay và từ bàn tay sang vật chất”. Bàn tay của người phụ nữ làm bếp nhào bột là một “bàn tay sung sướng” và việc nướng chín bánh lại mang tới cho chất bột một giá trị mới. Thế là “việc nấu chín là một sự chuyển hoá vật chất to lớn, một sự chuyển hoá từ màu nhợt nhạt sang màu vàng óng, từ chất bột sang bánh”. Người phụ nữ có thể tìm thấy một niềm vui đặc biệt khi làm thành công chiếc bánh ngọt, khi bột bánh nở phồng: không phải ai cũng có thể làm như thế, vì phải có năng khiếu. Michelet viết:

“Không có gì phức tạp hơn nghệ thuật nhào bột, làm bánh. Không có gì ít có quy tắc hơn, ít có thể học tập hơn. Phải có năng khiếu bẩm sinh. Tất cả đều là năng khiếu của người mẹ.”

Trong cả địa hạt này nữa, chúng ta hiểu vì sao bé gái say mê bắt chước người lớn, chơi trò làm những thế vật với viên phấn, với những ngọn cỏ. Bé còn sung sướng hơn khi đồ chơi là một cái bếp con con thật sự hay khi được mẹ cho tham gia công việc nhà bếp, cho phép lăn bột làm bánh dưới lòng bàn tay, hoặc cắt lát chiếc bánh caramen nóng bỏng. Nhưng trong công việc này cũng như các công việc nội trợ khác, sự lặp đi lặp lại, dễ nhanh chóng làm mất hứng thú. Ca ngợi một cách lãng mạn những niềm vui này, chủ yếu là các nhà văn, nam hay nữ: họ không làm hay rất hiếm khi làm công việc nội trợ. Nếu là thường nhật, thì công việc này trở nên đơn điệu và máy móc, luôn luôn phải đợi chờ: chờ nước sôi, chờ thịt quay đúng độ, chờ quần áo khô. Dù có tổ chức nhiều công việc khác nhau, vẫn có những khoảng bị động và trống rỗng kéo dài, và phần lớn thời gian, diễn ra trong buồn chán: giữa cuộc sống hiện tại và cuộc sống ngày mai, chúng chỉ là một khoảng trung gian thứ yếu. Nếu bản thân người làm những công việc ấy là người sản xuất, người sáng tạo, thì chúng hoà nhập vào cuộc sống của họ cũng tự nhiên như những chức năng hữu cơ. Vì vậy những công việc nặng nhọc hàng ngày có vẻ ít đáng chán hơn khi do đàn ông làm. Đối với họ, chúng chỉ là một khoảnh khắc hư ảo và ngẫu nhiên mà họ vội vã thoát ra khỏi.

Nhưng điều làm nên cái bạc bẽo của thân phận người phụ nữ - đầy tớ, là sự phân công lao động dồn họ hoàn toàn vào cái khải quát và cái không chủ yếu. Chỗ ở và cái ăn là có ích cho cuộc sống nhưng không tạo nên ý nghĩa cuộc sống: mục đích của người nội trợ chỉ là những phương tiện, chứ không phải là những mục đích đích thực và trong đó chỉ được phản ánh những dự định vô danh. Vì vậy, muốn toàn tâm toàn ý đối với công việc,

họ phải tìm cách đưa vào trong đó nét riêng biệt của mình và cho các kết quả mình thu được một giá trị tuyệt đối. Họ có nghi thức, có những sự mê tín của mình, coi trọng cách mình đặt bát đĩa lên bàn ăn, cách sắp đặt salon, cách mạng vá quần áo, cách làm một món ăn; đỉnh ninh không một ai ở vị trí của mình có thể thành công như mình khi quay một món thịt hay đánh bóng một đồ vật bằng đồng. Một nữ văn sĩ Mỹ miêu tả với một vẻ hài hước xót xa nỗi hoang mang của một thiếu phụ đỉnh ninh mình phải đưa vào tổ ấm một nét riêng của mình nhưng không biết xoay xở ra sao.

Bà Ernest Weldon tha thần trong studio ngăn nắp, muốn đưa vào trong đó một chút dấu ấn của người phụ nữ. Ý nghĩ ấy thật đẹp đẽ và hấp dẫn. Trước khi kết hôn, bà hình dung mình sẽ dạo chơi êm đềm trong ngôi nhà mới, thay đổi một đoá hồng ở chỗ này, uốn thẳng lên một bông hoa khác ở chỗ kia, và biến một ngôi nhà thành một "tổ ấm". Ngay cả lúc này, sau bảy năm kết hôn, bà vẫn muốn hình dung mình đang làm cái công việc dễ thương ấy. Nhưng dù mỗi tối, bà cố hết sức mình một cách cẩn mẫn, Ernest Weldon vẫn băn khoăn và chút ít hoang mang không biết làm thế nào để thực hiện với phần còn lại của thế giới...Tạo nên một chút dấu ấn của phụ nữ, là vai trò của người vợ. Và bà Weldon không phải là người đàn bà trốn tránh trách nhiệm. Với một vẻ thiếu tin tưởng đến tội nghiệp, bà mò mẫm trên mặt lò sưởi, nâng một cái lọ nhỏ Nhật Bản lên và đứng tại chỗ, chiếc lọ trên tay, quan sát căn phòng với một ánh mắt thất vọng...Rồi lùi lại ngẫm và nhìn những sự đổi mới của mình. Thật không tin nổi chút đổi thay con con bà mang tới cho căn phòng.

Trong việc đi tìm kiếm cái độc đáo hay một sự thay đổi nào, phụ nữ lãng phí mất thì giờ và sức lực, và do vậy, lao động của họ mang tính chất một "nhiệm vụ tỉ mỉ và lộn xộn, không phanh hãm và cũng không giới hạn" như Chardone đã nói; nó khiến cho việc đánh giá gánh nặng công việc nội trợ cực kỳ khó khăn.

Theo một cuộc điều tra gần đây (công bố trên tờ *Chiến đấu* và ký tên C. Hébert) các bà vợ dành khoảng ba giờ bốn năm phút cho công việc nội trợ (dọn dẹp, tiếp tế, v.v...) trong mỗi ngày làm việc, và tám tiếng trong những ngày nghỉ, tức là ba mươi tiếng mỗi tuần, tương ứng với ba phần tư thời gian lao động hàng tuần của một nữ công nhân hay nữ, viên chức. Thật là to lớn nếu đó là một nhiệm vụ cộng thêm vào một nghề nghiệp; nhưng là ít ỏi nếu người vợ không có việc gì khác phải làm nhất là so với nữ công nhân và nữ viên chức mất thêm thì giờ đi về.

Nếu đông con thì công việc chăm sóc chúng làm phụ nữ vô cùng mệt nhọc, một người mẹ nghèo, mòn mỏi hết sức hrc suốt những ngày dài bẽ bộn công việc. Trái lại, phụ nữ tư sản có người giúp việc hầu như nhàn rỗi; và trả giá cho cảnh nhàn rỗi là nỗi buồn chán. Vì buồn chán, nhiều người làm cho bốn phần của mình phức tạp và tăng thêm một cách vô tận trở thành phiên toái hơn cả một công việc lao động chuyên nghiệp.

Một bà bạn, sau khi trải qua những cơn suy nhược thần kinh, cho tôi biết lúc còn mạnh khoẻ, bà ta chăm sóc nhà cửa mà hầu như không nghĩ tới, và có đủ thì giờ làm những công việc bị bó buộc; khi vì suy nhược thần kinh không thể làm những công việc khác, bà ta đắm chìm trong công việc nội trợ và trong lúc bỏ ra cả những ngày trọn vẹn vẫn vất vả lắm mới làm hết việc.

Điều đáng buồn hơn hết là ở chỗ công việc lao động ấy thậm chí cũng không dẫn tới một sự sáng tạo lâu bền. Người phụ nữ càng chăm sóc công việc của mình thì càng muốn xem nó như một mục đích tự thân. Ngắm nghía chiếc bánh ngọt vừa lấy ở lò ra, họ thở dài: ăn nó đi thì tiếc thật! Và thật đáng tiếc khi chồng con kéo lê những đôi bàn chân lấm bẩn trên sàn nhà đánh xi. Người vợ chăm sóc nhà cửa vì chồng, nhưng cũng đòi hỏi chồng dùng tiền làm. ra mua sắm đồ đạc; muốn mang lại hạnh phúc cho

chồng; nhưng chỉ tán thành những hoạt động nào của chồng nằm trong khuôn khổ hạnh phúc mình đã vun đắp.

Đã từng có những thời kỳ những mong muốn ấy nói chung được thỏa mãn: thời kỳ đó, hạnh phúc cũng là lý tưởng của người đàn ông, khiến họ gắn bó trước hết với ngôi nhà, với gia đình; thời kỳ bản thân con cái gắn bó với bố mẹ, với truyền thống và quá khứ của gia đình. Lúc đó, người phụ nữ trông coi nhà cửa, chỉ đạo bữa ăn, được thừa nhận là “bà chúa”; họ còn giữ vai trò vẻ vang này trong một số gia đình điền chủ, một số gia đình nông dân giàu có vẫn còn duy trì một cách tự phát nền văn minh gia trưởng.

Nhưng nhìn chung, ngày nay, hôn nhân là tàn tích những tập tục đã bị mai một, và hoàn cảnh người vợ tồi tệ hơn ngày xưa vì bốn phận vẫn y nguyên nhưng quyền lợi thì không như trước. Ngày nay đàn ông lấy vợ để “thả neo” trong sự nội tại, nhưng không phải để nhốt chặt mình vào trong đó; muốn có một gia đình nhưng vẫn có quyền tự do thoát ra khỏi; sống cố định nhưng vẫn nuôi dưỡng trong tim hình ảnh một gã lang thang; không coi thường hạnh phúc nhưng không cho hạnh phúc là một mục đích tự thân. Sự lặp đi lặp lại làm anh ta buồn chán; anh ta đi tìm cái mới, cái mạo hiểm, những sự chống đối cần đánh bại, tình bạn, tình thân để thoát ra khỏi cảnh “cô đơn cặp đôi”. Những đứa con còn mong muốn vượt qua giới hạn của gia đình hơn cả người chồng: cuộc sống của chúng là ở chỗ khác, ở phía trước chúng; trẻ nhỏ bao giờ cũng mong ước một cái gì khác. Người phụ nữ tìm cách tạo lập một vũ trụ thường trực và liên tục; nhưng chồng và con muốn vượt qua tình thế do người đó gây dựng nên: đối với họ, tình thế ấy chỉ là một sự giả định.

Rõ ràng, công việc của phụ nữ trong gia đình không mang lại cho họ quyền độc lập tự chủ. Nó không có ích trực tiếp cho tập thể, không dẫn tới tương lai, không sản sinh ra gì hết. Nó chỉ có ý nghĩa và giá trị nếu được

hoà nhập vào những cuộc sống vươn tới xã hội trong sản xuất hay trong hành động. Không hề giải phóng phụ nữ, nó khiến họ phải tùy thuộc và chồng, vào con. Cuộc sống của họ chỉ có ý nghĩa qua chồng, con; trong cuộc đời của chồng con, họ chỉ là một vai trò trung gian không chủ yếu. Luật pháp dù có xoá bỏ “sự vâng lời” trong các nghĩa vụ của họ cũng chẳng hề làm thay đổi hoàn cảnh phụ nữ; hoàn cảnh này không dựa trên ý muốn của hai vợ chồng, mà trên bản thân cơ cấu của cộng đồng chồng vợ. Dù được tôn trọng tới đâu, phụ nữ vẫn là phụ thuộc, là thứ yếu, là ký sinh. Cái tai hại ghê gớm đè nặng lên vai họ, là ở chỗ ngay ý nghĩa cuộc sống của mình cũng không nằm trong tay mình. Vì vậy những thành bại trong đời sống gia đình có nhiều trọng lượng đối với họ hơn là đối với đàn ông: đàn ông là một công dân, một người sản xuất trước khi là một người chồng; còn phụ nữ thì trước hết, và nhất là tuyệt đối, là một người vợ; lao động của họ không giải thoát họ khỏi thân phận của mình; trái lại, lao động ấy có giá trị hay không là do thân phận này quyết định. Nếu là người yêu đương, tận tụy và khoan dung, họ sẽ làm nhiệm vụ trong niềm vui; nhưng nhiệm vụ sẽ là những công việc khổ sai tẻ nhạt nếu phải làm trong hận thù. Chúng bao giờ cũng chỉ giữ một vai trò thứ yếu trong số phận của họ; trong các bước thăng trầm của đời sống gia đình, chúng không giúp ích gì được. Vì vậy, cần xem xét sự tồn tại cụ thể của thân phận người phụ nữ, cái thân phận được xác định chủ yếu qua “dịch vụ” trên chiếc giường ngủ và “dịch vụ” nội trợ, và trong đó phụ nữ chỉ tìm thấy giá trị của mình bằng cách chấp nhận vị trí “chư hầu”.

Từ tuổi thơ sang tuổi thanh xuân, cô thiếu nữ phải trải qua một cuộc khủng hoảng; và một cuộc khủng hoảng dữ dội hơn “ném” cô gái vào trong cuộc sống người lớn. Cùng với những sự rối loạn thường dễ dàng xảy ra ở phụ nữ vì phải làm quen có phần đột ngột với bản năng giới tính, là những nỗi kinh hoàng gắn liền với mọi trạng thái “chuyên” từ một hoàn cảnh nay sang một hoàn cảnh khác.

Nietzsche²⁰ viết: “Bị hôn nhân ném vào trong thực tại và nhận thức như bị một tiếng sét ngang tai; bắt gặp tình yêu và sự hổ thẹn trong thế chống đối nhau; buộc phải cảm nhận ở cùng một đối tượng niềm hoan hỉ, sự hi sinh và bồn phận, lòng xót thương và nỗi kinh hoàng, do sự gần gũi bất ngờ giữa Thượng đế và con thú...ngươi ta tạo ra ở đây một trạng thái rối loạn của tâm hồn không sao có thể tìm thấy cái tương đương.

Cảnh náo nhiệt của cuộc “du lịch trăng mật” truyền thống có phần nhằm che giấu nỗi hoang mang ấy: trong mấy tuần lễ, bị ném ra khỏi thế giới thường nhật, mọi sợi dây liên lạc với xã hội tạm thời bị cắt đứt, người vợ trẻ không còn thấy mình ở trong không gian, trong thời gian, trong thực tại nữa. Nhưng chóng hay chầy rồi cũng phải trở lại trong đó; và không bao giờ nàng trở về gia đình mới của mình mà không lo âu. Sợi dây liên lạc với ngôi nhà bố mẹ đối với nàng chặt chẽ hơn nhiều là đối với chàng trai. Rồi khỏi gia đình bố mẹ, là một sự đoạn tuyệt vĩnh viễn: nàng trải qua nỗi kinh hoàng của cảnh cô đơn và sự choáng ngợp của tự do. Sự đoạn tuyệt ấy đau đớn nhiều hay ít tùy theo trường hợp. Nếu đã cắt đứt từ trước sợi dây gắn bó với bố, với anh chị em, nhất là với mẹ, thì nàng sẽ yên ổn chia tay. Nếu vẫn còn bị chế ngự, thì thực tế nàng vẫn có thể chịu sự che chở của họ và sự thay đổi của số phận sẽ ít rõ rệt hơn. Nhưng thông thường, dù mong muốn thoát khỏi ngôi nhà bố mẹ đi nữa, nàng vẫn cảm thấy hoang mang khi phải xa cách cái xã hội nhỏ mình đã từng hoà nhập, khi phải đoạn tuyệt với quá khứ, với cái vũ trụ trẻ thơ chứa đựng những nguyên lý vững chãi, những giá trị lâu bền. Chỉ có một đời sống tình dục sôi nổi và tràn đầy mới có thể làm cho nàng tạm tấp trở lại trong cảnh thanh bình của trạng thái nội tại; nhưng thông thường, lúc đầu, nàng hoang mang hơn là thỏa mãn. Dù thành công nhiều hay ít, quá trình làm quen với bản năng giới tính chỉ có thể làm tăng thêm nỗi hoang mang ấy. Sau hôn lễ, nàng có nhiều phản

²⁰ Nhà triết học Đức (thế kỷ XIX - đầu XX).

ứng như đã từng phản ứng đối với lần hành kinh đầu tiên: nàng thường cảm thấy ghê tởm trước biểu hiện tốt cùng này của nữ tính của mình, và kinh hoàng với ý nghĩ kinh nghiệm ấy sẽ được lặp lại. Nàng cũng thất vọng một cách xót xa về tương lai. Sau khi có tháng, cô thiếu nữ buồn và nhận thấy mình vẫn chưa phải là người lớn. Mất trinh, nàng trở thành một thiếu phụ; giai đoạn cuối cùng đã vượt qua. Còn bây giờ thì sao? Và lại, nỗi thất vọng và hoang mang này gắn liền với hôn nhân đích thực cũng như với trạng thái mất trinh: người phụ nữ đã từng “biết” người chồng chưa cưới, hay đã từng “biết” những người đàn ông khác, nhưng liếu đối với họ, hôn nhân là biểu hiện hoàn mãn đầy đủ nhất của đời sống người thanh niên thì thông thường họ có phản ứng giống nhau. Phấn chấn biết bao khi sống những ngày đầu của sự nghiệp; nhưng không có gì đáng chán hơn khi phát hiện một thân phận hoàn toàn tuột khỏi bàn tay mình.

Ngày trước, ẩn náu dưới cái ô quyền lực của bố mẹ, cô thiếu nữ sử dụng quyền tự do của mình trong phản kháng và hy vọng; sử dụng nó để khước từ và vượt qua một số phận trong đó đồng thời nàng tìm thấy sự an toàn. Từ trong lòng sức ấm của gia đình, nàng tự vượt lên trên bản thân mình để hướng tới hôn nhân. Giờ đây, nàng đã có chồng; trước mắt nàng, không còn tương lai khác nữa. Cánh cửa gia đình đã khép lại sau lưng: đó sẽ là toàn bộ phần của nàng trên trái đất. Nàng biết đầy đủ những nhiệm vụ nào được dành cho mình: những nhiệm vụ mẹ nàng đã từng làm. Ngày lại ngày, vẫn lặp đi lặp lại những nghi thức giống nhau. Là thiếu nữ, nàng có hai bàn tay trắng: bằng hy vọng, trong giấc mơ, nàng có tất cả. Giờ đây, nàng đã giành được một mảnh thế giới và nàng suy nghĩ trong kinh hoàng: chỉ là thế, vĩnh viễn như thế. Vĩnh viễn, người chồng ấy, ngôi nhà ấy. Không còn có gì để đợi chờ nữa, không còn có gì quan trọng để ước mong nữa.

Nhưng nàng vẫn sợ những trách nhiệm mới của mình. Dù chồng lớn tuổi, có quyền uy, cũng vẫn mất ảnh hưởng vì có quan hệ tình dục với nàng: chồng không thể thay thế ông bố, càng không thể thay thế một bà mẹ, không thể giải thoát nàng khỏi sự tự do của mình. Nàng cảm thấy tê buốt trong không khí cô đơn của gia đình mới, trong mối quan hệ với người đàn ông tương đối xa lạ, và khi không còn là đứa trẻ nữa mà đã là người vợ và đến lượt mình sẽ trở thành người mẹ. Vĩnh viễn tách khỏi lòng mẹ, hoang mang giữa một thế giới trong đó không một mục đích nào vẫy gọi mình, bị bỏ rơi trong một hiện tại băng giá, nàng phát hiện ra cái rầu rĩ và nhạt nhẽo của sự giả tạo đơn thuần. Nỗi hoang mang ấy được thể hiện một cách sâu sắc trong nhật ký của nữ bá tước Tolstoi. Bà say sưa đính hôn với nhà văn vĩ đại mà mình khâm phục. Sau những vòng tay cuồng nhiệt nếm trải trên chiếc ban-công bằng gỗ ở Iasnaiava Poliana, bà chán ngán về tình yêu xác thịt, xa người thân, bị tách khỏi quá khứ và sống cạnh một người đàn ông đính hôn tám ngày trước, hơn bà mười bảy tuổi, với một quá khứ và những mối quan tâm hoàn toàn xa lạ đối với mình, bà thấy tất cả đều trông vắng, lạnh giá, cuộc đời bà chỉ còn là một giấc ngủ. Cần dẫn chuyện bà viết về buổi đầu sau hôn lễ và những trang nhật ký của bà trong những năm đầu.

Ngày 23 tháng chín 1862, Sophie kết hôn và buổi tối từ giã gia đình:

“Một cảm giác xót xa, đau đớn chẹn ngang cổ họng tôi và bóp nghẹt tôi. Lúc ấy, tôi cảm thấy đã đến lúc phải vĩnh viễn biệt ly gia đình và tất cả những người mình yêu thương thiết và vốn cùng mình luôn luôn sống bên nhau...Những lời vĩnh biệt bắt đầu, chúng thật khủng khiếp...Đây là những phút cuối cùng. Tôi cố tình dành những lời vĩnh biệt cuối cùng cho mẹ...Khi tôi thoát khỏi vòng tay siết chặt của bà và đi ra xa, không dám ngoảnh lại, bà thốt lên một tiếng kêu xé lòng suốt cuộc đời tôi không thể nào quên. Mưa thu không ngừng rơi...Rúc vào một góc xe, mệt mỏi và đau

buồn, tôi để mặc hai dòng lệ tuôn rơi, Léon Nikolaievitch tỏ vẻ rất ngạc nhiên, thậm chí bất bình...Xe ra khỏi thành phố, tôi có một cảm giác kinh hoàng trong sương mù...Bóng tối làm tôi nghẹt thở. Chúng tôi hầu như không nói với nhau gì hết cho tới Birivulev, trừ phi tôi nhớ nhầm. Tôi nhớ là Léon Nikolaievitch rất dịu dàng và tỉ mỉ chăm sóc tôi.

Đến Birivulev, người ta dành cho chúng tôi những căn phòng gọi là của Sa hoàng, rộng lớn, đồ đạc phủ len đỏ không hề có vẻ niềm nở. Người ta mang Samova tới. Rúc vào một góc Divan, tôi im lặng tựa một kẻ tội phạm.

“Nào! - Léon Nikolaievitch bảo tôi - em cho uống gì đi chứ”. Tôi vâng lời và pha trà. Tôi bối rối và không thể thối nôi một chút sợ hãi. Tôi không dám xung em xung anh với Léon Nikolaievitch và tránh gọi ông bằng tên họ. Một thời gian dài, tôi vẫn tiếp tục như vậy. Hai mươi bốn tiếng sau, họ tới Iasnaiava Poliana.

Ngày 8 tháng Mười, Sophie viết tiếp nhật ký. Bà cảm thấy hoảng hốt. Bà đau khổ vì chồng bà đã có một quá khứ.

Từ khi hồi tưởng lại, tôi vẫn luôn luôn mơ tưởng về một con người trọn vẹn, tươi mát, trong sạch, mà mình sẽ yêu thương...tôi không thể từ bỏ những giấc mơ trẻ thơ ấy. Khi ông hôn tôi, tôi nghĩ mình không phải là người đầu tiên ông hôn như vậy.

Ngày hôm sau, bà viết:

Tôi cảm thấy bối rối. Đêm qua, tôi có những cơn ác mộng và tuy không nghĩ tới thường xuyên, nhưng lòng vẫn nặng trĩu. Tôi nằm mơ thấy mẹ và vì vậy rất đau buồn. Như thể nằm ngủ, không sao dậy nổi...Có một cái gì đó đè nặng trong lòng. Tôi luôn luôn có cảm giác sắp chết. Lại thật, khi giờ đây mình đã có chồng. Tôi nghe chàng ngủ và tôi sợ mình cô đơn. Chàng

không cho tôi biết lương tâm chàng và điều đó làm tôi đau khổ. Tất cả những thứ quan hệ xác thịt ấy thật ghê tởm.

11 tháng mười: Khủng khiếp! buồn khủng khiếp! Tôi càng ngày càng thu mình lại. Chồng tôi bị ốm, tinh khí khó chịu, và không yêu tôi. Tôi chờ đợi điều đó nhưng không nghĩ là khủng khiếp đến thế. Ai là người quan tâm tới hạnh phúc của tôi? Không một ai nghi ngờ là niềm hạnh phúc ấy, tôi không biết tạo nên cho chàng cũng như cho tôi. Trong những giờ phút buồn bã, có lúc tôi tự nhủ: sống mà làm gì khi tình hình xảy ra tồi tệ đến thế cho cả bản thân mình lẫn cho những người khác! Kỳ lạ thật, nhưng y nghĩ ấy vẫn ám ảnh tôi. Càng ngày chàng càng tỏ ra lạnh lùng trong lúc ngược lại, tôi ngày một thêm yêu chàng...Tôi gọi lại kỷ niệm về người thân. Lúc bấy giờ, cuộc sống nhẹ nhõm biết chừng nào! Còn bây giờ, ôi lạy Chúa! Lòng tôi tan nát! Không một ai yêu tôi hết...Mẹ thân yêu, Tania thân yêu, họ dễ thương biết chừng nào! Vì sao tôi lại rời bỏ họ? Thật buồn bã, thật khủng khiếp! Thế nhưng Liovotchka thật tuyệt diệu...Trước kia, tôi say mê sống, làm việc, chăm sóc công việc nội trợ. Giờ thì hết rồi: tôi chỉ có ngồi im lặng khoanh tay suốt ngày và ôn lại những năm tháng đã qua. Tôi muốn làm việc nhưng không thể được...Giá chơi piano thì thích đấy, nhưng ở đây thì rất không tiện...Liovotchka đề nghị hôm nay tôi ở nhà trong lúc chàng đi Nikolskoiê. Tôi muốn đồng ý để giải thoát chàng khỏi tôi, nhưng tôi không đủ can đảm...Tôi nghiệp cho chàng! Chàng tìm kiếm khắp nơi những trò giải trí và duyên có để tránh tôi. Vì sao tôi lại ở trên trần thế này?

13 tháng mười một 1863: tôi thú nhận mình không biết tìm cách làm gì hết. Liovotchka có hạnh phúc vì có trí tuệ và tài năng, còn mình thì trí tuệ, không có, tài năng cũng không. Tìm một việc gì để làm, không khó; công việc không thiếu. Nhưng phải có hứng thú đối với những công việc vất vả ấy, tập cho mình thói quen yêu thích chúng: Chăm sóc gà vịt, chơi piano một cách miễn cưỡng; đọc nhiều điều đại dột và rất ít điều thú vị,

muối dưa chuột...Tôi lại ngủ say tới mức cuộc du lịch ở Matxcova cũng như sự chờ đợi một đứa con không may gây một chút xúc động, một thoáng mừng vui, không gì hết. Ai sẽ chỉ cho tôi cách thức tình, cách hồi sinh? Nỗi cô đơn này hành hạ tôi. Tôi không từng làm quen với nó, ở nhà bố mẹ trước kia, náo nhiệt biết chừng nào; còn ở đây, trong lúc vắng chàng, tất cả đều tẻ nhạt. Chàng đã quen cô đơn. Chàng không tìm thú vui bên cạnh bạn bè thân thiết, giống như mình, mà là trong hoạt động...Chàng đã lớn lên, trong lúc không có gia đình.

23 tháng mười một: Dĩ nhiên, tôi vô công rồi nghề, nhưng bản chất tôi không phải là như vậy. Chỉ có điều tôi không biết nên làm công việc gì. Thỉnh thoảng tôi muốn thoát khỏi ảnh hưởng của chàng một cách cuồng nhiệt, vì sao ảnh hưởng của chàng đè nặng lên vai tôi?...Tôi có đủ nghị lực để chịu nhưng tôi sẽ không phải là chàng. Tôi chỉ đánh mất cá tính của mình mà thôi. Giờ đây, tôi đã không còn như xưa nữa, và vì thế, cuộc sống đối với mình càng khó chịu hơn.

1 tháng tư: Tôi có khuyết điểm lớn là không tự tìm lấy nguồn lực trong chính bản thân mình...Liova rất bận rộn với công việc và với chuyện quản lý đất đai, trong lúc tôi không một chút lo nghĩ. Tôi không có năng khiếu gì hết. Tôi muốn có nhiều việc phải làm hơn, nhưng là một công việc thực sự. Trước kia, vào những ngày xuân đẹp trời thế này, tôi cảm thấy cần, cảm thấy muốn một cái gì đó. Chỉ có trời mới biết tôi mơ màng những gì! Giờ đây, tôi không cần gì nữa hết, tôi không còn cảm thấy cái xu hướng mơ hồ và ngốc nghếch đưa đẩy mình đến đâu tôi cũng chẳng biết, vì sau khi đã tìm ra tất cả, tôi không còn gì để giấu diếm nữa. Nhưng có lúc tôi vẫn buồn.

20 tháng tư: Liova ngày càng xa tôi. Mặt vật chất của tình yêu giữ một vai trò quan trọng đối với chàng, còn đối với tôi thì không là gì cả.

Rõ ràng là trong sáu tháng đầu này, người thiếu phụ đau khổ vì xa cách người thân, vì cô đơn, vì số phận mình đã bị định đoạt dứt khoát; nàng không thích quan hệ xác thịt với chồng, và sống buồn bã. Đây cũng là nỗi buồn đến roi lệ của bà mẹ của Colette²¹ sau cuộc hôn nhân đầu tiên do những người anh trai áp đặt: Thế là nàng chia tay với ngôi nhà ấm cúng kiểu Bỉ, căn bếp dưới hầm nhà sực mùi khí đốt, mùi bánh mì nóng, mùi cà phê; chia tay với chiếc piano và cây Violon, bức chân dung Salvator Rosa²² vĩ đại bố nàng để lại, hộp đựng thuốc lá và những cái pip con con bằng đất nung có ống dài..., những cuốn sách để mở và những tờ báo nhàu nát để, với tư cách cô dâu mới cưới, bước vào ngôi nhà có lan can giữa mùa đông lạnh giá ở miền núi. Nàng bắt gặp ở tầng một, một phòng khách bất ngờ sơn trắng và vàng; nhưng tầng hai thì quét vôi sơ sài, hoang vắng tựa một kho lúa...buồng ngủ lạnh giá không kêu gọi tình yêu cũng không báo hiệu giấc ngủ ngon lành. Sido tìm kiếm những người bạn và một mối quan hệ bạn bè vô tư, vui vẻ, nhưng chỉ gặp trong chính nhà mình những người đầy tớ, những người tá điền xảo trá...Nàng cảm hoa đầy căn nhà lớn, cho sơn trắng căn bếp tối tăm, tự trông coi những món ăn miền Handre²³, nhồi bột làm bánh ga tô và trông chờ đứa con đầu lòng...Buồn bã trong cô đơn, nàng khóc...Trong *Thư gửi Françoise sau hôn nhân* (*Lettres à Françoise mariée*), Marcel Prévost²⁴ miêu tả nỗi hoang mang của nàng thiếu phụ sau cuộc du lịch trăng mật trở về. Nàng nghĩ tới ngôi nhà của mẹ với những đồ gỗ kiểu Napoléon III và kiểu Mac-Mahon những chiếc tủ bằng gỗ mận đen, tất cả những gì trước kia nàng cho là lạc hậu, là buồn cười...Tất cả những điều đó hiện lên một lát trong ký ức nồng như một nơi trú ẩn thực sự, như một cái tổ đích thực, cái tổ trong đó nàng từng được ấp ủ bởi một tình thương vô tư chống lại mọi bất trắc và hiểm họa. Còn căn nhà nơi đây, với

²¹ Trong tiểu thuyết Claudine ở trường

²² Họa sĩ, thi sĩ và nhạc sĩ Italia (thế kỷ XVII)

²³ Một vùng đất ở Pháp

²⁴ Eugène Marcel Prévost (1862 - 1941) nhà văn, nhà soạn kịch người Pháp.

mùi những chiếc thảm mới, những ô cửa sổ trống trơn, những dãy ghế lộn xộn; không, không phải là một cái tổ. Chỉ là vị trí của một cái tổ cần phải xây...Bỗng nhiên nàng cảm thấy buồn khủng khiếp, buồn như thể bị người ta bỏ rơi trên một bãi sa mạc. Từ nỗi hoang mang ấy, thường nảy sinh ở người vợ những cơn buồn phiền kéo dài và giống như triệu chứng loạn tâm thần. Đặc biệt nàng cảm thấy choáng váng về quyền tự do trống rỗng của mình dưới dạng những sự ám ảnh do suy nhược tâm thần. Pierre Janet²⁵ kể trường hợp một người vợ trẻ không thể chịu nổi cảnh ngồi một mình trong phòng, và nếu phải ngồi như vậy thì chỉ chực ra đứng ở cửa sổ và đưa mắt liếc tình với khách qua đường. Những người khác rơi vào trạng thái mất nghị lực trước một vũ trụ “không còn vẻ thật” nữa, đầy rẫy những bóng ma và những cảnh tô vẽ bằng carton quét sơn. Cũng có người ra sức phủ nhận vị trí người lớn của mình và khăng khăng phủ nhận nó suốt đời. Chẳng hạn như một bệnh nhân mà Janet gọi bằng hai chữ cái Qi.

Qi, một thiếu phụ ba mươi sáu tuổi, bị ám ảnh bởi ý nghĩ mình là một con bé lên mười, mười hai. Nhất là khi một mình, nàng không tự kiềm chế nổi và nhảy múa, cười đùa, xoắn tóc ra phấp phới trên vai, và ít nhất cũng cắt bớt tóc cho ngắn đi. Nàng muốn có thể hoàn toàn buông mình cho giấc mơ được làm một đứa trẻ. “không thể chơi trò ú tim, không thể nghịch ngợm trước mặt mọi người thì khổ sở biết chừng nào...Tôi chỉ mong người ta thấy mình dễ thương, tôi sợ mình xấu xí như ma lem, tôi muốn được người ta rất mực yêu thương, chuyện trò, mon trón, luôn luôn nói với mình là người ta yêu tôi như yêu những đứa trẻ nhỏ...Người ta yêu một đứa bé vì những trò nghịch ngợm của nó, vì trái tim bé bỏng ngây thơ của nó, vì những cử chỉ dễ thương của nó, và đáp lại, người ta đòi hỏi gì ở nó? Yêu anh, chỉ có thể thôi. Đó là điều hay, nhưng tôi không thể nói điều đó với chồng, chắc hẳn anh sẽ không hiểu. Tôi muốn làm một con bé biết

²⁵ Trong cuốn Những sự ám ảnh và suy nhược tâm thần (Les Obsessions et la psychasthénie)

chừng nào, muốn có một ông bố hay một bà mẹ bé mình lên đầu gối, vuốt tóc mình...nhưng không, tôi là một phu nhân, một bà mẹ; tôi phải quản lý một gia đình, phải nghiêm túc, phải suy nghĩ một mình, ôi, cuộc sống!...” Đối với đàn ông cũng vậy, hôn nhân thường gây khung hoảng: bằng chứng là nhiều trường hợp rối loạn tâm thần ở nam giới xảy ra trong thời kỳ hứa hôn hay trong những buổi đầu đời sống lứa đôi. Ít gắn bó với gia đình hơn các chị em gái, chàng trai vốn thuộc một tập thể nào đó: quân đội, trường đại học, xưởng học nghề, nhóm này, kíp nọ để tránh cô đơn; sau đó, chia tay tập thể ấy để bắt đầu cuộc sống thành niên đích thực của mình. Anh ta sợ cảnh cô đơn sau này, và thông thường lập gia đình để tránh cô đơn; nhưng bị lừa phỉnh bởi cái ảo ảnh được nuôi dưỡng trong tập thể và vốn cho cặp vợ chồng là một “xã hội lứa đôi”. Trừ trường hợp ngọn lửa chốc lát của tình yêu say đắm, hai cá thể không thể tạo lập một thế giới bảo vệ mỗi một người trong số họ chống lại thế giới; cả hai người đều cảm thấy điều đó sau ngày cưới. Người vợ chẳng bao lâu trở nên quen thuộc và bị nô dịch sẽ không còn giấu chồng sự tự do của mình; nàng là một gánh nặng, chứ không phải một có ngoại phạm (alibi), không giải phóng chồng khỏi sức nặng trách nhiệm, trái lại làm cho trách nhiệm nặng thêm. Sự khác giới thường bao hàm những sự khác biệt về tuổi tác, về giáo dục, về vị trí, do vậy, không cho phép một sự nhất trí thực sự nào. Ngày xưa, thông thường giữa họ là một cái vực đích thực: được nuôi dạy trong một trạng thái dốt nát, thơ ngây, cô gái không có một “quá khứ” nào, trong lúc anh chồng chưa cưới đã từng “sống”; trách nhiệm của chàng là tập cho nàng làm quen với thực tại cuộc đời. Một số đàn ông lấy làm kiêu hãnh về vai trò khó khăn này; những người sáng suốt hơn thì lo lắng suy tính về khoảng cách giữa mình và người bạn đời mai sau. Một nhà văn miêu tả những nỗi băn khoăn của một chàng trai Mỹ vào những năm 1870 trước cô gái - vợ mình: Vừa kinh hoàng vừa trân trọng, chàng ngắm nhìn vâng trán tinh khiết, đôi mắt nghiêm trang, làn môi ngây thơ và vui tươi của người

con gái sắp trao cả tâm hồn cho mình. Người con gái vốn hy vọng mọi điều vì không biết một điều gì hết. Cái sản phẩm đáng sợ ấy của hệ thống xã hội mà chàng ở trong đó và được chàng tin tưởng, giờ đây, chàng thấy như là một người xa lạ... Họ thực sự biết gì về nhau, khi bốn phận của chàng, với tư cách người đàn ông lịch sự, là giấu giếm cô vợ mới cưới quá khứ của mình, và bốn phận của nàng là không có quá khứ?... Cô gái, trung tâm của cái hệ thống phỉnh phờ được thiết lập một cách cao siêu này, trở thành một điều bí ẩn không sao hiểu nổi do chính sự chân thật và táo bạo của nàng. Nàng chân thật - người con gái thân thiết tội nghiệp ấy - vì không còn gì phải giấu giếm; nàng tin cậy vì nghĩ mình không việc gì phải giữ mình; và không một chút chuẩn bị, bị chìm đắm trong một đêm vào cái mà người ta gọi là “hiện thực cuộc sống...” Sau khi tần ngần đến hàng trăm lần trước con người đơn giản này, chàng quay lại, một cách thất vọng, với ý nghĩ cho rằng sự tinh khiết nhân tạo này, do âm mưu của những người mẹ, người cố, người bà, và cả những tổ tiên nghiêm khắc tạo nên hết sức khéo léo, chỉ tồn tại để thỏa mãn sở thích riêng của chàng, để chàng có thể thực hiện trên sự tinh khiết ấy, cái quyền lãnh chúa của mình và làm nó tiêu tan như một cái bong bóng. Ngày nay, cái hố ngăn cách đã bớt sâu vì cô thiếu nữ có nhiều hiểu biết hơn, được vũ trang tốt hơn cho cuộc sống. Nhưng thông thường nàng còn trẻ hơn chồng nhiều. Đó là một điểm không được người ta nhấn mạnh đầy đủ tầm quan trọng: người ta thường cho hệ quả tình trạng phát triển không đồng đều là sự khác biệt về giới. Trong nhiều trường hợp, người vợ là một cô bé không phải vì là phụ nữ, mà vì thực tế, rất trẻ. Cái nghiêm túc của chồng và của các bạn chồng làm nàng khổ sở.

Khoảng một năm sau ngày cưới, Sophie Tolstoi viết: Anh ấy già, quá bận rộn; còn tôi, hôm nay, tôi cảm thấy mình rất mực trẻ trung và hết sức muốn làm những điều rồ dại! Thay vì đi ngủ, tôi những muốn nhảy múa, nhưng nhảy múa với ai? Một bầu không khí già cỗi bao vây tôi; tất cả xung quanh tôi đều già nua. Tôi cố sức kìm hãm mỗi niềm say mê của tuổi thanh xuân

vì thấy nó không hợp với cái môi trường đứng đắn này biết chừng nào. Về phía mình, người chồng cho vợ là một “hài nhi”, không phải là người bạn đời mình chờ đợi và làm cho nàng cảm thấy điều đó. Lòng tự ái của nàng bị thương tổn. Dĩ nhiên, rời khỏi nhà bố mẹ, nàng muốn tìm một người dẫn đường, nhưng cũng muốn được coi là một “người lớn”; nàng ao ước vẫn là đứa bé gái, nhưng cũng muốn là một người vợ; người chồng lớn tuổi hơn không bao giờ có thể ứng xử cho thỏa mãn được nàng hoàn toàn. Nhưng dù không hơn kém tuổi nhau bao nhiêu, thông thường cô gái và chàng trai được nuôi dạy theo cách không giống nhau: nàng thì thoát thai từ một vũ trụ nữ tính, được dạy dỗ theo đạo lý nữ giới và sự tôn trọng các giá trị của phụ nữ; còn chàng thì thấm nhuần những nguyên lý của đạo đức học nam giới. Thường họ hiểu nhau rất khó khăn và những sự xung đột chẳng bao lâu mà nảy sinh. Thông thường, hôn nhân đặt người vợ trong sự phụ thuộc vào chồng, vì vậy, vấn đề quan hệ vợ chồng, chủ yếu được đặt ra với người vợ hết sức gay gắt. Cái nghịch lý của hôn nhân là ở chỗ nó vừa có chức năng tình dục vừa có chức năng xã hội: tính lưỡng trị này được phản ánh trong gương mặt chồng đối với người vợ trẻ. Chàng là một vị á thần có uy tín của người đàn ông và nhằm thay thế người cha làm người bảo vệ, người cung ứng, người giám hộ, người hướng đạo; cuộc đời của người vợ phải nảy nở dưới bóng chàng; chàng là người nắm giữ các giá trị, là người bảo đảm chân lý, là biểu tượng về mặt đạo đức của lứa đôi. Nhưng chồng cũng là một “con đực” mà mình cũng phải chia sẻ một kinh nghiệm thường là đáng xấu hổ, kỳ cục, khả ố, hoặc dữ dội tới mức gây hoang mang, và dấu sao cũng bất ngờ; anh ta cũng đưa vợ vào “đằm” trong cái “vũng bùn thú vật” trong lúc vẫn đưa nàng theo một bước chân cứng rắn tới lý tưởng.

Trong *Thérèse Desquevroux*, Mauriac viết:

Một buổi tối ở Paris, Bernard dứt khoát không dự một buổi ca múa nhạc vì màn diễn làm anh ta khó chịu: “Nếu người nước ngoài trông thấy. Thật xấu hổ và họ sẽ đánh giá chúng ta qua cái đó...” Therèse, kinh ngạc vì sao người đàn ông tiết tháo ấy lại có thể là người mà chỉ sau không đến một tiếng đồng hồ nữa bắt mình phải chịu những cái trò quý quái trong bóng đêm.

Giữa vị thần và con vật, có thể có vô số hình thức mập mờ. Trong truyện ngắn *Khúc dạo đầu* (Prélude), K. Mansfield miêu tả sau đây một trong những hình thức của tính lưỡng trị ấy:

Nàng yêu chàng thực sự; chiều chuộng, khâm phục và tôn trọng chàng hết mực. Ô! Hơn bất cứ ai trên đời này! Nàng biết chàng tận chân tơ kẽ tóc. Chàng là hiện thân của lòng trung thực, của tư cách đáng kính và, mặc dù toàn bộ kinh nghiệm thực tiễn, vẫn giản dị, tuyệt đối ngây thơ, rất dễ hài lòng, rất ít giận hờn. Chỉ có điều là giá chàng không nhảy xổ vào nàng như thế, với đôi mắt ham hố, nồng nàn đến thế! Từ nhỏ, nàng vốn ghét những gì như muốn vồ lấy mình. Thế mà có những lúc chàng trở nên khủng khiếp, thật sự khủng khiếp, khiến nàng suýt dùng hết sức bình sinh hét lên: Anh giết chết tôi mất! Và lúc đó, nàng muốn nói những lời nặng nề, những lời đáng ghét...Đúng, đúng, đúng là như thế. Với tất cả tình yêu, lòng kính trọng và khâm phục Stanley, nàng vẫn căm ghét chàng. Chưa bao giờ nàng cảm thấy rõ ràng đến thế này; tất cả những tình cảm ấy đối với chàng thật rõ rệt, dứt khoát, cả về yêu lẫn ghét. Và nỗi căm ghét này cũng rõ rệt như những tình cảm kia. Giá nàng có thể cho chúng vào những chiếc túi nhỏ như nhau và trao cho Stanley. Nàng muốn trao cho chàng chiếc túi cuối cùng làm chuyện bất ngờ và hình dung cặp mắt chàng khi mở túi. Trường hợp Sophie Tolstoi cũng tương tự. Từ những đoạn tôi trích dẫn trên đây và cả những phần còn lại của nhật ký, rõ ràng là bà nhận thấy mình không yêu chồng. Quan hệ xác thịt với chồng làm bà kinh hãi. Bà trách quá khư

của chồng, thấy chồng già và khó tính, một mực phản đối ý kiến của chồng. Và lại, ông tỏ ra ham hố và thô bạo trong chuyện gối chăn, không chăm sóc, và đối xử nghiệt ngã đối với bà. Thế nhưng những tiếng kêu thất vọng, những lời thú nhận buồn bã, âu sầu, thò ơ lại xen lẫn với những lời thể nguyên yêu thương say đắm của Sophie; bà muốn người chồng yêu quý luôn luôn ở bên cạnh mình; hễ ông đi xa là bà bị nổi ghen tuông giãy vò.

Bà viết: 11 tháng giêng 1863:

Lòng ghen tuông của mình là một căn bệnh bẩm sinh. Có lẽ vì yêu chàng và chỉ yêu một mình chàng nên mình chỉ có thể có hạnh phúc với chàng, qua chàng.

15 tháng giêng 1863:

Mình muốn chàng chỉ ước mơ và suy nghĩ qua mình và chỉ yêu một mình mình mà thôi...Mình vừa cất tiếng: ta cũng thích cái này, cái nọ là ngay lập tức mình chững lại và cảm thấy không yêu bất kỳ cái gì khác ngoài Liovotchka. Thế nhưng mình tuyệt đối phải yêu một cái gì khác như chàng yêu công việc...Song lại cảm thấy một nỗi kinh hoàng khủng khiếp nếu thiếu chàng. Càng ngày mình càng cảm thấy không thể rời khỏi chàng...

17 tháng mười 1863: Mình cảm thấy không thể hiểu rõ chàng; vì vậy mình dò xét nhất cử nhất động của chàng...

31 tháng hay 1868: Thật buồn cười khi đọc lại nhật ký của mình! Biết bao nhiêu điều mâu thuẫn! Mình viết như thể mình là một con mụ tội nghiệp! Có thể có những cặp vợ chồng đoàn kết và hạnh phúc hơn vợ chồng mình không? Tình yêu của mình chỉ ngày một tăng thêm. Mình vẫn yêu chàng với tình yêu khác khoái, đắm say, cuồng nhiệt, thơ mộng. Thái độ bình tĩnh và tự tin của chàng đôi khi làm mình khó chịu.

16 tháng chín 1876: Mình khao khát tìm đọc những trang nhật ký của chàng viết về chuyện yêu đương, và sau khi tìm thấy, lòng mình tan nát vì ghen tuông. Mình giận Liovochka đã bỏ đi. Mình không ngủ, hầu như không ăn uống gì nữa hết, mình nuôi nước mắt hay mình khóc thầm. Hàng ngày mình hơi sốt và chiều đến thì run rẩy... Phải chăng mình bị trừng phạt vì đã quá yêu? Từ những trang nhật ký này, toát ra một sự nỗ lực vô vọng để bù đắp sự thiếu vắng một tình yêu đích thực bằng sự kích lệ tinh thần hay mang màu sắc “thơ mộng” ; chính sự trống rỗng này của con tim được thể hiện bằng những đòi hỏi, lo âu, ghen tuông. Nhiều trường hợp ghen tuông bệnh hoạn nảy nở trong những điều kiện như vậy. Ghen tuông biểu hiện một cách gián tiếp một trạng thái không được thỏa mãn mà người vợ khách thể hoá bằng cách “sáng tạo” ra một kẻ tình địch. Không bao giờ có cảm giác mãn nguyện bên cạnh chồng, có thể nói họ hợp lý hoá nỗi niềm thất vọng của mình bằng cách tưởng tượng mình bị chồng phản bội.

Thông thường, vì phẩm hạnh, đạo đức giả, kiêu ngạo, rụt rè, người vợ không chịu rời bỏ sự dối trá; của mình. Trong cuốn *Eva*, Chardonne²⁶ viết:

“Nhiều khi, ác cảm đối với người chồng thân yêu không xảy ra suốt cả cuộc đời: người ta gọi đó là “ưu phiền” hay bằng một cái tên khác”. Nhưng dù không bị chỉ mặt gọi tên, mỗi ác cảm vẫn cứ tồn tại, có khi khá dữ dội vì người vợ trẻ cố sức phủ nhận sự thống trị của chồng. Sau tuần trăng mật và thời kỳ hoang mang thường tiếp theo, họ tìm cách giành lại quyền tự chủ. Công việc này không dễ dàng. Chồng thường lớn tuổi hơn, dấu sao cùng có uy tín của người đàn ông, là “chủ gia đình” theo luật pháp nên có ưu thế về tinh thần và xã hội; rất nhiều khi, có cả ưu thế trí tuệ nữa, chí ít cũng về bề ngoài. Đối với vợ, chồng có lợi thế về văn hoá hay ít nhất cũng được đào tạo về nghề nghiệp. Từ tuổi thành niên, anh ta quan tâm tới tình hình thiên hạ: đó là công việc của anh ta, anh ta biết chút ít pháp luật, biết

²⁶ Nhà văn hiện đại Pháp

tình hình chính trị, thuộc một chính đảng, một nghiệp đoàn, những hiệp hội này nọ. Là người lao động, là công dân, tư duy của anh ta đi vào hành động; biết sự thử thách của hiện thực trong đó người ta không thể gian lận: nói như vậy để nói rằng người đàn ông trung lưu có kỹ thuật luận lý, thích sự kiện và kinh nghiệm. Đó là điều rất nhiều thiếu nữ chưa có. Dù có đọc sách, có nghe những buổi nói chuyện, phê bình nghệ thuật, tri thức của họ thu lượm ít nhiều một cách ngẫu nhiên vẫn không tạo thành một nền văn hoá. Họ lập luận kém, không phải do khuyết tật về bộ não, mà vì thực tiễn không buộc họ phải lập luận. Đối với họ, tư duy là một trò chơi hơn là một công cụ. Dù thông minh, nhạy cảm, chân thành, họ vẫn không biết chứng minh quan điểm của mình và rút ra hệ quả, do thiếu kỹ thuật về trí tuệ. Chính vì vậy một anh chồng - dù kém cỏi hơn nhiều - dễ dàng thắng họ vì biết chứng minh đúng, ngay cả khi anh ta sai. Nằm trong tay đàn ông, logic thường là bạo lực.

Trong *Thơ chúc hôn (Epithalame)*, Chardonne miêu tả rất hay cái hình thức áp chế xảo quyệt ấy. Nhiều tuổi hơn, có học thức và văn hoá cao hơn Berthe, Albert tự cho phép mình cái ưu thế ấy để phủ nhận mọi giá trị đối với mọi quan niệm của vợ khi anh ta không đồng tình; chứng minh không biết mệt mỏi với vợ là mình đúng, về phía mình, Berthe bướng bỉnh cho lý lẽ của chồng chẳng có chút nội dung nào hết: anh ta khẳng khẳng giữ ý kiến của mình, chỉ có thể thôi. Thế là giữa hai vợ chồng, sự hiểu lầm ngày một tăng thêm. Chồng không tìm hiểu những tình cảm và những sự phản ứng mà vợ không biện minh nổi nhưng có gốc rễ sâu xa trong lòng. Vợ cũng không hiểu những gì có thể sống động trong thứ logic dạy đời của chồng. Anh ta bực tức cả về sự dốt nát mà chị vợ không hề giấu giếm, và với vẻ thách đố, đặt ra cho nàng những câu hỏi về thiên văn học; nhưng lại kiêu hãnh hướng dẫn nàng đọc sách, tìm thấy ở nàng một thánh giả mà anh ta thông tri một cách dễ dàng. Trong một cuộc đấu tranh trong đó sự bất cập về trí tuệ buộc nàng luôn luôn chịu thất bại, người vợ trẻ không có

phương cứu chữa nào khác sự im lặng hoặc những giọt nước mắt hoặc sự bạo lực. Đầu óc choáng váng như thể bị đòn vô tội vạ, Berthe không còn có thể suy nghĩ gì được nữa khi nghe một giọng nói dồn dập, the thé, và Albert tiếp tục bao vây nàng trong một thứ rì rào dữ dội nhằm làm nàng choáng váng và thương tổn trong nỗi hoang mang của một đầu óc bị làm nhục...Nàng thất vọng, bối rối trước lối thô lỗ của một thứ lập luận không sao có thể quan niệm nổi, và để thoát khỏi cái quyền thế bất công ấy, nàng thét lên: Để tôi yên! Mấy từ này, nàng cảm thấy quá yếu ớt, nàng nhìn trên mặt bàn trang điểm một chiếc lọ pha lê và bỗng nhiên cầm ném thẳng về phía Albert...Đôi khi người vợ cũng muốn đấu tranh; nhưng thông thường, dù muốn hay không, chấp nhận để chồng suy nghĩ thay mình; chồng sẽ là lương tri của cả hai vợ chồng. Do rụt rè, do vụng về, do lười nhác, nàng phó thác cho chồng công việc tìm kiếm những quan niệm chung về mọi vấn đề khái quát và trừu tượng. Một phụ nữ thông minh, có trình độ văn hoá cao, độc lập nhưng suốt mười lăm năm khâm phục một người chồng mà bà cho là hơn mình, nói với tôi, sau khi chồng qua đời bà là cực kỳ bối rối khi phải tự quyết định lấy ý kiến và thái độ của mình; bà vẫn cố đoán xem trong mỗi trường hợp, giá chồng còn sống thì sẽ suy nghĩ và giải quyết thế nào. Chồng thường thích đóng vai người cố vấn, người thủ lĩnh. Sau khi sống một ngày trong những khó khăn về quan hệ với những người ngang hàng và trong sự phục tùng những người bề trên, anh ta muốn cảm thấy mình là người bề trên tuyệt đối và ban phát những chân lý không ai chối cãi được; trình bày những sự kiện trong ngày, tự bênh vực mình chống lại các địch thủ, và sung sướng nếu được vợ đồng tình, ủng hộ. Anh ta bình luận báo chí và những đường lối, chính sách mới, sẵn sàng cao giọng đọc cho vợ nghe, thích thú phát huy uy tín của mình và cường điệu sự yếu kém của phụ nữ, trong lúc bà vợ chấp nhận khá ngoan ngoãn vai trò thứ yếu của mình. Các bà vợ tuy không muốn chồng vắng mặt nhưng những lúc này hết sức thích thú phát hiện những khả năng bất ngờ của bản

thân mình: họ quản lý công việc, nuôi dạy con cái, quyết định mọi việc không cần một ai giúp đỡ. Họ khổ sở rơi trở lại vào cảnh bất lực khi chồng trở về. Hôn nhân khuyến khích đàn ông trên con đường độc đoán phi lý: ý muốn thống trị vốn là khuynh hướng phổ biến nhất, khó cưỡng lại nhất trên đời. Thông thường, chồng không những muốn được tán thành, được khâm phục, được làm người khuyên răn, chỉ bảo, mà còn thích được ra lệnh, được “làm vua”. Mọi hận thù tích tụ trong tuổi ấu thơ, suốt cả cuộc đời giữa những người đàn ông khác, anh ta trút hết ra, mỗi khi về nhà, bằng cách áp đặt quyền uy của mình lên đầu vợ, ra lệnh với giọng nghiêm khắc, hoặc quát tháo, đập bàn: trò hề ấy là một hiện thực thường nhật đối với người vợ. Định ninh về quyền uy của mình, anh ta cho một chút thái độ tự chủ của vợ là một sự phản kháng, muốn “cấm vợ không được hít thở khí trời” nếu không có mình. Nhưng bà vợ phản kháng, và dù có bắt đầu thừa nhận uy thế của đàn ông chẳng nữa thì sự choáng ngợp của họ cũng nhanh chóng tiêu tan: họ thấy trước mắt mình, không phải là gương mặt vĩ đại của vị Tôn chủ, của vị Thủ lĩnh, của người Thầy, mà là một con người; thấy không có lý do gì để chịu nô dịch; cho đó là một bốn phận bất công và bạc bẽo. Đôi khi họ phục tùng theo kiểu chịu đựng đóng vai một nạn nhân, và sự chịu đựng của họ chỉ là một lời trách móc âm thầm và âm ỉ; nhưng thường cũng có khi công khai đấu tranh, chống đối. Người đàn ông quả là ngây thơ khi nghĩ dễ dàng buộc vợ phục tùng mọi ý muốn của mình và “đào tạo” vợ thế nào cũng được. Balzac cho rằng “Chồng muốn vợ như thế nào thì vợ như thế ấy”, nhưng mấy trang sau, nói ngược lại. Trong địa hạt logic học và trừu tượng hoá, phụ nữ thường nhận nhục chịu đựng quyền uy của đàn ông; nhưng đối với những quan niệm và thói quen họ thực sự thiết tha, họ có thái độ phản kháng quyết liệt tuy âm thầm. Ảnh hưởng của tuổi ấu thơ và buổi thanh xuân ở nữ giới sâu đậm hơn nhiều so với đàn ông vì cắm rễ sâu hơn vào lịch sử cá nhân của họ. Những gì tiếp thu được trong những thời kỳ ấy, thông thường họ không bao giờ từ bỏ. Chồng có

thể áp đặt cho vợ một quan điểm chính trị, nhưng không bao giờ làm thay đổi được tín ngưỡng tôn giáo của họ, không làm lay chuyển những điều mê tín của họ. Mặc dù những quan niệm, đã học, những nguyên lý có khi tuôn ra như vệt, người vợ vẫn giữ thế giới quan của mình. Sự chống đối có thể khiến họ không hiểu nổi người chồng thông minh hơn mình; hoặc ngược lại, nâng chồng lên trên bàn dân thiên hạ như các nữ nhân vật của Stendhal hay Ibsen²⁷. Có khi, vì thù hận chồng - hoặc do thất vọng về tình dục, hoặc ngược lại, do bị chồng thống trị và muốn trả thù - họ bám lấy những giá trị tuy không phải của riêng mình; họ dựa vào một bà mẹ, một ông bố, một người anh trai, một người đàn ông nào đó mà họ cho là “có ưu thế”, một nhà thuyết giáo, một người chị gái, để đánh bại chồng. Hoặc nữa, tuy không chống đối một cách cụ thể, họ vẫn một mực phản đối, tấn công chồng, làm tổn thương lòng tự ái; cố sức gây cho chồng một mặc cảm tự ti. Dĩ nhiên, nếu có năng lực cần thiết, họ thích “loè” chồng, thích áp đặt ý kiến, quan điểm, đường hướng của mình và độc chiếm toàn bộ quyền uy tinh thần. Trong trường hợp không thể phủ nhận ưu thế tinh thần của chồng, họ tìm cách trả thù trong lĩnh vực tình dục; hoặc không chịu trao mình, hoặc cố tình thờ ơ trong vòng tay chồng để làm anh ta phải khổ sở vì sự lãnh dục của mình; có khi tỏ ra đờm dảng, khiêu khích, nhưng có khi buộc chồng có thái độ năn nỉ; ve vãn chồng, khiến chồng phải ghen tuông, lừa gạt chồng; bằng cách này hay cách khác, kiếm có làm chồng phải xấu hổ trong nam tính của mình. Nếu khôn ngoan không đi tới cực đoan thì ít nhất họ cũng đóng chặt một cách kiêu hãnh trong tim mình sự bí ẩn của thái độ lạnh nhạt cao ngạo. Cũng có những phụ nữ - những người bị người ta đồng hoá với con “bọ ngựa” - muốn giành phần thắng cả ngày lẫn đêm: lạnh nhạt trong vòng tay chồng, khinh khỉnh trong chuyện trò, độc đoán trong ứng xử. Phụ nữ cho là “tất cả sự bất hạnh của đàn ông bắt nguồn từ

²⁷ Nữ nhân vật trong một vở kịch của nhà văn Đan Mạch Ibsen. Nhận ra mình từ trước tới nay chỉ là một “con búp bê” trong gia đình nhà chồng, Nora phản nộ và bỏ ra đi. Nhan đề vở kịch là *Ngôi nhà búp bê*.

một hiện tượng duy nhất là không biết nghỉ ngơi trong một căn phòng”; họ sẵn sàng nhốt chặt chồng ở nhà; mọi hoạt động không có lợi cho đời sống gia đình đều bị họ phản đối. Bà vợ Bernard Palissy phẫn nộ khi ông đốt đồ gỗ để sáng chế một thứ men sứ mới mà cho tới lúc bấy giờ thiên hạ không ai cần tới. Bà Racine muốn chồng quan tâm tới những cây phúc bồn tử trong vườn và không chịu đọc các vở bi kịch của ông.

Trong *Ký sự gia đình (Chroniques maritales)*, Jouhandeau thường tỏ ra cực kỳ giận dữ vì Elise khăng khăng chỉ xem lao động của ông như một nguồn lợi vật chất. Tôi bảo nàng: “Truyện ngắn vừa rồi của anh sẽ được xuất bản sáng nay”. Nàng đáp: “Thế chắc hẳn tháng này ít nhất cũng có thêm ba trăm phrăng”, tuy không muốn tỏ ra trơ tráo mà chỉ vì thực ra chỉ cho cái đó là liên quan tới nàng. Có khi những sự xung đột này bị đẩy lên tới mức gây nên đoạn tuyệt. Nhưng thông thường, người vợ trong lúc khước từ ách thống trị của chồng vẫn muốn “giữ” chồng lại. Họ đấu tranh chống lại chồng để bảo vệ quyền tự chủ của mình và chiến đấu chống lại phần còn lại của thế giới để duy trì “tình thế” dành cho mình sự phụ thuộc. Không dễ gì chơi trò chơi hai mặt này. Vì vậy, chúng ta hiểu một phần trạng thái lo âu, bức dọc trong đời sống của không ít phụ nữ. Một nhà văn nêu lên ví dụ rất có ý nghĩa sau đây: Bà Z.T, người chưa hề hưởng khoái lạc nhục dục, kết hôn với một người có trình độ văn hoá rất cao. Bà ta không chịu đựng nổi ưu thế của chồng và tìm cách nghiên cứu chuyên ngành của ông để khỏi thua kém. Nhưng quá gay go, đành bỏ ngay sau khi đính hôn. Ông là người rất nổi tiếng, có nhiều học trò gái chạy theo. Bà quyết không để mình bị lôi cuốn vào thói sùng bái lối bạch ấy, tỏ ra vô cảm ngay từ đầu và vẫn tiếp tục vô cảm; chỉ đạt tới cực khoái bằng thủ dâm, khi chồng được thỏa mãn và kể lại với chồng. Ông tìm cách môn trớn để kích thích vợ, nhưng bà từ chối... Chẳng bao lâu sau, bà tìm cách chế giễu và chê bai công việc của chồng. Bà không sao “hiểu nổi mấy con bé ngốc nghếch chạy theo ông ta, vì bà có lạ gì những cái trò khuất tất trong đời tư “con người vĩ đại”

này.” Trong những lần cãi vã thường nhật, không thiếu những câu như: “Ông chó hòng bắt nạt tôi với thứ văn chương rẻ tiền của ông!”, hoặc: “Ông nghĩ ông muốn làm gì tôi thì làm với cái trò văn sĩ tôi ấy hả?” Ông chồng ngày càng quan tâm hơn đến các cô học trò; bà vợ thì quen thân với các chàng trai, và cứ như thế cho tới ngày ông ta phải lòng một phụ nữ khác. Trước đó, bà ta vốn chịu đựng những mối quan hệ con con kia của chồng, thậm chí kết bạn với những “con bé ngốc nghếch” bị bỏ rơi kia...Nhưng đến lúc này, bà thay đổi thái độ và thậm chí trao mình cho bọn trai to, tuy không chút cực khoái. Bà ta thú nhận với chồng là đã phản bội ông và được ông chấp nhận. Họ có thể bình tĩnh chia tay nhau...Bà từ chối việc ly hôn. Tranh luận...thanh minh...và giảng hoà...Bà vừa khóc vừa hoàn toàn trao thân cho chồng và lần đầu tiên hưởng một niềm cực khoái dữ dội. Rõ ràng là trong suốt cuộc “đấu tranh” với chồng, bà ta chưa bao giờ nghĩ tới chuyện chia tay. “Chộp được một tấm chồng” là cả một nghệ thuật, “giữ” nổi chồng lại là một cái nghề. Phải hết sức khéo léo. Một bà chị khôn ngoan khuyên cô em gái vốn là một bà vợ cay nghiệt: “Em phải cẩn thận! Cứ kiếm chuyện mãi với Marcel, em sẽ đánh mất chỗ đứng đấy!” Ván bài đặt ra cực kỳ nghiêm túc: sự an toàn vật chất và tinh thần, một tổ ấm riêng, phẩm giá người vợ - một thứ thay thế tương đối thành công của tình yêu - hạnh phúc. Các bà vợ sớm hiểu rằng sức hấp dẫn về tình dục chỉ là vũ khí yếu ớt nhất của mình: nó mai một đi vì thói quen, trong lúc than ôi! có những người đàn bà khêu gọi khác trên đời. Tuy vậy, họ ra sức làm duyên làm dáng để làm chồng vui lòng; họ thường bị giằng xé giữa niềm kiêu hãnh dẫn tới sự lãnh dục, và ý nghĩ thỏa mãn và ràng buộc chồng bằng say mê trong ân ái. Họ cũng muốn dựa vào sức mạnh của tập quán, niềm vui của chồng trong một căn nhà ấm cúng, hứng thú của chồng trước những bữa cơm ngon lành, tình yêu con cái của người cha; họ tìm cách tỏ vẻ trọng vọng khi đón tiếp chồng trở về nhà trong cách trang phục, tìm cách gây ảnh hưởng đối với chồng bằng những lời khuyên ngăn; cố gắng hết sức

mình tỏ ra mình là cần thiết, hoặc do thành công trong quan hệ xã hội, hoặc bằng lao động. Nhưng điều chủ yếu là cả một truyền thống dạy bảo cho các bà vợ nghệ thuật “biết chinh phục một người đàn ông”. Phải biết phát hiện và “phỉnh nịnh” những nhược điểm của chồng, biết khéo léo định lượng sự phỉnh nịnh và thái độ lạnh nhạt, sự ngoan ngoãn và thái độ phản kháng, sự nghiêm ngặt và thái độ khoan dung. Quan hệ giữa hai mặt cuối cùng này đặc biệt tinh tế. Không nên để cho chồng quá nhiều cũng như quá ít tự do. Nếu quá chiều chuộng, vợ sẽ có thể để “mất” chồng, có thể có nguy cơ một tình địch gây áp lực buộc chồng ly hôn hoặc chí ít giành vị trí hàng đầu trong đời sống của anh ta. Nhưng nếu cấm đoán chồng mọi chuyện, làm họ không chịu đựng nổi lối theo dõi, kiểm soát và những cảnh ghen tuông, thì có thể làm cho tình hình trở nên nghiêm trọng. Vấn đề là phải biết “nhân nhượng” một cách có ý thức; dù chồng có chút hành vi tỏ ra thiếu chung thủy thì cũng bỏ qua; nhưng vào những lúc khác thì lại phải “mở rất to mắt” ra. Đặc biệt các bà vợ thường ngờ vực những cô gái mình nghĩ là họ sẽ rất sung sướng nếu chiếm đoạt được “vị trí” của mình. Nhằm tách chồng ra khỏi một tình địch đáng ngại, họ đưa chồng đi du lịch, tìm cách làm chồng khuây khoả; nếu cần - theo gương bà de Pompadour²⁸- tìm kiếm một kẻ tình địch ít nguy hiểm hơn. Nếu mọi cách ứng xử đều thất bại, họ sẽ khóc lóc, làm mình làm mẩy, tìm cách quyên sinh, v.v...; nhưng quá nhiều chuyên giận dữ, yêu sách, sẽ có thể làm cho chồng bỏ đi vì không còn có thể chịu đựng, đúng vào lúc yêu cầu cảm dỗ trở nên khẩn thiết hơn bao giờ hết. Nếu muốn thành công, vợ phải khôn khéo kết hợp giữa những giọt lệ gây xúc động và những nụ cười dửng dưng, giữa lối dọa dẫm và lối làm duyên làm dáng. Giấu giếm, mưu mô, căm hờn và sợ hãi trong im lặng, trông chờ ở thói phô trương và những nhược điểm của đàn ông, học cách lừa phỉnh, điều khiển họ, đó là một “khoa học” thật sự không dễ dàng: Lý do quan trọng nhất người phụ nữ dùng để bảo vệ mình là ở chỗ bị buộc

²⁸ Nữ hầu tước Pháp (thế kỷ XVIII), người được vua Louis XV sủng ái.

đưa vào hôn nhân tất cả những gì của chính bản thân mình: không nghề nghiệp, không năng lực, không có quan hệ cá nhân; thậm chí họ tên cũng không còn là của mình nữa; họ chỉ còn là “một nửa” của chồng. Nếu bị chồng bỏ rơi thì thông thường, họ không thể tìm thấy một phương cứu thoát nào, dù tự bản thân mình hay từ ngoại lai. Muốn có tình thân và sự trung thực giữa hai vợ chồng, thì điều kiện tất yếu là cả hai phải được tự do đối với nhau và bình đẳng một cách cụ thể. Chừng nào vẫn giữ một mình quyền tự chủ về kinh tế và nắm trong tay - theo luật pháp và tập tục - những đặc quyền của nam giới, thì lối ứng xử của chồng như một tay bạo chúa là chuyện đương nhiên, khiến người vợ phải phản kháng và mưu mô. Không một ai phủ nhận những tấn bi kịch và những điều ti tiện trong cuộc sống vợ chồng. Nhưng những người bênh vực hôn nhân cho rằng những mối xung đột trong gia đình bắt nguồn từ hiện tượng thiếu thiện chí của cá nhân, chứ không phải từ thể chế. Trong phần kết *Chiến tranh và hoà bình*, Tolstoi miêu tả cặp vợ chồng lý tưởng: Pierre và Natacha. Natacha vốn là một thiếu nữ đóm dáng và lãng mạn. Sau khi kết hôn, nàng làm mọi người kinh ngạc vì bỏ trang điểm, hội hè, vui chơi để hoàn toàn phục vụ chồng con; trở thành hiện thân của một điển hình phụ nhân. Nàng không còn ngọn lửa sống luôn luôn rực cháy vốn là sức cảm dỗ xưa kia của mình nữa. Giờ đây, thông thường, người ta chỉ còn thấy một gương mặt và một thân hình, chứ không còn thấy tâm hồn của nàng nữa; chỉ còn thấy một “con cái” mạnh mẽ, đẹp và mắn đẻ. Nàng đòi hỏi ở Pierre một tình yêu cũng tuyệt đối như tình yêu của mình đối với chồng. Và chàng cũng hoàn toàn gắn bó với gia đình, không còn giao du, giao thiệp với ai nữa. Pierre không còn dám đi ăn tối ở các câu lạc bộ, cũng không dám đi du lịch dài ngày, trừ phi vì công việc làm ăn mà bà vợ nghĩ là công việc khoa học, và cho nó có vị trí tích cực quan trọng tuy không hiểu gì hết. Trong cuộc sống, Natacha trở thành nô lệ của chồng. Toàn bộ gia đình được chỉ đạo bởi những cái gọi là mệnh lệnh của chồng, tức là những ý muốn của Pierre mà Natacha cố sức

đoán định. Khi Pierre đi xa trở về, Natacha đón đợi chồng trong tâm trạng bồn chồn thay vì không chịu nổi sự vắng mặt của chàng; nhưng giữa vợ chồng có một mối đồng tình đồng điệu tuyệt diệu: họ hiểu nhau mà không cần phải nói với nhau hết lời. Giữa đàn con và người chồng yêu quý, Natacha hưởng một niềm hạnh phúc hầu như hoàn toàn trọn vẹn. Bức tranh huê tình này đáng được nghiên cứu kỹ lưỡng. Theo lối nói của Tolstoi, Natacha và Pierre gắn bó với nhau như tâm hồn gắn bó với thể xác; nhưng khi tâm hồn rời khỏi thể xác thì chỉ còn là cõi vĩnh hằng. Tình hình gì sẽ xảy ra nếu Pierre không yêu Natacha nữa? Lawrence²⁹ cũng phủ nhận giả thuyết về sự thay lòng đổi dạ của đàn ông: Don Ramon vẫn mãi mãi yêu cô thiếu nữ Teresa người Da đỏ, người đã hiến dâng tâm hồn cho chàng. Nhưng André Breton³⁰, một trong những người ca ngợi say sưa nhất tình yêu duy nhất, tuyệt đối, vĩnh hằng, buộc phải thừa nhận rằng ít nhất trong hoàn cảnh hiện nay, tình yêu ấy có thể nhâm lẫn về đối tượng: dù là nhâm lẫn hay bất nhất, thì vẫn là một sự bỏ rơi giống nhau đối với người phụ nữ. Lược lưỡng và nhục cảm, Pierre sẽ bị những người đàn bà khác lôi cuốn về mặt nhục dục. Natacha là người đàn bà ghen tuông. Chẳng bao lâu, quan hệ giữa họ sẽ trở nên gay gắt. Hoặc chàng sẽ bỏ nàng, và cuộc đời nàng tàn lụi; hoặc chàng sẽ dối trá, chịu đựng nàng trong thù hận, và cuộc đời chàng tan nát; họ sẽ sống giữa những sự điều đình và những biện pháp nửa vời, khiến cả hai người đều đau khổ. Người ta sẽ bảo ít nhất Natacha cũng có những đứa con; nhưng con cái chỉ là một nguồn vui trong lòng một hình thức cân bằng mà người chồng là một trong những cái chóp, còn đối với một người đàn bà bị bỏ rơi và ghen tuông thì trở nên một gánh nặng vô bổ. Tolstoi khâm phục sự tuân thủ mù quáng của Natacha đối với những quan điểm của Pierre, nhưng một người đàn ông khác, Lawrence - người cũng đòi hỏi ở người vợ một sự tuân thủ mù

²⁹ Nhà thơ và nhà tiểu thuyết hiện đại Anh

³⁰ Nhà văn hiện đại Pháp

quáng - chế giễu cả Pierre lẫn Natacha. Rõ ràng, một người đàn ông có thể, theo ý kiến những người đàn ông khác, là một cái tượng đất sét, chứ không phải một vị thần đích thực: thờ phụng anh ta, người ta sẽ mất mạng chứ không phải được cứu mạng. Biết thế nào được? Các yêu sách của đàn ông chống đối lẫn nhau; quyền lực không còn tác dụng, và người vợ phải phán xét, phải phê bình, chứ không thể chỉ là một tiếng vâng ngoan ngoãn. Và lại, sẽ chỉ là hạ thấp họ nếu áp đặt cho họ những nguyên tắc, những giá trị mà họ không tán thành bằng một cử chỉ tự do nào. Họ chỉ có thể đồng tình với tư tưởng của chồng qua một sự đánh giá độc lập; con những gì xa lạ đối với họ thì họ không thể chấp nhận cũng như không thể phản bác; họ không thể vay mượn người khác lý do tồn tại của chính bản thân mình. Đối lập triệt để nhất với huyền thoại Pierre-Natacha, là cặp vợ chồng Léon-Sophie. Sophie ghét bỏ chồng, thấy chồng thật “khó chịu”; chồng phản bội vợ và có quan hệ với tất cả các cô gái nông thôn trong vùng; vợ thì ghen tuông và buồn bã, trải qua vô số lần thai nghén trong trạng thái dễ bị kích động, và con cái không khoẻ lép nổi cái trống rỗng trong tim nàng cũng như cái trống rỗng của ngày tháng. Đối với vợ, gia đình là một bãi sa mạc khô cằn, còn đối với chồng, là một chốn địa ngục. Và kết thúc tất cả những thứ đó là một bà già loạn thần kinh nằm ngủ hầu như trần truồng trong đêm tối ẩm ướt giữa rừng, và một ông già bị săn đuổi bỏ trốn, cuối cùng phủ nhận sự “gắn bó” của cả một cuộc đời. Dĩ nhiên trường hợp Tolstoi là trường hợp cá biệt. Có vô số gia đình “ôn hòa”, nghĩa là vợ chồng đi tới một sự thỏa hiệp. Họ sống với nhau, không quá hành hạ nhau và cũng không quá đối trá nhau. Nhưng có một tai họa ít khi họ thoát khỏi: đó là phiền não. Dù chồng có thể biến vợ thành một tiếng vang của chính bản thân mình, hay mỗi người co mình lại trong vũ trụ riêng của mình, thì sau vài tháng hoặc vài năm, họ cũng không còn có gì để nói với nhau nữa. Vợ chồng là một cộng đồng tuy các thành viên đã đánh mất quyền tự chủ của mình nhưng vẫn không thoát khỏi cô đơn. Thay vì duy trì với nhau một

mối quan hệ tích cực và sống động, họ đồng hoá với nhau một cách tĩnh tại, nên trong địa hạt tinh thần cũng như trong lĩnh vực tmh dục, họ không thể cho nhau gì hết, trao đổi gì hết với nhau. Một nhà văn Mỹ thâu tóm chuyện tình duyên buồn bã của không ít cuộc sống gia đình: Nghe tiếng chuông, bà Welton ra mở cửa.

- Anh đẩy há! - bà hỏi vui vẻ -.

Họ cùng nở nụ cười vẻ phấn chấn.

- Phải! - Ông đáp - Em ở nhà há?

Họ khẽ hôn nhau, vẻ chú ý một cách lịch sự, bà nhìn ông treo mũ, mặc áo, lấy báo tử túi áo ra và trao cho bà một tờ.

- Anh mang báo về! - bà vừa nói vừa cầm báo -.

- Thế nào? Em làm gì ở nhà suốt ngày? - ông hỏi -.

Bà từng chờ câu hỏi ấy; hình dung, trước khi ông về, sẽ kể cho ông nghe tất cả những sự việc vụn vặt trong ngày, như thế nào... Nhưng giờ đây, bà cảm thấy đó là cả một câu chuyện dài dòng vô vị.

- Ô ! Có gì đâu - bà đáp với một tiếng cười nhỏ vui vẻ - .Buổi chiều của anh có thú vị không?

- Thế này này! - Ông mở đầu... Nhưng chưa nói thì đã mất cả hứng thú... Và lại, bà đang bận gỡ một sợi chỉ ở một đường viền bằng len trên mặt chiếc gối

- Ô, như thế đấy - ông nói tiếp - .

... Bà biết nói khá lưu loát với những người khác...

Ra ngoài xã hội, Ernest cũng khá bẻm mép... Bà cố nhớ lại họ đã nói với nhau những gì trước ngày cưới, trong thời kỳ hứa hôn. Lúc đó, họ không bao giờ có gì nhiều lắm để nói với nhau. Nhưng lúc bấy giờ, bà không mấy quan tâm... Những

nụ hôn và nhiều sự việc choán hết đầu óc. Song sau bảy năm, không thể trông cậy vào những nụ hôn và những thứ khác để khoá lấp các buổi tối. Người ta những tưởng sẽ thành thói quen sau bảy năm, sẽ thấy là như thế đấy và nhẫn nhục chịu đựng. Nhưng không. Rồi cuộc không thể chịu nổi nữa. Không phải là một bầu không khí êm đềm, thân mật thỉnh thoảng đến với người ta, mà là cái cảm giác có điều gì đáng ra phải làm, cái cảm giác mình không làm tròn bổn phận. Giống như trạng thái một bà chủ nhà, khi một buổi dự dạ hội không suôn sẻ...

Ernest sẽ đọc báo một cách chăm chú và đến nửa chừng sẽ bắt đầu ngáp dài. Có một điều gì đó xảy ra trong lòng bà Welton mỗi khi ông làm như vậy. Bà lẩm bẩm là phải nói chuyện với Délia và bỏ chạy xuống bếp, đứng ở đó một lúc lâu, mơ màng nhìn đám bình, chậu, kiểm tra bản kê quần áo giặt là, và khi bà quay lên nhà thì ông đang trong buồng tắm. Trong một năm, ba trăm buổi tối của họ diễn ra như thế đó. Bảy lần ba trăm, vị chi hơn hai nghìn.

Đôi khi người ta cho bản thân sự im lặng này là dấu hiệu của một tình thân mật sâu đậm hơn mọi lời nói, và chắc hẳn không một ai nghĩ chuyện không thừa nhận là đời sống vợ chồng tạo nên một sự thân mật; mọi quan hệ gia đình đều như vậy tuy không phải vì thế mà không ẩn chứa giận hờn, ghen tuông, thù hận, Jouhandeau chỉ rõ sự khác nhau giữa sự thân mật và một tình người đích thực khi ông viết:

Elise là vợ tôi, và chắc hẳn không một người bạn nào, một người thân nào trong gia đình tôi, thân thiết đối với tôi hơn nàng. Nhưng dù vị trí nàng tự tạo cho mình và tôi dành cho nàng trong thế giới sâu kín nhất của tôi, gần gũi đối với tôi thế nào; dù vị trí ấy ăn sâu đến mấy vào thể xác và tâm hồn tôi (và chính đó là màn bí ẩn và tấn bi kịch về sự liên kết không thể tan rã giữa chúng tôi), thì con người đang đi lúc này trên đường phố mà tôi chỉ lơ mơ trông thấy qua ô cửa sổ, vẫn ít xa lạ đối với tôi hơn nàng về mặt con người, bất luận người đó là ai.

Ở đoạn khác, ông lại viết:

Người ta nhận thấy mình là nạn nhân của một thứ thuốc độc, nhưng đã làm quen với nó. Từ nay, khước từ nó như thế nào trong lúc không khước từ chính bản thân mình?

Và còn nữa:

Khi nghĩ về nàng, tôi cảm thấy tình yêu vợ chồng không có chút quan hệ nào với đồng cảm, nhục cảm, mê say, tình bạn, tình yêu. Thích ứng với riêng một mình nó, và không thể biến đổi thành bất cứ một trong những tình cảm nào nói trên, nó có bản chất riêng, tính đặc thù và phương thức duy nhất của nó tùy theo từng cặp đôi do nó ghép lại với nhau.

Các “luật sư” của tình yêu vợ chồng sẵn sàng biện hộ rằng nó không phải là một tình yêu và chính vì thế nó mang tính chất kỳ diệu. Trong những năm gần đây, giai cấp tư sản đặt ra một phong cách sử thi: óc thủ cựu mang gương mặt phiêu lưu; lòng chung thủy, gương mặt một sự điên rồ “thanh cao”; sấu nảo trở thành sự khôn ngoan và những mối thù hận trong gia đình là hình thái sâu xa nhất của tình yêu. Thực ra, khi hai con người ghét bỏ nhau nhưng không thể không cần tới nhau, thì đó không phải là mối quan hệ đích thực nhất, làm xúc động lòng người nhất, trong các mối quan hệ giữa con người với con người; mà là thứ quan hệ đáng thương hại nhất.

Trái lại, lý tưởng sẽ là ở chỗ tuy mỗi người hoàn toàn tự thỏa mãn với mình nhưng người ta lại chỉ gắn bó với nhau bằng tình yêu hoàn toàn tự nguyện. Tolstoi muốn sợi dây gắn bó Natacha với Pierre là một cái gì “không thể định nghĩa được, nhưng bền chặt, vững chãi như sự gắn bó giữa tâm hồn và thể xác con người”. Nếu như chấp nhận giả thuyết nhị nguyên luận, thì đối với tâm hồn, thể xác chỉ là một sự giả tạo đơn thuần; và nếu thế thì trong quan hệ vợ chồng, người này đối với người kia là cái gánh nặng không sao tránh khỏi của cái hiện hữu ngẫu nhiên; phải chấp

nhận nó và yêu nó với tư cách một sự hiện diện phi lý và không được lựa chọn, điều kiện tất yếu và là chính bản thân chất liệu của cuộc sống. “Chấp nhận” và “yêu” , giữa hai từ ấy, người ta sẵn sàng lẫn lộn, và từ đó nảy sinh sự phỉnh phờ: người ta không yêu cái người ta phải chấp nhận. Người ta chấp nhận thân thể, quá khứ, tình thế hiện tại của mình; còn tình yêu là sự vận động hướng tới một người khác, tới một cuộc đời cách biệt cuộc đời mình, tới một mục đích, một tương lai. Chấp nhận một gánh nặng, một cái ách độc tài, không phải là yêu nó, mà là phản kháng lại.

Một mối quan hệ giữa con người với con người không thể có giá trị chừng nào nó đến một cách bột phát. Quan hệ con cái cha mẹ, chẳng hạn, chỉ có giá trị khi chúng được phản ánh một cách có ý thức; và không thể chấp nhận quan hệ vợ chồng bột phát trong đó hai vợ chồng làm tiêu tan quyền tự do của mình. Sự xen lẫn phức tạp giữa gán bó, giận hờn, thù hận, mệnh lệnh, nhẫn nhục, lừa dối, xảo trá, mà người ta mệnh danh là tình yêu vợ chồng, người ta chỉ muốn tôn trọng nó khi nó được dùng để làm có ngoại phạm (alibi). Nhưng tình bạn cũng như tình yêu nhục dục đều như vậy: muốn được đích thực, trước hết, phải được tự do. Tự do không có nghĩa là khi thế này, lúc thế khác, và một tình cảm là một sự cam kết vượt qua khoảnh khắc; nhưng vận dụng ý chí nói chung và những hành vi riêng biệt để giữ vững hay ngược lại huỷ bỏ quyết định của mình, chỉ là công việc của cá nhân. Tình cảm của người ta chỉ có thể tự do khi nó không phụ thuộc vào một mệnh lệnh bên ngoài nào, khi nó xuất phát từ một tấm lòng chân thực không biết sợ hãi. Trái lại, mệnh lệnh của “tình yêu vợ chồng” dẫn tới mọi sự dồn ép và dối trá.

Và trước hết, nó không cho phép hai vợ chồng hiểu nhau thực sự. Sự thân mật hàng ngày không tạo nên hiểu biết lẫn đồng cảm. Tôn trọng vợ, chồng không can thiệp vào đời sống tâm lý của nàng. Nàng có khoái cảm trong ân ái không? Có thực sự yêu chồng không? Có thực sự vui lòng nghe

theo lời chồng không? Chồng không muốn tự đặt cho mình những câu hỏi như vậy, thậm chí đó là những câu hỏi khó chịu. Chàng đã kết hôn với một “người đàn bà đoan trang”, về bản chất, nàng là người đức hạnh, tận tụy, chung thủy, trong sáng, hạnh phúc, và nàng suy nghĩ những điều cần suy nghĩ. Tùy theo trường hợp, đời sống vợ chồng có những gương mặt khác nhau. Nhưng đối với rất nhiều phụ nữ, ngày tháng trôi qua hầu như một cách giống nhau. Buổi sáng, chồng vội vã chia tay nàng; nàng vui mừng khi nghe cánh cửa khép lại sau lưng chồng; nàng thích thấy mình được trở lại tự do, và làm chủ nhà mình không có ai ra mệnh lệnh. Trẻ con đến lượt chúng cũng đến trường; nàng sẽ ở một mình cả ngày: đứa bé đang quậy trong nôi hay đang chơi ngoài vườn không làm nàng thay đổi tình hình. Nàng dành ít nhiều thì giờ cho công việc trang điểm và công việc nội trợ. Nếu có người ở thì ra lệnh cho người ta, ở lại chuyện trò một lát trong nhà bếp. Nếu không, thì ra chợ, trao đổi vài lời về giá cả với các bà láng giềng hay những người bán hàng. Nếu chồng và con về nhà ăn trưa, nàng cũng không lợi dụng sự có mặt của họ; nàng phải làm biết bao việc để nấu nướng, dọn ăn và rửa ráy. Thông thường thì họ không về.

Đâu sao, nàng cũng có cả một buổi chiều dài, trống rỗng. Nàng đưa những đứa bé nhất đến công viên và vừa đan hay khâu vừa trông coi chúng. Tay làm việc nhưng đầu óc nàng không bận rộn. Nàng suy đi nghĩ lại những nỗi niềm của mình, phác họa các dự định, mơ màng, ưu tư, không một công việc nào là vì riêng cho bản thân mình; tư tưởng của nàng hướng về chồng, về con; họ sẽ bận những chiếc sơ mi nàng giặt giũ, ăn bữa cơm nàng nấu nướng. Nàng chỉ sống vì họ; và không biết họ có biết ơn nàng không? Nỗi ưu tư dần dà trở thành nỗi sốt ruột, nàng bắt đầu chờ đợi, trong lo âu, chồng con trở về. Các con đi học về, nàng hôn chúng, hỏi han chúng; nhưng chúng phải làm hài, chúng muốn vui chơi với nhau, chúng bỏ đi; chúng không phải là một nguồn để nàng khuây khoả. Hơn nữa, chúng lại bị điểm xấu, đánh mất một chiếc khăn quàng, chúng làm ồn, làm

mất trật tự, đánh lộn: luôn luôn phải la mắng chúng, không nhiều thì ít. Sự có mặt của chúng làm mẹ chúng mệt nhọc hơn là yên lòng.

Người vợ mỗi lúc một thêm nóng lòng chờ chồng. Chàng làm gì? Sao chưa về? Chàng làm việc, gặp gỡ chuyện trò với thiên hạ, và không nghĩ tới nàng. Nàng bắt đầu tức tối, nghĩ là mình thật dại đã hy sinh cả tuổi thanh xuân cho chàng và chàng đã chẳng hề biết ơn.

Còn người chồng, trên đường về ngôi nhà chị vợ bị nhốt chặt trong đó, cảm thấy mình có lỗi một cách mơ hồ. Những buổi đầu sau ngày cưới, chàng tặng nàng, khi về nhà, lúc một bó hoa, lúc một món quà nhỏ. Nhưng nghi thức ấy sớm mất hết ý nghĩa. Giờ đây, chàng về nhà, hai tay không; và càng ngại ngần sự đón tiếp thường nhật, càng ít vội rảo bước. Quả vậy thông thường, người vợ trả thù việc phải chờ đợi cả ngày bằng thái độ rầu rĩ; và qua đó, cũng muốn tỏ ra nỗi thất vọng đối với một sự hiện diện không thỏa mãn những niềm hy vọng của đợi chờ. Và dù nàng không biểu lộ thái độ chẳng nữa, người chồng, về phía mình, vẫn thất vọng. Chàng mệt mỏi, chẳng vui thích gì ở cơ quan. Một cách trái ngược, chàng muốn vừa được kích thích vừa được nghỉ ngơi. Gương mặt quá quen thuộc của vợ không giải thoát chàng khỏi bản thân mình. Chàng cảm thấy nàng muốn được chia sẻ lo âu, chờ đợi ở chàng niềm vui và thư giãn. Sự có mặt của nàng làm cho cuộc sống thêm nặng nề, chàng không tìm thấy ở nàng một sự thoải mái đích thực.

Con cái cũng không mang lại niềm vui và yên tĩnh. Bữa cơm và buổi tối diễn ra trong một không khí trầm lặng mơ màng: dưới lớp vỏ thân mật, mỗi người vẫn cô đơn trong lúc đọc sách báo, nghe đài phát thanh, chuyện trò một cách uể oải.

Tuy nhiên, với một niềm hy vọng pháp phông - hay một nỗi sợ hãi cũng không kém phần pháp phông - người vợ tự hỏi liệu đêm nay - rốt cuộc! lại

vẫn đêm nay! - có sẽ xảy ra điều gì không. Nàng nằm ngủ, lòng thất vọng, tức tưởi hay nhẹ nhõm; sáng mai, nàng sẽ vui mừng nghe tiếng cửa đóng. Người vợ càng nghèo và tất bật với công việc thì thân phận càng xót xa. Nó có phần sáng sủa khi họ đồng thời được nghỉ ngơi và giải trí. Nhưng cái sơ đồ: sâu nã, đợi chờ, thất vọng, thường gặp hơn cả.

Trong một vài trường hợp, người vợ có cơ hội làm thay đổi tình thế; nhưng trong thực tiễn, không phải ai cũng làm được. Đặc biệt ở tình lẻ, xiềng xích hôn nhân khá nặng nề: người vợ phải tìm cách chịu đựng một tình thế không sao có thể thoát khỏi. Nhiều người tạo ra những tấn bi kịch xung quanh mình hay nhốt chặt mình trong một thế giới tưởng tượng. “Bà Beudet tươi cười dưới ngòi bút miêu tả của Amiel³¹ thuộc loại này. Bị nhốt chặt trong sự đơn điệu của một cuộc sống tình lẻ, cạnh một anh chồng lỗ mãng; không có cơ hội hành động cũng như yêu đương, bà mòn mỏi với cái cảm giác về cuộc đời trống rỗng và vô bổ của mình; bà cố tìm kiếm một sự bù trừ trong những giấc mơ lãng mạn, những bó hoa cắm khắp nhà, trong trang điểm, trong con người; thậm chí trong những thú vui ấy, cũng bị ông chồng quấy nhiễu, rứt cuộc, bà tìm cách giết chết ông ta.

Những thái độ tượng trưng người vợ ẩn mình trong đó để trốn thoát thực tại có thể dẫn tới những hành vi đồi bại; và những sự ám ảnh của họ có thể dẫn tới tội phạm. Có những tội phạm trong quan hệ vợ chồng xảy ra vì quyền lợi, ít hơn vì một môi thù hận đơn thuần như Thérèse Desqueyroux trong tác phẩm của Mauriac, chẳng hạn, tìm cách đầu độc chồng. Vừa qua, người ta miễn tố một bà vợ bốn mươi tuổi đời đã từng chịu đựng hai mươi năm rông rã một người chồng khả ố, và một hôm, một cách lạnh lùng, với sự giúp đỡ của anh con trai lớn, bóp cổ chồng. Đối với bà ta, không có cách nào khác để thoát khỏi một tình thế không sao có thể chịu nổi.

³¹ Nhà văn Thụy Sĩ sáng tác bằng tiếng Pháp (thế kỷ XIX).

Thông thường, khi muốn chấp nhận cuộc sống của mình một cách sáng suốt và chính trực, người vợ không có cứu cánh nào khác là một niềm kiêu hãnh kiến nghị. Vì phụ thuộc vào mọi vật và mọi người, họ chỉ có một sự tự do hoàn toàn nội tâm, và vì vậy, trừu tượng; phủ nhận những nguyên tắc và giá trị có sẵn; họ phán đoán, họ hỏi han, và qua đó, thoát khỏi cảnh nô lệ trong quan hệ vợ chồng. Nhưng thái độ dè dặt một cách kiêu hãnh, chấp nhận công thức “Hãy chịu đựng và quên mình” chỉ là một thái độ tiêu cực. Cứng nhắc trong hy sinh và yếm thế, họ không biết sử dụng sức lực một cách tích cực. Chừng nào còn hăng hái, sống động, họ tìm mọi sáng kiến sử dụng chúng: họ giúp đỡ người khác, chở che, an ủi, biếu tặng, làm hết công việc này đến công việc khác; nhưng đau khổ vì không gặp một nhiệm vụ nào đòi hỏi họ thực sự, vì không dành hoạt động của mình cho một mục đích nào hết. Thông thường, bị cảnh cô đơn và vô sinh gặm nhấm, rốt cuộc họ tự phủ nhận mình, tự thủ tiêu mình.

Một trường hợp điển hình là trường hợp bà de Charrière³². Một nhà văn nói về bà: “Gương mặt bốc lửa, vàng trán băng giá”. Nhưng không phải lý trí đã dập tắt ở bà ngọn lửa cuộc sống mà một nhà văn khác cho là có thể “sưởi ấm một trái tim người Laponie³³. Chính hôn nhân đã từ từ giết chết Người đẹp ở Zuylen.

Sắc sảo, thông minh, sôi nổi, có trình độ văn hoá cao, cô de Tuyle làm cả châu Âu kinh ngạc, làm những người cầu hôn khiếp hãi. Nhưng những sự ràng buộc của cuộc sống ở Zuylen khiến nàng không thể chịu nổi. Nàng muốn làm vợ, muốn được tự do. Ba mươi tuổi, nàng kết hôn với ông de Charrière. Nàng tìm thấy và ca ngợi ở ông “trái tim trung thực” và “đầu óc công minh”, nhưng không sao thắng nổi tính lãnh đạm có phương pháp của ông. Sống trong cảnh bưng bít ở Colombier³⁴ giữa người chồng trung

³² Nữ văn sĩ Thụy Sĩ (thế kỷ XIX) quê ở Zuylen, vùng hồ Genève.

³³ Vùng Bắc Âu (khí hậu giá lạnh).

³⁴ Miền đất gần Genève ở Thụy Sĩ.

thực và tẻ nhạt ấy, một ông bố chồng già lão và hai cô em dâu vô duyên, bà de Charrière bắt đầu râu rĩ. Cái xã hội tỉnh lẻ ở Neufchâtel làm bà khó chịu với lối đầu óc hẹp hòi. Bà “giết chết” ngày tháng với việc giặt giũ quần áo cho cả nhà và tối tối chơi trò theo dõi sao băng. Một chàng trai đi qua đời bà, một cách ngắn ngủi, và bà càng cảm thấy cô đơn hơn trước. “Lấy sâu nã làm nguồn thi hứng”, bà viết bốn cuốn tiểu thuyết về phong tục Neufchâtel³⁵ và quan hệ bạn bè càng thu hẹp lại.

Trong một cuốn tiểu thuyết, bà mô tả nỗi bất hạnh kéo dài của một cuộc hôn nhân giữa một người đàn bà sống động và nhạy cảm với một người đàn ông tốt bụng nhưng lãnh đạm và chậm chạp: cuộc sống gia đình là một chuỗi dài những sự hiểu lầm, thất vọng và giận hờn nho nhỏ. Rõ ràng bản thân bà cũng khổ sở; bà đăm bệnh, hồi phục và trở lại nỗi cô đơn vốn là cuộc đời bà. Người viết tiểu sử của bà khẳng định:

“Hiển nhiên là lối sống thủ cựu ở Colombier và thái độ hiền lành với vẻ nhần nhục, tiêu cực của chồng tạo nên những lỗ trống thường xuyên mà không một hoạt động nào có thể san lấp nổi”.

Và lúc đó xuất hiện Benjamin Constant³⁶, người, được bà quan tâm một cách say mê trong tám năm. Bà kiêu hãnh chia tay Constant vì không muốn tranh giành với bà de Stael. Một hôm, bà viết thư cho ông:

“Trước kia, những ngày sống ở Colombier thật tồi tệ đối với tôi và không bao giờ tôi quay trở lại mà không thất vọng. Tôi không muốn xa rời nó nữa và làm cho nó có thể chịu đựng được đối với mình”.

Bà sống bung bít ở đây và suốt mười lăm năm không bước chân ra khỏi khu vườn. Bà áp dụng phương châm của chủ nghĩa khắc kỷ: tìm cách chiến

³⁵ Miền đất gần Genève ở Thụy Sĩ.

³⁶ Nhà văn và chính trị gia Pháp (thế kỷ XIX)

thắng trái tim mình hơn là chiến thắng số phận. Là “tù nhân”, bà chỉ có thể tìm thấy tự do bằng cách chọn lựa nhà tù của mình.

Scott³⁷ viết: “Bà chấp nhận sự hiện diện của ông de Charrière bên cạnh mình như chấp nhận dãy núi Alpes”.

Nhưng bà sáng suốt hiểu rằng xét cho cùng, sự nhẫn nhục ấy cũng chỉ là lừa dối. Bà trở nên kín đáo, nghiêm khắc, và người ta ước đoán bà trở nên buồn phiền tới mức làm người ta khiếp hãi. Bà mở rộng cửa đón tiếp những người di cư tràn tới Neufchâtel, bảo hộ, cứu giúp, lãnh đạo họ. Bà viết nhiều tác phẩm thanh nhã nhưng u sầu và được Hiiber, nhà triết học Đức sống trong nghèo khổ, dịch. Bà có nhiều lời khuyên đối với một câu lạc bộ các bà vợ trẻ và giảng Locke³⁸ cho một cô gái bà quý mến là Henriette. Bà thích đóng vai trò người giúp đỡ nông dân trong vùng. Ngày càng xa lánh xã hội Neufchâtel, bà kiêu hãnh thu hẹp phạm vi sống của mình; và “chỉ còn cố gắng tạo nên và chịu đựng cái thú cựu. Ngay cả những cử chỉ cực kỳ nhân hậu của bà cũng bao hàm một chút khiếp hãi, vì chỉ đạo những cử chỉ ấy, là một sự thản nhiên hết sức lạnh lùng...Bà gây cho những người xung quanh cảm giác về một cái bóng qua lại trong một căn buồng hoang vắng”³⁹.

Vào những dịp rất hiếm - một cuộc viếng thăm, chẳng hạn - , ngọn lửa cuộc sống lại bùng cháy. Những “năm tháng trôi qua một cách khô khan. Ông, bà de Charrière già đi bên cạnh nhau và cách biệt nhau bởi cả một thế giới; và hơn một người khách, khi ra khỏi nhà, không thể không phát ra một tiếng thở dài nhẹ nhõm, với cảm giác thoát khỏi một nắm mồ kín mít...Quả lắc đồng hồ nhịp đều những tiếng tích tắc. Dưới nhà, ông de Charrière nghiên cứu toán học; từ kho lúa dội lên đều đặn tiếng néo đập

³⁷ Nhà thơ và nhà tiểu thuyết Scotland (thế kỷ XIX).

³⁸ Nhà triết học Anh (thế kỷ XVIII).

³⁹ G. Scott.

lúa...Cuộc sống cứ tiếp diễn, mặc dù những chiếc néo tuốt hết hạt của nó...Một cuộc sống với những sự kiện nhỏ nhất muốn sản lập, một cách vô vọng, những kẽ nứt li ti thường nhật, đó là kết cục của người đàn bà đẹp vốn căm ghét những điều nhỏ mọn”⁴⁰.

Có thể có người nói cuộc đời ông de Charrière cũng chẳng vui hơn cuộc đời bà vợ. Nhưng ít nhất ông ta chọn cuộc đời ấy; và hình như nó thích hợp với sự tầm thường của ông. Nếu hình dung một người đàn ông cố những phẩm chất đặc biệt của Người đẹp ở Zuylen, thì chắc hẳn ông không để cho cuộc đời tàn tạ đi trong cảnh hoang vu và căn cối ở Colombier; chắc hẳn ông giành được chỗ đứng của mình trong một thế giới trong đó ông hoạt động, chiến đấu và sống. Có biết bao phụ nữ bị “ngập lụt” trong hôn nhân đã từng - theo cách nói của Stendhal - “bị mất đi cho nhân loại”!

Người ta từng nói hôn nhân hạ thấp đàn ông; thông thường đúng như vậy; nhưng hầu như bao giờ nó cũng tiêu diệt phụ nữ. Bản thân Marcel Prévost, người bệnh vực hôn nhân, cũng chấp nhận điều đó.

Hàng trăm lần gặp lại, sau vài tháng hay vài năm, một thiếu phụ mà mình từng biết lúc còn là thiếu nữ, tôi kinh ngạc trước sự nhàm chán về tính cách và cái vô nghĩa về cuộc đời của nàng.

Hầu như chúng ta cũng gặp lại những dòng tương tự dưới ngòi bút của Sophie Tolstoi sáu tháng sau ngày cưới.

Cuộc sống của mình nhàm chán biết chừng nào: nó là một cái chết. Trong lúc anh ấy có cuộc sống tràn đầy, một cuộc sống nội tâm, tài năng và sự bất tử (ngày 23 tháng chạp 1863).

Mấy tháng trước, bà thốt lên một lời than vãn khác:

⁴⁰ G. Scott.

Làm sao một người phụ nữ có thể bằng lòng ngồi suốt ngày, một cây kim cầm tay; chơi Piano; một mình, hoàn toàn một mình, nếu nghĩ rằng chồng không yêu mình và luôn luôn biến mình thành nô lệ? (9 tháng năm 1863).

Mười một năm sau, bà viết những dòng dưới đây mà hiện nay, nhiều phụ nữ còn đồng tình (22 tháng mười 1875):

Hôm nay, ngày mai, những tháng, những năm, bao giờ, bao giờ cũng vẫn như bao giờ. Sáng ngủ dậy, mình không đủ can đảm bước xuống giường. Ai sẽ là người giúp mình phấn chấn lên đây? Ai sẽ là người chờ đợi mình? Phải rồi, mình biết, anh chàng đầu bếp sẽ tới, và sau đó đến lượt Niannia. Rồi mình sẽ ngồi im lặng làm công việc thuê thừa, hoặc ôn lại ngữ pháp hay âm nhạc. Tôi đến. mình lại thuê thừa tiếp, trong lúc bà dì và Pierre chơi bài...

Những lời than vãn của bà Proudhon cũng hoàn toàn theo một điệp khúc ấy. “Anh có tư tưởng của anh - bà bảo chồng -. Còn em, khi anh đi làm việc, khi các con đến trường thì em chẳng có gì hết”.

Thông thường, trong những năm đầu, người vợ tự ru mình bằng những ảo ảnh, cố gắng khâm phục chồng vô điều kiện, yêu chồng hết mình, cảm thấy mình cần thiết đối với chồng và con. Nhưng rồi những tình cảm đích thực được bộc lộ; người vợ thấy chồng có thể không cần tới mình, các con sẽ thoát khỏi mình: bao giờ chúng cùng ít nhiều bội bạc. Máu ấm không còn bảo vệ họ chống lại cái quyền tự do trống rỗng của mình nữa; họ tìm thấy lại mình, cô đơn, bơ vơ, và không biết làm gì về bản thân mình. Tình thương yêu, tập quán vẫn còn có thể giúp ích nhiều, nhưng không phải là cứu cánh cuối cùng.

Tất cả các nhà văn nữ chân thành đều nói về nỗi âu sầu trong lòng những “thiếu phụ tuổi ba mươi”. Đó là một nét chung của các nữ nhân vật của Katherine Mansfield, của Virginia Woolf. Điều đáng lưu ý là nếu so

sánh số lượng lượt tự sát của phụ nữ độc thân và phụ nữ có chồng, thì thấy những người sau này được bảo vệ chống lại nỗi lòng không thiết sống giữa tuổi hai mươi và ba mươi (nhất là từ tuổi hai mươi đến ba mươi), nhưng trong những năm tiếp theo thì không. Halbwachs⁴¹ viết:

“Hôn nhân bảo vệ phụ nữ trẻ lẻ cũng như phụ nữ Paris, nhất là cho tới tuổi ba mươi, nhưng càng ngày càng ít đi trong những năm tiếp theo”.

Bi kịch của hôn nhân, không phải ở chỗ nó không bảo đảm cho người vợ niềm hạnh phúc nó hứa hẹn-không có chuyện bảo hiểm về hạnh phúc -, mà ở chỗ nó đẩy đoạ người ta, dồn ép người ta vào cảnh lộn xộn đi lộn xộn lại và lộn xộn mòn. Hai mươi năm đầu của cuộc đời phụ nữ là cực kỳ phong phú: Họ trải qua kinh nghiệm hành kinh, tình dục, hôn nhân, sinh đẻ; khám phá ra thế giới và số phận của mình. Hai mươi tuổi, làm chủ một gia đình, mãi mãi gắn bó với một người đàn ông và có một đứa con trên tay, thế là cuộc đời vĩnh viễn chấm dứt. Những hành động đích thực, lao động đích thực là phần dành riêng cho đàn ông; còn phụ nữ chỉ có những công việc đôi khi vất vả đến rã rời nhưng không bao giờ làm họ thỏa mãn. Người ta ca ngợi sự hy sinh, lòng tận tụy; nhưng họ thường có cảm giác toàn tâm toàn ý “phục vụ cuộc sống của hai con người nào đó đến hết đời” thì thật vô bổ. Quên bản thân mình là hành động đẹp, nhưng cần biết là vì ai, vì cái gì. Và điều tồi tệ nhất là chính bản thân sự hy sinh bị xem là không thích hợp; đối với người chồng, nó biến thành một sự độc đoán mà anh ta tìm cách trốn tránh. Thế nhưng chính anh ta áp đặt ách bạo ngược ấy đối với vợ như là sự minh chứng tối cao, duy nhất của mình. Khi kết hôn, anh ta bắt buộc vợ hy sinh hoàn toàn cho mình, và không chấp nhận nghĩa vụ tương hỗ là chấp nhận sự hiến dâng ấy.

Câu nói của Sophie Tolstoi “Mình sống qua anh ấy, vì anh ấy; mình đòi hỏi giống như vậy cho mình” quả là quá đáng; nhưng đúng là Tolstoi đòi

⁴¹ Nhà xã hội học hiện đại Pháp.

hỏi bà chỉ sống vì ông và qua ông: chỉ có quan hệ qua lại mới có thể biện minh cho thái độ ấy. Chính tính hai mặt của chồng dẫn vợ tới một tai họa mà về sau anh ta than phiền chính mình là nạn nhân. Trong ân ái, anh ta muốn nàng vừa nóng bỏng vừa băng giá; và cũng như vậy, đòi hỏi nàng phải trao mình hoàn toàn nhưng lại không có trọng lượng; yêu cầu nàng giữ chặt anh ta trên trái đất nhưng lại để anh ta tự do; đảm bảo sự lập đi lập lại một cách đơn điệu ngày tháng nhưng lại không làm anh ta buồn phiền; yêu cầu bao giờ nàng cũng có mặt nhưng lại không bao giờ không đúng lúc; anh ta muốn có nàng hoàn toàn riêng mình nhưng lại không thuộc về mình; muốn sống cặp đôi nhưng lại ở một mình.

Nói chung những điều D.H.Lawrence nói về tình yêu nhục dục đều xác đáng: sự liên kết giữa hai con người sẽ thất bại nếu chỉ là một sự cố gắng để bổ sung lẫn cho nhau - điều đó giả định một sự xâm phạm về bản chất. Hôn nhân phải là sự chung sức chung lòng của hai cuộc sống độc lập, chứ không phải là một sự rút lui, một sự xâm lược, một sự trốn tránh, một thang thuốc. Nora⁴² hiểu điều đó khi quyết định phải là một con người trước lúc có thể là một người vợ và một người mẹ. Đối vợ chồng không được xem mình là một cộng đồng, một tế bào khép kín; và cá nhân phải với tư cách cá nhân hoà nhập vào trong một xã hội mà trong lòng xã hội ấy cá nhân ấy có thể phát triển một cách độc lập.

Như vậy, cá nhân ấy có thể tạo lập một cách hoàn toàn khoan hậu những mối quan hệ với một cá nhân khác cũng thích ứng với tập thể, những mối quan hệ này có thể được xây dựng trên cơ sở nhận thức hai quyền độc lập. Cặp đôi hoà hợp này không phải là một sự ảo tưởng. Có những cặp như thế, đôi khi cả trong khuôn khổ hôn nhân, thông thường thì ngoài hôn nhân. Một số cặp gắn bó với nhau bởi một tình yêu nhục dục mạnh mẽ

⁴² Nữ nhân vật trong một vở kịch của nhà văn Đan Mạch Ibsen. Nhận ra mình từ trước tới nay chỉ là một “con búp bê” trong gia đình nhà chồng, Nora phản nộ và bỏ ra đi. Nhan đề vở kịch là *Ngôi nhà búp bê*.

khiến họ được tự do trong tình bạn và trong công việc; những cặp khác thì gắn bó với nhau bởi một tình bạn không ngăn cản sự tự do về tình dục của họ. Hiếm hoi hơn là những cặp đôi vừa là người yêu vừa là bạn của nhau nhưng không tìm kiếm ở nhau lý do sống duy nhất của mình. Có thể có vố số sắc thái trong quan hệ giữa một người đàn ông và một người đàn bà: trong tình bạn, niềm vui, lòng tin cậy, sự âu yếm, sự hợp lực và tình yêu, họ có thể đối với nhau là nguồn hân hoan, nguồn của cải, sức lực dồi dào nhất một con người có thể có được. Chịu trách nhiệm về sự thất bại của hôn nhân, không phải là các cá thể - như ý kiến của Bonald, Comte và Tolstoi -, mà chính là bản thân thể chế vốn sai lạc từ đầu. Cho rằng một người đàn ông và một người đàn bà phải thỏa mãn lẫn nhau đồng thời bằng đủ mọi cách và suốt đời, dù không hề tự lựa chọn lẫn nhau, là một điều quái gở tất yếu sản sinh ra đạo đức giả, dối trá, căm hờn và bất hạnh.

Hình thức truyền thống của hôn nhân đang trên đường sửa đổi; nhưng vẫn còn là một sự áp bức mà hai vợ chồng cảm nhận một cách khác nhau. Nếu chỉ xem xét những quyền trữu tượng được hưởng thụ, thì ngày nay, họ hầu như bình đẳng; họ chọn lựa nhau tự do hơn ngày trước, dễ dàng chia tay nhau hơn nhiều, nhất là ở Mỹ, nơi mà ly hôn là chuyện bình thường. Giữa hai vợ chồng, tuổi tác và trình độ văn hoá ít chênh lệch nhau hơn trước. Chồng sẵn sàng công nhận cho vợ quyền tự chủ mà vợ đòi hỏi. Có khi họ chia đều nhau công việc gia đình; cùng nhau giải trí: cắm trại, đi xe đạp, bơi lội, v.v... Vợ không còn suốt ngày chờ chồng về, mà chơi thể thao, tham gia các hội, các câu lạc bộ, hoạt động ngoài xã hội, thậm chí có khi làm một nghề nhỏ cố chút thu nhập. Nhiều cặp vợ chồng trẻ gây cho người ta cảm giác một sự bình đẳng hoàn toàn. Nhưng chừng nào người đàn ông còn giữ trách nhiệm về kinh tế của hai vợ chồng, thì chừng đó, tất cả chỉ là ảo tưởng. Anh ta quy định chỗ ở của gia đình theo yêu cầu công việc của mình; và vợ theo chồng từ tỉnh lẻ đến Paris, từ Paris về tỉnh lẻ, đến các xứ thuộc địa, đi ra nước ngoài; mức sống được thiết lập theo thu nhập

của chồng; nhịp điệu từng ngày, từng tuần, từng năm diễn ra theo công việc của chồng; thông thường, quan hệ và tình bè bạn tuy thuộc vào nghề nghiệp của chồng.

Hoà nhập vào xã hội một cách chủ động hơn vợ, người chồng là người lãnh đạo gia đình trong các lĩnh vực trí tuệ, chính trị. Đối với phụ nữ, ly hôn chỉ là một khả năng trừu tượng nếu không thể tự mình kiếm sống. Ở Mỹ, tiền cấp dưỡng cho vợ sau khi ly hôn là một gánh nặng đối với đàn ông; ở Pháp, thân phận người vợ, người mẹ bị bỏ rơi với một khoản trợ cấp nhỏ nhoi, là điều đáng phẫn nộ. Nhưng tình trạng bất bình đẳng sâu sắc bắt nguồn từ chỗ người chồng thể hiện mình một cách cụ thể trong lao động hay hành động, trong lúc đối với người vợ, với tư cách ấy, tự do chỉ mang lại một gương mặt tiêu cực; không nói tới những trường hợp khác, ngay tình hình các thiếu nữ Mỹ cũng tương tự tình hình các cô gái trưởng thành thế kỷ cuối đế quốc La Mã. Các cô gái này có thể lựa chọn một trong hai cách ứng xử: hoặc tiếp tục theo lối sống và đạo đức của đời bà mình; hoặc sống trong ruột cảnh náo loạn vô bổ. Cũng giống như vậy, vô số thiếu nữ Mỹ vẫn là những “bà nội trợ” phù hợp với mô hình truyền thống; phần lớn những người khác chỉ bỏ phí sức lực và thời gian, ở Pháp, hễ người thiếu phụ trở thành người mẹ, là gánh nặng gia đình chẳng nhẹ nhõm hơn chút nào so với thuở trước, dù người chồng có hết sức thiện chí đi nữa. Thật là sáo rỗng khi người ta tuyên bố là trong các gia đình hiện đại, và nhất là ở Mỹ, phụ nữ đã biến đàn ông thành nô lệ. Sự kiện này không có gì mới mẻ. Từ thời Hy Lạp, đàn ông kêu ca về ách độc tài của Xanthippe⁴³: sự thật là phụ nữ can thiệp vào những địa hạt xưa kia vốn cấm kỵ đối với mình. Tôi có biết, chẳng hạn, những cô vợ một số sinh viên. Họ tham dự vào sự thành công của chồng với một thái độ quyết liệt; quy định thời khoá biểu và kiểm soát chế độ làm việc của chồng; cấm chồng chơi bời, giải trí,

⁴³ Vợ nhà hiền triết cổ Hy Lạp, Socrate, nổi tiếng về tính gay gắt đối với chồng.

chỉ còn không khoá chặt cửa nhót chồng lại nữa thôi. Và cũng sẽ không có gì sai nếu nói đàn ông bị “tước vũ khí” nhiều hơn xưa trước sự độc đoán này; họ thừa nhận đối với phụ nữ những thứ quyền trù tượng và biết rằng phụ nữ chỉ có thể cụ thể hoá những quyền ấy thông qua họ. Muốn có bình đẳng thực sự trong lứa đôi, thì chính người đàn ông phải “cho” vì anh ta “có” nhiều hơn. Còn sợ dĩ phụ nữ nhận, lấy, đòi hỏi, là vì mình là người nghèo hơn cả. Phép biện chứng về chủ nô và nô lệ được áp dụng ở đây hết sức cụ thể; trong lúc áp bức, mình trở thành người bị áp bức. Chính đàn ông bị quyền bá chủ của họ xiềng xích: vì chỉ một mình họ kiếm được tiền nên người vợ đòi hỏi những tấm séc; vì chỉ một mình họ có nghề nghiệp nên người vợ yêu cầu họ phải thành công trong nghề nghiệp; vì chỉ một mình họ thể hiện sự siêu nghiệm nên người vợ muốn “lấy cắp” của họ bằng cách biến dự kiến và thành tựu của họ thành của mình. Và ngược lại, sự độc đoán của người vợ chỉ thể hiện tình trạng phụ thuộc của mình: họ biết rằng thành tựu của hai vợ chồng, tương lai, hạnh phúc của mình nằm trong tay người kia; sợ dĩ họ tìm cách buộc chồng phải theo ý muốn của mình một cách gay gắt là vì họ bị tha hoá trong bản thân người chồng. Họ biến sự yếu kém của mình thành vũ khí; nhưng sự thật là họ yếu kém. Tình trạng nô lệ trong gia đình mang tính chất thường nhật và khó chịu hơn đối với người chồng; nhưng sâu đậm hơn đối với người vợ.

Giữ chồng lại cạnh mình trong nhiều giờ liền cho đỡ buồn, người vợ đày đọa chồng và là một gánh nặng. Nhưng rốt cuộc anh ta có thể thoát khỏi vợ dễ dàng hơn nhiều là vợ thoát khỏi chồng. Nếu chia tay với chồng thì cuộc đời vợ tan nát. Sự khác biệt quan trọng là ở chỗ hoàn cảnh phụ thuộc của người vợ bị nội tại hoá: họ vẫn là nô lệ ngay cả khi ứng xử với một vẻ tự do bên ngoài; còn người đàn ông thì chủ yếu độc lập và bị ràng buộc từ bên ngoài. Nếu anh ta có cảm giác mình là nạn nhân, thì chỉ vì những trách nhiệm anh ta phải gánh vác là rõ rệt hơn cả: người vợ sống nhờ anh ta như

một vật ký sinh; nhưng một vật ký sinh không phải là một ông chủ chiến thắng.

Thực ra, về phương diện sinh học, con đực và con cái không bao giờ là nạn nhân của nhau mà đều là nạn nhân của loài. Cũng giống như vậy, cả hai vợ chồng đều chịu sự áp bức của một thể chế không do họ thiết lập nên. Nếu người ta nói nam giới áp bức nữ giới, thì người chồng phần nộ; anh ta cảm thấy chính mình bị áp bức: quả là anh ta bị áp bức; nhưng sự thật là chính quy chế đàn ông, chính xã hội do đàn ông thiết lập vì lợi ích của họ, đã quy định thân phận phụ nữ dưới một hình thức hiện nay vẫn là một cái nguồn đày đoạ đối với cả hai giới nam, nữ.

Cần vì quyền lợi chung của họ mà sửa đổi tình hình bằng các ngăn cản không để cho hôn nhân trở thành một “sự nghiệp” đối với phụ nữ. Những người đàn ông, vốn tự xem mình là người chống nữ quyền với cái có là “như hiện nay đàn bà đã quá khó chịu rồi”, lập luận không mấy logic: chính vì hôn nhân biến đàn bà thành những “con bọ ngựa”, “con đĩa”, những thứ “thuốc độc” nên phải sửa đổi hôn nhân, và do vậy, sửa đổi số phận phụ nữ nói chung. Gánh nặng phụ nữ đè lên vai đàn ông vì người ta ngăn cấm phụ nữ không được dựa vào chính bản thân mình: đàn ông sẽ tự giải thoát mình bằng cách giải thoát phụ nữ, tức là bằng cách giao cho họ một công việc gì đó để làm trên cõi đời này.

Đã có những thiếu phụ tìm cách giành giật quyền tự do năng động ấy; nhưng hiếm có những người kiên nhẫn lâu dài trong học tập hay nghề nghiệp. Thông thường họ biết quyền lợi trong lao động của mình sẽ bị hy sinh cho sự nghiệp của chồng; họ chỉ mang về nhà một khoản thu nhập bổ sung; chỉ tham gia một cách dè dặt một công việc chung vốn không giải thoát nổi họ khỏi cảnh phụ thuộc vào gia đình. Ngay cả những người có một nghề nghiệp hẳn hoi cũng không rút ra được những quyền lợi xã hội giống như đàn ông: các bà vợ luật sư, chẳng hạn, được hưởng một khoản

phụ cấp khi chồng mất; nhưng các nữ luật sư không được phép góp một cách tương ứng một khoản phụ cấp cho chồng trong trường hợp mình qua đời. Nói như vậy để nói rằng người ta không cho là phụ nữ lao động nuôi dưỡng hai vợ chồng một cách bình đẳng với chồng.

Có những phụ nữ tìm thấy một sự độc lập thực sự trong nghề nghiệp của mình. Nhưng đối với phần lớn phụ nữ, lao động “bên ngoài” chỉ là một nỗi nhọc nhằn bổ sung trong khuôn khổ hôn nhân. Và lại, thông thường, sự ra đời của một đứa con buộc họ nhốt chặt mình trong vai trò người đàn bà có chồng. Hiện nay, rất khó dung hoà lao động với sinh nở.

Theo truyền thống, đứa con phải bảo đảm cho phụ nữ một quyền tự chủ cụ thể; vì vậy, chính vì con mà người mẹ không còn nhằm một mục đích nào khác. Nếu phụ nữ không phải là một cá thể hoàn chỉnh với tư cách người vợ thì trái lại, họ trở thành cá thể hoàn chỉnh ấy với tư cách người mẹ: đứa con là niềm vui và là mình chứng cho sự hiện hữu của họ. Chính qua đứa con, họ hoàn thành công việc tự thể hiện mình về mặt tình dục và về mặt xã hội. Vì vậy, qua đứa con, thể chế hôn nhân cố ý nghĩa và đạt kết quả của nó.

Chúng ta hãy xem xét giai đoạn phát triển tối hậu này của người phụ nữ.

CHƯƠNG II: NGƯỜI MẸ

Qua sinh đẻ, phụ nữ thực hiện trọn vẹn số phận của mình về mặt sinh lý học; đây là chức năng “tự nhiên” của họ vì toàn bộ cơ thể phụ nữ hướng về sự lưu truyền giống nòi. Nhưng - như đã nói ở phần trên - xã hội loài người không bao giờ phó mặc cho tự nhiên. Và đặc biệt là từ khoảng một thế kỷ nay, chức năng sinh đẻ không còn bị chỉ huy bởi sự ngẫu nhiên duy nhất về sinh học: nó được ý muốn con người kiểm soát.

Một số nước đã chính thức áp dụng phương pháp “birth-control”⁴⁴ cụ thể. Trong các quốc gia chịu ảnh hưởng của đạo Cơ đốc, phương pháp này được thực hiện một cách lén lút: hoặc đàn ông thực hiện nửa vò hành vi tình dục, hoặc đàn bà trục xuất tinh trùng ra khỏi thân thể mình sau khi ân ái. Và thông thường đó là cội nguồn những sự xung đột hay ác cảm giữa vợ chồng hay những cặp người yêu: đàn ông thì bực tức phải kiểm soát khoái cảm của mình; đàn bà thì khó chịu về chuyện phải rửa ráy. Chàng trách móc cái bụng của nàng quá “mắn đẻ”; nàng giận dữ về những cái mầm của cuộc sống chàng gieo rắc vào trong người mình. Và đối với cả hai, là nỗi hoang mang khi nàng phải “ôm mỗi tình con” cho dầu đã có những sự đề phòng. Tình hình này thường xảy ra ở những nước phương pháp tránh thai còn thô sơ. Và tình hình trở nên cực kỳ nghiêm trọng: người ta phá thai. Phá thai cũng bị cấm ở các nước áp dụng “birth-control” và rất ít có cơ hội xảy ra. Nhưng ở Pháp, đó là một việc làm bất đắc dĩ của rất nhiều phụ nữ; nó ám ảnh đời sống tình ái của số đông họ.

Ít có đề tài người ta đề cập một cách dối trá hơn vấn đề này trong xã hội tư sản: phá thai là một tội ác ghê tởm không nên nói tới. Nếu một nhà văn mô tả niềm vui và nỗi đau của một sản phụ, thì người ta hoan nghênh. Nhưng nếu nói về một phụ nữ phá thai, thì bị lên án là ngụy lặn trong rác rưởi và miêu tả nhân loại dưới một cách nhìn tồi tệ. Tuy vậy, ở Pháp, hàng

⁴⁴ Tiếng Anh: Sinh đẻ có kế hoạch.

năm, số vụ phá thai vẫn bằng số vụ sinh đẻ. Hiện tượng này phổ biến tới mức phải xem như là một trong những sự rủi ro thông thường đối với thân phận phụ nữ. Thế nhưng luật pháp vẫn khẳng định cho đó là một tội phạm, đòi hỏi cái công việc khó khăn này phải được tiến hành bí mật.

Không có gì phi lý hơn những luận cứ chống lại pháp quy về sự phá thai. Người ta cho đó là một sự can thiệp nguy hiểm. Nhưng các thầy thuốc trung thực thừa nhận rằng: “Việc phá thai do bàn tay một thầy thuốc chuyên gia chân chính tiến hành, trong bệnh viện và với những biện pháp để phòng cần thiết, không bao hàm những mối hiểm nguy ghê gớm ấy mà luật pháp khẳng định sự tồn tại”. Trái lại, nó gây cho phụ nữ những điều rủi ro nghiêm trọng trong hình thức hiện nay của nó. Tình trạng thiếu năng lực của các bà mẹ chuyên phá thai, điều kiện hoạt động của họ gây nên nhiều tai biến, đôi khi gây tử vong. Sự sinh đẻ bất đắc dĩ dẫn tới kết quả là “ném” vào xã hội những đứa trẻ ốm o mà bố mẹ không có khả năng nuôi dưỡng; chúng sẽ trở thành nạn nhân của cứu tế xã hội hay những “trẻ em tử vì đạo”. Và lại, điều cần chú ý là xã hội bảo vệ một cách quyết liệt cái phôi, nhưng lại không quan tâm tới trẻ em mỗi khi chúng ra đời. Người ta truy tố các bà mẹ phá thai nhưng lại không lo cái cách cái tổ chức làm người ta phẫn nộ và mệnh danh là Cứu tế xã hội; người ta để nhón nho ngoài vòng pháp luật những kẻ chịu trách nhiệm về việc trao những đứa trẻ mồ côi của hội này cho những kẻ hành hạ chúng; người ta nhắm mắt trước sự bạo ngược khủng khiếp của những tên đao phủ đối với trẻ em trong các “lớp cải tạo” hay trong các gia đình tư nhân; và người ta không chấp nhận cái thai thuộc về người phụ nữ mang nó, nhưng trái lại, công nhận đứa trẻ là sản phẩm của bố mẹ nó.

Vừa qua, trong cùng một tuần lễ, người ta chứng kiến hai sự kiện: một thầy thuốc phẫu thuật tự sát vì nhận đã có những hoạt động phá thai; và một ông bố đánh đứa con trai gần chết, bị phạt ba tháng tù, nhưng được

hưởng án treo. Mới đây, một ông bố không chăm sóc nên để con trai chết vì bệnh yết hầu; một bà mẹ nhân danh sự phó mặc vô điều kiện cho ý Chúa, không chịu mời thầy thuốc cho con gái ở nghĩa trang, bà ta bị trẻ em ném đá. Nhưng khi mấy nhà báo tỏ vẻ phẫn nộ thì một đám đông những người trung thực cho rằng con cái thuộc về bố mẹ, và không thể chấp nhận một sự kiểm soát ngoại lai nào.

Báo Chiều nay cho rằng hiện nay có “một triệu trẻ em” đang lâm nạn. Tờ Nước Pháp Buổi chiều chia tin: “Người ta ghi nhận năm trăm nghìn trẻ em đang bị đe dọa về thể xác hay tinh thần”.

Ở Bắc Phi, phụ nữ Ả-rập không có khả năng phá thai. Trong số mười đứa con sinh ra thì chết đến bảy, tám, và không một ai quan tâm tới, vì những lần sinh đẻ vất vả và phi lý đã giết chết tình cảm mẫu tử. Nếu có chuyện đạo lý ở đây thì nghĩ thế nào về một đạo lý như thế? Cần nói thêm rằng những người trân trọng đời sống của cái phôi cũng là những người tỏ ra sốt sắng nhất trong vấn đề dồn người lớn vào cái chết quân sự.

Những lý do thực tiễn nêu lên để chống lại việc phá thai hợp pháp không có một chút sức nặng nào. Còn các lý do về mặt đạo lý thì chỉ là một luận cứ Cơ đốc giáo cũ rích: thai có một tâm hồn và người ta đóng cửa thiên đường với thai bằng cách tiêu diệt nó mà không có lễ rửa tội. Điều đáng lưu ý là Giáo hội, khi có cơ hội thì cho phép việc giết chết người lớn: trong chiến tranh hay trong trường hợp những người bị tử hình, nhưng lại dành cho cái thai một chủ nghĩa nhân đạo nghiêm ngặt. Nó không được chuộc tội bằng lễ rửa tội; nhưng trong những cuộc chiến tranh chống những người dị giáo, những người này cũng đâu có được làm lễ rửa tội, và việc tàn sát được hết sức khuyến khích. Chắc hẳn không phải tất cả các nạn nhân của Tòa án tôn giáo đều tuyệt đối trong sạch, cũng như kẻ phạm tội bị đưa lên đoạn đầu ngày nay và những binh sĩ chết trên chiến trường. Trong tất cả những trường hợp ấy, Giáo hội hoàn toàn phó thác cho thiên

súng, và cho rằng trong tay Chúa, con người chỉ là một công cụ, và vinh phúc của một linh hồn phụ thuộc và thiên súng và Thượng đế. Vậy vì sao lại ngăn cản Người đón nhận linh hồn của phôi lên thiên đường? Thực ra, ở đây, người ta vấp phải một truyền thống cũ rích dai dẳng không hề dính dáng gì tới đạo lý. Cuốn sách một người thầy thuốc ngày trước đề tặng Pétain là một ví dụ điển hình: nó là một bằng chứng hùng hồn về sự ác ý. Ông ta nhấn mạnh một cách nhân đạo về những hiểm họa của việc phá thai; nhưng lại cho rằng không có gì hợp vệ sinh hơn một thủ thuật mổ tử cung để lấy thai ra (césarienne). ông ta muốn cho phá thai là một trọng tội, một tội giết người, chứ không phải một tội nhẹ và đòi hỏi nó phải bị cấm đoán, ngay cả ở hình thức điều trị học, nghĩa là khi việc mang thai có thể nguy hại đối với tính mạng hay sức khỏe của người mẹ. Ông ta tuyên bố chọn lựa giữa một cuộc sống này và một cuộc sống khác là vô luân; và dựa vào luận cứ ấy, khuyên người ta hy sinh người mẹ. Ông ta lên tiếng cho rằng cái thai không phải là của người mẹ, mà là một sinh linh độc lập. Thế nhưng khi cũng chính những người thầy thuốc “có thiện chí” ấy ca ngợi sự sinh đẻ, thì họ lại khẳng định cái thai là một bộ phận của cơ thể người mẹ, chứ không phải là một vật ký sinh ăn bám vào cơ thể ấy. Chúng ta thấy chủ nghĩa chống nữ quyền còn dai dẳng biết chừng nào qua thái độ một số người khẳng khái cự tuyệt tất cả những gì có thể giải phóng phụ nữ. Và lại, pháp luật từng dồn không ít thiếu phụ vào chết chóc, vô sinh, bệnh tật, lại hoàn toàn bất lực trong việc bảo đảm sự tăng trưởng tỷ lệ sinh. Một điểm mà cả những người bệnh vực lẫn những người lên án việc phá thai hợp pháp, đều nhất trí là sự thất bại hoàn toàn của công việc đàn áp. Theo một số giáo sư, vào khoảng năm 1933, ở Pháp, hàng năm, có năm trăm nghìn trường hợp phá thai; một tài liệu thống kê khác năm 1938 đánh giá con số này lên khoảng một triệu. Năm 1941, một bác sĩ khác lưỡng lự giữa tám trăm nghìn và một triệu. Hình như con số này sát với sự thực hơn cả.

Trong một bài đăng trên tờ Chiến đấu, phát hành tháng ba 1948, bác sĩ Desplas viết:

Phá thai đã thâm nhập và tập tục...Sự đàn áp trên thực tế đã thất bại...Trong quận Seine, năm 1943, 1.300 cuộc điều tra đã dẫn tới 750 vụ buộc tội; 360 phụ nữ bị bắt giam; 513 người bị tù từ dưới một năm đến năm năm. Đó là một con số nhỏ so với 15.000 vụ phá thai người ta cho là đã xảy ra trong quận. Trên lãnh thổ này, có tới 10.000 vụ đang thụ lý. Tác giả viết thêm: Hiện tượng phá thai bị mệnh danh là phạm pháp, trở thành quen thuộc đối với mọi giai tầng xã hội, chẳng khác nào chính sách chống thụ thai được xã hội đạo đức giả của chúng ta chấp nhận. Hai phần ba số người phá thai là phụ nữ có chồng...Có thể ước lượng ở Pháp số vụ phá thai cũng xấp xỉ số lần sinh đẻ. Do thủ thuật được tiến hành trong những điều kiện thường là tồi tệ, nhiều vụ phá thai kết thúc bằng cái chết của đương sự. Hàng tuần, hai tử thi phụ nữ phá thai được đưa tới viện Pháp Y Paris; nhiều vụ phá thai gây nên những bệnh tật suốt đời. Ngày trước, thỉnh thoảng, người ta bảo phá thai là một sự “phạm pháp giai cấp” và điều đó là đúng trên đại thể. Những thủ thuật chống thụ thai phổ biến trong giai cấp tư sản nhiều hơn so với các tầng lớp khác. Sự tồn tại của phòng toilet khiến việc áp dụng chúng dễ dàng hơn so với công nhân và nông dân không có máy nước; thiếu nữ tư sản khôn ngoan hơn các cô gái khác; trong gia đình tư sản, chăm sóc trẻ em là một công việc ít nặng nề hơn. Nghèo đói, khủng hoảng về nhà ở, hoàn cảnh phải đi lao động xa nhà, cùng với những hoàn cảnh khác, là những nguyên nhân chủ yếu nhất của hiện tượng phá thai. Thông thường, hình như sau hai lần sinh con, các cặp vợ chồng quyết định hạn chế sinh đẻ.

Trong một tài liệu công bố trên tờ Thời hiện đại tháng mười 1945 dưới tiêu đề “*Căn phòng chung*”, một nữ ký giả miêu tả một căn phòng bệnh viện bà ta có dịp ở trong đó và có nhiều bệnh nhân vừa được nạo thai: trong số

mười tám người bệnh, có mười lăm người bị trụy thai trong đó hơn một nửa số trường hợp do mình tự gây nên.

Số 9 là vợ một người khuân vác ở chợ: qua hai lần lấy chồng, bà ta có mười con nay chỉ còn ba; và bảy lần trụy thai, trong đó năm lần tự gây nên.

Số 16, mười sáu tuổi, có chồng, trước kia có chuyện tình ái và nay bị viêm vòi do phá thai.

Số 7, ba năm tuổi, giải bày: “Tôi lấy chồng đã hai mươi năm; chưa bao giờ yêu thương thực sự; suốt hai chục năm, tôi sống đúng đắn. Cách đây ba tháng, tôi có người tình. Và chỉ một lần duy nhất, trong một phòng khách sạn. Tôi mang thai...thế là phải..., chứ biết làm sao...Tôi phá thai. Không một ai hay biết gì hết, chồng tôi cũng vậy, và...chàng cũng vậy. Bây giờ, thế là hết, không bao giờ, tôi dám thế nữa. Tôi đau khổ quá nhiều. .. tôi không nói về chuyện nạo thai đâu...Không, không, chuyện khác cơ: chuyện...chuyện tự ái, tự trọng cơ”.

Số 14 có năm con trong năm năm; bốn mươi tuổi, cô ta trông như một bà già. Tất cả bọn họ đều nhăn nhuc trong thất vọng. Họ thốt lên một cách buồn bã: “Đàn bà sinh ra là để chịu đau khổ”. Tính chất nghiêm trọng của sự thử thách này thay đổi nhiều tùy theo trường hợp. Người phụ nữ, có chồng thuộc giai cấp tư sản hay được sống với đầy đủ tiện nghi, có tiền bạc và nhiều mối quan hệ, thì có rất nhiều lợi thế: trước hết, họ rất dễ dàng kiếm được giấy phép cho nạo thai “theo pháp luật”; nếu cần thì có tiền làm một chuyến du lịch sang Thụy Sĩ, nơi phá thai được chấp nhận một cách khoan dung. Trong điều kiện hiện nay của phụ khoa, phá thai là một thủ thuật nhỏ nhất khi nó do một chuyên gia thực hiện với những sự bảo đảm về vệ sinh, và nếu cần, những khả năng gây mê. Nếu không được pháp luật cho phép thì người phá thai tìm được sự giúp đỡ cũng không kém phần bảo đảm của tư nhân. Họ biết những địa chỉ đáng tin cậy; có đủ tiền

để trả công những sự chăm sóc ân cần và không phải để cho cái thai quá lớn. Họ sẽ được đối xử một cách trọng vọng. Một số những người phụ nữ có lợi thế ấy cho rằng chút không may còn con ấy có lợi cho sức khỏe và làm cho da dẻ tươi mát. Ngược lại, ít có những nỗi khổ đau tồi tệ hơn nỗi đau của một cô gái cô đơn, không tiền bạc, bị dồn vào một “tội phạm” để xoá đi một “tội lỗi” mà những người xung quanh không thể tha thứ được: ở Pháp, hàng năm, đó là trường hợp khoảng ba trăm nữ viên chức, thư ký, sinh viên, công nhân, nông dân. Việc sinh con bất hợp pháp vẫn là một vết khùng khiếp tới mức nhiều người thà tự sát hay giết con, chứ không muốn là cô gái chửa hoang: nói như vậy để nói rằng không một thứ hình phạt nào có thể ngăn cản họ “hy sinh đứa con”. Trong hàng nghìn trường hợp thương gặp, có trường hợp sau đây: lời thú nhận của một bệnh nhân với một người thầy thuốc.

Cô gái quê ở Berlin, con ngoài giá thú của một người thợ giày và một người ở: Tôi quen con trai một người hàng xóm, hơn tôi mười tuổi... Những sự mon trón đối với tôi lạ lẫm tới mức, quả thực, tôi cứ để yên. Nhưng tuyệt nhiên không phải là tình yêu. Tuy vậy, anh tiếp tục làm tôi quen dần bằng mọi cách, cho tôi đọc sách về phụ nữ; và rốt cuộc tôi trao trình tiết của mình cho anh. Khi nhận làm cô giáo ở một trường mẫu giáo sau hai tháng chờ đợi, tôi có thai. Hai tháng tiếp theo tôi không thấy có kinh. Kẻ từng cảm dỗ tôi viết thư bảo tôi nhất thiết phải làm cho có tháng trở lại bằng cách uống dầu lửa và ăn xà phòng đen. Lúc này, tôi không sao có thể miêu tả lại với ông những nỗi dằn vặt tôi đã phải trải qua... Một mình tôi đã phải chịu đựng đến tận cùng nỗi khôn khổ ấy. Nỗi sợ hãi có con đã khiến tôi làm cái việc khùng khiếp. Từ đó, tôi biết căm thù đàn ông. Vị mục sư nhà trường, sau khi biết sự việc qua một lá thư đánh rơi, đã nghiêm khắc phê phán, và cô gái đoạn tuyệt chàng trai; nàng bị người ta xem như một con chiên ghê. Chẳng khác nào tôi sống mười tám tháng trong một nhà trừng giới. Rồi nàng làm cô gái giữ trẻ trong nhà một vị giáo sư trong bốn năm.

Vào thời kỳ này, tôi bắt đầu quen một vị thẩm phán. Tôi sung sướng được yêu một người đàn ông đích thực. Cùng với tình yêu, tôi cho anh tất cả. Kết quả mối quan hệ của chúng tôi là năm hai mươi bốn tuổi, tôi sinh hạ một bé trai khoẻ mạnh. Nay cháu bé lên mười. Đã chín năm rưỡi, tôi không gặp lại người bố...Tôi cho số tiền hai nghìn năm trăm mác là không đủ, và về phía mình, ông ta không nhận làm cha thằng bé. Thế là hoàn toàn chấm dứt mọi quan hệ. Không một người đàn ông nào còn có thể gây cho tôi hứng thú. Thông thường chính anh chàng cảm dỗ thuyết phục người phụ nữ phá thai. Hoặc nàng bị bỏ rơi khi bắt đầu mang thai; hoặc nàng muốn giấu anh ta nỗi bất hạnh của mình, hoặc nữa không tìm thấy ở anh ta một sự giúp đỡ nào. Đôi khi, không phải nàng từ bỏ đứa con không luyện tiếc; hoặc vì không quyết, định ngay việc từ bỏ nó, hoặc vì không biết một địa chỉ nào, hoặc vì không có số tiền cần thiết và đã mất thời giờ với những thứ thuốc vô hiệu. Cái thai đã đến tháng thứ ba, thứ tư, thứ năm, nàng mới thực hiện việc phá thai. Lúc đó, công việc sẽ cực kỳ nguy hiểm, đau đớn. Người phụ nữ biết như vậy; họ tìm cách tự giải thoát cho mình trong kinh hoàng và thất vọng. Ở nông thôn, người ta không biết cách dùng que thông (sonde). Cô gái nông thôn “lầm lỡ” để tự mình từ thang kho thóc rơi xuống; nhảy từ bậc cao tam cấp, và thông thường bị thương nhưng thu được kết quả mong muốn: vì vậy, có khi, người ta tìm thấy một xác chết nhỏ bị bóp cổ trong hàng rào, bụi bờ, hố xí. Ở thành phố, phụ nữ giúp đỡ lẫn nhau. Nhưng không phải bao giờ cũng dễ gặp một bà mụ chuyên nghề phá thai, và lại càng khó có được số tiền cần thiết. Cô gái mang thai yêu cầu một cô bạn giúp đỡ hay tự thao tác lấy; các nhà “phẫu thuật tình thế” ấy, nói chung, ít có năng lực và không có dụng cụ chuyên môn. Phá thai, phần lớn gây cản trở hơn trường hợp sinh đẻ bình thường và kéo theo những hiện tượng rối loạn thần kinh có thể dẫn tới những cơn động kinh, có khi gây nên những chứng bệnh nội khoa nghiêm trọng và có thể gây tử vong vì xuất huyết.

Trong cuốn *Gribiche*, Colette kể lại con hấp hối đau đớn của một vũ nữ ca nhạc kịch trẻ phó mặc cho một bà mụ dốt nát: theo lời bà ta, một bài thuốc quen thuộc là uống một dung dịch xà phòng đậm đặc và sau đó, chạy mười lăm phút. Bằng những lối giải quyết như thế, thông thường, người ta giết chết cả mẹ lẫn con. Tôi có nghe kể về một nữ nhân viên đánh máy nằm bốn ngày đêm trong phòng, máu me đầm đìa, không ăn, không uống vì sợ không dám gọi. Khó có thể hình dung một nỗi cô đơn nào khủng khiếp hơn; nỗi cô đơn trong đó sự uy hiếp của cái chết gắn liền với sự khủng bố của tội phạm và nỗi xấu hổ. Sự thử thách có phần ít gay go hơn đối với các thiếu phụ nghèo nhưng có chồng: họ hành động với sự đồng tình của chồng và không bị day dứt với những điều trần trở vô bổ. Nhưng họ phải chịu đựng những nỗi đau thể xác khủng khiếp. Các bệnh viện bắt buộc phải tiếp nhận người phụ nữ đã bắt đầu làm công việc phá thai; nhưng trừng phạt họ bằng cách không cho một chút thuốc giảm đau nào trong những cơn đau đớn và cả trong lúc nạo thai. Những sự đày đoạ này không làm những người phụ nữ đã quá quen thuộc chuyện đau đớn, phần nộ; nhưng họ nhạy cảm với thái độ sỉ nhục mình. Đau đớn, bệnh tật, chết chóc mang gương mặt một sự trừng phạt: chúng ta biết giữa đau đớn và hành hạ, giữa tai họa và trừng phạt, khoảng cách lớn biết chừng nào! Qua những rủi ro phải chịu đựng, người phụ nữ tự cảm thấy mình tội lỗi; và sự nhận thức ấy về nỗi đau đớn và lỗi lầm khiến họ càng đau đớn bội phần. Họ cảm nhận phương diện đạo lý này của tấn bi kịch một cách dữ dội nhiều hay ít tùy theo từng hoàn cảnh. Đối với những người rất “tự do”, nhờ có của cải, vị trí xã hội và môi trường sống, cũng như đối với những người vì nghèo đói hay khôn cùng bất chấp đạo lý tư sản, thì chẳng có vấn đề gì phải đặt ra: chỉ một khoảnh khắc ít nhiều khó chịu phải trải qua, và nó phải qua đi, có thể thôi. Nhưng rất nhiều phụ nữ sợ hãi trước một thứ đạo lý mà họ cho là có giá trị tuy mình không thể tuân theo. Thâm tâm họ tôn trọng quy tắc mà mình vi phạm, và họ đau đớn vì đã phạm tội; họ càng

khổ sở hơn trong việc tìm kiếm những kẻ tòng phạm. Trước hết là nỗi nhục đi cầu xin: họ phải cầu xin một địa chỉ, cầu xin sự chăm sóc của một người thầy thuốc, một bà nữ hộ sinh; họ có thể bị từ chối với một thái độ cao ngạo, hoặc chịu đựng một sự đồng lõa xấu xa. Chủ động yêu cầu người khác phạm tội, đó là một tình thế mà phần lớn đàn ông không biết tới, nhưng phụ nữ trải qua trong sợ hãi và thẹn thùng. Thông thường, họ đòi hỏi sự can thiệp ấy nhưng trong thâm tâm thì khước từ nó. Họ bị giằng xé trong chính bản thân lòng mình. Có thể nguyện vọng bột phát của họ là giữ gìn đứa bé mà họ không cho ra đời. Dù không chủ động mong muốn sinh con đi nữa, họ vẫn cảm nhận một cách khó chịu tình trạng nhập nhằng trong hành vi của mình.

Vì tuy phá thai không phải là một hành động giết người nhưng cũng không thể chỉ coi như là một thủ thuật tránh mang thai đơn thuần: sự kiện xảy ra là một sự mở đầu tuyệt đối nhưng lại bị người ta ngăn cản quá trình phát triển. Một số phụ nữ bị ám ảnh bởi ký ức về đứa bé không được chào đời. Một nữ bác sĩ kể trường hợp một người đàn bà có chồng, bình thường về mặt tâm lý, sau khi vì điều kiện sức khỏe để trừ thai hai lần sau khi mang thai ba tháng, đã xây cho hai cái thai ấy hai ngôi mộ nhỏ và chăm sóc một cách thành kính, ngay cả sau khi đã có nhiều con. Vì vậy, nếu chính bản thân mình gây nên việc phá thai, thì người phụ nữ càng có cảm giác phạm tội. Nỗi ân hận trong buổi ấu thơ về cái chết của một đứa em sơ sinh, lại sống dậy và họ cảm thấy phạm tội đã thực sự giết chết một đứa con. Những nỗi âu sầu bệnh lý có thể thể hiện cái cảm giác tội lỗi ấy. Bên cạnh những phụ nữ nghĩ mình đã xâm phạm một cuộc sống khác, có nhiều người cho rằng họ bị cắt bỏ mất một phần chính bản thân mình; từ đó nảy sinh mối ác cảm đối với đàn ông đã chấp nhận hay đòi hỏi sự cắt bỏ ấy. Cũng nữ bác sĩ nói trên kể trường hợp một cô gái yêu say đắm người tình và bản thân cô ta thiết tha muốn tiêu diệt cái thai vốn cản trở hạnh phúc của họ. Xuất viện, cô gái vĩnh viễn không chịu gặp lại người tình tuy vẫn

yêu. Nếu một sự đoạn tuyệt dứt khoát như vậy ít khi xảy ra thì, trái lại, thông thường, người phụ nữ trở nên lãnh đạm, hoặc đối với mọi người đàn ông, hoặc đối với người làm nàng mang thai. Đàn ông có khuynh hướng đánh giá việc phá thai một cách nông nổi, cho nó chẳng khác một trong số nhiều sự rủi ro mà phụ nữ phải gánh chịu một cách tự nhiên; họ không nghĩ tới những giá trị bao hàm trong đó. Phụ nữ phủ nhận giá trị của nữ tính, giá trị của chính mình, vào lúc đạo đức học của nam giới tự bác bỏ mình một cách triệt để nhất. Vì vậy, toàn bộ tương lai về đạo lý bị lung lay. Thật vậy, người ta nhắc đi nhắc lại với phụ nữ từ tuổi nhỏ rằng họ, sinh ra là để sinh đẻ và ca ngợi cái vinh quang của sinh đẻ. Những điều bất lợi về thân phận - kinh nguyệt, bệnh tật, v.v.-, công việc nội trợ nhàm chán, tất cả những thứ đó được bù đắp bởi cái đặc quyền tuyệt diệu là cho những đứa trẻ chào đời. Nhưng để bảo vệ quyền tự do của mình, để khỏi làm thiệt hại tương lai của mình, và vì quyền lợi nghề nghiệp, đàn ông yêu cầu phụ nữ khước từ cái chức năng vẻ vang của họ. Đứa con hoàn toàn không còn là một báu vật vô giá nữa; sinh đẻ, một chức năng thiêng liêng nữa; nó trở thành ngẫu nhiên, không đúng lúc và là một trong những khuyết tật của nữ tính. Ngược lại, chuyện kinh nguyệt vốn đầy đọa hàng tháng, được coi như một niềm hạnh phúc: người ta ngong ngóng chờ mong cái hiện tượng từng làm cô thiếu nữ trước kia kinh hoàng; người ta từng an ủi người phụ nữ trong lúc khêu gợi niềm vui của sự sinh nở. Dù chấp nhận hoặc mong mỏi việc phá thai, phụ nữ vẫn cho đó là một sự hy sinh nữ tính của mình: họ phải vĩnh viễn cho giới tính của mình là một tai họa, một thứ khuyết tật, một nguy cơ. Đi tới tận cùng sự phủ nhận ấy, một số ít phụ nữ trở thành đồng tính luyến ái sau khi bị việc phá thai đầy đọa. Tuy nhiên, đúng vào lúc đòi hỏi sự hy sinh khả năng xác thịt của mình để thực hiện số phận đàn ông của họ, người chồng tố cáo tính đạo đức giả của quy tắc đạo đức học của nam giới. Đàn ông bao giờ cũng cảm đoán phá thai; nhưng lại đặc biệt chấp nhận nó như một giải pháp thuận lợi. Họ có thể tự mâu thuẫn mình

một các trợ trên; nhưng phụ nữ cảm nhận những mâu thuẫn ấy trong thịt da bị thương tổn của mình. Họ thường quá rụt rè nên không thể kiên quyết chống lại ác ý của đàn ông. Vừa nghĩ mình là nạn nhân của một nỗi bất công cho mình là tội phạm cho dẫu mình không muốn, họ vừa tự cảm thấy bị bôi nhọ, bị sỉ nhục. Chính họ là hiện thân của lỗi lầm của đàn ông dưới một gương mặt cụ thể và tức thời, một gương mặt tự thân. Anh ta phạm lỗi, nhưng trút lỗi cho vợ; chỉ thốt ra những lời nói, giọng năn nỉ, dọa dẫm, lý sự, giận dữ và quên đi nhanh; còn người vợ thì phải diễn tả những lời nói ấy trong đau đớn và trong máu. Có khi anh ta không nói nửa lời và bỏ đi; nhưng thái độ im lặng và trốn tránh của anh ta là một sự thanh minh còn hiển nhiên hơn cả toàn bộ quy tắc đạo đức do nam giới xây dựng nên. Không nên ngạc nhiên về cái mà người ta gọi là “thói vô luân” của phụ nữ, đề tài ưa thích của phái ghét nữ giới. Làm sao phụ nữ không nghi ngờ một cách xấu xa những nguyên lý cao ngạo mà đàn ông công khai phô trương nhưng lại tố cáo một cách bí mật? Họ không còn tin “lời nói của nam giới khi những người này tán dương phụ nữ cũng như khi tán dương đàn ông. Điều chắc chắn duy nhất là cái bụng bị đầy đọa và chảy máu, là những mảnh đời đỏ rực, là sự vắng bóng đứa con. Phụ nữ bắt đầu “hiếu” qua lần phá thai đầu tiên. Đối với nhiều người trong số họ, thế giới sẽ không bao giờ còn có cùng một gương mặt nữa. Nhưng, vì các phương pháp tránh thai không được phổ biến nên ngày nay, ở Pháp, phá thai là con đường duy nhất mở ra cho phụ nữ khi không muốn cho ra đời những đứa trẻ buộc phải chết đói. Một nhà văn đã nói rất đúng: “Cấm phá thai là một đạo luật phi luân lý vì hàng ngày, hàng giờ, người ta bắt buộc phải vi phạm nó”.

* * *

Sinh đẻ có kế hoạch và phá thai cho phép phụ nữ đảm nhận một cách tự do công việc sinh nở của mình. Thực ra, quyết định việc đó, một phần là ý

muốn tự nguyện của họ, một phần là sự ngẫu nhiên. Chừng nào thụ tinh nhân tạo chưa trở thành một hoạt động thông thường, thì có thể phụ nữ muốn sinh con mà không được hoặc vì không có quan hệ với đàn ông, hoặc vì người chồng vô sinh, hoặc vì bản thân họ thân hình không bình thường. Ngược lại, có khi họ bắt buộc phải sinh nở tuy không muốn. Mang thai và sinh con sẽ xảy ra rất khác nhau tùy theo hoàn cảnh nhân nhục, đối phó hay phấn chấn, mãn nguyện. Cần cảnh giác là những quyết định và tình cảm thổ lộ ra của người mẹ trẻ không phải bao giờ cũng tương ứng với nguyện vọng sâu xa của họ. Một cô gái có con hoang có thể về mặt vật chất phải chịu khổ sở vì cái gánh nặng bỗng nhiên đè lên mình, công khai than phiền tình hình ấy, nhưng lại tìm thấy ở đứa con sự thỏa mãn những ước mơ thầm kín từng ấp ủ. Ngược lại, một thiếu phụ trẻ, tuy đón nhận cái thai một cách vui vẻ và kiêu hãnh, nhưng lại có thể kinh hãi nó, ghét bỏ nó trong im lặng, qua những sự ám ảnh, những cơn ác mộng, những kỷ niệm ấu thơ mà bản thân họ không muốn thừa nhận. Đó là một trong những lý do khiến phụ nữ kín như bưng về vấn đề này. Thái độ im lặng của họ, một phần do họ muốn giấu kín một kinh nghiệm vốn là công việc hoàn toàn riêng tư của mình. Nhưng cũng có khi họ hoang mang vì những mâu thuẫn và mỗi xung đột họ phải chịu đựng. Một phụ nữ từng nói: “Những mối lo nghĩ về chuyện mang thai là một giấc mơ mà người ta cũng quên đi hoàn toàn như giấc mơ về những nỗi đau trong sinh đẻ”. Đó là những sự thật phức tạp đến với họ lúc đó và họ tìm cách chôn vùi đi trong quên lãng. Như chúng ta đã thấy ở phần trên, trong buổi ấu thơ và tuổi thanh xuân, phụ nữ làm quen với hiện tượng sinh đẻ qua nhiều giai đoạn. Lúc còn bé tẹo, đó là một điều diệu kỳ và một trò chơi: Cô bé tìm thấy ở con búp bê linh cảm qua đứa con sẽ ra đời sau này, một đối tượng mình sở hữu và thống trị. Ở tuổi thanh xuân, ngược lại, cô gái cho đó là một mối đe dọa đối với sự toàn vẹn của con người mình. Hoặc cô ta khẳng khăng khước từ nó, như một nữ nhân vật đã tâm sự: Tôi kinh tởm từng đứa bé chơi đùa trên

cát vì nghĩ nó thoát thai từ một người đàn bà...Tôi cũng kinh tởm người lớn vì nghĩ họ có quyền đối với những đứa bé ấy, la mắng chúng, đánh đòn chúng, mặc quần áo cho chúng, làm chung trở nên hèn hạ bằng mọi cách: những người đàn bà, thân hình mềm nhũn, luôn luôn sẵn sàng cho ra đời những đứa bé; những người đàn ông ngắm nhìn cái đám lúc nhúc vợ con ấy của họ với vẻ mãn nguyện và độc lập. Thân thể của tôi là của riêng một mình tôi; tôi chỉ mong sao nó mang sắc nâu, dầu ấn của muối biển và cây kim tước hoa. Nó cứ phải cứng rắn và được “niêm phong”. Hoặc cô ta vừa ngại ngần vừa mong muốn có con, do vậy trải qua những nỗi ám ảnh về thai nghén và mọi nỗi kinh hoàng. Có những cô gái thích thực thi cái uy quyền do sự sinh đẻ mang lại cho mình nhưng lại không sẵn sàng làm đầy đủ trách nhiệm. Đó là trường hợp một cô gái mười sáu tuổi làm người giữ trẻ cho một gia đình nước ngoài. Cô ta chăm sóc bọn nhỏ với tấm lòng tận tụy đặc biệt: nó là sự nối tiếp những giấc mơ trong tuổi ấu thơ khi cô bé cùng với mẹ nuôi dưỡng một đứa con. Bỗng nhiên, cô ta trở nên lơ là công việc, thờ ơ đối với bọn trẻ, bắt đầu đi chơi, tán tỉnh. Thời kỳ các trò chơi chầm dứt và cô ta bắt đầu quan tâm tới cuộc sống thực của mình trong đó ý muốn sinh đẻ chẳng có mấy vị trí. Một số phụ nữ muốn suốt đời thống trị trẻ em, nhưng kinh tởm sự sinh đẻ về phương diện sinh học: họ làm nữ hộ sinh, nữ y tá, làm cô giáo; họ là những người dì, người cô tận tụy nhưng không muốn sinh con. Một số khác, tuy không kinh hãi sự sinh đẻ, nhưng quá bận rộn với cuộc đời yêu đương hay sự nghiệp của mình nên không còn có chỗ dành cho nó trong đời họ nữa. Hoặc họ sợ đứa con sẽ là gánh nặng cho mình hay cho chồng. Thông thường phụ nữ chủ động quyết định sinh con, hoặc bằng cách trốn tránh mọi quan hệ tình dục, hoặc các thủ pháp của sinh đẻ có kế hoạch. Nhưng cũng có những trường hợp họ không sợ sinh con, và ngăn cản sự thụ thai là một quá trình ức chế về mặt tâm thần: ở họ, có những sự rối loạn chức năng có thể phát hiện qua khám xét y học, nhưng có nguồn gốc về thần kinh. Một thầy thuốc nên lên một ví dụ

diễn hình: Bà H...được mẹ chuẩn bị cho một cách rất sai lầm để bước vào cuộc đời làm vợ; mẹ bà luôn luôn nói với bà về những tai họa tồi tệ nhất mỗi khi bà mang thai!...Một tháng sau khi lấy chồng, bà ta nghĩ mình mang thai; bà ta biết mình nhầm lẫn; rồi một lần nữa, ba tháng sau: lại nhầm lẫn. Sau một năm, bà ta đi khám phụ khoa; thầy thuốc cho là bà ta và ông chồng đều không có biểu hiện vô sinh. Sau ba năm, đi khám lại, và thầy thuốc bảo: “Bà sẽ mang thai khi nào bà ít nói tới việc đó hơn...”. Năm năm sau khi cưới, hai vợ chồng bà H. cho rằng mình sẽ không có con. Cuối cùng một đứa bé ra đời sau năm năm. Việc chấp nhận hay khước từ quá trình thụ thai chịu ảnh hưởng của những yếu tố giống như yếu tố thai nghén nói chung. Trong quá trình mang thai, sống lại những giấc mơ trẻ thơ của chủ thể và những nỗi kinh hoàng của người nữ thanh niên. Quá trình ấy được thể hiện rất khác nhau tùy theo những mối quan hệ của người phụ nữ với mẹ, với chồng, với chính bản thân mình. Đến lượt mình làm mẹ, có thể nói là người phụ nữ giữ vị trí người mẹ đã, sinh ra mình: đối với nàng, đó là một sự trưởng thành hoàn toàn. Nếu thành tâm mong muốn, thì nàng sẽ hoan hỉ với sự thai nghén của mình và vui vẻ tự lo liệu lấy; trái lại, nếu vẫn bị thống trị và bằng lòng chịu thống trị, thì nàng phó thác vào bàn tay bà mẹ: đứa trẻ sơ sinh, đối với nàng, sẽ như là một đứa em trai hay em gái hơn là một sản phẩm của chính bản thân mình. Nếu vừa muốn vừa không dám tự giải phóng mình, thì nàng sợ đứa con làm mình rơi trở lại vào ách thống trị, chứ không phải cứu thoát mình: nỗi sợ hãi này có thể làm trụy thai. Một thầy thuốc nêu trường hợp một thiếu phụ sinh một đứa con bị chết ngay khi lọt lòng, trong khi phải đi theo chồng trong một cuộc du lịch và để con lớn ở nhà cho bà mẹ. Nàng ngạc nhiên không thật luyến tiếc đứa bé bị chết vì từng thiết tha mong muốn có nó; nhưng nàng có thể kinh hãi nếu trao con cho bà mẹ vì có thể bị bà thống trị qua nó. Chúng ta đã thấy là cảm giác có lỗi đối với mẹ thường xuất hiện ở nữ thanh niên. Nếu cảm giác ấy vẫn dai dẳng thì người phụ nữ hình dung

tai họa đè nặng lên con cái mình hoặc bản thân mình; họ nghĩ đứa con sẽ làm mình chết hoặc sẽ chết khi nó ra đời. Thường gây nên nỗi kinh hoàng rất hay gặp ấy ở những người vợ trẻ là sự ân hận không biết giữ gìn cái thai cho đến ngày đến tháng. Qua trường hợp dưới đây do một bác sĩ nêu lên, chúng ta sẽ thấy quan hệ mẹ-con có tầm quan trọng biết chừng nào: Bà Smith vốn là con gái út một gia đình đông con nhưng chỉ có một con trai. Cô bé khi chào đời không được mẹ chăm bẵm vì bà ta muốn có thêm một bé trai, nhưng không quá đau khổ vì được bố và cô chị cả yêu quý. Nhưng lấy chồng và mang thai, tuy thiết tha muốn có con, bà Smith vẫn rất bực dọc với ý nghĩ bản thân mình sẽ làm mẹ vì lòng giận hờn đối với mẹ trước kia. Bà ta sinh con sớm một tháng và đứa bé sơ sinh bị chết. Mang thai lần thứ hai, bà ta sợ lại sẽ xảy ra tai biến. May sao, một người bạn rất thân cũng mang thai; người bạn này có một người mẹ rất đôi yêu thương che chở cho cả hai thiếu phụ trong thời kỳ thai nghén. Nhưng người bạn mang thai sớm hơn bà Smith một tháng và bà ta rất sợ hãi với ý nghĩ sẽ sinh đẻ một mình. Mọi người hết sức kinh ngạc thấy cô bạn mang thai thêm một tháng so với thời gian dự kiến và cả hai thiếu phụ cùng sinh con vào một ngày. Hai người quyết định sẽ mang thai lần sau vào cùng một ngày và bà Smith yên tâm với lần mang thai này. Nhưng đến tháng thứ ba, người bạn phải rời khỏi thành phố. Khi nghe tin, bà Smith bị sẩy thai, và từ đó, không bao giờ còn có thể có con nữa. Ký ức về bà mẹ đè quá nặng lên tâm trí bà ta. Một mối quan hệ không kém phần quan trọng là quan hệ giữa người phụ nữ với người bố đứa bé. Một người đàn bà đã luống tuổi, độc lập, có thể muốn có một đứa con chỉ thuộc riêng về mình: tôi có biết một người đôi mắt long lanh khi trông thấy một người đàn ông đẹp trai, không phải vì ham muốn nhục dục, mà vì đánh giá khả năng về mặt giống nòi của ông ta. Các nữ kỹ sĩ giàu tình mẫu tử thường say sưa ca ngợi khả năng diệu kỳ của thụ tinh nhân tạo. Nếu cha đứa bé cùng chung sống với họ, họ không để cho người đó có chút quyền nào đối với con cái; họ tìm cách thiết lập cung

với đứa con một cặp mẹ - con riêng biệt. Nhưng thông thường, phụ nữ cần một chỗ dựa của nam giới để đảm nhận những trách nhiệm mới; chỉ vui vẻ tận tụy với đứa trẻ sơ sinh nếu có một người đàn ông tận tụy với mình. Người phụ nữ càng mang tính cách trẻ thơ và rụt rè thì nhu cầu này càng bức bách. Một bác sĩ kể chuyện một thiếu phụ, vào tuổi mười lăm, kết hôn với một chàng trai tuổi mười sáu, sau khi mang thai. Lúc còn là bé gái, nàng vốn rất yêu thương các trẻ nhỏ và giúp mẹ trong công việc chăm sóc các em trai, em gái. Nhưng sau khi có hai con, nàng bị khủng hoảng, đòi hỏi chồng phải thường xuyên ở cạnh mình. Ông chồng phải nhận một công việc cho phép ở nhà trong nhiều giờ. Nàng sống trong tâm trạng lo âu thường xuyên, cường điệu những sự cãi vã nhau của con cái, quan trọng hoá quá đáng những sự rắc rối nhỏ nhoi nhất hàng ngày. Nhiều bà mẹ trẻ đòi hỏi sự giúp đỡ của người chồng, người này đôi khi phải bỏ nhà ra đi vì không chịu đựng nổi những mối lo âu người vợ trút lên đầu mình, vẫn người thầy thuốc trên đây kể những trường hợp kỳ lạ khác. Dưới đây là một trong những trường hợp ấy: Một cô vợ trẻ cho là mình mang thai và hết sức vui mừng. Trong khi chồng đi du lịch vắng, nàng có một cuộc gặp gỡ thoáng qua và trao mình vì thỏa mãn với việc mang thai, nàng cho không có điều gì quan trọng khác. Trở lại với chồng, ít lúc sau, nàng biết mình đã tính nhầm ngày mang thai: Thực ra nó có từ thời chồng đi du lịch. Khi đứa bé ra đời, nàng bỗng nhiên băn khoăn nó là con trai của chồng hay của người tình thoáng qua; và không thể có tình cảm đối với đứa con mình từng mong ước. Kinh hoàng, khốn khổ, nàng phải cầu viện một thầy thuốc tâm thần và chỉ quan tâm tới đứa bé khi quyết định cho chồng là bố của nó. Người vợ nào yêu thương chồng, thường có tình cảm giống như tình cảm của chồng; họ vui mừng hay khó chịu trong việc đón đợi chuyện mang thai hay lâm bồn tùy theo thái độ kiêu hãnh hay bực tức của chồng. Đôi khi người ta mong đợi đứa con để củng cố một mối quan hệ, một cuộc hôn nhân, và mối quan tâm của người mẹ đối với nó tùy thuộc vào sự thành,

bại của mình trong kế hoạch. Nếu cảm giận chồng, thì tình hình cũng có thể xảy ra khác nhau: người mẹ có thể hết lòng hết dạ với con và không thừa nhận quyền sở hữu nó của ông bố; hoặc ngược lại ghét bỏ đứa con của người đàn ông bị mình căm ghét. Bà H.N..., mà chúng tôi đã kể lại đêm tân hôn theo lời một thầy thuốc, mang thai ngay đêm hôm đó và suốt đời, bà ghét bỏ đứa con gái mình mang thai trong nỗi kinh hoàng của cái đêm đầu tiên ấy. Chúng ta cũng thấy qua *Nhật ký* của Sophie Tolstoi là tính hai mặt của tình cảm của bà đối với chồng được phản ánh trong lần mang thai đầu tiên. Bà viết: Mình không thể chịu đựng nỗi trạng thái này cả về vật chất lẫn tinh thần, về vật chất, mình thường xuyên đau ốm và, về tinh thần, mình cảm thấy âu sầu, trống trải, kinh hoàng một cách khủng khiếp. Và đối với Liova, mình thôi không tồn tại nữa...Mình không thể mang lại cho anh một niềm vui nào nữa vì mình mang thai. Niềm hứng thú duy nhất bà tìm thấy trong tình trạng này mang tính chất loạn dâm thích đau (masochiste): phải chăng do thất bại trong quan hệ tình ái, bà có một nhu cầu tự trừng phạt theo lối trẻ thơ? Từ hôm qua, tôi thực sự đau ốm, tôi sợ sẩy thai. Thậm chí nỗi đau đón trong bụng cũng làm tôi yêu thích. Tình hình giống như lúc tôi còn bé và làm một điều dại dột được mẹ tha thứ nhưng tôi lại không tự tha thứ cho mình. Tôi tự cấu xé mình cho tới lúc đau đón không thể chịu đựng nổi nữa. Thế nhưng tôi chịu nỗi đau ấy và rất thích thú...Khi ...đứa trẻ ra đời, tình hình ấy lại sẽ trở lại, thật ghê tởm! Tất cả đối với tôi đều nhạt nhẽo. Ngày giờ trôi qua buồn bã biết chừng nào! Tất cả đều buồn tẻ. A! Giá Liova...Nhưng chủ yếu mang thai là một tấn bi kịch giữa mình với mình của người phụ nữ; họ cảm nhận việc mang thai vừa như một sự phong phú thêm vừa như một sự bị huỷ hoại; cái thai là một phần của thân thể mình, và là một vật ký sinh lợi dụng nó; họ chiếm hữu nó và bị nó chiếm hữu; nó thâu tóm toàn bộ tương lai và, trong lúc mang nó trong lòng họ tự cảm thấy mệnh mông như vũ trụ; nhưng chính sự giàu có thủ tiêu họ, họ có cảm giác mình không còn là gì nữa hết. Một

đời sống mới sẽ được thể hiện và xác minh cuộc sống của chính họ; họ cảm thấy kiêu hãnh, nhưng lại cũng tự cảm thấy là con bài của lực lượng bí ẩn, cảm thấy bị xô đẩy bị vùi dập. Điều kỳ lạ ở người phụ nữ mang thai là ở chỗ chính vào lúc thân thể họ vượt lên trên bản thân mình thì nó lại được xem xét với tư cách nội tại: nó tự co mình lại trong những cơn nôn oẹ và khó chịu; nó không còn tồn tại cho riêng mình và chính lúc đó nó trở nên to lớn hơn bao giờ hết. Sự siêu nghiệm của một nghệ nhân, của con người hành động nằm trong một tính chủ thể, như ở người sắp làm mẹ, không còn sự đối lập giữa chủ thể và khách thể: họ cùng với đứa bé trong bụng lập thành một cặp đôi bí ẩn ngập chìm trong cuộc sống. Thông thường, sự sống chỉ là một điều kiện của sự tồn tại; trong thời kỳ thai nghén, nó xuất hiện với tư cách sáng tạo; nhưng là một sự sáng tạo kỳ lạ được thể hiện trong ngẫu nhiên và nhân tạo. Có những phụ nữ lấy việc mang thai và cho con bú làm niềm vui mạnh mẽ tới mức muốn chúng diễn ra vô tận và cảm thấy mất mát một khi đứa bé được cai sữa. Sự chia ly trước kia của phụ nữ phải đau khổ chịu đựng khi cai sữa cho con, nay đã được bù đắp. Họ lại đắm chìm trong dòng đời, tái nhập vào tất cả, là một mắt xích trong sợi dây vô tận các thế hệ, là lớp thịt da tồn tại vì và qua một lớp thịt da khác. Sự hoà nhập tìm kiếm trong vòng tay đàn ông và bị khước từ ngay sau khi được tiếp nhận, người mẹ thực hiện nó khi cảm thấy đứa con trong bụng hay khi ôm nó trong lồng ngực căng đầy. Họ không còn là một khách thể phụ thuộc vào một chủ thể nữa; cũng không còn là một chủ thể khiếm hĩ vì sự tự do của mình; họ là cái hiện thực khó hiểu này: cuộc sống-. Rất cuộc, thân thể họ thuộc về họ, vì nó là của đứa con của chính họ. Xã hội thừa nhận quyền sở hữu của họ đối với cái thân thể ấy và còn khoác cho nó một tính chất thiêng liêng. Bộ ngực, trước kia vốn là một đối tượng hứng dục, nay họ có thể phô bày vì nó là một nguồn sống, tới mức nhiều bức tranh thành kính giới thiệu Đức mẹ Đồng trinh để lộ ngực trong khi cầu xin con trai khoan dung đối với nhân loại. Bị tha hoá trong thân thể và trong nhân

phẩm mình, người mẹ có ảo giác yên lòng khi tự cảm thấy mình là một thực thể tự thân, một giá trị nhất thành bất biến. Nhưng đó chỉ là một ảo giác. Vì người mẹ không thực sự làm ra đứa con: nó tự làm ra nó; thịt da của người mẹ chỉ làm ra thịt da: nó không thể thiết lập một cuộc sống phải tự thiết lập lấy mình. Người mẹ có thể có lý do của mình để muốn có một đứa con, nhưng không thể cung cấp cho con người sẽ tồn tại nay mai lý do tồn tại của bản thân nó. Họ sinh nó ra trong tính khái quát của thân thể mình, chứ không phải trong tính đặc thù của cuộc sống của mình. Một nữ nhân vật tiểu thuyết hiểu điều đó khi tâm sự: Tôi không bao giờ nghĩ nó có thể đem lại cho tôi một ý nghĩa...Thực thể của nó nảy mầm trong tôi và tôi phải bảo tồn thực thể ấy cho tới ngày tới tháng, bất luận có thể xảy ra những gì, mà không thể đẩy nhanh sự việc, dù có phải chết chạng nữa. Thế rồi nó ở kia, từ tôi sinh ra, vì vậy nó giống như tác phẩm. Về một mặt nào đấy, điều bí ẩn của sự hiện thân được lặp đi lặp lại ở mỗi người phụ nữ. Mọi đứa trẻ ra đời đều là một vị thần tự biến mình thành người: nó không thể tự thể hiện với tư cách ý thức và tự do nếu nó không ra đời. Người mẹ chuẩn bị sẵn sàng cho điều bí ẩn ấy, nhưng không chỉ huy nó; không nắm được cái chân lý tối hậu về cái thực thể hình thành trong bụng mình. Họ thể hiện hiện tượng khó hiểu này qua hai nổi ám ảnh trái ngược nhau: mọi người mẹ đều có ý nghĩ đứa con mình sẽ là một anh hùng, biểu thị sự hoan hỉ của mình với ý nghĩ sản sinh ra một ý thức và một sự tự do; nhưng cũng sợ hãi phải cho ra đời một đứa trẻ tàn tật, một con quái vật vì biết tính thất thường khủng khiếp của xác thịt, và cái phôi trong bụng mình chỉ là xác thịt. Có trường hợp huyền thoại này hay huyền thoại kia thắng thế; nhưng thông thường, phụ nữ giao thoa giữa huyền thoại này và huyền thoại kia. Họ cũng nhạy cảm với một trạng thái mập mờ khác. Nằm trong cái chu kỳ lớn của loài, họ khẳng định cuộc sống chống lại thời gian và cái chết, qua đó, hướng về cái bất tử. Nhưng họ cũng cảm thấy trong thịt da cái hiện thực trong câu nói của Hegel: “Sự ra đời của con cái là cái chết của bố mẹ.”

Héghel còn nói thêm: “ Đối với bố mẹ, đứa con là vật cho nó (être pour soi) của tình yêu của họ rơi ra bên ngoài họ”, và ngược lại, nó có được cái vật cho nó “ trong sự cách ly với nguồn, một sự cách ly trong đó cái nguồn ấy khô cạn đi”. Đối với phụ nữ, sự vượt qua tự thân cũng là sự báo hiệu cái chết. Họ thể hiện chân lý này bằng nỗi sợ hãi cảm thấy khi hình dung việc sinh con: họ sợ chết. Vì ý nghĩa của việc mang thai nhập nhằng như vậy nên thái độ lưỡng trị của phụ nữ là điều tự nhiên; vả lại, thái độ này biến đổi theo các giai đoạn khác nhau trong quá trình tiến hoá của thai. Trước hết, cần nhấn mạnh rằng vào buổi đầu quá trình này, đứa trẻ chưa hiện diện: nó chỉ mới có cuộc sống tưởng tượng. Người mẹ có thể mơ màng nghĩ tới cái cơ thể nhỏ bé sẽ chào đời sau mấy tháng, tíu tít chuẩn bị cho nó một chiếc nôi, quần áo trẻ sơ sinh. Họ chỉ nắm được cụ thể những hiện tượng rối loạn hữu cơ trong người. Một số ít người giả định một cách huyền bí rằng phụ nữ biết mình vừa được người đàn ông biến thành người mẹ qua tính chất niềm khoái cảm của mình: đó là một trong những huyền thoại cần bác bỏ. Thực ra không bao giờ họ có một trực giác dứt khoát về sự kiện này, mà chỉ suy đoán từ những dấu hiệu không chắc chắn. Họ tắt kinh, người mập ra, bộ ngực nặng ra và gây khó chịu; cảm thấy choáng váng và buồn nôn. Đôi khi họ chỉ tưởng mình bị ốm và thầy thuốc cho họ biết sự thật. Từ đó, họ biết thân thể mình đã tiếp nhận một mục đích khiến nó thay đổi về chất. Ngày lại ngày, một polyp sinh ra từ thịt da mình và xa lạ với thịt da ấy, sẽ béo dần lên trong người họ. Họ là nạn nhân của loài: loài áp đặt cho về một mặt nào đấy, điều bí ẩn của sự hiện thân được lặp đi lặp lại ở mỗi người phụ nữ. Mọi đứa trẻ ra đời đều là một vị thần tự biến mình thành người: nó không thể tự thể hiện với tư cách ý thức và tự do nếu nó không ra đời. Người mẹ chuẩn bị sẵn sàng cho điều bí ẩn ấy, nhưng không chỉ huy nó; không nắm được cái chân lý tối hậu về cái thực thể hình thành trong bụng mình. Họ thể hiện hiện tượng khó hiểu này qua hai nỗi ám ảnh trái ngược nhau: mọi người mẹ đều có ý nghĩ đứa con mình sẽ là

một anh hùng, biểu thị sự hoan hỉ của mình với ý nghĩ sản sinh ra một ý thức và một sự tự do; nhưng cũng sợ hãi phải cho ra đời một đứa trẻ tàn tật, một con quái vật vì biết tính thất thường khủng khiếp của xác thịt, và cái phôi trong bụng mình chỉ là xác thịt. Có trường hợp huyền thoại này hay huyền thoại kia thắng thế; nhưng thông thường, phụ nữ giao thoa giữa huyền thoại này và huyền thoại kia. Họ cũng nhạy cảm với một trạng thái mập mờ khác. Nằm trong cái chu kỳ lớn của loài, họ khẳng định cuộc sống chống lại thời gian và cái chết, qua đó, hướng về cái bất tử. Nhưng họ cũng cảm thấy trong thịt da cái hiện thực trong câu nói của Hegel: “Sự ra đời của con cái là cái chết của bố mẹ.” Hegel còn nói thêm: “Đối với bố mẹ, đứa con là vật cho nó (être pour soi) của tình yêu của họ rơi ra bên ngoài họ”, và ngược lại, nó có được cái vật cho nó “ trong sự cách ly với nguồn, một sự cách ly trong đó cái nguồn ấy khô cạn đi”. Đối với phụ nữ, sự vượt qua tự thân cũng là sự báo hiệu cái chết. Họ thể hiện chân lý này bằng nỗi sợ hãi cảm thấy khi hình dung việc sinh con: họ sợ chết. Vì ý nghĩa của việc mang thai nhập nhằng như vậy nên thái độ lưỡng trị của phụ nữ là điều tự nhiên; và lại, thái độ này biến đổi theo các giai đoạn khác nhau trong quá trình tiến hoá của thai. Trước hết, cần nhận mạnh rằng vào buổi đầu quá trình này, đứa trẻ chưa hiện diện: nó chỉ mới có cuộc sống tưởng tượng. Người mẹ có thể mơ màng nghĩ tới cái cơ thể nhỏ bé sẽ chào đời sau mấy tháng, tíu tíu chuẩn bị cho nó một chiếc nôi, quần áo trẻ sơ sinh. Họ chỉ nắm được cụ thể những hiện tượng rối loạn hữu cơ trong người. Một số ít người giả định một cách huyền bí rằng phụ nữ biết mình vừa được người đàn ông biến thành người mẹ qua tính chất niềm khoái cảm của mình: đó là một trong những huyền thoại cần bác bỏ. Thực ra không bao giờ họ có một trực giác dứt khoát về sự kiện này, mà chỉ suy đoán từ những dấu hiệu không chắc chắn. Họ tắt kinh, người mập ra, bộ ngực nặng ra và gây khó chịu; cảm thấy choáng váng và buồn nôn. Đôi khi họ chỉ tưởng mình bị ốm và thấy thuốc cho họ biết sự thật. Từ đó, họ biết thân thể mình đã tiếp nhận

một mục đích khiến nó thay đổi về chất. Ngày lại ngày, một polyp sinh ra từ thịt da mình và xa lạ với thịt da ấy, sẽ béo dần lên trong người họ. Họ là nạn nhân của loài: loài áp đặt cho họ những quy luật bí ẩn của nó, và thông thường sự tha hóa này làm họ khiếp hãi, thể hiện bằng những cơn nôn óẹ. Gây nên những cơn nôn óẹ này, một phần là do những biến đổi của tiết dịch vị xảy ra lúc bấy giờ. Sự phản ứng này - không thấy có ở loài động vật cái - sở dĩ trở nên quan trọng là vì những lý do về mặt tâm thần; nó thể hiện tính chất gay gắt của cuộc xung đột giữa loài và cá thể ở phụ nữ. Dù thiết tha mong muốn có con, lúc đầu, cơ thể phụ nữ vẫn phản kháng khi phải sinh con. Một thầy thuốc khẳng định hiện tượng nôn óẹ ở phụ nữ mang thai bao giờ cũng biểu thị một thái độ khước từ đứa con; và nếu đứa con bị đón nhận với thái độ ghét bỏ vì những lý do thường không nói ra - thì rối loạn tiêu hoá trở nên trầm trọng. Một nữ bác sĩ khẳng định: “Tâm phân học cho chúng ta biết rằng hiện tượng khác thường về mặt tâm thần của triệu chứng nôn óẹ chỉ xảy ra trong trường hợp chúng thể hiện những cảm xúc căm ghét việc mang thai hay cái thai”. Bà còn nói thêm: “Thông thường ý nghĩa tâm thần của hiện tượng nôn óẹ trong thời kỳ thai nghén, hoàn toàn giống như ý nghĩa của hiện tượng nôn óẹ do bị loạn thần kinh ở các thiếu nữ bị ám ảnh vì mang thai”. Đặc biệt, những sự “thèm thuồng” rất quen thuộc đối với phụ nữ mang thai là những nỗi ám ảnh có nguồn gốc từ thuở bé và từng được áp ú một cách thú vị: bao giờ nó cũng là những sự thèm thuồng về thức ăn do quan niệm cổ xưa về hiện tượng thụ tinh của thực phẩm. Trong một tập Hồi ký, nữ công tước D’Abrantès⁴⁵ miêu tả một cách rất thú vị một trường hợp trong đó sự thèm thuồng do những người thân của người phụ nữ kêu gọi ra một cách khẩn thiết. Người phụ nữ này phàn nàn được quá chăm sóc trong thời kỳ mang thai. Những sự chăm sóc ân cần ấy làm tăng thêm cảm giác khó chịu, làm đau tim, đau thần kinh gia tăng và nghìn lẻ nỗi đau đón hậu như bao giờ cũng

⁴⁵ Nữ công tước Pháp (thế kỷ XIX).

là những người bạn đường của những lần mang thai đầu tiên. Tôi đã trải qua trạng thái ấy...chính mẹ tôi là người mở đầu hôm tôi ăn tối ở nhà bà...

A! lạy Chúa - bỗng nhiên mẹ tôi vừa lên tiếng vừa bỏ nĩa xuống bàn và nhìn tôi voi vẻ bối rối - A! lạy Chúa! Mẹ quên không nghĩ tới chuyện hỏi con thêm gì.

- Nhưng con có thêm gì đâu -tôi đáp-

- Con không thêm-mẹ tôi bảo-...Con không thêm! Nhưng chưa bao giờ có chuyện đó hết! Con nhâm đây. Chắc hẳn vì con không để ý tới thôi. Mẹ sẽ bảo mẹ chồng con. Thế là hai bà mẹ trao đổi ý kiến với nhau, và hoảng sợ tôi sẽ để cho anh một quái thai, sáng nào, Junot⁴⁶ cũng hỏi tôi:

- Laure, vậy em thêm gì nào?

- Bà chị dâu tôi, từ Versailles trở về, nói chen vào...là số phụ nữ bị dị dạng đi vì không thỏa mãn được những sự thèm thuồng, nhiều tới mức đếm không xuể...Rất cuộc bản thân tôi cũng đâm hoảng...Tôi moi óc ra tìm xem cái gì làm mình thích thú hơn cả nhưng không tìm được gì hết. Cuối cùng, một hôm, trong lúc ăn một viên kẹo dứa, tôi nghĩ bụng một quả dứa chắc hẳn phải tuyệt diệu...Đình ninh mình thêm một quả dứa, lúc đầu tôi cảm thấy một nỗi ước ao cháy bỏng; nỗi ước ao này càng thêm dữ dội khi Corcelet tuyên bố là....không phải lúc.

Ôi! Thế là tôi đau đớn như điên như dại, như muốn chết đi nếu ao ước không được thỏa mãn. (Sau nhiều phen chạy vạy, cuối cùng Junot được bà Bonaparte tự tay trao cho một quả dứa. Nữ công tước D'Abrantès vui mừng đón nhận, và suốt đêm hôm đó, sờ mó, hít ngửi nó, vì thấy thuốc ra lệnh chỉ được ăn vào buổi sáng. Cuối cùng, khi Junot dọn dứa ra): Tôi đẩy xa chiếc đĩa ra. "Nhưng...em không biết làm sao ấy, em không thể ăn dứa." Anh đưa cái đĩa khốn kiếp ấy sát mũi tôi, khiến tôi càng thấy dứt khoát mình không thể ăn dứa. Không những phải mang cất nó đi, mà còn phải

⁴⁶ Junot là tên họ của công tước d'Abrantès, võ tướng Pháp dưới trướng Napoléon Bonaparte (thế kỷ XVIII). Laure là tên nữ công tước d' Abrantes thòi con gái.

mở toang các cửa sổ ra, phải bơm nước hoa vào căn phòng để át đi cái mùi mà chỉ một giây không thôi cũng đủ làm tôi không sao chịu nổi. Điều hết sức kỳ lạ trong chuyện này là từ ấy, không hao giờ tôi có thể ăn đũa một các thoải mái nữa...Có nhiều hiện tượng bệnh hoạn hơn cả, chính là những phụ nữ được người ta quá chăm sóc hoặc tự mình quá chăm sóc mình. Còn những người vượt qua dễ dàng nhất sự thử thách của thai nghén, một mặt là những bà mẹ toàn tâm toàn ý đối với chức năng sinh đẻ của mình, mặt khác là những phụ nữ kiên nghị không để bị mê hoặc bởi những thăng trầm của thân thể mình và dễ dàng vượt qua chúng: bà de Stael trải qua một cuộc thai nghén gọn ghẽ chẳng khác một buổi trò chuyện. Trong quá trình thai nghén, quan hệ giữa người mẹ và cái thai biến đổi. Thai có vị trí vững chắc trong bụng mẹ, hai cơ thể thích nghi lẫn nhau và giữa chúng có những sự trao đổi sinh học cho phép người phụ nữ tìm thấy lại thế thăng bằng của mình; không còn cảm thấy bị loài chiếm hữu nữa, mà chính mình là chủ sở hữu bào thai của mình. Những tháng đầu, nàng là một người đàn bà nào đó như mọi người đàn bà khác, và gầy mòn đi vì cái công việc diễn ra bí ẩn trong người; về sau, nàng hiển nhiên là một người mẹ và những hiện tượng suy nhược là mặt trái niêm vinh quang của mình. Sự suy nhược họ phải chịu đựng trong quá trình gia tăng trở thành một có ngoại phạm. Lúc ấy, nhiều phụ nữ tìm thấy trong quá trình thai nghén của mình một sự yên tĩnh kỳ diệu: họ tự biện giải cho mình. Trước kia, họ luôn luôn thích thú tự quan sát mình, theo dõi thân thể mình, không dám quan tâm tới nó một cách quá thích thú vì ý thức đối với nghĩa vụ xã hội của mình. Nay thì họ có quyền ấy. Tất cả những gì họ làm cho hạnh phúc của riêng mình, họ cũng đều làm cho đứa con. Người ta không còn đòi hỏi họ phải lao động, phải gắng sức nữa; họ không còn phải quan tâm tới mọi thứ khác trên đời nữa. Những ước mơ về tương lai họ ấp ủ làm cho hiện tại có ý nghĩa. Lý do cuộc đời họ ở kia, trong bụng họ, và mang lại cho họ một cảm giác hoàn toàn mãn nguyện. Một nữ nhân vật trong truyện kể của một bác sĩ nói: “Nó

như một cái lò sưởi luôn luôn đỏ lửa trong mùa đông, ở kia, cho riêng một mình nàng, hoàn toàn phục tùng ý muốn của nàng. Nó cũng như một dòng nước mắt chảy không ngừng không nghỉ trong mùa hè. Nó là như thế đấy”. Hoàn toàn mãn nguyện, người phụ nữ cũng hoan hỉ cảm thấy mình “có giá” - niềm ước vọng sâu xa nhất của nàng từ tuổi thanh xuân-. Với tư cách người vợ, nàng từng đau khổ vì phải tùy thuộc vào chồng. Nay nàng không còn là đối tượng tình dục, là con ở nữa. Nàng là hiện thân của loài, là sự hứa hẹn cuộc sống, hứa hẹn sự vĩnh hằng. Nàng được những người xung quanh trọng vọng; thậm chí những mong muốn thất thường của nàng cũng trở thành thiêng liêng: chính vì vậy-như trên kia đã nói-nàng “bịa” ra những chuyện “thèm muốn”. Một nữ bác sĩ từng nói: “Thai nghén cho phép phụ nữ hợp lý hoá hành vi của mình; nếu không thì những hành vi trở nên phi lý”. Được biện giải bởi sự hiện diện của một người khác trong lòng mình, cuối cùng, họ hoàn toàn mãn nguyện thấy bản thân mình chính là mình, không phải là ai khác. Trong cuốn tiểu thuyết *Ngôi sao Vesper* (*Wétoile Vesper*), Colette miêu tả giai đoạn thai nghén này. Tháng thứ sáu, tháng thứ bảy.. Những quả dâu tây đầu tiên, những bông hồng đầu tiên. Tôi có thể gọi thời kỳ thai nghén của mình là một cái gì khác một lễ hội kéo dài không? Người ta quên đi những nỗi kinh hoàng của giờ lâm bồn, nhưng không quên một lễ hội duy nhất kéo dài; tôi không hề quên gì hết. Tôi nhớ nhất vào những giờ giấc thất thường; giấc ngủ xâm chiếm mình, và giống như ở tuổi ấu thơ, tôi lại thấy muốn ngủ trên mặt đất, trên thảm cỏ, trên mặt đất nóng ấm. Một, “thèm muốn” duy nhất, lành mạnh. Vào thời kỳ cuối cùng, tôi có vẻ như một con chuột lồi một quả trứng lấy trộm. Bất tiện cho chính bản thân mình, có lúc tội quá mệt mỏi không sao ngủ nổi...Nặng nề, mệt mỏi, nhưng lễ hội kéo dài của tôi vẫn không chấm dứt. Người lạ vẫn không ngừng chăm sóc, ưu ái tôi...Có những thiếu phụ quên mình đi, hân hoan về cái báu vật của cuộc sống đang ngày một lớn dần trong lòng mình. Niềm vui ấy, một nhà văn nữ miêu tả như sau trong

thư gửi cho chồng: Kỳ lạ thật, em có cảm giác như chứng kiến sự hình thành một hành tinh li ti và tự tay nhào nặn quả cầu mỏng manh của nó. Chưa bao giờ em gần gũi cuộc sống như thế này. Chưa bao giờ em cảm thấy mình làm chị em với trái đất đầy hoa lá và nhựa sống như lúc này. Chân em bước trên trái đất như thể trên một con thú sống động. Em nghĩ tới cái ngày rộn ràng tiếng sáo, tiếng ong vừa thức giấc, thấm đẫm những giọt sương mai vì giờ đây nó cựa quậy trong lòng em. Giá anh biết cái linh hồn mới nhú như một cái mầm non này mang tới cho trái tim em biết bao cái tươi mát của mùa xuân và sức thanh xuân! Và nghĩ rằng đó là tâm hồn trẻ thơ của Pierrot và nó tạo nên trong sâu thẳm đời em đôi mắt to lớn của cõi vô biên giống đôi mắt nó. Trái lại, những thiếu phụ một mực đom đóm, chủ yếu tự xem mình là đối tượng tình dục, chỉ biết yêu chiều vẻ đẹp thân thể mình, thì đau khổ thấy hình hài mình dị dạng, xấu xí đi, không còn kích thích nổi ham muốn nữa. Thai nghén đối với họ, tuyệt nhiên không còn là một ngày hội hay một sự phong phú thêm lên nữa, mà là một sự giám sát cái tôi của họ. *Trong Đời tôi* (Ma vie), Isadora Duncan viết: Giờ đây đứa bé biểu thị sự hiện diện của nó...Cái thân thể ngọc ngà của tôi dần ra, rã rời, dị dạng...Đi dọc bờ biển, thỉnh thoảng, tôi cảm thấy dư thừa sức lực và thỉnh thoảng tôi nghĩ bụng cái sinh linh nhỏ bé này sẽ là của mình, của riêng một mình mình; nhưng những ngày khác...tôi có cảm giác mình là một con vật tội nghiệp bị mắc bẫy...Hết hy vọng lại thất vọng, tôi thường nghĩ tới những cuộc hành hương thời thanh xuân, những buổi du ngoạn lang thang, những khám phá nghệ thuật, và tất cả chỉ là một đạo đầu xa xưa, tan biến trong lớp sương mù dẫn tới việc mong đợi một đứa con, tuyệt tác mà bất cứ người thôn, nữ nào cũng có thể với tới được...Tôi bắt đầu cảm thấy mọi thứ sợ hãi. Quả là tôi tự bảo mình mọi người đàn bà đều có con. Đó là điều tự nhiên, thế nhưng tôi vẫn sợ. Sợ cái gì? Dĩ nhiên không phải sợ chết, và cũng không sợ đau đớn. Tôi có một nỗi sợ hãi xa lạ đối với một cái gì đó mà tôi không biết. Càng ngày cái thân hình đẹp đẽ của tôi

càng dị dạng đi trước cặp mắt kinh ngạc của mình. Đâu còn những đường nét kiều diễm đầy sức sống của nàng tiên nữ thuở trước? Đâu còn tham vọng, danh tiếng của tôi? Luôn luôn và ngoài ý muốn của mình, tôi cảm thấy khốn khổ và thua trận. Cuộc chiến đấu với cuộc sống-người không lồ ấy-không cần sức. Nhưng tôi nghĩ tới đứa con sắp chào đời và nỗi buồn phiền của tôi tiêu tan. Những giây phút đợi chờ khủng khiếp trong đêm khuya. Niềm vinh quang làm mẹ, chúng tôi phải trả giá đắt biết chừng nào!...Trong giai đoạn cuối cùng của thời kỳ thai nghén, bắt đầu hình thành sự phân ly giữa hai mẹ con. Những người mẹ cảm nhận một cách khác nhau cái động tác đầu tiên của đứa bé, cái bàn chân gõ vào cách cửa của thế giới, vào cái thành bụng ẩn chứa nó cách biệt với thế giới. Một số người hân hoan đón nhận cái tín hiệu thông báo sự hiện hữu một cuộc sống tự lập; một số khác ghê tởm cho mình là cái túi hứng đựng của một kẻ xa lạ. Một lần nữa, sự hoà nhập giữa cái thai và cơ thể người mẹ bị rối loạn: tử cung sa xuống, người phụ nữ có cảm giác bị nén, bị căng và khó thở. Lần này, họ bị chiếm hữu, không phải bởi loài không rõ rệt, mà bởi đứa con sắp chào đời. Cho tới lúc này, nó chỉ là một hình ảnh, một niềm hy vọng. Giờ đây nó trở thành hiện hữu một cách nặng nề. Sự hiện diện của nó đặt ra những vấn đề mới. Mọi sự chuyển dịch đều đáng sợ: riêng sự sinh đẻ đáng sợ một cách đặc biệt. Khi gần đến ngày đến tháng, tất cả nỗi kinh hoàng ở tuổi ấu thơ trôi dạt. Trong *Chiến tranh và Hoà bình*, dưới gương mặt của Lise, Tolstoi miêu tả người phụ nữ cho sinh đẻ là một tội tử hình; và quả là nàng bị chết. Tùy theo trường hợp, sinh đẻ mang tính chất rất khác nhau: người mẹ vừa muốn giữ lại trong lòng mình cái khúc thịt vốn là một mảnh quý giá của cái, tôi của mình, vừa muốn thoát khỏi một kẻ làm mình vương vãi. Rốt cuộc họ muốn làm chủ ước vọng của mình nhưng lại sự những trách nhiệm mới do sự vật chất hoá này đặt ra. Hoặc nguyện vọng này, hoặc nguyện vọng kia chiến thắng, nhưng thông thường họ phân vân. Và thông thường khi nghĩ tới sự thử thách đáng sợ này, tâm trạng họ

không thật rõ ràng: họ muốn tự thuyết phục mình và thuyết phục người than - mẹ, chồng - là họ có thể vượt qua thử thách ấy một mình, không cần có sự trợ giúp; nhưng đồng thời oán trách thiên hạ, oán trách cuộc đời và người thân về những nỗi đau họ phải chịu đựng, và giữ một thái độ thụ động để phản ứng. Những người phụ nữ tự lập - đàn bà đã có con hoặc phụ nữ có dũng khí - quyết tâm giữ vai trò chủ động trong những giờ phút trước và ngay cả trong khi lâm bồn. Hết sức trẻ thơ, họ phó thác một cách thụ động cho bà đỡ, cho mẹ; một số ít không kêu la vì kiêu hãnh; một số khác khước từ mọi mệnh lệnh. Một cách khái quát, có thể nói rằng trong cơn khủng hoảng này, họ biểu thị thái độ sâu kín của mình đối với thế giới nói chung, đối với sự sinh đẻ của mình nói riêng: họ tỏ ra khắc kỷ, nhẫn nhục, yêu sách, dữ dằn, phản kháng, lì lợm hay căng thẳng... Những trạng thái tâm lý này cố ảnh hưởng rất lớn đối với thời hạn và những nỗi khó khăn của sự sinh đẻ (dĩ nhiên sự sinh đẻ nào cũng tùy thuộc vào những yếu tố hoàn toàn hữu cơ). Điều đáng lưu ý là thông thường phụ nữ - cũng như một số con vật nuôi giống cái - cần có sự giúp đỡ để làm tròn chức năng tạo hoá phó thác cho họ. Có những phụ nữ nông dân cứng rắn và những cô gái xấu hổ khi sinh con ngoài giá thú, sinh đẻ lấy một mình; nhưng thường thì đứa bé bị chết hay người mẹ bị những căn bệnh không thể chữa trị được. Ngay cả lúc hoàn thành công việc thực hiện số phận nữ giới của mình, người phụ nữ vẫn bị phụ thuộc: điều đó cũng chỉ ra rằng trong phạm vi nhân loại, thiên nhiên không bao giờ khác biệt với cái nhân tạo. Dĩ nhiên sự xung đột giữa quyền lợi của cá nhân người phụ nữ và quyền lợi của loài, gay gắt tới mức nó thường dẫn tới cái chết hoặc của người mẹ hoặc của đứa con. Chính sự can thiệp của con người trong y học và phẫu thuật đã làm giảm đáng kể - thậm chí hầu như loại trừ - những tai họa vốn rất thường xảy ra trước kia. Phương pháp gây tê đang trên đường bác bỏ sự khẳng định của Kinh thánh: "Người sẽ sinh con trong đau đớn". Phương pháp này đang thịnh hành ở Mỹ và bắt đầu được phổ biến ở Pháp.

Theo một sắc luật tháng ba 1949, chúng trở thành bắt buộc ở Anh. Trên kia đã nói là một số người chống nữ quyền, nhân danh Tạo hoá và Kinh thánh, phản nộ đối với việc người ta muốn loại trừ những nỗi đau đớn của sinh đẻ. Theo họ, những sự đau đớn ấy là một trong những cội nguồn “bản năng” mẫu tử: nếu không cảm thấy công việc sinh đẻ, thì người mẹ không nhận thức sâu sắc đứa con là của mình khi nó được giới thiệu với mình. Nhưng người ta cũng gặp cái cảm giác trống rỗng và xa lạ ấy ở những sản phụ chịu đau đớn. Tình mẹ con là một tình cảm, một thái độ tự giác, chứ không phải một bản năng; nó không nhất thiết gắn liền với quá trình thai nghén: một phụ nữ có thể yêu một đứa con nuôi, một đứa con riêng của chồng, với tình yêu mẹ con, v.v...Khó có thể nói chính xác những sự can thiệp trên đây của y học, của giải phẫu tránh cho phụ nữ những nỗi đau đớn nào. Quá trình sổ nhau (délivrance) có khi kéo dài trên hai mươi bốn tiếng, nhưng có khi chỉ diễn ra trong hai, ba tiếng. Vì vậy không thể có một kết luận khái quát nào hết. Đối với một số ít phụ nữ, sinh đẻ là một cực hình. Đó là trường hợp Isadora Duncan: bà trải qua thời kỳ thai nghén trong kinh hoàng và chắc hẳn những sự phản kháng về mặt tâm thần làm trầm trọng thêm những nỗi đau đớn trong quá trình sổ nhau. Bà viết: Người ta muốn nói gì thì cứ nói về Toà án tôn giáo Tây Ban Nha, không một người phụ nữ nào đã từng có một đứa con là không khiếp hãi nó. Không ngừng nghi, không xót thương, vị hung thần vô hình kia siết chặt tôi trong nanh vuốt, xé nát thịt xương và giây thần kinh tôi. Người ta bảo những nỗi đau đớn dễ chóng quên. Riêng tôi chỉ có thể nói là chỉ cần nhắm mắt lại là tôi lại nghe những tiếng kêu la, rên xiết của mình. Trái lại, một số phụ nữ cho đó là một sự thử thách tương đối dễ vượt qua. Một số ít cho đó là một khoái cảm nhục dục. Một nữ bệnh nhân đã tâm tình với một nữ bác sĩ: Tôi là một đứa thích nhục cảm tới mức đối với mình, bản thân lâm bồn là một hành vi tình dục. Bà đỡ tẩm và tiêm thuốc cho tôi. Chỉ thế là đủ kích thích tôi mạnh mẽ với những sự run rẩy của thần kinh. Có những phụ nữ

cho rằng họ cảm thấy mình có sức mạnh sáng tạo trong lúc lâm bồn, và đã thực sự hoàn thành một công việc tự nguyện và bổ ích. Trái lại, nhiều người cảm thấy thụ động, thấy mình là một công cụ chịu đau đớn, chịu đọa đày. Quan hệ đầu tiên giữa người mẹ và đứa trẻ sơ sinh cũng đa dạng. Một số phụ nữ đau khổ cảm thấy cái trống trải hiện nay trong con người mình: họ có cảm giác báu vật của mình bị mất trộm. Nhưng đồng thời mọi bà mẹ trẻ đều tò mò một cách kỳ thú được trông thấy, được có trong tay một sinh linh do mình tạo thành, từ thân thể mình mà ra, thì quả là một điều huyền diệu kỳ lạ. Nhưng phần nào là phần quả của người mẹ trong sự kiện khác thường quảng lên trái đất một cuộc đời mới? Họ không biết. Không thể có sinh linh kia nếu không có họ; thế nhưng họ lại không được nó. Thật buồn bã và kinh ngạc thấy nó ở bên ngoài, tách khỏi mình. và hầu như bao giờ cũng là một nỗi thất vọng. Người phụ nữ muốn cảm thấy nó là của mình như chính là bàn tay mình; nhưng tất cả những gì nó cảm nhận đều khép kín trong nó; nó mờ đục, cách ly, không thể thâm nhập; thậm chí họ không thừa nhận nó vì không biết nó. Họ trải qua thời kỳ thai nghén của mình mà không có nó; không có một quá khứ. chung nào với đứa trẻ lạ lẫm kia. Họ mong chờ nó thân thuộc ngay với mình. Nhưng không, nó là một kẻ mới tới và họ bàng hoàng thấy mình đón nó một cách hồ hững. Trong những giấc mơ thời kỳ mang thai, nó là một hình ảnh, nó là vô cùng vô tận và người mẹ ôm ấp trong tư tưởng công việc sinh đẻ nay mai của mình. Nay thì nó là một cá thể hoàn chỉnh hết sức nhỏ bé, quả nó là ngẫu nhiên, mỏng manh, khó tính. Niềm vui trông thấy nó ở kia, bằng xương bằng thịt, lẫn lộn với nỗi ân hận nó chỉ có thể. Qua việc cho con bú, nhiều bà mẹ trẻ tìm thấy lại ở đứa con một mối quan hệ sâu đậm giữa người với người vượt qua sự cách biệt. Đó là một nỗi mệt nhọc làm hao mòn nhiều hơn nỗi mệt nhọc thai nghén; nhưng cho phép người cho con bú kéo dài trạng thái nghỉ ngơi, yên tĩnh, mãn nguyện của người phụ nữ mang thai. Một nữ nhân vật tiêu thuyết tâm sự: Khi đứa bé bú, tôi không có gì khác

phải làm và tình hình ấy có thể kéo dài hàng giờ; thậm chí không nghĩ tới cái gì sẽ xảy ra sau đó. Chỉ có việc chờ đợi cho nó rời khỏi vú tựa một con ong đã hút no nê nhụy hoa. Nhưng cũng có những phụ nữ không thể tự nuôi con và thái độ thờ ơ đến kinh ngạc trong những giờ phút đầu tiên kéo dài chừng nào họ chưa tìm thấy được những mối quan hệ cụ thể với đứa con. Cũng có nhiều người mẹ sợ hãi những trách nhiệm mới. Trong thời kỳ mang thai, họ phó mặc cho thịt da mình; họ không đứng trước sự đòi hỏi của một sáng kiến nào. Giờ đây, trước mặt họ là một con người có những quyền đối với họ.

Một số phụ nữ vui vẻ vuốt ve đứa trẻ chừng nào họ con ở bệnh viện, vui tươi và vô tư, nhưng khi về đến nhà thì nhìn nó như một gánh nặng. Thậm chí cho con bú, họ cũng không cảm thấy một niềm vui nào; trái lại, họ sợ làm hỏng mất bộ ngực; họ giận dỗi khi nhận thấy cặp vú nứt nẻ, các tuyến vú đau đớn. Miệng đứa trẻ làm họ bị thương tổn; họ cảm thấy như nó hút mất sức lực, nguồn sống, hạnh phúc của họ. Nó buộc họ phải phục vụ một cách nặng nhọc và không còn là một bộ phận của họ nữa: nó xuất hiện như một tên bạo chúa. Họ giận dỗi nhìn con người nhỏ bé xa lạ kia uy hiếp thịt da họ, sự tự do của họ, cái “tôi” trọn vẹn của họ.

Nhiều nhân tố khác can thiệp vào. Quan hệ giữa người thiếu phụ và bà mẹ vẫn hết sức quan trọng. Một nữ bác sĩ kể trường hợp một bà mẹ trẻ: hễ có mẹ tới thăm là sữa nàng bị cạn. Nàng thường đòi hỏi được giúp đỡ, nhưng ganh tị với những sự chăm sóc của một người đàn bà khác đối với đứa con và lúc đó, tỏ ra rầu rĩ với nó.

Quan hệ với bố đẻ đứa bé, và những tình cảm của chính ông ta cũng có ảnh hưởng lớn. Cả một loạt lý do kinh tế và tình cảm xác định đứa bé như một gánh nặng, một sợi dây ràng buộc hay như một sự giải phóng, một báu vật, một sự an toàn. Có trường hợp ác cảm trở thành hận thù không che giấu mà biểu hiện là thái độ thờ ơ hay những cách đối xử tồi tệ. Thông

thường người mẹ có ý thức về bốn phận chông: lại ác cảm ấy và cảm thấy hối hận dẫn tới những nỗi kinh hoàng, những sợ hãi phải mang thai. Tất cả các nhà phân tâm học đều nhất trí cho rằng những người mẹ bị ám ảnh bởi ý nghĩ làm điều không hay đối với con cái, những người hình dung ra những tai nạn khủng khiếp, đều có một mối ác cảm đối với chúng và cố gắng dồn nén mối ác cảm ấy.

Dấu sao, điều đáng chú ý và sự phân biệt mối quan hệ này với mọi mối quan hệ khác giữa người với người, là ở chỗ trong những thời kỳ đầu tiên, bản thân đứa trẻ không có ảnh hưởng gì: những nụ cười, những lời bập bẹ của nó không có ý nghĩa nào khác ngoài cái ý nghĩa người mẹ quy cho chúng. Họ cho nó là dễ thương, tuyệt vời hay khó chịu, dễ ghét, ghê tởm, cái đó tùy thuộc vào người mẹ, chứ không phải vào nó. Vì vậy, những người phụ nữ lạnh lùng, bất mãn, âu sầu vốn chờ đợi ở đứa con một sự hiện diện, một sức ấm, một nguồn kích thích giải thoát họ khỏi bản thân mình, bao giờ cũng thất vọng một cách sâu xa. Cũng như khi vượt qua tuổi dậy thì, qua thời kỳ làm quen với hoạt động tình dục, hay qua hôn nhân, sau khi sinh đẻ, ở những người hy vọng một sự kiện bên ngoài có thể đổi mới và biện minh cho cuộc sống của mình, người ta bắt gặp một nỗi thất vọng rầu rĩ. Đó là tình cảm chúng ta bắt gặp ở Sophie Tolstoi. Bà viết:

Chín tháng ấy là những tháng khủng khiếp nhất đời mình. Còn về tháng thứ mười, thì thà không nói tới còn hơn..

Bà cố gắng ghi vào nhật ký một niềm vui ước lệ, nhưng uổng công vô ích: điều làm chúng ta ngạc nhiên là nỗi buồn và sợ hãi của bà đối với trách nhiệm.

Mọi việc đã xong. Mình đã nằm nơi, có phần đau đớn của mình; mình đã hồi phục và dần dà trở lại với cuộc sống với một nỗi sợ hãi và lo âu thường xuyên về đứa con và nhất là về chông. Một cái gì đó đã đổ vỡ trong mình. Một cái gì hảo

mình là mình sẽ mãi mãi đau khổ, mình nghĩ đó là nỗi sợ hãi không làm tròn bổn phận đối với gia đình. Mình không còn vẻ tự nhiên nữa và đâm sợ thứ tình thương tâm thường của một người mẹ đối với con cái, sợ quá yêu chồng. Người ta cho yêu chồng con là chuyện đức hạnh. Thỉnh thoảng ý nghĩ ấy an ủi mình...Tình mẹ con mạnh mẽ biết chừng nào, và làm mẹ, đối với mình, là chuyện tự nhiên biết chừng nào! Nó là con của Liova và vì thế mình yêu nó.

Nhưng người ta biết bà nói nhiều đến tình yêu đối với chồng như vậy chính là vì bà không yêu chồng; ác cảm ấy, đưa bé hoài thai trong những vòng tay bà vốn kinh hãi, phải gánh chịu.

K.Mansfield miêu tả thái độ lưỡng lự của một người mẹ trẻ yêu thương chồng nhưng khó chịu khi được chồng môn trón. Đối với con cái, bà vừa âu yếm vừa cố một cảm giác trông vắng mà bà ta buồn bã cho đó là một sự hững hờ hoàn toàn. Ngồi nghỉ trong vườn cạnh đứa con út, Linda nghĩ tới chồng, Stanley.

Giờ đây, nàng đã là vợ chàng; và thậm chí yêu chàng. Không phải Stanley ai nấy đều biết, không phải Stanley thương thật, mà là một Stanley rụt rè, nhạy cảm, ngây thơ, tối tối quy xuống đọc kinh. Nhưng điều bất hạnh là...ở chỗ nàng rất ít được gặp Stanley của mình. Có những tia chớp, những khoảnh khắc tỉnh lặng, còn tất cả những lúc khác, nàng có cảm giác sống trong một căn nhà luôn luôn sẵn sàng bốc cháy, trên một con tàu lúc nào cũng có thể chìm ngấm. Và bao giờ Stanley cũng ở trong tâm tai họa. Nàng để toàn bộ thời gian để cứu giúp chàng, chăm sóc chàng, an ủi chàng và nghe chuyện chàng. Thì giờ còn lại, nàng sống trong nỗi lo sợ có con...Người ta thường ca ngợi có con là số phận chung của phụ nữ. Không phải thế! Nàng chẳng hạn, nàng có thể chứng minh rằng nói như thế là không đúng. Nàng bị thai nghén làm cho mệt mỏi, sút kém, chán nản. Điều khó chịu hơn cả là nàng không yêu con. Không việc gì phải giả đò...Không, như thế có một con gió lạnh làm nàng tê buốt trong mỗi một cuộc du lịch

khủng khiếp; nàng không còn có sức ấm cung cấp cho chúng nữa. Còn cậu bé tí hon, thì nhờ trời! Nó thuộc về mẹ nó, về Beryl, về ai cũng được. Nàng hầu như chỉ bế ẵm nó chút xíu. Nàng cảm thấy mình đứng đung trong khi nó ngồi dưới chân mình. Nàng cúi xuống nhìn...Nó có một cái gì đó kỳ lạ, khác thường trong nụ cười của nó, khiến Linda, đến lượt mình, cũng mỉm cười. Nhưng nàng tỉnh táo trở lại và nói với đứa bé về lạnh nhất: “Mẹ không yêu trẻ nhỏ” - Mẹ không yêu trẻ nhỏ ư?” Nó không thể tin điều đó. “Mẹ không yêu con.” Nó sững sờ chìa tay về phía mẹ. Linda ngã mình xuống thâm cổ nói với vẻ nghiêm khắc:

“Sao con tiếp tục cười thế? Nếu biết mẹ nghĩ gì, thì chắc hẳn con sẽ chẳng cười đâu...” Linda hết sức kinh ngạc về thái độ tin cậy của đứa bé. A, không, mi phải thành thực! Đó không phải là cảm nhận của nàng; đó là một cái gì hoàn toàn khác, một cái gì rất mới, rất...

Mắt nàng đắm lệt; nàng dịu dàng thâm thì với con:

“Chào con, con bé bỏng của mẹ...” Tất cả những ví dụ trên đủ chứng minh rằng không có chuyện “bản năng” mâu thuẫn: bất luận thế nào, cái từ ấy cũng không thể áp dụng cho loài người. Quy định thái độ của người mẹ là toàn bộ vị trí của họ và cách thức họ đảm nhận vị trí ấy. Như chúng ta vừa thấy ở phần trên, thái độ ấy cực kỳ biến động. Tuy nhiên, nếu hoàn cảnh không thật sự bất lợi, thì người mẹ thấy mình phong phú lên qua đứa con. Một nhà thơ nữ viết về một bà mẹ trẻ như sau: Nó như thể một lời giải đáp hiện thực đời sống của bản thân nàng...Qua nó, nàng có ảnh hưởng đối với mọi sự vật và, để bắt đầu, đối với bản thân mình. Và một bà mẹ trẻ khác, nhân vật tiểu thuyết của cùng tác giả nói trên, tâm sự: Nó đè nặng trên cánh tay tôi, trên ngực tôi, tựa một thứ nặng nhất đời, sức lực tôi không thể chịu đựng hơn. Nó nhân chìm tôi xuống lòng đất, trong im lặng và đêm tối. Đột nhiên, nó ném cả sức nặng của trái đất lên đôi vai tôi. Chính vì thế, tôi đã muốn có nó. Một mình tôi không thôi thì quá nhẹ.

Nếu một số ít phụ nữ, vốn là những cái “máy đẻ” hơn là những người mẹ, hễ con bị cai sữa, hễ con chào đời, là không còn quan tâm tới nó, và chỉ mong chờ một lần thai nghén, thì, trái lại, nhiều người cảm thấy chính lúc xa cách là lúc đứa con thuộc về mình. Nó không còn là một mảng không rõ ràng của cái “tôi” của họ, mà là một mảnh đời, một bộ phận của thế giới, có thể trông thấy, sờ mó được. Thịt da nó có cái êm ái, cái chất đàn hồi ấm áp mà lúc còn là cô thiếu nữ, người phụ nữ từng thèm muốn qua thịt da người mẹ, và về sau, thèm muốn ở khắp mọi nơi. Nó là cỏ cây, là muông thú; trong ánh mắt nó, có những cơn mưa và những dòng sông, có sắc xanh của bầu trời và của biển cả; móng tay móng chân của nó một màu đỏ thắm; mái tóc của nó mượt mà; nó là một con búp bê sống động, một cánh chim, một con mèo nhỏ; “đóa hoa của mẹ, hòn ngọc của mẹ, con gà con của mẹ, con chiên con của mẹ”...- Người mẹ thậm thì hầu như những từ ngữ của người yêu và cũng như người yêu, khát khao dùng tính từ sở hữu - họ cũng sử dụng cùng những cách thức chiếm hữu: những sự vuốt ve, những nụ hôn; siết chặt con vào lòng, ôm ấp nó trong sức ấm của đôi cánh tay trên chiếc giường ngủ.

Tình cảm mẹ con mang một gương mặt mới khi đứa con khôn lớn. Những thời kỳ đầu, nó chỉ là một “đứa trẻ như mọi đứa trẻ khác”, nó chỉ tồn tại trong tính khái quát của nó; dần dà, nó được cá thể hoá. Quan hệ mẹ con ngày một thêm phức tạp: đứa con là một thứ của cái, một báu vật; nhưng cũng là một gánh nặng, một bạo chúa. Niềm vui người mẹ có thể tìm thấy ở đứa con là niềm vui của tấm lòng khoan hậu.

Người mẹ hoan hỉ cảm thấy sự cần thiết của mình, vị trí của mình qua những yêu cầu được mình đáp ứng. Nhưng cái khó và cái vĩ đại của tình mẫu tử là ở chỗ nó không bao hàm quan hệ qua lại: trước mặt người mẹ, không phải là một người đàn ông, một vị anh hùng, một bậc á thần, mà là một ý thức nhỏ nhoi, bập bẹ, đắm chìm trong một hình hài mỏng manh,

nhỏ bé. Người mẹ không chờ đợi một phần thưởng nào đền đáp công ơn của mình. Nhưng ngược lại, không phải không có trường hợp độc đoán, bạo ngược và vừa tai hại cho đứa con, thái độ không thỏa đáng ấy, bao giờ cũng là nguồn thất vọng đối với người mẹ. Một nữ bác sĩ kể một trường hợp điển hình, trường hợp một bà mẹ người Italia mà bà theo dõi hoàn cảnh qua nhiều năm.

Bà Mazetti đồng con và không ngót than phiền đứa này hay đứa kia làm khổ mình. Bà muốn người ta giúp đỡ, nhưng không ai giúp được. Vì bà ta nghĩ mình hơn mọi người, nhất là hơn chồng và con. Ra ngoài thì bà ta ứng xử hoà nhã và cao thượng; nhưng ngược lại ở nhà, rất nóng nảy và bạo ngược. Xuất thân từ một gia đình nghèo và vô học, bà ta luôn luôn muốn “vươn lên”; theo học lớp ban đêm và có lẽ có thể thỏa mãn được tham vọng nếu năm mười sáu tuổi, không lấy một người đàn ông sau khi mang thai. Bà ta tiếp tục tìm cách thoát khỏi môi trường của mình, tiếp tục theo các lớp ban đêm, v.v..

Người chồng vốn là một công nhân lành nghề; nhưng do phản ứng với thái độ gây gổ và kiêu ngạo của vợ, đâm ra nghiện rượu.

Sau khi ly hôn và sau một thời gian nhẫn nhục với thân phận của mình, bà ta bắt đầu đối xử với con cái giống như đối với bố chúng. Lúc bé, chúng làm bà ta hài lòng, học hành tử tế, được điểm tốt ở trường v.v...

Nhưng khi Louise, cô gái đầu lòng, lên mười sáu, bà mẹ sợ cô gái lặp lại kinh nghiệm của chính mình. Và quả là bà ta nghiêm khắc và thô bạo tới mức như để trả thù, Louise đẻ con hoang.

Tất cả các con đều đứng về phía bố chống lại người mẹ luôn luôn đe nẹt chúng với những yêu sách cao về đạo lý. Bao giờ bà ta cũng chỉ gán bó, yêu quý mỗi lúc một đứa, rồi vô cớ, chuyển sang vỗ về đứa khác, khiến chúng giận dữ và ghen tị nhau. Con gái thay nhau giao du với đàn ông, mắc bệnh

hoa liễu và đưa về nhà những đứa con hoang. Con trai thì trở thành trộm cắp. Nhưng bà mẹ thì không muốn hiểu là chính những yêu sách lý tưởng của mình đã đẩy chúng vào bước đường đó.

Người mẹ viện có mình giận dữ là vì muốn “đào tạo” con; và ngược lại, càng thất bại trong hành động, bà ta càng nổi giận, càng hận thù.

Một cách ứng xử khác, khá quen thuộc và không kém phần tai hại đối với đứa con, là sự tận tụy đến mức tự hủy hoại mình. Để san lấp cái trống trải trong lòng và tự trừng phạt mình về một sự thù ghét mình không muốn tự thú nhận, một số bà mẹ tự biến thành nô lệ của con cái; không ngừng ấp ủ một mối lo âu bệnh hoạn, không thể cho con rời khỏi mình; khước từ mọi thú vui, mọi sinh hoạt cá nhân, và mang gương mặt nạn nhân. Từ những sự “hy sinh” này, họ nghĩ có quyền khước từ mọi sự độc lập đối với con cái. Thái độ phủ nhận này dễ dàng kết hợp với ý muốn đô hộ một cách độc đoán: người mẹ đau khổ biến nỗi đau khổ của mình thành một thứ vũ khí mà họ sử dụng để làm khổ người khác. Những cái trò hy sinh này làm nảy sinh ở đứa trẻ những cảm giác tội lỗi thường đè nặng lên nó suốt cuộc đời, và có hại hơn cả những trò gây gổ. Nghiêng ngả, hoang mang, đứa trẻ không tìm thấy một vũ khí tự vệ nào: khi thì những giọt nước mắt, khi thì những trận đòn khiến nó nghĩ mình phạm tội.

Trước kia, cô bé muốn làm thế nào những con búp bê của mình thì làm, và khi giúp một cô chị, một cô bạn trong công việc chăm sóc một đứa bé, cô gái chẳng phải chịu trách nhiệm gì. Nhưng giờ đây, xã hội, người chồng, người mẹ và chính niềm kiêu hãnh của mình đòi hỏi người phụ nữ phải chịu trách nhiệm về cuộc sống nhỏ nhoi xa lạ này như thể nó là tác phẩm của mình. Đặc biệt người chồng giận dữ về những thiếu sót của đứa con giống như bức tức về một bữa ăn tối chẳng ra sao hay về một hành vi không tốt của vợ; những yêu sách trêu tượng của chồng thường có ảnh hưởng nặng nề đối với quan hệ mẹ con. Một phụ nữ độc lập - nhờ cảnh cô

đơn, sự vô tư lự hay uy quyền của mình trong gia đình- có thể thanh thản hơn nhiều so với những người trên vai nặng những ý muốn thông trị mà dù muốn hay không, họ phải phục tùng trong lúc bắt đứa trẻ phải tuân theo. Vì điều rất khó khăn là nhốt chặt trong những khuôn khổ định sẵn một cuộc sống bí ẩn tựa cuộc sống những con thú, hiểu động và vô trật tự như các lực lượng thiên nhiên, tuy vẫn là cuộc sống con người. Không thể huấn luyện đứa trẻ trong im lặng như huấn luyện một con cún, nhưng cũng không thể thuyết phục nó với lời lẽ của người lớn.

Dĩ nhiên, vấn đề đặt ra rất hấp dẫn, và khi rảnh rang, người mẹ thích đóng vai một nhà giáo dục: được đặt ngôi lạng lẽ trong công viên, đứa trẻ vẫn còn là một nguồn vui như trong thời kỳ nó ẩn náu trong bụng; thông thường, vẫn còn ít nhiều mang tính chất trẻ thơ, người mẹ hoan hỉ làm những trò nghịch ngợm cùng với nó, làm sống lại những trò chơi, từ ngữ, công việc, niềm vui của những ngày tháng đã bị chôn vùi. Nhưng khi giặt giũ, nấu bếp, cho một đứa con khác bú, chợ búa, tiếp khách, và nhất là khi lo cho chồng, thì đứa con chỉ còn là một sự hiện diện không đúng lúc, quấy rầy; người mẹ không có thì giờ “huấn luyện” nó. Trước hết, phải ngăn cấm, không cho nó phá phách; nó làm đổ vỡ, xé rách, bôi bẩn; nó là một tai họa thường xuyên đối với đồ vật và đối với chính bản thân nó. Nó cựa quậy, la hét, nói năng, làm ồn; nó sống cho bản thân nó; và cuộc sống ấy quấy rầy cuộc sống của bố mẹ nó. Quyền lợi của nó và của bố mẹ không gặp gỡ nhau: và đó là cội nguồn bi kịch. Luôn luôn vương vীu vì nó, họ luôn luôn bắt nó phải chịu những sự hy sinh mà nó không hiểu vì sao: họ hy sinh nó vì cuộc sống bình yên của họ và cả vì tương lai của nó nữa. Dĩ nhiên là nó phản kháng. Nó không hiểu những lời mẹ nó tìm cách giải thích với nó; không thể thâm nhập vào ý thức của riêng nó: những niềm ước mơ, những nỗi sợ hãi, những sự ám ảnh, những nguyện vọng của nó tạo nên một thế giới mờ đục. Người mẹ chỉ có thể từ bên ngoài, một cách mờ mịt, đặt quy

tắc cho một con người cảm nhận những quy tắc ấy như một sự thô bạo phi lý.

Khi con khôn lớn, không khí không hiểu biết lẫn nhau vẫn tồn tại: nó bước vào một vũ trụ quyền lợi và giá trị mà người mẹ bị loại trừ ra khỏi. Đặc biệt, đứa con trai thường coi thường mệnh lệnh của phụ nữ vì kiêu hãnh về đặc quyền nam giới của mình. Bà mẹ yêu cầu nó phải làm xong bài vở, nhưng ba không thể giải những bài toán nó phải làm, dịch một văn bản latin; không thể “theo dõi” nó. Có khi người mẹ uất giận đến phát khóc trong cái nhiệm vụ cam go mà ít khi ông bố hiểu được khó khăn: điều khiến một con người mà mình không cùng đồng cảm nhưng lại là một con người; can thiệp vào một quyền tự do xa lạ, nó chỉ được xác định và khẳng định trong lúc phản kháng lại chính chúng ta.

Tình hình thay đổi tuy theo đứa con là trai hay gái, và tuy bé trai có “khó khăn” hơn, nhưng thông thường, người mẹ thích hợp với nó hơn. Do uy tín phụ nữ thừa nhận đối với nam giới và do những đặc quyền cụ thể của giới này, nhiều phụ nữ muốn có con trai. Họ bảo: “Cho ra đời một người đàn ông thì thật tuyệt vời!” Họ ước mơ sinh hạ một người “anh hùng”, và dĩ nhiên, anh hùng thuộc nam giới. Đứa con trai sẽ là một sáng tạo áp đặt ý muốn của mình trên mặt trái đất, và người mẹ sẽ dự phần vào sự bất tử của nó. Những ngôi nhà người mẹ chưa xây dựng, những xứ sở họ chưa khám phá, những cuốn sách họ chưa đọc, đứa con trai sẽ mang lại cho họ. Qua nó, họ sẽ chiếm hữu vũ trụ, nhưng với điều kiện họ là chủ sở hữu đứa con trai của mình. Từ đó nảy sinh cái nghịch lý trong thái độ của họ.

Freud cho rằng mối quan hệ giữa người mẹ và con trai là mối quan hệ ít có hiện tượng lưỡng trị hơn cả. Nhưng thực tế, trong sinh đẻ, cũng như trong hôn nhân và tình yêu, người phụ nữ có thái độ không rõ ràng đối với sự siêu nghiệm của nam giới. Nếu đời sống vợ chồng hay đời sống tình ái của họ khiến họ thù hận đàn ông, thì họ sẽ thỏa mãn khi thống trị người

đàn ông dưới gương mặt trẻ thơ của anh ta. Họ sẽ ứng xử một cách thân mật hài hước với cái giới vốn có những yêu sách cao ngạo. Có khi, làm đứa trẻ khiếp hãi bằng cách bảo người ta sẽ tước đoạt nó của họ nếu nó không ngoan. Và dù có khiêm nhường hơn, dịu dàng hơn, tôn trọng ở đứa con trai, người anh hùng tương lai, họ vẫn cố sức đặt nó trong hiện thực cố hữu của nó, để nó thực sự là của họ. Họ ứng xử với con như với một đứa trẻ sơ sinh chẳng khác nào họ ứng xử với chồng như với một đứa trẻ. Ước mơ của họ đầy mâu thuẫn: Họ muốn đứa con trai là vô cùng vô tận, nắm trong lòng bàn tay mình và thống trị toàn thế giới, nhưng quỳ gối trước mặt mình. Họ khuyến khích nó tỏ ra nũng nịu, tham ăn, hào hiệp, rụt rè, ít ra ngoài; ngăn cấm nó chơi thể thao, giao du với bạn bè, làm cho nó nghi ngờ đối với chính bản thân nó, vì họ muốn có nó riêng cho một mình mình; nhưng họ thất vọng nếu nó không đồng thời trở thành một nhà mạo hiểm, một nhà vô địch, một tài năng mà họ có thể lấy làm kiêu hãnh. Ảnh hưởng của họ thường không tốt - như Montherlant⁴⁷ và Mauriac⁴⁸ khẳng định. May sao cho đứa con trai, nó có thể thoát khỏi ảnh hưởng ấy tương đối dễ dàng: nó được tập tục và xã hội khuyến khích. Và bản thân người mẹ cũng nhận nhục chịu đựng: họ biết rõ cuộc đấu tranh chống nam giới là không cân sức. Họ tự an ủi mình trong lúc đóng vai trò người mẹ đau khổ hay gậm nhấm niềm kiêu hãnh đã sản sinh ra một trong những kẻ chiến thắng mình.

Bé gái thì được phó thác cho mẹ hoàn toàn hơn. Có những bà mẹ thỏa mãn về cuộc sống của mình nên mong muốn tự hiện thân mình trong một đứa con gái, hay, chí ít cũng đón nhận nó không phải trong nỗi niềm thất vọng. Họ muốn tạo cơ may mình chưa được gặp; tạo cho con một tuổi thanh xuân hạnh phúc.

⁴⁷ Nhà văn Pháp hiện đại.

⁴⁸ Nhà văn Pháp hiện đại.

Colette vẽ lên chân dung một trong những bà mẹ hiền hoà và khoan dung ấy: Sido yêu quý con gái mình trong tự do; cho con hết tất cả mà không bao giờ đòi hỏi gì hết vì cảm thấy niềm vui từ đáy con tim mình. Người mẹ khước từ cái tôi của mình, mà chỉ nghĩ tới hạnh phúc của con; thậm chí có khi ích kỷ và khe khắt đối với phần còn lại của thế giới. Ngay cơ duy nhất uy hiếp họ, là trở nên khó chịu đối với đứa con gái mình yêu quý, như trường hợp bà de Sévigné đối với bà de Grignan⁴⁹. Người con gái tìm cách, với vẻ buồn bực, thoát khỏi một sự tận tụy độc đoán, và thường không thành công: suốt đời, họ vẫn trẻ thơ, rụt rè trước trách nhiệm của mình vì từng được quá “ấp ủ” trong cánh mẹ.

Một số phụ nữ cảm thấy vị trí phụ nữ của mình như một tai họa tuyệt đối: họ mong ước hay đón nhận một đứa con gái với niềm vui xót xa tự tìm thấy lại mình trong một nạn nhân khác; và đồng thời cảm thấy mình có lỗi đã sinh ra nó. Nỗi ân hận, lòng trách ẩn đối với bản thân mình qua đứa con gái, thể hiện ra bằng những mối lo âu vô tận. Họ không rời đứa con một bước; ngủ chung giường với con mười lăm, hai mươi lăm.

Số đông phụ nữ vừa đòi hỏi vừa căm giận số phận đàn bà của mình; chịu đựng số phận ấy trong oán hờn. Vì chán ghét giới mình, họ có thể áp dụng đối với con gái một nền giáo dục nam tính; và ít khi tỏ ra thật sự khoan dung. Giận dữ vì sinh con gái, người mẹ đón nhận nó với lời phán quyết mập mờ: “Con sẽ là đàn bà.” Họ muốn bù đắp sự thấp kém của mình bằng cách làm cho đứa con gái - mà họ xem như chính hình bóng của mình - thành một nhân vật siêu việt; nhưng lại cũng muốn bắt con chịu cái tì vết mình từng phải chịu. Đôi khi, họ tìm cách áp đặt cho con hoàn toàn số phận của chính mình:

“Cái gì tương đối tốt đối với mẹ thì cũng tương đối tốt đối với con; mẹ từng được nuôi dạy như thế đấy, con sẽ chia sẻ số phận của mẹ”.

⁴⁹ Nữ công tước Pháp (thế kỷ XVIII), con gái yêu của nữ văn sĩ de Sévigné.

Trái lại, có khi, họ khẳng khẳng cấm đoán con gái không được giống mình: họ muốn kinh nghiệm của mình không vô ích, đó là một cách trả thù. Người đàn bà phong tình thì cho con gái vào tu viện; người phụ nữ dốt nát thì cho con gái được học hành.

Trong một cuốn tiểu thuyết, một bà mẹ giận dữ nói với con gái, hệ quả bất hạnh của một lỗi lầm ở tuổi thanh xuân:

Mày cố mà hiểu lấy. Nếu một việc giống như thế xảy tới đôi với mày, thì tao sẽ từ mày đấy. Tao, tao không biết gì hết. Tội lỗi, thật là mơ hồ! Tội lỗi! Nếu một gã đàn ông gọi mày, thì mày chớ đi theo. Mày cứ đi con đường của mày. Chớ ngoảnh đầu lại. Mày hiểu chứ? Tao bảo trước rồi đây, chớ để việc đó xảy ra, và nếu xảy ra, thì tao sẽ không một chút xót thương nào đâu.

Qua thực tế các mối quan hệ mẹ con, nổi lên rõ rệt sự sai lầm của hai thiên kiến thường được chấp nhận. Thiên kiến thứ nhất là cho rằng dẫu sao, sự sinh đẻ cũng đủ thỏa mãn người phụ nữ: hoàn toàn không phải như vậy. Không ít bà mẹ đau khổ, xót xa, không được mãn nguyện. Trường hợp Sophie Tolstoi, người sinh nở hơn mười lần, rất có ý nghĩa. Trong suốt cuốn nhật ký, bà không ngừng nhắc đi nhắc lại rằng tất cả mọi thứ trên trần thế và trong bản thân bà đều vô ích và trống rỗng. “Với các con, mình đã không còn có cảm giác trẻ trung nữa. Mình sống yên ổn và có hạnh phúc.” Khước từ tuổi trẻ, nhan sắc, đời sống cá nhân, bà cảm thấy ít nhiều yên ổn, cảm giác thấy mình có tuổi, có kinh nghiệm. “Cảm giác thấy mình cần thiết đối với chúng là một niềm hạnh phúc lớn” Chúng là một vũ khí cho phép bà phủ nhận ưu thế của chồng. “Nguồn lực duy nhất, vũ khí duy nhất của mình để lập lại quan hệ bình đẳng giữa vợ chồng mình, là con cái, nghị lực, niềm vui và sức khỏe...” Nhưng chúng tuyệt đối không đủ để mang lại ý nghĩa cho một cuộc sống đã bị sâu não gặm nhấm. Ngày 25 tháng giêng 1905, sau một thời gian phẫn chấn ngăn, bà viết:

*Mình cũng muốn và có thể tất cả*⁵⁰. Nhưng hễ cảm giác ấy qua đi, là mình nhận thấy mình không muốn và không thể gì hết, không gì hết, ngoài việc chăm sóc những đứa bé sơ sinh, ăn, uống, ngủ, yêu chồng và con, những thứ, xét cho cùng, phải là hạnh phúc nhưng lại làm mình buồn và như hôm qua, làm mình muốn khóc. Và mười một năm sau: Mình kiên quyết và tha thiết dành tâm sức cho việc giáo dục các con. Nhưng lạ Chúa! Mình sốt ruột, nóng nảy biết chừng nào, mình kêu la biết chừng nào!...Cuộc chiến đấu suốt đời này với con cái đáng chán biết chừng nào!

Quan hệ giữa người mẹ với con cái được xác định trong lòng một hình thái tổng quát, tức là cuộc sống của người đó; nó tùy thuộc vào quan hệ của họ với chồng, với quá khứ và những mối lo toan của mình, của chính bản thân mình. Cho rằng đứa con là một liều thuốc vạn năng là một sai lầm vừa tai hại vừa phi lý. Đó cũng là kết luận của một nữ bác sĩ tâm thần qua các công trình nghiên cứu các hiện tượng trong sinh đẻ. Bà đề rất cao chức năng này, cho rằng qua chức năng ấy, người phụ nữ tự thể hiện trọn vẹn, nhưng với điều kiện nó được đảm nhận một cách tự do và mong muốn một cách chân thành. Người thiếu phụ phải ở trong một trạng thái tâm lý, tinh thần và vật chất cho phép họ chấp nhận trách nhiệm; nếu không, hệ quả sẽ tai hại. Đặc biệt, sẽ là tội lỗi nếu khuyên những người u sầu hay rối loạn tâm thần dùng đứa con làm bài thuốc chữa trị, khuyên như thế là mang lại tai họa cho cả người mẹ lẫn đứa con. Chỉ có người phụ nữ cân bằng, lành mạnh, cố ý thức về trách nhiệm của mình là có khả năng trở thành một “bà mẹ tốt”.

Tôi có nói tai họa đè nặng lên hôn nhân, là vì thông thường người ta gặp nhau trong sự yếu kém, chứ không phải trong sức mạnh của nhau, và vì đáng lẽ hoan hỉ mang lại sức mạnh cho nhau thì lại đòi hỏi người kia phải mang nó lại cho mình. Lại càng sai lầm tai hại hơn nếu ước mơ đạt được

⁵⁰ Chính S.Tolstoi nhấn mạnh.

qua đứa con, một sự hoàn mãn, một sức ấm, một giá trị mà người ta không thể tự mình tạo nên. Nó chỉ mang lại niềm vui cho người phụ nữ có thể mong muốn một cách vô tư hạnh phúc cho một người khác, cho người tìm cách vượt qua cuộc sống của bản thân mình và không nghĩ tới mình. Dĩ nhiên, đứa con là một mục tiêu người ta có thể nhằm vào nó một cách chính đáng; nhưng cũng như mọi mục tiêu khác, nó không thể là một cái gì có sẵn, và nó phải được đặt ra cho chính bản thân nó, chứ không phải cho những lợi ích giả định nào đó. Một nhà văn đã nói chí lý:

Con cái không phải là những thể vật của tình yêu. Chúng không thay thế cho một mục đích sống hị tan vỡ; không phải là nguyên liệu dùng để lấp đầy cái trống trải trong cuộc sống của chúng ta. Chúng đòi hỏi một trách nhiệm và một bốn phận nặng nề; là những nụ hoa cao quý nhất của tình yêu tự do. Chúng không phải là đồ chơi của bố mẹ, là sự thực hiện nhu cầu sống của họ, và cũng không phải là những thay thế cho tham vọng không được mãn nguyện của họ. Nói về những đứa con, là nói về nghĩa vụ tạo nên những con người có hạnh phúc.

Thiên kiến thứ hai, trực tiếp bao hàm trong thiên kiến thứ nhất nói trên, là đứa con tìm thấy một niềm hạnh phúc vững chãi trong vòng tay người mẹ. Không có người mẹ “biến chất”, nhưng có những người mẹ xấu. Những mặc cảm, những sự ám ảnh, những cơn loạn thần kinh của người lớn có nguồn gốc trong quá khứ của gia đình. Những bố mẹ có những mối xung đột, tranh chấp, bi kịch riêng của mình có thể có ảnh hưởng tai hại đối với con cái.

Có một nghịch lý tội lỗi là khước từ đối với phụ nữ mọi hoạt động công khai, ngăn cản họ tham gia sự nghiệp của nam giới, tuyên bố họ bất lực trong mọi lĩnh vực, và giao phó cho họ công việc khó khăn nhất, quan trọng nhất: công việc đào tạo một con người. Có vô số phụ nữ cho đến nay vẫn bị tập tục, truyền thống không cho phép hưởng thụ giáo dục, văn hoá,

ngăn cấm hoạt động và đảm nhận trách nhiệm, nhưng lại không ngần ngại đặt vào vòng tay họ những đứa trẻ, giống như trước kia, người ta dùng những con búp bê an ủi họ về sự thua kém đối với con trai. Người ta ngăn cản họ sống; và để bù đắp lại, cho phép họ chơi với những thứ đồ chơi bằng xương bằng thịt. Phải hoàn toàn có hạnh phúc hay phải là một nữ thánh, người phụ nữ mới cưỡng nổi lòng ham muốn lợi dụng các quyền của mình.

Có thể Montesquieu có lý khi cho rằng giao cho phụ nữ công việc cai trị một Quốc gia tốt hơn là cai quản một gia đình, vì hễ người ta để cho họ có cơ hội, thì phụ nữ cũng khôn ngoan, cũng hành động cố hiệu quả như đàn ông. Chính trong tư duy trừu tượng, trong hành động có suy xét, phụ nữ dễ dàng vượt qua nữ tính hơn cả. Hiện nay, họ gặp khó khăn hơn nhiều trong việc tự giải thoát ra khỏi quá khứ của mình, trong việc tìm kiếm một thế cân bằng về tình cảm vì tình hình của họ không hề tạo cho họ một điều kiện thuận lợi nào.

Đàn ông ở thế cân bằng và hợp lý hơn nhiều trong lao động cũng như trong gia đình; họ tính toán với một sự chính xác toán học; nhưng họ trở nên phi logic, dối trá, thay đổi thất thường cạnh người vợ và đối với vợ, tha hồ “làm mưa làm gió”; và cũng như vậy, đối với con cái, người mẹ muốn làm gì cũng được. Thái độ buông thả này thật nguy hiểm, vì người vợ có thể tự bảo vệ mình chống lại chồng hơn là đứa con có thể tự bảo vệ nó chống lại mẹ. Dĩ nhiên sẽ có lợi cho hạnh phúc của đứa con nếu người mẹ là một con người trọn vẹn, mãn nguyện trong lao động và trong quan hệ với tập thể. Mong sao đứa con bị phó mặc cho bố mẹ muốn nghìn lần ít hơn hiện nay, và việc học hành, vui chơi của nó diễn ra giữa những trẻ con khác, dưới sự giám sát của những người lớn chỉ có quan hệ thuần túy, phi cá nhân với nó.

Ngay cả trong trường hợp đứa con xuất hiện như một báu vật giữa cuộc sống hạnh phúc, hay chí ít cũng cân bằng, thì nó vẫn không thể thu hẹp đường chân trời của người mẹ. Không phải chỉ có sự bội bạc, mà cả sự thất bại của đứa con trai cũng sẽ dập tắt mọi hy vọng của họ. Cũng như trong hôn nhân hay tình yêu, họ để cho người khác biện minh cuộc sống của mình, trong lúc thái độ duy nhất chính đáng là tự đảm nhận lấy cuộc sống ấy trong tự do.

Như chúng ta đã thấy, sự thua kém của phụ nữ bắt nguồn từ cho lúc đầu họ chỉ có việc lặp lại cuộc sống, trong lúc đàn ông tạo ra những lý do để sống, những lý do mà mọi giới cho là còn cốt yếu hơn cả tính nhân tạo đơn thuần của cuộc đời. Nhốt chặt người phụ nữ vào trong sinh đẻ, sẽ là kéo dài vĩnh viễn tình trạng ấy. Ngày nay, phụ nữ đòi hỏi tham gia phong trào tìm cách không ngừng tự biện minh mình trong lúc vượt lên trên chính bản thân mình của nhân loại. Họ chỉ đồng ý cung cấp cuộc sống nếu cuộc sống có ý nghĩa. Họ không thể làm mẹ nếu không tìm cách giữ một vai trò trong đời sống kinh tế, chính trị, xã hội, Điều đó không giống như việc cung cấp thịt da cho đại bác, cung cấp những người nô lệ, những nạn nhân hay những con người tự do.

Trong một xã hội được tổ chức một cách thỏa đáng, trong đó đứa trẻ được cộng đồng đảm nhận một phần lớn việc chăm sóc, và người mẹ được giúp đỡ, trong một xã hội như thế, sinh đẻ có thể hoàn toàn, dung hoà với lao động nữ. Ngược lại, chính người phụ nữ làm việc-chị nông dân, nhà hoá học nữ, nữ văn sĩ-là người dễ chịu nhất trong thai nghén vì họ không tự huyếch hoặc mình về chính con người mình; chính người phụ nữ có cuộc sống riêng phong phú nhất là người cho con nhiều nhất và đòi hỏi ở nó ít nhất chính người phụ nữ nhận thức được những giá trị nhân văn đích thực trong nỗ lực, trong đấu tranh và sự nhận thức ấy sẽ là nhà giáo dục tốt nhất. Ngày nay, thông thường, phụ nữ khó dung hoà giữa một bên là nghề

nghiệp giữ họ lại ngoài gia đình nhiều giờ liền và ngôn hết sức lực của họ, với một bên là việc chăm sóc con cái. Như vậy là vì một mặt, lao động nữ, chủ yếu vẫn là một thứ trạng thái nô lệ, và mặt khác, xã hội chưa hề có nỗ lực để bảo đảm việc chăm sóc, trông coi, giáo dục trẻ nhỏ ngoài gia đình. Đây là một thiếu sót về mặt xã hội; nhưng cũng sẽ là nguy hiểm nếu cho rằng một đạo luật ghi trên bầu trời và trong ruột gan bà mẹ rằng mẹ và con thuộc về nhau một cách độc tôn. Thực ra, sự phụ thuộc lẫn nhau ấy chỉ là hai mặt áp bức tai hại.

Thật là huyền hoặc nếu cho rằng nhờ sinh đẻ, phụ nữ trở thành người bình đẳng với đàn ông một cách cụ thể. Người ta cũng nói rất nhiều về những quyền thiêng liêng của phụ nữ, nhưng người mẹ được trọng vọng, không phải với tư cách người mẹ; người phụ nữ có con ngoài giá thú vẫn bị khinh miệt; chỉ có trong hôn nhân, người mẹ được tôn vinh, tức là với tư cách người phụ thuộc vào chồng. Chừng nào chồng vẫn là người chủ gia đình về kinh tế, thì con cái vẫn phụ thuộc vào bố nhiều hơn đối với mẹ, cho dầu người mẹ chăm sóc con cái nhiều hơn. Vì vậy, như trên đã nói, quan hệ mẹ con bị quan hệ của vợ đối với chồng chỉ đạo chặt chẽ.

Vì vậy, quan hệ vợ chồng, đời sống gia đình và sự sinh đẻ tạo thành một tổng thể mà tất cả mọi yếu tố đều có quan hệ chỉ đạo lẫn nhau. Nếu gấn bó một cách âu yếm với chồng, phụ nữ có thể đảm nhận một cách nhẹ nhàng nhiệm vụ trong gia đình; và nếu cố hạnh phúc với con cái, thì họ sẽ dễ dãi với chồng.

Nhưng sự hài hòa này không dễ thực hiện vì những trách nhiệm khác nhau quy định cho người vợ không thật ăn khớp với nhau. Báo chí phụ nữ chỉ vẽ rất nhiều cho người nội trợ nghệ thuật giữ gìn sức cuốn hút của mình về mặt tình dục trong lúc rửa bát đĩa, giữ gìn vẻ diễm lệ trong thời kỳ mang thai và dung hòa cách làm duyên làm dáng, sự sinh đẻ với cách quản lý gia đình. Nhưng những ai sốt sắng nghe theo sẽ sớm hoang mang về

những lời khuyên bảo ấy: quả là khó có thể kêu gọi khi đôi bàn tay nứt nẻ và hình hài biến dạng vì sinh đẻ. Mặt khác, lý tưởng gia đình mâu thuẫn với sự vận động của cuộc sống. Tình mẫu tử thường bị ảnh hưởng bởi những lời mắng mỏ và những cơn giận dữ do yêu cầu giữ gìn nhà cửa gây nên; người phụ nữ phải trải qua những giờ phút nóng nảy và gắt gỏng. Thu nhập của họ lại ít ỏi, không vững chắc. Không bao giờ họ có thể tự cứu mình bằng chứng lao động của mình. Người phụ nữ bị nhốt chặt trong gia đình không thể tự mình xây dựng cuộc sống của mình; không có phương tiện tự khẳng định mình trong tính đặc thù của mình, và vì vậy, tính đặc thù này không được thừa nhận.

Đối với người Ả-rập, người Da đỏ và nhiều dân cư nông thôn, phụ nữ chỉ là một con cái trong gia đình mà người ta đánh giá theo lao động người đó cung cấp, và bị người ta thay thế không thương tiếc.

Trong nhiều nền văn minh hiện đại, phụ nữ ít nhiều được cá thể hoá đối với chồng. Nhưng có nguy cơ chỉ còn là hiện thân của một sự khái quát đem thuần trừ phi không phủ nhận hoàn toàn cái tôi của mình bằng cách chìm đắm mình như Natacha trong một sự tận tụy say mê và độc đoán đối với gia đình. Họ là người nữ chủ nhân gia đình, người vợ, người mẹ duy nhất và chung nhất. Natacha thích thú trong sự tự phủ nhận tuyệt vời ấy và phủ nhận những người khác trong lúc phủ nhận mọi sự đối chiếu. Nhưng ngược lại, phụ nữ phương Tây mong muốn được người khác chú ý tới mình với tư cách người nữ chủ nhân ấy, người vợ ấy, người mẹ ấy, người phụ nữ ấy. Đó là sự mãn nguyện duy nhất họ tìm kiếm trong cuộc sống xã hội của mình.

CHƯƠNG III: ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

Gia đình không phải là một cộng đồng khép kín: vượt qua sự cách ly của mình, nó thiết lập những mối giao tiếp với các tế bào xã hội khác. Gia đình không phải chỉ là một “nội thất” đôi vợ chồng khép mình ở trong đó, mà còn biểu hiện mức sống, tài sản và sở thích của họ: nó được trưng bày ra trước mắt người khác. Chủ yếu, người vợ sắp xếp cuộc sống ngoại giao ấy.

Với tư cách người sản xuất và người công dân, đàn ông có quan hệ với tập thể qua một sự đoàn kết hữu cơ xây dựng trên cơ sở phân công lao động. Đôi vợ chồng là một pháp nhân xã hội, được xác định bởi gia đình, giai cấp, giới, chủng tộc, gắn liền bằng những sợi dây của một khối đoàn kết cơ học với những nhóm, củng cố vị trí xã hội một cách tương tự. Vợ có khả năng tượng trưng cho cả hai vợ chồng một cách trong sáng nhất: quan hệ nghề nghiệp của chồng thường không khớp với sự khẳng định giá trị xã hội của họ; còn vợ có thể chỉ giao thiệp với những người bằng vai phải lứa vì không bị một công việc lao động nào ràng buộc; ngoài ra, có thì giờ rảnh rỗi để đảm bảo, trong những cuộc “viếng thăm” và “tiếp đón”, những mối quan hệ, tuy thực tiễn là vô bổ và dĩ nhiên chỉ có vị trí quan trọng đối với lớp người quan tâm giữ vị trí của mình trong trật tự thứ bậc xã hội, nghĩa là những lớp người tự cho mình là lum một số tầng lớp khác. Nghĩa vụ “đại diện” của họ về mặt xã hội hoà quyện làm một với niềm vui được xuất đầu lộ diện.

Và trước hết, họ phải tự đại diện cho chính bản thân mình: ở nhà, trong lúc làm công việc, họ chỉ “ăn mặc”. Để ra phố, để tiếp khách, họ “ăn diện”. Trang phục của họ mang hai tính chất: vừa thể hiện phẩm chất xã hội (mức sống, tài sản, giới), vừa cụ thể hoá tính tự yêu mình (narcissisme) của họ. Nó là ý phục và cũng là thứ trang điểm. Qua đó, người phụ nữ vốn đau khổ vì không có việc gì để làm nghĩ mình có thể thể hiện thực thể mình. Chăm sóc sắc đẹp, ăn diện, đó là một thứ lao động cho phép họ chiếm hữu

con người mình giống như chiếm hữu tổ ấm của mình bằng công việc nội trợ. Lúc đó, họ có cảm giác cái tôi của họ do chính mình lựa chọn và tái tạo. Tập tục khuyến khích họ tự tha hoá mình như vậy trong chính hình ảnh mình.

Quần áo cũng như thân thể của đàn ông nhằm chỉ ra sự siêu nghiệm của họ, chứ không phải là để thu hút ánh mắt người khác; đối với họ, cái thanh lịch cũng như vẻ đẹp không phải ở chỗ biến mình thành khách thể. Vì vậy, bình thường, họ không cho vẻ bề ngoài là cái phản chiếu thực thể mình. Trái lại, bản thân xã hội đòi hỏi phụ nữ biến thành đối tượng tình dục. Mục đích một này, một nọ họ phải tuân theo, không phải là để phát hiện họ như những cá thể độc lập, mà trái lại, là tách họ ra khỏi sự siêu nghiệm để cung cấp họ cho con đực như những con môi: người ta không tìm cách phục vụ dự định của họ, mà trái lại, tìm cách cản trở chúng. Chiếc váy không thuận tiện bằng chiếc quần, đôi giày cao gót làm cho việc đi lại khó khăn. Những tấm áo dài và những đôi giày khiêu vũ ít tiện dụng nhất, những chiếc mũ và những đôi tất mỏng mảnh nhất được coi là những thứ thanh lịch nhất. Dù che lấp, làm biến dạng hay uốn theo đường nét thân thể, trang phục vẫn dăng nó cho ánh mắt người ta. Vì vậy, trang phục là một trò chơi tuyệt vời đối với cô bé mong muốn tự ngắm nghĩa mình, về sau, ở lứa tuổi dậy thì, cô gái phân vân giữa mong muốn và khước từ việc phô bày thân hình mình.

Qua trang sức - như đã nói ở những phần trên -, phụ nữ hoà nhập vào thiên nhiên, trở thành hoa thom và bảo ngọc đối với đàn ông, và đối với cả chính bản thân mình. Cái lấp lánh của những viên kim cương đeo ở cổ không phân biệt với cái óng ánh của làn da; để có những hạt kim cương ấy, họ tự đồng nhất hoá mình với mọi thứ của cái trên đời. Họ không chỉ ao ước những giá trị nhục cảm của chúng, mà đôi khi cả những giá trị tình

cảm, tinh thần của chúng nữa. Vật trang sức này là một kỷ niệm, vật trang sức kia là một biểu tượng.

Trong tập Hồi ký, một nhà văn nữ gọi lại nhưng năm tháng của tuổi thanh xuân:

Tôi luôn luôn ăn bận theo kiểu trang phục trong các bức tranh chân dung. Tôi đi dạo chơi với những bộ quần áo như của các nhân vật trong tranh Van Eyck⁵¹, Rubens⁵², hay Memling⁵³ Tôi vẫn nhớ hình ảnh mình đi qua một đường phố Bruxelles, một ngày mùa đông, với tấm áo nhung dài màu thạch anh tím được trang điểm bằng những chiếc dải bạc theo kiểu áo lễ. Kéo một chiếc đuôi áo dài thườn thượt, tôi quét hết vĩa hè. Chiếc mũ lông thú màu vàng ôm lấy mái tóc màu hung, nhưng vật kỳ lạ hơn hết là viên kim cương tôi đeo chính giữa trán. Vì sao có tất cả những thứ đó? Chỉ vì cái đó làm tôi thích thú, và bằng cách đó, tôi nghĩ là mình sống ngoài mọi ước lệ. Người ta càng cười trên đường tôi đi qua, tôi càng bày đặt ra những thứ kỳ khôi. Tôi sẽ xấu hổ nếu phải thay đổi một cái gì đó trong cung cách của mình vì bị người ta chế giễu. Tôi nghĩ nếu như vậy thì quả là một sự đầu hàng tồi tệ...Đối với tôi, trang phục còn là một cái gì khác. Các thiên thần trong tranh Gozzoli⁵⁴, Fra Angelico⁵⁵, Burne Jones⁵⁶ là hình mẫu của

⁵¹ Họa sĩ người Hà Lan, giai đoạn văn hóa phục hưng thế kỷ XV.

⁵² Peter Paul Rubens (1577 - 1640), là một họa sĩ lỗi lạc người Vlaanderen (hay Flandre - nay thuộc Bỉ) vào thế kỷ XVII, là người khai mở cho phong cách hội họa Baroque. Ông được vua Tây Ban Nha Felipe IV và vua Anh Charles I phong tước Hiệp sĩ. Những bức tranh nổi tiếng như: Sự chiến thắng của đạo đức - 1620, Đức Trinh nữ Maria, 1626-1628,...

⁵³ Hans Memling hay Memlinc (1430 - 1494), họa sĩ người Đức - sống tại Bỉ, sáng tác trong giai đoạn Phục hưng phương bắc, tác giả của bức *Madonna and Angels*.

⁵⁴ Benozzo Gozzoli (1420 - 1497), Họa sĩ người Italia chuyên về Bích họa của thời kỳ tiền phục hưng và phục hưng, ông nổi tiếng với những bức như *Triumph of Saint Thomas Aquinas*, *Madonna with blessing Child*, *The procession of the Magi*,...

⁵⁵ Fra Angelico (1395 - 1455) họa sĩ bích họa thời kỳ tiền phục hưng, chuyên họa về Bích họa đặc biệt là về đề tài tôn giáo, ông là thầy dạy của Benozzo Gozzoli, những tác phẩm nổi tiếng có *Adoration of the Magi*, *Madonna of Humility*,...

⁵⁶ Edward Coley Burne Jones (1833 - 1898) họa sĩ người Anh, tác giả của bức *Morgan Le Fay*, *Fatima*, ...

tôi. Trang phục của tôi bao giờ cũng màu thanh thiên và màu vàng chói; những tấm áo dài lụng thụng xoè ra thành vô số cái đuôi xung quanh tôi.

Các bệnh viện tâm thần là nơi có những ví dụ rõ rệt nhất về hiện tượng khác thường này. Khi không, kiểm soát lòng yêu thích của mình đối với các đồ vật quý giá hay các biểu tượng, phụ nữ quên mất gương mặt của chính bản thân mình và có thể ăn mặc một cách kỳ cục. Chẳng hạn, các cô bé gái tí hon cho trang phục là thứ nguy trang biến mình thành nàng tiên, bà hoàng, đóa hoa; cho mình là đẹp mỗi khi mang trên người những tràng hoa, những cái dải vì nó đồng hóa mình với những thứ hào nhoáng kỳ diệu ấy. Say mê màu sắc một tấm vải, một cô gái ngây thơ không chú ý tới sắc da nhợt nhạt phản ánh trên gương mặt mình. Người ta cũng gặp sở thích khiếm nhã này ở các nữ nghệ sĩ và nữ tri thức bị thế giới bên ngoài mê hoặc hơn là có nhận thức về chính gương mặt mình: say mê vài vóc cổ xưa, đồ trang sức ngày trước, họ hoan hỉ gọi lên hình ảnh Trung Hoa hay thời Trung đại và chỉ lướt lên tấm gương soi một ánh mắt vội vàng. Đôi khi, người ta ngạc nhiên trước những lối trang phục kỳ cục của phụ nữ lớn tuổi: vương miện, đăng ten, áo dài rực rỡ, vòng cổ...khiến người ta chú ý một cách bất lợi tới những đường nét phôi pha của họ. Trái lại, một phụ nữ thanh lịch, cùng lắm, chỉ có thể tìm thấy trong trang phục những niềm hứng thú nhục cảm hay mỹ thuật, nhưng họ phải dung hoà chúng với sự hài hoà của hình ảnh mình: màu áo sẽ tôn thêm sắc da, lối cắt quần áo sẽ làm nổi bật hay uốn nắn đường nét cơ thể. Họ ưu ái chính con người mình được trang điểm, chứ không phải những đồ vật trang điểm họ.

Trang phục không phải chỉ đơn thuần là để trang điểm: nó thể hiện địa vị xã hội của người phụ nữ. Người ta phê phán mọi phụ nữ ăn bận “tựa một gái giang hồ”. Nhưng cũng cần nhấn mạnh là sự đoan trang không phải là ở chỗ trang phục một cách dè dặt đến mức khát khe. Người phụ nữ tỏ vẻ kích thích quá lộ liễu là bất nhã; nhưng bài xích sự việc ấy cũng

không hợp lẽ: người ta có thể cho là mình muốn làm ra vẻ đàn ông, mình là một người đồng tính luyến ái; hoặc muốn làm ra vẻ khác thường, mình là một người lập dị; hoặc nữa là muốn thách thức xã hội, mình là một tay vô chính phủ.

Nếu chỉ muốn làm người ta không quá chú ý, thì phải giữ nữ tính của mình. Ý nghĩa xã hội của trang phục cho phép phụ nữ thể hiện qua cách ăn mặc, thái độ đối với xã hội. Tuân thủ trật tự đã an bài, họ tự tạo cho mình một nhân cách kín đáo và hợp lẽ, và có thể có nhiều sắc thái khác nhau: mảnh mai, trẻ thơ, bí ẩn, thơ ngây, nghiêm khắc, vui vẻ, đoan trang, có chút táo bạo hay kín đáo, tùy theo cách mình lựa chọn. Hoặc, ngược lại, khẳng định thái độ khước từ ước lệ bằng sự độc đáo của mình.

Điều đáng lưu ý là trong nhiều tiểu thuyết, người phụ nữ “được giải phóng” tỏ ra khác thường với lối trang phục táo bạo làm nổi bật tính cách đối tượng tình dục, tức tính phụ thuộc của mình. Trong *This age of innocence (Tuổi ngây thơ)* của Edith Wharton⁵⁷, người thiếu phụ ly hôn, với một quá khứ phiêu lưu, với trái tim táo bạo, đầu tiên được giới thiệu với lối để hở cổ và vai quá đáng: cái rùng mình phản đối nàng gây ra, nàng cho là nó phản ánh rõ rệt thái độ bất chấp của mình đối với lối thủ cựu. Chẳng hạn, cô thiếu nữ thì thích ăn mặc theo kiểu đàn bà có chồng; người phụ nữ có tuổi lại thích trang phục như thiếu nữ; cô gái giang hồ, theo kiểu phụ nữ thượng lưu; và các bà mệnh phụ, theo kiểu đàn bà yêu quái, quyến rũ lòng người. Dù mỗi người có trang phục theo hoàn cảnh của mình chẳng nữa, thì đó vẫn là một lối “trò chơi”. Nhưng những gì là nhân tạo cũng như nghệ thuật đều nằm trong tưởng tượng. Điều làm họ hoan hỉ là sự hoà nhập làm một với một khách thể phi - hiện thực, tất yếu, hoàn mỹ như một nhân vật tiểu thuyết, một chân dung hay một pho tượng bán thân. Họ cố tự tha hoá mình trong khách thể ấy.

⁵⁷ Nhà nữ tiểu thuyết hiện đại Mỹ, tác giả của *Tuổi thơ ngây*, *Ngôi nhà của Mirth*, *Ethan Frome*,...

Bà de Noailles⁵⁸, vốn rất coi trọng trang phục, buồn bã gọi lên trong Hồi ký tấn bi kịch về một chiếc áo dài may hỏng.

Tôi yêu màu sắc sắc sỡ, sự tương phản táo bạo của chúng. Đối với tôi, một chiếc áo là một phong cảnh, một cái môi như của số phận, một lời hứa hẹn của tương lai. Hễ bận tâm áo dài do những bàn tay ngập ngừng cắt, may, là tôi không khỏi không đau khổ vì những khiếm khuyết bộc lộ ra trên áo.

Nhiều phụ nữ hết sức coi trọng trang phục như vậy, vì nó phát hiện ra cho họ một cách phỉnh phờ vừa thế giới bên ngoài vừa chính cái tôi của họ. Phụ nữ là một khách thể, trang phục, trang sức làm biến đổi chân giá trị của họ. Không phải là một sự phù phiếm hoàn toàn khi họ hết sức coi trọng đôi tất chân bằng lụa, đôi găng tay, chiếc mũ: giữ đúng địa vị của mình là một điều bắt buộc khẩn thiết. Ở Mỹ, một phần quan trọng ngân sách của người lao động nữ, được dành cho việc chăm sóc sắc đẹp và quần áo. Ở Pháp, khoản chi phí có nhẹ hơn; nhưng càng “thể hiện ra ngoài tốt”, phụ nữ càng được tôn trọng. Và càng tìm kiếm việc làm, họ càng cần có vẻ sang trọng: sự thanh lịch là một vũ khí tự vệ, một thứ “biển hiệu”, một bức thư tiến cử.

Nó là một thứ nô dịch, những giá trị nó tạo nên phải trả giá. Chúng phải trả giá đắt tới mức đôi khi, một viên thanh tra chộp được trong những cửa hiệu lớn một phụ nữ trong giới thượng lưu hay một nữ nghệ sĩ đang lấy trộm những lọ nước hoa, những đôi tất lụa, những thứ đồ lót. Muốn ăn mặc tử tế, cũng phải bỏ thì giờ và chăm sóc. Nó là một nhiệm vụ đôi khi tạo nên những niềm vui thiết thực. Một tấm áo dài mới, có khi có thể là cả một ngày hội. Cách hoá trang, cách chải tóc có thể coi như một công trình nghệ thuật. Ngày nay hơn bất kỳ lúc nào khác, phụ nữ có niềm vui uốn nắn cơ thể mình bằng thể thao, thể dục, tắm, matxa, và chế độ ăn uống, luyện tập; tự quyết định lấy trọng lượng, đường nét, sắc da. Mỹ học hiện

⁵⁸ Nữ bá tước Pháp, nữ thi sĩ (thế kỷ XX).

đại cho phép họ chủ động trong việc chăm sóc sắc đẹp, rèn luyện cơ bắp chống lại hiện tượng béo phì. Trong thể thao, thể dục, họ tự khẳng định mình với tư cách chủ thể.

Bên cạnh những thắng lợi mà phụ nữ có thể lấy làm kiêu hãnh một cách chính đáng ấy, công việc làm duyên làm dáng cũng như công việc nội trợ bao hàm một cuộc đấu tranh chống lại thời gian, vì thân thể của họ cũng là một đối tượng bị năm tháng gặm nhấm. Một nhà văn nữ miêu tả cuộc chiến đấu này chẳng khác nào cuộc chiến đấu của người nội trợ chống lại bụi bặm trong nhà:

Bây giờ không còn là thứ thịt rắn chắc của tuổi thanh xuân. Dọc cánh tay và bắp đùi, đường nét cơ bắp hiện rõ dưới một lớp mỡ và da đã có phần nhão.

Lo lắng, nàng lại đảo lộn một lần nữa thời khóa biểu: buổi sáng là nửa tiếng thể dục và buổi tối, trước khi lên giường, là mười lăm phút mát-xa. Nàng bắt đầu tra cứu sách giáo khoa y học, báo chí về mốt, và theo dõi vòng đo. Nàng dùng các thứ nước trái cây, thỉnh thoảng uống thuốc xỏ và rửa bát với găng cao su. Hai mối lo toan của nàng, rốt cuộc kết hợp làm một: ra sức làm cho thân thể trẻ lại, và ra sức lau chùi nhà cửa tới mức nàng sẽ đạt tới một thời kỳ tĩnh lặng, một điểm giới hạn..., thế giới sẽ như thể bị ngưng đọng, thoát ra ngoài sự già cỗi và phế thải...ở bể bơi, giờ đây, nàng theo những lớp học thực sự để cải tiến phong cách, hết sức chăm chú tới những phương pháp không ngừng đổi mới trong các tạp chí về sắc đẹp.

Ginger Rogers, nữ nhân vật tác phẩm, tâm sự:

“Mỗi sáng, tôi đưa tới một trăm nhát lược lên đầu, vừa vặn mất hai phút rượu và tôi có một mái tóc mượt, mà như tơ...” Làm thế nào để cho mắt cá chân của bạn được mịn màng? Hàng ngày, bạn hãy nhón chân ba mươi lần liên tục, không cho gót chân bén mặt đất, công việc tập luyện này chỉ đòi

hỏi một phút; một phút là cái gì trong một ngày? Một lần khác, là chuyện bôi dầu cho móng chân, móng tay, bột chanh cho đôi bàn tay, những quả dâu tây nghiền nát cho đôi má. Nhiều phụ nữ thà chịu bỏ một ngày lễ hội hơn là đến lễ hội với trang phục không đẹp, cho dầu mình không phải là người được chú ý tới.

Có người khẳng định: “Tôi ăn mặc chỉ vì một mình tôi thôi”; nhưng ngay cả trong chuyện tự ngắm nghĩa mình, cũng vẫn thấp thoáng ánh mắt người khác. Không phải chỉ có trong bệnh viện tâm thần, những phụ nữ đóm dáng mới một mực tin cậy hoàn toàn vào những ánh mắt xa vắng: thông thường, họ đòi hỏi nhân chứng.

Mười năm sau hôn nhân, Sophie Tolstoi viết trong nhật ký: Mình muốn người ta bảo mình đẹp, muốn Liova thấy như thế, nghe người ta nói như thế...Đẹp mà làm gì? Chẳng bé Pétia dễ thương của mình yêu bà vú già của nó như thế nó yêu một người đẹp và Liovotchka có thể làm quen với gương mặt xấu xí nhất đời...Mình muốn đi uốn tóc. Không có một ai biết đâu, nhưng không phải vì vậy mà không xinh đẹp. Mình cầu gì người ta trông thấy mình? Những cái dài băng và những chiếc nơ làm mình thích thú, mình muốn một chiếc thắt lưng da mới và giò dây, sau khi viết những dòng này, mình muốn khóc...

Các ông chồng đóng vai trò nhân chứng ấy rất tồi. Nếu vợ quá hấp dẫn, thì họ ghen tuông. Nhưng mọi ông chồng ít nhiều là nhà vua Candaule; đều muốn vợ mình làm cho mình được vẻ vang, muốn vợ thanh lịch, đẹp hay chí ít cũng “được”; nếu không, họ sẽ bảo vợ, vẻ khó chịu, với lối nói của lão Ubu⁵⁹ “Hôm nay, trông mình thật xấu xí! Phải chăng vì chúng ta không đông khách?” Trong hôn nhân, giá trị tình dục và giá trị xã hội khó có thể dung hoà với nhau: thế đôi lập ấy được phản ánh ở đây. Người vợ mà quá chú ý tới sức cuốn hút tình dục của mình ắt bị chồng cho là khiếm

⁵⁹ Một nhân vật vừa độc ác vừa hèn nhát một cách khôi hài trong nhiều vở kịch của nhà văn Pháp hiện đại Alfred Jarry.

nhã. Anh ta phê phán những sự táo bạo mà giá như của một phụ nữ khác thì chúng đã cảm dỗ anh ta, và sự phê phán ấy làm tiêu tan mọi ham muốn. Nếu vợ ăn mặc đoan trang, thì chồng tán thành nhưng với vẻ lạnh nhạt: anh ta thấy vợ không khéo gợi và trách móc một cách mơ hồ. Vì vậy, ít khi anh ta nhìn vợ với chính con mắt riêng mình, mà là qua con mắt người khác, "Người ta sẽ nói về nàng như thế nào?" Anh ta đoán định; sai vì khoác cho người ta cái nhìn của anh ta với tư cách người chồng.

Đối với một người vợ, không có gì đáng bực bội hơn là thấy chồng thích thú những tấm áo dài hay những dáng dấp của một người đàn bà khác, trong, khi anh ta phê phán những thứ đó của vợ. Và lại, một cách tự phát, anh ta ở quá gần nàng nên không thể thấy; đối với anh ta, gương mặt của nàng là bất di bất dịch; anh ta không chú ý tới trang phục, tới những sự thay đổi trong cách sửa soạn mái tóc của nàng. Trong cuộc sống và cách tiếp xúc hằng ngày, mọi ảo ảnh thường tiêu tan. Tình cảm vợ chồng cũng như tình yêu xác thịt nằm trong địa hạt hiện thực.

Phụ nữ ăn diện không phải vì người đàn ông họ yêu thương. Người ta nói họ ăn diện để kích động lòng ganh tị của những người đàn bà khác: sự ganh tị ấy quả là một dấu hiệu rục rờ của sự thành công; nhưng đó không phải là mục đích duy nhất. Qua những cặp mắt thèm thuồng hay khâm phục, người phụ nữ tìm kiếm một sự khẳng định đối đối với nhan sắc, vẻ thanh lịch và thị hiếu của mình, khẳng định tuyệt đối đối với chính bản thân họ. Họ tìm kiếm một sự đánh giá dứt khoát bản thân mình, và việc đi tìm kiếm cái tuyệt đối, làm tình làm tội họ đến khốn khổ. Một lời khen làm họ nức lòng, nhưng một tiếng chê làm họ suy sụp. Và vì cái tuyệt đối chỉ có thể phát hiện qua một loạt hình thức vô tận, nên họ không bao giờ "thắng cuộc"; vì vậy cô gái đóm dáng hết sức nhạy cảm, và cũng vì vậy, một số phụ nữ đẹp và được phỉnh nịnh, tin chắc một cách buồn bã là mình không, đẹp và cũng chẳng thanh, lịch, là quả mình không có được sự đồng

tình tối hậu của một “vị quan toà” họ không quen biết: họ nhằm một cái “tự thân” (en soi) không thể thực hiện nổi.

Trang phục bao hàm ngay tức thì những buổi dạo chơi và những cuộc tiếp khách; vả lại, đó vốn là mục đích khởi nguyên của nó. Người phụ nữ đi từ salon này đến salon khác với bộ quần áo mới và mời mọc những người phụ nữ khác trông thấy mình ngự trị “nội tâm” mình. Trong một số trường hợp đặc biệt long trọng, ông chồng đi theo họ trong những cuộc “viếng thăm”; nhưng thông thường, họ làm “bốn phận phù hoa” trong lúc chồng đi vắng. Người ta đã từng miêu tả hàng nghìn lần nỗi phiền muộn khôn nguôi đè nặng lên trên những buổi họp mặt này, vì những người phụ nữ tập họp lại do những “nghĩa vụ phù hoa” .không có gì thông báo cho nhau hết. Không có một nghĩa vụ chung nào gắn bó bà vợ vị luật sư với phu nhân người thầy thuốc, cũng như giữa hai bà vợ của hai ông thầy thuốc. Sẽ là vô duyên nếu trong một cuộc nói chuyện chung, lại nói về những hành vi đại dột của con cái và về những lo toan của mình trong gia đình. Vì vậy, người ta ta buộc phải nói về thời tiết, về cuốn tiểu thuyết họp thời thượng mới nhất, về một khái niệm khái quát theo quan niệm của các ông chồng . Cái tục lệ “ngày tiếp khách của Phu nhân” có xu hướng biến mất; nhưng dưới những hình thái khác nhau, cái khổ dịch “thăm viếng” vẫn sống sót ở Pháp. Phụ nữ Mỹ thì sẵn sàng thay thế việc chuyện trò bằng bài bridge, nhưng đó chỉ là lợi thế đối với những người thích trò chơi bài này.

Tuy nhiên cuộc sống phù hoa mang những hình thái hấp dẫn hơn việc thực hiện một cách vô bổ một nghĩa vụ xã giao. Tiếp khách, không phải chỉ là đón tiếp người khác trong nhà riêng của mình; mà là còn biến căn nhà riêng này thành một địa hạt thần tiên, biến buổi tiếp thành lễ hội. Nhưng nữ chủ nhân chỉ có thể thực sự thoải mái nếu không quá coi trọng những cuộc họp mặt như vậy; nếu không, thì sẽ day dứt về một sự phô trương

không bao giờ mãn nguyện. Và lại, ít có phụ nữ có đủ của cải để tiêu phí cuộc đời trong “cảnh phù hoa”. Thông thường, những người có hẳn cuộc đời như thế, tìm cách chẳng những làm cho mình nổi danh, mà còn vượt qua cuộc sống phù hoa tới một số mục đích nhất định: những “salon” đích thực đều mang tính chất chinh trị hay văn học. Bằng cách đó, họ cố gắng gây ảnh hưởng đối với đàn ông và giữ một vai trò cá nhân. Họ thoát ra khỏi thân phận người đàn bà có chồng vốn là người thông thường không được thỏa mãn với những niềm vui, những sự thắng lợi chốc lát hiếm hoi. Cuộc sống phù hoa đòi hỏi phải “đại diện”, phải phô trương, nhưng không tạo nên giữa mình và những người khác một sự giao tiếp thực sự. Nó không giải thoát họ khỏi nỗi cô đơn.

Michelet viết:

“Thật xót xa khi nghĩ - rằng người phụ nữ - một thực thể tương đối chỉ có thể sống cặp đôi - lại thường phải sống đơn côi hơn đàn ông. Đàn ông thì đâu đâu cũng hợp quần được, tự tạo cho mình những mối quan hệ mới. Còn phụ nữ thì không là gì hết nếu không có gia đình. Và gia đình làm tình, làm tội họ; toàn bộ gánh nặng đè lên vai họ”.

Và quả vậy, người phụ nữ, bị nhốt kín, bị tách biệt, không được biết niềm vui của tình dục bao hàm việc theo đuổi chung một số mục đích. Công việc của họ không làm bận rộn trí óc; quá trình đào tạo không mang lại cho họ hứng thú và thói quen độc lập; thế nhưng họ lại sống trong cô đơn. Chúng ta đã thấy đó là một trong những nỗi bất hạnh khiến Sophie Tolstoi than phiền. Hôn nhân thường buộc bà xa mái nhà bố mẹ, xa những tình bạn buổi thanh xuân.

Trong cuốn *Những thí nghiệm đầu tiên của tôi (Mes apprentissages)*, Colette miêu tả sự ngỡ ngàng của một cô dâu mới cưới được đưa từ tỉnh lẻ lên Paris. Nàng chỉ tìm thấy niềm an ủi trong những bức thư dài trao đổi với

mẹ. Nhưng thư từ đâu có thể thay thế được một sự hiện diện, và nàng không thể thổ lộ nỗi niềm thất vọng của mình với Sido⁶⁰. Thông thường, không còn tình thân mật thực sự giữa người thiếu phụ và gia đình nàng: mẹ và các chị em gái không phải là bạn. Ngày nay, do khủng hoảng về nhà ở, nhiều chàng trai mới cưới vợ phải sống trong gia đình mình hoặc gia đình vợ. Những sự hiện diện bất đắc dĩ ấy không phải bao giờ cũng tạo nên đối với người thiếu phụ một cuộc sống chung thực sự.

Những mối tình bạn với giới mình mà người thiếu phụ giữ được hay tạo lập nên, là rất quý đối với họ. Chúng mang một tính cách khác xa những mối quan hệ giữa đàn ông với nhau: đàn ông giao tiếp với nhau với tư cách cá thể qua những ý nghĩ, những dự định riêng tư của họ. Còn phụ nữ, bị nhốt kín trong tính chất khái quát của số phận đàn bà của mình, thì gắn bó với nhau bằng một thứ hành vi đồng lõa nội tại. Và điều mà họ tìm kiếm bên nhau, trước hết là sự khẳng định cái thế giới chung của mình. Họ không tranh cãi về các quan niệm; họ cùng nhau trao đổi tâm tình và công việc gia đình. Họ liên minh với nhau để tạo nên một phản vũ trụ mà các giá trị lẫn át các giá trị của nam giới. Liên kết lại với nhau, họ tìm ra sức mạnh để phá bỏ xiềng xích. Họ phủ nhận sự thống trị của đàn ông về mặt tình dục trong lúc tâm tình với nhau về chuyện lãnh dục của mình, và chế giễu một cách sỗ sàng sự ham hố hay sự vụng về của chồng. Họ cũng phủ nhận một cách hài hước ưu thế về tinh thần và trí tuệ của chồng và của đàn ông nói chung. Họ đối chiếu kinh nghiệm của nhau: thai nghén, sinh đẻ, bệnh tật của con cái, của riêng mình, công việc nội trợ, trở thành những sự kiện chủ yếu của lịch sử nhân loại.

Lao động của họ không phải là một thứ kỹ thuật: trong lúc truyền cho nhau các thủ thuật nội trợ, làm bếp, họ tạo cho chúng giá trị của một khoa học bí ẩn xây dựng trên cơ sở truyền khẩu. Thỉnh thoảng họ trao đổi với

⁶⁰ Nhân vật người mẹ trong tác phẩm cùng tên của Colette.

nhau những vấn đề tinh thần mục “hộp thư” trên các tờ báo phụ nữ là một mô hình tốt của những sự trao đổi này. Người ta không bao giờ hình dung mục “Thư tín tâm tình” dành cho đàn ông. Đàn ông gặp nhau trong xã hội vốn là xã hội của họ. Còn phụ nữ thì phải xác định, tính toán, thám hiểm địa hạt của riêng mình. Chủ yếu họ trao đổi với nhau những lời khuyên về sắc đẹp, những cách thức nấu nướng và đan lát, và hỏi ý kiến của nhau.

Giá trị của những mối quan hệ này là tính chân thực của chúng. Trước mặt đàn ông, phụ nữ bao giờ cũng để cao giá trị của mình. Bên cạnh những người đàn bà khác, phụ nữ đứng ở hậu trường. Họ lau chùi súng ống nhưng không chiến đấu. Họ sửa soạn trang phục, sáng tạo cách hoá trang, chuẩn bị mưu đồ: đi pantoufle và khoác áo choàng trong hậu trường trước khi bước lên sân khấu. Họ thích bầu không khí ấm áp, êm ái, thoải mái ấy. Colette miêu tả như sau giờ phút cùng sống với cô bạn Marco:

Những lời tâm tình ngắn gọn, những trò tiêu khiển của những cô bạn gái bị giam hãm, những giờ phút khi thì giống như buông thả may của một nhà tu kín, khi thì tựa những phút nghỉ ngơi trong thời kỳ dưỡng bệnh...

Nhà văn thích thú đóng vai trò cố vấn bên cạnh người phụ nữ lớn tuổi.

Những buổi chiều nóng nực, ngồi dưới chiếc màn ngoài ban công, Marco sửa quần áo. Nàng khâu vá kém, nhưng cẩn thận, và tôi kiêu hãnh về những lời khuyên của mình...“Chớ khâu những cái dải màu thanh thiên vào sơ-mi; màu hồng đôi với quần áo lót, đẹp hơn và “ăn” da hơn”. Tôi nhanh nhẩu có những lời khuyên khác về phấn mặt, về son môi, về nét chì trên hàng mi. “Cô bảo thế? cô bảo thế hả?” - Nàng hỏi hồi hả -. Quyển uy non trẻ của tôi không suy chuyển. Tôi cầm chiếc lược, vạch một đường ngôi duyên dáng trên mái tóc như tơ của nàng, khéo léo làm cho ánh mắt nàng sáng rực như lửa và điểm một chút màu đỏ óng ánh tựa bình minh trên gò má nàng,: cạnh thái dương.

Ở một đoạn sau, nhà văn giới thiệu nàng Marco lo lắng chuẩn bị gặp mặt một chàng trai nàng muốn chinh phục:

...Nàng muốn lau cặp mắt đẫm lệ. Tôi ngăn lại.

- Chị để tôi.

Dùng hai ngón tay cái, tôi nâng khẽ hai hàng mi của nàng lên cho hai giọt nước mắt sắp chảy, tự tiêu đi và không làm ảnh hưởng tới lớp sáp bôi mí mắt.

- Nào! Hãy chờ tí, chưa xong đâu. Tôi sửa lại tất cả các đường nét trên gương mặt nàng. Nàng kiên nhẫn chịu đựng trong tiếng thở dài như thể bị tôi băng bó. Để kết thúc, tôi cho một lớp phấn màu hồng đậm hơn vào chiếc búp để xoa mặt. Cả hai chúng tôi đều im lặng.

...Dù tình hình xảy ra thế nào - tôi bảo nàng -, chị cũng chớ khóc. Bất kỳ với giá nào, chị cũng chớ để bị nước mắt khuất phục.

...Nàng đưa bàn tay lên giữa trán và mái tóc.

- Nhẽ ra thứ bảy tuần trước, tôi phải mua chiếc áo dài đen trông thấy ở cửa hiệu...Cô này, cô có thể cho tôi mượn đôi tất thật mỏng không? vào lúc này, tôi không còn thì giờ nữa.

- Có chứ, có chứ.

- Cảm ơn. Cô có nghĩ là một bông hoa có thể làm cho chiếc áo dài của tôi sáng thêm lên không? Không, không phải hoa trên áo lót. Nước hoa diên vĩ không còn hợp thời thượng nữa phải không? Tôi cảm thấy có vô số việc phải hỏi cô; vô số việc...

Và trong một cuốn sách khác, Colette gọi lên mặt trái của đời sống phụ nữ. Ba chị em gái bất hạnh hay lo lắng trong tình yêu, đêm đêm lại ngồi với nhau xung quanh chiếc tràng kỷ cũ kỹ của tuổi ấu thơ. Ở đây, họ tìm cách thư giãn, nhâm nhi những nỗi lo toan thường nhật, chuẩn bị những cuộc

chiến đấu cho ngày mai, thường thức những niềm vui thoáng qua của một sự nghỉ ngơi sắp đặt cẩn thận, một giấc ngủ ngon, một buổi tắm nước nóng. Họ không nói gì với nhau, nhưng mỗi người xây cho những người khác một thứ tổ ấm; và tất cả những gì xảy ra giữa họ với nhau đều chân thực.

Đối với một số phụ nữ, bầu không khí thân mật phù phiếm và nóng ấm ấy quý hơn cả cái vẻ phù hoa nghiêm trang trong quan hệ với đàn ông. Cũng như ở tuổi thanh xuân, người phụ nữ tự yêu mình tìm thấy ở một phụ nữ khác, hình bóng đáng yêu của bản thân, có thể ngắm nhìn tấm áo dài khéo cắt may cũng như căn phòng tinh tế của mình trong ánh mắt chăm chú và sành sỏi của bạn. Vượt qua hôn nhân, người bạn gái tâm tình vẫn là một nhân chứng tuyệt vời, và có thể tiếp tục xuất hiện như một đối tượng đáng mong ước, được mong ước. Hầu như ở mọi thiếu nữ, đều có khuynh hướng đồng tính luyến ái; những vòng tay vụng về của chồng thường không xoá bỏ hết những khuynh hướng ấy; từ đó nảy sinh cái trạng thái êm ái một cách nhục cảm người phụ nữ cảm nhận bên cạnh những người phụ nữ khác, trạng thái này không xuất hiện ở những người đàn ông bình thường. Giữa hai người bạn gái, sự gắn bó nhục cảm có thể nâng lên thành tình cảm sôi động, hoặc được thể hiện bằng những cử chỉ đơn trón kín đáo hay rõ rệt. Những vòng tay siết chặt của họ cũng có thể chỉ là một trò chơi để khuấy khoả trong những giờ phút rỗi rãi - như trong trường hợp những phụ nữ trong hậu cung mà mối quan tâm chủ yếu là giết thời gian - hoặc có thể có ý nghĩa rất quan trọng.

Tuy nhiên hiếm có trường hợp tình cảm giữa phụ nữ với nhau được nâng lên thành một tình thân đích thực. Một cách bột phát, phụ nữ cảm thấy dễ đoàn kết với nhau hơn nam giới nhưng trong lòng khối đoàn kết ấy, không phải mỗi người tự vượt qua mình để hướng tới người kia: họ cùng nhau quay về thế giới đàn ông mà ai nấy đều muốn chiếm lấy giá trị cho riêng mình. Quan hệ giữa họ với nhau không phải được xây dựng trên

cơ sở tính riêng biệt của họ, mà là trực tiếp được cảm nhận trong tính khái quát, và do đó, dễ nảy sinh ngay lập tức một yếu tố ác cảm. Natacha trong *Chiến tranh và hoà bình*, tuy yêu mến những người phụ nữ trong gia đình vì có thể bày ra trước mắt họ tã lót của những đứa trẻ sơ sinh của mình, nhưng vẫn ghen tuông đối với họ; đối với Pierre, mỗi người trong số họ đều có thể là hiện thân của người phụ nữ. Sự thông cảm giữa những người phụ nữ với nhau bắt nguồn từ chỗ họ đồng nhất với nhau; nhưng chính vì thế, người này không công nhận người kia.

Một bà chủ nhà, đối với người ở gái, có quan hệ thân mật hơn nhiều so với quan hệ của một ông chủ đối với người hầu phòng nam giới hay với người lái xe - trừ phi ông ta là người đồng tính luyến ái -. Phụ nữ trao đổi tâm tình với nhau, có khi đồng lõa với nhau. Nhưng giữa họ với nhau cũng có chuyện đương đầu và ác cảm, vì bà chủ nhà, trong lúc giao công việc cho người khác, vẫn muốn nhận lấy trách nhiệm và công lao: họ muốn nghĩ mình là cần thiết, là không thể thay thế. “Hễ mình không có mặt là mọi việc lộn xộn hết. Họ tìm mọi cách bắt khoan bắt nhặt những người đẩy tớ gái. Nếu cô gái làm quá tốt công việc của mình, thì bà chủ không còn niềm kiêu hãnh thấy mình độc tôn nữa. Cũng giống như vậy, họ luôn luôn bực mình đối với cô giáo, bà quản gia, chị vú em - những người chăm sóc con cái họ - cũng như đối với người thân và bạn gái giúp đỡ họ trong nhiệm vụ. Họ lấy có những người này không tôn trọng “nguyện vọng”, không ứng xử theo “quan niệm” của họ. Sự thật là họ không có nguyện vọng cũng như quan niệm riêng gì hết. Trái lại, điều làm họ khó chịu, chính là ở chỗ những người khác khi làm nhiệm vụ giúp họ, hoàn toàn làm giống như cách của họ, nếu họ tự làm lấy. Đó là một trong những nguyên nhân chủ yếu của mọi sự bất đồng trong gia đình và trong công việc nội trợ từng đầu độc cuộc sống gia đình: càng không có cách nào làm cho người ta thừa nhận những ưu điểm đặc biệt của mình, người phụ nữ càng đòi hỏi gay gắt quyền làm chủ. Nhưng người này cho người kia là thù địch,

chủ yếu trong địa hạt làm duyên làm dáng và trong tình yêu. Trong *Thân phận con người (La Condition humaine)*, tiểu thuyết của nhà văn Pháp André Malraux, hai vợ chồng đã thỏa thuận trả lại tự do cho nhau. Nhưng nghe May kể lại nàng vừa ăn nằm với một anh bạn, Kyo đau khổ với ý nghĩ người đàn ông nọ có thể hình dung anh ta đã “sở hữu” được vợ mình. Kyo muốn tôn trọng quyền độc lập của May, vì biết rõ không bao giờ người ta có thể “sở hữu” bất kỳ một ai hết; nhưng ý nghĩ mãi nguyện của một người khác làm nhục anh thông qua May. Xã hội lẫn lộn giữa người phụ nữ tự do và người đàn bà dễ dãi. Ngay đến người tình cũng không dễ dãi thừa nhận cái quyền tự do bị mình lợi dụng; mà muốn tin là người đàn bà đã chịu khuất phục, bị lôi kéo, và chính anh ta chinh phục được, cảm dỗ được nàng. Một người đàn bà kiêu hãnh có thể đồng tình với lối khoe khoang của người kia; nhưng cho rằng một người chồng chịu đựng nổi thái độ kiêu ngạo ấy thì thật nhục nhã. Phụ nữ rất khó có thể hành động một cách bình đẳng với đàn ông chừng nào quyền bình đẳng ấy chưa được công nhận một cách rộng rãi và thực hiện một cách cụ thể.

Chương IV : TỬ TRƯỞNG THÀNH ĐẾN GIÀ LÃO

Lịch sử phụ nữ phụ thuộc vào số phận sinh lý học của họ hơn nhiều so với lịch sử nam giới, vì lịch sử ấy vẫn còn tự nhốt chặt trong chức năng sinh đẻ. Đường đồ thị biểu diễn số phận ấy của phụ nữ khúc khuỷu hơn, bị đứt đoạn hơn so với nam giới. Mỗi thời kỳ trong đời sống phụ nữ đều tĩnh lặng và đơn điệu; nhưng những bước chuyển biến từ giai đoạn này sang giai đoạn khác thì xảy ra đột ngột đầy kịch tính, thể hiện bằng những cuộc khủng hoảng có tính chất quyết định hơn nhiều so với nam giới: tuổi dậy thì, việc làm quen với bản năng giới tính, thời kỳ mãn kinh. Trong lúc đàn ông từ từ già đi, thì phụ nữ bị tước đoạt một cách đột ngột. Tuy còn trẻ, họ cũng đã mất đi sức cảm dỗ về giới tính và khả năng sinh đẻ, vốn là cội nguồn ý nghĩa cuộc sống và những cơ may hạnh phúc - của họ, đối với xã hội và chính bản thân họ: thế là còn khoảng một nửa cuộc đời thành niên không còn một tương lai nào nữa.

Đặc điểm của “lứa tuổi hiểm nghèo” là một số rối loạn cơ thể; nhưng tầm quan trọng của những rối loạn này, chính là giá trị tượng trưng của chúng. Những người phụ nữ không từng chủ yếu dựa vào nữ tính của mình thì cảm nhận cuộc khủng hoảng này ít gay gắt hơn. Những người làm việc nặng nhọc - trong gia đình hay ngoài xã hội - tỏ ra khoan khoái khi mãn kinh; chị nông dân, chị vợ anh công nhân - vốn luôn luôn bị những lần mang thai mới uy hiếp - sung sướng khi rút cuộc sự rủi ro này được loại trừ. Trong trường hợp này cũng như trong nhiều trường hợp khác, những sự mệt mỏi về cơ thể của phụ nữ nảy sinh từ chính bản thân cơ thể ít hơn là từ ý thức lo lắng đối với những sự mệt mỏi ấy. Thông thường, tấn bi kịch tinh thần bắt đầu trước khi hiện tượng sinh lý học chưa nảy sinh, và chỉ kết thúc sau khi chúng đã được thanh toán từ lâu trước đó.

Phụ nữ sớm bị nổi kinh hoảng về cảnh già nua ám ảnh. Người đàn ông đứng tuổi bị cuốn hút vào những công việc quan trọng hơn chuyện tình

yêu. Ngọn lửa tình dục ít cháy bỏng hơn so với thời kỳ trai trẻ; và vì người ta không đòi hỏi ở họ những tính chất thụ động của một đối tượng, nên sự sút kém về gương mặt và thân thể không huỷ hoại khả năng cảm dỗ của họ. Trái lại, thông thường, vào tuổi khoảng ba năm, phụ nữ đạt tới sự trọn vẹn nhất về tình dục sau khi vượt qua mọi sự ức chế. Lúc này ham muốn của họ dữ dội hơn cả và họ thiết tha muốn thỏa mãn chúng. Họ phải tính đến giá trị của mình về mặt giới tính nhiều hơn nhiều so với nam giới. Để giữ được chồng, để tranh thủ được những sự che chở, trong phần lớn nghề nghiệp của họ, họ cần phải làm người ta vui lòng. Người ta chỉ cho phép họ có ảnh hưởng đối với xã hội qua vai trò trung gian của đàn ông: họ sẽ ra sao khi không còn ảnh hưởng đối với đàn ông nữa? Họ tự hỏi mình một cách lo lắng như vậy trong lúc chứng kiến, bất lực, sự sa sút hình hài; họ phải đấu tranh. Nhưng mọi thủ thuật của mỹ viện chỉ có thể kéo dài tuổi thanh xuân trong cảnh hấp hối mà thôi. Cùng lắm, chỉ có thể lừa gạt chiếc gương soi. Nhưng khi bắt đầu quá trình tất yếu, không thể đảo ngược được, sắp sửa phá huỷ ở mình toàn bộ cái lâu đài xây dựng trong tuổi dậy thì, họ cảm thấy bị chinh bản thân sự khắc nghiệt của cái chết đe dọa.

Người ta có thể nghĩ rằng người phụ nữ say sưa nhất với nhan sắc, với tuổi trẻ của mình, là người phải trải qua những nỗi thất vọng xót xa nhất. Nhưng không những người phụ nữ tự yêu mình (narcissiste) hết sức chăm chút con người mình nên không thể không dự kiến cái thời hạn nhất thiết phải đến và không thể không tính toán vị trí rút lui của mình. Dĩ nhiên họ sẽ đau khổ về sự sa sút ấy nhưng chỉ ít, không bị bất ngờ và thích ứng tương đối nhanh với tình thế. Còn người phụ nữ quên mình, tận tụy, hy sinh, thì sẽ bị xáo động hơn nhiều bởi sự phát triển đột ngột: “Mình chỉ sống có một cuộc sống; thân phận là thế đấy!” Lúc đó, ở họ xảy ra một sự thay đổi triệt để, khiến mọi người xung quanh ngạc nhiên: ấy là vì phải rời khỏi nơi ẩn náu, tách khỏi các dự định của mình, đột nhiên, họ đối mặt với chính bản thân mình, không phương cứu chữa.

Vượt quá cái giới hạn vấp phải một cách bất ngờ, họ cảm thấy chỉ còn sống lay lắt: đối với hình hài thì chẳng có gì hứa hẹn; những ước vọng chưa thực hiện được sẽ chẳng bao giờ trở thành hiện thực. Họ quay về quá khứ trong viễn cảnh mới ấy. Đã đến lúc phải tính sổ, làm bản tổng kết. Và họ kinh hoàng về những giới hạn chật hẹp bị cuộc đời áp đặt cho mình. Trước quãng lịch sử ngắn ngủi và buồn bã ấy, họ nhớ lại những hành vi của cô thiếu nữ trước ngưỡng cửa một tương lai chưa thể với tới được: họ phủ nhận cái khuôn khổ hạn hẹp bó chặt mình, đem cái phong phú mơ màng của nhân cách đối lập với cái nghèo nàn của cuộc sống.

Từng phải chịu đựng ít nhiều thụ động số phận của mình vì là phụ nữ, họ cảm thấy người ta đã lấy cắp mất cơ may của mình, đã lừa phỉnh mình, và mình đã trượt từ tuổi thanh xuân đến lúc trưởng thành mà không nhận thức ra. Họ phát hiện thấy chồng, môi trường sống, công việc, tất cả đều không xứng đáng với mình; cảm thấy người ta không hiểu mình. Họ tách mình ra khỏi những người xung quanh mà họ chỉ cho là thấp kém hơn mình. Họ tự khép mình lại với nỗi niềm riêng trong lòng, vốn là chiếc chìa khoá bí ẩn của số phận bất hạnh của họ. Họ tìm cách rà soát lại những khả năng mà mình chưa tận dụng hết, và bắt đầu viết nhật ký riêng. Nếu tìm được những người bạn tâm tình đồng cảm với mình, thì họ dốc hết bầu tâm sự trong những câu chuyện vô tận; và qua ngày qua đêm, nhẩm đi tính lại những nỗi ân hận, những lời than phiền của mình. Họ gọi lên những gì nhẽ ra đã có thể là quá khứ của mình, cũng giống như cô thiếu nữ mơ ước những gì sẽ là tương lai của mình. Họ hình dung những cơ hội đã bỏ lỡ và tưởng tượng ra những trang tiểu thuyết đẹp trong quá khứ. Một nữ bác sĩ kể trường hợp một thiếu phụ đoạn tuyệt lúc còn rất trẻ với một cuộc hôn nhân không hạnh phúc và sau đó sống nhiều năm tĩnh lặng với một người chồng thứ hai. Năm bốn mươi năm tuổi, bà ta bắt đầu luyện tiếc một cách xót xa người chồng đầu tiên và chìm đắm trong sầu não. Những mối quan tâm ở tuổi ấu thơ và tuổi dậy thì sống dậy, bà ta

không ngừng nhắc đi nhắc lại lịch sử những năm tháng của tuổi thanh xuân; và những tình cảm tiềm tàng đối với bố mẹ, anh chị em, bè bạn thuở nhỏ trôi dạt. Đôi khi họ phó mặc mình cho một nỗi âu sầu mơ màng và thụ động. Nhưng thông thường, họ tìm cách cứu thoát cuộc đời không thành đạt của mình trong những phút giây bất ngờ. Cái nhân cách mà họ vừa phát hiện ra trong con người mình ấy và tương phản với cái tồi tệ của thân phận mình, họ biểu lộ, phô trương nó ra, ca ngợi nó, và đòi hỏi một cách khẩn thiết người ta phải xử sự công bằng với mình. Trưởng thành qua kinh nghiệm, họ nghĩ mình có thể cuối cùng đề cao giá trị của mình, muốn dành lại uy tín cho mình. Và trước hết, trong một sự cố gắng thống thiết, họ tìm cách buộc thời gian ngừng chuyển động.

Người phụ nữ giàu tình yêu thương khẳng định mình vẫn có thể sinh con. Người phụ nữ nhục cảm thì cố gắng chinh phục một người tình mới. Còn những người đóm dáng thì thiết tha làm nam giới vui lòng hơn bao giờ hết. Họ đều tuyên bố chưa bao giờ cảm thấy trẻ trung như lúc này. Họ muốn thuyết phục người khác là sự trôi qua của thời gian không thực sự đụng tới họ; họ bắt đầu ăn mặc trẻ trung, và có những điều bộ trẻ thơ. Người đàn bà đang trên đường già đi biết rõ mình không còn là một đối tượng tình dục, không phải chỉ thịt da mình không còn cung cấp cho đàn ông thứ quý giá tươi mát nữa; mà còn vì quá khứ và kinh nghiệm đã biến mình thành một con người, dù muốn dù không; họ đã từng đấu tranh, yêu thương, mong ước, đau khổ và hưởng thụ riêng cho mình. Họ tìm cách phủ nhận cuộc sống tự lập rụt rè ấy; cường điệu nữ tính của mình, trang điểm, xức nước hoa, làm dáng, làm đẹp: một sự nội tại đơn thuần. Họ ngưỡng mộ với ánh mắt thơ ngây và giọng điệu trẻ thơ nhiều người đối thoại nam giới, gọi lại vô số kỷ niệm thời bé gái; họ không nói năng mà đúng hơn là riu rít, cười vang và vỗ tay. Họ đóng vở kịch ấy một cách chân thật. Vì mỗi quan tâm mới đối với bản thân mình, ý muốn thoát khỏi

những tập quán lạc hậu và xuất phát với một hành trang mới, khiến họ có cảm giác một sự bắt đầu trở lại.

Thực ra, đây không phải là một cuộc xuất phát thực sự. Họ không tìm thấy trên đời những mục đích mà họ từng muốn vươn tới trong một động tác tự do và có hiệu quả. Hoạt động của họ mang tình hình thức kỳ cục, rời rạc và vô bổ vì chỉ nhằm bù lại một cách tượng trưng những lỗi lầm và thất bại của quá khứ. Trước hết, họ tìm cách thực hiện mọi ý muốn thời trẻ thơ và tuổi thanh xuân, để khỏi quá muộn: họ muốn ngồi lại trước chiếc dương cầm, muốn tạc tượng, muốn viết văn, muốn đi du lịch, tập trượt tuyết, học ngoại ngữ. Tất cả những gì trước đây tự bản thân họ từ chối thì giờ đây, họ quyết định đón nhận - cũng vẫn trước khi quá muộn. Họ thú nhận sự ghê tởm đối với người chồng trước kia họ chấp thuận, và trở thành lãnh đạo trong vòng tay anh ta; hoặc, trái lại, thả sức đòi hỏi cho những ham muốn cuồng nhiệt trước kia họ dồn nén, đòi hỏi chồng thỏa mãn những yêu sách của mình. Khuynh hướng tình dục đồng giới, vốn ẩn náu hầu như ở mọi phụ nữ, bắt đầu xuất hiện. Trong cuốn *Giới tính, cuộc sống và niềm tin (Sex, Life and Faith)*, một tác giả kể lại câu chuyện sau đây do chính người trong cuộc tâm tình:

Bà X...xấp xỉ ngũ tuần. Lấy chồng hai năm về trước, và là mẹ của ba đứa con đã trưởng thành, lại giữ một vị trí quan trọng trong các tổ chức xã hội và từ thiện của thành phố, bà gặp ở Luân Đôn một thiếu phụ trẻ hơn mình mười tuổi và cũng hoạt động từ thiện như bà. Họ cùng nhau kết bạn và cô Y...mời bà ghé nhà cô trong chuyến du lịch sau. Bà X. nhận lời và tới thứ hai cuộc hành trình, bà bỗng thấy mình đang ôm hôn say đắm cô chủ nhà. Nhiều lần, bà bảo đảm là không hề mảy may có ý nghĩ về cung cách sự việc xảy ra. Bà sống qua đêm với cô bạn và trở về nhà với nỗi kinh hoàng. Cho tới lúc bây giờ, bà không hoàn toàn biết gì về đồng tính luyến ái, thậm chí không biết một “việc như thế lại có thể có thật. Bà nghĩ tới cô Y...một cách say đắm, và lần đầu tiên trên đời, cảm thấy sự vuột ve và nụ hôn

thường ngày của chồng không mấy thú vị. Bà quyết định gặp lại cô bạn để làm sáng tỏ mọi việc”, và nỗi lòng say đắm lại càng thêm nồng nàn. Những mối quan hệ này mang lại cho bà niềm lạc thú cho tới ngày ấy bà chưa bao giờ được hưởng. Nhưng lòng bà day dứt bởi ý nghĩ đã phạm tội và đến gặp thầy thuốc để hỏi xem có cách “lý giải khoa học” nào đối với trạng thái của mình và nó có thể được biện minh bằng một duyên cớ tinh thần nào không.

Trong trường hợp này, chủ thể đã chịu khuất phục một sự hưng khởi bột phát, và bản thân hết sức hoang mang. Nhưng thông thường, người phụ nữ chủ động tìm cách sống với những giấc mơ đẹp mình chưa từng biết và chẳng bao lâu nữa sẽ không còn có được.

Ranh giới giữa cái hư và cái thực trong thời kỳ xáo động còn mơ hồ hơn cả trong tuổi dậy thì. Một trong những nét nổi bật nhất ở người đàn bà đang trên con đường già nua, là cái cảm giác phi - cá nhân hoá làm họ mất hết mọi mục tiêu khách quan. Những người đang hoàn toàn khoẻ mạnh nhưng lại thấy cái chết đến gần cũng bảo là họ có cảm giác phân thân kỳ lạ. Khi người ta tự cảm thấy mình là ý thức, là hoạt động, là tự do thì cái đối tượng thụ động mà tính mệnh coi khinh, tất yếu xuất hiện như một đối tượng khác: không phải tôi bị ô tô chèn ngã; không phải tôi, cái bà già phản chiếu trong tấm gương kia. Người phụ nữ “chưa bao giờ thấy tươi trẻ như thế này” và chưa bao giờ thấy mình già nua đến thế này, không sao có thể dung hoà hai trạng thái ấy của bản thân mình. Thời gian trôi qua trong mộng; ngày tháng gặm nhấm họ.

Và cứ thế, hiện thực xa dần, nhỏ dần. Ngay lập tức, họ không còn tự phân biệt mình với ảo ảnh nữa. Họ tin vào những sự hiển nhiên trong nội tâm mình hơn là vào cuộc đời kỳ lạ trong đó thời gian đi thụt lùi và hình bóng mình không còn giống mình nữa và các sự kiện đã phản bội họ. Vì vậy, họ dễ rơi vào những trạng thái mê ly, linh cảm, cuồng nhiệt. Và lúc đó, tình yêu là mối quan tâm chủ yếu của họ hơn bao giờ hết, nên phó mình

cho cái ảo ảnh mình được yêu, là chuyện bình thường đối với họ. Chính phần mười những người si tình là phụ nữ; và hầu hết những người này đều tuổi từ bốn mươi đến năm mươi.

Nhưng không phải ai cũng có thể vượt qua những bức tường hiện thực một cách táo bạo như vậy. Bị tước đoạt, dù trong giấc mơ, mọi tình yêu thương của con người, nhiều phụ nữ tìm kiếm sự che chở của Thượng đế. Người đom đóm, người si tình, người phóng đảng trở thành người đàn bà sùng tín vào thời kỳ mãn kinh. Những khái niệm mơ hồ về định mệnh, về những chuyện huyền bí, về chuyện cá tính bị hiểu lầm mà người phụ nữ áp ú lúc bắt đầu mùa thu của cuộc đời, những khái niệm ấy tìm thấy trong tôn giáo một sự thống nhất hợp lý. Người tín đồ sùng kính, cho cuộc đời bất hạnh của mình là một thử thách của Chúa. Tâm hồn họ đã thể hiện trong hơan nạn những phẩm giá khác thường đáng được hưởng thiên sủng một cách đặc biệt. Họ muốn tin là trời gửi xuống cho mình những điều thần cảm, hoặc thậm chí - như bà Krudener⁶¹ - là trời giao cho mình một sứ mệnh một cách khẩn thiết.

Ít hay nhiều không còn ý thức về hiện thực, trong cuộc khủng hoảng này, người phụ nữ có khả năng chấp nhận mọi sự gợi ý; và một vị giám đốc, chẳng hạn, rất có điều kiện để có ảnh hưởng mạnh mẽ đối với tâm hồn họ. Họ cũng sốt sắng đón nhận những quyền uy dù ít đáng tin cậy hơn, và là một con mồi cho mọi giáo phái, cô đồng, thầy phù thủy, những người chữa bệnh, cho mọi thầy lang vườn. Như vậy, chẳng những vì họ đã mất hết ý thức phê phán trong lúc không còn tiếp xúc với thế giới bên ngoài, mà còn vì họ khát khao một chân lý vĩnh cửu: họ cần bài thuốc, cái công thức, chiếc chìa khoá đột nhiên cứu vớt họ trong lúc cứu vớt vũ trụ. Họ khinh thường hơn bao giờ hết thứ logic dĩ nhiên không thể áp dụng vào

⁶¹ Nữ nam tước ở Litva, nhà văn và nhà thần bí học (thế kỷ XVIII-XIX), có ảnh hưởng tôn giáo và cả chính trị rất lớn đối với Nga hoàng Alexandre đệ nhất.

trường hợp đặc biệt của họ. Đối với họ, chỉ có những thứ luận cứ đặc biệt dành riêng cho họ là có sức thuyết phục; và những khái niệm, linh cảm, thông điệp, tín hiệu, thậm chí phép mầu, bắt đầu nảy nở xung quanh họ. Dù hoạt động hay chiêm nghiệm, thái độ của họ đều kèm theo những sự kích động sôi nổi. Cuộc khủng hoảng mãn kinh cắt cuộc đời phụ nữ làm đôi một cách đột ngột; và chính sự gián đoạn ấy gây cho họ ảo giác một “cuộc đời mới”: một thời kỳ khác mở ra trước mắt họ: họ đến với nó với tấm lòng nhiệt thành của người cải đạo (converti) trong tình yêu, trong cuộc đời của Chúa, trong nghệ thuật, trong lòng nhân đạo. Họ “chết” và hồi sinh, họ nhìn trái đất với ánh mắt đã thấu suốt những điều bí ẩn của thế giới bên kia và tưởng mình bay tới những đỉnh cao chưa ai đụng tới.

Tuy nhiên, trái đất vẫn không thay đổi; những đỉnh cao vẫn ở ngoài tầm tay; những thông điệp nhận được - dù trong một sự hiển nhiên sáng ngời chẳng nữa - vẫn khó có thể giải mã, và những luồng ánh sáng nội tâm tắt ngấm: chỉ còn lại trước tấm gương soi một người đàn bà lại đã già thêm một ngày từ ngày hôm trước. Tiếp theo những khoảnh khắc hưng khởi là những giờ phút suy thoái buồn bã. Cơ thể chỉ rõ nhịp điệu ấy vì sự giảm sút về mặt tiết hormone được bù đắp bởi hoạt động cực kỳ mạnh của tuyến yên. Nhưng chỉ đạo hiện tượng giao thoa này, chủ yếu là tình hình tâm lý. Vì sự xáo động, các ảo ảnh và sự hưng khởi chỉ là một sự phòng thủ chống lại sự tất yếu của những gì đã từng xảy ra. Một lần nữa, sự kinh hoàng lại bóp nghẹt người đàn bà mà cuộc đời đã hoàn mãn nhưng chưa được thần chết đón nhận. Thay vì đấu tranh chống thất vọng, họ thường chọn cách tự đầu độc mình. Họ nhắc đi nhắc lại những lý lẽ, những nỗi luyến tiếc, những lời trách móc; họ hình dung về phía xóm giềng, người thân những âm mưu đen tối. Nhưng chủ yếu họ ấp ủ trong lòng một sự ghen tuông bệnh hoạn: ghen với bạn bè, với tư cách chị em gái, với nghề nghiệp của chồng; và dù đúng, dù sai, cho là người tình địch nào đó chịu trách nhiệm

về mọi nổi bật hạnh của mình. Những trường hợp ghen tuông bệnh lý ấy thường xảy ra nhiều hơn cả ở lứa tuổi năm mươi, năm nhăm.

Khi người phụ nữ không chấp nhận sự già nua, thì những khó khăn của thời kỳ mãn kinh có khi kéo dài cho đến tận lúc chết. Nếu không có nguồn nào khác ngoài việc khai thác sức cuốn hút của mình thì họ đấu tranh bằng được để duy trì chúng; họ cũng đấu tranh một cách cuồng nhiệt nếu ham muốn tình dục vẫn sôi động. Trường hợp này không hiếm. Có người hỏi công chúa Metternich⁶² đến tuổi nào thì phụ nữ không còn bị xác thịt quấy rối nữa. Bà đáp: “Tôi không rõ, tuổi tôi mới sáu nhăm.”

Hôn nhân, vốn bao giờ cũng chỉ mang lại cho người phụ nữ “tí chút tươi mát” - theo lời Montaigne⁶³ - trở thành một phương thuốc càng ngày càng bất cập khi họ càng lớn tuổi. Thông thường, họ phải trả giá cho những sự phản kháng, sự lạnh nhạt trong tuổi thanh xuân; và rốt cuộc, khi bắt đầu ném trái những con sốt của dục vọng thì chồng đã quen nhẫn nhục chịu đựng sự lạnh nhạt của họ từ lâu và đã tự thu xếp cho mình rồi.

Đến ngày người phụ nữ chấp nhận chuyện già nua, thì tình hình của họ thay đổi. Cho tới ngày hôm ấy, họ là một phụ nữ còn trẻ, đấu tranh quyết liệt chống một tai họa làm họ xấu xí đi, dị dạng đi một cách bí ẩn. Nay họ trở thành một con người khác, vô tính (asexué) nhưng hoàn mãn một bà già. Có thể xem cuộc khủng hoảng hồi xuân được thanh toán. Nhưng không thể từ đó kết luận từ nay họ sẽ sống dễ dàng hơn. Khi họ thôi không còn đấu tranh chống cái nghiệt ngã của thời gian, thì bắt đầu một cuộc đấu tranh khác: họ cần có một chỗ đứng trên trái đất.

Chính trong mùa thu, trong mùa đông cuộc đời mình, người phụ nữ phá bỏ xiềng xích: họ lấy có tuổi tác để tránh những sai dịch nặng nề; họ biết

⁶² Vợ hoàng thân Metternich, bộ trưởng bộ Ngoại giao Áo (thế kỷ XIX).

⁶³ Nhà văn Pháp thế kỷ XIV

chồng quá rõ nên không dễ bị đe nẹt, lẩn tránh vòng tay chồng và tự thu xếp bên cạnh chồng - trong tình bạn, trong hứng hờ hay ác cảm - cuộc sống riêng của mình. Nếu chồng suy yếu trước, thì họ nắm lấy quyền cai quản việc nhà. Họ cũng có thể cho phép mình bất chấp thiên hạ, bất chấp dư luận; lẩn tránh các nghĩa vụ phù hoa, các chế độ và công việc chăm sóc nhan sắc.

Còn về con cái, thì chúng đã đủ lớn khôn để không còn phải cần đến họ: chúng lấy vợ, lấy chồng và rời khỏi nhà bố mẹ. Thoát khỏi các bồn phận của mình, cuối cùng, họ tìm thấy quyền tự do. Tiếc rằng trong lịch sử mỗi người phụ nữ, vẫn lặp đi lặp lại cái sự kiện người ta đã nhận thấy trong lịch sử phụ nữ: họ phát hiện ra sự tự do ấy vào lúc họ thấy không biết dùng nó để làm gì nữa. Hiện tượng lặp đi lặp lại này không hề có gì là ngẫu nhiên: xã hội gia trưởng đã khoác cho mọi chức năng của phụ nữ gương mặt một sự nô dịch. Phụ nữ chỉ thoát khỏi tình trạng nô lệ trong những lúc mất toàn bộ hiệu lực.

Vào tuổi năm mươi, họ hoàn toàn sung sức, cảm thấy dồi dào kinh nghiệm. Chính vào lứa tuổi này, đàn ông đạt tới những vị trí cao nhất, những chức trách quan trọng nhất; trong lúc phụ nữ thì bị buộc phải “nghỉ hưu”. Trước kia, người ta chỉ bày vẽ cho họ sự tận tụy và giờ đây, không ai còn đòi hỏi ở họ sự tận tụy nữa. Trở thành vô dụng, họ chiêm nghiệm những năm tháng dài đằng đặc không chút hứa hẹn còn lại và lầm bầm: “Không một ai cần tới mình hết!”

Họ không chịu nhẫn nhục ngay tức thì. Đôi khi họ bầu víu vào chồng một cách tuyệt vọng, đòi hỏi chồng phải thiết tha chăm sóc mình hơn bao giờ hết, những cái nếp sáo mòn của cuộc sống vợ chồng đã quá an bài: từ lâu, họ đã biết mình không còn cần thiết đối với chồng. Và họ hy vọng hướng về con cái: đối với chúng, chưa có gì thật ngã ngũ; thế giới, tương lai còn rộng mở trước mắt chúng. Họ muốn ào theo chúng. Người phụ nữ còn

có may mắn sinh đẻ vào một độ tuổi đã lớn thì cảm thấy mình được ưu đãi: mình vẫn còn là một người mẹ trẻ vào lúc những người phụ nữ khác đã trở thành bà nội, bà ngoại. Nhưng nói chung, vào tuổi bốn mươi, năm mươi, người mẹ thấy con cái trưởng thành. Chính vào lúc con cái thoát khỏi mình, người mẹ thiết tha duy trì cuộc sống của mình qua cuộc sống của chúng.

Thái độ người mẹ thay đổi tùy theo họ đặt hy vọng vào đứa con trai hay con gái, và thông thường vào con trai. Nhưng sự đời có thể xảy ra không phải như mình mong ước. Có khi đứa con trai chỉ là một kẻ vô tích sự, một đứa vô lại, một đứa bội bạc. Người mẹ có những quan niệm riêng của mình về người anh hùng phải hiện thân trong đứa con. Mọi người phụ nữ đều muốn sinh sản ra một anh hùng, một thiên tài; nhưng tất cả các bà mẹ của các anh hùng, các thiên tài bắt đầu kêu la là chúng làm tan nát trái tim mình. Muốn biện minh cuộc sống của mình - và của mẹ - người con phải đưa nó tới những cái đích nhất định; và có khi, để đạt tới đích, có thể làm hại sức khoẻ và trái qua những hiểm họa. Bà mẹ không yên lòng: đứa con không có quyền huỷ hoại cái sản phẩm bà đã làm nên trong đau đớn. Bà chỉ muốn rì tai bảo nó: “Con sẽ bị mệt đấy, bị ốm đấy, sẽ gặp tai họa đấy”. Tuy nhiên bà biết chỉ sống không thôi là không đủ, nếu không thì dù có sinh đẻ cũng vô ích. Bà là người bực bội đầu tiên nếu con là một đứa lười biếng, một kẻ hèn nhát. Bà không bao giờ yên lòng. Khi con ra trận, bà mong ước nó sống trở về, nhưng được gắn huân chương. Trong sự nghiệp, bà muốn con “thành đạt”, nhưng lại sợ nó kiệt sức. Bất luận con làm gì, bà cũng luôn luôn chứng kiến một cách bất lực quá trình diễn biến một công việc của chính riêng nó và không do bà điều khiển. Bà sợ con lạc phương hướng, sợ nó không thành công, sợ nó ốm đau trong lúc thành công. Và dù có tin cậy con, thì sự khác biệt về tuổi tác và giới không cho phép thiết lập giữa con trai và bà mẹ một sự đồng loã thực sự. Bà không biết công việc con làm và nó không đòi hỏi một sự cộng tác nào.

Vì vậy, dù có khen ngợi con trai với niềm kiêu hãnh tột cùng chẳng nữa, người mẹ vẫn không mãn nguyện. Để ngày tháng của mình không trống trải, họ cần tiếp tục phát huy ảnh hưởng tốt lành của mình, muốn cảm thấy mình là cần thiết đối với con. Người ta thường miêu tả lòng căm giận của họ đối với người đàn bà xa lạ đến “lấy” mất con của mình. Người mẹ nàng tính chất nhân tạo ngẫu nhiên của sự sinh đẻ lên tầm cao một sự huyền bí thánh thần; không chấp nhận một sự quyết định của con người có thể có sức nặng hơn. Đối với họ, các giá trị là nhất - thành bất biến, chúng bắt nguồn từ thiên nhiên, từ quá khứ; họ không thừa nhận giá trị của một sự đính hôn tự do. Con trai bà chịu ơn bà về cuộc sống; nó chịu ơn gì đối với người đàn bà kia mà mới hôm qua nó chưa hề biết? Chắc vì một thứ bùa ngải gì đó cô ta đã thuyết phục nó về sự tồn tại của một sợi dây quan hệ tới lúc này chưa hề tồn tại. Cô ta là kẻ vô mưu, vụ lợi, nguy hiểm. Người mẹ chờ đợi mưu mô ấy bị phát hiện. Được khích lệ bởi câu chuyện huyền thoại ngày xưa về người mẹ hiền với đôi bàn tay dịu dàng băng bó những vết thương do người đàn bà độc ác gây nên; rình rập trên gương mặt con trai những dấu hiệu của tai họa; phát hiện ra chúng, dù con trai phủ nhận chúng; thương hại con trong lúc nó chẳng có gì để phàn nàn hết. Bà mẹ dò xét phê phán nàng dâu, và dù nàng có đôi mối thế nào đi chẳng nữa, bà vẫn gọi lại quá khứ và tập tục để phản đối sự có mặt của kẻ “không mời mà đến”. Mỗi người hiểu theo cách của mình hạnh phúc của chồng con mình. Cô vợ thì muốn chồng là người đàn ông để qua chồng, thống trị thế giới, bà mẹ thì tìm cách giữ con để đưa nó trở về tuổi ấu thơ. Trong lúc cô vợ mong chờ chồng trở nên giàu có hay có vị trí quan trọng, thì bà mẹ muốn bản chất của con vẫn bất di bất dịch: nó vẫn mỏng manh, nó không được làm việc quá sức.

Sự xung đột giữa quá khứ và tương lai trở nên gay gắt khi đến lượt mình, nàng dâu mang thai: “Sự ra đời của những đứa con là cái chết của bố mẹ”, chân lý này, lúc đó, có sức mạnh khủng khiếp: người mẹ vốn hy vọng duy

trì cuộc sống của mình qua người con trai, giờ đây hiểu là nó quyết định cái chết của mình. Bà đã mang lại cuộc sống; nhưng giờ đây, cuộc sống sẽ tiếp diễn trong lúc không có bà; bà không còn là người Mẹ nữa; mà chỉ còn là một mắt xích. Bà rơi từ bầu trời những thần tượng vĩnh cửu và chỉ còn là một cá thể hữu hạn, vô dụng. Lúc đó, trong những trường hợp bệnh lý, mỗi hận thù phát triển tới mức kéo theo hiện tượng rối loạn tâm thần hoặc đẩy tới tội phạm. Chính bà Lefevbre quyết định sát hại nàng dâu khi được tin nàng mang thai và sau khi ghét bỏ nàng một thời gian dài:

Tháng tám 1925, một phụ nữ tư sản ở phía Bắc, bà Lefevbre, sáu mươi tuổi, đang sống với chồng và các con, đã giết chết cô dâu mang thai ở tháng thứ sáu, trong một chuyến du lịch bằng ô tô do con trai bà lái. Bị án tử hình, và sau đó được ân xá, bà ta đã sống những năm tháng cuối đời trong một trại cải tạo, không một chút ân hận. Bà ta nghĩ mình Chúa đồng tình khi giết chết con dâu “như người ta nhổ cỏ dại, tiêu diệt hạt giống xấu, như người ta giết chết một con thú rừng”. Bà ta chỉ đưa ra một lý do duy nhất của hành vi man rợ của mình là người thiếu phụ một hôm nói với bà: “Bây giờ, mẹ đã có con, vậy mẹ phải tính đến chuyện đó”. Khi nghĩ là con dâu mang thai, bà ta mua một khẩu súng ngắn, với lý do tự vệ chống trộm cướp. Sau khi đã mãn kinh, bà ta bầu vú một cách tuyệt vọng vào khả năng sinh nở của mình, trong mười hai năm, bà ta cảm thấy những sự khó chịu gắn liền với một cái bào thai tưởng tượng.

Còn đối với con gái lớn của mình thì thái độ bà mẹ rất khác nhau tuy theo bà cho quá trình phát triển của con, báo hiệu một sự đổ vỡ hay một sự hồi sinh.

Người mẹ già, người bà thường dồn nén ham muốn thống trị, che giấu thù hận; hài lòng với những gì con cái dành cho mình. Nhưng họ chẳng thấy được con cái giúp đỡ bao nhiêu. Họ chẳng biết làm gì trước “cảnh sa mạc” của tương lai, và là con mồ của cô đơn, luyện tiếc, buồn phiền.

Chúng ta dễ bắt gặp tấn bi kịch thảm thiết của người phụ nữ có tuổi: họ biết mình là người vô ích. Suốt đời, họ thường phải giải quyết vấn đề: Làm thế nào để giết thời gian? Nhưng một khi con cái đã được nuôi dạy, chồng đã thành đạt, thì ngày tháng không ngừng kéo dài lê thê. Các “công trình của các bà” được đặt ra để đánh lừa sự nhàn rỗi ấy. Những đôi bàn tay thêu, đan, đục đẽo, nhưng đó không phải là một công việc thực sự vì đồ vật làm ra không phải là mục đích nhằm tới; nó không hề có gì quan trọng, và thông thường, dùng nó làm gì là một vấn đề: người ta “tống khứ” nó bằng cách biếu bè bạn, một tổ chức từ thiện, hay chắt đóng lên lò sưởi, lên tràng kỷ. Đó không phải là một trò chơi đưa tới niềm vui đơn thuần của sự tồn tại; mà là một trò giải trí phi lý như Pascal⁶⁴ từng miêu tả. Với cây kim hay chiếc móc, người phụ nữ buồn bã thêu dệt chính cái hư vô của ngày tháng của mình. Hội họa, âm nhạc, đọc sách cũng hoàn toàn có vai trò như thế. Người phụ nữ rỗi rãi, trong khi làm những công việc ấy, không tìm cách mở rộng sự hiểu biết của mình đối với thế giới, mà chỉ tìm cách giải sầu. Khi không mở ra tương lai, thì hoạt động của người ta chỉ rơi vào cái vô bổ của sự nội tại. Người phụ nữ rỗi rãi bắt đầu mở một cuốn sách, vút nó xuống, mở piano, đóng nó lại, trở lại thêu đan, ngáp dài và rồi cuộc quay điện thoại. Quả là họ tìm cứu cánh, chủ yếu trong cuộc sống phù hoa: họ đi thăm phố, thăm viếng và hết sức coi trọng những buổi đón tiếp của mình; tham dự mọi cuộc hôn nhân, mọi buổi mai táng. Không còn cuộc sống riêng cho mình nữa, họ sống bằng những sự hiện diện của người khác. Từ chỗ là người làm duyên làm dáng, họ trở thành kẻ lăm điếu: họ quan sát, bình luận; bù đắp cánh vô công rỗi nghề của mình bằng cách phân phát xung quanh mình những lời phê phán và những lời khuyên răn.

Họ dùng kinh nghiệm của mình phục vụ tất cả những người không có yêu cầu. Nếu có phương tiện, họ mở salon, hy vọng hoạt động và thu được

⁶⁴ Nhà bác học, nhà tư tưởng và nhà văn Pháp (thế kỷ XVII)

những thành tựu xa lạ. Trở thành một trung tâm thu hút, một ngã tư đường, tạo nên một “bầu không khí”, cũng đã là một cách hành động. Có những cách can thiệp trực tiếp hơn vào dòng đời. Ở Pháp, có những “công trình” và vài bốn “hội”. Nhưng chủ yếu ở Mỹ, phụ nữ cùng nhau tập hợp lại trong các câu lạc bộ để chơi bài bridge, phát giải thưởng văn học và suy ngẫm về tiến bộ xã hội. Đặc điểm của phần lớn các tổ chức này ở cả hai lục địa Âu, Mỹ là ở lý do tồn tại tự thân của chúng: những mục đích chúng cho là mình theo đuổi chỉ là cái có. Tình hình xảy ra hoàn toàn giống như trong bài ngụ ngôn *Vũ khí trong thành phố của Kafka*⁶⁵: Không một ai nghĩ tới chuyện xây tháp Babel⁶⁶. Xung quanh vị trí lý tưởng của nó, người ta xây dựng một khu dân cư mênh mông ngôn hết sức lực của mình trong việc tự quản lý, phát triển, và giải quyết mâu thuẫn nội bộ. Các bà hoạt động từ thiện dùng hầu hết thì giờ để tổ chức cơ quan của mình, cử ra văn phòng, thảo luận qui chế, bàn cãi với nhau và đấu tranh về ảnh hưởng với tổ chức đối địch: người ta không được “lấy trộm” những người nghèo khổ của họ, bệnh nhân của họ, những người bị thương của họ, những trẻ mồ côi của họ. Họ thà để cho những người đó chết, chứ không nhường cho những người hàng xóm. Và họ không hề mong muốn một chế độ làm cho sự tận tụy trở nên vô ích bằng cách loại trừ bất công và lạm dụng. Họ cảm tạ chiến tranh, đói kém biến họ thành ân nhân của nhân loại. Rõ ràng đối với họ, những chiếc mũ bịt tai, những kiện hàng không phải để dành cho binh lính, cho những người đói khát, mà chính binh lính, những người đói khát được sinh ra để nhận những thứ hàng đan và những kiện hàng.

Mặc dù vậy, một số tổ chức này thu được những kết quả tích cực. Ở Mỹ, các “Mom”⁶⁷ được trọng vọng, có ảnh hưởng rất lớn: lý do là cuộc sống ký sinh tạo cho họ nhiều thời gian rỗi rãi, và do vậy, đó là một ảnh hưởng tai

⁶⁵ Franz Kafka (1883 - 1924) nhà văn hiện đại người Czech gốc Do Thái, sáng tác bằng tiếng Đức.

⁶⁶ Ngọn tháp Noe định xây lên tận trời để tránh nạn hồng thủy, nhưng Thượng đế bắt những người xây tháp nói các ngôn ngữ khác nhau, không thể hiểu nhau nên thất bại (theo Kinh thánh).

⁶⁷ Tiếng lóng Mỹ: Nạ dòng tuổi còn xuân. Kiểu như Mẹ đơn thân - Single Mom.

hại. “Không hề biết gì về y học, nghệ thuật, khoa học, tôn giáo, luật pháp, sức khoẻ, vệ sinh...- một nhà văn Mỹ viết về bà “Mom” Mỹ - họ ít khi quan tâm tới việc mình làm với tư cách thành viên của một trong vô số những tổ chức ấy: chỉ cần nó là một cái gì đó là đủ với họ. Nỗ lực của họ không nằm trong một kế hoạch nhất quán và có tính xây dựng, không nhằm những mục tiêu khách quan, mà chỉ muốn thể hiện sôt thích, thiên khiến, hay phục vụ lợi ích của họ.

Trong địa hạt văn hoá chẳng hạn, họ giữ một vai trò quan trọng: họ ngôn nhiều sách nhất; nhưng họ đọc sách như người ta chơi bài. Văn học chỉ có ý nghĩa và giá trị khi nó đến với những người dẫn mình vào những dự định, khi giúp họ vươn tới những chân trời rộng mở hơn; văn học phải hoà nhập vào hành động siêu nghiệm của con người, chứ không phải để cho người ta hạ thấp sách và tác phẩm nghệ thuật, bằng cách nhấn chìm chúng vào trong sự nội tại của mình; biến bức tranh thành một đồ trang trí, bản nhạc thành một thứ điệp khúc đơn điệu, cuốn tiểu thuyết thành một con mòng mị vô bổ.

Không chuyên về chính trị, về kinh tế cũng như về mọi ngành kỹ thuật, các vị phu nhân già không có một ảnh hưởng cụ thể nào đối với xã hội, không thể thiết lập một chương trình có tính chất xây dựng nào. Đạo lý của họ trừu tượng và hình thức chẳng khác nào những yêu cầu của Kant⁶⁸. Họ tuyên bố những điều cấm kỵ thay vì tìm cách phát hiện những con đường của tiến bộ xã hội; không lo tạo ra một cách tích cực những tình thế mới: họ tấn công những cái đã có, nhằm loại trừ cái xấu trong đó; do vậy luôn luôn liên kết với nhau chống lại một cái gì đó: chống uống rượu, chống mại dâm và dâm thu. Họ không hiểu rằng một nỗ lực chỉ đơn thuần phủ định thì ắt phải thất bại, như đã được chứng minh trong việc cấm rượu ở Mỹ, hay việc thi hành đạo luật chống mại dâm ở Pháp. Chừng nào vẫn là một vật ký

⁶⁸ Imanuel Kant (1724 - 1804) triết gia Đức thời kỳ cận đại.

sinh, thì chừng ấy phụ nữ không thể tham gia một cách có hiệu quả công cuộc xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn.

Dẫu sao, một số phụ nữ trở thành những người hành động thực sự trong lúc hoàn toàn dấn thân vào một sự nghiệp. Họ không chỉ tìm cách làm việc, mà là nhằm những mục đích nhất định: là những nhà sản xuất độc lập, họ thoát ra khỏi phạm trù ký sinh chúng ta vừa nói tới; nhưng hiện tượng ấy ít xảy tới.

Trong hoạt động tư nhân hay công khai, phần lớn phụ nữ không nhằm một kết quả cần đạt tới, mà là tìm một cách để làm việc. Nhưng mọi công việc đều vô bổ khi nó chỉ là một thứ tiêu phí thời gian. Nhiều người trong số họ đau khổ về tình hình ấy. Tuy đã có phía sau mình một cuộc đời trọn vẹn, họ vẫn trải qua nỗi hoang mang như của những cô gái mà cuộc đời chưa rộng mở ra trước mắt. Không có gì khích lệ họ; xung quanh họ, là bãi sa mạc. Trước mọi hành động, họ lẩm bẫm: Để làm gì? Còn các chàng trai, dù muốn dù không, cũng bị cuốn vào một cuộc sống đàn ông vốn gọi ra cho mình những trách nhiệm, những mục đích, những giá trị; họ bị ném vào xã hội, họ quyết định và dấn thân.

Nếu người ta gợi ý làm lại hành trang để bước tới tương lai, người phụ nữ có tuổi sẽ buồn bã đáp: Muộn quá rồi! Như vậy không phải vì từ nay, thời gian đối với họ quá eo hẹp: phụ nữ được nghỉ hưu rất sớm; nhưng họ thiếu hăng hái, niềm tin, hy vọng, và sự giận dữ có thể cho phép họ phát hiện xung quanh mình những mục đích mới. Họ ẩn mình trong sự cố hủ vốn là thói quen của họ; biến sự lặp đi lặp lại thành một hệ thống; đắm mình vào những thói quen nội trợ kỳ cục; ngày càng dấn sâu vào cảnh sùng đạo; kiêu hãnh trong chủ nghĩa khắc kỷ tựa bà de Charrière; và trở nên khô cứng, thờ ơ, ích kỷ.

Thông thường, người phụ nữ có tuổi tìm thấy sự tĩnh lặng vào lúc hoàn toàn cuối đời, khi được cái chết, sắp tới gần, giải thoát khỏi nỗi kinh hoàng đối với tương lai. Ông chồng thường già hơn họ, họ chứng kiến sự sa sút của chồng với một sự hài lòng kín đáo: đó là cách trả thù. Nếu chồng chết trước, họ chịu nỗi đau tang tóc ấy một cách nhẹ nhàng. Người ta từng nhận thấy đàn ông chịu đau khổ hơn nhiều vì một cảnh goá bụa muộn màng: họ hưởng được nhiều lợi của hôn nhân hơn phụ nữ, nhất là trong những năm tháng già nua, vì lúc ấy, vũ trụ tập trung trong giới hạn của gia đình; những giờ phút hiện tại không còn vươn tới tương lai nữa: chính phụ nữ đảm bảo nhịp độ đơn điệu của những giờ phút ấy và ngự trị chúng. Khi không còn những chức năng ngoài xã hội nữa, thì đàn ông trở nên hoàn toàn vô ích, trong lúc ít nhất, phụ nữ vẫn giữ công việc quản lý gia đình, và cần thiết đối với chồng. Họ kiêu hãnh về hoàn cảnh độc lập của mình và rút cuộc nhìn thế giới với chính đôi mắt của mình, nhận ra là suốt đời, mình đã bị lừa gạt, phỉnh nịnh.

Đặc biệt, người phụ nữ nào đã “từng sống” thì có một sự hiểu biết về đàn ông mà không đàn ông nào có được: vì họ đã thấy, không phải gương mặt công khai của đàn ông, mà là một cá thể ngẫu nhiên ai nấy trong bọn họ đều không che giấu trong lúc vắng mặt đồng loại của mình. Họ cũng hiểu biết về những người đàn bà khác vốn chỉ xuất hiện trong tính bột phát của mình trước mặt những người đàn bà khác: họ biết mặt trái của cái bề ngoài. Nhưng nếu kinh nghiệm cho phép họ tố cáo những sự phỉnh nịnh và lừa dối, thì trái lại, kinh nghiệm ấy vẫn không đủ để phát hiện chân lý cho họ. Dù ngọt lành hay chua chát, kinh nghiệm của người đàn bà già vẫn hoàn toàn mang tính tiêu cực: nó là phản kháng, tố cáo, khước từ, là vô bổ. Trong tư tưởng cũng như trong hành động, hình thức tự do cao nhất của người phụ nữ - ký sinh, là sự thách thức mang tính chất khắc kỷ hay sự hài hước với tính chất hoài nghi. Vào mọi lứa tuổi đời, họ đều không thể vừa có ích vừa độc lập.

Chương V : VỊ THẾ VÀ TÍNH CÁCH PHỤ NỮ

Đến đây, chúng ta đã có thể hiểu vì sao từ cổ Hy Lạp cho tới nay, trong những lời chỉ trích phụ nữ, có rất nhiều nét chung. Cuộc sống của họ vẫn y nguyên qua những sự thay đổi hời hợt, và chính cuộc sống ấy xác định cái mà người ta gọi là “tính cách” phụ nữ: họ “ngụp lặn trong sự nội tại”, có đầu óc phản kháng, khôn ngoan và ti tiện, không có ý thức về chân lý, về sự đúng đắn, thiếu đạo lý, thực dụng một cách thấp kém, dối trá, đong kích, vụ lợi... Trong tất cả những sự khẳng định ấy, có một phần chân lý.

Tuy nhiên, những hành vi bị người ta tố cáo đối với phụ nữ không bắt nguồn từ hormone của họ và cũng không phải có sẵn trong các ngăn của bộ óc họ: chúng đều do vị trí của họ gây nên. Trong viễn cảnh ấy, chúng tôi cố gắng có một cái nhìn tổng hợp đối với vị trí này, do vậy, buộc phải nhắc lại một đôi điều cho phép hiểu được cái “chất nữ tính vĩnh hằng” trong toàn bộ hoàn cảnh kinh tế, xã hội, lịch sử của họ.

Đôi khi người ta đem “thế giới đàn bà” đối lập với vũ trụ đàn ông, nhưng một lần nữa, cần nhấn mạnh rằng phụ nữ chưa bao giờ tạo nên một xã hội độc lập và khép kín. Họ bị hoà nhập vào cái tập thể do nam giới chỉ đạo và trong đó họ chỉ có một vị trí phụ thuộc. Họ chỉ được gắn bó với nhau bằng một sự đoàn kết cơ học với tư cách đồng loại: giữa họ với nhau, không có một sợi dây đoàn kết hữu cơ vốn là cơ sở của mọi cộng đồng thống nhất. Từ thời cổ Hy Lạp cho tới ngày nay, trong các câu lạc bộ, các salon, họ luôn luôn cố gắng liên minh với nhau để lập nên một “phản - vũ trụ”, nhưng vẫn đặt nó trong lòng vũ trụ nam giới. Và từ đó xuất hiện cái nghịch lý về vị trí của họ: họ vừa thuộc về thế giới đàn ông vừa ở trong phạm vi trong đó thế giới này bị phủ nhận. Bị nhốt chặt trong phạm vi này, bị bao vây bởi thế giới kia, họ không thể sinh sống ở đâu một cách yên ổn cả. Thái độ ngoan ngoãn của họ bao giờ cũng kèm theo một sự chối từ; sự chối từ của họ luôn luôn kèm theo một sự chấp thuận. Thái độ của họ

tương tự thái độ của cô thiếu nữ, nhưng khó lý giải hơn vì vấn đề đối với người phụ nữ đã trưởng thành, không còn là vấn đề ước mơ cuộc đời qua những biểu tượng, mà là sống cuộc đời ấy. Bản thân phụ nữ cũng thừa nhận vũ trụ nói chung là vũ trụ của nam giới; chính đàn ông đã tạo lập, quản lý nó và ngày nay vẫn thống trị nó; còn về phần mình, phụ nữ không cho là mình có trách nhiệm, và thừa nhận mình thấp kém, phụ thuộc. Họ chưa học những bài học bạo lực, chưa bao giờ xuất hiện như một chủ thể trước mặt những thành viên khác của tập thể. Bị nhốt chặt trong thể xác mình, trong ngôi nhà mình, họ tự hiểu mình với tư cách thụ động trước “những vị thần mặt người” vốn xác định mọi mục đích và giá trị. Với ý nghĩa ấy, có một phần chân lý trong cái khẩu hiệu buộc họ phải là “một bé gái vĩnh viễn”.

Về những người công nhân, người nô lệ Da đen, người dân bản địa ở các nước thuộc địa, người ta cũng nói họ là “những đứa trẻ lớn” chừng nào người ta chưa sợ họ. Như thế có nghĩa là họ phải chấp nhận - không bàn cãi - những chân lý và luật lệ do những người đàn ông khác đặt ra cho họ.

Thân phận của phụ nữ là vâng lời và tôn trọng. Họ không có ảnh hưởng, dù chỉ trong tư tưởng, đối với cái hiện thực bao vây mình. Trước mắt họ là một sự hiện diện mờ đục. Thật vậy, họ chưa học những kỹ thuật cho phép mình thống trị vật chất; họ tiếp xúc, không phải với vật chất, mà là với cuộc sống, và cuộc sống thì không để cho công cụ thống trị; người ta chỉ có thể chịu tác động của những qui luật bí ẩn của nó. Đối với phụ nữ, thế giới không phải là một “tập hợp công cụ” trung gian giữa ý chí và mục đích của họ - như Heidegger xác định-: trái lại, nó là một sức phản kháng ngoan cố, bất khả chiến thắng; nó bị định mệnh thống trị và trải qua những biến cố bí ẩn. Cái bọc máu trong bụng bà mẹ biến thành một sinh linh, không một ngành toán học nào có thể lập thành phương trình, không một máy móc nào có thể thúc đẩy cho nó nhanh lên hay làm cho nó chậm lại. Bà cảm

nhận sự chống trả của thời hạn mà những dụng cụ tinh xảo nhất cũng không thể chia nhỏ ra hay nhân nhiều lên. Bà cảm nhận nó trong thịt da mình trong sự phụ thuộc vào nhịp điệu của mặt trăng, do năm tháng lúc đầu làm cho phát triển rồi về sau phá hủy.

Hàng ngày, công việc nhà bếp cũng dạy cho họ lòng kiên nhẫn và sự thụ động; nó là một thứ luyện đan (alchimie): phải tuân theo lửa, nước, phải “chờ cho đường tan chảy”, cho bột nở, và cũng cho quần áo khô, cho trái cây chín. Công việc nội trợ tương tự một hoạt động kỳ thuật; nhưng chúng không quá thô sơ, quá đơn điệu nên không thể thuyết phục phụ nữ về qui luật nhân quả cơ học. Và lại, ngay cả trong địa hạt này, sự vật cũng có những biểu hiện thất thường của chúng... Tâm lý phụ nữ lưu truyền tâm lý của những nền văn minh nông nghiệp vốn sùng bái những khả năng ma thuật của đất. Họ cảm thấy quanh mình những sóng, bức xạ, chất lỏng; họ tin vào cách cảm (télépathie), thuật chiêm tinh, khả năng cảm quan (radiesthésie), thông thần học (théosophie), họ tin thầy bói, thầy lang; họ dựa vào tôn giáo những sự mê tín nguyên thủy; cho các vị thánh là hiện thân của những thần linh cổ xưa của thiên nhiên: vị thánh này bảo vệ du khách; vị thánh kia che chở sản phụ; còn vị thánh nọ thì tìm thấy những đồ vật bị biến mất; và dĩ nhiên không một điều dị thường nào làm họ kinh ngạc. Thái độ của họ là thái độ khẩn nguyện và cầu xin; muốn đạt tới một kết quả nào đó, họ sẽ tuân theo một số nghi thức nhất định. Người ta dễ hiểu vì sao họ thụ cự. Đối với họ, thời gian không có gì mới, không phải là một cội nguồn sáng tạo. Vì công việc của họ là sự lặp đi lặp lại nên họ cho tương lai chỉ là một bản sao của quá khứ; chu kỳ mỗi lần thai nghén tuân theo nhịp độ của tháng, của mùa; mỗi chu kỳ sinh nở lại lặp lại y nguyên chu kỳ trước đó. Trong động tác vòng tròn ấy, quá trình biến đổi của thời gian là một sự xuống cấp tiệm tiến; nó phá hủy đồ đạc và quần áo cũng như nó tàn phá gương mặt; những lực lượng sáng tạo dần dà bị ngày

tháng tiêu huỷ. Bởi vậy phụ nữ không tin vào thứ sức mạnh chỉ một mực tàn phá ấy.

Chẳng những họ không biết thế nào là một hành động đích thực, có khả năng làm thay đổi bộ mặt thế giới, mà còn bị lạc lõng giữa thế giới ấy như trong lòng một tinh vân mù mịt. Họ ít biết sử dụng thứ logic của nam giới. Stendhal cho rằng họ sử dụng nó cũng khéo léo như đàn ông nếu nhu cầu thúc bách họ. Nhưng nó là một công cụ họ không hề có cơ hội sử dụng. Không thể dùng một tam đoạn luận để làm một món nước xốt cũng như để dỗ một đứa trẻ nín khóc. Lý lẽ của đàn ông không thích hợp với hiện thực mà họ đã từng có kinh nghiệm. Và trong vương quốc đàn ông, vì họ không làm gì hết, nên tư tưởng của họ không biến thành một dự định nào hết và . không phân biệt với giấc mơ. Họ không có ý thức về chân lý, vì bất lực; họ bao giờ cũng chỉ đấu tranh với các hình ảnh và từ ngữ: vì vậy, họ dễ dàng chấp nhận những sự khẳng định hết sức trái ngược nhau; ít quan tâm làm sáng tỏ những điều bí ẩn của một lĩnh vực dẫu sao cũng ở ngoài tầm với của họ, và bằng lòng với nhận thức mơ hồ một cách kinh khủng; họ lẫn lộn các đảng phái, các quan niệm, các nơi chốn, người, việc; trong đầu óc họ là một mớ hỗn độn.

Nhưng xét cho cùng, trách nhiệm của họ không phải là làm cho mọi việc sáng tỏ, rạch ròi: người ta từng dạy họ chấp nhận quyền uy của nam giới; vì vậy, họ từ chối việc phê phán, xem xét và đánh giá theo ý riêng mình. Họ phó mặc đẳng cấp bên trên. Vì vậy, trước mắt họ, thế giới đàn ông là một hiện thực siêu nghiệm, một cái tuyệt đối. “Đàn ông làm ra các vị thần thánh - Frazer từng nói - và đàn bà thờ phụng những vị thánh ấy.” Đàn ông không thể quỳ xuống với một niềm tin tưởng hoàn toàn trước những thần tượng do họ nặn ra; nhưng khi gặp những pho tượng lớn ấy trên đường, phụ nữ không nghĩ là cô một bàn tay nào đã nặn ra tượng, và họ quỳ xuống lạy một cách thành kính.

Đặc biệt, họ muốn trật tự, luật pháp hiện thân ở một vị thủ lĩnh. Ở mọi thiên đình, đều có một vị thần chúa tể. Chất nam tính tinh túy phải được tập trung ở một hình mẫu mà người cha, người chồng, người yêu chỉ là nét phản ánh không vững chãi. Cho rằng việc thờ phụng của họ đối với bái vật (totem) mang tính chất giới tính, là có phần hài hước. Sự thật là đứng trước bái vật này, họ thỏa mãn đầy đủ giấc mơ phục tùng từ thừa ấu thơ.

Ở Pháp, phụ nữ bao giờ cũng đứng về phía các vị tướng: Boulanger, Pétain, de Gaulle:

“Trên đường đi của tướng de Gaulle, công chúng chủ yếu bao gồm trẻ em và phụ nữ” (Tin tức về chuyến công du tháng chín 1948 ở Sayoie của de Gaulle).

Đàn ông hoan hô bài diễn văn của tướng de Gaulle, nhưng phụ nữ càng tỏ rõ nhiệt tình. Một số người như ngây ngất, hầu như nuốt từng lời, từng chữ, hoan hô, la hét một cách say sưa tới mức mặt đỏ gay gắt tựa hoa mào gà” (Tin tức ngày 11 tháng tư 1947).

Người ta cũng còn nhớ các nữ phóng viên tờ Nhân đạo đã say sưa ca ngợi ra sao Tito và bộ quân phục đẹp đẽ của ông. Phụ nữ tôn kính các vị anh hùng và luật lệ của thế giới đàn ông, chính vì sự bất lực và dốt nát của mình. Họ thừa nhận những thứ đó, không phải qua một sự phán đoán, suy xét, mà do một sự thừa nhận tín ngưỡng: sức mạnh cường tín của tín ngưỡng là ở chỗ nó không phải là một tri thức: nó là mù quáng, đam mê, ngoan cố, ngu ngốc; những cái nó đặt ra đều vô kiện, chống lại lý trí, chống lại lịch sử, chống lại mọi lời thanh minh. Lòng bái phục cố chấp ấy có hai gương mặt tùy theo trường hợp: phụ nữ say sưa bám chặt, khi thì vào nội dung luật lệ, khi thì vào hình thức trống rỗng của nó. Nếu họ ở trong tầng lớp thượng lưu có đặc quyền, thì họ muốn trật tự xã hội có lợi cho mình, trở nên bất di bất dịch, và họ thể hiện rõ thái độ cố chấp của mình.

Đàn ông biết mình có thể xây dựng lại những thể chế khác, một đạo đức học khác, một luật lệ khác. Hiểu biết với tư cách siêu nghiệm, họ cũng hình dung lịch sử như một quá trình chuyển biến. Người đàn ông bảo thủ nhất cũng hiểu rằng một sự chuyển biến nào đó là không thể tránh khỏi, và cần thích ứng hanh động và tư tưởng mình với sự chuyển biến ấy. Còn phụ nữ thì không hiểu những yêu cầu của lịch sử vì không tham gia lịch sử. Họ ngò vực tương lai và muốn ngăn chặn thời gian.

Nếu người ta hạ bệ những thần tượng do những người cha, người anh, người chồng họ dựng lên, thì họ không linh cảm một cung cách nào để lập lại thiên đường; họ khẳng khái bảo vệ những thần tượng ấy. Trong chiến tranh Bắc-Nam ở Mỹ, trong số những người thuộc phái phương Nam (sudiste), không ai say sưa bênh vực chế độ nô lệ hơn phụ nữ. Ở Anh, trong thời kỳ chiến tranh của người Boer⁶⁹; ở Pháp, trong cuộc đấu tranh chống Công xã, phụ nữ là những người cuồng nhiệt nhất. Họ tìm cách bù đắp hoàn cảnh không hoạt động của mình bằng sự sôi động của tình cảm. Trong trường hợp thắng lợi, họ xông vào kẻ thù bại trận tựa hổ báo. Trong trường hợp thất bại, họ khẳng khái cự tuyệt mọi sự hoà giải. Vì quan niệm của họ chỉ là những thái độ, nên dù có bảo vệ những quyền lợi lỗi thời nhất, họ cũng chẳng quan tâm: họ có thể ủng hộ dòng vua chính thống năm 1914, ủng hộ Sa hoàng năm 1949. Đôi khi đàn ông vừa khuyến khích họ vừa cười nụ: vì thích thú khi thấy những quan niệm mình bày tỏ một cách thận trọng, được phản ánh dưới những hình thức cuồng tín. Nhưng đôi khi đàn ông cũng bực mình trước vẻ ngốc nghếch và ngoan cố của chính những tư tưởng của bản thân mình.

Thông thường, phụ nữ tin một cách mù quáng nên họ tôn trọng pháp luật chỉ vì đó là pháp luật; dù có thay đổi, luật pháp vẫn giữ nguyên quyền lực của nó. Đối với phụ nữ, sức mạnh tạo nên quyền lực, vì những thứ

⁶⁹ Người gốc Hà Lan ở Nam Phi trước kia.

quyền lực họ thừa nhận đối với đàn ông đều bắt nguồn từ thứ sức mạnh của nam giới. Vì vậy, mỗi khi tập thể tan rã, phụ nữ là người đầu tiên quỳ gối trước kẻ chiến thắng. Nói chung, họ chấp nhận những gì tồn tại. Một trong những đặc điểm của họ, là sự nhẫn nhục. Khi khai quật các di hài ở Pompéi⁷⁰, người ta nhận thấy đàn ông đứng lạng trong tư thế phản kháng, thách thức trời hay tìm cách chạy trốn, còn phụ nữ thì cúi gập đôi người lại và cúi mặt xuống đất. Họ tự biết mình bất lực trước sự vật: núi lửa, cảnh sát, giới chủ, đàn ông. “Đàn bà sinh ra là để chịu đau khổ - họ đĩnh ninh như vậy -. Đòi là thế...không thể làm gì được hết!”

Sự nhẫn nhục ấy làm nảy sinh lòng kiên nhẫn mà người ta thường khâm phục ở phụ nữ. Họ chịu đựng nỗi đau vật chất tốt hơn nam giới; có thể dũng cảm một cách khắc kỷ khi tình thế đòi hỏi. Thay thế cho sự táo bạo có tính chất tấn công của nam giới, nhiều phụ nữ tỏ rõ một thái độ kiên trì bình tĩnh trong một sự phản kháng thụ động. Họ đối phó với những cuộc khủng hoảng, với cảnh khốn cùng và tai họa kiên quyết hơn chồng. Tôn trọng thời hạn mà người ta không thể chiến thắng một cách vội vã, họ không tính thời gian. Ương ngạnh một cách bình tĩnh trong một số công việc, đôi khi họ thành công một cách rực rỡ. Một câu tục ngữ có nêu “Những gì phụ nữ muốn...”

Ở người phụ nữ nhân hậu, sự nhẫn nhục trở thành sự khoan dung: họ chấp nhận hết thảy, không lên án một ai vì cho rằng người và vật như thế nào thì thể hiện ra như thế ấy, không thể khác được. Một phụ nữ kiêu hãnh có thể biến nhẫn nhục thành một đức tính oai nghiêm như bà de Charrière cứng rắn trong chủ nghĩa khắc kỷ của mình. Nhưng kiên nhẫn cũng làm nảy sinh một thứ thái độ thận trọng vô bờ; phụ nữ luôn luôn tìm cách gìn giữ, vá vúi, thu xếp hơn là phá huỷ và xây mới; thích thỏa hiệp và thương lượng hơn cách mạng.

⁷⁰ Một thành phố ở Italia bị phá huỷ do động đất trong thế kỷ I.

Ở thế kỷ XIX, họ đã từng là một trong những trở lực lớn nhất đối với nỗ lực giải phóng của công nhân. Trong lúc có một Flora Tristan⁷¹, một Louise Michel⁷² thì có biết bao bà nội trợ khiếm hái năn nỉ chồng đừng mạo hiểm gì hết! Họ không chỉ sợ hãi đình công, thất nghiệp, nghèo khổ, mà còn sợ nổi dậy là sai lầm. Chịu đựng để chịu đựng, họ thích sáo mòn hơn là phiêu lưu: họ tạo lập cho mình một chút hạnh phúc nhỏ nhoi ở nhà dễ dàng hơn là trên đường. Số phận của họ hoà lẫn làm một với số phận những thứ có thể hư hỏng: nếu mất những thứ đó, họ có thể mất tất cả. Chỉ có một chủ thể tự do, tự khẳng định mình bằng cách vượt qua thời gian, là có thể chống lại mọi sự đổ nát; nhưng phương sách tối hậu ấy bị người ta cấm đoán đối với phụ nữ. Phụ nữ không tin vào một sự giải phóng, chủ yếu vì chưa bao giờ họ cảm nhận được quyền lực của tự do: đối với họ, thế giới như bị chỉ đạo bởi một số phận nghiệt ngã mà chống lại nó là một hành động huênh hoang. Những con đường nguy hiểm mà người ta buộc họ phải đi theo ấy, thậm chí họ chưa hề bước chân tới: vì vậy, không hăng hái xông vào những con đường ấy là chuyện bình thường. Khi người ta mở tương lai ra cho họ, thì họ không còn bám vào quá khứ nữa. Khi người ta kêu gọi họ hành động một cách cụ thể, khi họ tự nhận ra mình trong những mục đích được giao phó, họ cũng táo bạo và dũng cảm chẳng kém đàn ông. Thái độ của phụ nữ trong giai cấp vô sản, chẳng hạn, đã thay đổi sâu xa từ một thế kỷ nay. Đặc biệt trong những cuộc đình công gần đây ở vùng mỏ phía Bắc, họ đã tỏ ra say mê và cương nghị như đàn ông, biểu tình và đấu tranh bên cạnh nam giới.

Người ta chê trách họ có nhiều thiếu sót: kém coi, nhỏ nhen, rụt rè, ti tiện, lười nhác, phù phiếm, nô lệ...chẳng qua là vì đường chân trời của họ bị ngăn chặn. Sự thật là khi dấn thân vào một công việc xứng đáng với một

⁷¹ Nữ chính trị gia Pháp (thế kỷ XIX), một trong những người đề xướng nữ quyền, đấu tranh cho ly hôn và tình yêu tự do.

⁷² Nhà nữ cách mạng vô chính phủ Pháp (thế kỷ XX).

con người, phụ nữ cũng tỏ ra tích cực, trầm tĩnh, có hiệu quả, và nghiêm ngặt chẳng khác đàn ông. Người ta lên án họ hèn hạ, sẵn sàng nằm dưới chân chủ và hôn bàn tay vừa đánh mình. Quá là nói chung, họ thiếu một lòng kiêu hãnh đích thực. Nhưng không có chỗ dựa của nam giới thì phụ nữ có thể làm gì trong lúc đàn ông vừa là phương tiện duy nhất vừa là lý do duy nhất của cuộc sống của họ? Họ bắt buộc phải nhận mọi sự nhục nhã. Người nô lệ không thể có ý thức về “nhân phẩm”: thoát khỏi cảnh nhục nhã đã là khó lắm rồi. Cuối cùng, nếu họ có “tâm thường”, có “ru rú trong nhà”, có thực dụng một cách thấp kém, thì chỉ vì người ta bắt buộc họ dành cả cuộc đời để nấu nướng, dọn dẹp: như thế, họ lấy đâu ra cái ý thức về sự cao cả? Họ buộc phải lặp lại cuộc sống một cách đơn điệu trong tính cách ngẫu nhiên và nhân tạo của nó: dĩ nhiên bản thân họ phải lặp lại, phải bắt đầu trở lại, mà không bao giờ sáng tạo,, dĩ nhiên là đối với họ, thời gian như quay tròn mà không dẫn tới đâu hết. Họ bận rộn mà không bao giờ làm gì hết; vì vậy, họ tự tha hoá mình trong cái mình có. Vì phụ thuộc vào sự vật, hệ quả của một sự phụ thuộc bị đàn ông áp đặt, họ buộc phải tiết kiệm một cách thận trọng, phải hà tiện. Cuộc đời họ không hướng về mục đích: họ chỉ lo sản xuất hay duy trì những vật vốn bao giờ cũng chỉ là phương tiện: thực phẩm, quần áo, nhà cửa; đó là thứ trung gian không chủ yếu giữa cuộc sống loài vật và cuộc đời tự do. Giá trị duy nhất gắn liền với phương tiện không chủ yếu, là sự hữu ích. Người nội trợ sống ở cấp độ cái hữu ích, và bản thân họ chỉ hài lòng với mình khi có ích cho người thân.

Nhưng không một con người nào có thể thỏa mãn với một vai trò thứ yếu: họ biến ngay lập tức phương tiện thành mục đích - như người ta nhận thấy ở các nhà hoạt động chính trị và trước mắt họ, giá trị của phương tiện trở thành giá trị tuyệt đối. Bởi thế, trên bầu trời của người nội trợ, lợi ích có vị trí cao hơn chân lý, cao hơn cái đẹp, cái tự do; và họ hình dung toàn bộ vũ trụ theo viễn cảnh ấy vốn là viễn cảnh của riêng họ; và cũng chính vì vậy họ áp dụng thuyết trung dung của Aristote. Làm sao có thể tìm thấy ở

họ sự táo bạo, ngọn lửa nhiệt tình, sự vô tư, lòng cao cả? Những đức tính này chỉ có thể xuất hiện khi sự tự do được hứa hẹn qua một tương lai rộng mở và vượt lên trên mọi thứ đã an bài.

Người ta nhốt phụ nữ vào trong một gian bếp hay khuê phòng, và người ta kinh ngạc vì sao đường chân trời của họ bung bít. Người ta chặt cánh tay của họ và than phiền họ không biết bay. Hãy mở cửa tương lai cho họ, họ sẽ không còn buộc phải ru rú trong hiện tại. Người ta cũng tỏ ra vô lý như vậy khi phê phán họ tính tự yêu mình (narcissisme), tính ích kỷ với tất cả những hệ quả của chúng, trong lúc nhốt chặt họ trong giới hạn cái tôi của họ...

Người ta tước đoạt của họ mọi khả năng giao tiếp cụ thể với người khác. Họ không cảm thấy trong kinh nghiệm của mình lời kêu gọi hay những lợi ích của tình đoàn kết, vì họ hoàn toàn hiến mình cho gia đình, vì họ bị biệt lập. Vì vậy, không thể buộc họ vươn tới quyền lợi chung. Họ khẳng khái khép mình trong địa hạt duy nhất quen thuộc, nơi họ có thể ảnh hưởng đối với sự vật và trong đó, họ tìm thấy một chút quyền làm chủ, dù mong manh.

Tuy nhiên, dù có đóng chặt cửa lớn, bịt cửa sổ, phụ nữ vẫn không thể tìm thấy trong gia đình một sự an toàn tuyệt đối. Cái vũ trụ đàn ông mà họ “kính nhi viễn chi” và không dám mạo hiểm tới gần, vẫn bao vây họ. Và chính vì không thể nắm được cái vũ trụ ấy qua các kỹ thuật, một thứ logic chắc chắn và những tri thức rõ ràng, nên giống như đứa trẻ và người nguyên thủy, họ cảm thấy bị bao vây giữa những điều bí ẩn nguy hiểm.

Một cá nhân tự do chỉ quy thất bại của mình cho cá nhân mình: trách nhiệm là của riêng họ. Nhưng mọi thứ xảy tới đối với phụ nữ là do người khác; chính người khác chịu trách nhiệm về những nỗi bất hạnh của họ. Trong thất vọng và phẫn nộ, họ khước từ mọi phương thuốc: đề xuất các

giải pháp đối với một phụ nữ bướng bỉnh khăng khăng than phiền, chẳng giải quyết được gì hết: họ cho là không thể chấp nhận một giải pháp nào. Họ hoàn toàn muốn sống trong tình trạng họ hiện sống: trong con giận dữ bất lực. Nếu người ta đề nghị với họ một sự thay đổi, họ sẽ giơ tay lên trời: “Chỉ thiếu có thể nữa thôi!” Họ biết nỗi đau của mình còn sâu xa hơn những lý do họ nêu lên, và không một phương sách nào có thể giải thoát họ: họ oán trách toàn bộ xã hội, vì nó được xây dựng không có họ tham gia, và chống lại họ. Từ tuổi thanh xuân, từ buổi ấu thơ, họ đã từng phản đối thân phận mình. Người ta từng hứa với họ những sự bù đắp, bảo đảm với họ nếu từ bỏ cơ may của mình và giao phó cho đàn ông, thì chúng sẽ được trả lại gấp trăm lần, và họ cảm thấy mình bị lừa phỉnh. Họ lên án toàn bộ thế giới đàn ông. Thù hận là mặt trái của sự phụ thuộc. Khi người ta “cho” hết tất cả, người ta không bao giờ “nhận” lại được đầy đủ.

Tuy nhiên họ cũng phải tôn trọng thế giới đàn ông. Nếu phủ nhận nó một cách tổng quát, họ sẽ cảm thấy nguy hiểm, không có mái nhà trên đầu mình. Họ áp dụng thái độ thiện ác nhị nguyên luận (manichéisme), một phần cũng do kinh nghiệm nội trợ khơi gợi. Những ai có hoạt động đều tự cảm thấy mình có trách nhiệm về cái thiện, cái ác giống như người khác; họ biết rằng trách nhiệm của mình là xác định mục đích và thu được kết quả. Họ cảm thấy trong mọi hành động tính nhập nhằng của mọi giải pháp: công bằng và bất công, được và mất lẫn lộn với nhau như mắc cửi. Nhưng bất kỳ ai thụ động đều tự đặt mình ra ngoài cuộc và không chịu đặt ra các vấn đề đạo lý, dù chỉ trong tư tưởng: cái thiện phải được thực hiện nếu không, thì phải xem là có lỗi và phải trừng phạt những kẻ có lỗi.

Cũng như trẻ em, phụ nữ hình dung cái thiện và cái ác như những hình ảnh minh họa: thiện ác nhị nguyên luận làm người ta yên tâm bằng cách loại trừ nỗi kinh hoàng phải lựa chọn quyết định giữa một tai họa và một tai họa ít nguy hiểm hơn, giữa một lợi ích hiện tại và một lợi ích kém hơn

trong tương lai; tự mình phải xác định thế nào là thất bại, thế nào là thành công, tức là nhận lấy những trách nhiệm khủng khiếp. Đối với người tin thuyết thiện ác nhị nguyên, cái thiện hoàn toàn phân biệt với cái ác, và chỉ có việc tiêu diệt cái ác. Bụi bặm tự tiêu diệt mình, và sạch sẽ là sự vắng mặt hoàn toàn mọi vết dơ; lau chùi, tức là tẩy rửa phế thải và bùn đất.

Vì vậy, phụ nữ nghĩ rằng “mọi cái đều do lỗi” của người Do Thái, hoặc của hội viên Tam điểm, hoặc của những người Bonshevich, hoặc của chính phủ. Bao giờ họ cũng chống lại một người nào đó hay một vật nào đó. Trong số những người chống Dreyfus⁷³, phụ nữ tỏ ra quyết liệt hơn nam giới. Họ không biết nguyên nhân cái ác nằm ở đâu; nhưng điều họ mong mỏi ở một “chính phủ tốt”, là chính phủ này xua đuổi nó như người ta “xua đuổi” bụi bặm trong nhà.

Nhưng những niềm hy vọng ấy bao giờ cũng nằm trong một tương lai không chắc chắn. Trong lúc chờ đợi, cái ác tiếp tục gặm nhấm cái thiện. Và vì không có người Do Thái, người Bonshevich, hội viên Tam điểm trong tầm tay, nên phụ nữ tìm một người chịu trách nhiệm mà họ có thể phản kháng cụ thể nhất trong phần nọ: ông chồng là nạn nhân lý tưởng. Chính anh ta là hiện thân của thế giới đàn ông; chính qua anh ta, xã hội đàn ông chịu trách nhiệm về họ và đã lừa phỉnh họ. Anh ta chịu gánh nặng của xã hội, và nếu tình hình xấu đi thì lỗi tại anh ta. Khi chồng về nhà buổi chiều, họ thường phàn nàn về con cái, về những người bán hàng, về công việc nội trợ, về giá sinh hoạt, về bệnh thấp khớp, về thời tiết; và muốn chồng chịu trách nhiệm. Họ thường áp úm đối với chồng những lời than vãn đặc biệt; nhưng trước hết, anh ta chịu trách nhiệm là một người đàn ông. Anh ta cũng rất có thể có bệnh tật, lo âu; nhưng bà vợ vẫn bảo: “Khác chứ!” Đàn ông có những đặc quyền mà phụ nữ luôn luôn cảm nhận là một sự bất

⁷³ Alfred Dreyfus là một sĩ quan Pháp gốc Alsace theo Do Thái giáo, được biết đến với Vụ Dreyfus thời đệ tam cộng hòa Pháp, bị kết án làm gián điệp phản quốc năm 1894 sau đó được minh oan và tuyên bố vô tội. Một thể chứng cho sự khủng hoảng xã hội, của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, phong trào bài Do Thái.

công. Niềm an ủi lớn nhất của họ là tự xem mình là người tuân đạo. Cuộc sống và đàn ông đã đánh bại họ; họ sẽ biến chính sự thất bại này thành thắng lợi. Vì vậy, cũng như lúc còn ngây thơ, họ dễ dàng sụt mướt, và sinh chuyện.

Chắc chắn phụ nữ rất dễ rơi lệ vì thất bại trong cuộc sống trên cơ sở một sự phản kháng bất lực; chắc hẳn về sinh lý học, khả năng điều khiển của họ đối với hệ thần kinh và giao cảm kém hơn so với nam giới; quá trình giáo dục khiến họ quen thói “mặc kệ”. Nhưng chủ yếu phụ nữ có thái độ thất bại đối với thế giới vì họ chưa hề chịu trách nhiệm về thế giới. Đàn ông thì chấp nhận thế giới; thậm chí không thay đổi thái độ trước tai họa, mà đương đầu với nó, “Không chịu để nó đánh bại”. Còn đối với phụ nữ, thì chỉ cần một sự bất như ý là xuất hiện mối ác cảm đối với thế giới và sự bất công đối với thân phận mình. Và họ ào vào nơi ẩn náu vững chãi nhất là bản thân họ. Giọt nước âm ẩm trên má, ngọn lửa cháy bỏng trong hốc mắt, chính là sự hiện diện nhạy cảm của tâm hồn đau khổ của họ. Êm ái đối với làn da, hơi chút mẫn mẫn đầu lưỡi, giọt lệ cũng là một sự vuốt ve vừa dịu dàng vừa xót xa; chúng biến người phụ nữ thành một “giếng nước than vãn”, thành một “bầu trời giông bão”. Mắt họ không trông thấy nữa, chúng bị một lớp sương mù bao phủ; thậm chí không còn là một ánh mắt nữa, mà biến thành một cơn mưa. Mù quáng, phụ nữ quay về với tính thụ động của những sự vật tự nhiên.

Người ta muốn họ thất bại; và họ chìm đắm trong thất bại, họ khóc lóc, họ trẫm mình, họ thoát khỏi người đàn ông ngắm nhìn họ trong sự bất lực như thể đứng trước một thác nước. Đàn ông cho đó là một thủ pháp không trung thực. Nhưng người phụ nữ cho là cuộc đấu tranh không trung thực ngay từ đầu vì người ta không trao vào tay họ một vũ khí hào có hiệu lực. Một lần nữa, họ phải viện đến ma thuật. Và vì những dòng lệ của họ làm nam giới cáu tiết nên họ lại càng có lý do khóc lóc.

Nếu nước mắt không đủ để thể hiện sự phản kháng, thì phụ nữ bày ra những cái trò mà sự thô bạo không nhất quán còn khiến nam giới lúng túng hơn nhiều. Trong một số hoàn cảnh, có trường hợp đàn ông đánh đập vợ thực sự; trong những hoàn cảnh khác, đàn ông tự ngăn cấm mình mọi sự thô bạo, chính vì mình là người khoẻ nhất, và nắm đấm của mình là một công cụ có hiệu quả.

Nhưng cũng như trẻ em, phụ nữ có những cơn giận dữ có tính chất tượng trưng; dù họ có thể nhảy xổ vào cầu xé đàn ông, thì đó cũng chỉ là những cử chỉ. Và chủ yếu họ tìm cách thể hiện trong cơ thể mình, qua những cơn loạn thần kinh, những khước từ mà họ không thể thực hiện được một cách cụ thể. Phụ nữ dễ bị kích động, không phải chỉ vì những lý do sinh lý học: sự kích động là hiện tượng nội tại hoá một năng lượng không có khả năng nắm bắt một đối tượng nào của thế giới khi năng lượng ấy hướng về thế giới. Đó là một sự tiêu phí vô ích mọi năng lực phủ định do tình thế gây nên.

Người mẹ ít khi có những cơn loạn thần kinh trước các con nhỏ vì có thể đánh đập chúng, trừng phạt chúng. Phụ nữ chỉ buông mình cho những nỗi thất vọng giận dữ trước mặt con trai lớn, trước mặt chồng, vì bất lực. Những cơn loạn thần kinh của Sophie Tolstoi là những thái độ có ý nghĩa: dĩ nhiên, bà có sai lầm lớn là không bao giờ tìm hiểu chồng, và qua nhật ký, bà không tỏ ra khoan dung, nhạy cảm, và cũng không chân thành, không phải là một gương mặt thật sự triu mến đối với độc giả. Nhưng dù bà sai hay đúng, tình hình ấy cũng không hề thay đổi tính chất khủng khiếp của tình trạng của bà: suốt đời, qua những lời than phiền thường xuyên, bà chấp nhận những vòng tay của chồng, những lần sinh đẻ, nỗi cô đơn và lối sống bị chồng áp đặt. Khi những quyết định mới của Tolstoi làm cho xung đột trở nên gay gắt, bà thấy mình tay không vũ khí chống lại ý chí thù nghịch mà bà bị khước từ với tất cả ý chí bất lực của mình; và bà xông vào

những tấn trò chơi từ - quyền sinh giả, trốn tránh giả, bệnh tật giả, v.v...- khả ố đối với xung quanh và làm kiệt sức bản thân mình. Người ta không thấy phụ nữ có lối thoát nào khác vì họ không có một lý do xác thực nào để dập tắt ý thức phản kháng của mình, và cũng không có một phương tiện hữu hiệu nào để bày tỏ chúng.

Có một lối thoát mở ra cho phụ nữ ở điểm tận cùng con đường khước từ của họ là tự sát. Nhưng hình như họ thường ít sử dụng hơn nam giới. Những công trình thống kê về vấn đề này rất không rõ ràng: nếu xem xét những vụ tự sát thành công, thì số đàn ông kết liễu đời mình lớn hơn nhiều so với phụ nữ; nhưng mưu đồ tự sát của phụ nữ cao hơn nhiều so với nam giới. Có thể vì họ thỏa mãn với những cái trò bày đặt nhiều hơn: họ chơi trò tự sát nhiều hơn, nhưng muốn tự sát ít hơn đàn ông. Cũng có thể có phần vì họ kinh tởm những phương tiện bạo lực: hầu như không bao giờ họ dùng gươm, dao và súng. Họ dễ dàng trẫm mình hơn. Nhìn chung, ta nhận thấy ở đây một hiện tượng nhập nhằng: những gì phụ nữ ghét bỏ, họ không thực sự tìm cách từ bỏ. Họ “chơi” trò đoạn tuyệt, nhưng rốt cuộc ở lại bên cạnh người đàn ông từng làm họ đau khổ; họ giả đò vĩnh biệt cuộc đời từng đày đoạ họ, nhưng tương đối hiếm trường hợp quyền sinh. Họ không thích những giải pháp dứt khoát: họ phản đối nam giới, phản đối cuộc sống và thân phận mình, nhưng họ không thoát ra khỏi.

Có vô số hành vi của nữ giới phải được coi là những hành vi phản đối. Người ta thấy thường người vợ phản bội chồng vì thách thức, chứ không phải vì khoái cảm. Họ lơ đãng và hoang phí vì ông chồng mực thước và tiết kiệm. Những người ghét đàn bà, lên án phụ nữ “bao giờ cũng đến chậm”, cho rằng họ thiếu “ý thức đúng giờ giấc”. Thực ra, người ta thấy họ tuân theo những đòi hỏi của họ của thời gian hết sức ngoan ngoãn. Những sự chậm trễ của họ đều là cố ý. Một số ít phụ nữ đom đóm cho như thế là để kích động ham muốn của đàn ông và nâng cao giá trị sự có mặt của

mình; nhưng chủ yếu, bằng cách buộc đàn ông phải chờ đợi, phụ nữ phản kháng sự chờ đợi dai dẳng cuộc đời họ phải hứng chịu, ở một mặt nào đó, toàn bộ cuộc đời này là một sự đợi chờ vì bị nhốt kín trong sự mơ hồ của trạng thái nội tại, ngẫu nhiên, và nằm trong tay người khác. Họ chờ đợi lòng biết ơn, sự tán thưởng của đàn ông, chờ đợi tình yêu, chờ đợi thái độ ân cần và những lời khen ngợi của chồng, của người yêu; chờ đợi ở những người này lý do tồn tại, giá trị và thậm chí cả con người mình. Họ chờ đợi phương tiện sinh sống. Dù có nắm trong tay tập séc hay hàng tháng, hàng tuần nhận tiền chồng trao cho, thì vẫn phải chờ đợi ngày chồng lĩnh lương, chồng lĩnh thưởng mới có thể thanh toán nợ nần với cửa hiệu tạp hoá hoặc mua chiếc áo mới. Họ chờ đợi sự có mặt của chồng: vì phụ thuộc về kinh tế, cả cuộc đời họ phụ thuộc vào chồng. Họ chỉ là một yếu tố của đời sống nam giới, trong lúc chồng là toàn bộ cuộc đời của họ. Chồng có công việc ở ngoài gia đình, và vợ chịu đựng sự vắng mặt của chồng suốt ngày này qua ngày khác.

Nói chung, tuy trên đại thể thừa nhận ưu thế và quyền lực của đàn ông, tôn thờ thần tượng nam giới, phụ nữ vẫn từng bước phản kháng sự thống trị của giới này. Đó là nguồn gốc của “tinh thần chống đối” mà người ta thường chê trách họ. Không có một địa hạt độc lập, họ không thể đưa những chân lý, những giá trị tích cực đối lập lại những chân lý, những giá trị mà đàn ông khẳng định; họ chỉ có thể phủ nhận chúng. Sự phủ nhận này mang tính chất triệt để. nhiều hay ít tùy theo quan hệ tỷ lệ giữa tôn trọng và hận thù trong lòng họ. Nhưng có điều là họ biết tất cả mọi kẽ hở của hệ thống nam giới và không ngần ngại tố cáo chúng.

Phụ nữ không có ảnh hưởng đối với thế giới đàn ông vì kinh nghiệm không bày dạy cho họ sử dụng logic học và kỹ thuật. Dĩ nhiên, trong viễn cảnh ấy, phụ nữ phủ nhận thứ logic của nam giới. Chẳng những nó không tác động tới kinh nghiệm của họ, mà họ còn biết là khi nằm trong tay đàn

ông thì lý lẽ trở thành một thứ hình thức gian xảo của bạo lực: những lời khẳng định như đinh đóng cột của nam giới đều nhằm phỉnh phờ họ. Người ta muốn nhốt chặt họ trong một lưỡng đê, buộc họ phải đồng tình, hoặc không đồng tình. Nhân danh toàn bộ hệ thống những nguyên tắc được chấp nhận, họ buộc phải đồng tình: nếu không đồng tình, tức là phù nhận toàn bộ hệ thống. Họ không thể cho phép mình làm một việc “động trời” như vậy; họ không có phương tiện xây dựng lại một xã hội khác. Thế nhưng họ không tán thành xã hội hiện tại. Đứng ở ngã ba đường giữa sự phản kháng và tình trạng nô lệ, họ đành nhẫn nhục và miễn cưỡng chấp nhận quyền uy của nam giới. Trong mọi trường hợp, người ta dùng bạo lực để buộc họ gánh chịu những hậu quả của những sự phục tùng bất đắc dĩ của mình. Đàn ông vẫn theo đuổi cái ảo tưởng về một người bạn đời “nô lệ một cách tự do”: muốn vợ trong lúc nhượng bộ mình, chấp nhận tính hiển nhiên của một định lý. Nhưng phụ nữ biết là: hình ông chồng đã chọn lấy những định đề mà những điều suy diễn của anh ta bám chắc vào đó. Chừng nào họ chưa đặt lại những định đề ấy, thì anh ta vẫn dễ dàng bắt họ phải im miệng, dù không thể thuyết phục nổi họ vì họ biết rõ cái võ đoán của những định đề ấy. Vì vậy, anh ta giận dữ lên án họ là cứng cổ, là phi logic: họ không nhập cuộc vì biết là cuộc chơi gian lận. Phụ nữ không nghĩ một cách cụ thể rằng chân lý là cái gì khác những điều đàn ông đề xướng, mà cho rằng không có chân lý. Không phải chỉ có quá trình biến đổi của cuộc sống khiến họ nghi ngờ nguyên lý đồng nhất, và cũng không phải chỉ có những hiện tượng ma giáo xung quanh họ huỷ hoại quan niệm của họ về quan hệ nhân quả; chính trong lòng thế giới đàn ông, chính trong bản thân họ, họ hiểu được tính nhập nhằng của mọi nguyên lý, mọi giá trị, mọi thứ trên đời. Họ biết đạo lý của nam giới chỉ là một sự lừa phỉnh khủng khiếp. Đàn ông long trọng áp đặt quy tắc đạo đức và danh dự của mình cho phụ nữ, nhưng lại âm thầm khuyến khích họ không tuân theo; thậm

chí trông mong sự bất tuân lệnh ấy; không có họ, thì cái bề ngoài đẹp đẽ anh ta ẩn núp sau đó sẽ tan tành như mây khói.

Đàn ông sẵn sàng vận dụng quan điểm của Hégel cho rằng người công dân đạt tới giá trị đạo đức học của mình bằng cách vươn tới cái phổ quát; trong lúc với tư cách cá thể riêng biệt, anh ta có quyền ham muốn, có quyền hưởng khoái lạc. Vì vậy, quan hệ giữa anh ta và phụ nữ nằm trong một khu vực ngẫu nhiên trong đó đạo lý không còn phải áp dụng nữa, và thái độ ứng xử thì tùy ý. Quan hệ của anh ta với những người đàn ông khác thì bao hàm những giá trị: anh ta là một thứ tự do đương đầu với những thứ tự do khác theo những qui luật mà mọi người đều đồng thanh thừa nhận. Nhưng đối với phụ nữ, anh ta không còn chịu trách nhiệm về cuộc sống của mình nữa: anh ta tỏ ra độc đoán, thô bạo, tìm cách thỏa mãn những ám ảnh, những tật xấu của mình nhân danh những thứ quyền giành được trong đời sống xã hội. Người vợ thường kinh ngạc trước sự tương phản giữa những lời lẽ và thái độ cao thượng với những hành vi “trong bóng tối” của anh ta. Anh ta ca ngợi những người vợ trinh tiết và chung thủy, nhưng lại khuyến khích vợ người hàng xóm ngoại tình. Người ta thấy đàn ông xảo trá biết chừng nào khi tuyên bố phá thai là phạm tội, trong lúc hàng năm ở Pháp, một triệu phụ nữ bị đàn ông đặt vào tình thế phải phá thai. Thông thường người chồng hay người tình áp đặt giải pháp ấy; nhưng nhiều khi, cũng giả định một cách mặc nhiên là trong trường hợp cần thiết, giải pháp ấy sẽ được áp dụng. Họ công khai muốn phụ nữ nhận lấy tội lỗi: thái độ “vô luân” của phụ nữ là cần thiết cho sự hài hòa của một xã hội đạo lý được đàn ông tôn trọng. Ví dụ hiển nhiên nhất của tính hai mặt này, là thái độ của đàn ông đối với nạn mại dâm: chính cầu của đàn ông tạo ra cung. Người ta từng biết gái điếm nghi ngờ và coi thường ra sao những vị tai to mặt lớn lên án thói hư tật xấu nói chung, nhưng lại hết sức khoan dung đối với những đam mê của bản thân mình.

Người ta cho rằng những người con gái phải bán mình là đồi bại và trác táng, còn những kẻ đàn ông lợi dụng thể xác của họ thì không sao.

Trạng thái tinh thần này được minh họa trong một giai thoại. Vào cuối thế kỷ trước, cảnh sát tìm thấy trong một thanh lâu hai cô bé tuổi mười hai, mười ba. Một vụ án được tổ chức, và hai cô bé ra trước vành móng ngựa. Chúng nói về những người khách hàng vốn là những vị tai to mặt lớn. Một đứa mở miệng nêu lên một cái tên. Viên biện lý vội vã ngăn lại: *Cô chớ bôi nhọ tên tuổi một người lương thiện!* Một vị có Bắc đầu bội tình vẫn là một người lương thiện khi ông ta phá trinh một con bé. Ông ta có nhược điểm, nhưng ai mà chẳng có nhược điểm? Còn cô bé gái không phải là một vị thẩm phán, một ông tướng, cũng không phải là một người Pháp quan trọng, mà chỉ là một con bé thì đánh mất giá trị đạo đức của mình trong lĩnh vực ngẫu nhiên của tình dục: nó là một đứa tà dâm, vô lại, một kẻ xấu xa đáng đưa vào trại cải giáo.

Trong vô số trường hợp, đàn ông có thể thực hiện trong sự đồng lõa với phụ nữ những hành vi mà người ta cho là đồi bại đối với những người này, nhưng gương mặt của các vị ấy vẫn không bị vấy bẩn. Phụ nữ khó hiểu những sự “tế nhị” ấy. Điều họ hiểu là đàn ông không hành động theo những nguyên tắc anh ta lớn tiếng đề cao, và khuyến khích họ không tuân theo chúng: điều mà đàn ông nói là muốn, thì chính anh ta không muốn. Bởi thế họ không cho anh ta cái mà họ giả vờ cho. Họ sẽ là một người vợ trinh tiết và thủy chung nhưng sẽ lén lút nhượng bộ những ham muốn thầm kín. Họ sẽ là một người mẹ đáng kính, nhưng sẽ thận trọng thực hiện “sinh đẻ có kế hoạch”, và khi cần, sẽ phá thai. Đàn ông công khai phản đối họ, đó là “luật chơi”; nhưng lén lút biết ơn người phụ nữ này về “chút đạo đức”, người đàn bà kia về sự vô sinh. Phụ nữ giữ vai trò những tên do thám người ta để mặc cho bị bắn chết nếu bị bắt, nhưng được nhận vô số phần thưởng nếu thành công. Họ phải gánh chịu toàn bộ cái vô luân của

đàn ông: không chỉ một mình cô gái điếm, mà là tất cả những phụ nữ bị dùng làm “công nước bẩn” cho toà lâu đài lộng lẫy và trong sạch, nơi ở của những con người “luong thiện”. Khi về sau, người ta nói với họ về nhân phẩm, về danh dự, về lòng trung thực, về tất cả những đạo đức cao đẹp của đàn ông, chúng ta không nên ngạc nhiên nếu họ từ chối không thể tin nổi. Đặc biệt họ cười khẩy khi những người đàn ông “đạo đức” chê trách họ vụ lợi, đống kịch, dối trá. Họ biết người ta không mở cho mình một con đường thoát nào khác.

Đàn ông cũng “quan tâm” tới tiền bạc, tới thành công; nhưng có phương tiện để giành lấy bằng lao động của mình. Người ta dành cho phụ nữ một vai trò ký sinh: mọi ký sinh tất yếu phải là một kẻ bóc lột. Vì vậy, họ cần có người đàn ông để có nhân phẩm, để ăn, để hưởng thụ, để sinh đẻ; và bị nhốt chặt vào chức năng này, nên họ hoàn toàn là một công cụ bóc lột.

Còn về những lời dối trá, thì trừ trường hợp mại dâm, không hề có chuyện mua bán thẳng thắn giữa phụ nữ và người bảo hộ họ. Thậm chí đàn ông đòi hỏi họ đống kịch đối với anh ta: anh ta muốn họ là người Khác, nhưng mọi con người đều là chủ thể, dù có khăng khăng tự phủ nhận mình đi nữa. Đàn ông muốn họ là khách thể, và họ tự biến mình thành khách thể: họ chỉ phải là một vật hiến dâng, một con mồi. Thế nhưng, đàn ông cũng đòi hỏi họ hiến dâng vật ấy cho mình trong sự tự do: trên giường ngủ, anh ta đòi hỏi họ có khoái cảm; trong gia đình, họ phải thừa nhận ưu thế và tài năng của anh ta.

Vì vậy, lúc vâng lời, họ phải giả vờ mình là người độc lập, trong khi vào những lúc khác, họ chủ động đống kịch mình là người bị động. Họ dối trá để níu giữ người đàn ông đảm bảo cho mình miếng ăn hàng ngày: những trò làm mình làm mẩy và những giọt nước mắt, những con ái ân nồng nhiệt, những con loạn thần kinh; và họ cũng dối trá để thoát khỏi sự áp chế mà họ chấp nhận vì mưu sinh.

Hiện tượng hai mặt này thể hiện trong cách nắm bắt cơ thể mình của phụ nữ. Nó là một gánh nặng: bị mòn mỏi vì chảy máu hàng tháng, vì sinh nở một cách bị động, nó không phải là công cụ đơn thuần để nắm bắt thế giới, mà là một sự hiện hữu mờ đục. Nó không tự tạo cho mình khoái cảm một cách vững chắc, nhưng lại tự gây cho mình những cơn đau khủng khiếp. Nó chứa đựng những sự uy hiếp; nó tự cảm thấy gặp tai họa trong sự “nội tại” của mình; tự cảm thấy là một cơ thể “loạn thần kinh” do mối quan hệ mật thiết giữa nội tiết với hệ thần kinh và hệ giao cảm chỉ đạo cơ bắp và nội tạng. Nó thể hiện những sự phản ứng mà phụ nữ không chấp nhận: trong những lúc nức nở, những cơn đau quằn quại, những cơn nôn tháo, nó thoát ra khỏi họ, phản bội họ. Nó là chân lý sâu xa nhất của họ, nhưng là một chân lý đáng xấu hổ họ tìm cách che giấu.

Tuy nhiên, nó cũng là “bản sao” tuyệt vời của họ. Họ say sưa ngắm nhìn nó trong gương soi; nó hứa hẹn hạnh phúc; nó là công trình nghệ thuật, là pho tượng sống động. Họ mô hình hoá nó, trang điểm nó, phô trương nó. Khi mỉm cười với nó trong gương, họ quên đi sự ngẫu sinh của xác thịt; trong vòng tay ôm ấp của đàn ông, trong sinh đẻ, hình ảnh nó tiêu tan. Nhưng thông thường, mơ màng về chính bản thân mình, họ ngạc nhiên thay mình vừa là người anh hùng này vừa là cái xác thịt kia.

Tạo hoá cung cấp cho phụ nữ hai gương mặt trong thế đối xứng. Trở thành người nội trợ, người mẹ, phụ nữ khước từ những buổi tung tăng thoải mái trên đồng ruộng, trên đồi núi: họ thích thú hơn với công việc trông trọt tĩnh lặng trong vườn rau. Họ đã chinh phục có cây và cắm các loại hoa vào lọ; nhưng vẫn say sưa dưới ánh trăng và khi ngắm mặt trời lặn. Trong cỏ cây và muông thú trên trái đất, trước hết, họ tìm thấy thức ăn và những thú trang điểm; nhưng trong đó lại chảy một thứ nhựa vốn là khoan dung và phù phép. Cuộc sống không phải chỉ là nội tại và trùng lặp mà còn có một gương mặt rực rỡ ánh hào quang. Người phụ nữ nào giữ nổi

thế độc lập qua các bước thăng trầm, sẽ thiết tha yêu quý cuộc sống tự do của mình trong thiên nhiên. Họ tìm cách hoà nhập cuộc sống và sự siêu nghiệm: họ khước từ học thuyết Descartes và mọi quan niệm về học thuyết này; họ cảm thấy thoải mái trong một thứ chủ nghĩa tự nhiên tương tự chủ nghĩa tự nhiên của các nhà khắc kỷ hay các tín đồ của học thuyết Platon - mới, ở thế kỷ XVI. Người ta không ngạc nhiên khi thấy phụ nữ - đứng đầu là Marguerite de Nayarre - hết sức gắn bó với một triết học mang tính chất vừa vật chất vừa tinh thần như thế.

Là người theo thuyết thiện ác nhị nguyên luận về mặt xã hội, phụ nữ hết sức thiết tha với tinh thần lạc quan về bản thể luận. Họ đòi hỏi cái thiện phải là một sự hài hoà sống động và họ có mặt trong lòng cái thiện ấy chỉ do chính cuộc sống của mình. Khái niệm hài hoà là một trong những chiếc chìa khoá của vũ trụ nữ giới: nó bao hàm sự tận thiện tận mỹ trong thế bất động, sự lý giải tức thời mỗi yếu tố từ toàn thể, và sự tham gia thụ động của mỗi yếu tố vào tổng thể.

Trong một thế giới hài hoà, phụ nữ sẽ đạt tới cái mà đàn ông tìm kiếm trong hành động: họ có ảnh hưởng đối với thế giới, được thế giới yêu cầu và cộng tác vào sự thắng lợi của cái Thiện. Những khoảnh khắc mà phụ nữ cho là những sự khải thị (révélation) là những lúc họ cảm thấy mình hoà hợp với một thực thể dựa trên chính bản thân mình một cách yên tĩnh. Đó là những khoảnh khắc hạnh phúc sáng ngời mà V. Woolf - trong tác phẩm Bà Dalloway - và K. Mansfield - trong nhiều tác phẩm - dành cho các nữ nhân vật như là một phần thưởng tối cao.

Niềm vui, vốn là một sự bột phát của tự do, được dành cho nam giới. Còn ở phụ nữ là một cảm giác sung mãn êm đềm. Trong một đoạn văn sau đây, một nhà văn miêu tả cảm giác ấy của một đôi bạn gái:

“Một ngày thu rực rỡ vàng son. Friedma và tôi, chúng tôi chọn trái cây và ngồi đất., những quả táo đỏ rực chất đống quanh người. Chúng tôi tạm nghỉ tay. Mặt trời và mặt đất phì nhiêu sưởi ấm chúng tôi, với những hương thơm ngào ngạt; những quả táo là những biểu hiện sống động của sự sung mãn, hoà bình và dồi dào. Từ mặt đất dâng lên một thứ nhựa. Nhựa cũng đang chảy trong mạch máu chúng tôi và chúng tôi cảm thấy vui vẻ, không gì chế ngự nổi, và tràn đầy của cái tựa những vườn cây ăn quả. Trong khoảnh khắc, chúng tôi gắn bó với nhau trong cái cảm giác là những con người trọn vẹn, hoàn toàn thỏa mãn với bản thân mình, cái cảm giác thỉnh thoảng đến với phụ nữ ấy, bắt nguồn từ sức khoẻ tốt tươi, hoàn hảo của mình.”

“Chúng ta hiểu trạng thái thanh thoát có giá trị lớn đối với phụ nữ vì họ thường sống trong sự căng thẳng và phải phủ nhận, phải than phiền, phải đòi hỏi, và không thể chê trách họ khi họ thường thức một buổi chiều đẹp trời hay một buổi tối êm ả.

Có một sự bù đắp tối hậu xã hội bao giờ cũng quan tâm dành cho phụ nữ, là tôn giáo. Cần có tôn giáo cho phụ nữ cũng như cho dân chúng, vì những lý do hoàn toàn giống nhau: khi người ta nhốt chặt một giới, một giai cấp vào trong sự nội tại, thì bắt buộc phải cung cấp cho họ ảo ảnh một sự siêu nghiệm. Đàn ông hoàn toàn có lợi khi khoác lên vai Thượng đế những luật lệ do mình tạo nên. Theo đạo Do Thái, đạo Hồi, đạo Cơ đốc, cũng như các tôn giáo khác, đàn ông là ông chủ theo thần quyền: lòng sợ Chúa bóp nghẹt ở người phụ nữ bị áp bức mọi ý đồ phản kháng. Đối với thế giới đàn ông, phụ nữ có thái độ tôn trọng và tin tưởng. Nhưng chủ yếu, họ sẵn sàng dẫn mình vào tôn giáo vì tôn giáo thỏa mãn một nhu cầu sâu xa. Trong nền văn minh hiện đại, tôn giáo xuất hiện như một công cụ cưỡng bức ít hơn như một công cụ lừa phỉnh. Người ta đòi hỏi phụ nữ, nhân danh Thượng đế chấp nhận vị trí thấp kém của mình ít hơn là cho rằng nhờ Thượng đế, mình là người bình đẳng với đàn ông. Người ta tiêu

diệt mọi ý đồ phản kháng, dù chỉ mới ở trong trứng, trong lúc muốn vượt lên bất công. Phụ nữ không còn bị tước đoạt sự siêu nghiệm của mình vì họ sẽ hiến dâng Thượng đế sự nội tại của mình. Những nét đẹp tâm hồn chỉ được đánh giá trên trời, chứ không phải theo các hành vi ở hạ giới. Trên mặt đất này - theo lối nói của Dostoievsky - chỉ có công việc: đánh những đôi giày hay xây một cây cầu, đều là những công việc có thể tự hào như nhau. Vượt qua những sự phân biệt về xã hội, quyền bình đẳng nam nữ được tái lập.

Một niềm tin chân thực giúp nhiều cho cô thiếu nữ tránh mọi mặc cảm tự ti: nàng không phải giống đực, cũng không phải giống cái, mà là một sinh linh của Thượng đế. Vì vậy, người ta tìm thấy ở nhiều vị nữ thánh vĩ đại một tấm lòng kiên nghị rất nam tính: nữ thánh Brigitte⁷⁴ nữ thánh Catherine de Sienne⁷⁵ kiêu hãnh tuyên bố trị vì thế giới, không thừa nhận một quyền lực nào của nam giới; thậm chí Catherine lãnh đạo khá nghiêm ngặt các giáo sĩ. Jeanne d'Arc và nữ thánh Thérèse⁷⁶ đi theo con đường của mình với một sự táo bạo chưa một người đàn ông nào vượt qua.

Giáo hội không bao giờ muốn phụ nữ thoát khỏi cái ô giám hộ của nam giới; độc tôn trao vào tay đàn ông những vũ khí đáng sợ: không được xá tội, bị rút giấy phép thông công. Giữ nguyên quan điểm của mình, Jeanne d'Arc bị thiêu sống. Nhưng dù phục tùng luật lệ của đàn ông chính vì ý Chúa, phụ nữ vẫn tìm thấy ở Chúa một chỗ dựa vững chắc chống lại đàn ông. Cái logic của nam giới bị bác bỏ bởi những màn bí ẩn. Sự kiêu ngạo của đàn ông trở thành một tội phạm; sự vùng vẫy của họ chẳng những là phi lý, mà còn phạm pháp: vì sao lại xây dựng và đổi mới cái thế giới này mà chính Chúa đã tạo lập?

⁷⁴ Nữ thánh người Thụy Điển (thế kỷ XIV), người sáng lập dòng thánh Cứu thế.

⁷⁵ Nữ thánh người Italia (thế kỷ XIV), người thuyết phục giáo hoàng Grégoire IX trở về La Mã.

⁷⁶ Nữ thánh người Tây Ban Nha (thế kỷ XVI), người sáng lập ra nhiều tu viện cải cách.

Thái độ thụ động dành cho phụ nữ trở thành một thái độ thành kính. Lăn chuôi tràng hạt cạnh bếp lửa, họ thấy mình gần gũi thiên đường hơn người chồng chạy theo những cuộc meeting chính trị. Không cần làm gì hết để cứu thoát linh hồn mình; chỉ cần sống mà không trái lời. Sự tổng hợp giữa cuộc sống và tinh thần đã hoàn thành: người mẹ không phải chỉ sản sinh một thể xác, mà còn hiến dâng lên Chúa một linh hồn. Đó là một sự nghiệp cao cả hơn việc khám phá ra những bí mật vô bờ của nguyên tử. Với sự đồng tình của Chúa trời, phụ nữ có thể kiêu hãnh (tôi hỏi niềm vinh quang của vị trí của mình chống lại nam giới).

Tôn giáo chủ yếu khẳng định trật tự thế giới, biện minh cho sự nhẫn nhục bằng cách mang tới hy vọng đối với một tương lai tốt đẹp hơn trong một bầu trời vô tính. Vì vậy, cho tới ngày nay, phụ nữ vẫn là một con bài rất quan trọng trong tay Giáo hội; và cũng vì vậy, Giáo hội hết sức phản đối mọi biện pháp có khả năng khuyến khích sự giải phóng phụ nữ. Cần có tôn giáo cho phụ nữ; cần có phụ nữ, những người phụ nữ đích thực để duy trì vĩnh viễn tôn giáo.

Chúng ta thấy toàn bộ “tính cách” của phụ nữ: niềm tin, giá trị, triết lý, đạo lý, sở thích, thái độ, được giải thích bởi vị trí của họ. Chính vì bị khước từ mọi sự siêu nghiệm nên bình thường phụ nữ không thể có những thái độ cao đẹp nhất của con người: tính cách anh hùng, phản kháng, siêu thoát, phát minh, sáng tạo. Nhưng ngay ở nhiều đàn ông, đó cũng không phải là những hiện tượng thường nhật. Cũng như phụ nữ, có nhiều đàn ông thu mình trong địa hạt cái trung gian, địa hạt của phương tiện thứ yếu. Người công nhân thoát khỏi địa hạt ấy bằng hoạt động chính trị thể hiện một ý chí cách mạng. Nhưng đàn ông thuộc những tầng lớp được gọi một cách chính xác là tầng lớp “trung lưu” thì không ngần ngại ở lại trong đó. Cũng có nhiệm vụ như nữ giới, làm đi làm lại những công việc thường nhật, chai sạn trong những giá trị nhất thành bất biến, tôn trọng dư luận và chỉ tìm

kiếm trên trần thế một sự tiện nghi tương đối, người làm công ăn lương, thương nhân, viên chức không có một ưu thế nào đối với vợ. Nấu nướng, giặt giũ, trông coi nhà cửa, nuôi dạy con cái, người vợ có nhiều sáng kiến và quyền độc lập hơn ông chồng bị lệ thuộc vào những mệnh lệnh. Suốt ngày anh ta phải vâng lời cấp trên, đeo cổ áo giả và khẳng định vị trí xã hội của mình, trong lúc bà vợ có thể bận áo choàng đi lại trong phòng, ca hát, cười nói với các bà hàng xóm; hoạt, động theo ý mình, có thể gặp những bất trắc nho nhỏ và tìm cách đạt một số kết quả một cách có hiệu quả. Phụ nữ sống trong ước lệ và với vẻ bề ngoài ít hơn so với chồng.

Thế giới bàn giấy mà Kafka miêu tả, một thế giới nghi thức đầy rẫy những cử chỉ phi lý, những hành vi phi - mục đích, chủ yếu là thế giới của đàn ông; còn phụ nữ thì đụng chạm với thực tế hơn nhiều. Khi xếp hàng dãy con số dưới nhau hay tính đổi những hộp cá trích thành tiền, anh chồng chỉ nắm bắt những chuyện trừu tượng, trong lúc đứa trẻ sơ sinh ngủ no nê trong nôi, quần áo giặt trắng bong, món thịt quay trên bếp lò, là những thứ của cải hiển nhiên hơn nhiều.

Hoạt động của đàn ông vừa là những dự định vừa là những sự trốn tránh: anh ta để cho sự nghiệp, nhân cách tha hoá mình; anh ta cố ra vẻ quan trọng, nghiêm trang. Còn phụ nữ thì không rơi vào những cái bẫy trong lúc phủ nhận thứ logic và luận lý của nam giới. Stendhal rất ca ngợi họ ở điểm ấy. Họ không lẫn tránh tính nhập nhằng của thân phận mình trong kiêu hãnh; không lẫn mình sau cái mặt nạ nhân phẩm; họ bộc lộ chân thành hơn những ý nghĩ sai trái, những cảm xúc, những sự phản ứng bột phát của mình. Vì vậy, những lời chuyện trò của họ ít buồn tẻ hơn nhiều câu chuyện của ông chồng, mỗi khi họ nói nhân danh cá nhân mình, chứ không phải nhân danh cái trung thành nửa vời của ông chủ. Đàn ông thì tuôn ra những ý tưởng khái quát, tức là những từ, những công thức người ta tìm thấy trong những cột báo hay những công trình chuyên môn của anh

ta. Còn phụ nữ thì đưa ra một kinh nghiệm hạn hẹp nhưng cụ thể. Sự “nhạy cảm nữ tính” có nhuốm chút huyền thoại, chút ít đóng kịch; nhưng cũng có điều chắc chắn là phụ nữ chú ý tới bản thân mình và tới thế giới hơn đàn ông. Về mặt tình dục, họ sống trong một không khí nam tính thô bạo; ngược lại họ thích những “cái đẹp”, do vậy, có thể làm nảy sinh những chuyện tởn mủn nhưng cũng cả những chuyện tinh tế. Vì địa hạt của phụ nữ hạn hẹp, nên những mục đích họ đạt tới, đối với họ, đều quý giá. Không đóng khung chúng trong những khái niệm hay những dự định, họ tìm thấy trong đó những cái đáng trân trọng. Nguyên vọng thoát ly của họ biểu hiện ra bằng thái độ yêu thích sự vui vẻ: họ hoan hỉ trước một bó hoa, một chiếc bánh ngọt, một bữa ăn ngon lành; thích biến cái trống rỗng của thì giờ nhàn rỗi thành một quà tặng dồi dào. Thích tiếng cười, giọng hát, những thứ trang sức, những đồ vật bài trí, họ cũng sẵn sàng đón nhận tất cả những gì sống động quanh mình: cảnh tượng đường phố, quang cảnh bầu trời. Một cánh thiệp mời, một buổi dạo phố mở ra cho họ những đường chân trời mới.

Thông thường, đàn ông không muốn tham gia những thú vui ấy. Khi họ vào nhà, những giọng nói vui vẻ ngừng lại, và phụ nữ trong gia đình tỏ vẻ âu sầu và đoan trang như họ chờ đợi. Từ trong nỗi lòng cô đơn và sự chia ly, phụ nữ rút ra ý nghĩa của tính chất đặc biệt của cuộc đời mình. Họ có kinh nghiệm sâu lắng hơn đàn ông về quá khứ, về cái chết, về sự chuyển động của thời gian. Họ quan tâm đến những bước thăng trầm của trái tim, của thể xác, của tinh thần mình, vì trên đời, họ chỉ được dành phần có thể. Và cũng vì thụ động nên họ chấp nhận hiện thực của mình một cách say mê hơn, thống thiết hơn người bị thu hút bởi tham vọng hay nghề nghiệp. Họ có thời gian và niềm vui thả mình cho những cảm xúc, nghiên cứu chúng và rút ra ý nghĩa.

Khi trí tưởng tượng không sa vào những giấc mơ vô bổ thì nó trở thành sự đồng cảm: họ tìm hiểu người khác; họ có thể đồng nhất hoá hoàn toàn với chồng, với người yêu; biến những dự định, những lo toan của những người này thành của chính mình một cách riêng biệt. Họ chú ý một cách trần trụi tới toàn bộ thế giới; thế giới đối với họ là một điều bí ẩn: mỗi người, mỗi vật có thể là một câu giải đáp, và họ hỏi một cách khao khát.

Về già, nỗi đợi chờ vô vọng của họ biến thành sự mĩa mai và nhạo báng thường là thú vị; họ chối từ những sự lừa phỉnh của đàn ông; họ trông thấy mặt trái ngẫu nhiên, phi lý, vô vị của toà lâu đài đồ sộ do nam giới dựng lên. Trạng thái phụ thuộc không cho phép họ siêu thoát; nhưng đôi khi, trong sự hy sinh bị áp đặt, họ tỏ một tấm lòng khoan dung đích thực: họ quên mình vì chồng, vì người yêu, vì con, không còn nghĩ tới bản thân nữa: họ hiến dâng hoàn toàn. Khó có thể thích ứng với xã hội nam giới, họ thường bắt buộc phải tự sáng tạo ra hành vi của mình; họ ít có thể bằng lòng với những phương thức có sẵn, những bản sao chép.

Nhưng họ chỉ có thể hành động có hiệu quả với điều kiện khước từ những sự phỉnh nịnh của đàn ông. Trong các tầng lớp trên, phụ nữ là những người đồng lõa một cách hăng hái của đàn ông vì muốn lợi dụng những lợi ích được đàn ông mang lại. Phụ nữ đại tư sản, phụ nữ quý tộc bao giờ cũng bảo vệ quyền lợi giai cấp quyết liệt hơn cả chồng: vì những quyền lợi ấy, họ không ngần ngại hy sinh triệt để quyền độc lập của con người. Họ bóp nghẹt trong bản thân mình mọi tư tưởng, mọi sự phê phán, mọi tình cảm bột phát. Họ lặp lại như vẹt những quan điểm được chấp nhận, hoà nhập vào lý tưởng bị qui chế của nam giới áp đặt. Trong lòng họ, thậm chí trên gương mặt họ, hoàn toàn vắng bóng mọi dấu vết của sự chân thật.

Người nội trợ tìm thấy một chút độc lập trong lao động, trong công việc chăm sóc con cái: họ khai thác được trong đó một kinh nghiệm hạn hẹp

nhưng cụ thể. Còn người đàn bà “tự biến mình thành nô lệ” thì không còn một chút ảnh hưởng nào đối với thế giới; họ sống trong giấc mơ, trong trừu tượng hoá, trong sự trống vắng. Họ không biết ý nghĩa những tư tưởng mình phô trương; những từ ngữ tuôn ra từ cửa miệng họ trở nên hoàn toàn vô nghĩa.

Nhà tài chính, nhà công nghiệp, thậm chí đôi khi cả vị tướng lĩnh có thể phải lo lắng, vất vả, gặp những trắc trở; họ mua những đặc quyền của mình trong một việc mua bán bất công, nhưng ít nhất phải trả giá bằng chính con người mình. Còn các bà vợ họ thì không cho gì hết, không làm gì hết để đổi lại tất cả những gì họ nhận được; họ tin vào những thứ quyền bất khả xâm phạm của mình với một niềm tin mù quáng. Thái độ cao ngạo huyênh hoang, sự bất lực hoàn toàn, sự đốt nát cố hữu biến họ thành những con người vô ích nhất, ít có giá trị nhất của nhân loại.

Vì vậy, nói về “người đàn bà” nói chung cũng phi lý như nói về “người đàn ông” vĩnh hằng. Và chúng ta hiểu vì sao mọi sự so sánh trong đó người ta cố gắng quyết định xem phụ nữ cao hơn, thấp hơn hay bằng nam giới, đều là phù phiếm: vị trí của họ khác nhau một cách sâu xa. Nếu so sánh chính bản thân những vị trí ấy, thì rõ ràng là vị trí của đàn ông hàng nghìn lần thích thú hơn, nghĩa là đàn ông có rất nhiều khả năng cụ thể hơn để hưởng tự do trên đời. Hệ quả tất yếu là công việc của nam giới vượt xa công việc của nữ giới; hầu như phụ nữ bị ngăn cấm không được làm gì hết. Tuy vậy, so sánh cách đàn ông và đàn bà sử dụng quyền tự do của mình, là một ý đồ vô nghĩa một cách tiên nghiệm, vì chính họ sử dụng quyền ấy một cách tự do. Dưới những hình thức khác nhau, đàn ông cũng, như đàn bà đều bị cạm bẫy của sự ác ý, những sự phỉnh phờ của cái nghiêm túc rình rập. Quyền tự do vẫn trọn vẹn ở mỗi người. Chỉ có điều là ở phụ nữ, nó vẫn là trừu tượng và trống rỗng nên họ chỉ có thể thực thi nó một cách xác thực trong phản kháng: đó là con đường duy nhất mở cho những người

không có khả năng xây dựng gì hết. Họ phải khước từ những giới hạn của vị trí mình và tìm cách mở cho mình những con đường đi tới tương lai. Nhấn nhục chỉ là một sự từ nan và trốn tránh. Phụ nữ không có con đường nào khác là hoạt động để tự giải phóng.

Công cuộc giải phóng này chỉ có thể là một công cuộc tập thể, và trước hết đòi hỏi phải thay đổi số phận của phụ nữ về kinh tế. Nhưng đã từng có và vẫn có nhiều phụ nữ tìm cách thực hiện một cách đơn độc công việc giải phóng cá nhân. Họ tìm cách biến mình cuộc sống trong lòng sự nội tại của mình, nghĩa là thực hiện sự siêu nghiệm trong sự nội tại. Nỗ lực tối hậu - đôi khi buồn cười, thông thường thì thống thiết - này của người phụ nữ bị giam cầm để biến nhà tù của mình thành một bầu trời quang vinh, biến tình trạng nô lệ thành một thứ tự do huy hoàng, chúng ta sẽ bắt gặp ở người phụ nữ tự yêu mình (la narcissiste), ở người phụ nữ si tình (L'amoureuse), ở người phụ nữ theo thuyết huyền bí (la mystique).

PHẦN SÁU

CHỨNG MINH

CHƯƠNG I: (NHỮNG NGƯỜI PHỤ NỮ TỰ YÊU MÌNH)

Có khi người ta cho thái độ tự yêu mình là thái độ cơ bản của mọi phụ nữ. Sự thực là hoàn cảnh thúc đẩy phụ nữ quay về bản thân mình và tự yêu mình hơn so với đàn ông.

Mọi tình cảm yêu thương đều đòi hỏi sự tồn tại song song của một chủ thể và một khách thể. Phụ nữ đến với tình cảm tự yêu mình bằng hai con đường đồng quy. Với tư cách chủ thể, họ cảm thấy bị tước đoạt. Và điều quan trọng hơn nhiều là họ bị cấm đoán mọi hoạt động của nam giới. Họ bận rộn, nhưng chẳng làm gì hết. Qua các chức năng làm vợ, làm mẹ, làm người nội trợ, họ không được thừa nhận trong tính riêng biệt của mình.

Chân lý của đàn ông nằm trong những ngôi nhà họ xây cất, những khu vườn họ khai phá, những bệnh tật họ chữa trị. Trái lại, không thể tự thể hiện mình qua các dự định và mục đích, phụ nữ cố gắng tự hiểu mình trong sự nội tại của con người mình. Theo lối nói của Sieyès⁷⁷, có nhà văn nữ đã viết:

“Tôi là cái gì? Không gì hết. Tôi muốn là gì? Là tất cả.”

Chính vì không là gì hết nên nhiều phụ nữ đóng khung một cách quyết liệt quyền lợi của mình vào cái tôi của họ không thôi, và cường điệu cái tôi ấy tới mức lẫn lộn nó với tất cả. Cũng vẫn nữ văn sĩ ấy nói:

“Tôi là người phụ nữ anh hùng của chính mình.”

⁷⁷ Chính khách Pháp (thế kỷ XIX), có vị trí hết sức quan trọng trong Cách mạng Pháp.

Người đàn ông hành động thì nhất thiết tự đối chiếu bản thân mình. Trái lại, bị vô hiệu hoá, bị cách ly, phụ nữ không thể tự xác định vị trí của mình cũng như tự lượng sức mình. Họ tự cho mình là cực kỳ quan trọng vì không thể vươn tới một đối tượng quan trọng nào. Từ nhỏ, phụ nữ vốn tự xem mình như một khách thể. Tuổi dậy thì cho họ thấy thân thể mình là thụ động và kêu gọi thêm muốn, và họ có thể ngắm nhìn nó với ánh mắt một người tình. Trong niềm khoái cảm đơn độc, có khi họ phân thân (se dédoubler) thành một chủ thể đực và một khách thể cái. Một nữ nhân vật, đối tượng nghiên cứu của một nhà phân tâm học, tự nói với mình.: “Mình sẽ tự yêu mình, hoặc một cách say sưa hơn: “Mình sẽ tự chiếm đoạt mình”, hoặc đến mức cuồng nhiệt: “Mình sẽ tự làm cho mình mang thai”. Một nữ nhân vật khác cũng vừa là chủ thể vừa là khách thể khi nói: “Thật tiếc là không ai trông thấy cánh tay và nửa trên người mình, toàn bộ cái vẻ tươi mát và trẻ trung ấy.”

Thực ra, không thể nào mình là người khác một cách thực sự đối với bản thân mình, và tự nắm bắt mình dưới ánh sáng của ý thức với tư cách khách thể. Sự phân thân chỉ là chuyện mơ màng. Ở bé gái, con búp bê vật chất hoá giấc mơ ấy. Nó tự nhận biết mình ở con búp bê nhiều hơn là ở trong chính thân thể nó, vì có sự cách biệt giữa nó và thân thể. Nhu cầu phân làm hai ấy để thiết lập giữa mình với mình một cuộc đối thoại êm đềm, bà de Noailles nói tới trong cuốn *Quyển sách của đời tôi (Le Livre de ma vie)*: Tôi yêu những con búp bê, tôi khoác cho trạng thái bất động của chúng sự sống động của chính cuộc sống của mình. Tôi không thể ngủ trong hơi ấm của một chiếc mền trong lúc chúng không được cuộn chặt trong len da....Tôi mơ màng thực sự tận hưởng nỗi cô đơn được hoàn toàn phân thânCái nhu cầu tồn tại nguyên vẹn, phân thân làm đôi ấy, tôi khao khát cảm nhận trong thời thơ ấu...Ôi! trong những giờ phút bi thảm, khi sự dịu dàng mơ mộng của mình là thứ trò chơi cho những giọt nước mắt sỉ nhục, tôi ao ước có cạnh mình một bé Anna nhỏ khác ôm cổ mình, an ủi mình,

hiểu mình biết chừng nào...Trong đời tôi, tôi gặp nó trong trái tim mình và quyết giữ nó lại: nó cứu thoát tôi không phải chỉ dưới hình thức an ủi tôi từng hy vọng trước kia, mà cả dưới hình thức lòng dũng cảm. Cô gái đã trưởng thành thì để cho những con búp bê của mình yên ổn. Nhưng suốt đời, phụ nữ được ma thuật của tấm gương soi giúp đỡ một cách mạnh mẽ để tự chia tay mình rồi lại gặp lại chính mình. Rank⁷⁸ làm sáng tỏ mối quan hệ trong huyền thoại và giấc mơ giữa tâm gương soi và hình bóng người trong gương. Hình bóng dễ được đồng hoá với người hơn cả đối với nữ giới, vẻ đẹp của đàn ông là dấu hiệu của siêu nghiệm; còn vẻ đẹp của phụ nữ thì mang tính chất thụ động của sự nội tại: chỉ có vẻ đẹp thứ hai này là sinh ra để thu hút ánh mắt: biết mình và tự biến mình thành khách thể, phụ nữ thực sự tin tự trông thấy mình trong gương. Bà de Noailles tâm sự:

Năng lực trí tuệ của tôi mạnh mẽ tới mức tôi không hề ngờ vực, nhưng tôi vẫn không hãnh diện về nó bằng hình ảnh phản ánh trong tấm gương soi thường xuyên được dựng tới...chỉ có niềm vui vật chất là hoàn toàn thỏa mãn tinh thần.

Toàn bộ tương lai nằm gọn trong khoảng ánh sáng mà cái khung của nó tạo thành một vũ trụ. Ngoài giới hạn hẹp ập, sự vật chỉ là một mớ hỗn độn; và thế giới bị thu hẹp vào mảnh gương trong đó lấp lánh một hình ảnh: cái Duy nhất. Mỗi người phụ nữ, đắm mình trong hình bóng mình, ngự trị trên không gian và thời gian, một mình, tuyệt đối; họ có đủ mọi thứ quyền đối với đàn ông, của cải, vinh quang, khoái lạc. Một nữ nghệ sĩ say mê nhan sắc của mình tới mức muốn định hình nó trong một tấm cẩm thạch bất diệt, muốn bản thân mình vì vậy trở thành bất tử:

Về nhà, tôi cởi bỏ quần áo, hoàn toàn trần truồng và kinh ngạc trước sắc đẹp của mình như thể mình chưa hề bao giờ trông thấy nó. Phải tạc tượng mình thôi, nhưng bằng cách nào đây? Hầu như không thể được, nếu mình

⁷⁸ Thầy thuốc tâm thần Áo (thế kỷ XIX), môn đệ Freud.

không lấy chồng...Phải lấy chồng thôi, dù chỉ để có một bức tượng bán thân mình.

Cécile Sorel⁷⁹, trong lúc chuẩn bị đến một cuộc hẹn hò, tự miêu tả mình như sau:

Tôi đứng trước gương. Tôi muốn được đẹp hơn...Tôi tự đánh vào mình với chiếc bìa sứt. Những tia sáng phát ra dưới chiếc lược. Đầu tôi là một mặt trời giữa mái tóc bông bênh tựa những tia nắng vàng rực.

Tôi cũng nhớ lại một thiếu phụ tôi bắt gặp một buổi sáng trong lavabo một quán cà phê. Nàng cầm một bông hồng ở tay và có vẻ hơi say, áp sát đôi môi vào gương soi như thể để uống lấy hình ảnh mình và vừa cười vừa lẩm bẫm: “Tuyệt vời, mình cảm thấy mình tuyệt vời.”

Vừa là nữ tu sĩ vừa là thần tượng, người phụ nữ tự yêu mình bay lượn với ánh hào quang trong lòng sự bất diệt, trong lúc phía bên kia mây trời, những sinh linh quỳ gối sùng bái nàng. Nàng là vị Thần tự ngắm nghĩa mình. Trở thành Thần, tức là thực hiện sự tổng hợp bất khả thi giữa cái tự mình (Ten-soi) và cái cho mình (le pour-soi): những khoảnh khắc mà một người hình dung mình đã thành công trong đó, là những khoảnh khắc vui mừng, phấn chấn, mãn nguyện. Cô thiếu nữ khi đã nhìn thấy trong tâm gương soi sắc đẹp, nguyện vọng, tình yêu, hạnh phúc với những nét đặc trưng của mình, sẽ suốt đời tìm cách khai thác hết những khả năng hứa hẹn của sự phát hiện ấy. Dù không thật sắc nước hương trời chẳng nữa, người phụ nữ vẫn thấy thấp thoáng trên gương mặt mình những sự phong phú đặc biệt của tâm hồn, và như thế là đủ để lòng nàng say mê. Trong cuốn tiểu thuyết Valérie, bà Krudener⁸⁰ tự miêu tả mình dưới gương mặt Valérie, với những nét sau đây:

⁷⁹ Nữ nghệ sĩ sân khấu hiện đại Pháp.

⁸⁰ Nữ nam tước, nữ văn sĩ Litva (thế kỷ XIX)

Nàng có một nét đặc biệt mà tôi chưa từng thấy ở một người phụ nữ nào. Người ta có thể duyên dáng hơn nhiều, có nhan sắc hơn nhiều, nhưng vẫn không thể sánh nổi với nàng. Có thể người ta không ca ngợi nàng, nhưng nàng có một nét gì đó lý tưởng và cuốn hút, buộc người ta phải chú ý. Có thể nói người ta thấy nàng mảnh mai, tinh tế tựa một ý tưởng...

Sẽ là sai lầm nếu tỏ vẻ kinh ngạc khi thấy ngay cả những phụ nữ bất hạnh nhất, cũng có thể thương thức trạng thái ngây ngất trước tâm gương soi: chỉ riêng hiện tượng mình là một cái gì đó bằng xương bằng thịt, đang hiện diện trước mắt mình, cũng đủ làm họ xúc động: họ phát hiện ra trên gương mặt hay hình hài một nét duyên dáng, sắc sảo, hiếm hoi nào đây. Chỉ tự cảm thấy mình là phụ nữ là đủ cho họ tin mình có nhan sắc.

Và lại, tấm gương soi, dù có ưu thế, vẫn không phải là công cụ phản ánh duy nhất. Trong cuộc đối thoại nội tâm, mỗi người có thể tìm cách tạo cho mình một “người anh em sinh đôi”. Hầu như cô đơn suốt ngày và rầu rĩ trong công việc nội trợ, phụ nữ có thì giờ xây dựng trong mơ, gương mặt của chính bản thân mình. Là thiếu nữ, họ mơ màng về tương lai. Bị nhốt chặt trong một hiện tại vô tận, họ tự kể cho mình nghe lịch sử bản thân mình, “chỉnh lý” sao cho có thể đưa vào trong đó một nét mỹ học, và biến đổi, ngay trước khi nhắm mắt, cuộc đời ngẫu nhiên của mình thành một số phận.

Chúng ta biết phụ nữ gắn bó với những kỷ niệm tuổi ấu thơ biết chừng nào. Chứng minh điều đó là các tác phẩm văn học của các nhà văn nữ. Những ngày thơ ấu chỉ giữ một vị trí thứ yếu trong tác phẩm tự thuật của nam giới. Trái lại, phụ nữ thường kể lại những năm tháng đầu tiên trong cuộc đời mình; những năm tháng này là chất liệu chủ yếu trong tiểu thuyết, trong truyện kể của họ.

Người phụ nữ khi kể chuyện mình với một bạn gái, với người yêu, hầu như bao giờ cũng mở đầu: “Khi em là một con bé...” Họ luyện tiếc thời kỳ ấy. Chính trong thời kỳ ấy, họ cảm thấy trên mái đầu mình bàn tay nhân hậu và trang nghiêm của ông bố trong lúc vẫn thường thức niềm vui cuộc sống độc lập. Được người lớn che chở và biện minh, họ là những cá thể độc lập trước mắt mở ra một tương lai tự do. Còn giờ đây, họ chỉ được hôn nhân và tình yêu bảo vệ không trọn vẹn, và trở thành những con hầu hay những đồ vật, bị nhốt chặt trong hiện tại. Họ từng ngự trị thế giới, chinh phục nó ngay này qua ngày khác; nhưng giờ đây, họ bị cách ly khỏi vũ trụ, bị dồn vào trạng thái nội tại và lặp đi lặp lại. họ cảm thấy bị “phế truất”. Nhưng điều làm họ đau đớn hơn hết, là bị đắm chìm trong tính khái quát: Một người vợ, một bà mẹ, một người nội trợ, một người đàn bà trong số hàng triệu người đàn bà khác. Trái lại, ở tuổi ấu thơ, mỗi người từng sống cuộc sống của mình một cách riêng biệt; không biết tới những nét tương tự giữa quá trình làm quen với thế giới của của mình và của bè bạn mình. Qua bố mẹ, thầy cô giáo, bạn bè họ được thừa nhận trong tính cá thể của mình, thấy mình không thể so sánh với bất kỳ một ai khác; thấy mình là duy nhất, trước mắt mở ra những cơ may duy nhất. Họ xúc động quay về với “cô em gái” bị mình đánh mất tự do, yêu cầu, quyền lực, và phần nào bị mình phản bội. Người đàn bà hôm nay luyện tiếc con người hôm qua của mình; nàng tìm lại trong chiều sâu thẳm con người mình đứa bé gái đã chết ấy. “Bé gái”, hai tiếng ấy làm họ xúc động; nhưng càng làm họ xao xuyên. hơn là mấy từ: “Con bé kỳ cục” vì chúng gọi lại nét độc đáo đã bị đánh mất.

Họ không chỉ hân hoan nhớ lại buổi ấu thơ quý giá ấy; họ tìm cách làm nó sống lại trong lòng mình, tìm cách tự thuyết phục mình là số thích, tư tưởng, tình cảm của mình vẫn tươi mát một cách kỳ lạ. Băn khoăn, vừa như hỏi han cõi hư vô vừa mân mê một chiếc vòng cổ hay một chiếc nhẫn, họ thâm thì: “Kỳ thật..., mình, chính mình như thè nào hay sao...Bạn thử

hình dung xem: dòng nước mê hoặc tôi...Ôi! Tôi say mê miền quê đến điên cuồng. “Mỗi một sở thích xuất hiện từ một điều kỳ cục; mỗi quan niệm như thể một lời thách thức đối với cuộc đời. Một nhà văn nữ miêu tả nữ nhân vật của mình như sau:

Nàng thích hình dung mình như một phụ nữ không thể nào có hạnh phúc nếu quanh mình không có những đóa hoa nở rộ. Nàng tâm sự với bạn bè là nàng yêu hoa đến say mê. Trong những lời tâm tình nhỏ nhẹ này, hầu như phảng phất một chút cáo lỗi, mong thính giả chớ cho sở thích của mình quá khác thường. Nàng như thể chờ đợi người đối thoại ngã xoài, kinh ngạc và thốt lên: “Không! không thể thế này được! chúng ta đi tới đâu thế này!” Thỉnh thoảng, nàng thổ lộ những sở thích nhỏ nhoi khác. Luôn luôn với chút băn khoăn như thể với bản tính kín đáo, nàng kinh hãi phải bộc bạch trái tim mình, nàng thổ lộ mình yêu biết bao sắc màu, cảnh thôn dã, những buổi vui chơi, một vở kịch thật hay, những tấm vải đẹp, những bộ quần áo khéo cắt may, ánh nắng mặt trời. Nhưng nàng thường thú nhận lòng yêu hoa của mình hơn hết. Nàng có cảm giác là hơn bất cứ sở thích nào khác, lòng yêu hoa khiến nàng khác mọi con người khác.

Phụ nữ thích khẳng định những sự phân tích này bằng thái độ. Họ chọn màu sắc: “Màu xanh là màu sắc của tôi”. Họ thích riêng một thứ hoa, một mùi hương, một nhạc sĩ, những khuynh hướng mê tín, những thói kỳ cục mà họ một mực quý trọng. Họ không cần phải đẹp mới thể hiện nhân cách trong trang phục và nội tâm. Nhân vật họ sắp đặt, nhất quán và độc đáo nhiều hay ít tùy theo trí tuệ và mức độ bền vững và sâu sắc của quá trình tha hoá của họ. Một số phụ nữ chỉ xáo trộn một cách ngẫu nhiên một vài nét rời rạc và lộn xộn. Những người khác thì tạo nên một cách có hệ thống gương mặt một nhân vật mà họ thủ vai một cách bền bỉ: người ta vẫn thường nói phụ nữ khó có thể phân biệt giữa hư và thực. Xung quanh nhân vật này, cuộc sống được tổ chức thành một cuốn tiểu thuyết u buồn hay kỳ

diệu, nhưng bao giờ cũng nhuộm chút kỳ lạ. Thỉnh thoảng, đó là một cuốn tiểu thuyết đã được viết ra. Tôi vẫn còn nhớ một bà già cực kỳ xấu xí có thói quen nói: “*Bà hãy đọc Bông huệ trong thung*⁸¹: truyện viết về tôi đây”; lúc bé, tôi từng nhìn với vẻ kinh hoàng lẫn kính trọng bông huệ tàn úa ấy. Những người khác, thậm chí một cách mơ hồ hơn: “Đời tôi là cả một cuốn tiểu thuyết.” Trên vầng trán họ, có một ngôi sao chiếu mệnh lành hay dở. Họ bảo: “Những chuyện ấy chỉ xảy ra đối với một mình tôi”. Sự rủi ro bám chặt từng bước chân họ, hoặc cơ may mỉm cười với họ. Dẫu sao, họ cũng có một số phận.

Trong suốt tập *Hồi ký*, Cécile Sorel viết với một thái độ ngây thơ nhất quán: “Tôi bước vào đời như thế đấy. Nhưng người bạn trai đầu tiên của tôi, tên gọi là tài năng và sắc đẹp.”

Cũng cần viện dẫn đoạn văn sau đây làm ví dụ cho những tác phẩm văn học thể hiện lòng tự yêu mình của nữ giới:

Từ một cô bé lực lưỡng, tay chân mảnh mai nhưng tròn trịa, cặp má ửng hồng, tôi trở nên có thân hình mảnh mai hơn, mờ ảo hơn, thành một cô gái bi cảm, mặc dù dòng đời có thể phát ra từ nỗi đơn côi, đói khát, từ những cái chết ngắn ngủi và bí ẩn của tôi một cách kỳ lạ như từ khối núi đá của Moïse⁸². Tôi không ca ngợi lòng dũng cảm của mình mặc dù tôi có quyền ấy. Tôi đồng hoá nó với sức lực, với các cơ may của mình. Tôi có thể miêu tả nó như người ta nói: Tôi có cặp mắt xanh, mái tóc đen, bàn tay nhỏ nhắn và mạnh mẽ...

Và những dòng này nữa:

Giờ đây, tôi có thể thừa nhận rằng được tâm hồn mình rà sức mạnh hài hoà của nó động viên, tôi đã sống theo tiếng gọi của giọng nói mình...

⁸¹ Tiểu thuyết của Balzac (1835)

⁸² Nhà tiên tri, người sáng lập tôn giáo và nhà nước Do Thái (thế kỷ XIII trước CN)

Không có nhan sắc, vinh quang, hạnh phúc, người phụ nữ tự chọn bản thân mình làm một nạn nhân; khẳng khái cho mình là hiện thân của những *Mater dolorosa*⁸³ những người vợ bị hiều lầm, tự cho mình là “người đàn bà khổ sở nhất đời”, như trường hợp người phụ nữ âu sầu được miêu tả sau đây:

Hàng năm, vào dịp Noel, bà xanh mướt, bận quần áo sẫm màu, đến nhà tôi để than thân trách phận. Bà vừa kể một cuộc đời buồn bã vừa rơi lệ. Một cuộc đời bỏ đi, một gia đình tan nát! Lần đầu tiên bà tới nhà, tôi xúc động sâu sắc, suýt khóc cùng bà...Hai năm dài trôi qua, bà vẫn không ngừng than khóc cuộc đời bất hạnh. Nét mặt thể hiện những triệu chứng phai tàn đầu tiên: thêm một lý do để bà than vãn. “Tôi đã trở nên cái gì, tôi, con người vốn được người ta ca ngợi nhan sắc biết chừng nào!” Bà ngày một than vãn nhiều hơn, nhấn mạnh nỗi tuyệt vọng của mình vì bạn bè đều biết số phận khổ sở của bà. Những lời than vãn của bà làm phien lòng mọi người...Và đó lại là một cơ hội để bà cảm thấy khổ sở, cô đơn vì không ai hiểu mình. Không còn có lối thoát cho cái mê cung những nỗi đau khổ nữa...Người phụ nữ này hoan hỉ trong vai trò bi thảm ấy, say sưa triệt để với ý nghĩ mình là người đàn bà đau khổ nhất trên đời. Mọi cố gắng nhằm làm cho bà tham gia cuộc sống tích cực đều thất bại.

Một nét chung của các nữ nhân vật trên đây, của vô số phụ nữ gặp phải một số phận đặc biệt, là ở chỗ họ đều cảm thấy bị người đời không hiểu mình. Những người xung quanh họ không thừa nhận - hoặc thừa nhận không đầy đủ - hoàn cảnh đặc biệt của họ. Họ thể hiện một cách cụ thể sự không hiểu biết ấy, thái độ thờ ơ ấy của những người khác, bằng ý nghĩ là họ giấu kín trong con người mình một điều bí ẩn. Sự thật là nhiều người đã lạng lẽ chôn vùi những kỷ niệm của tuổi ấu thơ và thời thanh xuân vốn rất quan trọng đối với họ; họ biết tiểu sử chính thức không khớp với lịch sử đích thực của mình. Nhưng điều chủ yếu là ở chỗ vì không thể tự thể hiện

⁸³ Tiếng latin: Người mẹ đau khổ.

mình trong đời sống, nên nhân vật yêu quý của người phụ nữ tự yêu mình chỉ là một nhân vật tưởng tượng. Họ tin vào sự hiện diện của nhân vật ấy; nhưng nếu phát hiện cho người khác, thì họ bối rối chẳng khác nào người bị suy nhược thần kinh khẳng khăng thú nhận những tội phạm vô hình. Trong cả hai trường hợp, “cái bí ẩn” nằm ở niềm tin vô vọng nắm được trong chiều sâu tâm thức mình chiếc chìa khoá cho phép giải mã và chứng minh tình cảm và hành vi. Chính chúng mất ý chí (aboulie), tính ì (inertie) đem tới ảo ảnh này cho những bệnh nhân suy nhược thần kinh. Và vì không thể tự bộc lộ mình trong hành động thường ngày, người phụ nữ đành nhìn trong con người mình có một điều bí ẩn không sao tả nổi: cái huyền thoại về sự bí ẩn của nữ giới khuyến khích họ, và do vậy, được khẳng định.

Hàm chứa những thứ quý giá không được người ta biết tới, dù sinh ra dưới một ngôi sao chiếu mệnh lành hay dữ, người phụ nữ tự cảm thấy mình phải sống cuộc đời những nhân vật bi kịch dưới sự sai khiến của một định mệnh. Toàn bộ cuộc đời họ biến thành một màn kịch thiêng liêng. Dưới tấm áo dài được chọn lựa một cách trang trọng, vừa là hình ảnh một nữ tu sĩ với bộ trang phục hành lễ, vừa là dáng dấp một thần tượng được những bàn tay kính tìn trang điểm và được các tín đồ sùng bái. Nội tâm trở thành ngôi đền, nơi diễn ra sự thờ cúng họ. Một nữ nghệ sĩ nọ chăm chút tới quang cảnh xung quanh mình chẳng khác chăm chút những tấm áo dài của bà:

Cạnh bàn giấy, là một chiếc ghế bành kiểu cổ đại, sao cho khi có người bước vào, tôi chỉ cần ấn nhẹ ghế là có thể đòi diện với họ..., bên chiếc bàn có vẻ của nhà thông thái rôm, với những giá sách làm nên, giữa tranh ảnh và hoa lá, cẳng chân và bàn chân lộ rõ, chú không còn bị cắt làm đôi như trước bởi tấm bảng đen. Phía trên divan, treo hai cây Mandolin và cây đàn Guitar. Giữa cảnh trí ấy, bạn hãy hình

dung một thiếu nữ tóc hung, da trắng với đôi bàn tay nhỏ xíu và mảnh mai, nổi lên những đường gân màu xanh.

Khi ngồi ung dung trong các salon, khi thoải mái khoác tay người yêu, người phụ nữ thực hiện sứ mệnh của mình: nàng là thần Vệ nữ phân phát cho thiên hạ những báu vật của nhan sắc mình. Cô gái tự yêu mình tìm thấy hình bóng mình rực rỡ hào quang trong những ánh mắt khâm phục hơn là trong tâm gương soi. Khi không có một công chúng ân cần, họ bộc bạch nỗi lòng với vị linh mục nghe xưng tội, với thầy thuốc, với nhà phân tâm học; đi hỏi ý kiến các thầy bói, thầy tướng. “Không phải vì tôi tin những điều ấy đâu - một nữ diễn viên điện ảnh tập sự tâm sự - mà vì tôi rất thích được người ta nói về mình!” Họ kể chuyện mình với các bạn gái. Họ khao khát muốn người yêu là một nhân chứng. Cô gái đang yêu quên nhanh cái tôi của mình. Nhưng nhiều phụ nữ sợ dĩ không thể có một tình yêu chân thực, chính là vì họ không bao giờ tự quên bản thân mình. Thay vì bầu không khí thân mật của chôn khuê phòng, họ thích một sân khấu rộng lớn hơn. Do vậy, họ coi trọng cuộc sống phù hoa: họ cần những ánh mắt ngắm nhìn mình, những cái tai nghe mình nói. Họ cần có một công chúng hết sức rộng lớn cho nhân vật của mình. Trang phục và trò chuyện thỏa mãn sở thích phô trương của phụ nữ. Nhưng một cô gái tự yêu mình với nhiều tham vọng mong muốn tự bộc lộ một cách hiếm thấy hơn và đa dạng hơn. Đặc biệt, muốn biến mình thành một màn kịch dâng cho những tràng vỗ tay của công chúng, họ thích xuất hiện thực sự trên sân khấu. Bà de Stael kể lại kỹ lưỡng trong cuốn Corinne bà đã cuốn hút ra sao các đám đông người Italia trong khi ngâm thơ theo tiếng phong cầm. Ở Coppet⁸⁴ một trong những thú vui ưa thích của bà là đọc lời những nhân vật đóng

⁸⁴ Thành phố ở Thụy Sĩ

vai bi thảm. Dưới gương mặt Phèdre⁸⁵ bà thổ lộ những lời tỏ tình nồng cháy với những người tình trẻ tuổi mà bà giả trang thành Hippolyte⁸⁶. Còn trong cuốn tiểu thuyết tự truyện Valérie, bà Krudener miêu tả như sau một buổi khiêu vũ bằng khăn san:

Valérie lấy tấm khăn san bằng mousselin xanh sẫm, rẽ mái tóc ra phía trên trán và trùm khăn lên đầu. Khăn rủ xuống dọc thái dương và bờ vai. vầng trán lộ ra theo kiểu cổ đại, mái tóc bị che lấp, hàng mi hạ xuống, nụ cười quen thuộc từ từ biến mất; mái đầu nghiêng nghiêng, tấm khăn san khẽ khàng rủ xuống hai cánh tay bắt chéo, xuống ngực, và tấm khăn màu xanh ấy, gương mặt trinh khiết và dịu dàng ấy như thể do Le Corrège⁸⁷ vẽ lên để thể hiện sự nhẫn nhục tĩnh lặng; và khi cặp mắt nàng ngược lên, đôi môi nàng hé nở, một nụ cười, người ta như thể trông thấy nữ thần Kiên nhẫn đang cười nụ với nữ thần Đau đớn cạnh một tượng đài, như Shakespeare từng miêu tả.

...Cân trông thấy Valérie. Cùng một lúc bẽn lễn, cao thượng, hết sức nhạy cảm, bồi hồi, nàng lôi cuốn, gây xúc động, làm rơi lệ, làm trái tim người ta run rẩy như nó run rẩy khi bị một quyền lực lớn chi phối; chính nàng có cái duyên dáng cảm dỗ lòng người không sao học tập được nhưng được tạo hoá bí mật ban cho một vài con người thượng đẳng.

Nếu hoàn cảnh cho phép, thì không có gì thỏa mãn cô gái tự yêu mình bằng cách công khai cống hiến mình cho sân khấu: Không có điều kiện

⁸⁵ Phèdre hay Phaëdra, là con gái của vua xứ Crete - Minos, vợ của Theseus vua của Athens, Phèdre đem lòng yêu mến Hippolyte, bị cự tuyệt nàng ta đã tự sát và ám hại Hippolyte bằng một bức thư tuyệt mệnh giả họa cho Hippolyte cưỡng hiếp mình.

⁸⁶ Hippolyte là con của Theseus và Antiope (hoặc Hippolyte các nữ vương Amazon), theo thần thoại Hy Lạp chàng tôn thờ nữ thần Artemis, và xem thường Aphrodite, việc này làm Aphrodite nổi giận nên đã khiến cho mẹ kế của chàng là Phèdre đem lòng yêu chàng tha thiết, khi bị chàng cự tuyệt Phèdre bèn tự sát và giả họa cho Hippolyte cưỡng hiếp mình, Theseus tin vào lá thư của Phèdre đã yêu cầu thần biển Poseidon giết chết Hippolyte. Artemis thỉnh cầu Asclepius (con trai của Apollo) ban cho Hippolyte cuộc sống thứ hai, sau đó chàng trở thành vua xứ Lazio gần hồ Nemi nơi ông lập ra giáo phái thờ phụng Artemis. Hippolyte còn được đồng nhất với Virbius.

⁸⁷ Danh họa Italia (thế kỷ XV).

hành động, nó tự tạo cho mình những thứ thay thế hành động, và đối với một vài người, sân khấu là vật thay thế lý tưởng. Và lại, người nữ diễn viên có thể nhằm những mục đích rất khác nhau. Đối với một số người, biểu diễn là một phương tiện sinh sống, một nghề nghiệp. Đối với những người khác, đó là con đường dẫn tới danh vọng có thể được khai thác cho những mục đích phong tình. Đối với những người khác nữa, đó là sự thắng lợi của lòng tự yêu mình. Những người danh tiếng - Rachel⁸⁸, de la Duse⁸⁹ - là những nữ nghệ sĩ đích thực tự siêu nghiệm mình trong vai diễn. Trái lại, cô đào hát tâm thường thì quan tâm, không phải tới điều mình thực hiện, mà tới niềm vinh quang nó mang tới cho mình và trước hết, tìm cách đề cao giá trị của mình. Một phụ nữ một mực tự yêu mình, chắc hẳn bị giới hạn trong nghệ thuật cũng như trong tình yêu vì không biết cống hiến hết mình.

Khiếm khuyết này sẽ bộc lộ nghiêm trọng trong mọi hoạt động của họ. Họ sẽ bị cám dỗ bởi mọi con đường có thể đưa tới vinh quang; nhưng không bao giờ họ tiến vào con đường ấy một cách hết mình. Hội họa, điêu khắc, văn học là những ngành đòi hỏi một quá trình luyện tập nghiêm ngặt và một công việc lao động riêng lẻ. Nhiều phụ nữ bước chân vào nhưng nhanh chóng rút lui nếu không được một nguyện vọng sáng tạo tích cực thúc đẩy. Nhiều người tuy kiên trì nhưng cũng chỉ có thể “làm chơi”. Một thiếu phụ nọ, khao khát vinh quang, ngồi hàng giờ trước giá vẽ; nhưng bà tự yêu mình quá nên không thể thực sự yêu hội họa. Sau nhiều năm - tũn hờn, bà thú nhận: “Đúng, tôi không cống hiến hết mình cho hội họa, hôm nay, tôi tự quan sát mình, và thấy mình gian lận...” Không bị hoàn toàn thu hút vào việc tự sùng bái mình thì phụ nữ mới có thể thành công trong sáng tác nghệ thuật như bà de Stael, bà de Noailles. Một trong những thiếu sót đề nặng lên nhiều nhà văn nữ, là thái độ hài lòng đối với bản thân mình phương hại đến tính chân thực, hạn chế và làm giảm giá trị của họ.

⁸⁸ Nữ diễn viên bi kịch người Pháp (thế kỷ XIX).

⁸⁹ Nữ nghệ sĩ sân khấu hiện đại Italia.

Nhiều phụ nữ tuy thấm nhuần ý thức mình có tài năng hơn người nhưng không sao thể hiện nó ra trước mắt người khác. Tham vọng của họ trong trường hợp ấy là sử dụng với tư cách trung gian một người đàn ông được họ thuyết phục về tài năng của mình. Họ không nhằm những giá trị đặc biệt qua những dự định tự lập; họ muốn sáp nhập vào cái tôi của mình những giá trị có sẵn. Vì vậy họ hướng về những ai có ảnh hưởng và được trọng vọng, với hy vọng đồng nhất hoá mình với những người này, bằng cách biến mình thành Nàng thơ, nguồn cảm hứng, người cố vấn.

Những ảo ảnh này có thể làm nảy sinh những cơn mê sáng thực sự. Không phải vô cớ mà Clérambault⁹⁰ cho hiện tượng xung động thỏa dục (érotomanie) là “một thứ mê sáng nghề nghiệp” (délire professionnel). Cảm thấy mình là phụ nữ, tức là tự cảm thấy mình là đối tượng được thèm muốn, là tự cho mình được người ta thèm khát, được yêu. Rõ ràng là điều họ tìm kiếm ở người tình tưởng tượng, chính là sự tôn vinh lòng tự yêu mình của họ. Họ muốn người tình ấy có một giá trị tuyệt đối: tăng lữ, thầy thuốc, luật sư, người phi thường; và người đó xác nhận một chân lý tuyệt đối là người tình lý tưởng của mình hơn mọi phụ nữ khác, với những đức tính tuyệt vời.

Hiện tượng xung động thỏa dục có thể xuất hiện trong những trường hợp rối loạn tâm thần khác nhau; nhưng nội dung bao giờ cũng giống nhau. Sau đây là một trường hợp điển hình trong rất nhiều trường hợp các thầy thuốc tâm thần kể lại: trường hợp một phụ nữ bốn mươi tám tuổi, tên là Marie-Yvonne. Chị thú nhận:

Ông ấy là luật sư Achille, cựu hạ nghị sĩ, thứ trưởng, thành viên Đoàn luật sư. Tôi biết ông từ ngày 12 tháng năm năm 1920. Tôi hôm trước, tôi tìm cách gặp ông ở Pháp đình; từ xa, tôi nhận thấy dáng người cao lớn của ông, nhưng không biết ông là ai: tôi cảm thấy lạnh ở xương sống...Đứng, giữa ông và tôi, có chuyện tình

⁹⁰ Thầy thuốc người Pháp (thế kỷ XX)

cảm, một tình cảm hai chiều: hai cặp mắt, hai ánh mắt đã gặp nhau. Ngay khi trông thấy ông lần đầu tiên, tôi đã có cảm tình; và ông cũng như vậy...Đầu sao ông cũng là người tỏ tình đầu tiên: lúc đó vào khoảng đầu năm 1922. Ông tiếp tôi trong phòng khách, bao giờ cũng chỉ một mình tôi; thậm chí, có lần, ông bao con trai ra ngoài...Một hôm....ông đứng dậy và vừa nói chuyện vừa bước về phía tôi. Tôi hiểu ngay đó là một biểu hiện tình cảm...ông nói những lời khiến tôi hiểu. Bằng những cử chỉ dịu dàng, ông khiến tôi hiểu là những tình cảm song phương đã gặp nhau.

Một lần khác, vẫn trong phòng khách, ông bước tới gần tôi và nói: “Bà đấy à, một mình bà chứ không phải ai khác, bà hiểu rõ chứ, phải không bà?” Tôi cảm động tới mức không biết đáp lại thế nào; tôi chỉ nói: “Cảm ơn luật sư”.

Một lần khác nữa, ông tiễn tôi từ văn phòng ra tận đường phố; thậm chí xuống đến cầu thang, ông cho anh chàng đi theo sau hai mươi xu và bảo: “Cậu để mặc tôi, cậu thấy là tôi đang đi với bà đây chứ!” Tất cả là để tiễn chân tôi và đi một mình với tôi. Bao giờ ông cũng siết chặt tay tôi. Trong bản cáo trạng đầu tiên trước tòa án, ông cho người ta hiểu mình là người độc thân.

Ông đóng vai một kếp hát đến trong sân, muốn cho tôi hiểu tình yêu của ông...Ông đứng nhìn từ dưới cửa sổ phòng tôi; hình như ông muốn hát lên bản tình ca của mình. Tôi thật ngốc nghếch. Nhẽ ra tôi phải đáp ứng những lời ngỏ ý của ông. Tôi đã làm nhụt lòng luật sư Achille...; ông ngỡ là bị tôi cự tuyệt và đã hành động, đã trả thù. Giá ông nói han ra với tôi. Ông ngỡ tôi có tình cảm đối với B...và ông ghen...Ông dùng bức ảnh của tôi làm tôi đau khổ bằng phù chài. Chỉ ít đó cũng là điều năm nay tôi phát hiện ra nhờ nghiên cứu sách báo, từ điển. Ông đã làm tình làm tội bức anh ấy; và tất cả phát sinh từ đó...

Quả thật, sự hoang tưởng này dễ biến thành hoang tưởng bị truy hại (délire de persécution). Và người ta gặp quá trình này ngay cả trong những

trường hợp bình thường. Người phụ nữ tự yêu mình không thể nghĩ là người khác không nồng nhiệt quan tâm tới họ. Hễ có chứng cứ rõ ràng mình không được yêu quý là họ giả định bị người ta thù hận. Mọi lời phê phán đối với họ, họ đều cho là do ghen tị, thù ghét. Thất bại của họ là hệ quả của những mưu kế đen tối; và qua đó, khiến họ tin chắc vị trí quan trọng của mình. Họ dễ dàng trượt tòi hoang tưởng tự đại (mégalomanie), hay hoang tưởng truy hại vốn là hình ảnh đảo ngược của hoang tưởng tự đại: họ cho mình là trung tâm của vũ trụ và không biết tới vũ trụ nào khác vũ trụ của mình.

Nhưng vở hài kịch tự yêu mình có hại cho cuộc đời thực: một nhân vật hư ảo thiết tha mong muốn sự khám phục của một công chúng hư ảo. Người phụ nữ bị cái tôi của mình xâu xé, không còn có thể hiểu biết gì hết về thế giới cụ thể, không còn quan tâm thiết lập bất kỳ mối quan hệ thực tế nào với người khác. Giá linh cảm những lời mỉa mai mà buổi tối những “người ca ngợi” bà ghi trong sổ tay, thì chắc hẳn bá de Stael không thiết tha biểu diễn Phèdre đến thế. Nhưng người phụ nữ tự yêu mình không chấp nhận người ta có thể thấy mình không phải giống như mình tự thể hiện ra ngoài. Vì vậy, dù một mực tự mình ngắm mình, họ vẫn khó lòng tự đánh giá mình và dễ dàng rơi vào cảnh lố bịch.

Chỉ một mực ngắm nghĩa mình, họ không trông thấy gì hết. Tất cả những gì họ không thể đồng hoá với trường hợp của mình, với lịch sử của mình, đều xa lạ đối với họ. Họ thích nhân lên gấp bội các lánh nghiệm bản thân; muốn biết niềm mê say và những nỗi khắc khoải của cô gái đang yêu, những niềm vui trọn vẹn của sự sinh nở, tình bạn, cảnh cô đơn, những giọt nước mắt, những tiếng cười. Nhưng vì không bao giờ có thể hiện dâng mình nên tình cảm và những mối xúc động của họ đều giả tạo. Dĩ nhiên Isadora Duncan khóc cái chết của những đứa con với những giọt nước mắt thực sự. Nhưng khi ném những năm tro thi hài chúng xuống biển với một

cử chỉ khoa trương, bà chỉ là một người đóng kịch; và người ta không thể không khó chịu khi đọc đoạn văn sau đây trong cuốn *Đời tôi* trong, đó bà gọi lại nỗi âu sầu của mình:

Tôi cảm thấy cái ấm áp của thân thể mình. Tôi cúi nhìn đôi cẳng chân để trên cẳng duỗi, nhìn hộ ngực mượt mà;; nhìn hai cánh tay không bao giờ bất động mà luôn luôn uốn éo một cách dịu dàng, và tôi thấy từ mười hai năm nay, mình mệt mỏi, thấy bộ ngực này chứa chất một nỗi đau khôn nguôi, thấy đôi bàn tay này mang dấu ấn nỗi u buồn và thấy khi ngồi một mình, cặp mắt này ít khi khô ráo.

Trong sự sùng bái cái tôi của mình, cô thiếu nữ có thể có can đảm tiếp cận một tương lai đáng lo lắng; nhưng đó là một giai đoạn phải nhanh chóng vượt qua. Nếu không, tương lai sẽ khép lại. Tự tha hoá mình trong hình bóng tưởng tượng của mình, cô gái tự yêu bản thân mình sẽ tự đánh mất mình. Các kỷ niệm của nàng trở nên cố định; hành vi trở nên xơ cứng; nàng nhắc lại những từ ngữ, lặp lại những cử chỉ ngày một mất hết mọi nội dung. Đó là nguồn gốc của cảm giác nghèo nàn của rất nhiều “nhật ký tâm tình” hay của những bản “tự thuật của phụ nữ”. Chỉ lo tự tán dương mình, người phụ nữ khi không làm gì hết cũng tức là không tạo lập gì hết cho cuộc sống và chỉ tán dương một cái hư vô.

Nỗi bất hạnh của họ là dù sao họ cũng nếm trải cái hư vô ấy. Không thể có quan hệ thực sự giữa một con người và hình bóng của mình, vì hình bóng ấy đâu có tồn tại. Người phụ nữ tự yêu mình phải chịu thất bại một cách triệt để: không thể tự xem mình với tư cách toàn bộ, trọn vẹn, không thể duy trì cái ảo ảnh tồn tại trong mình cho mình. Nỗi niềm cô đơn của họ, cũng như của mọi con người, bị cảm nhận như một sự ngẫu nhiên, một sự bỏ rơi. Và chính vì vậy - trừ phi có một sự biến cải - họ buộc phải không ngừng tự trốn thoát mình để chạy tới đám đông, tiếng ồn ã, tới những người khác.

Sẽ sai lầm lớn nếu cho rằng trong lúc tự chọn bản thân mình làm mục đích tối hậu, họ thoát khỏi sự phụ thuộc: trái lại, họ sẽ hiến mình cho cảnh nô lệ nghiệt ngã nhất, không lấy cuộc sống tự do của mình làm chỗ tựa, và biến mình thành một khách thể đang gặp nguy biến trên đời và trong những ý thức xa lạ. Chẳng những gương mặt và thân thể của họ là một thứ thể xác có thể tàn rữa và bị thời gian làm phôi pha; mà trong thực tiễn, trang điểm thân tượng, dựng lên cho thân tượng một cái bệ, xây cho thân tượng một ngôi đền thờ là một việc làm đắt giá. Đối với phụ nữ, đàn ông là hiện thân của số mệnh, nên thông thường, họ tính toán sự thành công của mình bằng số lượng và chất lượng đàn ông phục tùng quyền lực của họ. Nhưng ở đây, một lần nữa, tính tương hỗ lại phát huy tác dụng. Con “bọ ngựa” tìm cách biến con đực thành một công cụ, nhưng không thể vì vậy mà thoát khỏi con đực, vì muốn xiềng xích con đực thì phải làm nó vui lòng.

Trong lúc muốn làm thân tượng, phụ nữ Mỹ trở thành nô lệ của những người sùng bái mình; họ chỉ trang phục, chỉ sống, chỉ hít thở vì người đàn ông và cho người đàn ông. Thực ra, cô gái tự yêu mình cũng chịu phụ thuộc như cô gái giang hồ. Chỉ có chấp nhận sự độc đoán của dư luận mới thoát khỏi sự thống trị của một người đàn ông riêng biệt. Sợi dây buộc chặt họ vào người khác không hàm chứa tính tương hỗ của sự trao đổi. Nếu tìm cách để được thừa nhận qua quyền tự do của người khác trong lúc vẫn thừa nhận quyền tự do ấy với tư cách mục đích qua hoạt động, thì họ không còn là người tự yêu mình nữa.

Điều nghịch lý trong thái độ của họ là ở chỗ đòi hỏi xã hội đánh giá cao mình trong lúc họ phủ nhận mọi giá trị của xã hội ấy, vì trước mắt họ, chỉ có riêng họ là có giá trị. Sự đồng tình của người ngoài là một lực lượng phi nhân, bí ẩn, biến động người ta phải tìm cách chiếm đoạt bằng phù phép. Cho dù bề ngoài kiêu hãnh, người phụ nữ tự yêu mình vẫn cảm thấy bị uy

hiếp, nên lo lắng, nghi kỵ, dễ giận dữ, luôn luôn rình rập. Nỗi lòng cao ngạo của họ không bao giờ được thỏa mãn. Tuổi càng già, họ càng lo lắng tìm kiếm những lời ngợi khen và những sự thành đạt, càng ngờ vực những âm mưu quanh mình. Bị lầm đường, bị ám ảnh, họ ngụp lặn trong đêm trường những mưu mô này nọ, và rốt cuộc thường rơi vào trạng thái mê sảng mạn tính. Câu nói “Người nào muốn cứu thoát cuộc sống sẽ đánh mất nó” có thể áp dụng một cách đặc biệt đối với họ.

CHƯƠNG II: NGƯỜI PHỤ NỮ SI TÌNH

Từ “tình yêu” hoàn toàn không có cùng một nghĩa đối với hai giới nam nữ, và đó là cội nguồn của những sự hiểu lầm nghiêm trọng giữa họ với nhau. Byron⁹¹ nói một cách đúng đắn rằng tình yêu chỉ là một công việc trong đời sống người đàn ông, trong lúc nó chính là bản thân cuộc sống của người phụ nữ. Nietzsche⁹² cũng thể hiện quan niệm ấy trong cuốn *Khoa học vui vẻ* (Gai Sayoir):

Quả thật-ông nói-từ “tình yêu” biểu đạt hai sự việc khác nhau đối với đàn ông và đàn bà. Đàn bà hiểu khá rõ ràng thế nào là tình yêu: không phải chỉ là sự tận tụy mà còn là sự hiến dâng trọn vẹn cả thể xác lẫn tâm hồn, trong lúc không mảy may chú ý tới bất cứ cái gì khác. Chính trạng thái vô điều kiện này biến tình yêu thành một tín ngưỡng, tín ngưỡng duy nhất của họ. Còn đàn ông, nếu yêu một người đàn bà, thì chính là anh ta mong muốn tình yêu ấy của nàng. Vì vậy, anh ta không thể có đối với bản thân mình một tình cảm giống như tình cảm đối với nàng. Giả dụ có những người đàn ông cũng muốn hoàn toàn hy sinh mình như vậy, thì - lạy Chúa - họ không còn là đàn ông nữa!

⁹¹ Thi hào Anh (thế kỷ XIX)

⁹² Triết gia Đức (thế kỷ XX)

Có những người đàn ông có thể, vào những lúc nhất định nào đó trong cuộc đời, là những người tình say mê, nhưng không có những người mà người ta có thể xác định là “một người tình vĩ đại”. Ngay giữa nỗi niềm say mê cuồng nhiệt nhất, họ cũng không bao giờ tự khước từ mình hoàn toàn; và dù có quỳ xuống dưới chân người tình, họ cũng chỉ có một mong muốn là chiếm hữu nàng, chinh phục nàng. Suốt đời họ vẫn là những chủ thể tối thượng, và người đàn bà được yêu chỉ là một giá trị trong số những giá trị khác. Trái lại, đối với phụ nữ, tình yêu là một sự tự khước từ mình hoàn toàn để hiến dâng cho người yêu.

Người phụ nữ phải quên nhân cách riêng của mình khi yêu - một nữ tác giả viết -. Đó là một quy luật tự nhiên. Người phụ nữ không tồn tại nếu không có một ông chủ. Không chú, họ chỉ là một bó hoa tả tơi.

Thực ra, đây không phải là một quy luật tự nhiên, mà là sự khác biệt về vị trí được phản ánh trong quan niệm của đàn ông và đàn bà về tình yêu. Khi một người là chủ thể, là chính bản thân mình, khi người đó thiết tha sự siêu nghiệm, thì anh ta cố gắng mở rộng ảnh hưởng đối với thế giới: anh ta cố tham vọng, anh ta hành động. Còn người không cảm thấy mình là chủ yếu thì không thể phát hiện cái tuyệt đối trong lòng tính chủ thể của mình; và người chấp nhận sự nội tại thì không thể tự thể hiện mình trong hành động.

Bị nhốt chặt trong địa hạt cái tương đối, và với thân phận lệ thuộc vào đàn ông ngay từ tuổi ấu thơ, lại vốn quen cho đàn ông là một chúa thượng mình không được phép tự coi mình bình đẳng với họ, phụ nữ ước mơ - khi chưa thủ tiêu yêu cầu làm một con người - vượt qua thực thể mình để vươn tới những thực thể cao hơn, và liên kết, hoà nhập làm một với chủ thể tối thượng. Họ không có lối thoát nào khác là hy sinh cả thể xác lẫn tâm hồn cho người đàn ông vốn được coi là tuyệt đối, là chủ yếu.

Qua thể xác, tình cảm và hành vi của mình, họ hết lòng tán dương người yêu, xem người yêu là giá trị tối thượng, là hiện thực tối thượng; họ tự thủ tiêu mình trước mắt người yêu. Tình yêu đối với họ trở thành một thứ tôn giáo.

Như phần trên đã đề cập, cô thiếu nữ bắt đầu muốn đồng nhất hoá với đàn ông. Nếu không, thì tìm cách tham gia vào nam tính của họ và làm cho một người trong số họ yêu mình. Không phải tính cá thể của người đàn ông này hay của người đàn ông kia cảm dỗ nàng: nàng yêu người đàn ông nói chung.

Dĩ nhiên người đàn ông phải cùng một giai cấp, một chủng tộc với nàng: ưu thế của giới chỉ phát huy các dung trong khuôn khổ ấy. Muốn là một vị á thần, trước hết, người đó phải là một con người. Đối với có con gái của một viên sĩ quan thực dân, người bản địa không phải là một con người. Nếu một cô gái hiến mình cho một “kẻ dưới”, ấy là do cô ta tìm cách hạ thấp phẩm giá của mình vì tự nghĩ mình không xứng đáng với tình yêu. Thông thường, cô gái tìm kiếm người đàn ông thể hiện được ưu thế của nam giới. Nàng sớm nhận thấy nhiều người trong giới mày râu là những kẻ tầm thường và phàm tục một cách đáng chán; nhưng lúc đầu có thiện cảm với họ: họ phải chứng minh giá trị của mình ít hơn là tránh cái chính nó một cách thô bạo. Do vậy xảy ra nhiều trường hợp nhầm lẫn thường rất đáng tiếc. Cô thiếu nữ ngây thơ bị tấm gương nam tính phản phờ.

Tùy theo hoàn cảnh, giá trị của người đàn ông được thể hiện trước mắt cô gái qua thể lực, phong cách thanh nhã, sự giàu có, trình độ văn hoá, trí tuệ, quyền uy, địa vị xã hội, hay một bộ quân phục. Nhưng điều nàng luôn luôn mong mỏi, là bản chất đàn ông được thâm tóm trong người tình. Thông thường chỉ sự thân quen không thôi cũng đủ để tiêu diệt uy tín của anh ta. Nó tiêu tan sau nụ hôn đầu tiên, hoặc trong những cuộc gặp gỡ thường nhật, hoặc nữa trong đêm tân hôn.

Tuy nhiên, tình yêu xa cách chỉ là một ảo ảnh, chứ không phải một kinh nghiệm thực tế. Chỉ khi nào được khẳng định một cách vật chất thì dục vọng yêu đương mới trở thành một tình yêu say đắm. Ngược lại, tình yêu có thể nảy sinh từ những vòng tay siết chặt, trong lúc người đàn bà bị chinh phục về tình dục, kích thích người đàn ông mà lúc đó nàng cho là vô nghĩa. Nhưng tình hình thường xảy ra là người phụ nữ không thể biến bất kỳ người đàn ông nào mình quen biết thành một vị thần. Trong đời sống phụ nữ, tình yêu giữ vị trí không tới mức quan trọng như người ta vẫn thường nêu lên. Chồng, con, gia đình, vui chơi, quan hệ xã hội, sự nghiệp, quan trọng hơn nhiều. Hầu hết phụ nữ đều ước mơ một “tình yêu lớn”, nhưng rất ít người được mãn nguyện. Thông thường, được hưởng một “mối tình lớn” là những phụ nữ đã không làm mòn mỏi trái tim mình trong những cuộc tình bốn cột lúc tuổi trẻ. Ngay từ buổi đầu, họ đã chấp nhận số phận truyền thống của người phụ nữ; một người chồng, một mái ấm, những đứa con; hoặc đã thử sức trong một công việc ít nhiều thất bại; hoặc nữa đã phải chịu đựng một nỗi cô đơn đau khổ. Khi thoáng thấy cơ may cứu thoát cuộc đời buồn bã của mình bằng cách giao phó nó cho một con người siêu việt, họ cuồng nhiệt lao theo niềm hy vọng ấy. Juliette Drouet⁹³ và bà d’Agoult⁹⁴, tuổi gần ba mươi lúc bước vào cuộc đời tình ái; Julie de Lespinasse⁹⁵ thì suýt soát bốn mươi. Họ không tự đặt cho mình một mục đích nào hết, không thấy có khả năng làm bất cứ việc gì mà họ cho là có giá trị: họ chỉ thấy có một lối thoát là tình yêu.

Dẫu cho được quyền độc lập đi nữa, con đường tình ái vẫn là con đường hấp dẫn nhất đối với số đông phụ nữ: phải tự đảm nhận lấy trách nhiệm cuộc đời thì thật đáng khiếp hãi. Điều may mắn của đàn ông - lúc đã trưởng thành cũng như trong buổi ấu thơ - là buộc phải dấn thân vào

⁹³ Nữ nghệ sĩ Pháp (thế kỷ XIX), người bạn đời của Victor Hugo.

⁹⁴ Nữ văn sĩ Pháp (thế kỷ XIX).

⁹⁵ Nữ chủ nhân một salon văn học nổi tiếng ở Paris thế kỷ XVIII.

những con đường cam go nhất nhưng chắc chắn nhất. Còn nỗi bất hạnh của phụ nữ là bị bao vây bởi những sự cám dỗ hầu như không sao cưỡng nổi. Mọi sự trên đời khuyến khích họ đi theo con dốc của sự dễ dãi, thay vì khuyến khích họ đấu tranh cho quyền lợi bản thân, người ta bảo họ cứ để mình trượt dài trên con dốc ấy và sẽ đạt tới những chốn thiên đường đầy quyến rũ. Khi nhận ra mình bị một áo ảnh phỉnh phờ, thì đã quá muộn; sức lực đã mòn mỏi trên bước đường phiêu lưu ấy!

Phụ nữ không muốn một con người tái hiện thân trong một con người khác, mà muốn phục hồi một vị trí - vị trí họ đã từng trải qua lúc là cô bé gái và được người lớn bảo vệ -. Họ đã từng được sáp nhập sâu sắc vào mái ấm gia đình, đã từng nếm trải trong đó trạng thái yên ổn của cuộc sống hầu như bị động. Tình yêu sẽ trả lại cho họ cả bố lẫn mẹ, trả lại tuổi ấu thơ. Điều họ mong ước, là một mái nhà trên đầu, những bức tường che giấu cho họ nỗi cô đơn của mình trong lòng thế giới, những đạo luật bảo vệ họ chống lại sự tự do của mình.

Giấc mơ trẻ thơ ấy ám ảnh rất nhiều tình yêu của nữ giới. Phụ nữ sung sướng khi được người yêu gọi mình là: “cô gái bé nhỏ của anh, cô gái yêu quý của anh”. Đàn ông biết rõ mấy từ: “Em có vẻ một cô bé gái hoàn toàn” là những từ làm xúc động chắc chắn trái tim phụ nữ hơn hết. Có biết bao phụ nữ đau khổ khi trở thành thành niên. Nhiều người khẳng khẳng muốn “làm trẻ nhỏ”, kéo dài vô tận tuổi thơ trong hành động và trang phục. Họ hân hoan khi trở thành một cô bé trong vòng tay đàn ông. Cái điệp khúc:

Em cảm thấy nhỏ bé, nhỏ bé biết chừng nào

Trong vòng tay anh, hồi anh yêu...

được lặp đi lặp lại không chán trong những buổi tình tự và những bức thư tình. Chàng trai thầm thì: “Em bé bỏng của anh”; còn cô gái thì tự

xung mình là “bé gái nhỏ của anh”. Một nhà văn nữ viết “Đến bao giờ thì chàng tới, người có thể chinh phục mình?”

Và viết tiếp khi nghĩ mình đã gặp chàng:

“Em muốn cảm thấy anh là một người đàn ông và hơn hẳn em.”

Một bệnh nhân “Suy nhược tâm thần, đối tượng nghiên cứu của Janet⁹⁶ minh họa thái độ ấy một cách nổi bật:

Dù hồi tưởng quá khứ xa tới đâu, tôi vẫn thấy mọi sự đại dột hay hành động tốt đẹp của mình trước kia, đều do một nguyên nhân giống nhau là ước vọng một tình yêu lý tưởng và trọn vẹn trong đó tôi có thể giao phó toàn bộ con người mình cho một người khác, dù là Thượng đế, đàn ông hay đàn bà, hơn hẳn tôi tới mức tôi không còn cần nghĩ tới chuyện xử sự như thế nào trên đời hoặc chăm sóc bản thân mình nữa. Tôi ao ước tìm thấy một người yêu thương mình tới mức lo lắng cho mình được sống, một người mà mình muốn nghe lời một cách mù quáng và với lòng tin cậy hoàn toàn, định ninh chàng sẽ tránh cho mình mọi thiếu sót và dẫn mình thẳng bước, hết sức dịu dàng và thương yêu, tới cái tận thiện, tận mỹ. Tôi ao ước biết chừng nào môi tình lý tưởng của Marie-Madeleine⁹⁷ và chúa Jesus; ao ước làm một đồ đệ nhiệt thành của một người thầy đáng kính, ao ước sống và chết vì thân tượng người thầy, hoàn toàn tin tưởng, không một thoáng nghi ngờ, cuối cùng nắm chắc sự toàn thắng của Thiên thần đối với con thú, nằm gọn trong vòng tay người đó, trong sự che chở của người đó và tự cảm thấy mình nhỏ bé, hoàn toàn thuộc về người đó tới mức bản thân mình không tồn tại nữa.

Vô số ví dụ chứng minh rằng ước mơ tự thủ tiêu mình ấy, thực ra là một nguyện vọng tồn tại tha thiết. Trong mọi tôn giáo, đối với người tín đồ thành kính, sự sùng bái Thượng đế hoà nhập làm một với mối quan tâm đối với chính hạnh phúc bản thân. Trong khi hiến dâng mình hoàn toàn

⁹⁶ Thầy thuốc tâm thần và nhà tâm lý học Pháp hiện đại.

⁹⁷ Theo Kinh Phúc âm, là người phụ nữ vô danh xông hương cho đôi bàn chân của chúa Juses.

cho thần tượng, người phụ nữ hy vọng vừa tự chiếm hữu bản thân mình vừa chiếm hữu vũ trụ thâu tóm trong thần tượng ấy. Thông thường, trước hết, họ đòi hỏi người yêu biện minh, khích lệ cái tôi của họ. Nhiều phụ nữ chỉ hiến mình cho tình yêu nếu mình được yêu thương trong sự đền đáp; và đôi khi, tình yêu người ta biểu lộ với họ đủ làm cho họ say mê. Cô thiếu nữ tự mơ ước về mình qua những cặp mắt đàn ông; và rốt cuộc người phụ nữ cũng nghĩ tự tìm thấy mình trong ánh mắt đàn ông. Một nhà văn nữ viết:

Cất bước bên anh, đưa về phía trước đôi bàn chân nhỏ nhắn mà anh quý mến, cảm thấy chúng mảnh mai trong đôi giày cao gót, em cảm thấy trân trọng tình cảm yêu quý của anh đối với tất cả những thứ đó. Những cử chỉ nhỏ nhoi nhất của đôi bàn tay em, đôi cánh tay em, gương mặt em, những cung bậc trong giọng nói em khiến em tràn trề hạnh phúc.

Phụ nữ cảm thấy mình có một giá trị to lớn và vững chắc; và rốt cuộc được phép tự yêu mình qua tình yêu mình khơi gợi. Họ say sưa tìm thấy ở người yêu mình một nhân chứng. Đó là điều *Người đàn bà Lang thang* của Colette thú nhận:

Tôi đã nhượng bộ - phải thú thật như vậy -, quả tôi đã nhượng bộ lòng ham muốn giữ lại ở người đàn ông ấy, không phải một người tình, cũng không phải một người bạn, mà là một khán giả khát khao đối với cuộc đời và con người tôi, trong lúc cho phép chàng ngày mai quay lại... Một hôm, Margot từng bảo tôi là phải già đi một cách khủng khiếp mới có thể khước từ cái ảo ảnh sống trước mắt một ai đó.

Trong một bức thư gửi Middleton Murry⁹⁸, Katherine Mansfield kể lại mình vừa mua một chiếc course màu hoa cà tuyệt vời, rồi viết tiếp ngay: “Tiếc là không có ai trông thấy nó hết!” Không có gì xót xa hơn cảm thấy

⁹⁸ Người chồng đầu tiên của nữ sĩ Mansfield.

mình là bông hoa, là mùi hương, là báu vật mà không một dực vọng nào đòi hỏi: một sự giàu có nhưng không làm bản thân mình giàu có lên và không một ai muốn có, thì là cái gì? Tình yêu là chất thuốc hiện hình (révélateur) làm xuất hiện bằng những nét xác thực và rõ ràng cái hình ảnh mờ nhạt hư ảo chẳng khác nào một âm bản (cliché) nhợt nhạt. Trong tình yêu, gương mặt người phụ nữ, những đường nét trên thân thể, những kỷ niệm ấu thơ, những giọt nước mắt ngày trước, những tấm áo dài, những thói quen, vũ trụ của họ, tất cả, tất cả đều thoát khỏi sự ngẫu nhiên và trở nên cần thiết: họ là món quà kỳ diệu dưới chân bàn thờ thần ái tình. Mary Webb⁹⁹ viết:

Trước khi chàng chưa dụi dàng đặt đôi bàn tay lên đôi vai nàng, cặp mắt chàng chưa no nê hình ảnh nàng, nàng vốn chỉ là một người đàn bà không thật nhan sắc trong một thế giới mờ nhạt và buồn tẻ. Nhưng từ khoảnh khắc chàng hôn nàng, nàng bỗng lồ lộ trong ánh sáng rạng rỡ của sự bất tử.

Vì vậy những người đàn ông có uy tín xã hội và khéo phỉnh nịnh lòng tự tin của phụ nữ có thể khiến người ta say mê, dù không một chút hấp dẫn về hình hài. Do địa vị cao của mình, họ là hiện thân của Pháp luật, của Chân lý: ý thức của họ bộc lộ một hiện thực không ai phủ nhận. Người phụ nữ được họ tán dương cảm thấy mình trở thành một báu vật vô giá. Theo lời Isadora Duncan, đó là cội nguồn chẳng hạn, của những thành tựu của d'Annunzio¹⁰⁰.

Khi yêu một người đàn bà, d'Annunzio nâng tâm hồn của mình lên cao trên trái đất tới những miền trong đó Béatrice¹⁰¹ chuyển động và rực sáng hào quang. Lần lượt chàng đưa mỗi người phụ nữ vào địa hạt thần thánh, đưa nàng lên cao, lên cao mãi tới mức nàng thực sự ngỡ mình ngang tầm

⁹⁹ Nữ văn sĩ Anh hiện đại

¹⁰⁰ Nhà văn hiện đại Italia nổi tiếng

¹⁰¹ Người phụ nữ quý tộc Italia (thế kỷ XIII), thần tượng của thi hào Dante trong *Hài kịch Thần thánh*.

Béatrice... chàng lần lượt khoác lên mỗi một người yêu một tấm khăn choàng chói lọi. Nàng tự nâng mình lên trên những sinh linh khác và cất bước giữa một ánh sáng kỳ lạ. Nhưng khi hứng thú của nhà thơ chấm dứt và chàng bỏ rơi nàng để đến với một người khác, thì tâm màn ánh sáng biến mất, ánh hào quang bị dập tắt và nàng rơi trở lại vào cái vỏ bọc thường ngày...Được nghe những lời tán dương với cái lối phù phép riêng biệt của d'Annuzio, là một niềm vui có thể sánh với niềm vui của Eve khi nghe tiếng rần gọi trên Thiên đường¹⁰². D'Annuzio có thể làm cho mỗi người phụ nữ có cảm giác mình là trung tâm của Vũ trụ. Chỉ có trong tình yêu, phụ nữ mới có thể kết hợp một cách hài hoà hiện tượng hứng dục và lòng tự yêu mình của họ. Giữa hai mặt này, có một sự đối lập khiến cho phụ nữ rất khó thích ứng với hành vi tình dục của mình. Biến mình thành đối tượng xác thịt, thành con môi, mâu thuẫn với tinh thần tự sùng bái mình: họ có cảm giác những vòng tay ôm ấp làm tàn úa và dơ dáy thể xác hoặc làm sa sút tâm hồn họ. Vì vậy, một số phụ nữ chọn sự lãnh dục với ý nghĩ có thể như thế là giữ được nguyên vẹn cái tôi của mình. Những người khác tách rời những khoái cảm thú vật khỏi những tình cảm cao thượng. Một trường hợp rất điển hình là trường hợp bà D.S...do một thầy thuốc tâm thần kể lại:

Lãnh dục đối với một người chồng bà vốn kính trọng, sau khi chồng mất, bà gặp một chàng trai cũng nghệ sĩ, một nhạc sĩ tài năng, và trở thành người tình của chàng. Tình yêu của bà vốn và vẫn còn tuyệt đối tới mức bà chỉ cảm thấy hạnh phúc cạnh chàng. Toàn bộ cuộc đời bà nằm trong tình yêu của Lothar. Nhưng tuy yêu chàng nồng cháy, bà vẫn lãnh dục trong vòng tay chàng. Một người đàn ông khác gặp bà trên đường. Một nhân viên Kiểm lâm lục lưỡng và thô bạo một hôm gặp bà một mình và chiếm đoạt bà một cách đơn giản, không dài dòng gì hết. Bà bối rối tới mức không kịp chống trả. Nhưng trong vòng tay anh ta, bà cảm thấy

¹⁰² Theo Kinh thánh, bị rắn cám dỗ, Eve ăn và khiến Adam cùng ăn quả cấm trên Thiên đường.

niêm cực khoái hết sức dữ dội. “Trong vòng tay anh ta - bà nói - tôi cảm thấy như một niềm mê say hoang dại nhưng ngay sau đó là một nỗi kinh tởm khôn tả mỗi khi tôi nghĩ tới Lothar. Tôi căm ghét Paul và yêu quý Lothar. Nhưng Paul thỏa mãn tôi. Mọi thứ ở Lothar cuốn hút tôi. Nhưng hình như tôi biến thành một gái giang hồ để hưởng lạc, vì với tư cách một phụ nữ của giới hào hoa, tôi không được phép hưởng lạc. “Bà không nhận lời kết hôn với Paul nhưng vẫn tiếp tục ân ái với anh ta. Trong những lúc ấy, bà “biến mình thành một con người khác, và những lời lẽ sống sượng thoát khỏi miệng bà mà bà chưa từng bao giờ dùng tới”.

Người thầy thuốc kể chuyện trên nói thêm là “Đối với nhiều phụ nữ, trạng thái rơi vào thú tính là điều kiện của cực khoái”. Họ cho tình yêu nhục dục là một sự xấu xa không thể dung hoà với tình cảm quý mến và yêu thương. Nhưng trái lại, những người khác cho là có thể thủ tiêu sự xấu xa ấy bằng lòng kính mến, lòng yêu thương và sự ca ngợi của người đàn ông. Họ chỉ bằng lòng hiến mình cho người đàn ông khi tin chắc là được người đó yêu thiết tha. Phụ nữ phải thật sự trứ trên, thờ ơ hay kiêu sa mới xem quan hệ xác thịt là một sự trao đổi khoái cảm trong đó đôi bên đều có phần như nhau. Cũng như phụ nữ - và có thể còn hơn cả phụ nữ - đàn ông phản đối người muốn lợi dụng mình về tình dục; nhưng thông thường chính phụ nữ có cảm giác đàn ông sử dụng mình như sử dụng một công cụ. Chỉ có một sự khâm phục say mê mới bù đắp nỗi sự ô nhục của một hành vi mà họ cho là một sự thất bại. Chúng ta biết là hành vi ân ái đòi hỏi ở họ một sự tha hoá sâu xa. Họ đắm mình trong sự uể oải của trạng thái bị động; họ bắt gặp cái Toàn thể và cái tôi của họ bị thủ tiêu. Nhưng khi người đàn ông chia tay họ, họ lấy lại một cái tên gọi, một gương mặt: họ là người chiến bại, là một con mồi, một đồ vật. Chính lúc đó, tình yêu trở nên cần thiết đối với họ.

Cũng như đứa bé sau khi bỏ bú tìm kiếm ánh mắt động viên của bố mẹ, người phụ nữ phải cảm thấy mình, qua cặp mắt người yêu ngắm nhìn

mình, hoà nhập trở lại vào cái Toàn thể mà thịt da họ đã bị tách khỏi một cách đau đớn. Ít khi họ được hoàn toàn mãn nguyện. Dù đã tìm thấy sự tĩnh lặng sau khoái cảm, họ vẫn không hoàn toàn thoát khỏi sự cảm dỗ của xác thịt. Sự xao động của họ kéo dài thành tình cảm. Mang lại cho họ khoái cảm, người đàn ông buộc, chặt họ vào con người mình và không buông tha họ. Nhưng anh ta thì không còn cảm thấy ham muốn đối với họ nữa; và họ chỉ tha thứ cho anh ta sự thờ ơ một khoảnh khắc ấy nếu anh ta bày tỏ một tình cảm vĩnh hằng và tuyệt đối. Lúc đó, cái nội tại của khoảnh khắc được vượt qua; những kỷ niệm cháy bỏng không còn là một nỗi luyến tiếc, mà là cả một kho báu. Trong lúc bị dập tắt, khoái cảm trở thành hy vọng và hứa hẹn; sự hưởng thụ được khẳng định và người phụ nữ có thể đảm nhận giới tính của mình một cách vẻ vang vì đã vượt lên trên nó: sự xúc động, khoái cảm, ham muốn không còn là một trạng thái mà là một sự hiến dâng; thân thể của họ không còn là một vật thể, mà là một bài ca, một ngọn lửa. Lúc đó, họ có thể phó thác mình một cách say đắm cho sự cảm dỗ của tình dục; bóng đêm biến đổi thành ánh sáng và người phụ nữ si mê có thể mở to đôi mắt nhìn người đàn ông yêu mình và ánh mắt tôn vinh mình. Qua chàng, cõi hư vô trở thành cuộc sống dồi dào và con người biến thành giá trị. Người phụ nữ không còn bị đắm chìm trong đêm tối mịt mù, mà được nâng lên trên đôi cánh, được khích lệ tới tận trời xanh. Sự hy sinh trở thành một trạng thái ngây ngất thiêng liêng. Người phụ nữ si mê không phải chỉ là một người tự yêu mình bị tha hoá trong cái tôi; họ còn thiết tha mong muốn vượt qua giới hạn của bản thân mình và trở nên vô tận, qua vai trò trung gian của một người khác, người này vươn tới hiện thực vô tận. Lúc đầu họ hiến dâng mình cho tình yêu để cứu thoát mình; nhưng cái nghịch lý của tình yêu si mê là để tự cứu mình, rốt cuộc, họ tự phủ định mình hoàn toàn. Tình cảm của họ nhuộm màu sắc bí ẩn. Họ không còn đòi hỏi Thượng đế ca ngợi mình, tán thành mình nữa: họ muốn hoà mình vào Người, muốn tự quên mình trong vòng tay Người.

Bà d'Agoult viết: "Tôi những muốn làm một nữ thánh của tình yêu. Tôi muốn làm người tuân đạo trong những giờ phút phấn chấn và phấn nộ trong khổ hạnh." Điều sáng tỏ trong những lời nói này, là nguyện vọng tự thủ tiêu mình hoàn toàn để phá bỏ những ranh giới ngăn cách họ với người yêu. Nguyện vọng ấy cũng hàm chứa trong những dòng sau đây của một nhà văn nữ khác: "Vào thời kỳ ấy, giá có người hỏi tôi mong ước gì nhất đời, thì chắc hẳn không một chút ngập ngừng, tôi sẽ nói: mong ước làm thức ăn và ngọn lửa cho tinh thần của chàng."

Điều trước tiên phụ nữ mong ước là phục vụ. Họ sẽ cảm thấy mình là cần thiết trong lúc đáp ứng yêu cầu của người yêu; hoà nhập vào cuộc sống của chàng, tham gia vào giá trị của chàng, và cuộc sống của họ trở thành có ý nghĩa. Ngay cả những người theo thuyết huyền bí cũng muốn tin-theo lời nói của Angelus Silésius¹⁰³ - rằng Thượng đế cần đến con người; nếu không, sự hy sinh chính bản thân họ sẽ trở thành vô nghĩa. Đàn ông càng có nhiều đòi hỏi, phụ nữ càng cảm thấy mãn nguyện. Tuy cuộc sống ảm đạm bị Hugo áp đặt đối với Juliette Drouet đè nặng lên người thiếu phụ, song hình như nàng sung sướng được vâng theo lời chồng: ngồi cạnh bếp lửa, cũng là làm một điều gì đó vì hạnh phúc của người yêu. Nàng say mê tìm cách trở nên hữu ích một cách thiết thực đối với chồng: làm những món ăn ngon, xây dựng một mái ấm, chăm sóc quần áo cho chồng.

Em muốn chàng làm bẩn, làm rách quần áo càng nhiều càng tội và chỉ có một mình em - một mình em thôi - giặt giũ chúng, khâu vá chúng - đó là những dòng thư Juliette viết cho chồng -.

Juliette đọc báo cho chồng nghe, cắt nghĩa các bài báo, sắp xếp thư từ và những lời ghi chú, sao chép các bản viết tay cho chồng. Nàng buồn khi nhà thơ giao một phần công việc ấy cho con gái là Léopoldine. Chúng ta tìm thấy những nét tương tự ở người phụ nữ si mê. Nếu cần, họ tự đày đọa

¹⁰³ Nhà thần học và nhà thơ Đức (thế kỷ XVII).

mình nhân danh người yêu. Tất cả những gì là bản thân họ, tất cả những gì họ có, mọi khoảnh khắc trong đời sống họ đều phải hiến dâng cho người yêu và do đó có lý do tồn tại của chúng. Điều làm họ đau khổ là khi người yêu không đòi hỏi gì hết, tới mức một người tình tình tể phải bịa ra những yêu cầu.

Trước hết, họ tìm kiếm trong tình yêu sự khẳng định con người mình, quá khứ của mình; nhưng cũng đưa vào trong đó cả tương lai của mình nữa: nhằm làm cho tương lai cố ý nghĩa, họ dành nó cho người nắm trong tay mọi giá trị. Bằng cách đó, họ từ bỏ sự siêu nghiệm của mình, đặt nó trong sự phụ thuộc vào sự siêu nghiệm của con người chủ yếu kia để biến mình thành người chư hầu, người nô lệ. Chính vì muốn tự tìm kiếm mình, tự cứu thoát mình, họ bắt đầu tự đánh mất mình ở người kia: sự thật là dần dà họ tự đánh mất mình, và toàn bộ hiện thực là ở người kia. Tình yêu vốn được xác định buổi đầu như một sự tôn vinh của lòng tự yêu mình, rồi cuộc diễn ra trong niềm vui chua chát của một sự hy sinh thường dẫn tới tình trạng tự tiêu hủy mình.

Trong những buổi đầu của một tình yêu đắm say, người phụ nữ trở nên đẹp hơn, thanh nhã hơn trước. Bà d'Agoult viết: "Khi Adèle chải tóc cho em, em nhìn vâng trán mình vì anh yêu nó. "Gương mặt này, hình hài này, căn phòng này, cái tôi này, họ tìm cho chúng một lý do tồn tại, họ nâng niu chúng qua vai trò trung gian của người đàn ông yêu thương họ. Nhưng trái lại, ít lâu sau, họ khước từ mọi việc làm duyên dáng. Nếu người yêu yêu cầu, họ làm thay đổi cái gương mặt lúc đầu được họ yêu quý hơn cả bản thân tình yêu; họ không quan tâm tới nó nữa. Những gì là của bản thân họ, những gì họ có, họ biến thành "thái ấp" của vị chúa tể của mình. Những gì người yêu ghét bỏ, đều bị họ phủ nhận. Họ muốn dành cho người yêu mỗi nhịp đập của con tim, mỗi giọt máu, xương tủy của mình. Tất cả những gì có hại cho người yêu đều bị họ thủ tiêu một cách giận dữ.

Tôn sùng đến quá mức, có khi Juliette Drouet quỳ xuống trước chân dung Hugo và xin nhà thơ tha thứ cho những lỗi lầm nàng có thể phạm phải. Mục đích tối cao của tình yêu thế tục cũng như của tình yêu thần bí, là sự đồng nhất hoá với người yêu. Việc đánh giá các giá trị, chân lý cuộc đời đều nằm trong ý thức của người yêu. Vì vậy, phục vụ người yêu không thôi là chưa đủ. Phụ nữ tìm cách nhìn với đôi mắt người yêu; đọc những cuốn sách chàng đọc; thích những bức tranh và những bản nhạc chàng thích; chỉ chú ý tới những tranh ảnh mình cùng xem với chàng, tới những ý tưởng phát ra từ chàng; tán thành ý kiến, thiện cảm, ác cảm của chàng. Khi băn khoăn, thắc mắc, họ cố nghe câu giải đáp của chàng. Họ muốn có trong buồng phổi mình luồng không khí chàng hít thở. Những bông hoa, những trái cây đều không có hương thơm, mùi vị nếu không phải tự tay chàng trao tặng. Thậm chí không gian vật chất của họ cũng bị đảo lộn: trung tâm vũ trụ không còn là nơi họ đang đứng, mà là chỗ người yêu đang có mặt. Mọi con đường đều xuất phát từ nhà chàng và đều dẫn tới nhà chàng. Họ dùng các từ ngữ của chàng, lặp lại các cử chỉ của chàng, tiếm nhiệm các thói quen của chàng. Vũ trụ của chính mình, họ để nó tiêu tan trong sự ngẫu nhiên; họ sống trong vũ trụ của người yêu.

Hạnh phúc tối thượng của cô gái si tình là được người yêu thừa nhận như một bộ phận của chính bản thân chàng. Khi chàng nói “chúng ta”, nàng gắn mình và đồng nhất hóa mình với người yêu, chia sẻ ảnh hưởng của chàng và cùng chàng ngự trị phần còn lại của thế giới; không ngừng nhắc đi nhắc lại từ “chúng ta” ngọt ngào ấy. Trong lúc tự khước từ mình, nàng chiếm hữu được một cách huy hoàng cái tuyệt đối. Và chính niềm tin ấy mang lại cho nàng những niềm vui cao cả: nàng cảm thấy hoan hỉ ở bên phải Thượng đế. Chỉ được giữ vị trí thứ hai, việc đó đối với nàng không quan trọng, miễn nàng có vị trí của mình, vĩnh viễn, trong một thế giới được sắp đặt một cách kỳ diệu. Chừng nào còn yêu, còn được yêu và còn cần thiết đối với người yêu, chừng ấy, nàng cảm thấy mình hoàn toàn có lý

do tồn tại: nàng thường thức hoà bình và hạnh phúc: phải chăng đó là số phận của Juliette Drouet trong ánh hào quang của Hugo?

Nhưng hiếm khi diễm phúc rạng rỡ ấy được bền chặt. Không một con người nào là Thượng đế hết. Và đó là cội nguồn những nỗi đau khổ của cô gái si tình. Số phận thông thường nhất của nàng có thể thu tóm trong những lời nói nổi tiếng của Julie de Lespinasse¹⁰⁴.

“Anh thân yêu, trong mọi khoảnh khắc đời em, em yêu anh, em đau khổ và em chờ đợi anh.”

Dĩ nhiên, đối với đàn ông, khổ đau cũng gắn liền với tình yêu. Nhưng nỗi đau của họ hoặc không kéo dài hoặc không đến nỗi nhức nhối. Benjamin Constant¹⁰⁵ từng muốn quyên sinh vì Juliette Récamier¹⁰⁶; nhưng sau một năm thì hết bệnh. Stendhal luyến tiếc trong nhiều năm cô bạn Méthide, nhưng đó là niềm luyến tiếc làm cuộc đời nhà văn thêm ngát hương hơn là tàn phá nó. Còn phụ nữ thì tự tạo cho mình một chốn địa ngục trong lúc tự khép mình vào thân phận thứ yếu, chấp nhận một sự lệ thuộc hoàn toàn. Mọi cô gái si tình đều tự nhận ra mình trong nàng ngư nữ nhỏ bé của Andersen¹⁰⁷ cất bước trên những cây kim và lớp than đỏ rực sau khi, vì tình yêu, đổi chiếc đuôi cá trên thân hình mình lấy đôi chân phụ nữ.

Một tình yêu đích thực không thể là một sự cứu nguy, mà là một mối quan hệ giữa con người với con người. Tình yêu mù quáng khoá cho người đàn ông được yêu một giá trị tuyệt đối. Đó là sự đối trá đầu tiên lộ lộ trước mọi ánh mắt người ngoài cuộc: “Hắn không xứng đáng với bấy nhiêu tình yêu nồng cháy” là những lời rỉ râm xung quanh cô gái si tình. Người phụ nữ thất vọng một cách xót xa khi phát hiện ra những khiếm

¹⁰⁴ Nữ chủ nhân một salon văn học nổi tiếng ở Paris (thế kỷ XVII).

¹⁰⁵ Chính khách và nhà văn Pháp (thế kỷ XIX).

¹⁰⁶ Nữ chủ nhân một salon văn học và chính trị ở Pháp (thế kỷ XIX).

¹⁰⁷ Nhà văn Đan Mạch (thế kỷ XIX).

khuyết và sự tầm thường của thân tượng của mình. Trong *Cô gái lang thang* (*La Vagabonde*) và *Tôi tập sự* (*Mes apprentissages*), Colette thường nhắc tới nỗi đau khổ ấy. Nỗi thất vọng ấy còn đau đớn hơn nỗi thất vọng của đứa trẻ khi thấy sụp đổ uy tín của ông bố, vì người phụ nữ tự mình chọn lấy người mà nàng hiến dâng cả cuộc đời mình.

Nhân danh niềm vinh quang mà nàng đã đặt ánh hào quang lên vầng trán người yêu, cô gái si tình không cho phép chàng một chút yếu kém nào. Nàng thất vọng và bực tức nếu chàng không ứng với cái hình ảnh nàng đã khoác cho chàng. Nếu chàng mệt mỏi, lơ đãng, nếu chàng đói, khát không đúng lúc, nếu chàng nhảm lẫn, tự mâu thuẫn với mình, thì nàng cho là chàng “kém sút bản thân mình” và nàng trách cứ. Có khi sự sùng bái của nàng được thỏa mãn với sự vắng mặt hơn với sự hiện diện. Có những phụ nữ hiến mình cho những anh hùng đã mất hoặc không thể với tới, để không bao giờ phải đối chiếu họ với những con người bằng xương bằng thịt là những con người không thể không làm vỡ mộng của họ. Từ đó có những khẩu hiệu bi quan: “Chớ có tin vào Chàng giai công tử. Đàn ông chỉ là những con người đáng thương.” Họ đâu có vẻ như những người lùn nếu người ta không yêu cầu họ làm những người khổng lồ?

Đó là một trong những điều bất hạnh đè nặng lên người phụ nữ đam mê: tình yêu chẳng mấy chốc mà biến thành đòi hỏi. Tự tha hoá trong một người khác, nàng cũng muốn tự phục hồi mình: nàng phải chiếm hữu cái con người kia đang nắm cả cuộc đời mình. Nàng hiến dâng mình hoàn toàn cho chàng; nhưng chàng cũng phải hoàn toàn sẵn sàng để đón nhận một cách xứng đáng sự hiến dâng ấy. Nàng dành cho chàng mọi khoảnh khắc, nhưng mỗi khoảnh khắc, chàng phải có mặt. Nàng chỉ có thể sống vì

chàng; nhưng nàng muốn sống, và chàng phải hy sinh để làm nàng được sống. Bà d'Agoult viết cho Liszt¹⁰⁸:

Đôi khi em yêu anh một cách ngốc nghếch và những lúc ấy, em hiểu là em không thể, không muốn và không nên trở thành vật cuốn hút tâm trí anh giống như anh là vật đó đối với em. Bà tìm cách kìm hãm nỗi ước mong bột phát của mình là: hoàn toàn hiến dâng cho người yêu. Cũng cùng một lời kêu gọi như vậy khi cô de Lespinasse than thở:

Lạy Chúa! Giá anh biết thế nào là những ngày, thế nào là cuộc sống thiếu hứng thú và niềm vui được trông thấy anh! Anh thân yêu, vui chơi, làm việc, hoạt động là đủ cho anh; còn em, hạnh phúc của em là anh, là chỉ có anh. Em không thiết sống nếu không được thấy, được yêu anh vào mỗi một thời khắc cuộc đời em.

Lúc đầu, cô gái si tình hân hoan thỏa mãn ham muốn của người yêu; về sau - giống như anh lính cứu hỏa trong giai thoại vì say mê nghề nghiệp nên gầy ra khắp nơi những đám cháy -, nàng tìm cách khơi gợi ham muốn ấy để thỏa mãn nó. Nếu không thành công, nàng cảm thấy nhục nhã, vô dụng tới mức người yêu phải giá vờ những niềm say đắm mình không thực sự cảm thấy. Trong lúc tự mình lam nô lệ, nàng tìm ra phương tiện chắc chắn nhất để trói buộc chàng. Đó là một sự dối trá khác của tình yêu mà nhiều người đàn ông - trong đó có Lawrence¹⁰⁹, Montherlant¹¹⁰- đã tố cáo một cách giận dữ: nó tự xem là một sự hiến dâng trong lúc nó là một trò độc đoán.

Trong *Adolphe*, Benjamin miêu tả một cách chua chát xiềng xích mà niềm say mê quá mức của phụ nữ tạo nên đối với đàn ông. Ông viết một cách cay độc về Elléonore¹¹¹: “Nàng không tính toán sự hy sinh của mình vì

¹⁰⁸ Nhà soạn nhạc và nghệ sĩ Piano Hungari (thế kỷ XIX).

¹⁰⁹ Nhà thơ và nhà tiểu thuyết hiện đại Anh.

¹¹⁰ Nhà văn hiện đại Pháp.

¹¹¹ Nữ nhân vật trong tiểu thuyết *Adolphe*.

chỉ lo làm thế nào để tôi chấp nhận chúng”. Chấp nhận quả là một sự trói buộc người tình, trong lúc thậm chí anh ta không thể xuất hiện với tư cách người hiến tặng. Cô gái đòi hỏi anh ta đón nhận với tấm lòng biết ôm cái gánh nặng bị nàng đặt lên vai. Và sự bạo ngược của nàng thì khôn nguôi. Người đàn ông đang yêu thì độc đoán; nhưng khi đã đạt được điều mong muốn, thì mẫn nguyện. Còn sự tận tụy mang tính chất đòi hỏi của cô gái thì không có giới hạn.

Tin cậy người tình, chàng trai không khó chịu khi chấp nhận nàng vắng mặt, khi nàng quan tâm tới mình từ xa: tin chắc nàng thuộc về mình, chàng muốn sở hữu một quyền tự do hơn một đồ vật. Trái lại, đối với cô gái, sự vắng mặt của người yêu bao giờ cũng là một nỗi dằn vặt: chàng là một ánh mắt, một vị quan toà. Hễ nhìn chăm chú một cái gì khác ngoài ngoài nàng ra, là chàng làm nàng thất vọng; tất cả những gì chàng trông thấy, nàng đều cho là chàng “đánh cắp” của nàng. Xa chàng, nàng thấy mình vừa đánh mất bản thân mình vừa đánh mất cả vũ trụ. Dù có ngồi bên cạnh nàng để đọc, để viết, chàng cũng bỏ rơi nàng, phản bội nàng. Nàng cảm hờn giấc ngủ của chàng.

Baudelaire xúc động trước người đàn bà lơ đãng trong giấc ngủ: “Cặp mắt đẹp của em có vẻ mệt mỏi, hỡi người yêu tội nghiệp.” Proust thì hoan hí nhìn Albertine¹¹² trong giấc nồng: lòng ghen tuông của nam giới chỉ là một ham muốn sở hữu độc tôn; khi giấc ngủ trả lại cho cô gái cái vẻ thơ ngây thánh thiện của tuổi thơ, thì nàng không còn thuộc sở hữu một ai hết: đối với đàn ông, niềm tin ấy là đủ.

Nhưng đàn ông, vì chúa tể, thì không được phó mặc cho sự nội tại mà phải luôn luôn hiện diện; nếu không, thì sẽ đắm chìm trong hư vô Trước mắt phụ nữ, giấc ngủ đàn ông là một sự phản phúc. Chàng trai thỉnh thoảng đánh thức người tình dậy: để siết chặt nàng vào vòng tay. Còn

¹¹² Nữ nhân vật trong *Đi tìm thời gian đã mất*.

nàng thì đánh thức chàng dậy, chỉ để chàng khỏi ngủ, chàng không cách xa, chàng chỉ nghĩ tới nàng, để chàng có mặt ở kia, trong căn phòng, trên chiếc giường, trong vòng tay nàng - như đức Chúa trời trong khám thờ nàng là một người giám ngục.

Tuy vậy, nàng không thực sự bằng lòng nếu người đàn ông không là cái gì khác mà chỉ là tù nhân của mình. Đó là một trong những nghịch lý xót xa của tình yêu: bị cầm tù, “vị thần” đánh mất tính cách thần thánh của mình; và nếu cả hai người tình cùng nhau đắm chìm trong cái tuyệt đối của sự đắm say, thì tự do sẽ thoái hóa thành trạng thái nội tại. Lúc đó, chỉ có cái chết là có thể mang tới một giải pháp: đó là một trong những ý nghĩa của huyền thoại *Tristan và Yseult*. Khi một cặp tình nhân hoàn toàn hiến dâng mình lẫn cho nhau thì tức là họ đã chết: họ chết vì phiền muộn. Trong *Những vùng đất xa lạ (Terres étrangères)*, Marcel Arland miêu tả cơn hấp hối chậm rãi của một mối tình tự hủy hoại. mình. Phụ nữ biết mối hiểm họa ấy. Trừ phi trong những cơn ghen tuông điên cuồng, bản thân họ đòi hỏi người đàn ông phải là dự định, là hành động: anh ta không còn là một vị anh hùng nếu không thực hiện được một thành tích nào.

[Chàng hiệp sĩ lao mình vào những kỳ công mới đây dững dẫm sẽ khiến người tình của chàng cảm thấy bị xúc phạm, nhưng nàng lại sẽ khinh miệt chàng nếu chàng cứ quẩn quanh quanh chân nàng. Đây là sự tra tấn của một tình yêu bất khả thi; phụ nữ muốn người đàn ông hoàn toàn là của mình, nhưng nàng lại yêu cầu rằng anh phải vươn cao hết sức; một người không có tự do; nàng muốn giam giữ sự tồn tại của chàng, như lời Heidegger, “ở một nơi xa vô cùng”, dù nàng hiểu rõ nỗ lực đó là vô ích. “Bạn thân mến, tôi yêu bạn như cách người ta nên yêu, quá mức, điên rồ, say mê, và tuyệt vọng”, Julie de Lespinasse viết. Một tình yêu sùng bái, nếu sáng suốt, chỉ có thể là vô vọng. Với những người phụ nữ đang yêu, người yêu cầu tình lang phải là anh hùng, người khổng lồ, á thần, tức là mọi thứ, trong khi người phụ nữ đó chỉ có thể hạnh phúc nếu hoàn toàn bao trọn tình lang.

Nietzsche nói: Niềm đam mê của phụ nữ trong việc từ bỏ tuyệt đối quyền của mình cho thấy một cách chính xác rằng... không có khao khát bình đẳng, thậm chí chẳng có lấy ý chí bình đẳng để mà từ bỏ, với những người cảm thấy vì tình yêu mà buộc phải từ bỏ bản thân, thì sau cùng nhận được gì – Tôi không biết, có lẽ là một sự trống rỗng? Phụ nữ muốn được dâng hiến... Nàng mong được chiếm lấy bởi ai đó, người không dâng hiến bản thân hay đánh mất bản thân; mà ngược lại, người đó phải bồi đắp cho “cái tôi” hơn... Phụ nữ cho đi, đàn ông nhận lấy.

Trong bất cứ trường hợp nào, phụ nữ cũng có thể tìm được niềm vui trong việc bồi đắp thêm cho người mình yêu; nàng không phải tất cả với người tình: nhưng nàng sẽ gắng tin rằng mình tuyệt đối cần thiết; một cách vô hạn. Nếu anh ta không thể “xoay xở khi thiếu nàng”, nàng sẽ coi bản thân mình như nền tảng của sự tồn tại quý báu của anh ta, và nàng tìm thấy giá trị của chính mình ở đó. Niềm vui của nàng là được phụng sự chàng: nhưng chàng phải công nhận một cách đầy biết ơn sự phụng sự này; rằng theo mối quan hệ biện chứng thông thường của sự dâng hiến, việc cho đi đã trở thành một nhu cầu. Và một người phụ nữ thận trọng sẽ tự hỏi: Có thực mình là người chàng cần? Người đàn ông trân quý nàng, ham muốn nàng với sự dịu dàng và khao khát khác thường: Nhưng chàng không có cảm xúc khác thường này với ai khác chứ? Nhiều người phụ nữ để mình bị lừa gạt trong tình yêu; họ muốn chối bỏ sự thật rằng tổng thể được tạo nên từ những cái riêng biệt, và người đàn ông cố vũ cho ảo tưởng này vì chính họ cũng như vậy; thường thì khao khát đam mê của anh ta bị thời gian thách thức; ở một thời điểm anh ta khao khát người phụ nữ này, khao khát với đầy đam mê, anh chỉ muốn mình nàng: và chắc chắn nó tuyệt đối trong khoảnh khắc đó, nhưng đây chỉ là sự tuyệt đối tạm thời. Bị lừa dối, người phụ nữ rơi vào vĩnh cửu. Được tôn sùng bởi cái ôm của chủ nhân, nàng tin nàng luôn là thân thánh thiêng liêng và như số phận của các vị thần: nàng cô độc. Nhưng khao khát của đàn ông thoáng qua vô cùng; một khi được thỏa mãn, nó sẽ chết khá nhanh, trong khi thường là, sau tình yêu, người phụ nữ trở thành tù nhân của anh ta. Đây là chủ đề cho hàng loạt những ca khúc hay áng văn chương nông cạn. “Một chàng trai trẻ đi ngang qua,

một cô gái đang hát... Một chàng trai trẻ đang hát, một cô gái khóc". Và ngay cả khi người đàn ông muốn gắn bó nghiêm túc với người phụ nữ, điều đó vẫn không có nghĩa là nàng cần thiết với anh ta. Tuy vậy, đây lại là điều nàng yêu cầu: sự thoả vị chỉ cứu rỗi được nàng nếu nó giúp khôi phục lại đế chế của nàng; một cuộc chơi qua lại không lối thoát. Thế nên, nàng phải chịu đau khổ hoặc phải tự dối mình. Thông thường, nàng sẽ bám lấy sự dối trá đầu tiên. Nàng tưởng tượng tình yêu của người đàn ông là bản sao chính xác tình¹¹³] yêu của mình đối với chàng. Với thái độ thiếu thành thực, nàng cho ham muốn là tình yêu, hiện tượng cương (erection) là ham muốn, và tình yêu là một tôn giáo. Nàng buộc người đàn ông nói dối mình: Anh yêu em chứ? Cũng như hôm qua chứ? Bao giờ anh cũng yêu em chứ? Một cách khéo léo, nàng đặt câu hỏi vào lúc chàng không đủ thì giờ để có thể có những câu trả lời tinh tế và thành thực, hoặc vào lúc hoàn cảnh không cho phép có những câu trả lời như vậy. Nàng hỏi một cách khẩn thiết trong một vòng tay say đắm, vào buổi đầu một đợt dưỡng bệnh, trong tiếng nước nở hoặc trên sân ga. Nàng cho những câu trả lời người ta bắt buộc phải thốt ra là dấu hiệu của thắng lợi; và khi không có câu trả lời, nàng buộc sự im lặng phải "nói" lên. Mọi phụ nữ thực sự si tình đều ít nhiều cuồng loạn.

Tôi còn nhớ trường hợp một cô bạn tuyên bố trước sự im lặng kéo dài của người yêu ở xa: "Khi muốn đoạn tuyệt, người ta viết thư để đoạn tuyệt"; và sau khi nhận được thư trả lời rành rọt, cô ta viết: "Khi muốn đoạn tuyệt thật sự, người ta không viết thư". Quyết định con mê sáng bệnh lý bắt đầu từ đâu, thường là rất khó trước những lời tâm sự của bệnh nhân. Theo cách miêu tả của người phụ nữ si tình trong hoảng loạn, thái độ của đàn ông bao giờ cũng rất kỳ cục: anh ta là một người loạn thần kinh, một kẻ loạn dâm gây đau (sadique), một người dồn nén tình dục, một kẻ loạn

¹¹³ [Do thiếu mất trang 336-337 trong bản dịch Nguyễn Trọng Định và Đoàn Ngọc Thanh] nên tạm thay bằng đoạn chuyển ngữ của An Bình Bùi dịch từ bản tiếng Anh "Second Sex" của NXB Vintage Books, dịch giả là Constance Borde và Sheila Malovany-Chevallier.

dâm thích đau (masochiste) một con quỷ, một kẻ trước sau bất nhất, một đũa hèn nhát, hoặc tất cả những thứ đó cùng một lúc; những lời giải thích tinh tế nhất về tâm lý học đều vô vọng. Chẳng hạn:

“X...tha thiết yêu tôi, và ghen một cách điên cuồng, muốn tôi đeo mặt nạ mỗi khi ra phố. Nhưng chàng là một con người kỳ lạ và ngờ vực tình yêu tới mức khi tôi bấm chuông, chàng bao giờ cũng chỉ tiếp tôi trên tam cấp nhà và thậm chí không để tôi vào nhà”.

Hoặc nữa:

“Z...yêu tôi say đắm. Nhưng chàng quá kiêu hãnh nên không hề yêu cầu tôi tới sống ở Lyon là nơi chàng đang ở. Nhưng tôi cứ đến. Tám ngày sau, chàng đuổi tôi ra khỏi cửa mặc dù không hề xảy ra một chút cãi vã. Tôi gặp lại chàng hai lần. Khi tôi gọi điện lần thứ ba, chàng cắt máy giữa buổi nói chuyện. Quả là một anh chàng loạn thần kinh”.

Những câu chuyện bí ẩn trở nên sáng tỏ khi người đàn ông giải thích: “Tôi không tuyệt đối yêu nàng”, hoặc: “Tôi có tình bạn đối với nàng, nhưng không sao sống nổi một tháng với nàng”.

Thái độ khăng khăng không chịu phục thiện có thể dẫn tới nhà thương điên: một trong những nét thường xuyên của trạng thái xung động tình dục, là thái độ của người đàn ông bị coi là bí ẩn và ngược đời. Qua khía cạnh này, con mê sảng của người bệnh bao giờ cũng bẻ gãy những sự chống đối của hiện thực. Đôi khi một người phụ nữ bình thường, rốt cuộc bị chân lý chiến thắng, và thừa nhận mình không còn được yêu nữa. Nhưng chừng nào chưa bị dấn vào sự thú nhận ấy, thì bao giờ họ cũng có chút ít gian dối. Ngay trong tình yêu song phương, vẫn có giữa tình cảm của hai người yêu một sự khác biệt căn bản mà nàng ra sức nguy trang. Phụ nữ chấp nhận sự phụ thuộc do yếu kém; và ngược lại, người yêu của họ trong thế mạnh làm sao có thể chịu phụ thuộc?

Một tâm hồn đòi hỏi một cách say mê không thể nào yên ổn trong tình yêu vì nó nhằm một mục đích trái ngược. Bị giằng xé, dần vặt, cô gái có nguy cơ trở thành một gánh nặng đối với người đàn ông mà nàng ao ước làm nô lệ. Khi không còn tự cảm thấy cần thiết, họ trở nên khó chịu, dễ ghét. Tấn bi kịch này xảy ra khá nhiều.

Nếu khôn ngoan hơn, ít đòi hỏi hơn, thì người phụ nữ si tình biết nhẫn nhục. Nàng không phải là tất cả, nàng là không cần thiết: nàng chỉ cần có ích là đủ. Một cô gái khác có thể dễ dàng chiếm chỗ của nàng: nàng bằng lòng làm con người yên vị ở đấy. Nàng thừa nhận vị trí phụ thuộc của mình và có thể nếm hưởng một hạnh phúc khiêm tốn. Nhưng dù trong phạm vi hạn hẹp ấy nữa, hạnh phúc này cũng không phải là không có những lớp mây bao phủ. Cô gái si tình đau khổ trong đợi chờ hơn nhiều so với người vợ. Nếu chính người vợ chỉ hoàn toàn là một người si tình thì đối với họ, nhiệm vụ gia đình, sinh đẻ, công việc, thú vui chẳng có một giá trị nào. Chỉ có sự hiện diện của người chồng mới rút họ ra khỏi cảnh âu sầu mơ màng. Một nhà văn nữ viết trong những ngày đầu cuộc sống vợ chồng: “Khi anh không có nhà, em có cảm giác nhìn ánh sáng mặt trời cũng chẳng để làm gì. Tất cả những gì đến với em đều như đã chết, và em chỉ còn như chiếc áo dài nhỏ bé, vô vị, vút trên thành ghê”. Thông thường tình yêu say đắm nảy nở ngoài hôn nhân. Một trong những ví dụ nổi bật nhất về một cuộc đời dành trọn vẹn cho tình yêu, là trường hợp Juliette Drouet: nó chỉ là một sự đợi chờ vô tận. Nàng viết cho Hugo:

“Bao giờ cũng phải trở lại cùng một điểm xuất phát ấy, tức là chờ đợi anh một cách vô tận. Em chờ anh chẳng khác một con sóc trong chuồng”. “Lạy Chúa! phải đợi chờ suốt cả cuộc đời như cuộc đời em, thật buồn bã biết chừng nào!” “Một ngày kỳ lạ! Em ngỡ nó đứng im, không chuyển động vì chờ đợi anh biết chừng nào; thế mà giờ đây, em thấy nó trôi đi quá nhanh vì em không được thấy anh...” “Em cảm thấy ngày giờ bất tận...”

“Em chờ anh vì đâu sao em vẫn muốn chờ anh hơn là tin rằng anh sẽ không tới”.

Quả là sau khi buộc Juliette đoạn tuyệt với hoàng thân Demidoff, người bảo hộ giàu có của nàng, Hugo nhốt kín nàng trong một căn buồng nhỏ, và trong mười hai năm liền, cấm nàng rời khỏi nhà một mình, để nàng không còn có quan hệ nào với bất cứ người bạn cũ nào nữa. Nhưng ngay khi số phận của người phụ nữ tự xưng là “nạn nhân tội nghiệp bị nhốt chặt của anh” có phần dịu ngọt hơn, nàng cũng không vì vậy mà không thấy ý nghĩa nào khác của cuộc sống ngoài người yêu ra và rất ít khi mới được gặp chàng.

Năm 1814, nàng viết:

“Victor rất mực yêu quý của em, em yêu anh; nhưng trái tim em buồn bã và xót xa; em gặp anh quá ít, quá ít, và trong cái quá ít gặp gỡ ấy, anh thuộc về em quá ít tới mức tất cả những cái quá ít ấy tạo thành một nỗi buồn mênh mông tràn ngập tim óc em.

Nàng ước mơ dung hoà độc lập và tình yêu:

“Tôi muốn vừa được độc lập vừa là nô lệ: độc lập do một hoàn cảnh nuôi sống mình và chỉ nô lệ trong tình yêu của mình”.

Nhưng sau khi hoàn toàn thất bại trong sự nghiệp nghệ sĩ, nàng buộc phải chịu nhẫn nhục chỉ là một người tình “suốt đời”. Mặc dù mọi cố gắng để giúp ích cho thần tượng, ngày giờ của nàng vẫn quá trống rỗng: mười bảy nghìn lá thư nàng viết cho Hugo với nhịp độ từ ba đến bốn trăm lá mỗi năm, chứng tỏ điều đó. Giữa những buổi thăm viếng của người yêu, nàng chỉ còn cách giết thời gian. Nỗi kinh hoàng tồi tệ nhất trong cuộc sống người đàn bà trong khuê phòng, là ở chỗ ngày tháng của họ là những “bãi sa mạc” âu sâu: khi người đàn ông không sử dụng cái đồ vật mà nàng là

hiện thân của cái đó đối với anh ta, thì nàng tuyệt đối không còn là gì nữa hết.

Tình trạng cô gái si tình cũng tương tự: nàng chỉ muốn là người phụ nữ được yêu, đối với nàng, không hề có gì khác có giá trị nữa. Vì vậy, muốn sống, người yêu phải ở cạnh nàng, phải do nàng chiếm đoạt. Nàng chờ đợi chàng tới, chàng ham muốn, chàng thức giấc; và hề chàng chia tay, là nàng lại bắt đầu chờ đợi.

Chờ đợi có thể là một niềm vui. Đối với cô gái mong ngóng người yêu trong lúc biết chàng đến với mình, chàng yêu mình, thì chờ đợi là một sự hứa hẹn tràn ngập niềm tin. Nhưng khi không còn niềm say mê tin cậy trong tình yêu thì có thể là những trở ngại trong đợi chờ. Tôi có biết một phụ nữ mỗi khi đón gặp người yêu là một lần tỏ vẻ kinh ngạc: “Em cứ tưởng anh không trở lại nữa”. Và khi chàng hỏi vì sao, nàng đáp: “Anh có thể không trở lại; mỗi khi đợi anh, bao giờ em cũng có cảm giác em sẽ không còn được gặp lại anh nữa”. Chủ yếu, chàng có thể không yêu nữa: chàng có thể yêu một người đàn bà khác. Tuy cố tin: “Chàng yêu mình đến điên dại, chàng chỉ có thể yêu một mình mình”, nàng vẫn không thể tránh khỏi những nỗi dằn vặt vì ghen tuông. Đặc điểm của thói tự lừa dối mình là chấp nhận những sự khẳng định cuồng nhiệt và trái ngược nhau. Thằng điên khẳng khái tự nhận mình là Napoléon chẳng mấy bối rối khi thừa nhận mình cũng là anh thợ cắt tóc. Ít khi phụ nữ tự hỏi mình: Chàng có thực yêu mình không? nhưng hàng trăm lần băn khoăn: Chàng có yêu một người đàn bà khác không? Nàng không chấp nhận lòng say mê của người yêu có thể tắt ngụt dần, cũng không thể nghĩ là chàng không coi trọng tình yêu như mình. Nàng cho tình yêu vừa là một tình cảm tự do vừa là một thứ cảm dỗ của bùa phép. Hễ cảm thấy chẳng mấy được yêu thương, là nàng ghen tuông; và những lời trách móc, than phiền - bất luận duyên cớ do đâu - đều thể hiện bằng những trò đánh ghen: bằng cách đờ, nàng

bày tỏ sự sốt ruột và bức bối phải đợi chờ, cái cảm giác xót xa về tình cảnh phụ thuộc, nỗi luyến tiếc chỉ có một đời sống không trọn vẹn. Toàn bộ số phận của nàng bị đe dọa trong mỗi ánh mắt của người yêu khi chàng nhìn một người đàn bà khác, vì nàng phó thác toàn bộ cuộc đời mình cho chàng. Nàng luôn luôn ở trong trạng thái rình rập. Chàng làm gì? Chàng nhìn ai? Chàng nói chuyện với ai? Được nhận tất cả từ tình yêu, nàng có thể mất tất cả trong lúc đánh mất tình yêu. Dù mơ hồ hay rõ rệt, dù vô căn cứ hay có cơ sở, ghen tuông đối với phụ nữ bao giờ cũng là một nỗi hoảng hốt cuống loạn, vì là một sự phủ nhận triệt để đối với tình yêu. Nếu sự phản bội là rõ ràng, thì phải, hoặc không còn coi tình yêu là một tôn giáo, hoặc khước từ tình yêu ấy. Đó là một cơn xao động triệt để, và lần lượt ngờ vực và tin tưởng, cô gái sinh tình bị ám ảnh vừa bởi lòng mong muốn vừa bởi nỗi sợ hãi tìm ra cái sự thật chết người ấy.

Vừa kiêu hãnh và lo âu, người phụ nữ nào luôn luôn ghen tuông thì cũng dễ luôn luôn nhâm lẫn trong ghen tuông: Juliette Drouet trải qua những nỗi kinh hoàng vì ngờ vực đối với mọi phụ nữ mà Hugo đến gần, trong lúc chỉ không nghĩ tới việc sợ hãi Léonie Biard, người tình của nhà thơ rông rã tám năm. Trong tâm trạng nghi hoặc, mọi người phụ nữ đều là một địch thủ, một mối nguy cơ. Tình yêu giết chết tình bạn vì cô gái si tình tự nhốt mình trong vũ trụ của người yêu. Ghen tuông làm nỗi cô đơn của nàng thêm nghiêm trọng, và do vậy, khiến cho sự lệ thuộc của nàng thêm ngặt nghèo. Người đàn bà say mê trong một mối tình hạnh phúc có thể không chú trọng nhiều tới con người mình; nhưng hễ linh cảm một sự uy hiếp là bắt đầu quan tâm. Trang điểm, chăm sóc việc nhà, phô trương ngoài xã hội trở thành những thời cơ của một cuộc chiến đấu. Đấu tranh là một hoạt động bổ ích. Chừng nào hầu như tin chắc mình chiến thắng, người “nữ chiến binh” cảm thấy một niềm vui thích dữ dội. Nhưng nỗi sợ hãi khủng khiếp phải thất bại biến sự hiến dâng tự nguyện thành một thứ lệ thuộc nhục nhã. Đàn ông khi tự vệ thì tấn công. Còn phụ nữ, dù kiêu

hãnh cũng buộc phải có thái độ dịu dàng và thụ động: khôn ngoan, mưu chước, duyên dáng, ngoan ngoãn, và những nụ cười là vũ khí tốt nhất của họ.

Một buổi tối, tôi gặp người thiếu phụ nọ trước cửa khi tôi đến bấm chuông một cách bất ngờ. Hai tiếng trước đó, khi chia tay tôi, nàng trang điểm sơ sài, ăn mặc lôi thôi, ánh mắt buồn bã. Nhưng lúc này, nàng đợi chàng. Thấy tôi, nàng lấy lại gương mặt bình thường; nhưng một lát sau gặp lại, tôi thấy nàng sửa soạn đón chàng, sẵn sàng nhận mọi nỗi đau khổ với một nụ cười hân hoan. Nàng chải tóc cẩn thận, một lớp phấn khác thường làm má và môi nàng sống động, một chiếc blu đính đá trắng muốt làm nàng đổi khác. Trang phục lễ hội hay vũ khí chiến đấu? Các thẩm mỹ viện không thể biết khách hàng của mình coi trọng tới mức thống thiết như thế nào những sự chăm, sóc mà họ cho là phù phiếm.

Cần tạo ra cho người yêu những sức cảm dỗ mới, phải trở thành người đàn bà mà chàng muốn gặp và chiếm đoạt. Nhưng mọi nỗ lực đều vô vọng: nàng không thể phục hồi cái hình ảnh của Người kia lúc đầu đã từng thu hút chàng, và giờ đây có thể thu hút chàng đến với một người đàn bà khác. Cũng như người chồng, người tình có một yêu cầu hai mặt không thể đáp ứng được: chàng muốn người yêu tuyệt đối là của chàng nhưng lại là xa lạ; muốn nàng hoàn toàn phù hợp với ước mơ của chàng nhưng lại khác tất cả những gì trí tưởng tượng của chàng có thể hình dung; muốn nàng vừa là câu giải đáp cho sự chờ mong của chàng vừa là một sự bất ngờ không hề chờ đợi.

Mâu thuẫn này giằng xé và khiến phụ nữ phải thất bại. Nàng tìm cách uốn mình theo nguyện vọng của người yêu. Nhiều phụ nữ đã từng hoan hỉ những thời kỳ đầu của một tình yêu khi nó khẳng định lòng tự yêu mình của họ, nhưng khi cảm thấy ít được yêu hơn, họ làm người ta kinh hoàng với một thái độ nô lệ kỳ cục. Từng hiến dâng mình cho người yêu một cách

mù quáng, họ đánh mất cái khuôn khổ tự do lúc đầu từng tạo nên sức cảm dỗ của mình. Chàng tìm kiếm ở nàng hình ảnh mình, nhưng nếu tìm thấy nó quá trung thành thì đâm chán.

Một trong những nỗi bất hạnh của cô gái si tình là ở chỗ chính tình yêu của nàng làm cho mình “biến dạng” và thủ tiêu mình: nàng chỉ còn là người nô lệ, là con hầu, là tấm gương soi quá ngoan ngoãn, là cái tiếng vang quá trung thành. Khi hiểu ra điều đó, nỗi hoang mang càng làm nàng mất hết giá trị, mất hết mọi sức cảm dỗ, trong nước mắt, trong những lời đòi hỏi, những trò làm mình làm mẩy. Một con người tồn tại là ở chỗ những gì do mình làm. Nhưng để tồn tại, nàng đã dựa vào một ý thức bên ngoài và không muốn làm gì hết. Julie de Lespinasse viết: “Tôi chỉ biết yêu”. Tôi, tôi chỉ là tình yêu, tiêu đề ấy của một cuốn tiểu thuyết là phương châm của cô gái si tình. Nàng chỉ là tình yêu, và khi tình yêu không còn đối tượng, thì nó không còn là gì nữa hết.

Một cô gái si mê khôn ngoan - nhưng hai từ này phản đối lẫn nhau - cố gắng làm chuyển đổi niềm say mê của người yêu thành tình thương mến, tình bạn, thói quen; hoặc tìm cách trói chặt chàng bằng những sợi dây vững chắc: một đứa con, một cuộc hôn nhân. Nguyện vọng hôn nhân này ám ảnh rất nhiều mối quan hệ: đó là nguyện vọng an toàn. Cô gái khôn khéo lợi dụng tinh cao quý của mối tình non trẻ để bảo đảm tương lai; nhưng nếu đầu cơ nó, thì không còn xứng đáng với danh hiệu cô gái si tình nữa. Vì cô gái si mê là người ước mơ một cách cuồng nhiệt lung lạc ý chí tự do của người tình, chứ không phải thủ tiêu nó. Và vì vậy, trừ trường hợp rất hiếm thấy là sự ràng buộc tự nguyện kéo dài suốt cả một đời người, tình yêu - tôn giáo bao giờ cũng dẫn tới tai họa. Một sự đoan tuyệt có thể để lại dấu ấn sâu sắc ở một người đàn ông; nhưng rốt cuộc, anh ta phải lo đảm bảo cuộc sống đàn ông của mình. Còn người phụ nữ bị bỏ rơi thì không còn là gì nữa hết, không có gì nữa hết. Nếu hỏi nàng: “Trước kia, cô

sống ra sao?”, thì thậm chí nàng cũng không còn nhớ nữa. Cái thế giới vốn là của nàng, nàng đã để tan tành thành tro bụi để đi theo một tổ quốc mới mà đột nhiên nàng bị trục xuất. Nàng phủ nhận tất cả những giá trị mình vốn tin tưởng, làm tan rã mọi tình bạn. Nàng không còn tìm thấy mái nhà trên đầu, và tất cả quanh nàng chỉ là sa mạc. Làm sao nàng có thể làm lại một cuộc đời mới vì ngoài người yêu ra, không còn có gì hết? Nàng ẩn mình trong những cơn mê sáng giống như trước kia ẩn mình trong tu viện. Hoặc nếu quá giàu lý trí, thì nàng chỉ còn có chết, rất nhanh - như tiểu thư de Lespinasse - hay một cách chậm rãi; cơn hấp hối có thể kéo dài.

Khi một phụ nữ hy sinh cho người đàn ông cả thể xác lẫn tâm hồn mười năm, hai mươi năm, khi chàng kiên quyết bám trụ trên cái bệ nàng đã đặt chàng lên trên đó, thì việc bỏ rơi của chàng là một tai họa. Người phụ nữ bốn mươi tuổi ấy hỏi: “Tôi có thể làm gì? làm gì nếu Jacques không yêu mình nữa?” Nàng trang phục, chải tóc, phấn son tỉ mỉ; nhưng gương mặt đã tàn phai không thể kích thích một tình yêu mới. Và bản thân nàng, sau hai mươi năm sống trong bóng một người đàn ông, nàng có thể yêu một người đàn ông khác nữa không? Người ta còn nhiều năm tháng để sống khi tuổi mới bốn mươi.

Tôi gặp lại một phụ nữ khác: nàng vẫn còn cặp mắt đẹp, và những nét thanh tú, mặc dù một gương mặt đầy đau khổ và để những giọt lệ chảy trên má giữa công chúng, âm thầm, lặng lẽ, mà thậm chí cũng không hay biết. Giờ đây, “vị thượng đế” nói với một người đàn bà khác những lời lẽ được sáng tạo ra cho nàng. Lá vị nữ hoàng bị phế truất, nàng không còn biết mình đã từng bao giờ ngự trị trên một vương quốc thực sự hay không.

Nếu còn trẻ, nàng có cơ may chữa trị: một mối tình mới sẽ cứu thoát nàng. Đôi khi, nàng yêu thậm trọng hơn chút ít, vì hiểu rằng cái gì không độc nhất thì không thể tuyệt đối. Nhưng thông thường, nàng lao vào cơn dữ dội hơn lần thứ nhất vì phải bù đắp lại sự thất bại vừa qua. Thất bại của

tình yêu tuyệt đối chỉ là một thử thách hữu ích nếu cô gái biết tự làm chủ trở lại cuộc đời của mình. Chia tay Abélard¹¹⁴, Héloïse¹¹⁵ không phải là một người bỏ đi vì nàng tự xây dựng cho mình một cuộc sống tự lập trong lúc lãnh đạo một tu viện. Các nữ nhân vật của Colette rất kiêu hãnh và có nhiều nguồn lực nên không chịu để cho mình bị thất bại trong tình trường vui dập: Renée Méré tự cứu mình bằng lao động. Còn Sido thì bảo con gái là bà không quá lo lắng đến số phận của nàng trong tình yêu vì bà biết Colette còn là một cái gì khác, chứ không phải chỉ là một cô gái si tình. Nhưng ít có những tội phạm dẫn tới một sự trừng phạt tồi tệ như sự lỗi lầm “hào phóng” này: là tự phó thác mình hoàn toàn vào tay người khác.

Tình yêu đích thực phải được xây dựng trên cơ sở thừa nhận song phương hai quyền tự do: như thế, mỗi một người yêu sẽ cảm thấy mình vừa là chính mình vừa là người kia; không một ai khước từ sự siêu nghiệm của mình, không một ai tự huỷ hoại mình. Cả hai sẽ cùng nhau phát hiện các giá trị và mục đích trong thiên hạ. Đối với cả hai, tình yêu sẽ là sự phát hiện chính bản thân mình do tự hiến dâng mình và làm phong phú thêm vũ trụ.

Một tác giả đã thu tóm rất chính xác những gì người đàn ông đòi hỏi ở tình yêu:

Tình yêu phát hiện chúng ta cho chính mình bằng cách đưa chúng ta ra khỏi chính bản thân mình. Trái lại, chúng ta tự khẳng định mình trong khi tiếp xúc với những gì xa lạ đối với mình và có tính chất bổ sung. Với tư cách là một hình thức nhận thức, tình yêu phát hiện ra những bầu trời mới và những miền đất mới ngay trong khung cảnh chúng ta vốn luôn luôn sống trong đó. Đây là niềm bí ẩn lớn: thế giới là khác, bản thân tôi là khác. Và không phải chỉ một mình tôi biết điều đó.

¹¹⁴ Nhà triết học và thần học Pháp (thế kỷ XII)

¹¹⁵ Người tình có một con với Abélard. Sau khi Abélard bị hoạn, nàng vào tu viện, về sau làm tu viện trưởng (thế kỷ XII).

Thậm chí còn hơn cả thế: có một ai đó vẽ cho tôi điều đó. Vì vậy người phụ nữ giữ một vai trò cần thiết và chủ yếu trong nhận thức của người đàn ông đối với bản thân mình.

Nhưng tác giả đã sai lầm khi viết: “Và cũng giống như vậy, đối với phụ nữ, đàn ông là một người trung gian cần thiết giữa bản thân nàng với bản thân nàng”, vì ngày nay, vị trí của họ không giống như vậy. Người đàn ông được phát hiện dưới một gương mặt khác, nhưng anh ta vẫn là bản thân mình, và gương mặt mới của anh ta hoà nhập vào toàn bộ nhân cách mình. Tình hình chỉ có thể cũng như vậy đối với phụ nữ nếu nàng cũng tồn tại chủ yếu như cho chính bản thân mình; do vậy, đòi hỏi nàng phải được độc lập về kinh tế, nàng phải vươn tới những mục đích riêng của mình và tự vượt qua mình không cần trung gian để vươn tới cộng đồng. Lúc đó, có thể có những mối tình bình đẳng như mối tình giữa Kyo và May do Malraux miêu tả. Thậm chí phụ nữ có thể giữ vai trò thống trị như của đàn ông như bà de Warens¹¹⁶ đối với Rousseau.

Nhưng trong phần lớn trường hợp, người phụ nữ chỉ tự biết mình với tư cách người khác: cái vì - người khác của họ hoà lẫn làm một với chính con người họ. Đối với họ, tình yêu không phải là một vật trung gian giữa mình với mình vì họ không tự tìm thấy mình trong cuộc sống chủ quan của mình. Họ vẫn bị đắm chìm trong người đàn bà - tình nhân do người đàn ông chẳng những phát hiện mà còn tạo lập. Số phận của họ phụ thuộc vào cái quyền tự do đoán lập nên họ và chỉ trong khoảnh khắc thủ tiêu họ. Suốt đời, họ run rẩy trước người đàn ông nắm vận mệnh họ trong tay, mà hoàn toàn không biết điều đó, hoàn toàn không muốn điều đó. Đối với phụ nữ, tình yêu là một cố gắng tối cao để vượt qua tình trạng phụ thuộc trong lúc chấp nhận nó, một sự phụ thuộc họ bị áp đặt; nhưng dù có được thuận tình chấp nhận nữa, thì sự phụ thuộc chỉ có thể tồn tại trong sợ hãi và nô lệ.

¹¹⁶ Nữ nam tước Pháp, người tình và người bảo hộ của J. J. Rousseau.

Đàn ông tha hồ tuyên bố tình yêu là sự hoàn hảo tối cao đối với phụ nữ. Nietzsche nói: “Một phụ nữ càng yêu với tư cách phụ nữ thì càng là phụ nữ một cách sâu xa”. Và Balzac: “Trong tầng lớp trên, cuộc sống của đàn ông là niềm vinh quang, còn của đàn bà là tình yêu. Đàn bà chỉ bình đẳng với đàn ông khi biến cuộc đời mình thành một sự hiến dâng thường trực, còn cuộc đời của đàn ông là một hành động thường trực”. Đó cũng lại là một sự lừa phỉnh tàn ác vì những gì phụ nữ hiến dâng, đàn ông không hề quan tâm chấp nhận. Đàn ông không cần tới lòng tận tụy vô điều kiện mà anh ta đòi hỏi, cũng như không cần tới tình yêu sùng bái phỉnh nịnh tính phô trương của anh ta. Anh ta chỉ đón nhận chúng với điều kiện không phải thỏa mãn những đòi hỏi mà ngược lại, những thái độ ấy bao hàm. Đàn ông thuyết phục phụ nữ hiến dâng, nhưng sự hiến dâng của phụ nữ làm anh ta phẫn nộ. Người đàn bà cảm thấy thật sự bối rối với những món quà vô bổ của mình, hoàn toàn bối rối với cuộc đời vô vị của mình. Đến ngày nào đó mà phụ nữ có thể yêu, trong sức mạnh chứ không phải trong sự yếu kém của mình; không phải để tự trốn tránh mình mà là để tự tìm thấy mình; không phải để tự khước từ mà để tự khẳng định mình, thì ngày đó, đối với họ cũng như đối với đàn ông, tình yêu trở thành một nguồn sinh lực, chứ không phải một tai họa chết người. Trong lúc chờ đợi, nó thâm tím, dưới gương mặt lâm ly nhất của mình, nổi bật hạnh đề nặng lên người phụ nữ bị nhốt chặt trong thế giới phụ nữ, người phụ nữ bị thương tổn không có khả năng tự mình thỏa mãn mình. Vô vàn những nỗi đau khổ của tình yêu đã là những bằng chứng chống lại sự bất công của một định mệnh khi nó đề xuất với họ một chốn địa ngục cần cõi làm một hạnh phúc tối thượng.

CHƯƠNG III : NGƯỜI PHỤ NỮ THEO THUYẾT HUYỀN BÍ

Tình yêu được quy định cho phụ nữ như một số mệnh tối cao, và khi họ hiến dâng nó cho một người đàn ông, họ tìm kiếm Thượng đế ở con người

này. Nếu hoàn cảnh ngăn cản họ đến với tình yêu của con người, nếu thất vọng hay có nhiều yêu sách, thì họ sẽ thờ phụng vị thần ở trong chính con người Thượng đế. Dĩ nhiên có những người đàn ông đã từng đốt lên ngọn lửa ấy, nhưng số người này không có mấy, và nhiệt tình của họ mang gương mặt trí tuệ khá tinh khiết. Còn phụ nữ phó mình cho hạnh phúc trong tình duyên thiên giới thì nhiều vô số. Phụ nữ quen sống quỳ. Thông thường, họ chờ đợi hạnh phúc rơi xuống từ trên trời, nơi nam giới ngự trị. Những người đàn ông này cũng bị bao phủ trong những lớp mây mù, và vẻ oai nghiêm của họ thể hiện qua tấm màn bao phủ sự hiện diện về xác thịt. Người Tình thường ít nhiều vắng mặt, chỉ giao tiếp với người đàn bà sùng bái mình qua những ký hiệu mơ hồ. Nàng chỉ biết lòng chàng qua những lời thể thốt; và chàng càng có vẻ ở tầm cao thì nàng càng không thể hiểu hành vi của chàng. Trong xung động tình dục - như phần trên đã nói - niềm tin này chống lại mọi lời đính chính. Phụ nữ không cần trông thấy hoặc sờ thấy mới cảm nhận được sự Hiện diện. Dù đó là thầy thuốc, linh mục hay Thượng đế, nàng cũng đều đón nhận trong trái tim mình, với tư cách người nô lệ, những con sóng của một tình yêu từ trên cao rơi xuống. Tình yêu con người, tình yêu Thượng đế hoà nhập làm một, không phải vì tình yêu Thượng đế là sự thăng hoa của tình yêu con người, mà chính vì tình yêu con người cũng là một động tác hướng tới một cái siêu nghiệm, hướng tới cái tuyệt đối. Dầu sao thì đối với cô gái si tình, vấn đề vẫn là cứu thoát cuộc sống ngẫu nhiên của mình bằng cách hoà nhập nó vào cái Toàn thể hiện thân trong một Con người tối thượng.

Tình trạng nhập nhằng này thể hiện rõ rệt trong nhiều trường hợp - bệnh lý hoặc bình thường - trong đó người yêu được thần thánh hoá, trong đó Thượng đế mang những nét tính cách con người. Sau đây là tiếng nói của một nữ bệnh nhân trong một tác phẩm viết về xung động thỏa dục:

Năm 1923, tôi có quan hệ thư từ với một nhà báo ở tờ **Presse**. Hàng ngày, tôi đọc rất kỹ các bài báo của anh viết về đạo đức học. Tôi có cảm giác anh trả lời tôi, anh khuyên răn mình. Tôi viết những lá thư tình; tôi gửi nhiều thư cho anh...Năm 1924, một ý nghĩ bỗng đến với tôi một cách đột ngột: tôi có cảm giác Thượng đế tìm kiếm một người vợ, và Người sẽ nói với mình; Người trao cho tôi một sứ mệnh, chọn tôi để lập một ngôi đền. Tôi có cảm giác mình là trung tâm một khu dân cư rất quan trọng trong đó phụ nữ được các bác sĩ chữa trị...Chính vào lúc đó, tôi được đưa tới nhà thương điên Clermont...Tại đây, có những bác sĩ trẻ tuổi muốn xây dựng lại thế giới. Trong phòng người điên của mình, tôi cảm thấy những nụ hôn của họ trên các ngón tay mình, cảm thấy cơ quan sinh dục của họ trong bàn tay mình. Có lần họ bảo tôi: “Cô không nhạy cảm, nhưng nhục cảm; cô quay người lại”. Tôi quay người lại và cảm thấy người họ trong con người mình: cảm giác thật dễ chịu...Bác sĩ D..., người phụ trách, tựa một vị thần. Tôi cảm thấy rõ rệt có một cái gì đó khi ông bước tới gần giường mình. Ông nhìn tôi như thể muốn nói: “Anh hoàn toàn thuộc về em”. Ông yêu tôi thực sự: một hôm, ông đắm đắm nhìn tôi, một cách thực sự khác thường...cặp mắt ông, từ màu xanh lá cây trở thành màu xanh da trời; nở rộng ra một cách kỳ lạ...ông vừa nhìn tác dụng xảy ra vừa nói với một nữ bệnh nhân khác và mỉm cười...và tôi như bị hoá đá, gắn chặt vào bác sĩ D..., không có gì còn có thể tách tôi ra khỏi ông ta đâu cho tôi đã từng có mười lăm, mười sáu người tình; và ông có lỗi là ở chỗ ấy...Từ hơn mười hai năm nay, tôi luôn có những buổi chuyện trò trong tưởng tượng...Khi tôi muốn quên ông, ông lại có mặt...đôi khi với vẻ hơi chế giễu...“Cô thấy đây - ông vẫn nói - tôi làm cô sợ, cô có thể yêu những người khác, nhưng cô vẫn sẽ trở về với tôi...” Tôi thường xuyên viết thư cho ông, thậm chí định những buổi hẹn hò và đến đúng hẹn. Năm quá, tôi tới gặp ông. Ông có một thái độ cố ý, thiếu nhiệt tình. Tôi cảm thấy mình thật ngốc nghếch và bỏ về...Người ta bảo tôi rõ ràng rằng ông đã cưới một người vợ khác, những sẽ vẫn mãi mãi

yêu tôi...ông là chồng tôi, thế nhưng hành vi ấy chưa hề bao giờ xảy ra, cái hành vi sẽ làm công việc gấn bó...“Cô hãy bỏ hết mọi thứ đi - thỉnh thoảng ông bảo tôi như vậy -, với tôi, cô sẽ mãi mãi đi lên, cô sẽ không phải như một sinh linh trên trái đất”. Các bạn thấy đây: mỗi lần đi kiếm một vị Thượng đế, là tôi tìm thấy một con người. Giờ đây, tôi không còn biết quay về với tôn giáo nào nữa.

Trường hợp này là một trường hợp bệnh lý. Nhưng ta gặp ở nhiều phụ nữ kính tín, hiện tượng lẫn lộn kỳ lạ này giữa người đàn ông và Chúa. Chủ yếu vị linh mục nghe xưng tội giữ một vị trí nhập nhằng giữa trời và đất. Ông ta nghe với đôi tai người trần khi người phụ nữ sám hối bộc bạch tâm hồn mình, nhưng một thứ ánh sáng siêu nhiên lấp lánh trong ánh mắt bao trùm lên người đó. Đó là một con người thần, là Chúa hiện diện dưới gương mặt một con người. Bà Guyon¹¹⁷ miêu tả như sau buổi gặp gỡ giữa bà với linh mục La Combe:

“Tôi có cảm giác là một thứ ảnh hưởng của thánh sủng chuyển từ ông tới tôi qua con đường sâu kín nhất của tâm hồn và quay trở lại từ tôi. tới ông, sao cho ông cũng cùng cảm thấy một tác động tương tự”.

Chính sự can thiệp của nhà tu hành giải thoát bà ra khỏi trạng thái khô cạn từng phải chịu đựng từ nhiều năm và khiến tâm hồn bà nhiệt thành trở lại. Bà sống bên cạnh ông ta trong suốt thời kỳ theo thuyết huyền bí. Và bà thú nhận: “Chỉ còn có một sự thông nhất hoàn toàn, tới mức tôi không sao còn có thể phân biệt giữa ông và Chúa”. Sẽ quá đơn giản nếu cho rằng thực ra bà ta say mê một con người và giả vờ yêu thương Chúa: bà cũng yêu con người đó vì đối với bà, ông ta là một cái gì khác chính bản thân mình. Cái mà bà ta tìm cách đạt tới, là ngọn nguồn tối hậu các giá trị. Đó là mục đích mọi phụ nữ theo thuyết huyền bí đều nhằm tới. Không phân biệt rõ ràng giữa thực và hư, phụ nữ đặc biệt có khả năng hiện diện hoá (présentifier),

¹¹⁷ Nhà nữ thần bí học Pháp (thế kỷ XVII).

qua thân thể mình, một sự vắng mặt. Và điều mang ít tính chất hài hước hơn nhiều, là đồng nhất hoá giữa thuyết huyền bí và xung động thỏa dục - như thỉnh thoảng từng xảy ra - cô gái xung động thỏa dục cảm thấy tăng thêm giá trị vì tình yêu của một thực thể tôi thượng. Ngày nay, người ta chấp nhận rằng xung động thỏa dục mang gương mặt, khi thì thuần túy tinh thần, thì khi thể xác. Và cũng giống như vậy, thân thể có tham gia nhiều hay ít vào những tình cảm của người phụ nữ theo thuyết huyền bí đối với Chúa. Biểu lộ tình cảm của họ cung noi theo của những cặp uyên ương nơi trần thế. Bà Guyon viết: "Tình yêu không để cho tôi một phút vèn ần nào. Tôi nói: ôi tình yêu của ta, đủ rồi, hãy để cho ta yên!"

Tôi mơ ước tình yêu làm cho tâm hồn mình trải qua những cơn run rẩy khôn tả, tình yêu làm mình ngây ngất..."

"Lạy Chúa tôi! Nếu Người khiến những người phụ nữ nhục cảm nhất cảm nhận điều con cảm nhận, thì chẳng bao lâu, họ sẽ rời bỏ những thú vui giả dối để hưởng thụ một niềm hạnh phúc hết sức chân thực".

Chúng ta đều biết cái ảo giác nổi tiếng của nữ thánh Thérèse Vị thiên thần cầm trong tay một cây lao dài vàng rực. Thỉnh thoảng ông thọc lao vào tim tôi và ấn nó vào tới tận ruột gan. Khi ông rút lao ra, là như thế ông lôi cả ruột gan tôi, và lòng tôi cháy bỏng một tình yêu thần thánh...Điều tôi tin chắc, là nỗi đau đớn thâm sâu tận ruột gan mình, và tôi có cảm giác chúng đứt ra từng đoạn khi tình lang tinh thần của tôi rút về mũi tên đã xuyên qua chúng. Đôi khi người ta lập luận một cách thành kính rằng tình trạng nghèo nàn về ngôn từ buộc người phụ nữ theo thuyết huyền bí phải vay mượn của từ vựng tình dục. Nhưng thực ra họ cũng chỉ sử dụng một thân thể duy nhất, và vay mượn của tình yêu trên trần thế, chẳng những từ ngữ, mà cả những hành vi của cơ thể. Để hiến dâng mình cho Chúa, họ cũng có những thái độ giống như khi họ hiến dâng mình cho một người đàn ông. Và lại, như thế không hề máy may làm giảm giá trị tình cảm của

họ. Thân thể không bao giờ là nguyên nhân những kinh nghiệm chủ quan vì nó chính là bản thân chủ thể dưới gương mặt khách quan của mình. Phụ nữ lúc đầu tìm kiếm trong tình yêu của Chúa những gì cô gái si tình đòi hỏi ở tình yêu của người đàn ông: sự thăng hoa của lòng tự yêu mình của họ: cái ánh mắt chăm chú, say mê kia theo dõi họ, đối với họ, là một phần thưởng kỳ diệu. Suốt cuộc đời thiếu nữ, rồi thiếu phụ của mình, bà Guyon luôn luôn bị dẫn dắt bởi ham muốn được yêu thương và khen ngợi. Một phụ nữ theo thuyết huyền bí, tin đồ Tin lành hiện đại, viết:

“Không có gì làm tôi khổ sở bằng không có một ai quan tâm tới mình một cách đặc biệt và có cảm tình, tới tất cả những gì xảy tới đối với mình”.

Bà Krudener tưởng tượng Chúa thường xuyên quan tâm tới mình đến mức - theo lời kể của Sainte-Beuve¹¹⁸ - “trong những phút giây quyết định nhất với người yêu, bà rên rỉ: Lạy Chúa, con sung sướng biết chừng nào! Con xin lỗi Người về niềm hạnh phúc quá tràn trề của mình!”

Số đông phụ nữ theo thuyết huyền bí không bằng lòng phó thác một cách thụ động cho Chúa: họ chăm chú một cách chủ động tự thủ tiêu mình bằng cách phá hủy thể xác mình. Dĩ nhiên các nam tu sĩ cũng đã từng thực hiện chế độ tu khổ. Nhưng thái độ khăng khăng dày đoạ thịt da mình của phụ nữ mang những nét đặc biệt. Thái độ của họ đối với hình hài mình hết sức khó hiểu: họ biến nó thành một niềm vinh quang thông qua sỉ nhục và khổ đau. Trao mình cho người yêu với tư cách vật mua vui, họ trở thành đền thờ, trở thành thần tượng. Bị giằng xé bởi những nỗi đau của sự sinh nở, họ tạo nên những anh hùng. Người phụ nữ theo thuyết huyền bí dày đoạ thịt da mình để có quyền đòi hỏi nó; dồn nó vào sự xấu xa, họ ca ngợi nó với tư cách công cụ hạnh phúc của mình- Đó là cách giải thích những hành vi kỳ cục của một số nữ thánh. Xuất thân nhập hoá (extase), ảo ảnh (vision), đối thoại với Chúa, những kinh nghiệm nội tâm này là đủ đối với

¹¹⁸ Nhà văn và nhà phê bình văn học Pháp (thế kỷ XIX).

một số phụ nữ. Một số khác cảm thấy nhu cầu chuyển kinh nghiệm ấy tới thế giới qua hành động. Mối quan hệ giữa hành động và chiêm nghiệm mang hai hình thái rất khác nhau. Có những phụ nữ hành động như nữ thánh Catherine, nữ thánh Thérèse, Jeanne d'Arc: họ biết rất rõ mục đích đặt ra, và sáng tạo một cách sáng suốt những phương tiện để đạt tới mục đích. Những điều khai thị (révélation) chỉ khiến cho niềm tin của mình mang gương mặt khách quan, khích lệ họ đi theo con đường họ đã tự vạch cho mình một cách chính xác. Có những phụ nữ tự yêu mình như bà Guyon, bà Krudener, sau khi không còn có thể nhiệt thành một cách ỉang lẽ, bỗng cảm thấy “ở trong một trạng thái sứ đồ” (état. apostolique). Họ không biết thật chính xác nhiệm vụ của mình; và - cũng như các bà hoạt động từ thiện trong con bối rối -, họ ít quan tâm tới công việc mình làm, miễn đó là một cái gì đấy. Nếu thông thường, chỉ cần có chút nhan sắc và trí tuệ là phụ nữ: tự cảm thấy mình mang một tính chất thiêng liêng, thì khi biết mình được Chúa lựa chọn, họ càng đĩnh ninh mình được trao một sứ mệnh: họ thuyết giáo nhưng giáo lý mơ hồ, sẵn sàng thành lập các giáo phái. Cũng như tình yêu và bản thân lòng tự yêu mình, nhiệt tình đối với thuyết huyền bí có thể hoà nhập vào những cuộc sống chủ động và độc lập. Nhưng tự thân chúng, những sự cố gắng tự cứu cá nhân này chỉ có thể dẫn tới thất bại. Hoặc người phụ nữ xây dựng quan hệ với một đối tượng hư ảo, tức là hình ảnh họ, hay Chúa; hoặc họ tạo nên một mối quan hệ hư ảo với một thực thể hiện thực. Dẫu sao, họ cũng không có ảnh hưởng đối với thế giới; không thoát ra khỏi tính chủ thể của mình. Phạm vi tự do của họ vẫn mang tính chất huyền bí, và chỉ có một cách duy nhất thực hiện nó một cách đích thực là: bằng một hành động xác thực, đưa nó vào xã hội loài người.

PHẦN BẢY

HƯỚNG TỚI GIẢI PHÓNG NGƯỜI PHỤ NỮ ĐỘC LẬP

Luật pháp nước Pháp không còn xấp sự vâng lời vào trong số nghĩa vụ của người vợ, và mỗi nữ công dân đã trở thành một cử tri. Nhưng những quyền tự do công dân này vẫn trừu tượng khi chúng không đi kèm theo một quyền độc lập về kinh tế. Không phải nắm trong tay một cái phiếu cử tri là người phụ nữ - dù là vợ hay danh kỹ - được giải thoát khỏi ách thống trị của đàn ông khi họ còn là người được nuôi bao. Tuy tập tục ít trói buộc họ hơn ngày xưa, nhưng những quyền tự do hư ảo ấy vẫn không thay đổi sâu sắc vị trí của họ; họ vẫn bị nhốt chặt trong thân phận phụ thuộc. Phụ nữ rút ngắn khoảng cách giữa họ và đàn ông chủ yếu là qua lao động; và chỉ có lao động mới có thể bảo đảm cho họ một quyền tự do cụ thể. Hễ họ không còn là một vật ký sinh, là sẽ sụp đổ cái hệ thống xây dựng trên cơ sở sự phụ thuộc của họ. Giữa họ và vũ trụ, không còn cần một vai trò trung gian nam giới. Cái tai họa đè nặng lên người phụ nữ phụ thuộc, là ở chỗ họ không được phép làm gì hết: vì vậy, họ khăng khăng theo đuổi một cách vô vọng cái quyền tự thể hiện mình qua lòng tự yêu mình, qua tôn giáo. Nếu là người sản xuất, người chủ động, họ sẽ giành giật trở lại trạng thái siêu nghiệm của mình. Trong các dự kiến, họ tự khẳng định mình một cách cụ thể với tư cách chủ thể; cảm thấy trách nhiệm của mình trong mối quan hệ với mục đích họ theo đuổi, với tiền bạc và những thứ quyền họ chiếm đoạt được. Nhiều phụ nữ nhận thức rõ về những ưu thế ấy, kể cả trong số chị em làm những nghề nghiệp khiêm nhường nhất. Tôi được nghe một phụ nữ đang lau chùi cửa kính một căn phòng khách sạn tuyên bố: "Tôi chưa bao giờ xin gì ai hết. Tôi đi tới đích một mình." Chị kiêu hãnh tự lập lấy cuộc đời chẳng khác một Rockefeller. Tuy nhiên không nên nghĩ rằng chỉ cần kết hợp quyền cử tri với nghề nghiệp là có thể có một sự giải phóng hoàn toàn: lao động ngày nay không đồng nghĩa với tự do. Chỉ có trong xã

hội xã hội chủ nghĩa người phụ nữ mới có quyền tự do trong lao động. Phần lớn những người lao động ngày nay đều là những người bị bóc lột. Mặt khác, cơ chế xã hội chưa thay đổi sâu sắc do quá trình tiến hóa của thân phận phụ nữ. Vốn bao giờ cũng thuộc về đàn ông, thế giới ngày nay vẫn giữ gương mặt đàn ông từng quy định cho nó. Không nên quên những sự kiện này, vốn là cội nguồn tính chất phức tạp của vấn đề lao động nữ. Một vị phu nhân quan trọng và có thiện chí vừa mở một cuộc điều tra về các nữ công nhân nhà máy Renault. Bà khẳng định họ thích ở nhà hơn là đi làm ở nhà máy. Dĩ nhiên họ chỉ có thể độc lập về kinh tế trong lòng một giai cấp bị áp bức về kinh tế; mặt khác, vừa làm nhiệm vụ ở nhà máy, họ vừa phải đảm nhận công việc gia đình. Giá người ta đề xuất với họ lựa chọn giữa bốn mươi tiếng lao động hàng tuần ở nhà máy hay ở gia đình, thì ắt hẳn họ có những câu trả lời hoàn toàn khác. Và thậm chí họ có thể vui vẻ kiêm nhận cả hai, nếu với tư cách nữ công nhân, họ hoà nhập vào một thế giới mà thế giới này là thế giới của họ và họ vui vẻ và kiêu hãnh tham gia việc xây dựng thế giới ấy. Hiện nay, dù chưa nói tới nữ nông dân, phần lớn phụ nữ lao động vẫn không thoát khỏi thế giới phụ nữ truyền thống. Họ không nhận được của xã hội, cũng như của chồng, sự giúp đỡ cần thiết để trở thành một cách cụ thể những người phụ nữ bình đẳng với nam giới. Chỉ có những phụ nữ có một tín ngưỡng chính trị, hoạt động trong các nghiệp đoàn, và tin tưởng vào tương lai, là có thể cho những nỗi vất vả vô bổ thường ngày có một ý nghĩa đạo đức học; nhưng vì không có thì giờ nhàn rỗi và vốn kế thừa một truyền thống phục tùng nên nếu phụ nữ chỉ mới mở đầu ý thức chính trị và xã hội thì cũng là chuyện bình thường. Và cũng sẽ là chuyện bình thường nếu họ phải chấp nhận không hào hứng những sự ràng buộc của lao động, vì đổi lại công việc lao động, họ không được hưởng những lợi ích tinh thần và xã hội mà họ có quyền mong đợi. Chúng ta cũng hiểu vì sao cô gái bán hàng, người phụ nữ làm công ăn lương, người nữ thư ký không muốn khước từ những lợi thế của

một sự ủng hộ của nam giới. Tôi đã nói ở phần trên là đối với một thiếu phụ, cuộc sống của một đẳng cấp được ưu đãi mà họ được phép hoà nhập vào bằng cách giao phó hình hài của mình không thôi, là một sự cảm dỗ hầu như không sao có thể cưỡng nổi. Họ buộc phải làm chuyện phong tình vì tiền công thì nhỏ nhoi, trong lúc mức sống xã hội đòi hỏi ở họ lại rất cao. Nếu bằng lòng với tiền công của mình, thì họ chỉ là một người vò vẩn: ở khổ, mặc tồi, thậm chí mọi thú vui và tình yêu đều bị khước từ. Những người đạo đức khuyên họ chế độ tu khổ. Thực ra chế độ ăn uống của họ cũng kham khổ chẳng khác của một nữ tu sĩ. Thế nhưng không phải ai cũng có thể lấy Chúa làm người tình: họ phải làm vui lòng đàn ông mới có thể thành công trong đời đàn bà của mình. Vì vậy, họ phải tìm cách để được giúp đỡ: đó là điều mà người chủ chờ đợi một cách bất lương khi trả cho họ một đồng lương chết đói. Đôi khi, sự trợ giúp ấy cho phép họ cải thiện tình hình và giành được một quyền độc lập thực sự. Trái lại, có khi họ bỏ nghề để được nuôi bao. Thông thường thì họ kiêm nhiệm cả hai. Họ tự giải thoát khỏi người yêu bằng lao động, và giải thoát khỏi lao động nhờ người yêu; nhưng cũng phải chịu hai cái ách lệ thuộc của nghề nghiệp và của sự bảo hộ của đàn ông. Đối với người phụ nữ có chồng, tiền công nói chung chỉ là một khoản phụ trợ. Đối với người, “phụ nữ chịu nhận sự giúp đỡ”, sự giúp đỡ của đàn ông là thứ yếu; nhưng cả hai mặt ấy đều không mang lại cho họ một quyền độc lập hoàn toàn. Tuy nhiên, hiện nay, một số khá nhiều phụ nữ mav mắn tìm thấy trong nghề nghiệp quyền độc lập về kinh tế và xã hội. Họ là những người được đề cập tới khi người ta bàn khoản về khả năng và tương lai của phụ nữ. Vì vậy, tuy hiện nay họ chỉ mới là một thiểu số, nhưng nghiên cứu kỹ tình hình của họ là điều đặc biệt đáng chú ý. Những cuộc tranh luận về họ giữa phái bên vực nữ quyền và phái chống lại nữ quyền, vẫn kéo dài. Trường phái thứ hai khẳng định người phụ nữ được giải phóng ngày nay chẳng làm được gì quan trọng trên đời, và mặt khác, họ khó có thể tìm thấy thế cân bằng nội tâm. Trường

phái thứ nhất cường điệu kết quả nữ giới thu được và không thừa nhận nỗi hoang mang của họ. Thực ra, không có gì cho phép nói rằng họ đã nhầm đường; tuy nhiên, có điều chắc chắn là họ chưa thật sự vền vị trohg cuộc sống: họ chỉ mới đi được nửa đường. Tuy được giải thoát khỏi đàn ông về kinh tế, phụ nữ không phải vì vậy mà có vị trí giống như của nam giới về tinh thần, xã hội và tâm lý. Cách thức dấn thân của họ vào nghề nghiệp và hoạt động cho nghề nghiệp, tùy thuộc vào bối cảnh do toàn bộ hình thái cuộc sống tạo nên. Và lại, khi bước vào đời sống người lớn, họ không có phía sau mình một quá khứ giống như của một chàng trai; không được xã hội xem xét với những cặp mắt giống nhau; vũ trụ xuất hiện trước mắt họ trong một viễn cảnh khác. Ngày nay, lĩnh vực phụ nữ đặt ra những vấn đề đặc biệt. Đặc quyền đàn ông vốn nắm giữ và được cảm nhận ngay từ tuổi ấu thơ, là ở chỗ sứ mệnh làm người không mâu thuẫn với số phận người đàn ông của họ. Họ không bị chia sẻ, trong lúc muốn thực hiện nữ tính của mình, phụ nữ phải biến mình thành khách thể và con môi, tức là phải khước từ những đòi hỏi của mình với tư cách chủ thể có chủ quyền. Chính sự xung đột này đặc trưng một cách khác thường vị trí của người phụ nữ được giải phóng. Họ không chịu chỉ bố mình trong vai trò phụ nữ vì không muốn tự hủy hoại mình; nhưng cũng sẽ là tự hủy hoại mình nếu khước từ giới mình. Đàn ông là một con người hữu tính (sexué); phụ nữ chỉ có thể là một cá thể trọn vẹn và bình đẳng với nam giới nếu bản thân họ cũng là một con người hữu tính. Khước từ nữ tính, cũng tức là khước từ một phần nhân tính của chính mình. Những người ghét đàn bà (misogyne) thường trách phụ nữ trí thức “không chịu trang điểm”; nhưng cũng lại khuyên họ: nếu muốn trở thành những người bình đẳng với chúng tôi, các bà, các cô hãy thôi nhồi phân lên mặt và sơn sửa móng tay, móng chân. Lời khuyên này thật phi lý. Chính vì khái niệm nữ tính do tập tục và thời thượng xác định một cách nhân tạo nên nó bị áp đặt đối với mỗi người phụ nữ từ bên ngoài. Họ phải ứng xử sao cho tiêu chuẩn của mình dịch lại gần tiêu chuẩn

do đàn ông áp dụng: trên bãi biển, chiếc quần đàn ông trở thành trang phục của phụ nữ. Cái đó không hề làm thay đổi cốt lõi của vấn đề: cá nhân không có quyền tự do làm theo ý mình. Người phụ nữ không tuân thủ cái chung sẽ làm mất giá trị của mình về mặt giới tính và do vậy về cả mặt xã hội vì xã hội đã sáp nhập các giá trị giới tính. Không phải cứ khước từ những đặc điểm nữ tính là có được những đặc điểm nam tính. Ngay cả người phụ nữ giả trang cũng không thể biến mình thành một người đàn ông: họ chỉ là một cô gái giả trang. Chúng ta đã thấy là tình dục đồng giới cũng tạo nên một sự khu biệt (spécification): không thể có chuyện trung lập. Không có một thái độ tiêu cực nào là không bao hàm một đôi trọng tích cực. Người phụ nữ thành niên thường nghĩ là có thể dễ dàng coi thường các ước lệ; nhưng chính vì vậy mà tự thể hiện mình: họ tạo nên một tình huống mới kéo theo những hệ quả mà họ buộc phải gánh chịu. Hễ thoát ra khỏi một quy tắc đã được thiết lập là người ta trở thành một kẻ chống đối. Người phụ nữ ăn bận một cách kỳ cục đã đối trá khi khẳng định với vẻ tự nhiên là mình chỉ làm theo sở thích của mình, không có gì hơn: họ hoàn toàn biết rằng theo sở thích của mình chính là một sự kỳ cục. Ngược lại, người phụ nữ không muốn có gương mặt khác người thì tuân thủ những quy tắc chung. Lựa chọn sự thách thức là một bài toán sai lầm trừ phi nó thể hiện một hành động có hiệu quả một cách thiết thực: sẽ tiêu phí vào đấy nhiều thì giờ và sức lực hơn là tiết kiệm được chúng. Muốn không làm người ta khó chịu, không hạ thấp giá trị của mình về mặt xã hội, phụ nữ phải chấp nhận thân phận phụ nữ của mình với Nhưng trong lúc thái độ thủ cựu là chuyện hết sức tự nhiên đối với nam giới-vì tập tục dựa theo nhu cầu cá thể độc lập và chủ động của họ-, thì phụ nữ phải khuôn mình theo một thế giới dồn họ vào thế bị động, tuy bản thân họ cũng là chủ thể, cũng là hoạt động. Sự lệ thuộc lại càng nặng nề khi những người phụ nữ bị nhốt chặt trong phạm vi giới mình cường điệu tầm quan trọng của phạm vi ấy: họ biến công việc trang điểm, công việc nội trợ thành những thú nghệ

thuật tinh tế. Nam giới không hề phải quan tâm tới quần áo; chúng tiện lợi, không cầu kỳ, và thích ứng với cuộc sống hoạt động của họ. Hầu như chúng không tham gia vào nhân cách của họ. Và lại, không ai nghĩ là họ phải tự chăm sóc tới chúng: đã có người đàn bà tự nguyện hay được trả tiền công đảm nhận công việc ấy. Trái lại, phụ nữ thì biết rằng khi nhìn họ, người ta không phân biệt họ với vẻ ngoài của chính họ: họ được đánh giá, trọng vọng, ham muốn qua trang phục. Quần áo của họ vốn từ đầu nhằm thể hiện trạng thái bất động (impotence) và tới nay chúng vẫn mỏng manh: tất chân thì dễ rách; gót dày bị vệt; áo blu và áo dài màu sáng dễ sửa chữa phần lớn những sự hư hại ấy. Đồng loại không sẵn sàng tự nguyện đến giúp họ, còn họ thì không muốn làm tiêu hao thêm ngân quỹ vì những công việc tự thân họ có thể làm lấy: chuyện uốn tóc, phấn sáp, áo dài mới đã tốn kém khá nhiều rồi. Về nhà buổi tối, cô thư ký, cô sinh viên bao giờ cũng có một chiếc tất phải mạng, một chiếc blu phải giặt, một chiếc váy phải là. Người phụ nữ kiếm sống một cách phóng khoáng hơn thì có thể tránh cho mình những công việc vất vả ấy; nhưng lại phải tuân theo một phong cách thanh lịch phức tạp hơn, phải mất thì giờ đi phố, đi thử quần áo, giày dép, v.v... Truyền thông cũng buộc phụ nữ-kể cả người độc thân-phải chăm sóc nội thất của mình. Một nam viên chức được cử đến một thành phố mới, dễ dàng đến ở khách sạn; còn người nữ đồng nghiệp của họ thì tìm cách có "mái ấm" của mình và phải tận tình chăm sóc nó vì người ta không tha thứ cho nàng một sự lơ là mà người ta cho là tự nhiên đối với đàn ông. Và lại, không phải chỉ có sự quan tâm tới dư luận buộc phụ nữ bỏ thì giờ và công sức cho nhan sắc, cho gia đình. Họ muốn mãi mãi là một phụ nữ đích thực để tự thỏa mãn bản thân mình. Họ chỉ có thể tự hài lòng với mình qua hiện tại và quá khứ bằng cách kết hợp cuộc sống họ đã tự tạo lập với số phận mà bà mẹ, các trò chơi trẻ thơ và những ảo ảnh của cô thiếu nữ đã chuẩn bị cho mình. Họ từng ấp ủ những giấc mơ tự yêu mến mình. Bà mẹ và những bậc đàn chị đã truyền cho họ lòng yêu thích

một tổ ấm: một căn nhà riêng của mình, đó vốn là hình thái khởi nguyên của những giấc mơ độc lập của họ. Họ không muốn phủ nhận chúng ngay khi đã tìm thấy sự tự do trên những con đường khác. Và chừng nào còn chưa thấy thật an toàn trong thế giới đàn ông, thì họ vẫn có nhu cầu một nơi ẩn tránh, tượng trưng cho sự ẩn. Nhưng trong lúc thái độ thủ cựu là chuyện hết sức tự nhiên đối với nam giới-vì tập tục dựa theo nhu cầu cá thể độc lập và chủ động của họ-, thì phụ nữ phải khuôn mình theo một thế giới dồn họ vào thế bị động, tuy bản thân họ cũng là chủ thể, cũng là hoạt động. Sự lệ thuộc lại càng nặng nề khi những người phụ nữ bị nhốt chặt trong phạm vi giới mình cường điệu tầm quan trọng của phạm vi ấy: họ biến công việc trang điểm, công việc nội trợ thành những thứ nghệ thuật tinh tế. Nam giới không hề phải quan tâm tới quần áo; chúng tiện lợi, không cầu kỳ, và thích ứng với cuộc sống hoạt động của họ. Hầu như chúng không tham gia vào nhân cách của họ. Và lại, không ai nghĩ là họ phải tự chăm sóc tới chúng: đã có người đàn bà tự nguyện hay được trả tiền công đảm nhận công việc ấy. Trái lại, phụ nữ thì biết rằng khi nhìn họ, người ta không phân biệt họ với vẻ ngoài của chính họ: họ được đánh giá, trọng vọng, ham muốn qua trang phục. Quần áo của họ vốn từ đầu nhằm thể hiện trạng thái bất động (impotence) và tới nay chúng vẫn mỏng manh: tất chân thì dễ rách; gót dày bị vệt; áo blu và áo dài màu sáng dễ sửa chữa phần lớn những sự hư hại ấy. Đồng loại không sẵn sàng tự nguyện đến giúp họ, còn họ thì không muốn làm tiêu hao thêm ngân quỹ vì những công việc tự thân họ có thể làm lấy: chuyện uốn tóc, phấn sáp, áo dài mới đã tốn kém khá nhiều rồi. Về nhà buổi tối, cô thư ký, cô sinh viên bao giờ cũng có một chiếc tất phải mạng, một chiếc blu phải giặt, một chiếc váy phải là. Người phụ nữ kiếm sống một cách phóng khoáng hơn thì có thể tránh cho mình những công việc vất vả ấy; nhưng lại phải tuân theo một phong cách thanh lịch phức tạp hơn, phải mất thì giờ đi phố, đi thử quần áo, giày dép, v.v... Truyền thông cũng buộc phụ nữ-kể cả người độc thân-

phải chăm sóc nột thất của mình. Một nam viên chức được cử đến một thành phố mới, dễ dàng đến ở khách sạn; còn người nữ đồng nghiệp của họ thì tìm cách có “mái ấm” của mình và phải tận tình chăm sóc nó vì người ta không tha thứ cho nàng một sự lơ là mà người ta cho là tự nhiên đối với đàn ông. Và lại, không phải chỉ có sự quan tâm tới dư luận buộc phụ nữ bỏ thì giờ và công sức cho nhan sắc, cho gia đình. Họ muốn mãi mãi là một phụ nữ đích thực để tự thỏa mãn bản thân mình. Họ chỉ có thể tự hài lòng với mình qua hiện tại và quá khứ bằng cách kết hợp cuộc sống họ đã tự tạo lập với số phận mà bà mẹ, các trò chơi trẻ thơ và những ảo ảnh của cô thiếu nữ đã chuẩn bị cho mình. Họ từng ấp ủ những giấc mơ tự yêu mến mình. Bà mẹ và những bậc đàn chị đã truyền cho họ lòng yêu thích một tổ ấm: một căn nhà riêng của mình, đó vốn là hình thái khởi nguyên của những giấc mơ độc lập của họ. Họ không muốn phủ nhận chúng ngay khi đã tìm thấy sự tự do trên những con đường khác. Và chừng nào còn chưa thấy thật an toàn trong thế giới đàn ông, thì họ vẫn có nhu cầu một nơi ẩn tránh, tượng trưng cho sự ẩn tránh nội tâm mà họ vốn quen tìm kiếm trong bản thân mình. Trung thành với truyền thống phụ nữ, họ tự lau chùi lấy sàn nhà, tự mình thổi nấu lấy thay vì cho việc đi ăn ở hàng ăn như anh bạn đồng nghiệp. Họ muốn sống vừa như một người đàn ông vừa như một người đàn bà: qua đó, có thêm nhiều nhiệm vụ và vất vả thêm. Sở dĩ họ muốn vẫn hoàn toàn là phụ nữ, là vì họ cũng muốn tiếp cận nam giới với cơ may tối đa. Và những vấn đề gay go nhất sẽ được đặt ra trong lĩnh vực tình dục. Muốn làm một cá thể trọn vẹn, một người bình đẳng với nam giới, phụ nữ phải bước vào thế giới đàn ông như đàn ông bước vào thế giới phụ nữ; nhưng đòi hỏi của người kia không đối xứng trong cả hai trường hợp. Của cải, danh vọng, vốn xuất hiện như những giá trị nội tại, một khi được chiếm lĩnh, có thể làm tăng thêm sức cuốn hút của phụ nữ về tình dục. Nhưng hoạt động độc lập mâu thuẫn với nữ tính của họ. Người phụ nữ độc lập-và nhất là người phụ nữ trí thức trong khi quan niệm vị trí của

mình-phải gánh chịu một mặc cảm tự ti với tư cách phụ nữ. Họ không có thì giờ chăm chút nhan sắc như cô gái đóm dáng mà môi quan tâm duy nhất là tìm cách cảm dỗ. Họ dù có nghe lời các chuyên gia cũng vô bổ; bao giờ họ cũng chỉ là người tài tử trong địa hạt thanh lịch. Sức quyến rũ của phụ nữ đòi hỏi hiện tượng siêu nghiệm chỉ còn được thể hiện như một sự rung động tinh tế của xác thịt và biến thành hiện tượng nội tại. Họ phải là một con môi tự hiến mình một cách bột phát. Người phụ nữ trí thức biết mình tự hiến mình; nhưng cũng biết mình là một ý thức, một chủ thể. Họ khó có thể làm vui lòng vì họ không có ý muốn đơn thuần làm người ta vui lòng như những cô gái trẻ nô lệ. Ham muốn chinh phục, dù mãnh liệt tới đâu, cũng không thấm tận xương tuỷ họ. Hễ cảm thấy vụng về là họ bực dọc với vai trò phụ thuộc của mình. Họ muốn trả thù bằng cách chơi trò chơi với những thứ vũ khí nam giới. Họ nói thay vì cho nghe, phô bày những tư tưởng tinh tế, những cảm xúc hoàn toàn mới lạ; phản đối người đối thoại thay vì cho tán thành, tìm cách đánh bại anh ta. Bà de Stael kết hợp khá khéo léo cả hai thủ pháp để chiến thắng một cách vang dội: ít khi, họ chống trả nổi bả. Nhưng thái độ thách thức-vốn rất thường gặp ở phụ nữ Mỹ-thường làm đàn ông khó chịu hơn là bị chinh phục; và lại, chính họ cuốn hút phụ nữ vì bản thân sự ngờ vực của mình. Giá họ bằng lòng yêu một người đồng loại, chứ không phải một người nô lệ, thì phụ nữ sẽ bị bớt ám ảnh hơn nhiều bởi môi quan tâm về nữ tính của mình. Họ sẽ tự nhiên hơn, đơn giản hơn, sẽ thấy mình là phụ nữ với ít dằn vặt hơn vì, xét cho cùng, họ là phụ nữ. Sự thật là đàn ông bắt đầu chấp nhận cuộc sống mới của nữ giới- Không còn cảm thấy bị lên án một cách tiên nghiệm nữa, phụ nữ cảm thấy thoải mái hơn nhiều. Ngày nay, phụ nữ không còn vì lao động mà không còn chú trọng tới nữ tính của mình và mất đi sức cuốn hút về mặt tình dục. Thành tựu này, tuy đánh dấu một bước tiến tới thế cân bằng, vẫn chưa trọn vẹn. Phụ nữ còn gặp nhiều khó khăn hơn nam giới trong việc thiết lập những mối quan hệ họ mong ước với người khác giới.

Cuộc sống tình dục và tình cảm của họ vấp phải nhiều trở lực. Và lại, về điểm này, người phụ nữ phụ thuộc không mấy may được ưu đãi: về tình dục cũng như tình cảm, phần lớn các bà vợ cũng như các danh kỹ đều bị hoàn toàn chịu thiệt thòi. Người phụ nữ độc lập vấp phải những khó khăn hiển nhiên hơn vì họ chọn con đường đấu tranh thay vì nhẫn nhục. Mọi vấn đề của cuộc sống đều tìm thấy trong cái chết một giải pháp im ắng. Một người phụ nữ vươn lên cuộc sống, vì vậy, bị chia sẻ nhiều hơn người chôn chặt ý chí và ham muốn của mình; nhưng họ không chịu lấy người này làm gương. Chỉ có so sánh với đàn ông, họ mới cảm thấy mình bị thiệt thòi. Một phụ nữ; tận tụy, có trách nhiệm, từng nếm trải cái gay go trong đấu tranh chống lại những sự phản kháng của thế giới, người phụ nữ ấy cũng như đàn ông-chẳng những cần thỏa mãn ham muốn vật chất của mình, mà còn cần nếm trải sự thư giãn, sự khuây khỏa do những cuộc phiêu lưu may mắn về tình dục mang lại. Thế nhưng vẫn còn những môi trường trong đó quyền tự do ấy không được công nhận một cách cụ thể đối với họ. Nếu sử dụng quyền tự do ấy, họ có nguy cơ làm phương hại đến thanh danh, sự nghiệp; chí ít, người ta đòi hỏi ở họ một thứ đạo đức giả đè nặng lên họ. Họ càng tự áp đặt mình về mặt xã hội, người ta càng sẵn sàng nhắm mắt làm ngơ; nhưng trong phần lớn trường hợp-nhất là ở tỉnh lẻ-, họ bị dò la một cách nghiệt ngã. Ngay trong cả những hoàn cảnh thuận lợi nhất-khi sự sợ hãi dư luận không còn có tác dụng nữa-tình trạng của họ cũng không giống như của đàn ông. Sự khác biệt bắt nguồn vừa từ truyền thống vừa từ những vấn đề do tính chất đặc biệt của hiện tượng hưng dục của nữ giới đặt ra. Đàn ông có thể dễ dàng nếm trải những vòng tay không tương lai, cùng lắm cũng chỉ thỏa mãn xác thịt và thư giãn tinh thần anh ta. Đã từng có phụ nữ-ít thôi-đòi mở thanh lâu cho nữ giới và hình như một cơ sở kiểu ấy đã từng xuất hiện trước kia ở San Francisco. Tới đây chỉ có những cô gái điếm thích thú được trả tiền thay vì được người ta trả tiền cho mình. Giải pháp ấy chắc hẳn khó có kết quả, chưa kể là nó là một giải

pháp ảo tưởng và không đáng mong ước. Phụ nữ không dễ dàng được “giải dục” một cách cơ học như nam giới. Dầu sao thì sự thật là ngày nay giải pháp ấy không được chấp nhận. “Nhặt” trên đường phố một gã đàn ông để sống với mình một đêm hay một giờ-nếu có giả dụ người phụ nữ không hình dung sự việc một cách kinh tởm vì có một khí chất mạnh và đã vượt qua mọi sự ức chế, chẳng nữa-, giải pháp ấy nguy hiểm đối với đàn bà hơn nhiều so với đàn ông. Nguy cơ bị bệnh hoa liễu đối với họ nghiêm trọng hơn vì người đàn ông có trách nhiệm đề phòng lây nhiễm; và dù thận trọng tới đâu, họ cũng không bao giờ hoàn toàn yên tâm không bị sự ra đời của một đứa con đe dọa. Nhưng nhất là trong quan hệ giữa những người xa lạ-những mối quan hệ này thường được đặt trên một Linh diện bạo lực-sự khác biệt về thể lực là rất quan trọng. Một người đàn ông sẽ không có gì phải sợ cho lắm đối với người đàn bà anh ta đưa về nhà: chỉ cần một chút cảnh giác là đủ. Tình hình không phải như vậy đối với người phụ nữ đưa đàn ông về nhà mình. Tôi có nghe chuyện hai thiếu phụ chân ướt chân ráo đến Paris, khát khao muốn “biết cuộc sống” đã mời hai tên ma cô đầy sức hấp dẫn ở Monmartre: sáng hôm sau, hai thiếu phụ bị tước đoạt của cải, bị đối xử thô bạo và đe dọa bị bêu riếu. Một trường hợp có ý nghĩa hơn là trường hợp một phụ nữ khoảng bốn mươi, sau khi ly hôn phải lao động cật lực suốt ngày để nuôi hai đứa con đã lớn và bố mẹ già. Còn đẹp và hấp dẫn, nhưng tuyệt nhiên không có thì giờ sống cuộc sống phù hoa, làm duyên làm dáng; nhưng lại có những đòi hỏi về thể xác, và nghĩ mình có quyền thỏa mãn chúng như một người đàn ông. Một vài buổi tối, bà ta nhón nhờ trên đường phố và tìm cách chinh phục một gã đàn ông. Nhưng một đêm, sau một hai tiếng, cùng nhau sống ở một khu rậm trong rừng Boulogne, người tình không chịu để bà ra về: anh ta muốn biết tên họ, địa chỉ của người thiếu phụ, muốn gặp lại và cùng ba ta lập gia đình. Bị từ chối, anh ta đánh đập bà tàn nhẫn, khủng bố và gây thương tích.

Còn chuyện gán bó với một người tình như đàn ông thường làm bằng cách “bao” hay giúp đỡ “bờ” của mình, thì chỉ có thể xảy ra đối với phụ nữ giàu có, trong số đó, có những người thích ứng với lối mua bán này: trả giá cho người đàn ông, họ biến anh ta thành một công cụ, có thể sử dụng anh ta với một thái độ thờ ơ khinh khỉnh. Nhưng thông thường phải là những người đàn bà có tuổi mới có thể phân chia một cách thô bạo như vậy giữa hứng dục và tình cảm, còn ở lứa tuổi thành, niên của nữ giới, thì sự gán bó giữa hai mặt ấy hết sức sâu lắng. Ngay trong nam giới, cũng có nhiều người không bao giờ chấp nhận sự phân chia như vậy giữa thể xác và tâm hồn. Vì vậy, phần lớn phụ nữ lại càng không thể hình dung hiện tượng ấy. Và lại, đó là một sự lừa phỉnh mà phụ nữ nhạy cảm hơn so với nam giới: bản thân anh-chàng-khách-hàng-được-trả-công cũng là một công cụ, và người đôi tác sử dụng hẳn như một thứ đồ nghề. Thái độ kiêu hãnh của nam giới che khuất đối với họ những cái nhập nhằng của tấn kịch hứng dục: họ tự dối mình một cách bột phát. Còn phụ nữ, dễ bị si nhục hơn, nhạy cảm hơn nên cũng sáng suốt hơn: họ chỉ mù quáng khi phải trả giá một tà tâm xảo quyệt hơn. Thông thường, tự mua cho mình một người đàn ông-nếu giả định có phương tiện để làm việc đó chẳng nữa-, đối với họ không phải là một giải pháp thỏa đáng.

Đối với số đông phụ nữ-cũng như đối với nam giới-, vấn đề không phải chỉ là thỏa mãn ham muốn, mà còn là bảo vệ nhân phẩm của mình trong lúc thỏa mãn chúng. Khi hưởng khoái lạc, bên cạnh người phụ nữ, khi để cho người này hưởng khoái lạc, người đàn ông xem mình là chủ thể độc nhất: người chinh phục kiêu hãnh, người hiến tặng hào hiệp, hoặc cả hai cùng một lúc. Ngược lại, người phụ nữ tự khẳng định buộc người đàn ông phục vụ khoái cảm của mình và làm anh ta thỏa mãn với sự hiến tặng của mình. Vì vậy, khi tự áp đặt mình cho đàn ông, hoặc do những lợi ích họ hứa hẹn, hoặc do phong cách thanh nhã của mình, hoặc nữa, bằng cách khơi gợi, bằng những thủ pháp, ham muốn của anh ta trong tính khái quát

đơn thuần của nó, người phụ nữ định ninh mình đã thỏa mãn anh ta. Với niềm tin hữu hiệu ấy, họ có thể thu hút anh ta mà không cảm thấy bị sỉ nhục vì cho rằng hành động theo lòng hào hiệp. Chẳng hạn, trong *Lúa non* (Blé en herbe), vị “phu nhân trang phục màu trắng” trong khi thèm khát những cử chỉ âu yếm của Phil, nói với chàng một cách kiêu hãnh: “Tôi chỉ yêu những kẻ hành khát và những người đói khát.” Thực ra bà ta khéo léo sắp đặt để anh chàng phải có thái độ năn nỉ. Lúc: đó-theo lời văn của Colette- “bà ta vội vã bước tới cái vương quốc chật hẹp và tối tăm trong đó người ta có thể kiêu hãnh cho rằng than vãn là sự thú nhận của gian nan, và những kẻ cầu xin kiêu bà ta, thường thức cái ảo ảnh của sự hào phóng”. Bà de Warens tiêu biểu cho những người đàn bà chọn người tình trẻ tuổi hoặc bất hạnh hoặc thân phận thấp kém, nhằm khoác cho dực vọng của mình gương mặt của sự hào hiệp. Nhưng cũng có những phụ nữ táo bạo tấn công những người đàn ông kiên nghị nhất và lấy làm hoan hỉ được thỏa mãn những người này trong lúc họ chỉ nhượng bộ vì phép lịch sự hay vì kinh hãi. Ngược lại, trong khi người phụ nữ cài bẫy, được người đàn ông, muốn hình dung là mình công hiến, thì người đàn bà tự hiến mình lại muốn khẳng định là mình chiếm đoạt. Một hôm, một nữ phóng viên báo chí bảo tôi: “Tôi ấy à, tôi là một phụ nữ chiếm đoạt” Thực ra, trong chuyện này, không người nào thực sự chiếm đoạt người kia cả, trừ trường hợp cưỡng dâm; nhưng ở đây, người phụ nữ tự dối trá mình đến hai lần. Vì sự thực là đàn ông thường cảm dỗ với sự cuồng nhiệt, và thái độ tấn công của họ, chủ động giành được sự đồng tình của phụ nữ. Trừ trường hợp đặc biệt-trong đó có trường hợp về bà de Stael đã nêu ở trên- tình hình không giống như vậy ở phụ nữ: phụ nữ không thể làm gì khác ngoài việc tự hiến mình, vì phần lớn đàn ông quyết liệt bám chặt lấy vai trò của họ, họ muốn khơi dậy ở phụ nữ một sự xáo trộn đặc biệt, không muốn lựa chọn để thỏa mãn nhu cầu của người đó trong tính khái quát của nó: nếu được lựa chọn, họ cảm thấy, bị bóc lột. Có lần một chàng trai bảo tôi: “Người phụ nữ nào

không sợ đàn ông thì làm đàn ông sợ hãi". Và tôi thường nghe đàn ông tuyên bố: "Điều tôi khiếp hãi là sáng kiến thuộc về đàn bà." Nếu phụ nữ khơi gợi quá táo bạo, thì đàn ông sẽ lảng tránh: đàn ông bao giờ cũng muốn làm người chinh phục. Vì vậy, phụ nữ chỉ có thể chiếm đoạt trong lúc tự biến mình thành con mồi: họ phải trở thành một sự vật thụ động, một lời hứa hẹn phục tùng. Nếu thành công, họ sẽ nghĩ là mình đã tự nguyện thực hiện một âm mưu ma thuật, và thấy mình trở lại làm chủ thể. Nhưng họ có thể có nguy cơ bị thái độ khinh thị của đàn ông biến thành một đối tượng vô bổ, vì vậy họ vô cùng tủ nhục nếu bị người kia khước từ những lời tỏ tình. Đôi khi người đàn ông cũng nổi giận vì thấy mình bị đánh lừa; tuy nhiên, anh ta chỉ có thất bại trong một sự việc, chỉ cố thể thôi. Còn người phụ nữ thì trong lúc đó đã chấp nhận giữ vai trò thể xác trong hồi hộp, ọọị chờ, hứa hẹn; họ chỉ có thể được, trong lúc tự đánh mất mình, và mãi mãi là người bị đánh mất. Phải hoặc là mù quáng một cách đại dốt hoặc là sáng suốt, một cách đặc biệt mới có thể chấp nhận một sự thất bại như vậy. Và sự cảm dỗ có thành công chẳng nữa, thì thắng lợi vẫn không rõ ràng. Thật vậy, theo công iuận, chính đàn ông là người chiến thắng, là người có người đàn bà. Người ta không chấp nhận là đàn bà có thể thỏa mãn dục vọng của mình như đàn ông: mà là con mồi của đàn ông. Quả là đàn ông đã sáp nhập những lực lượng đặc trưng vào cá tính của mình; còn phụ nữ là nô lệ của loài (espèce), bị hình dung khi thì như một trạng thái bị động đơn thuần, khi thì như một sự chủ động bị tha hoá. Dẫu sao thì cũng không được coi là thực sự tự do. Chủ yếu ở Pháp, người ta khăng khăng lẫn lộn giữa phụ nữ tự do và phụ nữ dễ dãi, trong lúc khái niệm dễ dãi bao hàm sự thiếu vắng chống trả và kiểm soát, bao hàm một thiếu sót, một sự phủ định chính bản thân quyền tự do. ở Mỹ, người ta thừa nhận hoạt động tình dục của phụ nữ là một quyền tự do, do đó thuận lợi cho họ nhiều. Nhưng dù có còi thường dư iuận vô danh, phụ nữ vẫn thấy những khó khăn cụ thể trong quan hệ với đàn ông, vì anh ta là hiện thân của dư luận.

Thông thường anh ta coi chiếc giường ngủ là địa hạt phải thể hiện ưu thế có tính chất xâm lược của mình. Anh ta muốn chiếm hữu chứ không muốn tiếp nhận, muốn cưỡng đoạt, chứ không muốn trao đổi; muốn chiếm hữu phụ nữ quá mức giới hạn những gì nàng cống hiến; đòi hỏi sự thuận tình của nàng phải là một sự thất bại, và những lời lẽ nàng thốt ra phải là những lời thú nhận theo yêu cầu của anh ta. Chấp nhận khoái lạc của anh ta, tức là nàng thừa nhận trạng thái nô lệ của mình. Trong Thân phận con người, lão Ferral độc đoán kháng kháng cấm Valérie tắt đèn. Nếu là người kiêu hãnh, có yêu sách, thì phụ nữ tiếp cận với đàn ông với tư cách một địch thủ. Trong cuộc đấu tranh này, họ ít được vù trang hơn; trước hết, đàn ông có thể lực và dễ áp đặt ý muốn của mình hơn; hoạt động và trạng thái căng thẳng hài hoà với hứng dục của anh ta; còn phụ nữ, trong lúc khước từ tình thế bị động, sẽ làm tan vỡ sức mê hoặc dẫn tới khoái cảm: phần lớn phụ nữ hy sinh cho niềm kiêu hãnh trở thành lãnh dục. Chỉ khi nào ở đàn ông lẫn đàn bà có chút khiêm nhường và ít nhiều khoan dung thì ý nghĩ chiến thắng và chiến bại mới .bi tiêu diệt; và hành vi ân ái trở thành một sự trao đổi tự do. Nhưng một cách nghịch lý, thừa nhận một cá thể khác giới là một đồng loại của mình, đối với phụ nữ, khó khăn hơn nhiều so với đàn ông. Chính vì thế giới đàn ông nắm ưu thế nên họ có thể có thái độ yêu quý đối với vô số phụ nữ đặc biệt. Phụ nữ dễ dàng được yêu; trước hết, có cái lợi thế đưa người yêu vào một thế giới khác thế giới của chàng mà chàng thích thú khám phá bên cạnh nàng. Nàng mưu mô, sắp đặt làm chàng khuây khoả, chỉ ít cũng trong một thời gian. Và lại, vì vị trí hạn hẹp và phụ thuộc, nên mọi ưu điểm của nàng được coi như những chiến thắng, còn những sai lầm thì có thể tha thứ. Stendhal ca ngợi bà de Rénal¹¹⁹ và bà de Chasteller¹²⁰ mặc dù những thiên kiến đáng ghét của họ. Dù phụ nữ có những ý nghĩ sai lầm, ít thông minh, ít sáng suốt, ít dũng cảm, đàn ông

¹¹⁹ Nhân vật trong truyện của Stendhal .

¹²⁰ Nhân vật trong truyện của Stendhal .

cũng vẫn không cho họ là người chịu trách nhiệm: anh ta nghĩ - và thường một cách có lý - họ là nạn nhân của chính vị trí của họ; anh ta mơ màng cho là họ nhẽ ra có thể là thế này. Là thế khác: người ta có thể tin cậy họ, có thể cho họ “vay mượn” nhiều, vì họ không có gì là xác định rõ rệt hết. Chính đàn ông sớm chán ngán vì sự thiếu vắng này; nhưng cũng chính đó là cội nguồn của bí quyết, của sức cảm dỗ chinh phục đàn ông và khiến họ dễ có thái độ âu yếm. Rất khó có thể có tình bạn đối với đàn ông: vì tự tạo nên mình như thế nào thì họ như thế ấy, không dùng phương sách nào khác. Phải yêu mến họ trong sự hiện diện và hiện thực, chứ không phải qua những lời hứa hẹn và những khả năng không vững chắc; họ chịu trách nhiệm về hành vi và tư tưởng của mình; không có lý do gì để tự bào chữa. Đối với họ, chỉ có tình hữu nghị khi người ta tán thành hành vi, mục đích, quan niệm của họ. Julien¹²¹ có thể yêu một cô gái ủng hộ dòng vua chính thống; một nàng Lamiel¹²² không thể có tình thân với một người đàn ông mà tư tưởng bị nàng căm ghét. Dù có sẵn sàng thỏa hiệp, phụ nữ cũng khó có thể có thái độ khoan dung. Vì đàn ông đâu có mở cho họ cánh cửa thiên đường; họ gặp đàn ông trong thế giới này vốn là thế giới chung của họ: đàn ông chỉ mang tới có bản thân mình. Khép kín trong bản thân mình và kiên định, đàn ông ít thích chuyện mơ màng. Khi họ nói, thì phải nghe lời họ; họ có thái độ đứng đắn: nếu không làm cho người ta quan tâm, thì họ làm người ta chán ngán, sự có mặt của họ là một gánh nặng. Chỉ có những chàng trai còn rất trẻ mới tự lừa phỉnh mình với những cái diệu kỳ dễ dãi; có thể tìm kiếm ở họ những bí ẩn và những lời hứa hẹn; có thể có những lý do tha thứ cho họ, có thể xem xét họ một cách nồng nôi: đó là một trong những lý do khiến họ hết sức hấp dẫn đối với phụ nữ đứng tuổi. Nhưng thông thường họ chỉ thích những cô gái trẻ. Phụ nữ tuổi ba mươi phải hướng về nam giới đã thật sự trưởng thành. Và chắc hẳn, trong số này, sẽ

¹²¹ Nhân vật nam, nguồn gốc nông dân trong Đỏ và Đen.

¹²² Nữ nhân vật trong tác phẩm cùng tên của Stendhal (tác phẩm bỏ dở).

có những người không phụ tình bạn, tình yêu của họ; nhưng họ sẽ gặp may nếu những người đàn ông kia không hề có thái độ cao ngạo. Mong ước của họ là gặp một người đàn ông mình có thể coi là bình đẳng và chàng không tự cho mình là người có ưu thế hơn. Người ta sẽ bảo tôi là nói chung, đàn bà không lảm chuyện đến thế; họ nắm lấy cơ hội mà không tự đặt ra cho mình quá nhiều câu hỏi, và sau đó lo tự xoay xở lấy với niềm kiêu hãnh và nhục cảm của mình. Đúng là như vậy. Nhưng cũng có một điều đúng khác là họ chôn chặt trong lòng vô số những nỗi thất vọng, nhục nhã, luyến tiếc, giận hờn ít khi người ta tìm thấy tới mức ấy ở nam giới. Bản chất hiện tượng hững hờ của họ và những khó khăn của một cuộc sống tình dục tự do khuyến khích phụ nữ theo chế độ một vợ một chồng. Tuy nhiên, đối với phụ nữ, việc dung hoà giữa hôn nhân hay quan hệ nam, nữ với sự nghiệp, khó khăn hơn nhiều so với nam giới. Có thể người tình hay người chồng yêu cầu họ khước từ sự nghiệp. Họ lưỡng lự, như Người Đàn bà lang thang của Colette, chẳng hạn: nàng thiết tha mong muốn bên cạnh mình một sức ấm đàn ông nhưng lại e ngại những trở lực của đời sống vợ chồng. Nếu nhượng bộ, một lần nữa, nàng sẽ là người phụ thuộc; nếu khước từ, nàng phải gánh chịu một nỗi cô đơn lạnh lẽo. Ngày nay, thông thường, nam giới chấp nhận người bạn đời giữ nguyên nghề nghiệp. Cuộc sống chung của hai con người tự do làm cho mỗi người thêm phong phú; và trong công việc của người bạn đời, mỗi người tìm thấy quyền độc lập của bản thân mình được bảo đảm. Và nếu người đàn ông thật sự có thiện chí thì hài bên, dù là vợ chồng hay là người yêu, sẽ đi tới chỗ hoàn toàn bình đẳng, không có gì phải cưỡng ép. Thậm chí có khi đàn ông giữ vai trò người phục vụ tận tụy. Chẳng hạn, bên cạnh George Eliot¹²³ Lewes¹²⁴ tạo nên bầu không khí êm đẹp mà thông thường vợ tạo lập xung quanh người chồng-chúa tể. Nhưng thông thường, tạo nên sự hài hoà của

¹²³ Nhà thơ và nhà tiểu thuyết nữ người Anh (thế kỷ XIX).

¹²⁴ Người yêu của G.Eliot.

mái ấm, thuộc trách nhiệm người vợ. Đàn ông cho rằng phụ nữ trông coi nhà cửa, chăm sóc và dạy dỗ con cái là chuyện tự nhiên. Bản thân phụ nữ cũng cho lấy chồng, tức là đảm nhận những trách nhiệm mà cuộc sống cá nhân không miễn trừ cho mình; họ không muốn chồng phải mất những quyền lợi mà nhẽ ra chàng phải được hưởng trong lúc liên kết với một “người vợ chân chính”: họ muốn là người phụ nữ thanh lịch, người nội trợ giỏi giang, người mẹ tận tụy như những người vợ vốn là như vậy theo truyền thống xưa nay. Đó là một nhiệm vụ dễ trở nên nặng nề. Họ đảm nhận nó vừa vì coi trọng chồng vừa vì trung thành với bản thân mình: vì như chúng ta thấy-họ không muốn để xảy ra một thiếu sót nào trong thân phận phụ nữ của mình. Họ sẽ là hình bóng của chồng, đồng thời lại chính là bản thân mình; lo lắng những nỗi lo lắng của chồng, tham gia vào những thành công của chồng chẳng khác nào quan tâm tới số phận của chính mình, và có khi còn hơn. Được nuôi dưỡng trong thói quen tôn trọng ưu thế của nam giới, có thể họ vẫn cho vị trí hàng đầu phải thuộc về đàn ông; đôi khi họ cũng sợ làm tan nát gia đình nếu đòi hỏi vị trí ấy. Bị chia sẻ giữa nguyện vọng tự khẳng định mình và V muốn lẩn tránh, họ rơi vào tình trạng bị giày xé, bị day dứt. Tuy nhiên có một lợi thế phụ nữ có thể rút ra từ chính sự thấp kém của mình: vì từ đầu có ít cơ may hơn chồng, họ không cảm thấy có lỗi đối với anh ta một cách tiên nghiệm; họ không có trách nhiệm sửa chữa bất công xã hội và cũng không được người ta yêu cầu sửa chữa. Tiếc rằng trên thực tế ít có phụ nữ biết thiết lập với đàn ông một mối quan hệ tự do. Bản thân họ tự rèn cho mình những xiềng xích mà đàn ông không muốn họ phải mang: họ có thái độ người đàn bà si tình đối với anh ta. Trong hai chục năm đợi chờ, ước mơ, hy vọng, cô thiếu nữ ấp ủ cái huyền thoại về người anh hùng giải phóng và cứu nguy: quyền độc lập giành được trong lao động không đủ để thủ tiêu nguyện vọng một sự “phế truất” huy hoàng. Phải từng được nuôi dưỡng hoàn toàn như một chàng trai nàng mới có thể dễ dàng chế ngự nỗi lòng tự yêu mình của lứa tuổi

thanh xuân; nhưng lại duy trì trong cuộc đời đã trưởng thành sự sùng bái cái tôi vốn đã làm quen trong suốt thời kỳ còn trẻ. Nàng coi những thành công về nghề nghiệp là những ưu điểm làm phong phú thêm hình ảnh mình. Nàng muốn một ánh mắt từ trên cao phát hiện và công nhận giá trị của mình. Dù có nghiêm khắc đối với những người đàn ông mà nàng đánh giá thường ngày, thì cũng không vì vậy mà nàng không tôn kính Đàn ông, và nếu gặp người ta, nàng sẵn sàng quỳ gối. Để cho một vị thần đánh giá mình, còn dễ hơn là tự mình cố gắng đánh giá mình. Thiên hạ khuyến khích nàng tin vào khả năng một hạnh phúc được ban phát, và nàng muốn tin. Thỉnh thoảng, nàng hoàn toàn khước từ sự tự lập, và chỉ còn là một cô gái si tình. Thông thường, nàng tìm cách dung hoà; nhưng tình yêu-sùng bái, tình yêu-tự phế truất mình mang tính chất phá hoại: nó choán hết mọi ý nghĩ, mọi khoảnh khắc, nó ám ảnh, nó thống trị. Nên thất vọng trong nghề nghiệp, phụ nữ say mê tìm kiếm nơi ẩn náu trong tình yêu: thất bại của họ thể hiện ra bằng những trò làm mình làm mẩy và những yêu sách mà người chồng phải gánh chịu. Nhưng những nỗi buồn tâm tư khó có thể làm tăng thêm nhiệt tình nghề nghiệp của họ. Trái lại, thông thường, họ tức tối đối với lối sống ngăn cản họ con đường vương giả của tình yêu vĩ đại. Một phụ nữ từng làm việc mười năm trước đây trong một toà soạn tạp chí chính trị do phụ nữ lãnh đạo, có bảo tôi là trong cơ quan, người ta ít khi nói tới chính trị, và luôn luôn nói tới tình yêu: người này thì phàn nàn người ta chỉ yêu nàng vì xác thịt trong lúc không hề biết tới trí tuệ của mình; người kia lại rên rỉ là người ta chỉ đánh giá trí tuệ mà không bao giờ chú ý tới sức quyến rũ của có thể mình, ở đây cũng vậy, muốn người đàn bà có thể say mê theo kiểu một người đàn ông, nghĩa là không đặt chính bản thân con người mình thành vấn đề, tức là trong tự do, thì nàng phải tự coi mình là người bình đẳng, và là bình đẳng một cách cụ thể; phải dấn thân vào công việc của mình với một ý chí quyết tâm không thua kém, Nhưng tình hình này chưa có khả năng xảy ra nhiều. Có một chức năng

phụ nữ hiện nay hầu như không thể đảm nhận một cách hoàn toàn tự do; đó là chuyện sinh đẻ. Ở Anh, ở Mỹ, ít ra phụ nữ cũng có thể từ chối chức năng ấy nhờ thực hành sinh đẻ có kế hoạch, ở Pháp, phụ nữ thường bị dồn vào những vụ phá thai vất vả và tốn kém. Thông thường, họ phải nuôi dạy một đứa con mà họ không muốn có và làm tổn hại đến đời sống nghề nghiệp của họ. Đây là một gánh nặng, vì ngược lại, tập tục không cho phép phụ nữ sinh nở theo ý muốn: người phụ nữ có con ngoài giá thú là một sự sỉ nhục, và đứa con hoang là một tội lỗi. ít có trường hợp có thể trở thành mẹ mà không chấp nhận những sợi dây ràng buộc của hôn nhân hay không bị mất phẩm giá. Khái niệm thụ tinh nhân tạo được đông đảo phụ nữ quan tâm, không phải vì họ muốn lẩn tránh vòng tay nam giới, mà vì hy vọng một cuộc xã hội sẽ chấp nhận hiện tượng sinh đẻ tự do. Cũng cần nói thêm là vì thiếu những nhà trẻ, vườn trẻ tổ chức chu đáo nên chỉ cần một đứa trẻ là đủ làm tê liệt hoàn toàn hoạt động của phụ nữ. Họ chỉ có thể tiếp tục lao động bằng cách bỏ con cho bố mẹ, bạn bè hay người ở. Họ phải chọn giữa chuyện vô sinh vốn thường được cảm nhận như một sự bị tước đoạt xót xa, và những nhiệm vụ kho thích ứng được với việc đảm nhận một sự nghiệp. Vì vậy, ngay nay, người phụ nữ độc lập bị chia sẻ giữa quyền lợi nghề nghiệp và những mối quan tâm về chức năng giới tính. Họ khó có thể tìm thấy thế thăng bằng, nên không phải với giá những sự nhân nhượng, hy sinh, ảo thuật đòi hỏi sự căng thẳng thường xuyên. Đây là nguyên nhân chủ yếu gây nên tình trạng dễ bị kích động, không ổn định thường xuất hiện ở phụ nữ. Khó có thể quyết định trong chừng mực nào thế chất của phụ nữ tạo nên một nỗi ám ảnh tự thân. Người ta thường băn khoăn về trở lực do kinh nguyệt gây nên. Những người phụ nữ nổi danh vì các công trình hay hành động, hình như ít coi trọng hiện tượng này: phải chăng họ thành công, chủ yếu vì ít để tâm tới những điều bất tiện của nó? Người ta cũng có thể đặt câu hỏi ngược lại là có phải việc lựa chọn một cuộc sống hoạt động và vươn lên cao, đã tạo cho họ lợi thế ấy? Sự lo lắng

của phụ nữ đối với những chuyện khó chịu của mình làm họ phần nộ. Nữ vận động viên thể thao và những phụ nữ hành động ít bị đau khổ hơn những người khác về chuyện đó, vì họ bỏ qua khổ đau. Dĩ nhiên, những nỗi đau này cũng có những nguyên nhân hữu cơ, và tôi đã thấy những người phụ nữ kiên nghị nhất, hàng tháng phải nằm trên giường hai mươi bốn tiếng với những sự dằn vặt khủng khiếp; nhưng công trình của họ không bao giờ vì vậy mà bị cản trở. Tôi tin chắc phần lớn những sự khó chịu và bệnh tật phụ nữ phải gánh chịu, đều do những nguyên nhân về tâm thần gây nên. Và lại, các thầy thuốc về phụ khoa đều bảo tôi như vậy. Phụ nữ không ngừng rơi vào tình trạng kiệt sức vì bị căng thẳng về tinh thần, vì tất cả những nhiệm vụ phải gánh vác, và những mối mâu thuẫn giằng xé họ. Như thế không có nghĩa đó là bệnh tưởng: chúng có thực và mang tính chất day dứt như tinh thể chúng thể hiện. Nhưng tình thế không phụ thuộc vào cơ thể, mà chính cơ thể phụ thuộc vào tình thế. Vì vậy, sức khoẻ phụ nữ không ảnh hưởng xấu tới lao động khi người lao động nữ có vị trí thích hợp trong xã hội. Trái lại, lao động có tác dụng tích cực đối với thể cân bằng về thể chất, của họ trong lúc không cho phép họ thường xuyên quan tâm tới nó. Cần tính đến toàn bộ những sự kiện trên đây khi xem xét những thành tựu nghề nghiệp của phụ nữ và, từ đó, tiên đoán tương lai của họ. Phụ nữ dần dần thâm nhập vào sự nghiệp giữa một tình thế rối ren, trong lúc vẫn không thoát khỏi những gánh nặng do nữ tính đặt ra theo truyền thống. Hoàn cảnh khách quan cũng không thuận lợi cho họ. Làm một người mới tới tìm cách vạch cho mình một con đường trong một xã hội thù địch hay chí ít cũng ngờ vực, bao giờ cũng là chuyện gay cấn. Trong *Black Boy* (Đứa bé Da đen), Richard Wright¹²⁵ chỉ rõ nguyện vọng của một thanh niên Da đen ở Mỹ bị ngăn cản ngay từ đầu như thế nào và phải đấu tranh ra sao, dù chỉ để nâng mình lên ở cấp độ các vấn đề được đặt ra cho những người Da trắng. Người Da đen châu Phi tới Pháp cũng phải trải qua

¹²⁵ Tác giả tiểu thuyết hiện đại Mỹ.

- trong chính bản thân họ cũng như ở bên ngoài - những nỗi khó khăn tương tự những khó khăn phụ nữ vấp phải.

Trước hết, phụ nữ rơi vào tình trạng thấp kém trong thời kỳ học việc. Trong học tập, trong những năm đầu tiên-mang tính chất hết sức quyết định-của sự nghiệp, ít khi phụ nữ gặp may; và về sau, nhiều người bị buổi xuất phát không tốt đẹp ám ảnh. Thật vậy, những sự xung đột trở nên hết sức dữ dội giữa lứa tuổi mười tám-ba mươi: và đó là thời kỳ quyết định tương lại nghề nghiệp.

Dù phụ nữ sống trong nhà bố mẹ hay đã có gia đình riêng, thiên hạ cũng ít khi tôn trọng sự nỗ lực của họ như tôn trọng sự cố gắng của một người đàn ông. Người ta áp đặt cho họ những dịch vụ, những nhiệm vụ nặng nề, người ta uy hiếp quyền tự do của họ; và bản thân họ vẫn còn mang dấu ấn sâu sắc của quá trình mình được giáo dục, tôn trọng những giá trị những lớp người trước khẳng định, và bị ám ảnh bởi những giấc mơ buổi thơ ấu và tuổi thanh xuân. Họ khó có thể kết hợp di sản của quá khứ với lợi ích tương lai của bản thân. Có khi họ khước từ nữ tính của mình, lưỡng lự giữa sự trinh tiết, đồng tính luyện ái hay thái độ gây gổ của người đàn bà lẳng lơ; ăn mặc lôi thôi hoặc giả trang; mất nhiều thì giờ và sức lực vào những chuyện thách thức, làm mình làm mẩy, giận dữ.

Trái lại, thông thường, họ muốn khẳng định nữ tính của mình: họ làm duyên làm dáng, dạo phố, ve vãn, si tình, giao thoa giữa chừng loạn dâm thích đau và tính gây gổ. Dẫu sao, họ cũng bần khoản, day dứt, phân tán tư tưởng, chỉ bị làm mỗi không thôi cho những sự lo toan xa lạ, họ cũng đã không thể toàn tâm toàn ý cho sự nghiệp; và vì vậy, ít rút ra được lợi ích, dễ dàng bỏ rơi công việc.

Điều có tác dụng làm người phụ nữ tìm cách tự lực, cực kỳ hoang mang là cuộc sống của những phụ nữ khác, cùng một tầng lớp xã hội, lúc đầu. có

cùng một hoàn cảnh và cơ may như họ, nhưng lại chịu cảnh sống ký sinh. Đàn ông có thể có ác cảm đối với những người có đặc quyền; nhưng đoàn kết với tầng lớp mình; và nói chung, những người xuất phát với những cơ may giống nhau đều hầu như đạt tới một mức sống ngang nhau. Trong lúc đó, qua vai trò trung gian của đàn ông, những người phụ nữ với những hoàn cảnh giống nhau lại có những số phận rất khác nhau. Người bạn gái có gia đình riêng hay được nuôi bao trong tiện nghi, là một niềm ao ước đối với phụ nữ phải một mình đảm bảo thành bại của mình- Người này cảm thấy mình tự đày đoạ mình một cách phi lý để đi theo những con đường gian truân nhất; và mỗi lúc vấp vấp, họ tự hỏi nên chẳng chọn một con đường khác? Một cô sinh viên không gặp may phần nọ nói với tôi: “Bà thử hình dung xem tôi phải vất óc ra như thế nào!”

Đàn ông tuân theo một nhu cầu khẩn thiết, còn phụ nữ thì phải luôn luôn thay đổi quyết định. Họ tiến lên phía trước, không phải bằng cách định hẳn một cái đích trước mắt mình, mà bằng cách để ánh mắt lượn lờ khắp xung quanh. Bởi vậy bước chân của họ rụt rè và không vững chãi. Nhất là vì họ cảm thấy càng tiến bước, họ càng khước từ những cơ may khác của mình. Nhà văn nữ, phụ nữ trí thức, nói chung, không được nam giới ngưỡng mộ. Phụ nữ sẽ khiến chồng hay người yêu xấu hổ nếu thành công quá rục rỏ. Chẳng những vì vậy họ cố gắng tỏ ra thanh lịch, phù phiếm, mà còn tìm cách kìm hãm cả tiên của mình. Niềm hy vọng có ngày được giải thoát khỏi sự quan tâm đối với bản thân mình, nỗi sợ hãi phải khước từ hy vọng trong lúc đảm nhận mối quan tâm ấy, hai mặt này liên kết với nhau để ngăn cản họ tiến hành nghiên cứu và thực hiện sự nghiệp một cách tự do. Chừng nào phụ nữ còn muốn mình là phụ nữ, thì điều kiện độc lập của họ vẫn tạo nên ở họ một mặc cảm tự ti. Ngược lại, nữ tính khiến họ ngò vực thành công nghề nghiệp của mình. Đây là một điểm cực kỳ quan trọng. Trong một cuộc điều tra, các cô bé gái tuổi mười bốn đã từng tuyên bố: “Bọn con trai hay hơn; chúng lao động dễ dàng hơn. “Cô

thiếu nữ định ninh năng lực của mình bị hạn chế. Vì cha mẹ và thầy giáo cho rằng trình độ con gái kém con trai, nên học sinh cũng sẵn sàng chấp nhận như vậy. Và thực tế, mặc dù chương trình giống nhau, trình độ văn hoá của nữ sinh trong trường trung học bị hạn chế nhiều. Chẳng hạn, trừ một vài ngoại lệ, một lớp triết của nữ sinh, rõ ràng ở trình độ thấp hơn lớp triết của học sinh nam. Một số lớn nữ sinh không muốn tiếp tục theo học, hoặc học rất hời hợt, và những người khác thì thiếu tinh thần thi đua. Trong những kỳ thi tương đối dễ, sự sút kém không thể hiện quá rõ rệt. Nhưng trong những kỳ thi thật sự nghiêm túc, nữ sinh nhận ra chỗ thiếu hụt của mình. Họ đổ lỗi, không phải cho quá trình đào tạo tồi, mà cho tai họa bất công gắn liền với nữ tính của mình. Chịu nhận nhục với tình trạng bất bình đẳng này, họ làm cho nó thêm nghiêm trọng. Họ định ninh cơ may thành công chỉ có thể nằm trong thái độ kiên nhẫn, cần cù của mình; họ quyết định hà tiện sức lực: đó là thứ tính toán đáng ghét. Đặc biệt là trong các công trình nghiên cứu và nghề nghiệp đòi hỏi chút ít sáng tạo, độc đáo, ít nhiều tìm tòi, thì thái độ thực dụng trở nên tai hại. Những buổi chuyện trò, những buổi đọc sách ngoài lề chương trình, một buổi dạo chơi để cho tâm hồn nhón nhơ một cách tự do, tất cả những thứ đó có thể có lợi cho chính công việc dịch thuật một văn bản tiếng Hy Lạp hơn nhiều so với việc sưu tầm chán ngấy những tập cú pháp dày cộm. Trong các lớp nữ sinh trung học chuẩn bị kỳ thi vào trường sư phạm Sèvres¹²⁶, là cả một bầu không khí ngột ngạt làm nản lòng mọi cá tính ít nhiều sống động. Tự tạo cho mình một nhà ngục, cô thí sinh chỉ lăm le thoát khỏi ngục: hễ gặp sách lại, là nàng mơ màng tới những vấn đề hoan toan khác. Nàng không biết tới những khoảnh khắc trong đó cố học tập và vui chơi hoà nhập làm một và những bước chân phiêu lưu của trí tuệ mang một sức nóng sống động. Chán nản về sự vô bổ của nhiệm vụ, nàng ngày một cảm thấy bất lực, không sao hoàn thành chúng có kết quả. Tôi còn nhớ một nữ thí sinh thạc

¹²⁶ Một địa danh ở Pháp, nơi có trung tâm nghiên cứu giáo dục học quốc tế.

sĩ bảo tôi, vào thời kỳ còn tổ chức thi môn triết chung cho nam lẫn nữ: “Bọn con trai có thể thi đỗ trong một hay hai năm; con chúng em, thì chí ít cũng phải bốn năm. “Một cô khác, khi được yêu cầu đọc một công trình của Kant, thì nói: “Cuốn sách ấy khó quá: nó là sách cho học sinh Đại học sư phạm!” Các cô nữ sinh hình như hình dung phụ nữ có thể dự kỳ thi với mức yêu cầu được hạ thấp; và như thế chịu thua ngay từ đầu, thực sự nhường cho đàn ông mọi cơ hội thành công. Do chủ nghĩa thất bại ấy,; phụ nữ dễ dàng bằng lòng với một sự thành công tầm thường; họ không dám nhắm. cao. Tiếp cận nghề nghiệp với một quá trình đào tạo nông cạn, họ rất sớm giới hạn tham vọng của mình. Thông thường họ cho tự mình kiếm lấy cuộc sống cũng đã là một ưu điểm khá lớn. Nhẽ ra họ có thể như biết bao người khác, giao phó số phận của mình cho một người đàn ông. Muốn tiếp tục có quyền độc lập, họ cần có một sự nỗ lực mà họ lấy làm kiêu hãnh nhưng làm họ kiệt sức. Mỗi khi chọn làm một việc gì đây, họ nghĩ thế là đã đủ. Họ cho: “Như thế là đã tốt lắm rồi đối với phụ nữ”. Một phụ nữ làm một nghề nghiệp khác thường, nói: “Giá là đàn ông, thì tôi cảm thấy mình phải tiến lên hàng đầu; nhưng tôi là người phụ nữ duy nhất ở Pháp giữ một vị trí như vậy: như thế là đủ đối với tôi. “Thái độ khiêm nhường ấy là thận trọng. Phụ nữ sợ thất bại nếu tìm cách tiến xa hơn. Phải nói rằng họ khó chịu-một cách chính đáng-với ý nghĩ người ta không tin tưởng mình. Một cách khái quát, đẳng cấp lớp trên thù ghét những người hãnh tiến của đẳng cấp lớp dưới: người Da trắng không để cho người Da đen khám bệnh; bệnh nhân nam không để cho thầy thuốc nữ khám trị. Nhưng thâm nhuần ý thức về sự thấp kém đặc trưng của mình và thường căm thù người đã chiến thắng số phận, những người thuộc đẳng cấp lớp dưới cũng muốn quav về những người chủ. Đặc biệt là phần lớn phụ nữ, vốn quen sùng bái đàn ông, khát khao tìm kiếm họ ở người thầy thuốc, vị luật sư, vị trưởng phòng, v.v...Đàn ông cũng như đàn bà không muốn ở dưới quyền một phụ nữ. Cấp trên, dù có quý mến bà ta, vẫn có chút thái độ hạ cố. Là phụ nữ,

nếu không phải là một khuyết tật, thì chí ít cũng là một sự khác thường. Phụ nữ luôn luôn phải tìm kiếm sự tin cậy không được chấp nhận ngay từ đầu: lúc đầu, họ bị nghi ngờ và họ phải tỏ rõ năng lực của mình. Người ta cho rằng họ sẵn sàng làm như vậy nếu có chân giá trị. Nhưng giá trị đầu phải là một bản chất có sẵn, mà là kết cục của một quá trình phát triển thành công. Khi cảm thấy một thiên kiến bất lợi đè nặng lên mình, người ta ít có thể chiến thắng nó. Mặc cảm tự ti khởi nguyên, dẫn tới-như tình hình thường xảy ra-một sự phản ứng tự vệ, thường là một sự giả đò quyền uy một cách quá đáng. Phần lớn thầy thuốc nữ, chẳng hạn, hoặc có quá nhiều, hoặc có quá ít quyền uy. Nếu giữ thái độ tự nhiên, họ sẽ không có sức thuyết phục vì toàn bộ cuộc sống khiến họ có xu hướng quyền rũ hơn là chỉ huy. Bệnh nhân nam thích bị chế ngự sẽ thất vọng vì những lời khuyên với thái độ bình dị. Có ý thức về điều đó, người nữ bác sĩ cất tiếng nói nghiêm trang, giọng nói lạnh lẽo; và như vậy đánh mất đi vẻ chất phác hiền lành có sức hấp dẫn của người thầy thuốc nam vững lòng tin ở bản thân mình. Đàn ông' cố thói quen tự áp đặt; khách hàng tin vào năng lực của họ. Họ có thể làm theo ý mình; chắc chắn gây ấn tượng. Phụ nữ thì không gây cho người ta cái cảm giác an toàn ấy. Họ giả đò, họ cường điệu. Trong kinh doanh, trong công việc Nhà nước, họ tỏ ra tỉ mỉ, cầu kỳ và dễ dàng gây gổ. Cũng như trong học tập, họ thiếu phong thái ung dung, bay bổng, dũng cảm. Muốn đạt tới đích, họ lên gân. Hành động của họ là cả một loạt những sự thách thức và tự khẳng định trêu tượng bản thân mình. Đó là thiếu sót lớn nhất nảy sinh từ hiện tượng thiếu tự tin: Chủ thể không thể tự đánh mất mình. Họ không nhằm một cách hào phóng một cái đích, mà tìm cách đưa ra những bằng chứng về giá trị người ta đòi hỏi. Lao mình một cách táo bạo tới đích, người ta vấp phải thất vọng; nhưng cũng có thể đạt tới những kết quả không ngờ. Còn quá thận trọng thì dễ dẫn tới tầm thường. Ít khi người ta bắt gặp ở phụ nữ lòng ưa thích mạo hiểm, thái độ hiếu kỳ vô tư. Họ tìm cách "lập nên sự nghiệp", giống như những người

khác xây dựng hạnh phúc. Họ vẫn để cho thế giới đàn ông thống trị, bao vây; họ không có dũng khí phá tan xiềng xích, không say sưa quên mình trong dự định; tiếp tục xem cuộc sống của mình như một sự việc nội tại: họ nhằm, không phải một khách thể, mà qua khách thể, thành tựu chủ quan của mình. Đó là một trong những thái độ rất đáng chú ý của phụ nữ Mỹ. Họ thích có một “job” (l) và tỏ rõ có khả năng thực hiện một cách đúng đắn; nhưng lại không say mê đối với nội dung trách nhiệm. Cung một lúc, phụ nữ có khuynh hướng quá chú ý tới một chút thất bại nhỏ nhoi và những thành công tầm thường. Lần lượt họ chán nản và tự hào. Nếu thành tựu được trông chờ, thì họ đón nhận nó một cách tự nhiên; nhưng nó trở thành một thắng lợi làm say lòng trong trường hợp không tin đạt tới kết quả: đó là lý do bào chữa của những phụ nữ say sưa với những thành tựu nhỏ bé nhất. Họ luôn luôn nhìn về phía sau để tính toán con đường đã đi qua: điều đó làm họ mất đà phấn chấn. Bằng cách đó, họ có thể làm những sự nghiệp vẻ vang, nhưng không thể có những hành động vĩ đại. Muốn làm nên những sự nghiệp lớn, điều thiếu chủ yếu đối với phụ nữ ngày nay, là thái độ tự quên mình. Nhưng muốn tự quên mình, trước hết phải tin chắc là mình đã tự tìm thấy mình. Là người mới tới thế giới đàn ông và chỉ được họ ủng hộ một cách tồi tệ, phụ nữ còn phải ra sức tự tìm kiếm mình. Có một lớp phụ nữ không nằm trong phạm vi những nhận xét này vì sự nghiệp tăng cường chứ không phương hại tới sự khẳng định nữ tính của họ. Đó là những người tìm cách vượt qua chính bản thân cái dữ kiện do họ tạo lập bằng biểu hiện nghệ thuật: nữ diễn viên, vũ nữ, nữ ca sĩ. Trong ba thế kỷ, hầu như họ là những người duy nhất được hưởng trong xã hội một thứ quyền độc lập cụ thể, và tới nay, vẫn giữ trong xã hội một vị trí được ưu đãi. Trước kia, nữ diễn viên sân khấu bị Giáo hội lên án. Và chính thái độ quá nghiêm khắc ấy luôn luôn cho phép họ hết sức phóng túng về sinh hoạt. Họ thường ngấp nghé chuyện phong tình, và cũng như các danh kỳ, họ sống phần lớn thời gian bên cạnh đàn ông. Nhưng tự kiếm sống lấy và

tìm thấy trong lao động V nghĩa cuộc sống của mình, họ thoát khỏi ách áp bức của nam giới. Ưu thế lớn họ được hưởng, là ở chỗ thành tựu nghề nghiệp - cũng như trong trường hợp nam giới - góp phần nâng cao giá trị giới tính. Họ tự thể hiện mình vừa với tư cách con người, vừa với tư cách người phụ nữ; họ không bị giằng xé giữa những nguyện vọng trái ngược nhau. Trái lại, nghề nghiệp biện minh cho thái độ tự yêu mình của họ: trang phục, trang điểm, duyên dáng nằm trong bốn phạm nghệ nghiệp. Lam một điều gì đây đối với một phụ nữ say mê hình ảnh mình, chỉ bằng cách mình là thế nào thì thể hiện ra thế ấy không thòi, cũng đã là một niềm hoan hỉ. Con một nữ nghệ sĩ danh tiếng thì nhằm cao hơn: là một nghệ sĩ đích thực, họ mang lại ý nghĩa cho cuộc sống của mình trong lúc cung cấp ý nghĩa cuộc sống cho đời.

Nhưng những ưu thế hiếm hoi này cũng che giấu những cạm bẫy: thay vì sáp nhập niềm vui tự yêu mình vào đời sống nghệ thuật và quyền tự do về giới tính được hưởng, người nữ nghệ sĩ thường chìm đắm trong sự sùng bái cái tôi hay trong lối phong tình. Tôi đã có nổi tới những “nghệ sĩ” róm chỉ tìm cách tìm kiếm trong điện ảnh hay sân khấu “một cái tên” thể hiện một cái vốn để khai thác trong vòng tay đàn ông. Những thuận lợi của một chỗ dựa nam giới quả là hấp dẫn so với những bất trắc của một sự nghiệp và cái nghiêm ngặt mà mọi lao động đích thực đòi hỏi. Nguyện vọng một số phận phụ nữ - một tấm chồng, một mái ấm, những đứa con - và sự cảm dỗ của tình yêu không phải bao giờ cũng dễ dàng dung hoà với ý muốn thành công. Nhưng chủ yếu lòng khâm phục cái tôi của mình, trong nhiều trường hợp, hạn chế tài năng người nữ nghệ sĩ. Họ tự lừa phỉnh mình về cái giá của sự có mặt của mình không thòi tới mức cho mọi lao động nghiêm túc đều là vô ích. Trước hết, họ quan tâm xuất đầu lộ diện trong ánh hào quang và hy sinh, trong cái trò tự lừa phỉnh mình ấy, nhân vật mình thủ vai. Họ cứng không có cái khăng khái tự quên mình đi, nên

không có khả năng tự vượt lên trên chính mình. Hiếm có những Rachel¹²⁷, những Duse¹²⁸, những người vượt qua trở lực ấy và biến con người mình thành công cụ của nghệ thuật, chứ không cho nghệ thuật là người đầy tớ của cái tôi của họ. Tuy nhiên, trong đời sống riêng, người nữ “nghệ sĩ” róm rường điếu mọi khuyết điểm của thói tự yêu mình: tỏ ra khoe khoang, dễ hờn giận, dễ “đóng kịch” coi đời như một bãi sân khấu. Ngày nay, phụ nữ không phải chỉ có nghệ thuật biểu diễn là thích hợp. Nhiều phụ nữ đã bước vào các hoạt động sáng tạo. Vị trí phụ nữ có thuận lợi cho họ tìm đến với văn học và nghệ thuật. Sống ngoài lề cuộc sống nam giới, họ không nắm bắt thế giới này dưới gương mặt phổ quát của nó, mà là thông qua một cách nhìn đặc biệt. Đối với họ, thế giới ấy không phải là một tập hợp dụng cụ và khái niệm, mà là một nguồn cảm giác và cảm xúc. Với thái độ phủ nhận, khước từ, họ không đắm chìm vào hiện thực; họ tìm kiếm hình ảnh tâm hồn mình qua thiên nhiên; phó thác mình cho mơ mộng, và muốn đạt tới bản thể của chính mình: nhưng đành chịu thất bại: họ chỉ có thể nắm bắt trở lại cái bản thể ấy trong địa hạt tưởng tượng. Muốn không để chìm đắm trong hư vô một cuộc sống nội tâm chẳng phục vụ gì hết, muốn tự khẳng định mình chống lại cái đã an bài mình phải gánh chịu trong đấu tranh, muốn tạo nên một thế giới khác thế giới trong đó mình không thể tự đạt tới mình, họ cần phải tự bộc lộ. Bởi vậy, họ thường lảm nhảm và thích viết lách; tâm sự qua chuyện trò, thư từ, nhật ký. Hễ có một chút nguyện vọng, là họ viết hồi ký, biến tiểu sử mình thành tiểu thuyết, bộc bạch tình cảm trong thơ ca. Họ có nhiều thì giờ nhàn rỗi thuận lợi cho những hoạt động ấy. Nhưng bản thân những hoàn cảnh hưởng phụ nữ về con đường sáng tạo cũng tạo nên những trở lực mà họ thường không thể vượt qua nổi. Khi họ quyết định viết hay vẽ với mục đích duy nhất lấp cái trống rỗng của ngày tháng, thì các bức tranh, các tác phẩm tiểu luận được xem như những

¹²⁷ Nữ diễn viên bi kịch Pháp (thế kỷ XIX).

¹²⁸ Nữ nghệ sĩ hiện đại Italia.

“công trình thêu đan” (“ouyrages de dames”); họ không bỏ thêm vào đó nhiều thì giờ, công sức hơn, và giá trị của chúng gần như giống nhau. Phụ nữ thường lao vào sáng tác văn học hay hội họa trong thời kỳ mãn kinh để bù lại những hẫng hụt trong cuộc sống; nhưng đã quá muộn. Không có một quá trình đào tạo nghiêm túc, bao giờ họ cũng chỉ là người tài tử. Dù có bắt đầu lúc còn tương đối trẻ, cũng hiếm khi họ hình dung nghệ thuật như một công việc lao động nghiêm túc. Từng quen với cuộc sống rỗi rãi, trong đời chưa bao giờ cảm thấy đòi hỏi nghiêm ngặt của một ngành khoa học, họ không bao giờ có thể nỗ lực một cách bền bỉ, liên tục để tiếp thu một kỹ thuật vững chắc. Họ kinh tởm những sự mò mẫm gian khổ, lẻ loi của thứ lao động phải làm đi làm lại hàng trăm lần; và vì từ tuổi ấu thơ, người ta chỉ cho họ cách gian lận trong lúc bày dạy cách làm người khác vui lòng nên họ hy vọng xoay xở được bằng một vài mưu kế. Muốn làm vui lòng, chỉ cần tạo nên những ảo ảnh. Nhưng một công trình nghệ thuật đâu phải là một ảo ảnh, mà là một đối tượng vững chãi; muốn tạo lập nó, phải biết nghề.

Colette trở nên một nhà văn lớn, đâu phải chỉ nhờ tài năng và khí chất. Ngôi bút của bà đã từng là công cụ kiếm sống và bà đòi hỏi nó phải là một công việc lao động thận trọng mà một nghệ nhân có lương tâm đòi hỏi ở công cụ của mình. Từ Claudine tới Bình minh (La Naissance du jour), người nữ tài tử trở thành cây bút chuyên nghiệp. Con đường bà trải qua chứng minh rạch ròi lợi ích của một quá trình tập luyện nghiêm ngặt. Tuy vậy, nhiều phụ nữ không hiểu những vấn đề do nguyện vọng giao tiếp của mình đặt ra: và đó là lời giải thích phần lớn thái độ lười nhác của họ. Họ luôn luôn tự xem mình là nhất thành bất biến; đỉnh ninh ưu điểm của mình bắt nguồn từ một thiên sủng tiềm tàng trong người mình, và không hình dung nổi là người ta có thể tự mình tạo lấy giá trị cho mình. Muốn quyền rũ, họ chỉ biết tự thể hiện: sức cảm dỗ của họ tác động hay không tác động, họ không mấy may góp phần vào. Họ nghĩ rằng cũng tương tự như vậy,

muốn tự thể hiện mình, chỉ cần mình như thế nào thì tỏ rõ như thế ấy. Thay vì xây dựng công trình của mình bằng lao động nghiêm túc, họ dựa vào tính tự phát của bản thân. Đối với họ, viết văn hay cười nụ chỉ là một: họ thử cơ may, còn thành công có thể đến hay không. Tin chắc vào bản thân, họ những tưởng cuốn sách hay bức tranh sẽ thành công mà không cần nỗ lực. Rụt rè, họ chán nản trước lời phê phán nhẹ nhàng nhất. Họ không biết rằng nhầm lẫn có thể mở ra con đường tiến bộ, và cho đó là một tai họa vô phương cứu chữa, chẳng khác nào một quá trình đào tạo sai lầm. Vì vậy, họ thường tỏ ra bực dọc một cách tai hại: họ chỉ thừa nhận thiếu sót trong bực dọc và chán nản, chứ không từ đó rút ra những bài học bổ ích. Tiếc rằng tính tự phát không phải là một hiện tượng giản đơn: cái nghịch lý của lối sáo mòn - như Paulhan¹²⁹ lý giải trong *Những bông hoa xú Tarbes* (Les Fleurs de Tarbes) - là ở chỗ nó thường lẫn lộn làm một với việc thể hiện tức thì cảm giác chủ quan. Chính vào lúc nghĩ mình là người độc đáo nhất khi giới thiệu hình ảnh đến với mình, người phụ nữ, thực ra, chỉ tái tạo lại một bản sao nhằm chán. Nếu người ta bảo họ, họ sẽ kinh ngạc, giận dữ và quẳng bút đi. Họ không hiểu rằng công chúng đọc sách với cặp mắt và tư duy của riêng người ta và một định ngữ hoàn toàn mới có thể khơi dậy trong ký ức độc giả vô số kỷ niệm cũ. Dĩ nhiên, biết tìm thấy trong bản thân mình những cảm giác hết sức sống động để đưa chúng lên bề mặt của ngôn ngữ là một tài năng đáng quý - người ta khâm phục ở Colette một tính bột phát chưa từng thấy ở một nhà văn nam giới nào - nhưng ở bà, đó là một sự bột phát có suy nghĩ - mặc dù hai từ ấy tưởng như chống chọi lẫn nhau: bà khước từ những hình ảnh này và chỉ chấp nhận những hình ảnh khác một cách có ý thức. Thay vì nắm bắt từ ngữ như một mối quan hệ giữa người này với người khác, như lời kêu gọi người khác, người tài tử cho đó là sự bộc lộ trực tiếp cảm xúc bản thân. Họ nghĩ chọn lựa, xoá bỏ, tức. là phủ nhận một phần bản thân mình. Họ không muốn hy sinh gì hết,

¹²⁹ Nhà văn hiện đại Pháp.

vừa vì hoan hỉ với cái vốn là mình, vừa không muốn hy vọng trở thành người khác. Thói tự mãn vô bổ của họ bắt nguồn từ chỗ tự yêu chiều mình mà không dám tự tạo lập bản thân. Chính vì vậy, trong vô số phụ nữ tìm đến với văn học, nghệ thuật, chỉ có số rất ít kiên trì. Ngay cả những người đã vượt qua trở lực đầu tiên này cũng thường do dự giữa lòng tự yêu mến mình và mặc cảm tự ti. Không biết tự quên mình, đó là một khiếm khuyết đè lên họ nặng nề hơn so với bất kỳ sự nghiệp nào khác. Nếu mục đích chủ yếu của họ là sự khẳng định trù tuơng cái tôi của mình, là sự thỏa mãn một cách hình thức đối với thành công, thì họ không thể say sưa chiêm nghiệm thế giới, không thể sáng tạo thế giới. Thay vì hiển mình một cách hào hiệp cho tác phẩm mình bắt tay vào làm, thông thường, phụ nữ xem nó như một thứ trang sức đơn thuần cho cuộc đời mình: cuốn sách, bức tranh chỉ là một vật trung gian thứ yếu cho phép họ công khai trưng bày cái hiện thực chủ yếu là: bản thân con người họ. Phải chăng vì vậy mà con người họ là đề tài chủ yếu - đôi khi duy nhất - họ quan tâm? Bà Vigée-Lebrun không ngừng thể hiện trên tranh hình ảnh tươi cười mấy mẹ con bà. Dù có nói về những đề tài khái quát, nhà văn nữ vẫn tiếp tục nói về mình. Dĩ nhiên, cái tôi không phải bao giờ cũng đáng ghét, ít có những cuốn sách lời cuốn độc giả hơn một số tác phẩm tâm tình; nhưng đó phải là những lời tâm tình chân thực, và tác giả phải có điều gì đó để bộc bạch. Thái độ tự yêu mình của phụ nữ chỉ làm họ nghèo nàn đi, chứ không hề làm họ thêm phong phú: không hề làm gì khác ngoài việc tự ngắm nghía mình, rớt cuộc, họ tự thủ tiêu mình. Ngay tình yêu đối với bản thân mình sẽ trở nên xơ cứng. Trong tác phẩm, họ không phát hiện ra kinh nghiệm đích thực của bản thân, mà là một thân tượng tượng tượng xây dựng với những sáo ngữ. Không thể chế trách họ tự phản ánh mình trong tiểu thuyết như Benjamin Constant, Stendhal từng làm; nhưng điều tai hại là thông thường, họ xem câu chuyện của mình là một chuyện thần tiên ngốc nghếch. Cô thiếu nữ dùng nhiều cái diệu kỳ để nguy trang đối với mình hiện thực cuộc sống mà

sự thật phũ phàng làm nàng khiếp hãi. Và điều đáng tiếc một khi đã trưởng thành, là nàng vẫn nhấn chìm thế giới, nhân vật của mình và cả bản thân mình trong những lớp sương mù thơ mộng. Khi sự thật hiện rõ dưới cái màn ngụy trang ấy, thỉnh thoảng, người ta thu được những kết quả tốt đẹp. Nhưng bên cạnh một vài tác phẩm thành công, có biết bao tiểu thuyết thoát ly nhạt nhẽo! Sẽ là tự nhiên nếu thấy phụ nữ tìm cách thoát khỏi cái xã hội trong đó họ cảm thấy mình bị ngộ nhận. Chỉ có điều đáng tiếc là họ không dám tung cánh như một Gérard de Nerval¹³⁰ hay một Poe¹³¹: thái độ dễ dặt của họ có nhiều lý do dễ cảm thông. Làm người khác vui lòng là mối quan tâm lớn nhất của họ. Và thông thường, chỉ riêng trong chuyên viết lách không thôi, họ đã sợ làm người ta phật ý với tư cách phụ nữ: cái từ “nữ văn sĩ ròm” (bas-bleu), tuy đã có phần sáo mòn, vẫn còn gọi lên những âm vang khó chịu; họ càng không có can đảm làm người ta phật ý với tư cách nhà văn. Nhà văn độc đáo, chừng nào còn sống, bao giờ cũng làm người ta phẫn nộ: cái mới làm người ta lo lắng và khó chịu. Phụ nữ vừa ngạc nhiên vừa tự hào được chấp nhận vào thế giới tư duy, thế giới nghệ thuật vốn là thế giới của đàn ông; họ giữ mình khá thận trọng trong đó; họ không dám quấy phá, thám hiểm, làm bùng nổ; họ có cảm giác phải chuộc lại những tham vọng văn chương của mình bằng thái độ khiêm tốn, biết điều. Họ chỉ đưa vào văn học chút dấu ấn cá nhân người ta đợi chờ ở họ. Họ nhắc lại mình là phụ nữ bằng một vài chút duyên dáng, nhõng nhẽo, kiêu cách được chọn lọc kỹ lưỡng; vì vậy, rất giỏi tạo nên những “best-sellers”. Nhưng chớ nên trông cậy vào họ để mạo hiểm trên những con đường chưa hề có dấu chân. Như vậy không phải vì phụ nữ thiếu cái độc đáo trong hành vi và tình cảm. Nói chung, nhiều phụ nữ còn kỳ cục, quái gở hơn cả những người đàn ông mà họ khước từ khuôn phép. Nhưng họ thể hiện thiên tài kỳ lạ trong đời sống, trong chuyện trò, thư tín. Còn nếu

¹³⁰ Nhà văn Pháp (thế kỷ XIX).

¹³¹ Nhà thơ và phê bình văn học Mỹ (thế kỷ XIX).

sáng tác thì họ cảm thấy bị chế ngự bởi thế giới văn hoá vì đó là một thế giới đàn ông. Ngược lại, khi tìm cách lý luận, diễn tả theo kỹ thuật của nam giới, thì ra sức kiềm chế cái độc đáo mà họ ngỡ vực. Cũng như cô nữ sinh, họ dễ dàng chăm chỉ và mô phạm; họ bắt chước cái nghiêm ngặt, cái oai phong của nam giới. Họ có thể trở thành một nhà lý luận tài ba, bồi đắp cho mình một năng lực vững chãi. Nhưng họ tự buộc mình phải khước từ tất cả những gì là “khác thường” trong con người mình. Có những phụ nữ điên cuồng và có những phụ nữ tài năng. Nhưng không một người nào có cái điên cuồng trong tài năng mà người ta gọi là thiên tài. Trước hết, cho tới nay, chính sự khiêm tốn hợp lý này xác định giới hạn của tài năng phụ nữ. Nhiều phụ nữ đá phá tan - và ngày càng phá tan - những cái bầy của thói tự yêu mình và của cái thân kỳ giả tạo. Nhưng chưa một ai dám chà đạp lên mọi sự khôn ngoan để thử vượt lên trên cái thế giới đã an bài. Dĩ nhiên, lúc đầu, có nhiều người chấp nhận bản thân xã hội như nó đang tồn tại. Họ là những người ca ngợi say sưa nhất giai cấp tư sản vì đại diện cho thành phần bảo thủ nhất trong giai cấp bị uy hiếp này. Với những tính từ chọn lọc, họ khơi gợi những cái tinh túy của một nền văn minh được mệnh danh là nền văn minh “thượng hạng”; ca ngợi lý tưởng tư sản về hạnh phúc và nguy trang quyền lợi của giai cấp mình dưới màu sắc thơ ca. Họ ra sức phục vụ cho cái công việc phỉnh phờ nhằm thuyết phục phụ nữ “cứ là phụ nữ”. Tất cả những, cái hay, cái đẹp của sự tận tụy và đức hy sinh, những nỗi nhọc nhằn nhỏ nhoi và những niềm vui to lớn của tình yêu vợ chồng, các nhà văn nữ ở Anh, ở Pháp, ở Mỹ, ở Canada, ở bán đảo Bắc Âu đã khai thác những đề tài ấy đến cạn kiệt. Họ đã thu được vinh quang và tiền bạc, nhưng chắc hẳn không làm phong phú thêm thế giới quan của chúng ta. Quan trọng hơn nhiều là những người phụ nữ “nổi loạn” đã từng lên án cái xã hội bất công ấy. Một nền văn học có yêu sách có thể sản sinh ra những tác phẩm mạnh và chân thực. Trong cuộc nổi dậy của mình, George Eliot khai thác một quan điểm vừa tỉ mỉ vừa mang kịch tính đối với nước

Au h thời đại nữ hoàng Victoria. Nhưng, như Virginia Woolf đã từng nhận xét, Jane Austen, ba chị em Brontë¹³², George Eliot đã phải tiêu phí biết bao năng lượng để tự giải thoát khỏi những sự ràng buộc bên ngoài, tới mức họ hụt hơi khi bước tới giai đoạn xuất phát của những nhà văn nam có tầm cỡ. Họ không còn sức lực để hưởng thụ thắng lợi và phá tan xiềng xích. Chẳng hạn, chúng ta không tìm thấy ở họ cái chất trào phúng, cái ung dung hay sự chân thành tĩnh lặng của một Stendhal. Họ cũng không có sự phong phú về kinh nghiệm của một Dostoievski hay một Tolstoi. Ngày nay, phụ nữ tự khẳng định mình có phần dễ dàng hơn, nhưng vẫn chưa hoàn toàn khắc phục nỗi thiên kiến cố hữu nhốt chặt họ trong nữ tính của mình. Sự sáng suốt, chẳng hạn, là một sự chinh phục mà họ tự hào một cách chính đáng, nhưng khiến họ thỏa mãn quá sớm. Sự thật là phụ nữ truyền thông là một ý thức bị phỉnh phờ và một công cụ lừa phỉnh. Họ tìm cách tự giấu giếm sự phụ thuộc của mình - và đó là một cách chấp nhận sự phụ thuộc ấy - Tố cáo nó, cũng đã là một sự giải phóng. Chống lại những sự sỉ nhục, sự hổ thẹn, thái độ khuyển nho (cynisme) là một sự tự vệ, là phác họa một sự thăng hoa (assomption). Trong lúc tỏ ra sáng suốt, các nhà văn nữ đã phục vụ hết sức có hiệu quả quyền lợi của nữ giới; nhưng họ quá chăm chú phục vụ quyền lợi ấy nên không thể có đối với vũ trụ một thái độ vô tư để mở ra những đường chân trời rộng lớn nhất - tuy nói chung họ không nhận ra điều đó. - Sau khi vén lên những tấm màn ảo ảnh và dối trá, họ nghĩ như thế là đã hành động đủ. Nhưng sự dửng dưng cảm tiêu cực ấy vẫn để người ta trước một ẩn số, vì bản thân chân lý là khúc mắc, là vực thẳm, là bí quyết: sau khi chỉ ra sự hiện diện của nó, cần quan niệm về nó, tái tạo nó. Không bị lừa phỉnh là tốt, nhưng chính mọi cái bắt đầu từ đó. Người phụ nữ dùng hết dũng khí của mình để xua tan ảo ảnh, và dừng lại, kinh hãi, trước ngưỡng cửa hiện thực, vậy, có những tác phẩm tự thuật của phụ nữ chân thật và hấp dẫn; nhưng không một tác phẩm nào có thể sánh nổi cuốn *Tự*

¹³² Ba chị em ruột, nhà thơ và nhà tiểu thuyết Anh (thế kỷ XIX).

thú (Les Confessions). Nhà văn nữ quá chú tâm nhìn trong đó cho sáng rõ nên không thể vượt qua ánh sáng ấy để chọc thủng những lớp mây mù khác. Một nhà văn nam có lần bảo tôi: “Phụ nữ không bao giờ vượt quá cái nguyên có”. Như thế là khá đúng, vẫn còn vô cùng kinh ngạc trước phép khám phá thế giới, họ chỉ làm công việc liệt kê mà chưa tìm cách phát hiện ra ý nghĩa của nó. Họ tỏ ra xuất sắc trong việc quan sát những gì có sẵn; họ là những nhà phóng sự tuyệt vời. Chưa một nhà báo nam giới nào có tác phẩm vượt lên trên tập phóng sự của Andrée Viollis¹³³ về Đông Dương và Ấn Độ. Họ biết miêu tả những bầu không khí, những nhân vật, chỉ ra giữa các nhân vật những mối quan hệ tinh tế, giới thiệu với bạn đọc những chuyển biến sâu kín của tâm hồn nhân vật. Nhiều nhà văn nữ gọi lên một cách sắc sảo và đầy thi hứng những con người, những bầu không khí và những nền văn minh. Họ thường thành công trong khi miêu tả cuộc sống nội tâm, kinh nghiệm và vũ trụ của mình. Thiết tha với bản chất bí ẩn của sự vật, bị mê hoặc bởi tính khác thường của cảm xúc riêng tư, họ thổ lộ kinh nghiệm còn nóng bỏng của mình thông qua những tính từ ngọt ngào, những hình ảnh khơi gợi: từ vựng của họ thường sắc sảo hơn cú pháp vì họ quan tâm tới sự vật nhiều hơn tới quan hệ giữa chúng với nhau. Họ không nhằm một sự thanh nhã trừu tượng; trái lại, từ ngữ của họ nói với giác quan.

Một trong những lĩnh vực phụ nữ khai thác say sưa hơn hết là Thiên nhiên. Đối với cô thiếu nữ, đối với người phụ nữ chưa hoàn toàn “thoái vị”, thiên nhiên đại diện cho cái mà chính bản thân người đàn bà đại diện đối với đàn ông: bản thân mình và sự phủ định mình, một vương quốc và một chốn lưu đày. Họ là tất cả dưới gương mặt của người kia. Trong lúc nói về đồng ruộng, cỏ cây, nhà tiểu thuyết nữ thổ lộ với chúng ta hết sức thâm kín kinh nghiệm và ước mơ của họ. Nhiều nhà văn nữ thu tóm những cái

¹³³ Nhà báo, nữ phóng viên Pháp (thế kỷ XX).

diệu kỳ của nhựa cây, của mùa vụ trong các bình, các chậu, các bồn hoa. Những người khác, tuy không nhốt chặt cỏ cây, muống thú, nhưng tìm cách chiếm hữu chúng bằng một sự chăm chút yêu thương, như Colette chẳng hạn. Rất hiếm những tác giả nữ tiếp cận thiên nhiên trong sự tự do phi nhân (inhuman) của nó, tìm cách giải mã những ý nghĩa xa lạ của nó và tự đánh mất mình để hoà mình vào sự hiện diện kia: những con đường Rousseau khám phá, chỉ có Emily Bronte, Virginia Woolf và đôi khi Mary Weeb¹³⁴ dám mạo hiểm bước vào. Người ta lại càng chỉ có thể đếm trên đầu ngón tay một bàn tay không thôi những phụ nữ vượt qua cái tâm linh, khai thác nội dung tiềm ẩn của nó: Emily Bronte nghiên cứu cái chết; V. Woolf nghiên cứu cuộc sống; và K. Mansfield đôi khi - chỉ đôi khi mà thôi - nghiên cứu những sự kiện thường nhật và nỗi đau khổ. Họ không phủ nhận thân phận con người vì hầu như họ chỉ mới thực sự bắt đầu đắm đuối cuộc sống. Điều đó giải thích vì sao tác phẩm của họ thường thiếu tiếng vang siêu hình học và màu sắc bi quan. Họ không, bản khoán, không đặt ra những câu hỏi đối với cuộc sống, không tố cáo những mâu thuẫn của cuộc sống: họ xét đoán cuộc sống một cách nghiêm túc. Và lại, phần lớn nam giới cũng không thoát khỏi những hạn chế ấy. Và phụ nữ chỉ tỏ ra tầm thường khi người ta so sánh họ với một vài nghệ sĩ hiếm hoi xứng đáng được gọi là “vĩ đại”. Không phải số phận hạn chế họ: chúng ta dễ dàng hiểu vì sao họ đã không thể - vì sao có thể trong một thời gian khá lâu nữa họ vẫn không thể - đạt tới những đỉnh cao nhất. Nghệ thuật, văn học, triết học nhằm thiết lập một thế giới mới trên cơ sở quyền tự do của con người: quyền tự do của người sáng tác. Muốn áp ủ một tham vọng như vậy, trước hết, phải tự xác định cho mình một quyền tự do hiển nhiên. Những hạn chế của giáo dục và tập tục đối với phụ nữ giới hạn ảnh hưởng của họ đối với thế giới. Khi cuộc đấu tranh để giành chỗ đứng trên thế gian này trở nên quá gay go, người ta không thể đặt vấn đề tìm cách thoát ra ngoài.

¹³⁴ Nữ tiểu thuyết gia người Anh, hiện đại.

Và lại, trước hết, cần vượt lên trên mọi thứ trong một nỗi cô đơn “huy hoàng” nếu người ta muốn tìm cách làm chủ trở lại tình thế. Điều trước tiên phụ nữ thiếu hụt là tập làm quen với cảnh cô đơn và sự siêu nghiệm của mình trong kinh hoàng và kiêu hãnh.

Điều tôi mong ước - một nhà văn nữ viết - là đi dạo chơi một mình, là đi lui đi tới, là ngồi trên những chiếc ghế đá trong vườn hoa điện Tuileries. Đó là thứ tự do mà nếu không có nó, người ta không thể trở thành một nghệ sĩ chân chính. Bạn nghĩ là người ta có thể khai thác được những gì người ta thấy, khi có người đi theo hay, khi muốn đến bảo tàng Louvre, người ta phải chờ xe, chờ thị nữ, chờ cả gia đình hay sao!...Người ta thiếu quyền tự do ấy, và thiếu nó, người ta không thể trở thành một cái gì nghiêm túc hết. Tư tưởng bị trói buộc do sự khó chịu ngu ngốc và thường xuyên ấy...Chừng ấy là đủ cho đôi cánh rũ xuống. Đây là một trong những lý do chủ yếu khiến cho không có nghệ sĩ nữ.

Quả vậy, muốn trở thành người sáng tạo, thì không phải chỉ nâng cao trình độ văn hoá của mình, tức là hoà nhập vào cuộc sống của mình những quang cảnh, những tri thức, là đủ. Văn hoá phải được tiếp cận thông qua hoạt động tự do của siêu nghiệm. Với tất cả mọi nguồn lực của nó, trí óc phải xông tới một bầu trời trống vắng mà nó có trách nhiệm làm cho tràn đầy. Nhưng nếu hàng nghìn sợi dây li ti ràng buộc nó với trái đất, thì đà vươn lên bị bẻ gãy.

Dĩ nhiên, ngày nay, cô thiếu nữ ra phố một mình và có thể dạo chơi trong vườn hoa điện Tuileries; nhưng như tôi đã nói, đường phố tiềm tàng biết bao hiểm họa đối với nàng: khắp nơi là những cặp mắt, những bàn tay rình rập. Đi lang thang một cách lơ đãng, tư tưởng không tập trung, đốt một điếu thuốc trên hiên một tiệm cà phê, một mình bước chân vào rạp chiếu bóng: một chuyện rắc rối khó chịu dễ sớm xảy ra. Nàng phải buộc người ta tôn trọng qua trang phục, tư thế: mỗi lo nghĩ này gắn chặt họ vào mặt đất và vào bản thân mình. Và thế là “đôi cánh rũ xuống”.

Mười tám tuổi, T. E. Lawrence¹³⁵ một mình làm một cuộc hành trình bằng xe đạp xuyên nước Pháp. Người ta không cho phép một cô thiếu nữ làm một việc mạo hiểm như vậy; lại càng không thể làm như Lawrence làm một năm về sau, là mạo hiểm đi bộ xuyên qua một xứ sở nửa sa mạc và nguy hiểm. Tuy nhiên những kinh nghiệm như vậy có một ảnh hưởng vô cùng to lớn: lúc đó, trong niềm say mê tự do và tìm tòi, cá nhân muốn xem toàn bộ trái đất như thái ấp riêng của mình. Phụ nữ vốn tránh được một cách tự nhiên những bài học bạo lực: sự yếu đuối về thể lực hướng họ về trạng thái thụ động. Họ vẫn cảm thấy cô đơn trong lòng vũ trụ: không bao giờ họ tự vươn lên, duy nhất và tối thượng, trước mặt vũ trụ. Tất cả mọi cái đều khuyến khích họ đề cho những cuộc sống xa lạ bao vây, thống trị mình. Và đặc biệt trong tình yêu, họ tự thủ tiêu mình, chứ không khẳng định mình. Theo phương hướng ấy, bất hạnh và rủi ro thường lại là những thử thách bổ ích: chính cảnh cô đơn cho phép Emily Bronte-viết nên một cuốn sách dữ dội và phóng túng. Trước mặt thiên nhiên, cái chết và định mệnh, họ chỉ trông chờ sự cứu thoát ở chính bản thân mình. Rosa Luxembourg vốn xấu gái. Chưa bao giờ bà tìm cách đắm chìm trong sự sùng bái hình ảnh mình tìm cách biến mình thành khách thể, con mồi và cạm bẫy: từ buổi thanh xuân, bà vốn hoàn toàn là trí tuệ và tự do. Và dù có như vậy chẳng nữa, cũng rất ít khi phụ nữ dám đương trọn vẹn sự mặt đối mặt với thế giới đã an bài. Những sự ràng buộc họ bị bao vây và toàn bộ truyền thống đè nặng lên vai họ, không cho phép - họ cảm thấy có trách nhiệm đối với vũ trụ: đó là lý do sâu xa của sự tầm thường của phụ nữ. Những người đàn ông mà chúng ta mệnh danh là vĩ đại, là những người - bằng cách này hay cách khác - đặt lên vai mình sức nặng của thế giới: họ đã thành công trong việc tái tạo thế giới, hay đã ngã xuống; nhưng trước hết, họ đã dám đương gánh nặng ấy. Đó là điều một phụ nữ chưa bao giờ làm, chưa bao giờ có thể làm.

¹³⁵ Sĩ quan và nhà văn hiện đại người Anh, bị tử vong trong một tai nạn xe máy.

Muốn xem vũ trụ là vũ trụ của mình, muốn nhận mình có trách nhiệm đối với sai lầm, và kiêu hãnh đối với tiến bộ của vũ trụ, người ta phải ở trong đẳng cấp những người có ưu thế: chỉ riêng họ, những người nắm quyền chỉ huy, là có trách nhiệm xác minh nó bằng cách quan niệm về nó, phát hiện và biến đổi nó; chỉ riêng họ có thể tự nhận biết trong đó và tìm cách ghi dấu ấn của mình vào trong đó. Cho tới nay con Người (viết hoa) chỉ có thể hiện thân trong người đàn ông, chứ không phải, trong người đàn bà. Và lại, những người mà chúng ta cho là gương mẫu, những người được tôn vinh với danh hiệu thiên tài, chính những người ấy cho là họ nắm vận mệnh của toàn thể nhân loại trong cuộc sống đặc biệt của họ. Không một phụ nữ nào nghĩ là mình có cái quyền ấy. Làm sao một Van Gogh¹³⁶ có thể sinh ra là đàn bà được? Một phụ nữ không thể được cử đi công tác trong vùng Borinage¹³⁷ không thể cảm nhận nỗi khốn cùng của con người như là tội phạm của chính mình, không thể tìm kiếm một sự chuộc tội, vì vậy, không bao giờ vẽ những cây hướng dương của Van Gogh. Không kể lối sống của nhà danh họa - cảnh cô đơn ở Arles¹³⁸, việc lui tới các tiệm cà phê, các thanh lâu, tất cả những gì làm phong phú nghệ thuật của Van Gogh trong lúc làm phong phú cảm xúc của ông - là điều cấm kỵ đối với phụ nữ.

Một phụ nữ cũng không bao giờ có thể trở thành Kafka trong nghề vực và lo âu, họ không thể thừa nhận nỗi kinh hoàng của con Người bị trục xuất khỏi Thiên đường.

Chỉ có nữ thánh Thérèse là chấp nhận thân phận con người cho riêng mình, trong một cảnh cô đơn hoàn toàn: lý do vì sao, chúng ta đã rõ. Tự đặt mình ra ngoài trật tự thứ bậc của trần thế, cũng như thánh Jean de la

¹³⁶ Danh họa Hà Lan (thế kỷ XIX).

¹³⁷ Vùng mỏ ở Bỉ, nơi Van Gogh được cử đến công tác.

¹³⁸ Một thành phố ở Pháp, nơi Van Gogh từng điều trị trong một nhà thương điên.

Croix¹³⁹, bà không còn cảm thấy trên đầu mình cái trần nhà an toàn. Đối với cả hai là một đêm tối như nhau, những mảnh ánh sáng như nhau, một cõi hư vô giống nhau trong con người mình, một sự hoàn mãn giống nhau ở Thượng đế.

Khi rốt cuộc mỗi con người có thể để niềm kiêu hãnh của mình, vượt ra ngoài sự phân biệt giới tính, trong niềm vinh quang gian khổ của cuộc sống tự do của mình, chỉ khi đó, người phụ nữ mới có thể hoà nhập lịch sử của mình, các vấn đề của mình, những mối ngờ vực và những niềm hy vọng của mình vào chung với nhân loại. Chỉ có lúc đó, trong cuộc đời và tác phẩm, họ mới có thể tìm cách phát hiện ra toàn bộ hiện thực, chứ không phải chỉ riêng con người mình. Chừng nào còn phải đấu tranh để trở thành một con người, thì chừng ấy, họ chưa thể là một người sáng tạo.

Vì vậy, một lần nữa, muốn giải thích những hạn chế của họ, thì phải đề cập vị trí của họ, chứ không phải một bản chất huyền bí: tương lai vẫn rộng mở. Người ta tha hồ cho rằng phụ nữ không có “thiên tài sáng tạo”. Một số người ghét phụ nữ thì một cách cụ thể hơn chút ít, khẳng định phụ nữ vì suy nhược thần kinh nên không thể sáng tạo được gì có giá trị. Nhưng cũng chính những người này lại tuyên bố thiên tài là một hiện tượng loạn thần kinh. Dấu sao, tấm gương của Proust cũng chứng minh khá rõ ràng hiện tượng mất thăng bằng về tâm-sinh lý không có nghĩa là bất lực hay tầm thường. Còn về luận cứ rút ra từ việc xem xét lịch sử, thì phải thấy rằng không thể xem sự kiện lịch sử như xác định một chân lý vĩnh hằng: nó chỉ diễn tả một tình thế diễn ra với tính chất lịch sử, bởi vì tình thế đang thay đổi.

Làm sao phụ nữ có thể có thiên tài trong khi họ bị khước từ mọi khả năng thực hiện một công trình thiên tài - thậm chí một công trình bình

¹³⁹ Giáo sĩ và nhà thần bí học Tây Ban Nha (thế kỷ XVI), linh hồn của phong trào cải cách các tu viện Tây Ban Nha.

thường không thôi -? Châu Âu ngày trước khinh thị người Mỹ man rợ không có nghệ sĩ cũng như không có văn sĩ Jefferson¹⁴⁰ đã trả lời: “Hãy để chúng tôi sống đã, trước khi đòi hỏi chúng tôi biện minh cuộc sống của mình”. Người Da đen cũng trả lời tương tự bọn phân biệt chủng tộc khi chúng chê trách họ không sản sinh ra một Whitman¹⁴¹ hay một Melville¹⁴². Giai cấp vô sản Pháp cũng không thể đưa một tên tuổi nào sánh với tên tuổi Racine hay Mallarmé. Người phụ nữ tự do chỉ mới hình thành mà thôi. Khi tự chinh phục được bản thân mình, có thể họ sẽ biến lời tiên đoán của Rimbaud thành hiện thực: “Khi cảnh nô lệ triền miên của phụ nữ bị đập tan, khi họ sống cho họ và vì họ, thì bản thân họ cũng sẽ thành thi sĩ, vì đàn ông - cho tới lúc bấy giờ rất độc ác - đã trả lại quyền tự do cho họ. Họ sẽ tìm thấy cái mới lạ. Vũ trụ tư tưởng của họ sẽ khác với chúng ta chăng? Họ sẽ tìm thấy những cái mới lạ, không thể thăm dò, khủng khiếp và ngọt ngào; và chúng ta sẽ chấp nhận chúng, sẽ hiểu chúng”. Chưa hẳn “vũ trụ tư tưởng” của họ khác vũ trụ tư tưởng của nam giới, vì họ sẽ tự giải phóng trong lúc đồng hoá với đàn ông. Muốn biết trong chừng mực nào họ vẫn khác thường, trong chừng mực nào những sự khác thường ấy vẫn có tầm quan trọng của chúng, thì phải mạo hiểm với những sự tiên đoán táo bạo. Điều chắc chắn là cho tới nay, khả năng của phụ nữ đã bị bóp nghẹt và mai một vì nhân loại; và đã thật sự đến lúc phải để cho họ thử mọi vận may của họ vì quyền lợi của họ và quyền lợi của mọi người.

¹⁴⁰ Tổng thống Mỹ thứ ba (thế kỷ XVIII).

¹⁴¹ Nhà thơ và nhà tiểu thuyết Mỹ (thế kỷ XIX).

¹⁴² Nhà thơ Mỹ (thế kỷ XIX).

KẾT LUẬN

Không, phụ nữ không phải là người anh em của chúng ta; bằng sự lười nhác và căm đố, chúng ta biến họ thành một con người riêng biệt, xa lạ, không có vũ khí nào khác ngoài giới tính của họ...thành hiện thân của những mối ngờ vực của người nô lệ nhỏ suốt đời". Cho đến nay, nhiều người vẫn đồng tình với những lời trên đây của Jules Laforgue¹⁴³. Nhiều người nghĩ rằng luôn luôn giữa hai giới nam, nữ có "âm mưu và xung đột" và không bao giờ có thể có tinh thần hữu nghị. Sự thật là ngày nay, đàn ông cũng như đàn bà không hài lòng lẫn nhau. Nhưng vấn đề đặt ra là cần xét xem có phải một tai họa khởi nguyên khiến họ xâu xé lẫn nhau, hay nhưng sự xung đột giữa họ với nhau chỉ biểu thị một thời điểm quá độ của lịch sử nhân loại.

Chúng ta thấy rằng mặc dù những câu chuyện hoang đường, không một số phận sinh lý học nào áp đặt cho con Đực và con Cái, với tư cách đực, cái, một mối hận thù cố hữu. Ngay đến con bọ ngựa cái cũng chỉ xé xác con đực vì không có thức ăn nào khác, và vì quyền lợi của loài: từ bậc cao đến bậc thấp của thang bậc loài vật, mọi cá thể đều phụ thuộc vào loài. Và lại, nhân loại là một cái gì khác, chứ không phải là một loài: nó là một quá trình chuyển hoá của lịch sử. Thực ra, dù ác ý đến mấy, cũng không thể tìm thấy giữa đàn ông và đàn bà một sự đối địch trong lĩnh vực sinh lý học đích thực. Vì vậy người ta có khuynh hướng đặt sự thù ghét lẫn nhau của họ vào địa hạt trung gian giữa sinh học và tâm lý học, tức là địa hạt phân tâm học. Tấn bi kịch không diễn ra trên bình diện giới tính. Và lại, bản năng giới tính không bao giờ xuất hiện với tư cách xác định một số phận, với tư cách cung cấp tự thân chiếc chìa khoá cho hành vi con người, mà với tư cách biểu thị toàn bộ một tình thế nó có góp phần xác định. Cuộc đấu tranh giới tính không trực tiếp bao hàm trong giải phẫu học về đàn

¹⁴³ Nhà thơ Pháp (thế kỷ XIX).

ông và đàn bà. Thực ra, khi gọi lên cuộc đấu tranh này, người ta thừa nhận rằng trên bầu trời vĩnh hằng các khái niệm, diễn ra cuộc đấu tranh giữa hai bản chất vô định: ưu thế của nữ giới, ưu thế của nam giới; và người ta không chú ý rằng cuộc đấu tranh khổng lồ ấy trên trần thế mang hai hình thái hoàn toàn khác nhau, tương ứng với những thời điểm lịch sử khác nhau.

Phụ nữ bị nhốt chặt trong sự nội tại cũng tìm cách giữ chặt đàn ông lại trong chốn ngục tù ấy. Như vậy, ngục tù sẽ lẫn làm một với thế giới, và họ sẽ không còn đau khổ bị nhốt trong đó nữa: bà mẹ, người vợ, cô tình nhân là những người giám ngục. Xã hội do đàn ông lập ra luật lệ qui định phụ nữ là thấp kém: những người này chỉ có thể thủ tiêu sự thấp kém ấy bằng cách tiêu diệt ưu thế của nam giới, Họ thiết tha phá huỷ, thống trị, phản đối đàn ông, phủ định chân lý và các giá trị của đàn ông. Nhưng qua đó, họ chỉ làm công việc tự vệ. Không phải một bản chất bất di bất dịch, cũng không phải một sự lựa chọn tội lỗi dồn họ vào sự nội tại, vào thế thấp kém. Những thứ đó bị áp đặt cho họ. Mọi cách áp bức đều tạo nên một trạng thái chiến tranh. Trường hợp này cũng không nằm trong ngoại lệ. Con người bị người ta coi là thứ yếu không thể không tìm cách phục hồi chủ quyền của mình. Ngày nay, cuộc đấu tranh mang một gương mặt khác. Thay vì muốn nhốt chặt đàn ông trong ngục tối, phụ nữ tìm cách thoát ra khỏi ngục tối ấy. Họ không còn tìm cách lôi kéo đàn ông vào các khu vực của sự nội tại nữa, mà cố gắng vươn lên ánh sáng của sự siêu nghiệm. Chính lúc đó, thái độ của nam giới gây nên một môi xung đột mới: họ “trả lại quyền tự do” cho phụ nữ một cách miễn cưỡng. Họ muốn vẫn là chủ thể tối thượng, là người bề trên tuyệt đối, là nhân vật chủ yếu. Và phụ nữ đáp lại lòng ngờ vực của họ bằng một thái độ tấn công. Không còn là một cuộc chiến tranh giữa những con người bị nhốt chặt mỗi người trong lĩnh vực riêng của mình nữa: đẳng cấp có yêu sách, chủ động tấn công, và bị đẳng cấp có ưu thế đánh bại. Hai sự siêu nghiệm đối đầu nhau. Thay vì

thừa nhận lẫn nhau, mỗi quyền tự do muốn thống trị quyền tự do đối lập. Sự khác nhau về thái độ ấy thể hiện trên cả lĩnh vực giới tính lẫn trên lĩnh vực tinh thần. Trong lúc biến mình thành một con môi thụ động, người phụ nữ “nữ tính” cũng tìm cách làm cho đàn ông rơi vào trạng thái bị động về mặt xác thịt; ra sức đưa anh ta vào bẫy, cột chặt anh ta bằng sự ham muốn do họ khơi gợi trong lúc tự biến mình thành sự vật ngoan ngoãn. Trái lại, người phụ nữ “trưởng thành” muốn mình chủ động, và khước từ thế bị động đàn ông muốn áp đặt. Người phụ nữ “hiện đại” chấp nhận các giá trị của nam giới. Họ tự hào được tư duy, hành động, lao động, sáng tạo ngang hàng với nam giới; thay vì tìm cách hạ thấp đàn ông, họ khẳng định mình không thua kém đàn ông. Đòi hỏi ấy là chính đáng chừng nào nó được thể hiện trong những hành vi cụ thể; và lúc đó, thái độ thô bạo của nam giới là đáng lên án. Nhưng cần phải nói để biện hộ cho các dằng dẫy mà phụ nữ thích làm cho tình hình thêm phức tạp. Để chứng minh bằng thành tựu của mình rằng họ không thua kém nam giới, nhiều phụ nữ tìm cách bảo đảm cho mình một chỗ dựa của đàn ông về mặt tình dục. Họ chơi hai mang, đòi hỏi vừa những thái độ trọng vọng cổ xưa vừa một tấm lòng mến mộ mới. Và tất nhiên người đàn ông bực bội phải thế thủ; nhưng anh ta cũng có thái độ hai mặt khi đòi hỏi phụ nữ phải trung thực trong lúc vì ngò vục, vì thù địch, anh ta khước từ đối với họ mọi phương tiện cần thiết. Thực ra, cuộc đấu tranh giữa đôi bên khó có thể có một hình thái rõ rệt vì bản thân thực thể của phụ nữ là mờ đục: họ không hiển hiện trước mặt đàn ông như một chủ thể, mà như một khách thể mang tính chủ thể một cách nghịch lý, tự thể hiện với tư cách vừa là chính mình vừa là người khác. Mâu thuẫn ấy kéo theo những hệ quả khó lường. Khi họ dùng làm vũ khí vừa sự yếu ớt vừa sức mạnh của mình, thì vấn đề không phải là một bài toán có chủ đích: một cách bột phát, họ tìm kiếm hạnh phúc trong con đường bị áp đặt - con đường thụ động, đồng thời chủ động đòi hỏi chủ quyền của mình; và dĩ nhiên, thủ pháp ấy không phải là một “cuộc chiến

tranh tốt” nhưng họ buộc phải sử dụng vì tình thế nhập nhằng bị áp đặt. Tuy nhiên, trong lúc cho họ là tự do, người đàn ông bất bình khi họ vẫn là một cái bẫy đối với mình; nhưng nếu phỉnh nịnh và thỏa mãn họ với tư cách họ là con mồi của mình, thì anh ta lại khó chịu về đòi hỏi quyền độc lập của họ; dù có làm gì đi nữa thì anh ta vẫn cảm thấy bị lừa phỉnh, còn phụ nữ thì cảm thấy bị thiệt hại. Sự chống đối sẽ kéo dài chừng nào đàn ông và đàn bà chưa thừa nhận nhau là đồng loại, nghĩa là chừng nào còn tồn tại nữ tính với tư cách nữ tính. Và giữa đôi bên, bên nào quyết duy trì nữ tính ấy hơn cả? Đàn bà khi thoát ra khỏi nữ tính ấy vẫn muốn duy trì những đặc quyền của nó, còn đàn ông thì đòi hỏi phụ nữ giới hạn nó.

Montaigne¹⁴⁴ nói: “Lên án giới này dễ hơn là biện hộ cho giới kia”. Phân phát những sự trừng phạt và những sự khen thưởng là vô ích. Thực ra, cái vòng luân quân ở đây rất khó vứt bỏ, vì mỗi giới, nam hay nữ, đều là nạn nhân vừa của giới kia vừa của giới mình. Nếu hai địch thủ đối đầu nhau trong thế tự do hoàn toàn, thì một sự hoà giải có thể dễ dàng giải quyết, nhất là khi cuộc chiến tranh không có lợi cho bên nào hết. Nhưng tính chất phức tạp của toàn bộ tình hình là ở chỗ hai phe đều đồng mưu với nhau, và bên này oán hận bên kia về nỗi bất hạnh của bản thân mình. Chúng ta hiểu vì sao từ đầu, đàn ông nô dịch đàn bà. Việc hạ thấp giá trị nữ tính đã từng là một giai đoạn tất yếu trong quá trình tiến hoá của nhân loại; nhưng nhờ ra nó có thể làm nảy sinh một sự hợp tác giữa hai giới. Ách áp bức được giải thích bởi khuynh hướng của con người tự trốn tránh mình bằng cách tự tha hoá trong con người khác mà mình áp bức vì mục đích ấy.

Ngày nay, người ta tìm thấy khuynh hướng ấy ở mỗi người đàn ông riêng biệt. Họ khẳng khái trong những sự phỉnh phờ nhằm giữ chặt phụ nữ trong xiềng xích. Số đông đàn ông biết là đàn bà bị lừa phỉnh. Kierkegaard nói: “Làm đàn bà khổ biết chừng nào! thế nhưng, xét cho cùng,

¹⁴⁴ Nhà văn Pháp (thế kỷ XVI).

cái khổ khi người ta là đàn bà là ở chỗ không hiểu rằng đó là một nỗi khổ". Đã từ lâu, người ta cố tình nguy trang nỗi khổ ấy. Người ta đã bỏ, chẳng hạn, chế độ giám hộ (tutelle), người ta cung cấp cho phụ nữ những "người bảo hộ" (protecteur), và nếu những người này có quyền hạn của những người giám hộ thuở trước là để bảo đảm quyền lợi cho phụ nữ. Chúng ta đã thấy người ta che giấu những công việc đơn điệu phụ nữ phải gánh vác dưới những bức màn thi vị như thế nào. Đòi lấy quyền tự do của họ, người ta biểu lộ những báu vật dối trá của "nữ tính" của họ. Balzac đã khéo miêu tả âm mưu này khi khuyên đàn ông coi họ là nô lệ trong lúc thuyết phục họ rằng họ là bà hoàng. Một cách ít trơ trẽn hơn, nhiều người đàn ông ra sức tự thuyết phục mình rằng phụ nữ thực sự được ưu đãi.

Ngày nay, có những nhà xã hội học Mỹ giảng dạy một cách nghiêm túc lý thuyết "low-class gain" tức là lý thuyết về "lợi nhuận của những đẳng cấp lớp dưới". Ở Pháp, người ta cũng thường tuyên bố - tuy một cách ít khoa học hơn - là công nhân có cái may mắn không bắt buộc phải "đại diện", và càng may mắn là những kẻ lang thang có thể ăn mặc rách rưới và ngủ trên hè phố. Tựa những người nghèo khổ vô tư vui vẻ ngồi bắt chấy rận, tựa những người Da đen vui vẻ cười dưới những làn roi da, và những người Ả rập tươi cười ở Bắc Phi chôn những đứa con chết đói với nụ cười trên môi, phụ nữ được hưởng cái đặc quyền vô song này: sự vô trách nhiệm. Không vất vả, không nhiệm vụ, không lo âu, rõ ràng là họ được nhận phần tốt nhất. Điều khiến, người ta bối rối là với một thói đời bại ngoan cố - chắc hẳn gắn liền với nguyên tội (péché originel) - qua các thế kỷ và ở mọi xứ sở, những người được phần tốt nhất không ngót thét lên với ân nhân của mình: "Nhiều quá rồi! Tôi xin bằng lòng với cái phần của các ông!" Nhưng các nhà tư bản hào phóng, các ngài thực dân tốt bụng, những người đàn ông đường bệ vẫn khẳng khẳng các người cứ giữ lấy phần tốt nhất, giữ lấy!" Sự thật là đàn ông gặp ở người bạn đời của mình nhiều thái độ đồng lõa hơn là kẻ áp bức thường tìm thấy ở người bị áp bức;

và họ đã tâm vin vào cái đó để tuyên bố phụ nữ mong muốn số phận do họ áp đặt. Thực ra, toàn bộ quá trình giáo dục nhằm cản trở đối với phụ nữ con đường đấu tranh và mạo hiểm. Toàn bộ xã hội - và trước hết là ông bố, bà mẹ được tôn kính - đã lừa dối họ trong lúc ca ngợi giá trị to lớn của tinh thần tận tụy, hy sinh, và che giấu sự thật là người tình, người chồng cũng như con cái không sẵn sàng đảm nhận những công việc nặng nhọc. Họ vui vẻ chấp nhận những sự dối trá này vì chúng khuyến khích họ đi theo con đường dễ dãi; và đây là tội ác tồi tệ nhất đối với phụ nữ. Từ tuổi ấu thơ và suốt đời họ, người ta nuông chiều, cảm dỗ họ mà không bao giờ bày dạy cho họ sự cần thiết phải tự mình đảm đương lấy cuộc sống của mình. Họ sẵn sàng trông cậy vào sự bảo hộ, tình yêu thương, sự giúp đỡ và chỉ huy của người khác; để cho mình bị mê hoặc bởi khả năng thực hiện cuộc đời mình mà không phải làm gì hết. Họ đã sai lầm nhượng bộ sự cảm dỗ; nhưng đàn ông trách cứ họ điều đó là không thỏa đáng vì chính bản thân đàn ông đã cảm dỗ họ. Khi xung đột xảy ra giữa nam giới và nữ giới, mỗi bên đều đổ lỗi cho bên kia; phụ nữ trách cứ đàn ông đã gây nên tình trạng ấy; “Người ta đã không bày dạy tôi cách lập luận, cách kiếm sống...” Còn đàn ông thì trách cứ phụ nữ đã chấp nhận tình trạng ấy: “Cô không biết gì hết, cô là một kẻ bất lực. Mỗi giới đều tự biện minh cho mình bằng cách giữ thế tấn công; nhưng lỗi lầm của giới này không thể mình oan cho giới kia. Những cuộc xung đột - nhiều vô kể - giữa hai giới nam, nữ bắt nguồn từ chỗ không một bên nào nhận lấy tất cả những hệ quả của cái tình trạng do một bên gây nên và bên kia phải gánh chịu. Cái khái niệm bấp bênh “sự bình đẳng trong bất bình đẳng”, mà bên này sử dụng để ngụy trang hành vi độc tài của mình, và bên kia dùng để che giấu thái độ hèn nhát của mình, khái niệm ấy không cường nổi kinh nghiệm thực tiễn: trong quan hệ đôi bên, phụ nữ đòi hỏi quyền bình đẳng trừu tượng người ta đã bảo đảm cho mình, còn đàn ông thì dựa vào sự bất bình đẳng cụ thể họ nhận thấy. Từ đó diễn ra không ngừng trong mọi mối quan hệ một cuộc tranh cãi vô tận

về tính nhập nhằng của hai từ cho và lấy. phụ nữ đòi hỏi phải cho hết tất cả; còn đàn ông thì cãi lại là phụ nữ lấy hết tất cả của mình. Phụ nữ cần hiểu rằng theo quy luật cơ bản của chính trị kinh tế học, những sự đổi chác được qui, định theo giá trị của hàng hoá đối với người mua, chứ không phải đối với người bán: người ta đã lừa dối họ khi thuyết phục họ rằng họ có một cái giá vô tận. Thực ra, đối với đàn ông, họ chỉ là một trò mua vui, một hứng thú, một sự chung đụng, một thứ của cải thứ yếu, còn anh ta là ý nghĩa, là sự biện minh cho cuộc đời của họ. Vì vậy công việc đổi chác không diễn ra giữa hai đối tượng cùng một chất lượng. Tình trạng bất bình đẳng nay thể hiện đặc biệt ở chỗ thời gian hai bên ở cạnh nhau - và tương như cùng một thời gian - không có cùng một giá trị đối với mỗi bên. Trong buổi tối người đàn ông sống với người tình, nhẽ ra anh ta có thể làm một công việc có ích đối với sự nghiệp, đi thăm bè bạn, mở rộng quan hệ, giải trí. Đối với người đàn ông hoà nhập vào xã hội một cách bình thường, thời gian là của cải vật chất: là tiền bạc, danh vọng, niềm vui. Trái lại, đối với người phụ nữ rồi rãi, âu sầu, thời gian là một gánh nặng họ chỉ mong sao thoát ra khỏi. Hễ giết được thời gian, là họ có lợi: sự có mặt của người đàn ông là một cái lợi đơn thuần. Trong nhiều trường hợp, điều khiến đàn ông quan tâm rõ rệt trong một mối quan hệ, là cái lợi về tình dục anh ta có thể rút ra được; cùng lắm, anh ta có thể bằng lòng sống bên cạnh người tình vừa đủ thì giờ cần thiết cho hành vi ái ân. Còn người đàn bà - trừ ngoại lệ - thì mong ước cho "trôi qua" tất cả thứ thời gian thừa thãi mà họ chẳng biết dùng để làm gì. Và - giống như người bán hàng chỉ bán khoai tây nếu người ta "lấy" củ cái đó cho anh ta - người phụ nữ chỉ hiến dâng thân thể mình nếu người tình "lấy đi" cho mình những giờ phút trò chuyện và đi dạo. Thế cân bằng sẽ được thiết lập nếu cái giá nói chung không quá cao đối với người đàn ông: dĩ nhiên cái đó tùy thuộc vào cường độ ham muốn của chàng và tầm quan trọng đối với chàng của những công việc mình phải hy sinh. Nhưng nếu đòi hỏi-và hiến dâng-quá nhiều thì giờ, thì người phụ

nữ trở nên hoàn toàn quây nhiễu giống như con sổng tràn ra khỏi lòng sổng; và người đàn ông sẽ chọn thà không có gì hết còn hơn là có quá thừa thãi. Vì vậy, phu nữ tiết chế yêu sách của mình. Nhưng thông thường, thế cân bằng được thiết lập với gia hai sự căng thẳng: nàng thi cho rằng chàng được mình với “giá hạ”; còn chàng thì nghĩ mình trả quá đắt. Dĩ nhiên, nói như vậy là có phần hơi hài hước. Nhưng - trừ trường hợp người đàn ông muốn độc tôn chiếm người đàn bà một cách say đắm và ghen tuông-mối xung đột nói trên diễn ra trong âu yếm, ham muốn và ngay cả trong tình yêu. Đàn ông bao giờ cũng phải sử dụng thời gian để “làm một việc gì khác”, trong lúc đàn bà tìm cách “tống khứ” thời gian của mình; và chàng không coi những giờ phút nàng hiến dâng cho mình như một sự hiến tặng, mà như một gánh nặng. Thông thường, đàn ông chấp nhận cái gánh nặng ấy vì biết rõ rằng mình ở phía những người được ưu đãi, mình có “ác ý”; và nếu có chút thiện chí thì tìm cách bù đắp tình trạng bất bình đẳng về số phận bằng sự hào hiệp. Tuy nhiên anh ta kiêu hãnh tự cho mình là kẻ thương người, và hễ gặp trắc trở là đổ lỗi cho phụ nữ bội bạc, và tỏ ra khó chịu: “Mình quá tốt!”. Còn phụ nữ thì cảm thấy mình ứng xử với tư cách người cầu xin trong lúc vẫn định ninh về giá trị to lớn của những món quà được tặng, và lấy thế làm tủi nhục. Điều đó giải thích vì sao phụ nữ thường có thể tỏ ra tàn ác. Họ có “thiện chí” nếu ở về phía bất lợi. Họ không cảm thấy bắt buộc phải giữ gìn gì hết đối với đẳng cấp được ưu đãi; họ chỉ nghĩ tới việc tự vệ. Thậm chí họ sẽ rất sung sướng nếu có cơ hội tỏ rõ hận thù đối với người tình đã không biết thỏa mãn mình: vì anh ta không “cho” đầy đủ, nên họ “lấy” lại tất cả của anh ta với một niềm vui man rợ. Thế là người đàn ông bị tổn thương lòng tự ái, phát hiện ra cái giá tổng quát của mỗi quan hệ mà anh ta khiếp hãi từng giây phút: anh ta sẵn sàng hứa hẹn đủ mọi điều, dù cho thấy mình một lần nữa bị lợi dụng khi phải giữ những lời hứa ấy. Anh ta lên án người tình doạ dẫm để khai thác mình; còn người phụ nữ thì chê trách anh ta biến lận. Cả hai người đều cảm thấy mình bị

thiệt thòi. Cả ở đây nữa, nhận lỗi và trách cứ đều vô ích: không bao giờ có thể thiết lập công lý trong lòng sự bất công. Một viên quan cai trị thuộc địa không may mắn có khả năng đối xử tốt với dân bản địa, cũng như một viên tướng đối với binh sĩ. Giải pháp duy nhất là đừng làm thực dân hay chỉ huy; nhưng một người đàn ông không thể tự ngăn cấm mình làm một người đàn ông. Vì vậy, anh ta là kẻ phạm tội tuy không muốn, và bị áp bức bởi cái lỗi mà tự bản thân anh ta không phạm; còn người đàn bà cũng là nạn nhân và kẻ ác phụ ngoài ý muốn của mình. Có khi anh ta phản kháng, chọn điều ác, nhưng lúc đó, anh ta đồng lõa với sự bất công, và tội lỗi trở thành tội lỗi của chính anh ta. Cũng có khi anh ta đê cho nạn nhân giày vò mình, thủ tiêu mình, nhưng lúc đó, anh ta cảm thấy mình bị lừa phỉnh. Thông thường anh ta dừng lại ở một sự thỏa hiệp, khiến anh ta vừa tự hạ thấp mình vừa cảm thấy khó chịu. Một người đàn ông có thiện chí sẽ bị tình hình giằng xé dữ dội hơn bản thân người phụ nữ: ở một mặt nào đó, người ta cảm thấy dễ chịu hơn nếu ở phía những người bị đánh bại. Nhưng nếu bản thân người phụ nữ cũng có thiện chí, không thể một mình thỏa mãn mình và không muốn để người đàn ông phải gánh chịu sức nặng số phận của mình, thì cô ta sẽ gãy giữa trong một sự hỗn độn không có lối thoát. Trong cuộc sống thường nhật, người ta bắt gặp vô số những trường hợp không có giải pháp thỏa đáng vì chúng được qui định bởi những điều kiện không thỏa đáng: khi bắt buộc phải tiếp tục nuôi sống cả về vật chất lẫn tinh thần một người đàn bà mà mình không yêu nữa, người đàn ông cảm thấy mình là nạn nhân. Nhưng nếu anh ta bỏ rơi trong bơ vơ, thiếu thốn người đàn bà đã giao phó toàn bộ cuộc đời cho mình, thì người đàn bà ấy sẽ là nạn nhân một cách cũng bất công chẳng kém. Tai họa không nảy sinh từ một tà tâm cá nhân - và ác ý bắt đầu, khi người này oán giận người kia - nó bắt nguồn từ một tình thế mà mọi hành vi đặc biệt đều bất lực không thể giải quyết nổi. Phụ nữ thì “dính như keo”, là gánh nặng và lấy thế làm đau khổ: họ mang thân phận một vật ký sinh hút nhựa sống

của một cơ thể xa lạ. Nếu người ta cho họ có một cơ thể độc lập, nếu họ có thể đấu tranh chống thế giới và từ đó rút ra chất nuôi sống mình-, thì tình thế phụ thuộc của họ sẽ bị thủ tiêu; và cả của người đàn ông cũng vậy. Chắc hẳn cả hai bên sẽ dễ chịu hơn nhiều. Để có thể hình dung một xã hội trong đó đàn ông và đàn bà sống bình đẳng; vì chính đó là thế giới mà cách mạng Xô Viết đã từng hứa hẹn: được nuôi dưỡng và hoàn toàn giống như đàn ông, phụ nữ sẽ lao động trong những điều kiện và với tiền lương như đàn ông. Tự do tình dục sẽ được tập tục chấp nhận, nhưng hành vi giao hợp sẽ không còn bị xem là một “dịch vụ” phải trả công. Phụ nữ sẽ bắt buộc phải đảm bảo cho mình một nghề kiếm sống khác. Hôn nhân sẽ dựa trên cơ sở một sự giao ước tự do mà khi muốn, hai vợ chồng có thể huỷ bỏ. Sinh đẻ sẽ tự do, nghĩa là người ta cho phép sinh đẻ có kế hoạch và phá thai, và ngược lại, mọi bà mẹ và con cái họ đều hưởng những quyền lợi như nhau, dù họ có chồng hay không. Tập thể sẽ trả lương những ngày nghỉ đẻ và bảo đảm trách nhiệm đối với đứa trẻ, điều đó không có nghĩa là người ta lấy mất con cái của bố mẹ, tuy không phó mặc chúng cho họ. Nhưng liệu thay đổi luật pháp, thể chế, tập tục, dư luận và toàn bộ hoàn cảnh xã hội, có đủ để đàn bà và đàn ông trở thành những người đồng loại không? Những người hồ nghi sẽ nói: “Đàn bà bao giờ cũng vẫn là đàn bà”. Những người thấu thị (voyant) khác thì tiên đoán bị tước mất nữ tính, phụ nữ không thể biến thành đàn ông mà sẽ trở thành những quái vật. Nói như vậy là chấp nhận rằng người phụ nữ ngày nay là một sáng tạo của thiên nhiên. Một lần nữa, cần nhắc lại rằng trong cộng đồng nhân loại, không hề có gì là tự nhiên hết, và cũng như những người khác, phụ nữ là một sản phẩm của nền văn minh. Sự can thiệp của người khác vào số phận của họ xảy ra ngay từ đầu; nếu hành động này được điều hành một cách khác, thì sẽ dẫn tới kết quả hoàn toàn khác. Xác định người phụ nữ, không phải là hormone của họ và cũng không phải là những bản năng bí ẩn, mà là cách họ nhận thức về thân thể mình và về mối quan hệ của nó với thế giới,

thông qua những ý thức xa lạ. Cái vực thẳm ngăn cách giữa cô gái và chàng trai đã được cố tình đào nên ngay từ những ngày đầu tuổi ấu thơ của họ về sau, - người ta không thể ngăn cấm phụ nữ trước kia họ được làm ra như thế nào thì nay họ là như thế ấy, và họ sẽ mãi mãi kéo quá khứ theo sau mình. Nếu cân nhắc sức nặng của quá khứ ấy, thì hiển nhiên người ta hiểu rằng số phận của họ không bị quy định một cách vĩnh hằng. Dĩ nhiên không nên nghĩ rằng chỉ cần thay đổi hoàn cảnh kinh tế của phụ nữ là có thể biên đổi họ. Yếu tố ấy vốn là và vẫn là yếu tố cơ bản của quá trình chuyển biến của họ; nhưng chừng nào nó chưa kéo theo những hệ quả tinh thần, xã hội, văn hoá v.v.. mà nó báo hiệu và đòi hỏi, thì chừng ấy người phụ nữ mới vẫn chưa thể xuất hiện. Hiện nay, những hệ quả ấy chưa hề diễn ra bất kỳ ở đâu, ở Liên Xô, ở Pháp hay ở Mỹ; và chính vì vậy, người phụ nữ ngày nay bị giằng xé giữa quá khứ và tương lai. Họ thường xuất hiện như một người “đàn bà đích thực” ngụy trang thành đàn ông, và họ cảm thấy khó chịu trong thể xác đàn bà cũng như trong tâm áo đàn ông của mình. Họ cần phải tự đổi mới và tự “may sắm lấy quần áo”. Họ chỉ có thể làm được như vậy bằng một quá trình chuyển biến tập thể.

Ngày nay, không một nhà giáo dục riêng lẻ nào có thể “nặn” ra một “con cái” hoàn toàn giống như một “con đực”. Được nuôi dưỡng theo kiểu con trai, cô bé gái tự cảm thấy mình là đặc biệt, và qua đó, gánh chịu một thứ khu biệt mới. Stendhal hiểu rõ điều đó khi ông nói: “Phải trồng toàn bộ khu rừng vào cùng một lúc”. Nhưng nếu trái lại, chúng ta chấp nhận một xã hội trong đó quyền bình đẳng nam, nữ được thực hiện một cách cụ thể, thì quyền bình đẳng ấy sẽ được khẳng định lại ở mỗi cá nhân. Giá ngay từ thuở thơ ấu, bé gái được nuôi dưỡng với những yêu cầu và vinh dự, những sự nghiêm ngặt và quyền tự do giống như đối với các anh em trai; cùng tham gia công việc học tập và vui chơi giống nhau; được hứa hẹn một tương lai giống nhau; sống giữa những người đàn bà và đàn ông mà nó cho là hoàn toàn bình đẳng với nhau, thì ắt hẳn ý nghĩa của “mặc cảm

thiến hoạn” (“complexe de castration”) và “mặc cảm Oedipe” (“complexe d’Oedipe”) sẽ hoàn toàn đối khác đảm đương trách nhiệm vật chất và tinh thần của hai vợ chồng một cách ngang hàng với người cha, thì người mẹ ắt hẳn có một uy tín cũng bền vững như của người cha; và đứa trẻ sẽ cảm thấy xung quanh nó một thế giới lưỡng tính (androgynie), chứ không phải một thế giới nam tính. Dù có khuynh hướng tình cảm đối với cha nhiều hơn - và chưa chắc đã như vậy thì tình yêu thương của nó đối với bố vẫn phảng phất ý muốn đua tranh hơn là cảm giác bất lực: nó sẽ không hướng về thái độ thụ động. Được phép chứng tỏ giá trị của mình trong lao động và thể thao, tích cực thi đua với bọn con trai, vị trí con gái của nó không đủ để làm nảy sinh một “mặc cảm tự ti”, và một cách tương hỗ, bé trai sẽ không tự phát có “mặc cảm tự tôn”, nếu người ta không nhắc nhủ nó điều đó và nếu nó đánh giá đàn bà cũng như đàn ông. Cô bé gái vì vậy sẽ không tìm kiếm những sự bù trừ vô bổ trong tính tự yêu mình và trong ước mơ; sẽ quan tâm tới những gì mình làm, và dấn thân không lưỡng lự vào các hoạt động của mình. Người ta luôn luôn yêu cầu tôn trọng những điều cấm kỵ về tình dục. Nhưng muốn triệt tiêu ở đứa trẻ óc hiếu kỳ và hứng thú, là chuyện ảo tưởng, và chỉ dẫn tới những sự dồn nén, những nỗi ám ảnh, những cơn rối loạn tâm thần. Chủ yếu cô thiếu nữ sẽ gặp thuận lợi nếu tìm thấy ở người đàn ông không phải một vị á thần - mà chỉ là một người quen biết, một người, bạn, một đối tác - và vì vậy sẽ tự đảm đương lấy cuộc sống của mình. Dĩ nhiên, vấn đề đặt ra không phải là ngay một lúc sản bằng hết mọi khó khăn đứa trẻ phải vượt qua khi muốn biến đổi mình thành người lớn. Cách giáo dục thông minh nhất, khoan dung nhất không thể không để cho nó tự xây dựng lấy kinh nghiệm bản thân. Điều cần thiết là chớ dồn một cách vô ích các trở lực trên đường đi của nó. Sẽ là một bước tiến nếu người ta không còn “thẳng tay trừng phạt” những cô gái “phóng đảng. Phân tâm học đã ít nhiều cung cấp bài học cho những bậc làm cha làm mẹ. Tuy nhiên những điều kiện giáo dục và hướng dẫn về giới tính đối

với phụ nữ hiện nay tồi tệ tới mức không một lời phản đối nào đối với một sự thay đổi triệt để, có thể có giá trị. Vấn đề đặt ra không phải là thủ tiêu ở nữ giới những sự ngẫu nhiên và khốn khó của thân phận con người, mà là cung cấp cho họ phương tiện vượt lên trên những sự ngẫu nhiên và khốn khó ấy. Phụ nữ không phải là nạn nhân một định mệnh bí ẩn nào hết. Những nét đặc trưng của họ có ý nghĩa quan trọng là do cách người ta nhìn nhận chúng: Chúng có thể được khắc phục nếu được quan niệm theo những viễn cảnh mới. Chẳng hạn, qua kinh nghiệm tình dục của họ, phụ nữ cảm thấy - và thông thường ghê tởm - ách thống trị của đàn ông; nhưng không thể từ đó kết luận bùng trứng của họ buộc họ vĩnh viễn sống quỳ gối. Lịch sử không quay vòng tròn. Nếu người ta giữ một đẳng cấp trong tình trạng thấp kém, thì chắc hẳn nó vẫn thấp kém. Nhưng sự tự do có thể phá tan cái vòng luẩn quẩn. Nếu để cho người Da đen đầu phiêu, họ sẽ trở nên xứng đáng với việc bỏ phiêu. Nếu trao trách nhiệm cho phụ nữ, họ sẽ biết cách đảm đương chúng. Vấn đề là ở chỗ không thể chờ đợi ở những kẻ áp bức hành vi khoan dung một cách tự giác. Nhưng sự nổi dậy của những người bị áp bức lúc này, và chính bản thân sự chuyển biến của đẳng cấp có đặc quyền lúc khác tạo nên những tình thế mới. Chẳng hạn, vì quyền lợi của chính bản thân mình, đàn ông đã đi tới chỗ giải phóng phụ nữ trong một chừng mực nhất định; chị em chỉ còn phải tiếp tục tiến lên, và những kết quả thu được góp phần khuyến khích họ. Hầu như có phần chắc chắn là rồi đây, trong một tương lai tuy còn tương đối xa, họ sẽ đạt tới một sự bình đẳng hoàn toàn về kinh tế và xã hội, kéo theo một sự biến chuyển nội tâm. Một số người sẽ cho rằng dẫu thế nào, nếu có thể có một thế giới như vậy, thì thế giới ấy cũng không đáng mong ước. Nếu phụ nữ cũng “giống” như đàn ông, thì cuộc sống sẽ không còn cái “chất muối mặn mòi” của nó nữa. Lập luận này không có gì mới: những ai có lợi trong việc kéo níu hiện tại, luôn luôn nhỏ lệ nuôi tiếc quá khứ diệu kỳ sắp tiêu tan và không hề mỉm cười với tương lai sắp tới. Chắc hẳn trong thế giới ngày mai sẽ không

còn một vài quan niệm về quan hệ giới tính như ngày nay; nhưng như vậy không có nghĩa là tình yêu, hạnh phúc, thơ ca và mơ mộng sẽ bị loại trừ. Giữa hai giới nam, nữ, sẽ nảy sinh những mối quan hệ về thể xác và tình cảm mà chúng ta chưa có khái niệm: giữa nam giới và nữ giới, đã xuất hiện những mối tình thân, những sự đua tranh, những âm mưu, những tình bạn - tình khiết hay nhục cảm - mà các thế kỷ đã qua không thể nghĩ tới.

Theo tôi, không có gì đáng bàn cãi hơn cái khẩu hiệu đưa thế giới mới vào sự đồng nhất, tức là vào sự buồn chán. Tôi không cho rằng những hiện tượng buồn chán thiếu vắng trong thế giới này, và sự tự do tạo nên sự đồng nhất. Trước hết, giữa nam giới và nữ giới, bao giờ cũng vẫn có một vài sự khác biệt. Hiện tượng hững hờ của phụ nữ, và do vậy, thế giới tình dục của họ, với một gương mặt riêng biệt, không thể không làm nảy sinh ở họ một nhục cảm, một xúc cảm riêng biệt: quan hệ của họ với thân thể mình, với thân thể đàn ông, với con, không bao giờ giống như quan hệ của nam giới với thân thể mình, với thân thể phụ nữ và với con. Những ai từng không ngừng nói tới “sự bình đẳng trong sự khác biệt” khó có thể không thừa nhận rằng có thể có những sự khác biệt trong sự bình đẳng. Mặt khác, chính các thế chế tạo nên sự đơn điệu: trẻ và đẹp, những cô gái nô lệ trong hậu cung bao giờ cũng vẫn là cô gái trong vòng tay của đấng Hối vương. Giải phóng phụ nữ, tức là không còn tiếp tục nhốt chặt họ trong quan hệ với nam giới, chứ không phải phủ nhận những mối quan hệ ấy. Dù có tự khẳng định mình cho chính mình, họ cũng không phải vì vậy mà không tồn tại cho cả người đàn ông. Tuy công nhận lẫn nhau là chủ thể, mỗi người đối với người kia vẫn là một người khác. Tính tương hỗ trong quan hệ của họ không làm tiêu hủy những sự diệu kỳ do việc phân chia loài người thành hai giới riêng biệt tạo nên: lòng ham muốn, sự chiếm hữu, tình yêu, ước mơ, mạo hiểm; và những từ ngữ: hiến dâng, chinh phục, gấn bó, sẽ vẫn giữ nguyên ý nghĩa của chúng. Trái lại, khi tình cảnh nô lệ của một nửa nhân loại và toàn bộ hệ thống đạo đức giả của nó bị thủ tiêu, thì sự

phân chia nhân loại sẽ bộc lộ ý nghĩa đích thực của nó và đôi vợ chồng sẽ tìm thấy gương mặt chân chính của mình. Marx nói: “Mối quan hệ trực tiếp, tự nhiên, tất yếu giữa con người với con người là mối quan hệ giữa đàn ông và đàn bà...Đó là mối quan hệ tự nhiên nhất giữa người với người...”. Người ta không thể nói chính xác hơn thế. Loài người có trách nhiệm làm cho triều đại của tự do thắng lợi trong lòng thế giới. Và muốn thu được thắng lợi tối cao ấy, đàn ông và đàn bà phải dứt khoát khẳng định tinh thần hữu nghị của họ bằng cách vượt lên trên sự phân hoá tự nhiên giữa nam giới và nữ giới.